QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

Đồng Khánh Khải Định chính yếu



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU
In lần thứ nhất
Dịch theo nguyên bản *Đồng Khánh chính yếu* (kí hiệu VIET-A-HIST-26)
và *Khải Định chính yếu sơ tập* (kí hiệu VIET-A-HIST-27) lưu trữ tại Thư viện Hiệp hội Á châu
(Societe Asiatique) nước Cộng hòa Pháp
© Bản quyền bản tiếng Việt: Dịch giả và Gia tộc họ Cao Xuân
© Bản quyền bố cục và trình bày: Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU

NGUYỄN VĂN NGUYÊN *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Trong khối lượng sách vở đồ sộ của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn ra trong quá trình hơn 100 năm hoạt động, ***Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*** *có thể coi là tài liệu cuối cùng được cơ quan phụ trách biên soạn và in ấn chính thức của triều đình này làm ra để hoàn tất bộ phận biên soạn về lịch sử của mình. Trước đó, về lịch sử chung các triều đại thì có* ***Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục,*** *biên chép lịch sử từ thời Hùng Vương (năm 2879 – 158 trước Công nguyên) cho đến khi kết thúc triều Lê (năm 1789). Về lịch sử của riêng triều Nguyễn thì có* ***Đại Nam thực lục,*** *biên chép lịch sử từ thời các Chúa Nguyễn (năm 1558) qua thời kì sáng lập ra triều đại của Gia Long cho tới kết thúc triều Đồng Khánh (năm 1888).* ***Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*** *chính là sự bổ sung biên chép những sự kiện lịch sử tiếp nối cho hai bộ sử nói trên.*

Đồng Khánh, Khải Định chính yếu *được biên soạn từ khoảng tháng 10 năm Khải Định thứ 7 (1922) đến tháng 6 năm Khải Định thứ 8 (1923) thì hoàn thành. Sách gồm có hai phần: phần* ***Đồng Khánh chính yếu,*** *6 quyển, chép các sự kiện trong hơn 3 năm thời Đồng Khánh (từ tháng 8 năm 1885 đến tháng 12 năm 1888) và phần Khải Định chính yếu sơ tập, 10 quyển, chép sự kiện từ tháng 4 năm 1916 đến hết năm Khải Định thứ 7 (1923). Ở từng phần, các sự kiện được chọn lọc phân chép thành nhiều mục: Chính thống, Kính thiên, Pháp tổ, Hiếu trị, Gia pháp, Cần chính, Ái dân, Đôn thân, Thể thần, Dụng nhân, Huấn sắc, Giáo hóa (phụ Chính tục), Túc lễ, Thận hình, Gia thưởng, Minh phạt, Cầu ngôn, Trọng nông, Văn trị, Võ công, Thể chế và Bang giao.*

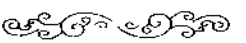
Với cách trình bày như vậy, sách này đã thể hiện một phương

thức biên soạn khác với hai bộ sử biên niên trước đó, tức là biên chép sự kiện theo các chủ đề, dựa theo thể lệ được vua Minh Mệnh đặt ra từ trước đây, khi vị Hoàng đế này sai sử thần biên soạn sách ***Minh Mệnh chính yếu****, theo đó việc biên chép sự kiện lịch sử «chỉ tóm tắt những điều cốt yếu" và «cứ thực chép thẳng, chính yếu là ở đấy, không cần phải nhiều lời khen ngợi, phàm việc lớn thì nên chép kĩ, việc nhỏ thì chép sơ lược". Bởi vậy đặc điểm của phương thức biên soạn này là các sự kiện được đưa vào sách một cách có chọn lọc, sắp xếp theo từng chủ đề, đồng thời không biên chép trực tiếp bằng lời của sử thần mà được thể hiện thông qua những tư liệu chính thức như văn bản Châu phê, dụ ngữ, chúc từ, văn ngự chế của Hoàng đế và các bản ghi chép «khởi cư chú" của triều đình. Thông qua những đoạn trích từ nguyên văn những văn bản chính thức, những lời Châu phê và chỉ thị của vua lúc đương thời, sách* ***Chính yếu*** *đã tỏ ra tương đối khách quan khi phản ánh những sự kiện trong gia đoạn suy thoái cuối cùng của triều Nguyễn, khi mà quyền tự quyết đã phụ thuộc hoàn toàn dưới sự bảo hộ của thực dân Pháp. Với hơn một nghìn trang sách in, phản ảnh hơn hai chục chủ đề chính trong hoạt động chính trị của triều đình,* ***Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*** *rõ ràng đã vượt quá mục đích dùng làm tài liệu tham khảo cho Hoàng Thái tử học tập như lời giải trình của sử thần, mà thực sự là một bộ sách lịch sử chính thức của triều đình phản ánh giai đoạn lịch sử đặc biệt này.*

Nguyên bản được sử dụng trong bản dịch này là bộ sách in hiện được lưu trữ tại Thư viện Hiệp hội Á châu (Societe Asiatique) nước Cộng hòa Pháp. Sách gồm hai phần: ***Đồng Khánh chính yếu****, đóng thành 2 tập (kí hiệu VIET-A-HIST-26/1-2)* ***và Khải Định chính yếu sơ tập****, đóng thành 3 tập (kí hiệu VIET-A-HIST-27/1-3).*

Nguyễn Văn Nguyên

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU



QUYỂN THỦ

[1a]

TẬP TÂU CỦA NỘI CÁC[1]

Ngày 17 tháng 10 năm Khải Định thứ 7 [1922], Nội các tấu trình rằng, nay tiếp nhận bản tư trình của quan Đại thần Bộ Hình là Tôn Thất Tố chiếu lệ thay mặt chuyển giao tờ tấu điều trần của quan Viên ngoại Trần Đình Chu thuộc bộ ấy để Nội các xem xét kiểm duyệt rồi đệ trình lên xin ý chỉ. Chúng thần ở Nội các vâng mệnh xem xét kĩ các điều khoản của bản tấu, trong đó có một điều khoản rất bức thiết là xin chiếu theo thể lệ của sách *Minh Mệnh chính yếu thư*[2] để biên soạn sách *Đồng Khánh Khải Định chính yếu thư* dùng cho [1b] Đông cung Hoàng Thái tử học tập vào những khi rảnh rỗi. Chúng thần ở Nội các kính xét rằng, sách *Minh Mệnh chính yếu* bắt đầu biên soạn từ năm Minh Mệnh thứ 18 cho tới năm Tự Đức thứ 35 mới hoàn thành, trước sau kéo dài hơn ba chục năm. Việc biên soạn sách vở nói chung đều phải trải qua nhiều lần soạn thảo, sửa chữa, đòi hỏi nhiều thời gian năm tháng và qua tay rất nhiều người mới thành sách, nếu không như thế quả thực không thể làm ra được bản sách tốt, quyển trật đồ sộ, trở thành tấm gương tốt đẹp cho người đời sau soi vào, chứ không phải chỉ là thứ vạch ra đường hướng sơ đẳng cho học trò học tập.

---

(1) Tên đề mục này do người dịch đặt ra.

(2) *Minh Mệnh chính yếu*: bộ sách do vua Minh Mệnh sai Sử quán biên soạn từ tháng 5 năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) đến tháng 9 năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) thì hoàn thành.

Kính xét Thánh tổ Nhân Hoàng đế triều ta từng dụ rằng, trẫm xem thấy sách *Chính yếu* lời lẽ viết nhiều chỗ rườm rà, vụn vặt. Dực tôn Anh Hoàng đế cũng phê rằng sách này còn nặng nề rắc rối, chưa hợp [2a] ý chỉ của vua, nên vẫn có ý muốn làm cho giản lược bớt đi. Huống chi ngày nay là thời đại văn minh, những tri thức mới mẻ không ngừng xuất hiện hàng ngày. Đông cung vâng mệnh sang Tây du học, hiện đang tuân theo lời dạy bảo sáng suốt mà lượm lặt thu thập những chính sách văn minh để bổ sung tinh thần vốn có của mình, sớm tối chuyên cần học hành không ngưng nghỉ. Nếu vẫn tuân theo lệ cũ mà soạn ra hai bộ sách chính yếu như trước, thì hẳn cũng sẽ phải kéo dài mất nhiều năm tháng mới làm xong; hoặc giả sử có thể hoàn thành được sớm nhưng với kết cấu nhiều môn loại phức tạp thì cũng không đảm bảo được nguyên tắc tóm tắt những điều chính yếu. Vả lại, phép trị nước xét lẻ ra thì có muôn hình vạn trạng khác nhau, [2b] nhưng tìm cái cốt lõi thì đều qui chung về một mối. Cổ nhân có câu nói rằng, nắm được cái cốt lõi thì chỉ cần một câu là biểu đạt được hết, còn không nắm được cái cốt lõi thì dàn trải ra đến vô cùng. Đúng là sự học chỉ quí ở chỗ tìm về sự đơn giản cốt lõi mà thôi.

Nay xin được khảo cứu trong số những văn bản Châu phê, dụ ngữ, chúc từ, ngự chế và các bản khởi cư chú[1] thuộc thời gian niên hiệu Đồng Khánh và 7 năm của niên hiệu Khải Định, chỉ lựa chọn xem xét những cái mang tính chất khuôn phép dạy bảo có liên quan về chính thể, bang giao, biên tập tóm tắt lại thành hai bản (một bản kính để là *Đồng Khánh chính yếu lược biên* và một bản kính để là *Khải Định chính yếu lược biên*), ước chừng sau khoảng một năm hoàn thành biên soạn dâng sách lên [3a] hầu soi xét rồi mệnh cho

---

[1] *Khởi cư chú*: một thể loại sử thư theo lối biên niên thời cổ đại, do sử quan chuyên phụ trách biên chép theo thời gian về mọi hành động, lời nói hàng ngày của Hoàng đế.

khắc in, sau đó gửi sang cho Đông cung Thái tử nhân những lúc nhàn rỗi xem đọc nắm được những điều cốt lõi. Như thế dẫu đang ở xa cách trùng dương mà vẫn như được đích thân diện kiến tiếp nhận sự giáo huấn của gia đình, thiết nghĩ như thế cũng góp phần trợ giúp Thánh thượng trong việc bồi dưỡng chính đức cho Đông cung.

Chúng thần lạm được theo bồi thị gần cận nơi cấm đình, những mong được hầu hạ ở bên cạnh Đông cung, để tận sức tán trợ ngài trở nên tốt đẹp, nhưng lại sợ không dám tự ý để đạt lên bề trên. Vậy dám đem nguyên văn bản điều trần của viên quan ấy kèm theo ngụ ý của chúng thần kính cẩn tâu trình lên bề trên xem xét [3b] và kính chờ lời phê cho biết quyết định có nên như thế hay không, sau đó Nội các chúng thần sẽ hội đồng cùng các quan bên Sử quán tuân theo thi hành.

(Trên văn bản có ghi lời Châu phê: "Bản điều trần này lí lẽ rất sát thực. Nay giao cho Nội các cùng hội với Sử quán biên tập, xong dâng lên ngự lãm").

[1a]

LỜI PHÊ CỦA NHÀ VUA[1]

Xét lời tấu về soạn sách *Chính yếu*, việc này dường như quá vội vã mà lại có phần tự phụ, trẫm vốn rất ghét điều đó[2]. Nhưng vì Thái tử sang Tây du học mà biên soạn sách về khuôn phép gia đình thì cũng không có gì là quá. Nay sách làm xong dâng lên. Trẫm đã xem hết, trong đó có những chỗ có lẽ vì đương thời bận rộn mà chữ dùng chưa được chỉnh, trẫm đã dùng mực son sửa chữa lại, rồi cho phép đưa đi khắc in gửi đi kịp thời để Thái tử xem đọc nâng cao kiến thức, và sớm hoàn thành sự nghiệp học tập hội hợp đầy đủ tri thức văn minh Âu Á.

Trong việc này, các sử thần đã giúp trẫm phương cách rất tốt để mưu tính sâu xa, trẫm rất hài lòng khen ngợi. Đối với các khanh từ Tổng tài Hồ Đắc Trung cùng bọn Cao Xuân Tiếu, Phạm Viên, Hoàng Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Trình truyền chỉ khen thưởng riêng cho từng người. Còn các viên khác giao cho Tổng tài xem xét dự kiến ai đáng được thưởng Kim ngân, Kim tiền, Kim khánh thì kê thành danh sách tâu lên đợi chỉ quyết định.

---

[1] Tên đề mục này do người dịch đặt ra.

[2] Chỗ này ý vua Khải Định muốn nói là vì nhà vua hiện đang ở ngôi mà đã đem việc chính sự trong 7 năm thời Khải Định biên chép thành sách để in ra là có phần vội vàng và e ngại nhà vua bị đánh giá là kiêu căng tự phụ.

[1a]

BIỂU DÂNG SÁCH[1]

Chúng thần ở Quốc sử quán và Nội các cúi đầu rập đầu kính cẩn dâng lời tâu về việc chúng thần kính vâng mệnh tu soạn bộ sách Đồng Khánh chính yếu *về đời Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế và* Khải Định chính yếu sơ tập *về thời Đức Hoàng đế đương thời, nay sách đã làm xong kính chép ra một bản mẫu để dâng trình, kính mong ngự lãm xem xét.*

Chúng thần trộm nghĩ: Đế vương trị nước lấy gốc ở đạo; đạo của Đế vương thể hiện ở Thư[2]. *Nhị điển*[3] của Thượng thư *mở ra đại cương cho đời trị; lục cung của Chu lễ qui định khuôn phép thời thái bình. Chính trị qui ở chỗ giữ không thay đổi, Thánh đời trước, Thánh đời sau nối tiếp vẫn cùng có chung một phép. Lời văn chuộng ở chỗ thể hiện cốt yếu, phép rèn tâm, phép trị quốc nhờ thế* [1b] *vĩnh truyền mai hậu. Việc biên soạn* Chính yếu *mới bắt đầu có từ thời Trinh Quán, Khai Nguyên đời Đường, nhưng chỉ thấy nói đến sách mà không kể thêm về việc làm sách, vả sách cũng còn có những thiếu sót. Ngày xưa còn thấy cần thiết như thế, huống chi ngày nay trong triều thịnh trị thì càng đang mong đợi.*

---

[1] Tên đề mục này do người dịch đặt ra.

[2] *Thư:* chỉ *Thượng Thư*, một bộ sách kinh điển của Nho gia, tương truyền do Khổng Tử biên soạn, trình bày về điển chương văn hiến thời thượng cổ.

[3] *Nhị điển*: chỉ hai bộ phận của sách *Thượng thư*, nguyên gồm có *Nghiêu điển* và *Thuấn điển*, về sau chỉ còn lại *Nghiêu điển*, người đời Đông Tấn phỏng cổ văn dựa vào *Nghiêu điển* mà tách ra thành *Thuấn điển*.

Kính nghĩ triều ta, thần truyền thánh nối, phúc trạch cao dày, nhân đức sâu rộng. [2a] *Ngược xem bộ* Liệt Thánh thực lục chính biên *biên chép rõ ràng sáng sủa; khảo trong bộ* Đại Nam hội điển toàn biên *các mục phong phú rành mạch, vốn đã đủ thể hiện rạng rỡ công đức oanh liệt to lớn vô cùng, lưu giữ lại được những ghi chép quí giá bất hủ. Đến năm Minh Mệnh thứ 8 chuẩn mệnh biên soạn bộ sách* Chính yếu *biên chép về những kỉ cương phép tắc đã thi hành, thể hiện chính sách công bằng chính đại được vận dụng, biểu dương công tích đời trước, soi rọi cho muôn đời sau. Công trình to lớn, lời văn sáng sủa soi chiếu muôn đời. Tiên vương văn hiến rực rỡ lắm thay,* [2b] *cách thức rõ ràng thực đáng làm khuôn phép để kế thừa cho ngày nay.*

Kính nghĩ, Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế, tư chất minh triết, dấy vận trung hưng. Thuận ý trời hợp lòng người nên thảy đều thuận ứng, giữa thời mây giăng sấm dậy mà trổ sức kinh luân. Kết nối nhân tâm gỡ rối đại cục để tái tạo non sông, [3a] *Giữ gìn đại thể chấn chỉnh kỉ cương thắp sáng bừng nhật nguyệt. Thánh đức làm nên công Thánh trị chính bởi thuần tâm thi hành phép thuần vương. Trải trong ba năm suy tính sâu xa, ổn định phục hưng sáng ngời Chu đạo.* [3b] *Qua ba thập kỉ vẻ sáng còn truyền, triều đình ngợi ca xứng danh quân tử.*

Kính nghĩ, Hoàng đế Bệ hạ, mong bồi thế đức, kính nối nghiệp xưa. Tinh lọc chấp trung, kế thừa chí hiếu. Thành kính phụng thờ Tôn miếu, vui vẻ phụng dưỡng Lưỡng cung. [4a] *Nội trị rạch ròi, ngoại giao hòa hảo. Nắm chính sự như mặt trời mới mọc, nước không sóng gợn gương chẳng bụi vương; Thỏa trông mong của tất cả thần dân, người xa tìm về, kẻ gần vui sướng. Liền bao năm nước chẳng vẩn bụi trần, đời thịnh trị văn minh rạng rỡ. Đã làm nên sáng ngời công tích, lại lo đến con cháu đời sau.* [4b] *Nên mới mệnh cho Đông cung phải cấp thời tu rèn tấn tới, khi du học tại bên Tây, mỗi*

khi rảnh rỗi vẫn cần nghiên cứu thêm. Nhưng học cho rộng chẳng bằng học cho tinh, để học hỏi phương xa trước tiên cần noi theo bản địa. Vì thế mới chuẩn cho chúng thần sưu tầm những việc chính sự cốt yếu mà gom lại thành sách. Ngửng đầu ngước trông, Ngự văn thông tuệ sáng soi, ngọc luật kim chương rực rỡ. Xem trong các đề mục: Kính thiên, Pháp tổ, Hiếu trị, Gia pháp, Cần chính, Ái dân, Đôn thân, Thể thần, Dụng nhân, Huấn sắc chủ yếu là về thể chế, mở đầu bằng mục Đại Chính thống; [5a] *cho đến các mục: Giáo hóa, Túc lễ, Thận hình, Gia thưởng, Minh phạt, Cầu ngôn, Trọng nông, Thể chế, Văn trị, Võ công chủ yếu là về thi dụng, kết thúc bằng mục Bang giao, tất cả gồm 22 điều mục, như thế giống như rút dây giềng mối là tất cả mắt lưới đều mở ra, lưu lại ức vạn năm sau kế thừa khuôn phép. Như vua Nghiêu trao đạo thống cho vua Thuấn, vua Thuấn trao trị thống cho vua Vũ, danh tiếng từ cổ xưa cho tới nay; Hạ Khải kế ngôi vua Vũ mà vẻ vang, Vũ vương kế tiếp Văn vương lại trùng quang, việc ngày xưa bây giờ lại thấy. Dẫu rằng thời thế đã có biến đổi, nhưng hiểu thấu nghĩa lí mà tùy nghi thay đổi nhưng cái cốt yếu trong truyền thống đạo gốc của Đế vương vẫn được tôn trọng, thực là to lớn, tốt đẹp làm sao.*

[5b] *Chúng thần may mắn được sống trong thời đại tươi sáng, thấy rất hổ thẹn vì chưa đủ học vấn để thuật ghi lại được đầy đủ những chính sách, sự việc để báo đáp công ơn Cửu trùng, chỉ biết nêu ra những điều chủ yếu, tóm gọn những nét đại cương, may ra có được phần nào bổ ích. Cúi mong được đưa đi khắc in thành sách, lấy làm cẩm nang như cỏ thi mai rùa giữ ở bên mình để tu tâm dưỡng tính. Thánh công sáng rạng chiếu rọi lâu xa, văn trị huy hoàng lưu trong gia phạm. Lời dạy bào thâm nghiêm của gia đình rạng rỡ như mặt trời, khuôn phép Đế vương qui tụ những điều chính đính, mở ra phúc lành đến vô cùng.*[6a] *Xem vào câu chữ lâu dần chuyển hóa thành đạo lí, đó là điều phúc vậy.*

Chúng thần khôn xiết vui mừng, kính đem:
Phần *Đồng Khánh chính yếu*, 6 quyển;
Phần *Khải Định chính yếu sơ tập*, 10 quyển;
Tổng mục, 1 quyển;
kèm theo tờ Biểu đệ dâng lên hầu Ngự lãm(*).

[6b] Đề ngày 10 tháng 6 năm Khải Định thứ 8 [1923].

(*) Tiếp theo là bảng mục lục hai cuốn *Đồng Khánh chính yếu* và *Khải Định chính yếu sơ tập*, nhưng biên tập lược bớt, xin xem *Mục lục* ở cuối sách.

[1a]

PHÀM LỆ

1. *Đồng Khánh chính yếu* kính biên chép từ tháng 8 năm Ất Dậu đến tháng 12 năm Mậu Tí, xin lấy nhan đề là *Đồng Khánh chính yếu* (gồm 6 quyển); *Khải Định chính yếu* kính biên chép từ năm đầu của kỷ nguyên sẽ lâu dài muôn muôn năm này liên tục cho đến năm thứ 7 là năm kính vâng mệnh dụ biên soạn sách này, xin lấy nhan đề là *Khải Định chính yếu sơ tập* (gồm 10 quyển).

2. Sách này kính chiểu tuân theo qui cách của sách *Minh Mệnh chính yếu* mà chia thành 22 mục. (Trong đó tăng thêm 8 mục: *Chính thống, Hiếu trị, Gia pháp, Dụng nhân, Huấn sắc, Gia thưởng, Minh phạt, Bang giao;* giảm bớt 7 mục: *Cầu hiền, Kiến quan, Dụ tài, Sùng kiệm, Chế binh, Cố phong thủ, Phủ biên.* Đồng thời đổi tên mục *Lễ nhạc* thành *Túc lễ, Sùng văn* đổi thành *Văn trị, Phấn võ* đổi thành *Võ công, Pháp độ* đổi thành *Thể chế;* lại đưa mục *Chính tục* phụ nhập vào mục *Giáo hóa, Nhu viễn* phụ nhập vào mục *Bang giao).* Lời văn có thể thay đổi [1b] theo thời đại nhưng đạo vẫn giữ như nhau. Như thế mới giữ được tính chất của sách *Chính yếu.*

3. Kính xét, sách *Minh Mệnh chính yếu* ngay ở đầu mục *Lễ nhạc* chép: "Vua lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa, đổi niên hiệu là Minh Mệnh, ban ân chiếu đại xá thiên hạ". Nay xét đại lễ Tấn phong là tổng cương cho tất cả các mục. Huống chi Tiên đế kế ngôi của Dực Tôn, Anh Tôn Hoàng đế, đến Hoàng thượng triều ta lại kế tiếp

nối ngôi [2a] của Tiên đế, chính thống sáng rõ như sao trời. Vậy kính biên chép riêng thành mục *Chính thống* bao trùm ở đầu tập sách để tỏ rõ chính thống lớn lao.

4. Việc sách lập Hoàng Thái tử biên chép vào mục *Chính thống*; việc mệnh Hoàng Thái tử đi du học chép vào mục *Gia pháp*, tách riêng việc lập ngôi chủ Đông cung và việc học tập tu dưỡng kiến thức như thế ý nghĩa mới thỏa đáng.

5. Kính xét, ngày tháng 9 năm Tự Đức thứ 35 (1882), chúng thần ở Sử quán kính đem bản mẫu sách *Minh Mệnh chính yếu* [2b] dâng trình ngự lãm, nhận được Châu phê, trong đó có một khoản nói rằng, Đức Hoàng Tổ khảo ta đức hiếu thuần khiết vẹn tròn, nhưng trong hai mục *Phụng từ, Tề gia* lại để sót, chỉ chép phân tán xen trong các mục khác, muốn tách ra cũng khó và lại cũng ít nên đành cứ để như vậy. Nay kính tuân theo ý chỉ bổ sung tăng thêm hai mục *Hiếu trị* và *Gia pháp*, như thế là trong trị pháp có bao gồm tâm pháp ở trong vậy.

6. Quản lý đất nước cốt yếu ở hai mặt văn và võ. Kính nhờ công ơn mở mang cơ nghiệp lớn lao của các bậc Tiên đế, Bắc diệt giặc Thân, [3a] Nam dẹp ngụy Hội, làm nên cuộc trung hưng tốt đẹp, công đức sánh ngang tiền cổ. Đến ngày nay Hoàng thượng kế thừa phát huy cơ đồ oanh liệt. Ngày thường soạn ra thơ ngự chế bút văn ngời ngời rạng rỡ; gặp dịp khánh tiết tổ chức duyệt binh để truy tưởng võ công xưa hồi ngày đầu dựng nước; tuyển lính [3b] giúp đỡ nước bạn láng giềng. Vậy nên kính cẩn liệt kê thành hai mục *Văn trị* và *Võ công*, lấy "văn" làm đường lối trở thành gia pháp rõ ràng.

7. Mục *Thể chế* đã có chép rõ trong *Hội điển*. Nay xin tóm tắt những điều cốt yếu, so sánh những chỗ cùng thể lệ (như *Long bội tinh, Kim tiền Kim khánh, Thẻ bài ngà* v.v...) thì chép gộp theo từng loại để khi đọc được thuận tiện.

8. Mục *Bang giao*, trong đó các cuộc giao thiệp với bên ngoài là những sự kiện tối quan trọng đều chép rõ trong mục này. Ở *Đồng Khánh chính yếu tập* đều kính chép sự kiện theo thứ tự năm tháng, còn trong *Khải Định chính yếu sơ tập* thì xin liệt kê các điều có tính chất giống nhau (như: *Củng cố quan hệ với Triều đình Qui Pháp, Vua ngự giá sang Tây, Giao thiệp với Toàn quyền, Giao thiệp với Khâm sứ, Giao thiệp với các Qui quan, Chúc tụng, Đáp từ, Chia buồn, Nhu viễn*) để khi đọc thuận tiện theo dõi sự việc được liên tục.

[4a]

9. Việc nhà vua ngự giá sang Tây là một sự kiện lớn chưa từng có xưa nay, tuy diễn ra vào năm Khải Định thứ 7 nhưng xin được kê chép vào sau mục *Quốc thư* để nhấn mạnh rõ là sự kiện quan trọng trong việc bang giao.

10. Gặp các trường hợp kiêng tránh chữ đồng âm với tôn húy phải trích dẫn những văn bản tấu sớ thì xin được tùy ý nghĩa câu văn mà dùng chữ khác đi, còn đối với những lời phê duyệt chỉ dẫn trong các bản *Sắc dụ* thì xin viết bớt nét chữ để tỏ ý kính cẩn.

11. Kính cẩn kiểm kê các tờ Châu bản trong đó [4b] thấy ngự văn thông tuệ sáng suốt, ngọc luật kim chương đầy đủ, giấy mực thể hiện rành rẽ vô cùng. Nay xin biên tập tóm lược rút gọn nêu rõ những điều chủ yếu.

12. Trong tập sách này, ngoài những điều biên chép gộp theo loại thì đều ghi theo năm thứ, còn những điều khác đều chép theo tháng và năm. Riêng các trường hợp đại lễ khánh tiết thì ghi cụ thể đến ngày.

[5a]

BẢN KÊ TÊN VÀ CHỨC HÀM CÁC QUAN TRONG HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Phụng duyệt:

Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện, thần Hồ Đắc Trung;

Lễ bộ Thượng thư, sung Quốc sử quán Toản tu, hiện thăng Thự Hiệp tá Đại học sĩ hưu trí, thần, Cao Xuân Tiếu;

Thự Tham tri, sung Lý các vụ, thần Phạm Hoàn;

Thị lang, Tham tá các vụ, thần Hoàng Hữu Hoàn;

Thái thường tự khanh, Quốc sử quán Toản tu, thần Nguyễn Văn Trình.

Phụng biên tập:

[5b]

Hồng lô tự Thiếu khanh, sung Hộ bộ Tạm phái, thần Phạm Hữu Văn;

Nội các Thị độc, thần Hoàng Nguyên Đài;

Hàn lâm viện Thừa chỉ, sung Lại bộ Thừa phái, thần Bùi Văn Thứ;

Hàn lâm viện trước tác, sung Công bộ Thừa phái, thần Hà Văn Đại;

Hàn lâm viện trước tác, sung Quốc sử quán Tạm phái, thần Tôn Thất Vĩ;

Hàn lâm viện Tu soạn, sung Binh bộ Tạm phái, thần Trần Cao Thức;

Hàn lâm viện Tu soạn, sung Quốc sử quán Thừa phái, thần Nguyễn Xuân Vịnh;

[6a]

Hàn lâm viện Tu soạn, sung Nội các Tạm phái, thần Hà Phạm Huy;

Hàn lâm viện Tu soạn, sung Hình bộ Tạm phái, thần Trần Cao Liên.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN I



CHÍNH THỐNG

[1a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Mùa thu, tháng 8, ngày 11, Đinh Sửu, (Cẩn án: *Từ ngày rằm tháng 10 năm này trở về sau vâng chuẩn cho chép vào niên hiệu Đồng Khánh Ất Dậu; còn từ đó trở về trước vẫn lấy theo niên hiệu Hàm Nghi. Vậy phần dưới đây kính chép theo sự thực như thế)* nhà vua lên ngôi tại điện Thái Hòa, lấy năm sau là năm Bính Tuất làm năm Đồng Khánh nguyên niên. Quần thần kính dâng *Kim sách* viết rằng:

"Trộm nghĩ: Quốc gia ngôi vua rất trọng, đạo trời lịch số trao về. Vì thế nói về đại công đối với xã tắc tất phải là cứu đại nạn cho thiên hạ, mà chỉ người có đức lớn đứng đầu thiên hạ mới xứng ở ngôi vị chí tôn của mọi người. [1b]

Kính nghĩ: Hoàng tử thứ hai là Kiên Giang Quận công điện hạ, thần trao trí thông minh, trời ban đức nhân hiếu. Nhờ được Thánh công to lớn như núi sông giáo dục, mới có trí sáng suốt một lòng lo lắng không quên tới tông xã. Hồi trước Kinh thành hữu sự[1], ngôi cao nhiều ngày để trống,

---

[1] *Kinh thành hữu sự*: chỉ sự kiện Kinh thành Huế bị thất thủ vào tay thực dân Pháp ngày 23 tháng 5 âm lịch năm Ất Dậu (1885).

Lưỡng cung[1] vắng lạnh không người, việc kế thừa thờ phụng cửu miếu lấy ai làm chủ, ngóng nhà vua như mong đợi ngày mùa. Lòng người không tìm được người có đức để theo, đã lâu [2a] ý trời vẫn có ý đợi. Người xa tín phục, kẻ gần vui theo, ngợi ca trông ngóng hướng về. Qua hiểm nguy mà được bình an, trải gian nan giữ được vẹn toàn, đó là phúc lớn cho cả trời đất, thần linh và dân chúng vậy. Chúng thần vâng soạn Kim sách kính dâng Tôn hiệu Hoàng đế, cúi mong bệ hạ trên vâng theo ý chỉ, dưới thuận với lòng dân, vẻ vang tiếp nhận cơ đồ, kính cẩn bước lên ngôi báu, để xây dựng lại quan hệ hòa thuận vui vẻ mới giữa hai nước, củng cố cơ nghiệp muôn vạn năm của non sông bền vững như xưa".

[2b] Hạ chiếu ban ơn thiên hạ. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ. Ngôi trời không được để trống lâu ngày; vương khí không thể không nơi ủy thác. Vì thế trời mới trao gửi cho nhà Tấn để Văn công làm nên công tích khôi phục lại quốc gia, lòng người cùng suy tôn nhà Chu dời sang Đông Lạc[2] phục hồi điển lễ triều hầu. Những nghĩ rằng lấy xã tắc làm trọng, lịch số trời trao đã an bài. Nước ta khởi cơ nghiệp đất phương Nam, lấy Phú Xuân định Kinh đô, Thần truyền Thánh nối đã hai trăm năm. Phúc trạch vun đắp sâu dầy, phải đâu chỉ trong một buổi. [3a] Ngời ngời Đế nghiệp sáng soi muôn thuở cơ đồ; vững vàng Thần châu tụ tập công hầu châu ngọc.

Mới rồi gian thần lộng quyền bức hiếp, khiến cho tôn xã ngả

---

(1) *Lưỡng cung*: chỉ cung Gia Thọ, nơi ở của Thái hoàng Thái hậu và cung Trường Ninh, nơi ở của Hoàng Thái hậu.

(2) Ấp Đông Lạc thuộc Lạc Dương.

nghiêng. Giọt lệ đỉnh hồ[1] còn chưa vơi cạn, bụi trần thạch mã[2] chợt lại nổi quẩng. Xa giá ra đi đã ba tháng nay vẫn chưa trở lại[3], nhân tình xao động bốn biển bơ vơ. Lưỡng cung sớm tối ai người hầu hạ, chín miếu lạnh lẽo chẳng kẻ phụng thờ. Nhắc tới điều đó đau lòng xiết bao.

Trẫm là con thứ hai của vua Dực tôn Anh Hoàng đế, gặp phải thời vận gian nan, xót thương thần dân vô chủ, trên vâng theo ý chỉ, dưới lựa thuận dân tình, lại một lần đứng ra tỏ đại nghĩa để kết tình nghĩa với lân bang, chính thức vị hiệu nhằm tập hợp ý chí dân chúng. [3b] Sau khi làm lễ thỉnh mệnh ở Giao miếu, lễ cáo tại điện Hòa Khiêm, vào tâu lên Thái hoàng Thái hậu Từ Dũ. Hoàng Thái hậu xem chọn ngày giờ. Vào giờ Tị ngày 11 tháng ấy vua lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa, lấy năm sau là năm Bính Tuất làm năm Đồng Khánh nguyên niên. Uy nghi phục hồi, củng cố thêm lòng dân nhớ nước; đỉnh chung còn đó, hòa vang điệu hát thuở thái bình. Việc lớn đã định xong, cần phải rộng rãi gia ân cho thiên hạ. Các điều gia ân cụ thể sẽ do [4a] Đình thần đề xuất tâu lên đợi phê chuẩn thi hành.

Ôi ! Nhìn lại các cuộc biến đổi duy tân, tuy do con người mưu toan nhưng thực ra lại bởi ý trời. Dẹp yên loạn lạc qui về một mối, tuân theo vương đạo để tốt đẹp mọi nhà. Vậy bố cáo gần xa cho tất cả thần dân cùng biết".

---

(1) *Đỉnh hồ*: theo truyền thuyết là nơi vua Hoàng Đế đúc đỉnh trên núi Kim Sơn. Đỉnh đúc xong có rồng xuống đón vua bay lên trời. Đời sau dùng điển "đỉnh hồ" chỉ việc vua băng hà. *Giọt lệ đỉnh hồ* chỉ việc các vua nhà Nguyễn là Tự Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc liên tiếp bị mất hoặc bị giết vào hai năm Quí Mùi (1883) và Giáp Thân (1884).

(2) *Bụi trần thạch mã*: chỉ chiến tranh.

(3) Chỉ việc vua Hàm Nghi rời bỏ Kinh thành từ ngày 22 tháng 4 năm 1885.

Tháng 9, chuẩn mệnh lấy từ tháng 10 năm ấy trở đi làm năm Đồng Khánh Ất Dậu. Trước đó Đình thần tấu bàn, vâng theo ý chỉ của Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu nói rằng, Hoàng thượng lên ngôi đã hơn một tháng nhưng vẫn giữ niên hiệu Hàm Nghi, khiến trong dân chúng còn đem lòng nghi hoặc. Vì vậy nghị bàn nên dùng ngay niên hiệu Đồng Khánh để ổn định nhân tâm mà không phải đợi đến sang năm. Nay xin tính từ ngày mồng một tháng 10 năm nay trở đi để là ngày tháng năm Đồng Khánh Ất Dậu, đến [4b] ngày mồng một tháng Giêng sang năm là năm Bính Tuất sẽ vẫn tuân theo Chỉ dụ trước đây lấy làm năm Đồng Khánh nguyên niên cho mới mẻ và thống nhất lòng người. Vua chuẩn y, cho sao chép ý chỉ cùng bản nghị tâu của triều đình ban bố khắp trong ngoài.

KÍNH THIÊN

[5a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 9, vua phán rằng: "Tình hình mùa màng vụ thu năm nay xấu tốt thế nào, quan ở các phủ phải điều tra sự thực tâu lên để trẫm biết được đức trạch của mình lành dữ ra sao mà tự chỉnh sửa, rồi sao chép ban bố cho dân các phủ đều biết".

Phủ thần phủ Thừa Thiên tâu lên rằng, từ tháng 3 đến tháng 6 năm nay trời ít mưa, nhưng từ tháng 7, tháng 8 lại đây liên tiếp được nhiều trận mưa, ruộng lúa những nơi khô hạn đã hồi lại tươi tốt, nhờ có mưa nên mới nảy đòng kết bông mười phần cũng được đến bốn năm phần, dân hiện đang tiến hành thu hoạch. [5b] Vua bảo Nội các duyệt các bản kiểm tra của đình thần để nghiệm xem thời tiết lành dữ thế nào rồi tâu lên.

Mùa màng gặp hạn hán, Phủ thừa phủ Thừa Thiên Đoàn Như Bích cầu mưa được ứng nghiệm. Sự việc tâu lên, vua phê rằng:

"Bích thành tâm nên được thần phù hộ, truyền thưởng cho Bích một đồng nghi tiền để khuyến khích. Nhưng trẫm ở trong cung cũng đã biết trước rằng vào đêm hôm trước và ngày hôm đó cho đến ngày 13 đều có mưa, nên vào buổi tối đã có lời phê duyệt sao lục gửi cho viên Cơ mật và phủ các khanh, không biết đã tới nơi hay chưa. Nếu công văn đã tới phủ các khanh hãy thuật lại lời văn cho rõ ràng thông tư tới sáu huyện để dân chúng hiểu rõ lòng trẫm thiết tha quan tâm đến việc cầu mong mưa nắng, chứ chẳng phải vì háo danh mà muốn vỗ về lòng dân".

[6a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 11 là tháng Giáp Dần. Sao Thái Bạch hiện giữa ban ngày, lại có sao chổi mọc hướng Đông Nam. Ban sắc hỏi Khâm thiên giám giải đoán xem sự thực lành dữ thế nào tâu trình lên. Các Giám thần tra sách Thiên văn phúc tâu rằng: "Sao chổi thuộc loại uế tinh, mỗi khi xuất hiện là có chuyện từ bỏ cái cũ xuất hiện cái mới, hiện ra lâu thì tai vạ nặng, hiện ra chóng thì tai vạ nhẹ, hướng sao chỉ vào đâu thì nơi đó chịu tai vạ. Sách còn nói sao chổi hành hướng Đông Nam chỉ hướng Tây Bắc thì nước đó được mùa lớn. Nước ta đất thuộc về Đông Nam nên có lẽ có được điềm may đó chăng. Còn Thái Bạch hiện giữa ban ngày là điềm gặp gió bão. Lại có thuyết cho rằng nếu sao này xuất hiện ở nơi đang có chiến tranh thì chiến tranh chấm dứt, nơi không có chiến tranh thì chiến tranh sẽ nổ ra".

Vua khiển trách bọn Giám thần Cao Chính Thuyết biết điềm dữ mà lại e ngại tránh chớ không nói ra, có ý nghe ngóng nương theo ý bề trên. Nhân đó nói với các quan Đại thần rằng:

"Làm vua thực khó lắm thay! Một người có thể đem lại phúc về cho cả thiên hạ, nhưng cũng có thể rước vạ tới cho cả thiên hạ. Quả nhân từ khi lên ngôi đến nay ngày đêm cứ canh cánh trong

lòng, luôn tự vấn mình có mắc lỗi hay không. Trên ơn nhờ [6b] nhân đức của Cửu miếu với Lưỡng cung, dưới lại có sự phụ giúp của hai vị Huân thần cùng bá quan, nên vẫn một lòng vì nước quên thân, ăn không no, nghỉ không yên. Thời bây giờ đến đứa trẻ con còn như thế, huống chi người đã biết được đôi ba điều mà lại tự bỏ đi, thực có khác gì loài cầm thú. Gần đây thấy thời tiết có phần thuận nên trong lòng đã thấy vui vui. Ai dè lại xuất hiện sao dữ, lỗi là của trẫm đâu dám chối từ. Vậy nên sức cho Nội các xuống Dụ cho thần dân trong ngoài phải cùng chuyên tâm lo việc cứu đời, củng cố cơ đồ mãi mãi, đó thực là cái phúc lớn nhất của vua quan sĩ thứ chúng ta vậy".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng. Năm ấy gặp kỳ lễ Đại tự, [7a] theo lời tâu của Đình thần xin rằng vừa mới trải qua sự biến nên cho nghỉ một kỳ, nên chọn ngày Quí Mão tháng ấy mệnh cho các vị Hoàng thân lần lượt vào lễ ở Tôn đàn, Thái miếu và Thế miếu.

Thang 2, vua phán bảo các quan Bộ Hộ rằng:

"Cầu mưa cầu tạnh cũng là một việc trọng yếu của các bậc đế vương. Ở ta lâu nay vẫn được nắng mưa thuận lợi, thế mà gần đây thấy mặt trăng có quầng trắng, e có thể là điềm báo trước điều gì chăng. Hãy xem xét trong phủ xem sự thực thế nào, [7b] nếu thiếu mưa thì lại làm lễ cầu đảo".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Mùa xuân, tháng Giêng. Lễ Đại tự (đợi một hai năm sau sẽ tiến hành) năm nay mệnh các vị Hoàng thân phân công nhau đến cáo lễ tại các đàn, miếu.

Mùa thu, ngày Bính Thìn mồng 1 tháng 7, có nhật thực. Chuyển lễ Thu hưởng [8a] sang ngày mồng 2.

Ngày Nhâm Tuất, có sao băng rơi xuống phát ra tiếng vang như sấm. Sắc cho các hạ thần phải lo tu sửa mình cẩn thận để vãn hồi thiên biến.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1868]. Mùa xuân, tháng Giêng, ban sắc viết:

"Từ tháng chạp năm ngoái tới nay khí trời thường nóng bức. Nhân đầu xuân chọn được hôm nay là ngày lành, trẫm sẽ ngự giá đi xem một vòng Hoàng thành và các dinh các. Vậy báo cho các nơi xa giá đi qua phải tu sửa chỉnh trang cho đẹp mắt. Vả lại liên tiếp mấy tuần nay trời oi bức, thế mà hôm nay bỗng nhiên chuyển sang mát mẻ. [8b] Đó thực là nhờ có trời phù hộ, càng khiến trẫm thêm kính sợ mệnh trọng được giao gánh vác. Một thân này được phúc thì cũng là phúc lớn cho muôn dân. Vậy báo cho các Tôn nhân và Đình thần được rõ, có điều gì thì tâu lên."

Tôn nhân cùng Đình thần phúc tấu rằng:

"Kính nghĩ, Hoàng thượng ơn nhờ phúc lớn đời trước lên ngôi nối tiếp đại thống, quang minh chính đại, được trời thuận dân theo. Nay đương lúc đông xuân giao mùa, nhiều tuần liên liếp không mưa. Bữa trước vâng mệnh làm lễ cầu khẩn ở trong cung nên được ứng nghiệm, trời đang nóng nực oi bức vậy mà [9a] vào ngày ngự giá lại chuyển sang mát mẻ ôn hòa. Đó là vì trời thương vua ta mà ban ân huệ cho dân, phúc đến rất gần chứ chẳng phải lâu xa vậy".

Tháng 3 ban sắc, nói:

"Gần đây gặp hạn hán, quan các phủ, các bộ đã thành kính cầu đảo nhiều lần mà chưa được ứng nghiệm. Nhận được tờ tâu của Bộ thần, trẫm ở trong cung cũng đã khấn xin. Ngày 17 lại sai viên Phủ thừa Nguyễn Văn Dụ mang bản sớ do trẫm đích thân viết ra đến điện Huệ Nam thành tâm cầu khẩn, may liền được ngay trận mưa rào, nhưng vẫn chưa đủ nước tưới cho mọi nơi. Ngày 21, Đình thần lại xin trẫm thành tâm cầu xin cho dân. Sáng sớm hôm đó, sau khi phê duyệt các bản chương tấu xong thì đã muộn, trẫm ra ngoài tản bộ thư giãn, đến xẩm tối trẫm

vào [9b] lầu Nhật Thành ngồi tĩnh tọa trai giới, tới đêm khuya thắp ba nén nhang làm bài văn khấn hướng về phía đàn Giao cầu xin. Vào buổi tối và đêm các ngày 22 và ngày 23 đều có mưa nhỏ, đến tối ngày 24 được trận mưa rào đổ xuống như trút nước. Đó chính là do trẫm một lòng kính trời thương dân day dứt mãi không thôi nên may được ứng nghiệm tốt lành như thế, thực rất mừng cho thần dân ta vậy".

Tháng 10, vua ban sắc cho Bộ Lễ nói rằng:

"Ngày xưa lễ Giao tự cúng trời đất mỗi năm 9 lễ. Đến triều ta thờ trời đất [10a] cùng phối thờ tổ tiên cha mẹ mỗi năm một lễ, điều đó đã long trọng ghi rõ trong tự điển. Trẫm từ khi lên kế vị đến nay vì công việc nên chưa kịp tiến hành, trong lòng vẫn muôn phần thấp thỏm áy náy. Vậy mệnh cho các Tôn nhân cùng Đình thần xem xét tùy điều kiện mà đặt ra điển lễ sao cho phù hợp để kịp sang năm sẽ tiến hành đại lễ để bày tỏ lòng thành kính. Đợi đến mai ngày quốc khố sung túc, sắm sửa được đầy đủ các đồ lễ khí và lễ phẩm thì sẽ lại làm theo lệ cũ".

NOI THEO TỔ TIÊN

[11a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Vua ban sắc cho các Đại thần rằng:

"Trẫm kính đem những sách vở trước tác của đức vua cha giao cho Nội các cất giữ, trong đó còn nhiều sách chưa được khắc in. Vậy mệnh cử 2 vị Đại thần sức cho Viện Tập lãm kiểm duyệt lại sớm đưa đi khắc in để bày tỏ lòng trẫm muốn kế nối đức tốt của Tiên đế".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], tháng 2 [11b], vua phán bảo Viện thần Viện Cơ mật rằng:

"Hồ Tĩnh Tâm vốn đã được các triều vua ta sửa sang, tốn rất nhiều tiền của, phong cảnh tuyệt đẹp ít có. Nhưng ngày nay gặp biến cố bị tàn phá mỗi ngày một thêm điêu tàn, ngồi nhìn cảnh đó lòng trẫm muôn phần đau xót không yên. Vì thế hồi nọ khi gặp gỡ thương lượng với hai vị Đại thần Quí quốc, họ đã thuận trao trả lại cho ta nhưng còn đợi di dời chỗ thờ cúng đã. Vậy Viện các khanh hãy đi hỏi lại cho rõ sự thực tâu lên, đồng thời sức cho bên Bộ Binh một mặt cắt cử quan binh đến sửa chữa nghiêm chỉnh, một mặt tư cho Thị vệ phải đi tuần phòng canh giữ, để phần nào bày tỏ lòng mong muốn gìn giữ thành quả tiền nhân của trẫm".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 5, sắc hỏi Bộ thần tra cứu rõ về việc đăng phả cho Hoàng tử, Hoàng nữ lệ định thế nào. Bộ Lễ tuân mệnh cứu xét thấy ngày tháng 3 năm Tự Đức thứ 33 [12a] vâng Dụ chuẩn định cứ 12 năm lại biên soạn phả một lần, vẫn lấy năm Nhâm Tí khóa trước làm chuẩn để bắt đầu tính. Về các khoản đăng phả cụ thể, xin đợi đến mùa xuân năm tới là khoa năm Mậu Tí sẽ tu soạn. Vua phê rằng:

"Các khoản sửa đổi thời Tự Đức đều là nhằm cốt sao cho giản tiện. Nhưng xét ngày nay nhờ tổ tiên dồi dào phúc đức liên tiếp hàng năm đều thấy báo hỉ, vậy nên chiếu làm theo lệ định soạn năm Nhâm Thìn đời Minh Mệnh. Về việc soạn phả truyền cho bắt đầu làm từ năm nay, làm xong truyền giao cho Đình thần xem xét duyệt lại".

Tháng 8, [12b] ra lệnh thu thập 3 tập thơ văn Thánh chế của vua Tự Đức. Vua dụ rằng:

"Cổ nhân nói có ba điều bất hủ, gồm lập công, lập đức và sau cùng là lập ngôn. Ngôn là tiếng nói của tấm lòng. Các nhà nho

thường có ý đem khắc in những loại trước tác đôi khi cũng chẳng được coi là bổ ích cho đạo cho đời được bao nhiêu, mà chỉ để thưởng thức âm vận mà thôi, nhưng vẫn không nỡ để sót một câu một chữ, huống chi đối với cái học giúp làm nên sự nghiệp, lời nói dạy bảo lẽ phải, vì hay nên được mến chuộng, vì mến chuộng nên được lưu truyền. Cổ nhân có câu "Thiếu một giỏ đất thì núi cao chín nhẫn cũng chưa coi là đầy". Đức vua cha của ta ở ngôi ngự 36 năm, công đức cao dầy ai ai cũng thấy. Trong khi phải lo toan biết bao công việc rắc rối của quốc gia vẫn dành thời gian rảnh rỗi thanh thản vung ngọn bút, làm thơ ngang bậc thày thời Thịnh Đường, làm văn sánh bề trên đời Tiền Hán, thực xứng với các bài xướng họa, huấn cáo hùng hồn của các Đế vương thời cổ, [13a] chỉ khác là không cùng thời đại mà thôi. Ngày trước các quan trong Nội các cũng đã biên tập các bài Thánh chế chia thành 2 tập gồm *Sơ tập* và *Nhị tập* rồi đưa đi khắc in ban hành ngoài đời lấy làm chuẩn tắc. Chỉ còn những bài từ năm thứ 27, 28 trở về sau, cũng là những thiên bút mực hoa thêu, ý mang gấm vóc thì việc biên tập khắc in vẫn còn đang đợi dịp. Trẫm được lên ngôi sửa sang nghiệp lớn, một lòng nuôi ý kế thừa. Thiết nghĩ rằng văn của bậc Thánh nhân vốn xuất phát từ đạo tâm mà thể hiện thành lời, nên dẫu không nhất thiết gia công cầu kỳ mà luôn quan hệ khăng khít đến dân tình quốc kế, hàm chứa đủ mọi nỗi niềm của cuộc đời. Ví như nhạc Thiều phải qua chín lần chuyển tấu rồi sau đó mới thấy sự hài hòa của âm nhạc; lại ví như đỉnh vạc phải nếm đủ mọi thức trân quí trong đó rồi sau mới biết vị ngon ngọt của thức ăn. Bàn luận về đức và văn của bậc Thánh nhân cũng chính là như thế. Trẫm từng đọc [13b] bài Tựa của tập *Thơ văn Thánh chế* có câu viết rằng "Dốc hết lòng dạ của cả cuộc đời vào đó, sao nỡ đem vứt bỏ đi". Trẫm cứ trăn trở suy nghĩ mãi về điều đó, lại nghĩ rằng

còn một ít chưa khắc in khiến cho Toàn biên còn thiếu khuyết thì có khác gì vứt bỏ đi. Vậy truyền cho các quan trong Nội các tiếp tục thu thập biên tập phần thơ văn từ những năm đó trở về sau, đặt thành *Tam tập* rồi giao cho Sử quán in thành sách, trên để an ủi hương hồn tiên đế trên trời, dưới dưới nhằm giải mối nghi hoặc cho hậu thế. Việc trọng đại gọi là "Văn chương bất hủ" chính phải như thế mới là bất hủ. Hãy kính cẩn làm theo".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng, Bộ Lễ đệ dâng bản phiến của Tôn nhân và Đình thần nghị trình xin tấn phong tặng tôn hiệu cho Thái vương và tặng phong cho Vương Thái phi và phiếu xin tuân theo lời Dụ của [14a] Từ Dũ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu. Vua phê rằng:

"Các triều đại phàm có sự việc gì đều xuất phát từ nghị bàn chung của triều đình, việc lễ phải thống suốt cả tới bề trên. Trẫm vì sinh sau đẻ muộn nên kiến văn còn chưa kịp biết đã từng có lệ làm việc theo Dụ của Hậu hay không, nhưng thâm ý ấy trẫm là hạng người nào mà không hiểu. Duy về kỉ cương của triều đình cũng như phép tắc của gia đình, chiếu dụ của liệt thánh từng đinh ninh dạy bảo lẽ nào các khanh không rõ? Trẫm đã trăn trở suy đi tính lại mãi việc này, thấy vẫn có chút e ngại. Truyền chuyển cho các quan hữu ty xem xét rõ ràng phúc trình lên không được chậm trễ, tất cả đều phải đưa ra công nghị. Hãy kính cẩn tuân hành".

Các Tôn nhân và Đình thần dâng bản sớ nhận lỗi và xin sửa lại phiếu. [14b]. Vua dụ rằng:

"Trẫm vì có chút e ngại nên phải hỏi rõ để cho tận tình thỏa đáng. Các khanh là bậc quân tử hãy tận tâm tận sức phụ giúp cho trẫm".

Tháng 5, Quốc sử quán vâng mệnh thu thập sao chép *Tự Đức Thánh chế thi tam tập, Tự Đức Thánh chế văn tam tập* dâng trình lên. Vua ngự chế bài *Bạt* phụ vào cuối các tập.

HIẾU TRỊ

[15a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Tháng 8, tấn tôn Thái hoàng Thái hậu. Vua xuống Dụ rằng:

"Từ xưa, sự nghiệp của các bậc Đế vương được hưng thịnh không chỉ vì có đức lớn mà còn nhờ có sự trợ giúp của Mẫu hậu. Đời Chu thì có bà Thái Nhậm[1], bà Thái Tự[2]; nhà Tống thì có các bà Cao, Tào, Hướng, Mạnh[3], đương thời đều là những người dùng đức độ và tài năng sắc bén cống hiến cho xã tắc, tấm gương cao cả còn được lưu khắc lên bia đá chuông đồng, ngời ngời ghi trong sử sách.

Kính nghĩ [15b] Đức Thánh Tổ mẫu triều ta, tính giản dị, nết

---

[1] Thái Nhậm: còn gọi là Đại Nhậm, một trong ba hiền mẫu đời Chu, tính đoan trang, hiền hậu. Bà được Vương Quí tuyển làm phi, đến khi mang thai Văn vương, bà hết sức chú trọng dạy dỗ con ngay từ khi còn trong bụng, mắt không nhìn tà sắc, tai không nghe dâm thanh, miệng không nói điều xấu, đêm nằm nhẩm đọc thơ, kể chuyện ngay thẳng. Sau sinh ra Văn vương, lại được bà dạy dỗ trưởng thành trở thành ông vua hiền đời Chu.

[2] Thái Tự: vợ của Văn vương đời Chu, mẹ đẻ của Chu Vũ vương và Chu Công Đán. Bà họ Tự người nước Sằn, tính nhân hậu hòa thuận, Văn vương vì mến đức kết thuyền làm cầu qua sông Vị đón bà về làm vợ. Ở nhà chồng bà hết lòng giữ đạo dâu con, phụng thờ mẹ chồng là bà Thái Nhậm, cần mẫn sớm hôm vun đắp nhà chồng, được người đời tôn xưng là Văn mẫu. Bà sinh được 10 người con, đều được bà chăm nom dạy dỗ nên người, trong số đó có Vũ vương về sau đánh diệt vua Trụ nhà Thương và Chu Công Đán là người củng cố cơ nghiệp nhà Chu. Tương truyền người đời Chu đã làm ra bài thơ Quan thư trong Kinh thi để ca ngợi bà và Văn vương...

[3] *Cao, Tào, Hướng, Mạnh*: chỉ bốn bà Thái hậu đời Tống, được đời sau đánh giá là các bậc hiền mẫu. Cao thị: Hoàng hậu của vua Anh Tông; Tào thị: Hoàng hậu của vua Nhân Tông; Hướng thị: Hoàng hậu của Thần Tông; Mạnh thị: Hoàng hậu vua Triết Tông.

trinh thuận, đức hóa thấm rộng khắp nước khắp nhà, phúc trạch để lại cho con cho cháu, thực xứng là bậc Nghiêu Thuấn trong giới phụ nữ như người xưa từng gọi, kể cũng không có gì là quá. Vua cha ta ở ngôi 36 năm, được bà một lòng chăm sóc dạy dỗ trước sau không một chút ngưng nghỉ, nghĩ đến đức độ cao cả của bà cũng đã muốn biểu dương tôn hiệu nhưng chưa kịp làm được. Vào năm Phúc Kiến tuân theo di chiếu kính dâng tôn hiệu là Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu.

Trẫm nay đức mọn mà được tiếp nhận cơ đồ lớn lao, kế thừa chưa được bao lâu, lòng vẫn nghĩ sâu sắc rằng phải lấy đức hiếu để trị thiên hạ. Việc vinh danh hiển hiệu để tôn xưng đời nào cũng có, hợp kính đồng tôn vừa là tình cũng vừa là lễ. Mới rồi các Tôn nhân, Đình thần [16a] có xin tấn phong gia tôn hiệu, Trẫm đã thân sang cung Gia Thọ tấu xin ý chỉ, được Thánh dụ rằng: "Nay bốn phương vừa mới yên, thân già này đã có gì báo đáp xã tắc mà đáng được nhận sự tôn vinh hết mực như vậy, lòng ta thực không thể yên. Cháu nên bảo cho bá quan biết như thế để tuân theo". Trẫm kính cẩn được nghe lời ấy, thực càng thấy rõ đức khiêm nhường hết mực của Thánh Tổ mẫu, thầm nghĩ không dám vượt qua khuôn phép. Hôm khác lại đến vái lạy tâu xin rằng: "Việc ân dưỡng tôn vinh là phép thường đời thịnh, thực không thể trì hoãn được. Vả niềm tôn thân là tình cảm hết mực của kẻ bề tôi và lòng tôn kính hết mực của cả thiên hạ đang ngày ngày mong ngóng trông chờ". Trẫm hai ba lần tâu xin cuối cùng may được bà y cho. Nghĩ lại những ngày Kinh thành thất thủ, xa giá phải chạy ra ngoài. May nhờ [16b] Thánh tổ mẫu biết lấy xã tắc làm trọng mà quay xe trở về, đất nước đang cơn nguy biến chuyển thành bình yên. Sau đó bà lại lo lắng dân lành không thể không có chủ, nên đã giáng Chỉ dụ bảo trẫm lên kế ngôi, khiến cho thần dân thiên hạ đang lìa tan trở

thành tụ họp trở lại. Đúng là chỉ người có đức lượng rộng lớn mới có thể bao dung đến thế, há chẳng phải là "*Bác*" hay sao? Chỉ người mang tấm lòng nhân ái mới có thể thương xót được rộng khắp như vậy, há chẳng phải là "*Huệ*" hay sao? Vậy nay nghĩ tấn phong gia tôn hiệu cho Thánh Tổ mẫu là Từ Dũ Bác huệ Thái hoàng Thái hậu để bày tỏ sự tôn sùng đặc biệt và thể hiện đạo hiếu trị. Truyền cho các quan hữu ty chiếu lệ tuân hành. Đạo Dụ này được sao lục công bố ra cho mọi người đều được biết. Hãy kính cẩn tuân hành".

Tháng 9 [17a], vua vào cung Gia Thọ vấn an, nhân dâng lên bài thơ mừng (Đại ý nói đức của Thánh tổ mẫu sánh ngang với bà Khương Tự và ước mong thánh thể ngày một mạnh khỏe). Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu rất hài lòng, dụ bảo các thị thần rằng:

"Ta nghe nói, con người cầu mong hiểu biết nhiều là cốt để kiến tạo sự nghiệp. Anh Hoàng đế ở ngôi 36 năm, cần mẫn lo toan trăm ngàn công việc không một ngày ngưng nghỉ, vậy mà vẫn luôn ham đọc, sách chẳng lúc nào dời tay. Nhà vua nay mới lên kế thừa đại nghiệp mà đã chăm lo chính sự, ham thích học hành, lại biết tôn kính người thân già cả, giữ được di phong nết tốt của Anh Hoàng đế, ta cũng rất lấy làm mừng. Năm trước hồi vua còn nhỏ ở Đông cung, bẩm sinh vốn yếu ớt nên chưa thể cần mẫn đọc [17b] sách vở để tu rèn tâm tính. Vì thế từ khi vua đăng quang đến nay, hàng ngày ta vẫn ngầm cầu khấn liệt Thánh phù hộ khai đường mở lối cho nhà vua tu rèn tăng cường đức nghiệp trở thành người chủ sáng suốt của thiên hạ, giữ gìn cơ đồ vẻ vang được bền lâu mãi mãi. Nay thấy nhà vua cố gắng cần cù chăm chỉ như vậy, há chẳng phải đấng u linh trên trời đã ngầm thấu xét cho tấm lòng thành đó sao. Cái học của bậc Đế vương là cốt để làm nên thiên hạ, biết bao đạo lý về tu thân, đãi nhân, dùng hiền tài, quản chính sự đều đã được giảng giải kỹ trong sách vở chứ

đâu chỉ hạn hẹp ở trong phạm vi bút mực, chỉ cần biết lượm lặt khái quát những cái hay cái tốt, tích lũy mỗi ngày mỗi tháng thêm dày, quang minh sáng suốt đều từ cái nền móng đó mà ra. Đức Phu tử từng dạy rằng, ta từng suốt ngày quên ăn, thâu đêm không ngủ để suy nghĩ, nhưng thật là vô ích, chẳng bằng học tập. Thánh nhân còn vậy huống chi là người thường. Nhà vua mà biết trước sau như một chăm chỉ thận trọng giữ đạo trung dung thì thật là phúc lớn cho nước nhà. [18a] Bá quan các khanh có ai là người phụ giúp được cho nhà vua trong việc đức hóa thì đó đâu chỉ là niềm mong mỏi của riêng thân già này mà thôi đâu. Nhà vua khá đem Chỉ dụ này truyền bảo cho tất cả các quan trong ngoài Phủ Tôn nhân cho mọi người đều được biết".

Gần đến ngày giỗ ở điện Phụng Tiên, quan Bộ Lễ tâu trình kiểm kê tình hình các bức màn trướng ở án thờ chính còn mất ra sao, xin được tùy nghi bày biện để kịp ngày giỗ, đợi sau này sẽ lần lượt chế tác thay thế. Vua phê rằng:

"Cao Hoàng đế đức sánh với Tam Hoàng, công cao ngang Ngũ đế, muôn đời sau cũng không thể kể ra hết được. Trẫm cũng được biết ngày nay đến như các nước Xiêm La, Nhật Bản còn luận bàn [18b] với sứ ta về đức của Người với ý thương tiếc. Các nước láng giềng còn như thế huống chi các bề tôi thần dân trong nước thì nghĩ sao? Nay ta vừa mới được yên ổn cớ sao lại lượng giảm bớt đồ thờ ở những nơi thờ phụng Thần ngự? Những đồ trân bảo, sách bảo cần phải được bày biện phụ thờ ở chốn đó mới vừa hợp tình vừa hợp lẽ. Còn về nghi tiết tế lễ thì đợi xem xét giản tiện xong sẽ theo lệ mà thực hiện, chứ nhất nhất không được giảm bớt. Có như thế mới may đội ơn trên chứng giám soi xét để cho vận nước được lâu dài, đó không chỉ là phúc cho bản thân kẻ nhỏ mọn này mà cũng là phúc lớn thổi làn gió xuân cho cả thiên hạ vậy".

Vua lại phê thêm:

"Nhà nghèo biết hiếu, nước loạn biết trung. Đó là điều tự cổ chí kim không bao giờ thay đổi. Đã biết rồi thì phải biết nữa".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], [19a] mùa xuân, ngày mồng một tháng Giêng, Hoàng Thái hậu chuyển về ngự ở cung mới. Vua dâng thiếp mừng đại ý nói:

"Kính thấy: Huyên đường[1] xuân sắc, điện tước[2] phong cao. Buông rèm năm tháng lòng vui, khoanh gối sớm hôm tâm tĩnh. Thần hân hoan khôn xiết kính dâng thiếp chúc mừng.

Cúi nghĩ, Áo vàng họp quẻ, ngời ngời bút nữ sử còn ghi; điện yến mở ra, êm ái sênh cung đình hòa tấu. Cửa động tiên tỏa sáng, mừng thưa đến mẹ hiền. Kính nghĩ Thánh mẫu Thoàng Thái hậu bệ hạ, sử sách nêu gương thơm, ngọc ngà vạch khuôn thước. [19b] Đem nhan sắc hiến cho xã tắc, như thể vua Vũ lấy vợ chốn Đồ Sơn; gom nhân hậu về chốn gia đình, nào khác nhà Chu có được bà Thái Tự. Tôn kính tràn hòa bốn biển; phúc trạch thấm khắp mọi nhà. Quầng trăng sáng tỏa ngời thềm cung ngọc quế, tường sơn son càng thêm sinh sắc; áng mây lành quấn quanh xa giá kim liên, mặc ngũ sắc múa vui lòng mẹ. Nghe tiếng ngọc vẳng tự chín tầng, vái hầu bữa gần trong gang tấc.

Thần khôn xiết nỗi niềm hân hoan vui mừng, kính cẩn dâng thiếp lên dâng lời chúc mừng".

Ngày mồng 7 tháng 6, [20a] vua ngự giá đi đốc việc quân đóng lại tại tỉnh Quảng Trị, chuẩn sai quan Viện Cơ mật mang sớ vấn an kính dâng lên Lưỡng cung ngự lãm. Sớ đại lược viết rằng:

"Ngày 27 tháng trước kính dâng trình xin được ý chỉ của Thánh Tổ mẫu Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu chỉ bảo mọi lẽ,

---

[1] *Huyên đường:* chỉ nơi ở của thân mẫu.

[2] *Điện tước*: cung điện tô son rực rỡ như long chim khổng tước.

cháu kính xem xong lòng thấy vui khôn xiết. Trộm nghĩ từ khi dừng chân ở Quảng Trị đã quá nửa tháng, tin tức triều đình cũng như niềm mong nhớ đối với gia quyến ngày một khó khăn. Vâng nhờ hồng ân mà ở nhà vẫn được an khang, quân đội hai nước đi hỗ tòng đều được an toàn vô sự. Về đám quân phỉ ở tỉnh này, đã mệnh cho Nguyễn Hữu Độ hợp đồng cùng 3 đạo quan quân tiến công tiêu diệt. Theo tin báo gần đây thì tuy còn đang truy bắt bọn đầu sỏ đảng phỉ, [20b] nhưng sào huyệt của chúng tại các đồn (gồm 3 đồn: Tiền, Trung và Hậu) đều đã bị triệt phá, các đạo quan quân đang tính lần lượt thu quân về ngơi nghỉ. Ngoài ra vẫn bố trí phòng bị ở nơi hiểm yếu nhằm quây bắt bọn phỉ đầu sỏ đưa về xét xử, đem lại bình yên cho dân lành. Tình hình tỉnh này xem chừng chẳng mấy ngày nữa sẽ trở lại yên ổn. Về phía quân của Qui quan (Pháp) chuyến này cũng khá đắc lực và phải chịu vất vả, rồi sẽ ban thưởng úy lạo cho chu tất. Kẻ mọn này dám xin trình sớ lên đợi bề trên soi xét, kính xin bề trên muôn phần gìn giữ an khang. Kính cẩn tâu trình".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], [21a] tháng 3, tấn tôn huy hiệu cho Hoàng Thái hậu. Vua xuống Dụ rằng:

"Các bậc vua anh minh ngày xưa đều thờ phụng Thái hậu rất có hiếu, phụng dưỡng bằng sự phụng dưỡng của cả thiên hạ gom lại, tôn kính bằng sự tôn kính cao nhất trong thiên hạ. Đời Hán thì tôn phong Minh Đức Hoàng thái hậu[1], đời Tống thì tôn

---

[1] *Minh Đức Hoàng Thái hậu*: Bà họ Mã, con gái thứ ba của Phục Ba tướng quân Mã Viện, là Hoàng hậu của vua Hán Minh đế. Bà là người rất có đức hạnh, mặc dù không sinh con cái nhưng vẫn được vua Hán Minh đế sủng ái, phong làm Chính cung. Sau khi Minh đế qua đời, Chương đế lên nối ngôi. Tuy không phải là con đẻ của Minh Đức Hoàng hậu nhưng Chương đế vẫn tôn phong cho bà làm Hoàng Thái hậu, trong khi mẹ đẻ của vua là Giả Quí nhân thì không được tôn phong.

phong Tuyên Nhân Hoàng Thái hậu[1], đều nhằm biểu dương đức lớn, rạng rỡ danh thơm.

Kính nghĩ, Thánh mẫu triều ta, Lượng cả bao dung gây phúc trạch, dịu dàng hiền hậu giữ thước khuôn, đã phụ giúp cho Hoàng khảo ta là Dực Tôn Anh Hoàng đế gánh vác việc nội trị trong suốt 36 năm, nối tiếp tiền nhân duy trì đức hạnh, [21b] đức hóa thấm khắp gia đình, tài năng giúp cho xã tắc. Khi Hoàng khảo ta còn sống đã để lại di chiếu tấn phong làm Hoàng Thái hậu, nhưng đại lễ chưa kịp cử hành thì bỗng xảy ra sự biến. Kính nhờ có sự anh linh của Cửu miếu và đức trạch do Thánh Tổ mẫu và Thánh mẫu tích góp lại nên đã qua được cơn tai biến để có ngày nay. Phúc ấy là bởi hòa hợp đức trời, rạng ngời nết đất, vốn ấp ủ trong lòng mà thể hiện ra ngoài. Xuất phát từ sự thành thực sâu xa, lại thêm tính hiền thục ý tứ, đó chẳng phải là "*Trang*" hay sao? Bề ngoài thì đẹp đẽ, [22a] bên trong thì sâu sắc, đó chẳng phải là "Ý" hay sao? Trẫm được vẻ vang kế thừa cơ đồ lớn lao, tiếp nhận cả thiên hạ về tay, xuôi chèo mát mái. Bề trên với người thân cùng thuận, trên dưới đồng lòng. Bữa trước các Tôn nhân cùng Đình thần tâu xin gia tôn hiệu là Trang Ý Hoàng Thái hậu, sau đó nhận được ý chỉ khiêm tốn từ chối không nhận. Sự việc đó thực càng thể hiện đức sáng bề trên. Nhân nghĩ rằng ngọc sáng phải có tên gọi, đó là tình mà cũng là lễ, vì thế cần phải kính dâng danh hiệu vẻ vang để thể hiện phúc nước. Nay căn cứ vào thỉnh cầu tha thiết nhiều lần của Tôn nhân và Đình thần, trẫm đem sự việc đó tâu lên, may mắn đã được [22b] bề trên ưng thuận. Vậy truyền cho các quan

---

[1] *Tuyên Nhân Hoàng Thái hậu*: họ Cao, là Hoàng hậu của vua Tống Anh Tông. Thần Tông lên ngôi, tôn phong bà làn Hoàng Thái hậu. Vua Thần Tông mất, Triết Tông còn nhỏ tuổi lên kế vị, tôn bà làm Thái Hoàng Thái hậu, buông rèm thính chính giúp vua cai quản việc nước.

hữu ty chiếu lệ tổ chức nghi thức lễ tấn tôn để thỏa tấm lòng thành của riêng mình trẫm và hợp với niềm mong mỏi tôn kính của bàn dân trăm họ".

Tháng 4 nhuận, lễ tấn tôn Lưỡng cung. Ngày Đinh Mùi, vua dẫn các Hoàng thân, Tôn nhân phủ cùng bá quan văn võ vào cung Gia Thọ làm lễ chúc mừng dâng sách ấn. Văn sách viết:

"Báo hiếu cha mẹ là việc làm cao cả của các bậc Đế vương; tôn hiệu vẻ vang cho bề trên là điển lễ lớn lao của các bậc Đế vương. Từng nghe nói rằng có đức lớn đối với thiên hạ tất nhận được thiên hạ vinh danh.

Kính nghĩ, [23a] Thánh Tổ mẫu Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu bệ hạ, núi Sa Lộc tích cát tường, nhành hương lan ươm phúc khánh. Phụ giúp vua Hiến Tổ triều ta trị vì trong 7 năm, thực giống hội ngộ Đồ Sơn giúp cho nhà Hạ; mở mang cho vua Dực Tôn triều ta cuộc thái bình suốt ba thập kỉ, nào khác Khương hậu làm thức tỉnh cho vua nhà Chu. Tài sắc hiển cho xã tắc, đức hạnh thấm khắp gia đình. Dám nghĩ rằng đứa trẻ thơ này được kế thừa nghiệp lớn thực nhờ ơn cao dày nâng đỡ chở che, đức khiêm tốn sáng ngời khó kể được ra cho xứng. Nay xin dẫn quần thần mang sách vàng ấn vàng tới kính dâng tôn hiệu là Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu. Cúi mong [23b] lời vàng ưng thuận, ý nhạc hài lòng. Vun bồi nền nhân hậu vui buồn cùng thiên hạ, đem lại phúc dài lâu mưu cho cháu cho con".

Ngày Giáp Dần tới cung Trường Ninh làm lễ giống như trên. Bài văn sách viết:

"Có đức lớn tất có danh thơm, kính người thân gọi là chí hiếu. Nhà Thương được phúc lâu dài bắt nguồn từ bà Hữu Nhung; nhà Chu thịnh trị vẹn tròn suy công nhờ bà Khương hậu. Nói thế là để biểu dương đức sáng, rạng rỡ tài cao.

Kính nghĩ [24a] Thánh mẫu Hoàng Thái hậu bệ hạ, khuôn phép dịu dàng, kế thừa âm đức. Nhớ hồi thanh bình cai trị, công phụ tá đã thực lớn lao, theo di chiếu lúc về già, mệnh bao phong còn ghi trong điển. Về nghi lễ vẫn chưa thực hiện, vì bỗng nhiên biến cố xảy ra. May nhờ Thánh từ luôn giữ lòng thương xót, nên đem xã tắc trao cho kẻ nhỏ mọn này. Đến khi việc nhà việc nước vừa mới tạm yên, đức lớn lao vẫn chưa nhận tôn vinh cao quí. Để biểu dương công lao không thể kể xiết và bày tỏ tấm lòng báo đáp, nay kính xin dẫn đám quần thần đến dâng sách vàng, ấn vàng và dâng tôn hiệu là [24b] Trang Ý Hoàng Thái hậu. Cúi nghĩ rằng, đức lớn phải có danh xưng, biểu dương vẻ vang danh tiếng. Tấc lòng thành cỏ dại mong báo đáp vừng xuân, xin lượng xét cho tấm lòng hiếu thảo. Sắp đến ngày đại lễ mừng Thánh thọ lục tuần, mong được nương tựa mãi mãi dưới bóng che chở của Từ mẫu".

Tháng 5, kính nhân ngày Đại khánh tiết mừng Trang Ý Hoàng Thái hậu lục tuần. Vua dẫn các Hoàng thân, Tôn nhân phủ cùng văn võ bá quan vào cung [25a] Trường Ninh dâng biểu mừng thọ. Tờ biểu viết:

"Nay kính gặp dịp Đại khánh mừng Thánh mẫu tuổi tròn lục tuần, tiết vào tháng sáu, giáp tròn sáu mươi. Thẻ tính tuổi tiên chất cao tề nóc, rượu mừng Vương mẫu nâng chốn Dao trì. Thần hết sức hân hoan vui sướng kính dâng Kim tiên lên chúc mừng.

Cúi nghĩ. Muôn loài được sinh sôi là nhờ đức khôn nguyên che chở, lục tuần ghi dấu thọ lại một lần thể hiện cát tường. Ngày tháng còn dài, mừng khi thêm tuổi. Kính nghĩ Thánh mẫu Trang Ý Hoàng Thái hậu bệ hạ, dòng cao quí trau nên vẻ đẹp, sử sách còn ghi dấu ngời ngời. Dạy bảo chốn nội cung, bà Thái Tự nhà Chu long lanh hơn quầng ngọc sáng; đóng góp cho xã

tắc, [25b] bà Tuyên Nhân triều Tống[1] đâu chỉ quí ở tóc da. Con nhỏ nay được thừa hưởng phúc ấm của Tổ khảo và Thái hậu. Huyên đường[2] che bóng rợp, đem mát về đài các Nam huân; khăn thuế[3] mở cát tường, trải chiếu đón ngày dài cung điện. Nay đương lúc Thánh Tổ mẫu còn đang an khang mạnh khỏe, cũng vừa khi nước nhà vừa được yên ổn sum vầy, thần kính cẩn vâng theo di chiếu của vua cha, đọc câu phú về cỏ mọn đời Đường, dẫu chẳng ích gì đối với vừng xuân[4], lấy lời thơ về mẫu đơn đời Tống để tỏ [26a] chút lòng đối với công dưỡng dục[5]. Mong cho cứ mười năm một tiết, lễ mừng năm tháng mỗi thêm nhiều; ước gì mãi trăm tuổi đến kỳ, sống lâu cùng sơn hà còn mãi".

Lễ xong ban ân chiếu khắp trong ngoài. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ, các bậc vua chúa xưa nay đều thờ phụng Thái hậu rất hiếu. Đã vì thiên hạ mà phụng dưỡng tất sẽ cùng thiên hạ hưởng phúc. Việc chúc vạn an mừng thượng thọ đã trở thành lễ tiết trong kỉ cương, nhằm thể hiện phúc lành của nước nhà, thỏa lòng hổ hởi của dân chúng.

---

[1] *Tuyên Nhân*: Chỉ bà Tuyên Nhân Thánh Liệt Cao Hoàng hậu, vợ vua Tống Anh Tông.

[2] *Huyên đường*: chỉ nơi ở của người mẹ.

[3] *Khăn thuế*: khăn của phụ nữ.

[4] Câu này lấy ý của thành ngữ *Thốn thảo xuân huy*, xuất phát từ câu trong bài thơ *Du tử ngâm* của Mạnh Giao đời Đường: "Thùy ngôn thốn thảo tâm, Báo đắc tam xuân huy", ý nói con cái không thể báo đáp hết công ơn nuôi dạy của cha mẹ.

[5] Chỉ bài thơ *Lạc Dương mẫu đơn kí* của Âu Dương Tu đời Tống, trong có câu: "Lạc Dương địa mạch hoa tối nghi, Mẫu đơn vưu vi thiên hạ kì", ý nói nhờ có mạch đất tốt nuôi dưỡng nên hoa mẫu đơn ở Lạc Dương trở nên nổi tiếng đẹp nhất thiên hạ.

Kính nghĩ, Hoàng mẫu Trang Ý Hoàng Thái hậu triều ta, vốn dòng cao quí, sử sách còn ghi. Phụ giúp [26b] Hoàng khảo Dực tôn Anh Hoàng đế trong suốt hơn ba mươi năm, lấy đức trị vi tốt đẹp. Trẫm tuổi nhỏ được kế thừa nghiệp lớn, tài năng mỏng mà trách nhiệm nặng nề, luôn thấp thỏm e không gánh vác nổi, ngược nhờ Hoàng mẫu khuyến khích nâng đỡ mới có được phúc lớn ngày nay. Năm nay chính là dịp đại lễ mừng Hoàng mẫu thọ lục tuần, tuân theo điển lễ thông thường của các triều đại kính bày nghi thức chúc mừng để thể hiện tấm lòng của muôn dân như một, muốn biểu dương ân đức của Người. Hôm trước đình thần đồng thanh kêu xin tham chiếu lệ cũ cử hành. Trẫm đã đem sự việc tâu lên, thì nhận được ý chỉ bảo rằng hiện tình nam bắc chưa yên, phủ khố chưa sung túc, nên lễ khánh hạ phải tổ chức sao cho nghi thức thì long trọng nhưng hết sức tiết kiệm. Trẫm thể theo [27a] đức khiêm tốn của Người, ban sắc cho hữu ty châm chước tình hình tổ chức cho thỏa đáng. Trước sai quan Thái sử chọn được ngày lành là ngày mồng 7 tháng này kính cẩn đến cung Gia Thọ tấu đạt lên Thánh Tổ mẫu Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu soi xét. Ngày mồng 8 sai Vinh Quốc công Hồng Phó sang điện Hòa Khiêm làm lễ khẩn cáo. Sang ngày mồng 9 là ngày Thọ đán, trẫm thân hành dẫn quần thần bưng kim tiên làm lễ khánh hạ. Lễ xong trẫm cùng bá quan thần thứ cùng chung hưởng dư phúc để thể hiện ngày vui mừng của cả nước và rộng phát phúc lộc của Người [27b]. Các điều suy ân xin liệt kê sau đây (gồm tất cả 16 điều).

Ôi, Biết thêm tuổi là mừng cũng là thường tình của nhân thế; gom phúc lành cho nước ấy là đạo lớn của Hoàng gia. Từ nay về sau cứ mười năm lại một tiết lễ mừng, vô cùng đến muôn ngàn năm không dứt, như thế không phải là phúc to lớn đó sao.

Nay đặc biệt bố cáo cho tất cả thần dân được biết".

Sai quan sửa sang lăng tẩm của tất cả Hoàng hậu của các vua đời trước.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], tháng 5, vua sắp ngự giá đi viếng và làm lễ yết cáo các lăng tẩm, [28a] Dụ cho Bộ Lễ rằng:

"Lễ viếng lăng tẩm là để bày tỏ tấm lòng của con hiếu cháu thảo. Từ đời Hán đến nay mọi triều đại đều giữ lệ này chưa khi nào dám bỏ. Đó thực là một điển lễ rất quan trọng. Từ năm Thiệu Trị thứ 7 [1847] ngay khi Hoàng khảo ta vừa lên nối ngôi đã lập tức xa giá đến bái yết các Tôn lăng một lần để tỏ lòng thành kính. Mới rồi chẳng may gặp phải thời thế gian nan, Trẫm ơn nhờ anh linh của tổ tông mà được [28b] vào triều kế thừa cơ nghiệp lớn. Vì bận rộn công việc nên chưa kịp đi thăm viếng bái yết, nỗi niềm mong nhớ vẫn canh cánh trong lòng. Nay thiên hạ đã tạm yên, đại lễ cần phải tức thời cử hành. Mọi việc liên quan đến chuyến đi bái yết truyền cho các quan Bộ Lễ tùy nghi sắp đặt rồi tâu lên chờ phê chuẩn thi hành, để an ủi tấm lòng ngưỡng mộ của cá nhân ta. Hãy kính cẩn thi hành".

GIA PHÁP

[29a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Tháng 8. Vua dụ rằng:

"Trẫm vừa mới kế thừa nghiệp lớn, còn bề bộn rất nhiều công việc cần phải xử lý chỉnh đốn, nên việc trong nhà vốn chưa nên hỏi đến. Nhưng căn cứ theo phiến trình của Viện Cơ mật và Bộ Lễ nói rằng nội chức cũng cần phải có người, nên xin xem xét ban phong để sáng tỏ quốc điển, vì vậy đành phải chuẩn y cho phép thi hành.

Nay xét bọn cung tần Trần Đăng thị, Phan Văn thị gồm 5 người

hầu hạ trong cung đã lâu ngày, nghiêm chỉnh tuân thủ phép tắc, truyền chuẩn y tấn phong cho Trần Đăng thị làm Quán phi; (Hàm nhị giai dưới đây gồm có) Phan Văn thị làm Giai phi, Hồ Văn thị làm Chính tần; (Hàm tam giai dưới đây gồm có) Nguyễn Văn thị làm Nghi tần, Trần Văn thị làm Dự tần. Những người trên chuẩn sung vào quản 6 Thượng viện là Thượng nghi, Thượng trân, Thượng phục, Thượng y, [29b] Thượng diên và Thượng nô. Riêng Giai phi chuẩn cho làm Quyền nhiếp Lục viện để rồi sung chức. Lại chuẩn phong Mai Văn thị làm Tiệp dư, Nguyễn Văn thị làm Quí nhân, Nguyễn Hữu thị làm Mĩ nhân, Trịnh Văn thị làm Tài nhân và Mai thị làm Tài nhân vị nhập lưu. Những người trên cần phải kính cẩn thực thi nội chức để giữ việc trong nội cung được nghiêm chỉnh. Người xưa từng nói rằng phải tề gia rồi sau mới trị quốc, đó là điều trẫm vô cùng mong mỏi vậy".

Tháng 9, ngày mồng 1 là ngày Bính Thân, giờ Giáp Tuất, là ngày sinh nhật của Hoàng thượng (nay gọi là Vạn thọ khánh tiết), nội cung làm lễ khánh hạ, kính dâng biểu chúc mừng. Biểu văn đại lược viết:

"Nay ngước thấy: Sao Tiền tinh sáng rực, [30a] biển Thiếu hải[1] sóng yên. Điềm lành hợp quẻ tốt, nhật nguyệt vẳng tiếng ca. Bọn thần thiếp vui mừng khôn xiết kính cẩn dâng biểu chúc mừng.

Cúi thấy: Chấn cung rực rỡ thái dương, mừng coi dương đức vừa hanh; bờ hoa cong vút cầu vồng, ngước đón điềm lành xuất hiện. Thềm hoa hợp cát, vách quế sinh quang. Kính nghĩ, Hoàng đế bệ hạ, đội ơn công Thánh, ngự vị đức trời. Âu ca thuở thái bình Nghiêu Thuấn dẫn dắt bá quan, phù hộ mệnh Hoàng

---

[1] *Tiền tinh* và *Thiếu hải*: đều là từ chỉ Thái tử.

gia trời cao đem về ngũ phúc. Để rồi: Cung Ỷ Lan điềm lành gót lân xuất hiện, cổng Nghiêu mẫu triệu tốt tượng gấu hiện về. [30b] Thiên nhan mừng rỡ, treo cung[1] nguyệt tượng chính dương[2]; Hoàng đế ngợi khen, ban mệnh sống lâu đắc thọ. Đưa phúc lớn về cho Vương mẫu, vui con cháu[3] an ủi chốn Dao cung; bận yếm thắm vừa ý Quân vương, điềm ôm ngọc[4] kế thừa tông miếu. Thực đúng là phúc của nước nhà rải sắc xuân chốn cung cấm vậy. Bọn thần thiếp may được sủng ái chốn khuê phòng, chia thơm đầu bút thắm[5]. Lỗ hầu sinh ra tháng chín, bút sử còn ghi; Văn vương con cái trăm nam, cỏ hoa nở rộ".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], [31a] mùa xuân, tháng Giêng. Tấn phong Hoàng Thái hậu làm Hoàng Thái phi, ban cho Kim bài (chiều ngang khắc chữ "Đồng Khánh sắc tứ", chiều dọc khắc chữ "Kiêm nhiếp lục viện"). Huân thần Nguyễn Hữu Độ đệ sớ từ chối. Sớ đại lược viết: "Tình hình lúc này đang còn khó khăn. Nếu tuân theo lệ trước nay phải hồi tị thì có can hệ tới quốc sự, còn nếu vì tình riêng mà thụ phong thì có phần không hợp với quốc điển. Vậy ngửa xin cho thu hồi". Vua xuống lệnh mới, chuẩn giao cho Đình thần xét duyệt lại. Đình thần tâu rằng, điều khoản về hồi tị đặt ra là để áp dụng cho những trường hợp thông thường. Vào lúc thời thế khó khăn này Hữu Độ phải gánh vác trách nhiệm nặng nề với quốc gia. Lòng trung thành của ông vốn rất rõ ràng, e không nên coi là vì tư

---

(1) *Treo cung*: nguyên văn: *huyền hồ*. Ngày xưa nhà sinh con trai thường treo cung tên trước cửa để báo tin. Điển này dùng để chỉ sinh con trai.

(2) *Chính dương*: chỉ đế vương.

(3) Nguyên văn: *hàm di*, tức thành ngữ *Hàm di lộng tôn* (Ngậm kẹo đùa với cháu).

(4) Nguyên văn: *đương bích*, xuất phát từ điển tích chọn con trưởng kế vị của vua Sở Cộng vương.

(5) *Đầu bút thắm*: nguyên văn: *đồng quản*, bút của nữ sử quan, quản bút màu đỏ, dùng để ghi chép công tội của cung phi.

tình mà phá bỏ đạo công. Vậy việc tấn phong vẫn xin tuân theo [31b] Dụ chuẩn mà thi hành. Vua lại xuống Dụ rằng:

"Việc chốn khuê môn là gốc của phong hóa. Từ xưa các bậc Đế vương thịnh trị không ai là không suy nghĩ đến điều đó. Có thục nữ để giữ gìn sự chính đính trong nhà, quẻ "Gia nhân" trong Kinh Dịch, thơ "Quan thư" trong Kinh Thi đều có nói đến điều đó. Triều ta định ra chế độ trong nội đình, từ hàng nhất giai trở lên thì đặt Hoàng quí phi, cai quản mẫu mực sáu viện để giữ nghiêm nội chính. Các triều đều kế nối tuân theo, nên đời nào cũng có người hiền thục giữ gìn nền nếp tốt đẹp, mở mang phúc nước dài lâu. Khi trẫm còn chưa lên kế vị, Hoàng khảo đã tuyển chọn cho người con gái của Nguyễn Diệm là Nguyễn thị làm phủ thiếp, đó chính là vợ nguyên phối của trẫm. Chuyện con cái vừa đến độ, tình giai lão vẫn mong chờ. Trẫm lên nối ngôi chưa được bao lâu, còn chưa kịp tấn phong thì nàng đã tháo trâm cởi giày ra đi, kiếm xưa khó tìm lại được, trong lòng vô cùng thương tiếc. Sau đó nhân các dịp khánh hạ, suy ân tuy đã tuyển cung nhân vào cung, tùy xét thăng cho cấp bậc, [32a] nhưng cũng chỉ phong cho địa vị phi tần, riêng bậc chủ quí vẫn còn để khuyết đợi người hiền đức. Hồi nọ vâng theo ý chỉ của Thánh Tổ mẫu Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu và Thánh mẫu Hoàng Thái hậu dạy rằng, Hoàng đế là người thừa tự tông miếu, làm chủ của thần dân thiên hạ, việc bên ngoài vốn xuất phát từ nội cung, nên ngôi vị đó không nên để trống lâu ngày. Rồi mệnh tuyển chọn người con gái của Cố mệnh lương thần, Cần chính điện Đại học sĩ, Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ là Nguyễn Hữu thị sung vào cung, vào ngày 13 tháng này cho nhập Đại nội. Nghĩ rằng viên Đại thần ấy dòng dõi trâm anh, gia đình cao quí. Bà phu nhân cũng là người thuận thục, vốn xứng là bậc hiền phụ. Cả nhà phúc hậu ắt sẽ sinh ra con gái hiền. Phục Ba tướng

quân[1] đời Hán, Đại tướng Tào Bân[2] đời Tống đều là dòng dõi gia thế cao quí, ngời ngời bút sử còn ghi. [32b] Vì thế việc tuyển chọn ban phong là do duyên trời tác hợp chứ đâu phải là ngẫu nhiên. Nay nếu cứ nệ theo thường lệ sủng ái đồng loạt ngang bằng nhau thì không những không an ủi tấm lòng của Lưỡng cung mà việc nội trị trong cung cũng chẳng thể trở nên tốt đẹp. Vậy truyền tấn phong Nguyễn Hữu thị làm Hoàng Quí phi. Vị hiệu sớm định, trong cung đều biết rõ cấp bậc mà kính cẩn thừa hành, việc nội trị có người gánh vác, để trẫm có thể cố gắng tập trung tinh lực vào lo việc chính sự. Ý nghĩa của câu "Trước phải tề gia rồi sau trị quốc" chính là như vậy".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], tháng 2, vua dụ rằng:

"Triều ta từng đặt ra chức vị phi, tần, để chia nhau cai quản lục viện và kính cẩn cần mẫn, tiết kiệm cái ăn cái mặc hàng ngày, ngoài việc đó ra [33a] còn có gì khác gọi là báo đáp. Trẫm từ khi lên ngôi tới nay cũng đã đặt 2 phi, 2 tần, đều là những người cần thiết, lý ra càng phải bội phần kính cẩn, cần mẫn chăm lo chức trách cho xứng với ân mệnh. Nào ngờ bọn sâu mọt đó cam tâm tự vứt bỏ ân huệ, mỗi ngày một thêm lười biếng, để lại chúng thực càng thêm phiền nhũng phí phạm. Trẫm nghĩ rằng đã tấn phong cho rồi thì không nỡ tước đi, nhưng càng khoan dung thì bọn ấy càng thêm phóng túng, vì vậy không thể không nghiêm khắc, tùy theo hạnh kiểm của từng người mà phân biệt nghị xử cho nghiêm nội cung.

Quán phi lời nói cử chỉ thô tục, đã từng răn dạy mà không chịu

---

[1] *Phục Ba tướng quân*: tức Mã Viện, cha của Minh Đức Hoàng hậu đời vua Hán Minh đế.

[2] *Tào Bân*: Đại tướng quân đời Bắc Tống, là ông nội của Tào Hoàng hậu triều Tống Nhân Tông. Có thuyết nói ông là cha đẻ của Tào Hoàng hậu.

sửa đổi, truyền giáng xuống làm Tùy tần; Chính tần không chăm lo việc công, chỉ chuyên chơi bời lêu lổng, truyền giáng xuống làm Mĩ nhân; Nghi tần tính thô bạo, tham lam, đố kị đủ cả, khi giao tiếp với cung nhân luôn tỏ ra bất thuận không nghe theo đức ý, truyền phải xử nặng, giáng xuống làm Tài nhân. Bọn Cửu giai Tài nhân Trịnh thị, Nguyễn Hữu thị tính khinh nhờn đã thành thói quen khó dứt, truyền giáng tất cả xuống làm Cung nhân. Bọn các ngươi [33b] phải lo tu tỉnh, biết sợ mà hối cải, xem xét nguyên do từ đâu nên nỗi để giữ trọn được danh dự mãi mãi. Còn nếu vẫn giữ thói ấy thì mệnh đã đưa ra pháp luật sẽ tuân theo mà thi hành, lúc ấy khó bảo toàn được vị thứ. Riêng đối với Giai phi, đã qua răn dạy xem chừng cũng đã biết sợ biết hối. Nghĩ rằng cũng chỉ vừa mới can phạm, truyền tha cho một lần để mở cho con đường hối cải. Về phần Hoàng Quí phi có trách nhiệm kiêm quản chung mà lại để cho bọn ấy vô lễ thái quá thì làm sao giữ nghiêm được, nhưng về tình thì có thể rộng lượng xem xét cho, truyền gia ân chỉ nhắc nhở nghiêm khắc, từ nay trở đi phải tăng cường khép mình vào kỉ cương để dẫn dắt các thứ bậc làm theo. Nếu vẫn cứ nghĩ rằng không can dự vào việc người khác thì sẽ mắc vào lỗi có chức vị mà không làm phận sự, khó tránh khỏi bị xử trị nặng. Lúc ấy chớ có bảo là không răn dè từ sớm. Các ngươi phải suy nghĩ chớ có coi thường mệnh của trẫm. Hãy kính cẩn tuân hành".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], [34a] tháng 2, kính biên soạn Ngọc điệp tôn phả. Lấy Lễ bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội, Hộ bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên sung làm Chánh, Phó Tổng tài. Việc này là chiếu theo niên hạn định lệ tiến hành (Lệ lấy 10 năm làm một kì hạn. Tính từ năm Tự Đức thứ 29 đến năm nay là tới hạn).

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN II

CẦN CHÍNH

[1a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 8. Vua ngự điện Cần Chính nghe chính sự. Chuẩn mệnh cứ 5 ngày thị triều một phiên (Các ngày mồng 1, 11 và 21 ngự triều tại điện Cần Chính, các ngày mồng 5, 15 và 25 ngự triều tại điện Văn Minh, bắt đầu thực hiện từ tháng 9 năm này). Vua xuống Dụ rằng:

"Trẫm còn ít tuổi, đức mỏng tài sơ, việc chính sự chưa thật am tường, phải nhờ cậy nhiều vào các quan trong ngoài triều đồng tâm giúp rập chỉ bảo mới có thể không cần phải động tay, chỉ rũ áo khoanh tay ngồi đón thành công. Trẫm nghĩ mình mới lên nối nghiệp, [1b] bắt đầu công việc mới mẻ thị thính tại triều, vì vậy về chương trình nghi thức không được thiếu sót. Lập tức mệnh cho Khâm Thiên giám xem chọn ngày giờ tốt là giờ Thìn ngày 27 tháng này, rồi cùng với quan Bộ Lễ tham khảo định ra triều nghi cho ổn thỏa. Tới ngày đó trẫm sẽ ra ngự tại điện Cần Chính nghe chính sự. Truyền chuẩn cho các Hoàng thân, Vương công, ấn quan văn võ, cùng quan văn từ ngũ phẩm, quan võ từ tứ phẩm trở lên được vào triều lạy mừng. Lễ xong tùy theo từng ban tâu việc theo đúng nghi lễ. Từ nay về sau cứ chiếu lệ đó mà thi hành, để giữ cho trẫm không thể lười nhác. Đó là điều mong mỏi của trẫm vậy".

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 12. Vua phê bảo Huân thần Nguyễn Hữu Độ rằng:

"Hiện nay việc giao thiệp có nhiều mối khác nhau. Khanh cùng với Nguyễn Hoằng nếu có việc gì [2a] cần thì phải trực diện tấu trình. Vậy chuẩn cho được tâu thẳng lên để sự thể được giải quyết nhanh nhạy và tăng cường sự cần mẫn, chớ có ngại. Hãy nhớ đấy".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 3. Vua dụ rằng:

"Trẫm về các mặt chất, học, tài, đức vốn đều còn yếu kém, may được trao cho trách nhiệm to lớn khó khăn, thực rất nặng nề. Trên là tuân theo ý chỉ của bề trên, dưới tham chước lời nghị bàn của các quan, xuất phát từ việc công mà đón trẫm lập lên ngôi, đều coi trẫm là con của vua triều ta. Từ khi tức vị đến nay trẫm luôn canh cánh trong lòng, lúc nào cũng lo lắng đến việc giữ gìn yên ổn và phát triển thịnh vượng của quốc gia, chỉ e không kham nổi, thành công hay nên tội cũng khó biết trước được. Suốt ngày tựa đầu án để đợi phê duyệt chương tấu từ khắp nơi nam bắc chuyển về, chẳng kịp nghỉ ngơi ăn uống, lấy đêm làm ngày, tuy chỉ làm những việc chỉ riêng mình rõ, nhưng mọi cử chỉ hành động đâu phải chẳng ai hay biết. [2b] Bữa trước theo đạo bề tôi, trẫm tuân lệ cũ kính cẩn sang Đông cung thăm hỏi, nhận được Từ chỉ hỏi han và dụ rằng: "Ngày trước khi Anh Hoàng đế còn tại vị, mọi việc chính sự đều sáng suốt đoán quyết. Khi già này hỏi đến từng khoản hạng trong phủ khố thiếu đủ ra sao, Anh Hoàng đế cũng không ngại ngần lần lượt đem từng thứ ra tâu trình, tường tận chu đáo đến như vậy đấy. Nay cháu vừa bắt đầu ra coi chính sự, thể thức còn chưa am tường. Lại đương khi quốc gia có chút biến động bị tàn phá mà phải vượt trên mọi người đảm đương địa vị lớn lao. Nỗi lo của cháu cũng là nỗi lo chung của bậc tôn thân. Câu của người xưa "trân trọng thì được

lời hay" là có lý chứ đâu phải nói suông. Huống chi mọi việc của thiên hạ đều quyết ở một người, từ ngàn xưa đến giờ đều vẫn như thế không thay đổi. Việc không dự liệu trước thì tất sẽ hỏng, lời nói không cân nhắc trước tất sẽ sai. Chỉ cần thường xuyên gần gũi với những phụ thần, những người có đức có kiến thức, cùng đàm đạo bàn luận về chính sự thì lo gì việc không xong, [3a] công không thành. Bây giờ về tình hình tiến nong, đồ vật, thuế lệ trong các phủ khố của triều đình đã giao nộp hay chưa, số lượng thiếu đủ thế nào, cháu biết hãy kể sơ sơ cho già này nghe thử xem nào". Trẫm ngớ ra, vô cùng kinh sợ, quì xuống đất khóc mà tâu rằng: "Hiện nay công việc đang bề bộn cần người giải quyết, cháu chưa tiện phái đi kê cứu điều tra, nên trong đó có nhiều thứ cháu chưa được rõ". Lập tức thấy nét mặt của bà không vui, dụ trẫm rằng: "Người xưa chỉ nói: Tận tụy một tấm thân thuộc về của chung bôn tẩu vì giang sơn, chứ chưa hề nghe thấy bảo: việc bộn cần người, để rồi nương cho tính hời hợt lười nhác. Huống chi già này xem trong các tờ biểu chúc tụng đều thấy ca ngợi nào là "ông vua lâu dài của xã tắc", nào là "đời trung hưng thủ tay trong áo an nhàn mà coi", đó là nói gì vậy? Cho nên cháu hãy cố gắng chăm chỉ, thận trọng, đừng ngại ngần lưỡng lự, sử dụng người hiền tài, gây dựng việc có lợi, trừ bỏ điều có hại, làm cho quốc gia trở nên yên ổn vững vàng như bàn thạch, đó mới là đại phúc cho muôn đời vậy. Hãy kính cẩn mà tuân theo". Nghe lời dạy bảo của bề trên, [3b] trong lòng lẫn lộn vừa cảm kích vừa lo sợ, rớm nước mắt cáo lui về để tự tu tỉnh bản thân, chẳng còn biết nói sao. Vả lại căn cứ vào những văn bản phiến trình của các Bộ, Viện đều thấy tâu những việc thông thường, còn về tình hình trong các miếu điện, kho tàng, số lượng đồ thờ, màn trướng, tiền bạc, lương thực, súng ống cùng với sổ sách văn thư, tất cả nguyên cất giữ ban

đầu là bao nhiêu, vừa rồi Lê Thuyết[1] tự ý mang đi bao nhiêu, vì sự biến mất mát bao nhiêu, thành trì, dinh thự, công sở bị tổn hại bao nhiêu, về sau các Quí quan trao trả lại bao nhiêu, tất cả đều chẳng thấy các nha tâu báo lên, thành ra trẫm chỉ ngồi suông chẳng có ích lợi gì. Vậy truyền cho bách ty đọc kỹ lời dạy của bề trên để cởi bỏ tội lỗi cho trẫm. Hãy sức ngay cho các Bộ, Nha tìm lại những người ngày trước, cùng nhau thảo luận làm việc, cấp tốc tra xét kiểm kê ngay tất cả các khoản, nhất nhất rõ ràng, không được sai sót, hạn trong vòng 3 ngày tập hợp phúc trình lên. Hoặc nếu số lượng nhiều thì có thể viết sơ lược ra giấy đủ để xem rõ, miễn cho khỏi phải câu nệ theo lệ cũ soạn thành phiến sớ cho phiền phức mà trở ngại cho công việc. Trong đó ở 3 tòa tôn điện [4a] là Phụng Tiên, Hiếu Tư và Long An, trước đây bày biện các đồ tự khí, vật trân bảo, đồ chơi bằng ngọc do các triều trước tạo lập mua sắm rất nhiều. Vậy chuyên giao cho Tôn nhân phủ hội đồng cùng Bộ Lễ tuân chuẩn kê cứu rõ ràng, đầy đủ. Đây là việc hệ trọng, khi xem xét phải để tâm không được coi thường. Các quan ở thượng ty phải đích thân tận sức thi hành đúng việc, đúng chức. Làm thế, một là dâng lên bề trên ngự lãm để giải trừ mối âu lo, hai là chuộc lỗi cho trẫm để tỏ rõ tính thận trọng, ba là chứng tỏ tấm lòng kẻ bề tôi mà biểu dương tính cần mẫn, bốn là chấn chỉnh lại kỉ cương triều đình mà tiện cho sau này kê cứu. Làm trọn vẹn được bốn điều ấy, công việc sớm hoàn thành, [4b] đó là điều may mắn và cũng là ước mong vô cùng của ta vậy. Còn nếu có ai đó tính quen lười nhác, bất tài ngại khó thì đã có điều lệ luật pháp còn đó, ai cũng đều rõ, hà tất phải nêu ra làm gì. Mong mọi người hãy hiểu và làm theo lời của trẫm".

---

[1] *Lê Thuyết:* tức chỉ Tôn Thất Thuyết, vốn là người trong tôn thất, bị tước bỏ tên trong sổ Tôn nhân, bắt đổi theo họ của mẹ làm Lê Thuyết.

Mùa hạ, tháng 4. Vua phê bảo Huân thần Nguyễn Hữu Độ rằng: "Trẫm ít tuổi học nông, đức mỏng tài hèn, may nhân được muôn lòng hòa hợp tôn lên làm chúa, một ngày lập lên ngôi, nên việc hành chính chưa hề hay biết phải làm thế nào, chỉ trông cậy nương tựa vào tả hữu có được hai ba bề tôi mà lần lữa qua được ngày nào hay ngày ấy. Chỉ sợ rằng ít tích lại thành nhiều, nhỏ rồi xé ra to. Đoán mãi cũng khó trúng, nếu có người mưu đồ thì biết làm sao. Chỉ nghĩ đến dân chúng của ta bị hệ lụy đến bao giờ mới qua khỏi. Nếu không lo liệu trước, để lâm vào thế cưỡi lưng hổ rồi thì càng khó cho trẫm. Bậc đại phu một việc không làm, [5a] đến khi hỏng việc, thì tội ấy ai chịu. Huống hồ người xưa nghĩ rằng, một người dân chịu rét tức là ta rét. Mỗi viên tiểu lại tức là một cánh tay cẳng chân của trẫm. Sai họ đi công cán ngộ nhỡ bị phỉ hãm hại, hay tin lòng đau vô hạn. Gặp nghịch cảnh ấy mà không thể diệt trừ hết được bọn chúng, điều đó khiến lòng trẫm âu lo. Khanh lấy nghĩa bề tôi chí tình tâu trình bảo ban, trẫm mở xem càng thêm phần kính trọng tấm lòng của khanh. Rất mong khanh dốc hết tài năng ra lo tròn việc nước, được thế còn gì vui hơn".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], tháng 2. Huân thần Nguyễn Hữu Độ từ tháng 12 năm ngoái vâng mệnh ra Bắc Kì tiếp kiến quan Toàn quyền Đại thần thương lượng quốc sự, tới giờ từ ngoài Bắc trở về phục mệnh. [5b] Vua phán hỏi:

- Khanh đi chuyến này trẫm thực khao khát trông mong, các điều khoản thương lượng chắc cũng đều ổn thỏa cả chứ?.

(Các điều khoản gồm:

1. Các khoản chi thông thường và bất thường hàng năm xin tăng thêm số tiền và gạo, qui ra mỗi năm khoảng 1 triệu quan;

2. Ngạch lính: lính tập ở Kinh 1000 tên, ở các tỉnh bên ngoài 500

hoặc từ 300 đến 400 tên, gần đây Quí quốc đã trích lấy một số đưa đi huấn luyện, nay xin chiếu số cấp bù trở lại, súng ống 2000 khẩu xin cấp đủ số;

3. Các khoản thuế chợ, thuế đò đánh vào các mặt hàng sản vật như đồng, tơ sợi, dầu, hương, gỗ... cũng như đối với nghề nấu rượu, thuốc phiện xin đều do người bản quốc lãnh trưng để tiện chi tiêu;

4. Vấn đề lương, giáo xin để cho triều đình bản quốc xử lý;

5. Việc thay đổi hoán bổ quan lại bản quốc như các quan Đốc, Phủ, Bố, Án và quan viên ở các phủ, huyện theo thỏa thuận phải do triều đình bản quốc tâu chuẩn định đoạt;

6. Từ nay trở đi, ấn quan văn võ ở các tỉnh thuộc Bắc Kì nếu thiếu khuyết thì Nha Kinh lược chiếu lập danh sách xin đợi chỉ, còn các quan lại thuộc cấp phủ, huyện trở xuống thì sẽ do nha ấy tuyển bổ, hoặc cho người tư lên bộ tuyển bổ).

Hữu Độ đáp rằng:

- Chuyến đi này tuy ít ngày nhưng cũng đã gặp trao đổi với Toàn quyền được bảy tám lần. Mọi công việc đại để cũng đã bàn bạc xong xuôi.

Vua hỏi:

- Quan Toàn quyền đối xử có tốt không?

Hữu Độ đáp:

- Bẩm tốt ạ.

[6a] Vua hỏi:

- Quan Toàn quyền ngày nào sẽ vào Kinh?

Hữu Độ đáp:

- Quan Toàn quyền nói ông ấy vừa tới Bắc Kì, hiện đang còn phải xem xét nhiều công việc, nhưng vì nghĩ đến hậu ý ân cần của Hoàng thượng nên khoảng một tháng sau ông ta sẽ vào thăm.

Vua hỏi:

- Dân chúng Bắc Kì muốn lưu giữ khanh ở lại, việc đó có hay không?

Hữu Độ đáp:

- Nguyên do là bởi quan Toàn quyền Côn Pha[1] mới đặt ra các khoản thuế má phu dịch quá nặng nề khiến dân tình rất bức bối. Thần cũng rất lo, đã đem thương lượng nhưng họ không chịu xét giảm cho. Nhân sĩ ngoài ấy nghĩ rằng thần từng giữ chức ở đất ấy đã lâu nên đã hiểu rõ được tình hình, lại đã từng giao thiệp với Quí quốc nhiều lần, hai bên đã thông cảm hiểu biết lẫn nhau thì có thể thương lượng xin giảm bớt được. Dân tình như thế thực cũng không nỡ dứt. Nhưng vì chuyến này chuyên nhằm để thăm viếng và tặng lễ nên thần không dám lưu lại lâu. Đợi khi quan Toàn quyền vào Kinh sẽ bàn sau.

[6b] Vua bảo:

- Khanh hãy cố gắng tận tâm thương lượng để làm phúc cho dân chúng cả vùng ấy được nhờ.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa đông, tháng 10. Quan Viện Cơ mật đệ tấu trình xin rằng đối với những văn bản phiến trình khẩn mật mà phải dâng trình gấp trong đêm thì xin niêm phong kín gửi vào Viện lưu trát rồi mới kính dâng lên. Khi có công văn gửi đi xin đóng dấu ngự niêm hoặc dấu tín phong ở bên ngoài phong bì giao cho viện thuộc dán kín lại rồi mới gửi đi, như thế vừa kịp thời vừa đảm bảo cẩn mật. Vua phê rằng:

> "Vua không giữ cẩn mật thì phải làm sao, bề tôi không giữ cẩn mật thì phải làm sao, từ xưa đều đã có danh ngôn về chuyện đó, các khanh không biết hay sao, việc gì mà phải rườm lời. Huống chi hiện giờ luôn có nhiều biến cố xảy ra thì phải biết làm như thế nào chứ".

---

[1] *Côn Pha* hay *Cón Ba, Bân Bi*: đều là phiên âm tên tiếng Pháp Paul Bert.

ÁI DÂN

[7a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Vua dụ rằng:

"Các Tiên vương giữ nước cũng đều phải tuyển quân, bậc vương giả rải ân xa gần không để sót. Số quân Tứ trực cùng với ngạch lính giản ở Tả, Hữu kì nhiều đến năm sáu vạn. Hàng năm hạn hán, lũ lụt liên tiếp xảy ra khiến dân sinh khó sống. Gần đây lại dấy lên chuyện bất hòa lương giáo, nhân khẩu li tán tiêu hao, dân lại thêm khốn khổ. Nhắc tới điều đó là lại ngậm ngùi nhỏ lệ. Cắt giảm lính để yên dân vốn là việc lớn tốt đẹp xưa nay, trẫm vẫn thầm mong muốn. Nhưng binh lính là để giữ nước, võ bị cốt để yên dân, binh lính ngũ quân không thể cắt bỏ. Vì thế trẫm cứ trăn trở suy đi tính lại không biết làm thế nào. Nay trẫm vừa lên chấp chính, tình hình đổi mới, cũng cần phải rộng rãi khai ân. Vậy chuẩn cho [7b] các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào Nam, ngạch lính giản, bất kể lí do chưa được bổ sung điền vào số lính hao hụt do đào ngũ, lính chết, về hưu, hay thải loại, tất cả chiếu theo nguyên ngạch mà miễn cho một nửa để cho dân chúng đang bị hao mòn khốn khổ được hưởng ân huệ. Còn lại một nửa số lính sẽ do địa phương tăng cường đốc thúc cai quản đảm bảo đủ số để sai phái. Hạn trong vòng 10 ngày phải chuẩn bị đủ lương hưởng để đến ngày thúc đòi sẽ chiếu lệ giao nộp. Nếu sau lần gia ân này mà vẫn còn dám cố ý chây ỳ để thiếu, chứng tỏ vẫn mang ý trông chờ này khác, thì chuẩn cho địa phương điều tra xác thực lập tức tâu lên. Nếu địa phương bất lực trong việc đốc thúc thì chuẩn cho Bộ thần tra xét trích tấu, tất cả đều phải chịu xử trị nghiêm khắc để tỏ rõ phép khuyến trừng. Thời thế gặp lúc gian nan, dân tình đang khi khốn khổ, như con cá khát nước nằm trong vết bánh xe, dẫn nước sông về chắc đâu cứu sống trở

lại được. Cho nên chính sách nới rộng được một phần thì dân được ban nhận một phần, sao cho dân còn có lợi mà nước vẫn được phúc. Đó là điều trẫm vô cùng mong mỏi. Còn về việc [8a] các hộ làm nghề máy nước có nên miễn giảm thuế cho họ hay không, chuẩn cho quan Bộ Hộ nghĩ tấu lên sẽ có phê chuẩn riêng thi hành".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng. Giá gạo ở phủ Thừa Thiên đắt đỏ. Chuẩn trích 5 vạn hộc gạo trong kho ra bán cho dân (Giá mỗi hộc 1 đồng bạc, hoặc 6 quan tiền).

Tháng 2, dân cư sống ở xung quanh tỉnh thành Quảng Nam bị phỉ đốt phá. Chuẩn trích tiền và gạo trong kho phân theo từng hạng chẩn cấp. (Đến tháng 3 tỉnh ấy lại bị cháy. Chuẩn cấp tuất theo như lần trước).

Tháng 3, lại miễn binh thuế 1 năm cho xã Phú Xuân (vì sự biến năm ngoái dân xã ấy bị hại nặng nhất).

Mùa hạ, tháng 4, miễn trừ cho tỉnh Hà Tĩnh khoản thuế năm trước và khoản thiếu nợ còn đọng lại.

[8b] Dân cư sống ở xung quanh tỉnh thành Bình Định bị phỉ đốt phá. Chuẩn chiếu lệ chẩn cấp.

Miễn giảm thêm thuế lệ vụ hè thu năm ngoái cho phủ Thừa Thiên (miễn giảm 5 phần mười).

Miễn giảm thuế lệ năm ngoái hiện vẫn còn thiếu của tỉnh Quảng Bình.

Tháng 6, vua ngự giá trú lại ở thành Quảng Trị, ban sắc viết:

"Trẫm ngự giá thân chinh chuyến này vốn cốt để yên dân. Nay dừng lại ở tỉnh Quảng Trị để duyệt quân, dân chúng trong hạt kéo tới xem đã được ban cho gạo, thịt, xa gần đều đã được hưởng ân trạch. Nhưng lại nghĩ tới ở trong các lao ngục có thể còn những người [9a] già nua bệnh tật và những kẻ mắc tội nhẹ

vẫn bị giam hãm gông cùm lâu ngày, thực cũng thương tình. Vậy truyền tỉnh thần tra xét xác thực, nếu quả tuổi tác già nua, ốm yếu bệnh tật mà tội tình có thể nương nhẹ được thì kê thành danh sách tâu lên đợi phóng thích và ban cấp gạo thịt cho bọn họ để cùng được hưởng ân trạch".

Mùa thu, tháng 7, giáo dân Thanh Hóa tị nạn chạy sang ở lại tỉnh Ninh Bình có tới hơn 2 nghìn người. Lệnh cho tỉnh thần chẩn cấp cho họ (mỗi người 2 quan tiền).

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Mùa xuân, tháng Giêng. Tỉnh Khánh Hòa bị lụt, dân đói. Trích ra 3 nghìn phương gạo từ số gạo chuyển từ Bắc vào hiện chứa tại cửa tấn Đà Nẵng chở tới cấp cho.

[9b] Lại miễn giảm 4 phần 10 thuế thân năm ngoài và thuế ruộng đất vụ hè, miễn giảm 3 phần 10 các hạng thuế sản vật của tỉnh Thanh Hóa, bởi địa phương này bị phỉ gây hại nặng nề.

Miễn giảm 5 phần 10 số thuế năm ngoái còn nợ tồn đọng của tỉnh Quảng Bình.

Chẩn cấp cho giáo dân tỉnh Hà Tĩnh (trích 100 phương gạo ra phát chẩn cho giáo dân lưu tán).

Tháng 2, các tỉnh Bắc Ninh, Thanh Hóa, Hải Dương gặp thiên tai. Chuẩn chiếu lệ điều hòa cắt giảm cho từng nơi.

Tháng 3, giá gạo ở Kinh Sư tăng vọt (mỗi phương 15 quan). [10a] Chuẩn trích 2 vạn phương gạo trong kho giao cho phủ thần hội đồng cùng phái bộ đem bán giảm giá cho dân (mỗi phương 8 quan) để giảm bớt căng thẳng về lương thực.

Mùa hạ, tháng 4. Phủ Thừa Thiên vào tiết tiểu mãn gặp mưa bão làm cho lúa vụ mùa bị tổn hại nhiều. Phủ thần dâng phiến trình bày hiện tình xin xem xét. Vua phê rằng:

"Như thế thì cuộc sống của dân chúng có yên ổn hay không, phải đi thăm hỏi sự thực tâu lên để biết".

Dân các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Bình bị đói. Chuẩn cho các địa phương thực hiện quyên góp vay đợ để điều hòa.

Chuẩn cấp tuất cho thành phố Nghệ An bị hỏa hoạn (gồm 148 hộ).

[10b] Mùa thu, tháng 7. Chuẩn miễn các hạng thuế năm kia và năm ngoái cho hai tỉnh Bình Định và Phú Yên (vì lâu ngày bị phỉ quấy rối khiến dân tình hao tổn tiêu điều).

Tháng 8, Thanh Hóa bị lệ khí[1] lâu ngày. Mệnh cho quan địa phương thành tâm cầu đảo cho sớm tai qua nạn khỏi, đem lại phúc cho dân gặp nạn.

Tháng 9, chuẩn cho nhân đinh các xã bị hao tổn ở Hà Tĩnh được tiếp tục gia hạn nợ thuế má các hạng tùy mức khác nhau.

Xuống Dụ miễn giảm cho tỉnh Quảng Nam các khoản thuế lệ năm kia, năm ngoái và năm nay.

Mùa đông, tháng 10. Huân thần Nguyễn Hữu Độ tâu rằng, Quí Pháp quốc hiện đang tiến hành đào cảng thông từ Quí quốc sang tới [11a] Tân thế giới để tiện cho tàu thuyền qua lại, vì thế muốn thuê 1500 dân phu từ nước ta và nước Thanh sang làm việc. Nhưng e rằng đường xa xôi, dân khó nhọc nên không dám huy động theo tờ tư của quan Toàn quyền. Vua chuẩn y lời tấu.

Tháng 11, quan Viện Cơ mật tâu rằng nhận được tờ tư của Quí tòa nói rằng hiện giờ nước lũ đã rút, công trình xưởng thợ Hải Vân xin bắt số dân phu theo như lần trước để khởi công, đợi khi chính thức mở cửa sẽ tăng bắt thêm 2500 hoặc 3000 người nữa. Viện thần xin tư cho Thừa phủ Quảng Trị, Quảng Nam chiếu số bắt phu đi ứng dịch. Còn về khoản bắt tăng thêm chờ khi mở cửa chính thức sẽ bàn bạc quyết định. Vua phê rằng:

---

[1] *Lệ khí*: chỉ tình hình thời tiết bất lợi ảnh hưởng xấu tới mùa màng, gây ra bệnh tật cho con người.

"Viện thần phải đích thân sang quí tòa Khâm sứ phiên dịch rõ ý lời phê của trẫm, khéo léo thương lượng rằng, mùa đông năm nay tuy không rét đậm [11b] nhưng mấy ngày nay trẫm ở trong thâm cung mà còn cảm thấy bội phần rét mướt và ẩm thấp, huống hồ là ở nơi lam chướng. Xin quí Khâm sứ nghĩ lại. Về khoản này tuy bảo bản quốc cũng được hưởng lợi, nhưng dân chúng của bản quốc người no đủ thì ít mà kẻ nghèo khó thì nhiều. Vào những ngày rét mướt thế này mà sai phái đi làm, vừa nặng nhọc vừa rét mướt, áo quần không biết lấy đâu ra, e sẽ có điều oán thán, người có lòng nhân không ai nỡ như thế. Đây là chuyện khẩn cấp, xin quí Khâm sứ cho tạm hoãn việc đó đến hạ tuần tháng này hoặc sang tháng chạp, chờ sau tiết Đông chí hàn khí thoái giảm thì sẽ sức cho địa phương khẩn cấp bắt phu đủ số. Việc hợp tác làm việc giữa hai bên ngày tháng còn dài, yêu cầu như thế này sợ rằng phương hại đến hảo ý chăng. Nhưng chỉ vì nghĩ thương xót dân chúng, coi dân là gốc của nước nên kẻ ít đức này thấy có trách nhiệm với dân không thể không làm. Mong Quí sứ chấp thuận cho. Xin biết ơn lắm lắm, dân nước tôi lấy làm may mắn lắm lắm".

[12a] Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng. Tỉnh Quảng Bình giá gạo đắt đỏ, lương thực khó khăn. Tỉnh thần xin gia hạn nộp nợ thuế năm trước để đỡ khổ cho dân. Quan Bộ Hộ đem việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Hiện tại dân tình ở địa hạt các khanh đang khốn khó, chính là lúc cần phải điều hòa. Số thuế nợ các năm trước đã được các khanh kiểm tra xác thực và xin gia hạn, truyền tạm gia ân y cho một lần để đỡ cho dân trong lúc khó khăn, nhưng các khanh phải hết lòng hết sức trù biện sao cho trọn vẹn đầy đủ cả công lẫn tư, như thế mới được".

Mùa hạ, tháng 4. Tỉnh thần Thanh Hóa trình báo lên Bộ tỉnh

hình từ nhiều tuần nay ở địa phương không có mưa, trong dân chúng đã có kẻ nhiễm bệnh mà chết. Quan Bộ Lễ đem sự việc tâu lên. [12b] Vua phê rằng:

"Tỉnh thần cùng quan viên ở các phủ huyện trong hạt phải thành tâm cầu đảo, đồng thời cấp phát nhiều liều thuốc cho dân, sao cho sớm được mưa xuống, tưới tắm mùa màng, dân được yên ổn, để xứng đáng với sự ủy thác của triều đình".

Tháng 6, sắc cho quan Khâm phái Bắc Kì Tạ Thúc Dĩnh, Nguyễn Văn Thiện rằng:

"Trên đường đi qua các tỉnh hạt cần phải xem xét cuộc sống của dân chúng có bình thường không? Lúa má có tốt không? Đồng thời điều tra trong quan lại, binh lính và dân chúng có dư luận như thế nào về chính sách của triều đình, quốc gia kể từ khi trẫm tức vị đến nay. Trẫm mỗi lần sang cung Gia Thọ vấn an, vâng nhận ý chỉ của Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu hỏi rằng, sĩ phu Bắc Kì từ lâu vốn đã được hưởng đức hóa của nhiều triều đại, không biết tình hình hiện giờ thì như thế nào, [13a] có nghe ngóng trông chờ vào thế lực mạnh yếu nào không, quan lại có thực lòng thực dạ thi hành hay không, già này lấy làm lo lắng lắm. Các khanh hãy xem xét thực tế, đến khi trở về làm thành mật phiến hoặc phiến tâu lên, không được dấu giếm, cho phép mọi vấn đề cứ sự thực mà tâu trình".

Tháng 7, quan Khâm phái trở về tâu rằng, cuộc sống của dân chúng vẫn bình thường. Lúa vụ chiêm được mùa, giá gạo có phần dễ chịu. Một tháng lại đây mưa nắng bình thường, thuận lợi cho nhà nông. Quan lại, binh lính, dân chúng ai nấy đều chăm chỉ với công việc của mình. Các bậc sĩ phu chuyên cần chức nghiệp, đều cho rằng cục diện bảo hộ ở Bắc Kì có được là nhờ vào uy đức của Hoàng thượng. Tình hình êm ắng không có điều tiếng gì. Vua phán:

"Nếu quả thực như thế, thì tin tức trong nước cũng không nói quá. Tờ *Bắc kỳ nhật báo* xem ra cũng đáng tin. [13b] Nếu Kinh Phú Xuân ta may cũng được như thế thì không chỉ là phúc của riêng trẫm mà là phúc của cả xã tắc vậy".

(Về điều này xem trình bày riêng ở mục *Bang giao*).

Mùa thu, tháng 7. Đốc thần Nam Định tập tấu về tình hình lệ khí ở địa phương. Quan Bộ Lễ trình tâu lên. Vua phê:

"Lệ khí có liên quan dẫn tới tai nạn cho dân chúng. Nếu tình trạng kéo dài lâu ngày không dứt thì quan ở tỉnh và các phủ huyện các khanh phải chuyên tâm thành kính cầu đảo, đồng thời khẩn cấp chữa chạy sao cho dân địa phương sớm được yên ổn. Không được nói suông mà phải có trách nhiệm chăn dắt chăm lo cho dân chúng.

Bấy giờ người thuộc ty lãnh trưng thuế rượu lộng hành thu thuế ngoài pháp luật, các chủ lò rượu phủ Thừa Thiên nhiều lần kêu ca, Quí tòa cho rằng đã có pháp định cho phép lãnh trưng thuế rượu, tư cho quan Bộ Hộ tâu xin cho Phủ thần [14a] căn cứ vào từng điều lệ qui định rõ là nghiêm cấm rồi lập tức tăng cường tra xét, nếu quả những người ở ty thuế đó lộng hành thu thuế phi pháp thì phải căn cứ vào pháp luật mà trừng trị ngay để răn đe kẻ gian và tránh cho dân khỏi khổ. Vua chuẩn y lời tấu.

Tháng 11. Tỉnh thần Thanh Hóa trình báo rằng các huyện, châu vùng thượng du liên tiếp bị thổ phỉ quấy rối, lại bị nạn hổ báo gây hại khiến dân chúng li tán, đồng ruộng bỏ hoang, nên xin miễn giảm các khoản cúng nạp chính và thuế sản vật còn thiếu. Quan Bộ Hộ tâu lên. Vua chuẩn y lời đề nghị.

Tháng 12. Bên Quí tòa cho rằng sông ngòi, đầm hồ ở các địa phương nam bắc đem chia cho dân gian để nuôi thả cá làm ăn, nếu cứ để làm trầm lan như thế e sẽ trở ngại cho tàu thuyền qua lại,

thương lượng đề nghị Cơ mật viện xem xét giải quyết. Viện thần tâu lên. [14b] Vua phê:

"Tùy từng nơi bàn bạc thỏa thuận sao cho không ảnh hưởng đến hảo ý của Quí tòa mà lại tránh phiền hà cho dân, thế mới làm tròn trách nhiệm của địa phương. Ở những nơi quả có gây trở ngại cho tàu thuyền trẫm sẽ bàn cho ngừng lại".

ĐÔN THÂN

[15a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Chuẩn khôi phục lại các tước hàm khác nhau cho những người từng mắc lỗi thuộc hàng Tôn thất như Hoàng thân, Vương công, Công chúa và con cháu trong Tôn thất. (Tuy Lí vương Miên Trinh được phục hồi là Tuy Lí công; Quỳnh Quốc công Miên Triện được phục hồi là Triệu Phong Quận công; Hải Ninh Quận công Miên Tranh, Kỳ Phong Quận công Hồng Đĩnh, Tuy Lý Huyện công Hồng Tu đều được phục hồi tước cũ; Cử nhân Công Tôn Ưng Phương được phục hồi nguyên ngạch; Thị độc Học sĩ, Tham tá Các vụ Hồng Sâm được phục hồi chức cũ; Tôn Thất Bá thuộc hệ thứ 7 được phục hồi tôn tịch).

Tấn tặng Thụy Quốc công làm Thụy Nguyên Quận vương (Đến đời Thành Thái được truy tôn là Cung Huệ Hoàng đế), chuẩn cho lập đền thờ, cấp cho ruộng tự điền (Đền dựng tại xã Phú Lương; ruộng tự điền 12 mẫu ở xã Triều Sơn, nguyên theo sổ bạ là ruộng tư của Nguyễn Văn Tường sung làm tự điền).

[15b] Tháng 12. Tấn tặng cho phụ mẫu của Hoàng Thái hậu. Dụ viết rằng:

"Các vua ngày xưa kính trọng cội nguồn, ưu đãi ngoại thích, đó

là bởi tôn trọng đạo hiếu vậy. Tưởng nhớ: Đặc tiến Vinh lộc Đại phu, Thái bảo, Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn, trải làm phụ tá ba triều, giữ vẹn thủy chung một đức. Sinh ra Thánh mẫu Hoàng Thái hậu triều ta, thừa hưởng khuôn phép nhà, dưỡng thành tính hiền hậu. Vào năm Tự Đức đã gia ân phong tặng cho phụ mẫu nội đình. Lần đó vì viên Đại thần ấy phẩm trật cũ đã cao, bà đích mẫu họ Bạch thì theo chức của chồng [16a] nên đình việc phong tặng. Bà sinh mẫu họ Trần theo lễ kính tặng Nhất phẩm Phu nhân. Trẫm vinh hạnh được cai quản cơ đồ to lớn, tưởng nhớ đức sáng, muốn thực hiện ân lễ long trọng để tỏ rõ phúc trạch đặc biệt. Vậy gia tặng cho Vũ Xuân Cẩn là Lệ Quốc công, hai bà họ Bạch, họ Trần đều tặng là Lệ Quốc Phu nhân để tỏ hậu lễ. Các ty kê rõ về điển lệ tâu lên để thi hành. Hãy kính cẩn làm theo.

(Đến tháng 12 năm Đồng Khánh nguyên niên [1886] lại vâng chuẩn truy tặng 4 đời trở về trước; tháng Giêng năm Đồng Khánh thứ 2 [1887] xây dựng từ đường, ấm thụ cho các con cháu với cấp bậc khác nhau).

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng. Gia cấp cho Thiện phi lương bổng hàng năm và quần áo mặc mùa xuân, mùa đông.

[16b] Hồi vua còn nhỏ, Tiên đế từng có ban sắc chỉ giao vua cho Tiên triều Thiện phi nuôi làm con. Đến giờ nghị bàn tấn phong thêm giai bậc cho Thiện phi, đồng thời truy tặng tước cho phụ thân của bà là Nguyễn Đình Tân. Vâng theo Chỉ dụ của Thái Hoàng Thái hậu bảo giao cho các Tôn nhân, Đình thần xem xét nghị bàn rồi phúc tâu lên. Đình thần bàn rằng: "Nước không thể có hai mối, tôn trưởng không thể có hai bề trên, đó là phép thường từ xưa đến nay. Huống chi huy hiệu "Thiện phi" là do Tiên thánh đế ban phong cho, nên đã thành mệnh lệnh, thiết nghĩ đằng trước hai chữ "Thiện phi"

không dám gia tăng thêm gì nữa. Về cha của bà là Nguyễn Đình Tân đã quá cố, hồi trước đã được truy phục chức Thượng thư cũng là bởi Thiện phi được liệt vào hàng phi. Vì vậy việc tấn phong thêm cho Thiện phi và tặng tước hiệu cho thân phụ của bà xin nên đình chỉ. Duy bởi [17a] Từ Dũ Bác Huệ Thái Hoàng Thái hậu đã có Chỉ dụ, và không dám bỏ qua tấm lòng báo nghĩa của Hoàng thượng, nên về lệ bổng hàng năm của Thiện phi nghĩ định chiếu theo lệ cũ (Bổng hàng năm 700 quan tiền và cấp 300 phương gạo) mà tăng thêm một nửa, cùng với quần áo mùa xuân, mùa đông cấp cho đầy đủ để thỏa hợp tình nghĩa và tỏ rõ hậu đạo". Vua phán: "Bàn luận thấu đáo đầy đủ lắm, người xưa cũng không thể hơn được". Bèn chuẩn y thực hiện theo lời nghị bàn.

Tấn tặng Kiên Quốc công làm Kiên vương, ban tên thụy là Ôn Nghị. Sách văn viết:

> "Từng nghe nói, Thánh nhân tạo dựng lòng yêu mến, nghĩa không gì lớn bằng thân quí người thân; Vương giả kế tiếp mà phục hưng, lễ phải bắt đầu từ [17b] quí người yêu quí. Đức nào cũng phải đền đáp, dẫu đã qua vẫn như còn. Cảm nhớ: Kiên Quốc công quá cố vốn là người em yêu quí của Hoàng khảo Dực Tông Anh Hoàng đế triều ta. Tấm lòng hiếu hữu, bản tính thẳng ngay. Tự lập tu rèn gọt rũa tinh hoa cành vàng lá ngọc; chẳng nghề cung kiếm vẫn mang khí khái vó ngựa cánh chim. Ba lần được ban sắc biểu dương nghĩa hạnh, trăm đời sau phúc đức để lại ngọn nguồn. Đến nay ngôi báu kế thừa, cơ đồ nối tiếp. Nhìn lũ lượt ấn ngọc thẻ ngà lòng còn nhớ Đông Bình; nghe văng vẳng tiếng sênh tiếng ca dạ há quên Tử Tấn. Hoàng tộc tiếc lòng nhân hậu, tuyên dương phải có sắc rồng. Nay kính tuân theo đặc chỉ của Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu tấn phong cho là Kiên vương, gia thụy là Ôn Nghị để an ủi hương hồn và tỏ rõ phúc nước. Ôi, đạo sắc thơm thêm rạng rỡ biểu

dượng anh linh dưới cửu tuyền; lá ngô đồng chẳng phải suông[1] [18a] phù hộ chở che cho cội rễ. Hương hồn anh linh thì về kính nhận".

Cấp lộc điền cho 2 người con của Ôn Nghị Kiên vương. Trước đó Đình thần tâu rằng, việc phụng thờ Ôn Nghị Kiên vương, từ ngày giỗ, ngày sinh hàng năm cho tới các lễ tế bốn mùa đều đã được tiến hành theo thể thức long trọng của nghi thức tế lễ nhà nước, vì vậy khoản cung cấp ruộng tự điền xin đình chỉ. Nhưng kính thể theo đạo yêu quí người thân mà cấp ruộng cho hai người con của Tôn vương (Ưng Đăng và Ưng Lịch) thì cũng hợp tình lí. Nay có số ruộng 18 mẫu ở xã Thanh Đàm phủ Thừa Thiên trong sổ bạ mang tên Nguyễn Văn Tường xin đem cấp cho họ. Vua chuẩn cho.

Mùa đông, tháng 10. Thọ Xuân vương Miên Định qua đời. [18b] Vua khuyết triều 3 ngày, lại ban cho một đàn rượu, đặc ban tên thụy là Đoan Khác, truy tặng người Phủ thiếp quá cố Nguyễn thị làm Nghĩa tần, thân phụ của bà là Hậu quân Đô thống Nguyễn Diễm cũng được truy thăng hàm Thái tử Thiếu bảo.

Tháng 12, dựng lại đền thờ Tăng Duệ Hoàng Thái tử.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 3, lại miễn cho quê bên ngoại là xã Văn Xá các khoản thuế lệ nhân đinh, điền thổ của năm ngoái và năm nay.

---

[1] *Lá ngô đồng*: Theo *Sử ký* của Tư Mã Thiên, Thành vương nhà Chu đùa Thúc Ngu, tước lá ngô đồng giả làm ngọc khuê đưa cho Thúc Ngu mà bảo: Ta phong cho chú em. Sau đó sử quan tâu xin chọn ngày để lập cho Thúc Ngu, Thành vương ngạc nhiên bảo: "Ta chỉ nói đùa với Thúc Ngu đó thôi". Sử quan tâu rằng: "Thiên tử không bao giờ nói đùa, một khi vua đã nói ra lời thì sử quan lập tức biên chép lại thành sử rồi". Sau đó bèn phong cho Thúc Ngu ở đất Đường.

Mùa hạ, tháng 4, [19a] chuẩn cho Kiên Huyện công Ưng Đăng dời vào ở tại tòa lầu phía Tây phủ đệ cũ, mệnh Tả Tôn khanh Tôn Thất Phiên trông coi việc này.

Tháng 6. Vua dụ rằng:

"Ngày trước vì quyền thần lộng hành nên các Thân vương, Công tử có người thì bị giết, có người thì bị lưu đày, trẫm hồi đó đã từng nghe thấy mọi người nhắc nhau cảnh giác để phòng tự giữ lấy thân, thực đều khiếp sợ. Từ khi trẫm tức vị đến nay, luôn lấy lòng khoan nhân mà gia ân chuẩn cho phục hồi tước vị, nối tiếp tập ấm, dù đã mất hay còn sống thảy đều được hưởng ân trạch. Trong đó có người được tha cho trở về Kinh để bảo toàn tính mệnh, những tưởng xem ra đều đã cảm hóa mà biết sợ. Không ngờ ngày nay, số Hoàng thân còn lại không được mấy người, sao không biết an phận thủ thường mà lại quen theo lề thói cũ, ăn nói bừa bãi, hành động ngông cuồng, càn rỡ còn bội phần hơn trước. Tôn nhân phủ [19b] vốn có trách nhiệm kiêm nhiếp cai quản thì bàng quan ngồi đấy, hoặc lại kêu là không thể làm gì nổi. Sao không biết vào thời các ông Tùng Thiện, Ninh Thuận còn kiêm cai quản đã làm như thế nào. Sao không biết ngăn cấm các phủ đệ. Vả luật pháp không vì nể người thân, thế thì phải xử trí ra sao khiến cho mỗi người đều biết tuân theo phép công mà đi theo đường ngay thẳng để thể hiện được đạo trời về tình thân ruột thịt. Nếu vẫn cứ tiếp tục phóng túng cợt nhả tất sẽ xâm phạm đến chính thể, kẻ nào bị phát giác lập tức giao cho phép công luận tội, vi phạm pháp luật thì khó tránh khỏi tù tội lưu đày. Đây là quân lệnh, chớ bảo là không cảnh báo từ sớm. Viện sao lục Dụ này đem yết thị để nghiêm túc thi hành".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng, tấn tặng Kiên Thái vương và phong huy hiệu Vương phi. [20a] Dụ viết rằng:

Nay căn cứ theo các Tôn nhân và Đình thần cùng một lời kêu xin rằng nên chiếu theo lời nghị bàn của Trình Di về Bộc vương mà tấn tặng Kiên vương làm Kiên Thái vương; Vương phu nhân Bùi thị tấn phong làm Kiên Thái Vương phi. Về cách xưng hô thì tuân chiếu lời nghị bàn năm Tự Đức thứ 29 chuẩn cho gọi là Hoàng thúc phụ và Hoàng thúc mẫu, đồng thời đổi tên thụy thành hai chữ "Thuần Nghị" cho phù hợp với chí của Người lúc sinh thời. Trẫm đã hai ba lần giao cho công luận bàn bạc rồi tâu lên, đều cho rằng lời bàn năm trước rất hợp ý nghĩa, trong lòng cũng thấy rất thỏa đáng. Sau đó đưa việc ấy tâu lên Lưỡng cung, đã kính nhận được Chỉ dụ chấp thuận. Vả lại, chính thống nghĩa là rất trọng, ơn sinh thành gốc ở chí tình. Phù hợp chính đáng với đạo trời, thỏa hợp với lòng người, đó là đầu mối vừa Lễ vậy. Nay trẫm tiếp nhận các lời nghị bàn, [20b] tuân theo ý chỉ của bề trên tấn tặng cho Kiên vương làm Kiên Thái vương, tên thụy là Thuần Nghị; Vương phu nhân Bùi thị phong làm Kiên Thái vương phi. Cách xưng hô chuẩn y theo nghị bàn trước đây. Về nghi thức thực hiện giao cho hữu ti căn cứ điều khoản qui định mà thực hiện sao cho phù hợp với điển lễ. Tờ dụ này truyền đem sao lục gửi cho trong ngoài đều biết mà thi hành. Hãy kính cẩn tuân hành".

Xây điện Truy Tư và dựng cục Thiên Thành. Bộ thần hai bộ là Bộ Lễ và Bộ Công trình tấu nói rằng đến thờ Kiên Thái vương, mặt trước gần sát với dinh của bộ, lại hướng ngay ra con đường cổng Chính Đông, quan quân đi lại rất ồn ào, xin chọn chỗ khác xây lại. Vua phán rằng:

"Lăng tẩm của Vương chưa dựng được. Tại chỗ gần bên cạnh lăng cần dựng một toà chính đường, gọi là điện Truy Tư, bên tả dựng một ngôi, gọi là Công Nghĩa đường, bên hữu dựng một ngôi, gọi là Minh Ân viện. Bộ Lễ hội đồng cùng với [21a] Khâm thiên giám lựa tìm địa thế chỗ nào cao ráo, thoáng đãng, hợp

phương hướng có thể xây dựng được thì cho xây dựng ngay. Lại đổi lăng tẩm của Vương thành cục Vạn Niên Thiên Thành, mở rộng thêm phạm vi qui mô, dùng gạch xây nhà bia, cột biểu trụ, thành gạch, tường thành, hào nước, các khoản đều phỏng theo các tôn lăng châm chước quyết định mà tiến hành".

Mùa hạ, tháng 4. Truy tặng cho từ thân phụ mẫu của Kiên Thái Vương phi, chiếu theo lệ phong tặng cho ngoại thích nhưng đều lấy thấp hơn 1 bậc.

Xây dựng đền Lưu Huy (tại phường Vạn Sơn tỉnh Quảng Trị).

Mùa thu, tháng 7. [21b] Truy tặng cho Công tử Ưng Phong (con trai thứ 2 của Kiên Thái vương) làm Kiên Huyện hầu; Công nữ Tú Lộc (con gái trưởng của Kiên Thái vương) làm An Nghĩa Huyện chúa.

Tháng 8, chuẩn đổi phong Đồng Xuân Công chúa Gia Đốc làm Phục Lễ Công chúa.

Tháng 12, Tuy Lí công Miên Trinh thọ 70, chuẩn đưa các hạng lễ phẩm đến ban cấp.

THỂ THẦN

[22a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Ban cho Huân thần Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình thẻ kim bài và áo dệt.

Chuẩn cho các quan văn võ từ ấn quan trở lên được phép đi giày khi thị triều. Theo lệ cũ chỉ các Vương công mới được đi giày vào chầu. Đến giờ vì việc giao thiệp nhiều lên, mà quan lại đi chân đất làm việc gây mất thể diện, nên mới cho phép như thế.

Tháng 11. [22b] Ban mực hiệu Bảo Nghiên cho các Tôn nhân, Đình thần, tùy người có khác nhau.

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng, Huân thần Nguyễn Hữu Độ tâu rằng: Cố thần Nguyễn Tri Phương năm trước vì dính vào vụ Hà Thành nên bị giáng xuống hàm Tham tri, cố thần Phan [Thanh] Giản, Lâm [Duy] Thiếp can tội không hoàn thành nhiệm vụ khi đi hòa nghị; cố thần Tôn Thất Hợp dính vào vụ Định Tường, các vị đó đều bị cách và giáng chức. Thiết nghĩ các cố thần đó đều là quan kì cựu của Tiên triều, từng trải nhậm chức khắp trong ngoài, có rất nhiều công lao. Năm trước mắc lỗi đều là vì việc công mà mắc tội. [23a] Nay Hoàng thượng mới lên coi chính sự đã rộng lượng gia ân cho các thần dân khắp trong ngoài đều đã được hưởng ân huệ cả, riêng các vị đó chưa được đội ơn phục hồi, như thế e rằng không khỏi có phần thiên lệch. Xin gia ân phục hồi lại nguyên hàm để tỏ sự đặc cách rộng lượng mà hương hồn của họ cũng được phần an ủi. Vua phê rằng:

> "Chuẩn thờ phụng các vị ấy y lệ hợp phối để được hưởng ân huệ đều khắp chu toàn. Khâm thử. Chuẩn cho Nguyễn Tri Phương được thờ tại án thờ chính của miếu Hiển Lương; các người còn lại truy xét phục hồi chức hàm khác nhau".

(Tháng 12 năm Đồng Khánh thứ 2 [1887] Tổng đốc Hà Ninh Bùi Thức Kiên cũng được chiếu theo lệnh này mà phục hồi lại chức Thị lang, phục hồi tên khắc trên bia Tiến sĩ).

Tháng 3. [23b] Chuẩn truy tặng tuất và ấm các mức khác nhau cho các viên quan tử nạn như Lê Tiến Thông (chức Án sát, quyền lãnh Bình Phú Tổng đốc) v.v...

Chuẩn cho các quan ở ngoài Kinh, bắt đầu tính từ tháng này trở về trước, quan văn thì được thăng tứ phẩm, quan võ thăng tam phẩm; phụ mẫu của các ấn quan trở lên đều được chiếu lệ phong tặng.

Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho nguyên Hộ bộ Thị lang Nguyễn Tư Giản (đang nghỉ ốm) thăng thụ chức Tổng đốc Ninh Thái. Vì Tư

Giản là bề tôi kì cựu của tiên triều, danh vọng lẫy lừng nên có đặc ân này để tỏ rõ sự tưởng nhớ cựu thần.

Tháng 9, Tổng đốc Hải An Nguyễn Thành Ý vì đau ốm xin nghỉ hưu. Vua y cho, [24a] lại chuẩn cấp cho niên bổng (1200 quan).

Chuẩn tặng cho Tuần phủ Tuyên Quang Hoàng Tương Hiệp làm Lễ bộ Thượng thư.

Tháng 11, chuẩn cho Nguyên Thượng thư Vũ Trọng Bình giữ nguyên chức cũ về hưu, cấp cho mỗi tháng 20 quan tiền và 3 phương gạo để an dưỡng, lại ban cho lụa và quần áo để tỏ hết lòng tưởng nhớ cựu thần.

Tháng 12, Lễ bộ Thượng thư Chu Đình Kế xin về chí sĩ. Vua chuẩn y, ban cho 15 lạng bạc và 2 tấm lụa sa.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. [24b] Mùa xuân, tháng Giêng, Đốc thần Nghệ An Nguyễn Chính bị ốm xin cấp thuốc. Vua nghĩ Chính là cựu thần dạy học khi trước, chuẩn trích sâm, quế ngự dụng đem ban cho.

Tháng 2, Bộ Hộ tâu xin rằng, Huân thần Nguyễn Hữu Độ được cấp lộc điền tại ngụ quán. Huân thần nói rằng hiện ngụ tại Xuân Hòa mới được 7 năm, xét thấy xã ấy ruộng ít dân đông, tình cảnh khó khăn. Ở tại đất ấy đã khó sống, lại lấy ruộng ở đó mà canh tác, trong lòng tự thấy không ổn thỏa. Vậy xin đợi đến bao giờ nam bắc yên ổn sẽ mua ruộng tư của dân rồi đệ phiến xin cấp giá tiền [25a] đợi ân chuẩn. Vua phê: "Thuận theo cách xử lý hay đó".

Tháng 5, Huân thần Nguyễn Hữu Độ vâng mệnh lại ra Bắc Kì sung làm Kinh lược sứ. Đặc ban cho 1 viên ngọc "Như ý" loại tốt và 1 long bài với ngụ ý rằng "chẳng phải ngọc vẫn quí". Lúc sắp lên đường, vua mệnh cho Đại nội bày tiệc thết đãi, lại định ngự giá tới phủ đệ để tiễn. Huân thần nghĩ rằng ưu đãi như thế đã là cực kì trọng hậu, trộm thấy bất an trong lòng, bèn dâng phiến xin được từ chối. Vua mới

mệnh cho quan các Bộ, Viện, Các mỗi nơi cử 1 người ra tiễn đưa đến tận cửa Thuận An.

[25b] Tháng 8, Đông các Đại học sĩ Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm lấy cớ già yếu bệnh tật đệ tập tấu xin về chí sĩ. Vua không cho, chuẩn gia hàm Thái tử Thiếu phó, chuyển sung làm Cơ mật Đại thần, bãi bỏ việc kiêm sung sang Bộ Hộ để tâm sức được thư giãn mà tập trung hết vào suy nghĩ luận bàn. Lại dụ rằng:

> "Trong công việc, trẫm nghĩ các bề tôi đều thân làm quan ở chốn đình chung mà lòng luôn hướng về chí tang bồng, đều là những người có ân tri ngộ với Hoàng khảo của trẫm, vì vậy luôn tin tưởng và nghe theo. Khanh nếu có dời đi xa thì cũng nên nghĩ tới quốc gia, quên việc gia đình, giữ sự đúng đắn cho mình để giữ cho người, tỏ rõ thực tâm phò tá cho trẫm may mắn không mắc phải sai lầm, điều đó có quan hệ tới nghĩa lớn vua sáng tôi hiền, đó là phúc cho trẫm vậy. Trẫm cũng biết trọng lời nói, chỉ nghĩ lời hứa của bậc quân tử đáng giá nghìn vàng, hoặc như ngọc lệ châu cất lâu trong tay áo vậy".

[26a] Tháng 9, chuẩn cho Nguyễn Trọng Hợp kiêm chưởng Bộ Lại. Nguyễn Trọng Hợp cho rằng mình ở ngoài triều đã lâu, bây giờ thuyên chuyển về e có khó khăn. Hiện tại Hoàng Hữu Thường đương cai quản Bộ Lại, là người cần mẫn tinh thông, quen với công việc, xứng đáng với vị trí đó. Vì vậy xin cứ để vị ấy lưu lại ở Bộ Lại, vừa gần cận với Viện Cơ mật, thuận tiện sớm hôm qua lại thảo luận công việc về bãi miễn quan lại. Vua phê rằng:

> "Tùy tài mà dùng người. Các quan mỗi người một chí, cũng không thể ép buộc được. Chuẩn cho khanh lãnh chức Binh bộ Thượng thư, còn Hoàng Hữu Thường vẫn để lãnh chức Lại bộ Thượng thư. Hãy kính cẩn thi hành".

Sau đó, Hoàng Hữu Thường cho rằng mình là người Thừa Thiên, có nhiều người thân quyến và quen biết nên nắm giữ việc thuyên bổ

rất khó tự giữ được sự trong trắng. Ví như vừa rồi mới cai quản bộ ấy được nửa tháng mà cửa quan đã ồn ào phức tạp như cái chợ. Nguyễn Trọng Hợp là người Bắc Kì, [26b] vốn có phẩm chất và danh vọng. Hồi trước ở Bộ Lại đã lâu vẫn giữ được công tâm trung thực, không có điều tiếng gì. Huống chi ở Bộ Lại và Bộ Binh công việc bận rộn hay nhàn nhã nhiều ít thế nào Hoàng thượng ở cửu trùng hẳn đã biết rõ. Vậy khẩn thiết cúi xin cho y theo lời dụ khi trước, vẫn để vị quan ấy lãnh chức Lại bộ, còn thần lưu ở Binh bộ cho tương xứng. Vua phê rằng:

> "Vua đối với bề tôi như cha đối với con cái, phải yêu thương và tin cậy. Nhưng nghe theo người này thì lại mất lòng người kia. Lời của hai khanh không phải là sự lựa chọn vì công việc mà cách nhìn nhận cũng không giống nhau. Hai khanh lo lắng đến công việc của hai bộ, trẫm đã hiểu cả, nhưng nếu tự trẫm quyết đoán e rằng sẽ có chỗ dị đồng. Vậy chuẩn cho hai khanh cùng hội lại bàn bạc thỏa thuận nên như thế nào cho ổn thỏa rồi phúc tâu lên chờ phán quyết, như thế cho trọn nghĩa đồng liêu".

[27a] Mùa đông, tháng 10. Hộ bộ Tả Thị lang Tạ Thúc Dĩnh được đổi điều làm Bố chính sứ tỉnh Quảng Ngãi. Viên quan ấy vì có cha già tuổi ngoại 70 nên dâng phiến xin tiếp tục giữ chức ở Bộ để được gần cận tiện thăm nom chăm sóc cha. Vua phê rằng:

> "Khanh là người như thế nào trẫm vốn đã hiểu, duy gia đình của khanh được đội ơn ra sao thì chưa được tường. Trong việc dùng người trẫm luôn thể theo thâm tâm của Hoàng khảo trẫm, khanh có biết chăng? Khanh có nghĩ đến báo đáp hay không? Huống chi tình cảnh của khanh trẫm cũng đã từng xem xét tới. Khanh là thông gia với [Tôn Thất] Phiên là người cũng thuộc trong dòng Tôn thất. Trong công việc hai người phải nên đồng tâm ưu ái, cố gắng làm trọn đại nghĩa vua tôi, lưu danh sử sách, thế mới gọi là con hiếu của gia đình, tôi trung của đất nước, và

cũng là điều trẫm mong đợi. Còn nếu để có điều tai tiếng thì cái sự học cả đời phỏng có ích gì. Khanh khá nên nghĩ cho kĩ đi. [27b] Còn về việc thay đổi điều bổ vốn là giở sổ chọn người mà thôi. Nay khanh đã giãi bày tâm can tâu trình như thế trẫm còn có lòng nào đây, đành đổi lại ý định ban đầu đó để tỏ sự thành tâm đãi sĩ và dạy dỗ lòng trung hiếu thủy chung. Vậy tạm thời chuẩn y lời thỉnh cầu. Chỉ có điều nghĩ rằng ai đó tự cậy vào tài bẩm sinh của mình thì chẳng bằng một người thuần túy bình thường, huống hồ ở vào vị thế này thì có gì đáng nói nữa".

Tháng 11, chuẩn cho tu bổ đền thờ các công thần triều trước là Tĩnh Quốc công Nguyễn Hữu Dật, Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Kính, đồng thời cấp thay thế ruộng tự điền và phu trông nom phần mộ.

[28a] Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng, tấn phong cho Huân thần Nguyễn Hữu Độ làm Vĩnh Lại Quận công, được đặc cách chiểu theo lệ phong cho hàng Thân công, sai quan trì tiết đến tận nơi làm lễ tuyên phong, lại đặc ân chuẩn cho dùng ấn toàn bằng bạc để làm báu vật truyền đời. Huân thần dâng phiến xin được từ chối. Tôn nhân và Đình thần thì tấu thỉnh y chỉ tuân hành. Vua dụ chuẩn y thi hành để tỏ rõ điển lễ của triều đình đền đáp bề tôi có công lao.

Tháng 3, [28b] ban phủ đệ cho Bảo quốc Huân thần Vĩnh Lại Quận công. Vua nghĩ Huân thần đã được phong tước công, bèn chuẩn cấp cho 1000 lạng bạc trong kho để xây phủ đệ riêng. Nhân đó phê rằng:

"Khanh vốn thanh liêm, nước lân bang cũng đã có thư đề nghị, nên cần đối xử hậu để tỏ lòng thể tất".

Chuẩn truy tặng Nguyễn Hữu Lang làm Dực vận Công thần, Phả Lại tử, Thái thường Tự khanh như cũ.

Mùa thu, tháng 7, Sơn phòng sứ Nguyễn Thân về Kinh chiêm yết. Vua dụ rằng:

"Khanh ở chốn sung yếu đó chắc không được bên ngoài tiếp tế, nên xem ra sống cũng liêm khiết bình dị. Truyền gia ơn ban cho 2 chiếc áo rộng tay của vua dùng mặc khi vào chầu để nom cho được nhã. Chỉ mong khanh mặc áo này thì giữ mãi lời ước khi xưa [29a] là cùng chung họa phúc, trẫm còn ước mong gì hơn".

Mùa đông, tháng 10, Thự Hiệp biện Đại học sĩ, Lãnh Binh bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, Quốc sử quán Phó Tổng tài, kiêm quản Văn thần, Phò mã, Quốc Tử giám Hoàng Hữu Thường mất. Vua dụ rằng:

"Hoàng Hữu Thường là người văn học, đức hạnh gồm đủ, cả phủ Thừa Thiên này hiếm thấy một người như thế, thực vô cùng thương tiếc. Truyền gia ân truy thụ Hiệp tá, đặc biệt ban cho 100 lạng bạc, 600 quan tiền cùng các hạng vải lụa. Các con trai, con gái trẫm tới có mặt kính cẩn phúng điếu 3 bức trướng vải dày để vĩnh biệt".

Huân thần Nguyễn Hữu Độ bị ốm, dâng phiến xin được nghỉ việc về phủ để riêng tĩnh dưỡng. Vua phê:

"Hiện tại vẫn còn nhiều điều khoản cần phải đi thương lượng. Nhưng vừa rồi khi khanh vào chầu sắc diện thấy còn ốm lắm. [29b] Trẫm rất thương xót, trong lúc thính chính cũng có hỏi thăm, khanh vì sợ trẫm lo lắng nên không dám kể ra sự thực, nhưng trẫm cũng đã biết rõ cả. Nay theo bản tấu trình của khanh, xét về tình phải nên như thế. Mong sao cho bệnh mau khỏi để lại ra làm việc ngay không phải nghỉ thêm nữa".

Tháng 11, bệnh tình của Huân thần thêm nặng. Vua chuẩn phái một viên ở Thái y viện tới gấp chăm sóc điều trị. Lại mệnh lấy sâm, quế trong Thượng phương phái thị vệ đến thăm hỏi bệnh tình và ban cấp cho. Ngày 16 tháng ấy, Huân thần mất. Cơ mật viện tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Khanh là người công tâm trung thành, lại kiêm tài học. Khi trẫm thân chinh, khanh không từ gian khổ, một lòng báo đáp. Những tưởng ngày tháng còn dài, ai ngờ bữa nay nghĩa vua tôi dứt đoạn. Tình cảm vô cùng thống thiết, hễ nhắc tới là lệ lại tuôn rơi, [30a] trẫm còn biết nói sao, trong lòng khôn xiết đau xót".

Bèn mệnh nghỉ chầu 3 ngày, cấp tiền tuất 1000 quan và các loại lụa mỏng sợi Tàu, lụa sô ta mỗi thứ 4 tấm, vải trắng 10 tấm. Mệnh cho tỉnh thần Hà Nội tuyên Dụ lập một đàn tế tại Nha Kinh lược. Vào ngày đưa quan tài về Kinh, lại sai quan đem rượu đến ban tế lễ.

Sau đó Nha Kinh lược đệ trình tờ di biểu của Huân thần và một bản sao bức thư của Huân thần gửi quan Toàn quyền, tất cả do quan Viện Cơ mật đệ dâng lên. Vua lại phê rằng:

"Ngay tại ngự tiền, trẫm giở xem tờ lưu biểu của Huân thần kính dâng lên, chợt cảm thấy rằng đến các bậc hiền nhân ngày xưa cũng không hơn thế được. [30b] Người thì đã mất đi nhưng cái tâm vẫn còn đây, lại thêm ý nghĩa sâu sắc, lời lẽ thống thiết, một dạ trung thành thủy chung như nhất, sáng tỏ như mặt trời mặt trăng treo rực rỡ trên đầu. Một con người như thế tài năng còn dài mà sao bản mệnh lại ngắn như vậy. Hễ cứ nhắc tới là rơi nước mắt đau buồn không xiết. Vua tôi nghĩa trọng, hiền khanh ở dưới suối vàng có biết cho tấm lòng kính yêu của ta hay không".

Quan Tổng đốc kiêm lãnh Hà Tĩnh Tuần phủ Vũ Khoa về Kinh chiêm bái. Vua ngự ở biệt điện triệu vào an ủi rằng:

"Khanh là bề tôi kì cựu, vốn được tiếng là thông thạo mẫn cán. Giải quyết công việc sau sự biến là việc rất khó khăn. Khanh hãy kể rõ việc tập nã trấn an tiến hành ra sao. Phải cố dẹp giặc yên dân để không phụ ý gửi gắm trách nhiệm ở người đứng đầu".

Viên Tổng đốc tâu trình mọi việc xong, nhân đó [31a] ngỏ ý xin

gia ân chuẩn cho ở lại Kinh lãnh một chức tản quan để được gần gũi nghe lời dạy bảo. Vua phán:

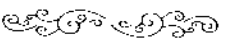
> "Khanh là bậc lão thành, không biết dân ở hạt ấy có chịu như thế hay không, kẻo lại như lần trước nói rồi lại không thực hiện được. (Tháng 5 năm Đồng Khánh nguyên niên, viên ấy đã xin cáo bệnh nghỉ. Tháng 2 năm Đồng Khánh thứ 2 chuẩn đổi làm Bình Phú Hộ đốc, nhưng dân địa phương đều xin lưu ở lại). Truyền Bộ tư hỏi ý của dân hạt rồi phải theo ý của dân mà làm".

Về sau lại chuẩn cho viên ấy đi nhậm chức.

Nguyễn Trọng Hợp dâng phiến xin về quê làm lễ phần hoàng cáo mộ tổ tiên, rồi lại trình kể hoàn cảnh gia đình và tình trạng đau ốm để xin lưu lại ở quê 3 tháng để lo liệu công việc. Vua chuẩn cho nghỉ hẳn 6 tháng, lại phê rằng:

> "Trẫm đã hiểu rõ khanh nên đã hết lòng ưu ái. Khanh cũng phải biết xử sự thế nào cho phải để khỏi phụ [31b] chí hướng ban đầu của mình".

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN III



DỤNG NHÂN

[1a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 8, chuẩn cho Vũ hiển Đại học sĩ, sung Cơ mật viện Đại thần Nguyễn Hữu Độ làm Cố mệnh Lương thần, gia Thái tử Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Bảo quốc Huân thần, vẫn sung làm Cơ mật viện Đại thần, sung Bắc Kì Kinh lược Đại sứ, tấn phong tước Vĩnh Lại bá; Lại bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần Phan Đình Bình làm Cố mệnh Lương thần, thăng thụ Hiệp tá Đại học sĩ, thự Văn Minh điện [1b] Đại học sĩ, Tá quốc Huân thần, lãnh Lại bộ Thượng thư, vẫn sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, sung Quốc sử quán Tổng tài, kiêm quản Văn thần, Phò mã, tấn phong tước Phù Nghĩa tử. Dụ rằng:

> "Có đức tốt thì làm quan to, có công lớn thì phải thưởng hậu, đó là đạo lí từ xưa. Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình bản tính vốn trung trinh, tận tâm vì vương thất, đã hết lòng phụng sự Hoàng khảo của trẫm. Gần đây Kinh thành thất thủ, các quan trong ngoài đều kinh sợ, riêng hai vị Đại thần này lại biết đồng tâm hợp lực để cùng với các viên Đại thần Đô thống, Khâm sứ nước Đại Pháp bàn bạc trù liệu để đưa xã tắc từ chỗ cơ nguy trở lại bình yên, dân chúng đang từ cảnh lìa tan trở về đoàn tụ. Công lao vất vả, lòng dạ trung thành ấy đã có [2a] Cửu miếu linh

thiêng trên thiên đình soi xét chứng giám. Trẫm vừa lên ngôi, mọi thứ đều còn mới mẻ, những muốn đáp đền công lao đặc biệt, nào tiếc gia thêm ân huệ. Đặc cách lần này là xuất phát từ lòng chân thành của trẫm. Hai vị Đại thần khá nên cố gắng hết sức mình phụ giúp cho những điều thiếu sót của trẫm, dựng lòng tin, giữ hòa khí để tạo dựng quan hệ yên ổn với lân bang, cẩn mật phòng bị để giữ bền đất nước, thì tước lộc truyền đời cùng hưởng lâu dài với phúc nước, đó cũng là lòng mong mỏi sâu sắc của trẫm".

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Vua bảo quan Nội các rằng:

"Từ xưa, biết được người luôn là việc khó. Huống chi ngày nay thời thế gian nan, dùng người thực khó như thể mò trong đáy nước sôi. Trẫm há dám sánh với những bậc minh quân, trọng thị con người, coi như thần khí, xem xét các quan, ai có công thì thưởng, có tội thì phạt, công bằng với tất cả thiên hạ. [2b] Viên quan nhỏ võ ban Nguyễn Đình Chất xem ra cũng là người có tâm, ngày trước đã được gia ân thăng chức. Nay trẫm làm phúc chuẩn cho viên ấy thực thụ Phó vệ úy, sung Hiệp lãnh Thị vệ; Nguyễn Văn Hữu tuổi trung niên biết cố gắng nỗ lực, đã bãi bỏ lệnh chuẩn quản Nhị dực, chuẩn đổi sung làm Chưởng vệ viện Thượng tứ. Đây cũng một vị trí quan hệ tới giềng mối quốc gia, các khanh khá nên cố gắng. Thị vệ Nguyễn Hữu Thận có chút tri thức, nhưng tính xấu cũ đã quen, dạy dỗ mãi sinh ra oán, chuẩn giao cho Bộ đổi bổ ra bên ngoài để tỏ rõ chính sách nâng đỡ người giỏi giang mà răn đe kẻ lười nhác. Truyền cho Nội các biết rõ lời phê này rồi sao chép thông báo cho võ ban biết mà thi hành".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 3. Huân thần Nguyễn Hữu Độ xét thấy Trần Lục người xứ Phát Diệm tỉnh Ninh

Bình là người thông hiểu, xin cho ông ta [3a] thôi hàm Lễ bộ Tham tri để sung làm Khâm sai Tuyên phủ sứ, phái tới ba tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh tùy tình hình mà phủ dụ dân chúng. Vua phê rằng:

"Tiến cử người hiền sẽ được ban thưởng. Khanh có lòng như vậy là rất tốt. Nếu viên đó sớm tỏ rõ năng lực thì câu nói chỉ người hiền mới biết người kiến quả chẳng sai".

Tháng 5, các quan Viện Cơ mật xem xét xin cho Nam Trung ẩn sĩ, Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ Trương Vĩnh Kí cùng với bạn là Hàn Lâm viện Thị giảng Nguyễn Trọng Tạo vẫn giữ nguyên hàm sung làm Tham tá ở viện ấy để thể hiện tài năng hiểu biết. Vua chuẩn y cho.

[3b] Tháng 8, Chuẩn cho Huân thần Nguyễn Hữu Độ kiêm trông coi sự vụ các Bộ nha. Huân thần tâu trình rằng, Hoàng thượng đích thân trông coi chính sự đã lâu ngày, cũng đã am tường việc chính sự. Thần sung làm các sự vụ ở Viện, công việc giao thiệp rất bận rộn, sức đã không thể kham nổi. Khoản kiêm trông coi ấy xin bãi bỏ. Vua phê rằng:

"Trẫm ơn nhờ Tiên thánh đưa vào nuôi dưỡng trong cung từ lúc mới 2 tuổi, nên cũng chỉ được bề trên chỉ bảo cho một hai điều mà thôi. Thế rồi quốc gia gặp biến, bản thân sinh nhiều bệnh tật, mấy phen mượn tiếng điên khùng để giữ mình. Nay tôn xã không thể thiếu chủ, khanh cùng với Quí quốc đón trẫm vào kế vị, đó là đạo lí muôn đời không đổi. [4a] Lại nghĩ lòng người thực khó dò, đường đời nhiều trắc trở. Huống chi triều ta Thần truyền Thánh nối còn luôn đặt sự phụ tá của bề tôi lên trước tiên, nghĩa tình sâu nặng từ lâu đã thành nền tảng chủ đạo. Trẫm vốn sức yếu học nông, thế mà công việc nội tu ngoại trị bề bộn ngổn ngang chưa lúc nào ngơi, khanh há lại không thấy? Dẫu dốc hết tâm sức ra họa may đáp đền được một phần mảy may chứ đâu dám đếm kể chút nào đến quyền thế địa vị. Khanh tuổi cao đức cả, tài sức có thừa, từng trải hơn người, lẽ nào nỡ ngại việc.

Huống chi hiện giờ việc hộ chính đang là rất trọng yếu. Gặp việc khanh có thể cùng với các vị chính khanh cùng bàn bạc xử lí cho được ổn thỏa, trong khi trẫm vì thể lệ của triều đình đường bệ xa cách nơi cửu trùng không thể gần gũi mật thiết như khanh, e khi có nhầm lẫn sai sót thì khó mà sửa chữa lại được. Khanh khá hiểu cho điều đó, chớ làm ngược lệ cũ. Hoặc độ một hai năm nữa, việc giao thiệp trẫm đã có phần am tường hơn, binh lính của cải sung túc hơn, thì mọi công việc ở Bắc Kì [4b] sẽ giao trọn cả cho khanh, ngoài ra mọi lo lắng về tất cả những việc khác trẫm chẳng dám từ nan. Nguyện lòng thề với đất trời, đồng cam cộng khổ một dạ thủy chung, mãi hưởng tuổi trời, may mà dốc hết lòng thành vì việc công để đưa được đất nước tới cảnh bình yên thịnh vượng thì đó là phúc cho vua tôi chúng ta vậy. Đó là những lời dốc tự đáy lòng, khanh nghe thấy được, hãy ghi nhớ lấy".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Mùa xuân, tháng Giêng. Quan Viện Cơ mật tâu rằng: Năm nay tu sửa lại điện Cần Chính. Đã có chỉ chuẩn cho Tuần phủ Quảng Trị Lê Hữu Thường đổi sang nhận chức Công bộ Hữu Tham tri, sung làm Đổng lí trông coi việc tu sửa. Nay kính phụng chuẩn cho viên quan ấy thăng Thự Công bộ Thượng thư; Hà Văn Quan đổi sang lãnh Hình bộ Hữu Tham tri. Khâm thử. Trộm xét thấy rằng Lê Hữu Thường tuy thông thạo công việc, nhưng công việc ở Bộ rất bận rộn, nếu lại chuyên sung làm Đổng lí [5a] thì sẽ khó mà đảm đương chu toàn hết được. Còn Hà Văn Quan vốn là bậc cựu thần, tính cần cù mẫn cán. Vậy xin để viên quan ấy giữ nguyên hàm Công bộ Tả Tham tri và sung làm Đổng lí điện Cần Chính. Vua phê rằng:

"Cần cù không bằng thông thạo. Việc thổ mộc tuy là chuyện nhỏ nhưng lại rất quan trọng, nên phải tìm đúng người mới mong được việc".

Tháng 5. Vua cho Huân thần Nguyễn Hữu Độ vẫn sung làm Khâm sai Bắc Kì Kinh lược Đại sứ đồng thời thăng chức, thuyên chuyển các quan viên khác. Dụ rằng:

"Theo Dụ chuẩn trước đây, Bắc Kì Kinh lược nha Tổng hội, Bảo quốc Huân thần, Thái sư, Cần Chính điện [5b] Đại học sĩ, Quản lí Binh bộ, sung Cơ mật viện Đại thần, Kinh diên Giảng quan, Quốc sử quán Tổng tài, kiêm quản Khâm giám sự vụ, Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ sung làm Kinh lược Đại sứ. Sau vì giữa chừng công việc bận rộn nên vẫn chuẩn lưu chức, lại chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ Nguyễn Trọng Hợp quyền sung chức đó. Rồi viên Sứ thần ấy đệ đơn trình bày tình trạng ốm đau xin đổi để giảm bớt công việc. Nếu cứ gượng ép lưu lại thì e khó ứng phó công việc trong lúc tình hình đang bề bộn gian nan. Huân thần Nguyễn Hữu Độ trước đây ở Bắc Kì vốn rất am hiểu tình hình, được sĩ phu và dân chúng ở đó tin phục. Khi ông đi công cán ở Hà Nội, dân chúng hàng 500 người cùng liên danh kí đơn xin cho lưu lại đó làm việc. Gần đây Trẫm làm việc thảo luận với quan Toàn quyền Đại thần, ông ta cũng rất hài lòng đồng ý. Nay đặc chuẩn cho khanh sung làm Khâm sai Bắc Kì Kinh lược Đại sứ, tuân theo Chỉ dụ trước mà tùy nghi hành sự. Các chức vụ nguyên sung Cơ mật viện Đại thần và Quản Khâm thiên giám sự vụ truyền vẫn giữ như cũ [6a] để tỏ ý không phân biệt trong ngoài. Trong lúc thời thế khó khăn này, dù ở ngoài địa phương hay trong triều cũng phải cùng chung họa phúc. Khanh vốn là bậc cựu thần trong triều đình, là cột trụ của quốc gia, bản tính chí công trung thành, trẫm luôn kính trọng. Nay vâng mệnh ra Long Biên công cán chuyến này, đường sá xa xôi nhưng lòng không xa cách, chốn giang hồ vẫn tha thiết hướng về nơi tôn miếu. Như Khổng Minh một lòng lo cho

nhà Hán, thân trao gửi giang sơn mà tâm sáng cùng nhật nguyệt. Người xưa như thế nào thì người ngày nay cũng như thế. Bài thơ vua Tống Thái tôn ban cho Triệu Phổ có câu rằng: "Trước sau gắng trọn nghĩa vua tôi, trong ngoài không quên tình ưu ái". Nay trẫm cũng lấy câu đó để tặng lại cho khanh. Khanh hãy cố gắng đảm đương chức vụ. Giao thiệp là vấn đề tối quan trọng. Mọi công việc thương lượng với quan Toàn quyền Đại thần đều phải suy tính quyết định sao cho tăng cường tình hòa hiếu, giữ yên ổn lòng dân, mỗi ngày đem thêm lợi ích về cho đất nước, tất cả trách nhiệm phó thác ấy trẫm tha thiết hi vọng ở khanh. Về viên quan nguyên Quyền Sứ thần Nguyễn Trọng Hợp, chuẩn cho về quê quán nghỉ ngơi trong 2 tháng để chữa bệnh, hết hạn vào kinh đợi chỉ. [6b] Còn đối với Binh bộ Thượng thư[1] Hoàng Hữu Thường trước đã từng ở Bộ Binh, chuẩn điều sang làm Thượng thư bộ ấy. Việc quân bây giờ rất quan trọng. Khi sung cử các viên chỉ huy làm công việc sai phái tuần phòng thì chớ dùng những kẻ yếu kém, mà phải chọn những người có thực lực gánh vác thì mới có thể chấn chỉnh quân đội hoàn thành nhiệm vụ. Thự Hiệp tá Đại học sĩ, lĩnh Hình bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội đã từng ở Bộ Lễ, lại thuộc bậc lão thành, chuẩn đổi lãnh Lễ bộ Thượng thư, các hàm kiêm nhiệm khác đều giữ như cũ. Binh bộ Tả Tham tri, sung Cơ mật viện Thương tá, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả Tôn khanh Tôn Thất Phiên là người có lòng ưu ái, từng trải đã nhiều, hồi trước đã chuẩn thăng Thự Thượng thư, nay chuẩn cho Thự Hình bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần và Quyền chưởng Khâm giám

---

[1] *Binh bộ thượng thư*: có lẽ là nhầm. Hoàng Hữu Thường lúc này đang là Thượng thư bộ Lễ.

sự vụ, để đợi khi nào Huân thần[1] trở về Kinh thì bàn giao lại. Nguyên Hà Tĩnh Tuần phủ Hoàng Vĩ hiện đang chuẩn cho về Kinh đợi chỉ, nay truyền đổi giữ chức Binh bộ Tả Tham tri [7a] để bổ sung vào chức đang để trống. Quang Lộc tự khanh, lĩnh Lễ bộ Tả Thị lang, quản Đại lí tự ấn triện Lương Thành là bề tôi thân cận, đã từng trải bên ngoài, vì việc công mắc lỗi bị giáng bổ, gần đây tỏ ra rất cố gắng nỗ lực, gia ân chuẩn cho thực thụ chức Tả Thị lang bộ ấy, vẫn quản Đại lí tự để tỏ ý khuyến khích".

Đình thần văn ban tâu rằng Tôn khanh Tôn Thất Phiên là người có lòng ưu ái và từng trải nhiều, nhưng ông ta là hàng tôn thất mà cho nắm việc binh thì rất dễ gây hiềm nghi, nên xin cho đổi sang làm Thượng thư ở một bộ khác, rồi điều viên Thượng thư ở bộ đó sang Bộ Binh. Vua phê rằng:

"Chuẩn cho Tôn Thất Phiên thăng Thự Lễ bộ Thượng thư; còn Hoàng Hữu Thường đổi điều sang làm Binh bộ Thượng thư. Vả lại khanh vốn là người chân chất, làm việc cũng có kiến thức riêng hơn người. Huống chi công việc ở bộ ấy [7b] vừa trọng yếu vừa khó khăn, khanh đã từng ở đó, nay trở về nắm giữ việc binh thực không ai hơn. Chỉ có khi cần cử các viên chỉ huy công việc sai phái tuần phòng thì chớ dùng những kẻ yếu kém, mà phải chọn những người có thực tâm thực tài đảm đương, mau chóng chấn chỉnh những quan lại xấu xa tham nhũng thì mới mong hoàn thành trách nhiệm. Sĩ nhân mỗi người đều nuôi chí riêng của mình, thời cơ đến có thể thực hiện mà không làm thì thực đáng tiếc lắm thay".

Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho Đông các Đại học sĩ Địch Trung tử Hoàng Tá Viêm sung làm Cơ mật viện Đại thần, kiêm trông coi Hộ bộ sự vụ. Dụ rằng:

---

[1] *Huân thần*: chỉ Nguyễn Hữu Độ.

"Việc hộ rất quan trọng. Mấy năm lại đây trong nước gặp nhiều biến cố, kho tàng trống rỗng, bây giờ lại tăng thêm chi phí vào quân đội, tốn kém nhiều cho tiếp đãi khách khứa, nhiều mối ngổn ngang trong khi chưa có đường lối kế sách gì nhằm sản sinh ra tài vật mà chỉ nhăm nhắm [8a] trông vào nghề nông tang vốn đã rất hạn hẹp. Mấy thứ thổ sản còm đó còn chưa đủ cung cấp cho tiêu dùng nhỏ, huống hồ là quốc dụng. Trẫm suy nghĩ mãi về điều đó mà chưa biết làm thế nào cho phải. Khanh vốn có lòng thương dân ái quốc, tiến thì biết hết lòng, thoái thì biết sửa lỗi, lúc này khá nên dồn hết tâm sức để thi thố cái chí bình sinh, phải trù tính trước mưu đồ ra sao để sau ứng dụng đem lại lợi ích cho quốc gia, thế mới gọi là người tài cán. Chứ nếu cứ thấy gian nan lại kêu khó làm, chỉ thích nương theo lối cũ thì có khác gì người đứng ngoài cuộc, có quan tâm gì đến quốc gia đâu. Trẫm vốn ít lời, lần này nhân bức xúc mới nói ra cho rõ. Mọi người hãy nghiêm túc suy nghĩ về điều đó là được".

Tháng 8, [8b] chuẩn cho Lại bộ Thượng thư Nguyễn Thuật sung Tả trực Tuyên úy Xử trí Đại thần. Trước đó, Khâm sai Đại thần Nguyễn Thân dâng tập sớ trình rằng, tại địa phương nơi ông cai quản hiện chỉ còn sót lại hai ba toán phỉ, trong khi thời tiết sắp vào mùa thu đông, đóng quân đồn trú lại đó rất bất tiện, vì vậy xin chuẩn cho một viên Đại thần người gốc địa phương ấy sung làm quan Khâm sai để cùng hợp sức với tỉnh thần xem xét tình hình tùy nghi xử trí vỗ yên địa phương, đồng thời thanh tra hình ngục, cởi bỏ oan sai. Đối với binh lính nghĩa phòng xin chia thành từng ban thay nhau cho về nghỉ ngơi. Các loại binh lính nguyên được sai phái đến thì sẽ do các viên Đề, Tán dẫn về Kinh phục mệnh. Đồng thời viên quan ấy lại xin về quê 1 tháng để chữa bệnh, sau khi khỏi sẽ trở lại làm việc. Vua chuẩn y lời thỉnh cầu. Vì xét thấy Nguyễn Thuật vốn là dân gốc bản

xứ có phẩm chất tốt nên có mệnh lệnh này. Trước khi Thuật lên đường, vua cho triệu vào tiện điện [9a] dụ rằng:

"Dân ta khốn khổ trong vòng tai họa đã lâu, may nhờ có sự anh linh của tôn miếu mới dần được yên ổn trở lại. Duy còn việc lo sau này thế nào cho tốt là còn phải chờ xử trí. Khanh có tài văn học, rất phù hợp với địa phương. Gánh vác trọng trách này phải thi hành sao cho có hiệu quả thực sự".

Mùa đông, tháng 10. Chuẩn cho Thanh Hóa Tuần phủ Trương Như Cương thăng Thự Tổng đốc; nguyên Hộ đốc Tôn Thất Vịnh trở về Kinh thính hầu. Vua dụ rằng:

"Bậc vua anh minh dựng chính thể đặt quan lại phải dựa vào người hiền. Nay đương khi thời thế khó khăn, sử dụng con người phải tùy tài năng, cốt ở sự tinh thông am hiểu thì mới mong được việc. Tỉnh Thanh Hóa hiện giờ đã có người thuộc Tôn thất, chiếu theo lệ đã là phù hợp, không nên quá câu nệ. [9b] Tôn Thất Vịnh thự Thị lang, Hộ lí Thanh Hóa Tổng đốc quan phòng bản tính điềm đạm, nhu mì, không năng động đối với người và sự việc, sợ khó đảm đương được vị trí ấy. Lại e Tuần phủ Trương Như Cương khó phát huy được sở trường năng lực làm vây cánh phụ tá. Nên truyền cho Tôn Thất Vịnh trở về Kinh đợi chỉ; còn Trương Như Cương chuẩn cho thăng Thự Thanh Hóa tỉnh Tổng đốc. Khanh nên nghĩ tới tình nghĩa cùng chung lo mà tận tâm gắng sức, để chuyển biến tình hình đang từ nguy nan trở lại yên bình. Làm được như thế không chỉ là may mắn được thỏa niềm mong ước khát khao của trẫm, mà đồng thời trên báo đáp được ân tình tri ngộ với Hoàng khảo triều ta, dưới xứng đáng với lòng tin cậy phó thác trông giữ vùng phên dậu của đất nước, làm nên cuộc kì phùng nghìn đời mới có. Vả lại vào lúc cơ hội có thể làm được cho thiên hạ thì kẻ sĩ cũng nên suy nghĩ để mà thực hiện. Còn nếu không nắm lấy thời cơ,

hễ cứ gặp đôi chút gian nan mà đã ráo môi khô miệng, chẳng làm được trò trống gì, quen theo thói tắc trách khiến đạo không thi hành được, [10a] thì cái chí bình sinh kia để ở đâu? Khanh khá nghiêm túc mà làm theo".

Chuẩn cho Thị lang, lãnh Hộ bộ Tham tri Hồ Lệ được thực thụ Tham Tri, lãnh chức Thượng thư. Lệ cho rằng mình mới nhận lãnh Tham tri chưa được mấy ngày mà đã được thăng lên hàng Chính khanh, bèn dâng phiến xin ân chỉ vẫn cho giữ chức Tham Tri. Vua phê rằng:

"Trẫm đề bạt phá cách như vậy nhưng khanh lại từ chối, việc này nên giao cho Đại thần ở Viện Cơ mật xét duyệt lại rồi tâu lên".

Viện thần phúc tâu rằng viên quan ấy tuy thuần chất mẫn cán nhưng chưa từng trải nhiều nên mới dâng phiến tấu thỉnh như thế, xét ra cũng là thực tình, vậy xin y cho lời thỉnh cầu ấy. Vua bèn chuẩn cho thực thụ, nhưng vẫn giữ nguyên chức cũ.

[10b] Chuẩn cho Hộ bộ Thị lang Tạ Thúc Dĩnh kiêm quản Đại lí tự. Bộ Lại cho rằng Đại lí tự với bộ Hình cùng thuộc vào 3 cơ quan tư pháp, mà gia đình viên quan này lại có quan hệ hôn nhân với Hình bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên, theo lệ hồi tị thì nên tránh. Vua phê rằng:

"Chuyện này trẫm cũng đã biết. Nhưng Dĩnh là người biết xử trí nhanh nhạy, cứ như thế có thể làm cho công việc đỡ bị trì trệ hơn. Còn về khoản hồi tị, vì viên quan ấy còn khá nhiều hơn so với nhiều quan nha chuyên nghiệp, nên cũng không nên quá câu nệ vào lệ, vả lại cũng chỉ lưu tạm thời thôi, đừng ngại. Những điều khác trẫm đã biết".

Tháng 11, chuẩn cho nguyên Lại bộ Hữu Tham tri Bùi Ân Niên làm Binh bộ Tả Tham Tri, sung Cơ mật viện Thương tá, Kinh diên

Giảng quan. Từ những năm Kiến Phúc, Ân Niên được về nghỉ. [11a] Vua thấy Ân Niên là người ngay thẳng, có học vấn, bèn lệnh cho Nha Kinh lược thúc giục ông ta về Kinh đợi chỉ, đến giờ trao cho hàm ấy. Ân Niên nghĩ mình trước đây từng sung chức Kinh lược Phó sứ, e trong giao thiệp có điều bất tiện, nên xin sung chức ở Sử quán. Vua cho rằng việc ngày trước và bây giờ khác nhau, không cho. Sau đó vì Thống sứ Bắc Kì có gửi tờ tư tới nói viên quan này sử dụng không hợp, nên cho giữ nguyên hàm và sung Lí các vụ.

Viện Cơ mật đệ tấu nói rằng, từ sau khi sự biến xảy ra, việc chọn bổ người vào chức vị cần thiết đều không lấy được những người xuất thân khoa mục, hoặc phần lớn đều là bọn người không đủ tư cách, lên làm quan rồi thì sinh ra tệ tham nhũng. Gần đây ở các phủ huyện địa phương xảy ra nhiều nạn sách nhiễu khiến dân chúng không thể sống yên ổn. Vì vậy, đối với các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào, xin cho [11b] tỉnh thần điều tra soát xét, viên quan nào thực sự tham nhũng thì lập tức chiếu luật trừng trị ngay, đối với những người không đủ tư cách (như các hạng người là Lại điển xuất thân và Tú tài, Tôn sinh, Ấm sinh, Ấm thụ tình nguyện tham gia chính sự mà chưa qua sát hạch) thì tư cho Bộ Lại cứu xét tuyển dụng. Bọn Lê Từ, Trần Hữu Khác cũng xin ra sắc chỉ cho Bộ Lại cứu xét rõ xem trong các nha có quan lại nào là người thổ dân bản xứ từ hàng ấn quan trở lên thì tập hợp liệt kê thành danh sách để chờ hoán đổi. Ngoài ra, những người là Thông kinh bát, cửu phẩm ở các phủ, huyện cũng cho hoán bổ qua lại. Còn các chức quan Thương, Bang của các tỉnh, phủ, huyện thì đều bãi bỏ. Vua cho là rất đúng, chuẩn y theo lời bàn, đồng thời dụ rằng:

> "Triều đình định đặt quan lại là để vì dân. Quan dù nhỏ dù to đều phải sắp đặt thích hợp vào các ti để làm việc tương xứng với chức trách. [12a] Quan ở tỉnh đường là viên lại lớn ở một địa phương, trách nhiệm rất nặng, nên tuyển bổ càng phải tinh.

Quan phủ, huyện là gần gũi với dân nhất, nên phải sung tuyển những người thông thạo, tháo vát, liêm khiết, công minh. Đến những người Thông kinh bát, cửu phẩm, chức phận tuy nhỏ, thường đều là Thừa tá sảnh vụ, nhưng cũng phải cần cù mẫn cán hơn người mới làm việc đắc lực được. Lệ đặt quan lại của triều ta có qui định là ở Trung châu không dùng người thổ dân địa phương, việc ít thì không đặt Bang tá. Ở phủ, huyện phải xét chọn người kham nổi công việc, cắt bổ người có đủ tư cách, hiểu biết cặn kẽ pháp luật. Nhờ thế quan to thì khuôn phép, quan nhỏ thì thanh liêm, lại viên làm trọn chức trách yên dân. Sau vì có sự biến nên quan lại ở các tỉnh có khi lấy người bản xứ, hoặc đặt ra Thương tá, Bang tá trợ giúp công việc, trong số đó lấy cả người không xuất thân khoa mục hoặc người không trải qua sát hạch, vì thế mới dẫn tới tình trạng chạy chọt cửa sau, tệ tham nhũng bùng phát. Kẻ sĩ không nơi thỏa chí, dân chúng chẳng chốn liêu sinh, tạo ra bao lời đồn đại rất xấu về chính thể. [12b] Gần đây Khu phủ và Gián viện cũng nêu ra những lời đồn ấy, chiếu vào thể chế thấy lời đồn cũng chẳng sai. Vì thế cần phải chỉnh đốn lại một phen để chấn chỉnh quan trường, thanh lọc lại viện. Chính sự hanh thông là nhờ có được người, công việc hoàn thành lại dựa vào quyết đoán. Bộ Lại là nơi nắm giữ việc tuyển chọn phân bổ quan lại, có quan hệ lớn đến sự phân biệt người tốt xấu, nên phải sớm chấn chỉnh làm trong sạch việc tuyển bổ, không được trễ nải mà mang tội".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng. Chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ, lĩnh Lại bộ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp thăng Thự Văn Minh điện Đại học sĩ; Binh bộ Thượng thư Hoàng Hữu Thường thăng Thự Hiệp tá Đại học sĩ. Cả hai người đều dâng sớ xin từ chối. Vua dụ rằng:

"Triều đình đặt ra điển lệ khen thưởng là để hậu đãi bậc hiền tài,

thu hút người phò tá. Thánh nhân ngày xưa như Đế Thuấn [13a] không phải đích thân không cần can dự, Chu Văn vương không kiêm nhiệm không trông nom mà vẫn đều đem lại cảnh thái bình cho thiên hạ, nếu không có được người phụ trợ ở bên thì có được như thế chăng. Trẫm đức mọn tài hèn, trong thời thế hiện nay cầu mong người hiền như khát nước, thiết tha sớm có được những quan lại tài giỏi để bổ ích cho đời. Ngay khi mới lên ngôi, Trẫm đã quyết chí làm sao có đầy đủ các quan Đại thần văn võ làm chỗ dựa vững vàng như phên dậu ở xung quanh, những mong thành hiệu. Đáng tiếc là mình cần người mà người không đáp ứng được mong muốn của mình. Nay các quan lại trong ngoài triều trẫm đã sắp đặt cho đúng chức trách công việc. Nhưng triều đình cũng cần sớm có được những viên trọng thần để gánh vác công việc. Về Nguyễn Trọng Hợp, truyền tạm thời vẫn giữ như cũ để đợi gia ân thăng chuyển sau; Còn Hoàng Hữu Thường vốn có học thức, làm việc mẫn cán thành thạo, trẫm vẫn thầm khen trong lòng, các đồng liêu cũng đã từng suy cử, vậy truyền tuân theo Chỉ dụ trước, chuẩn thăng Thự Hiệp tá Đại học sĩ, ngoài ra vẫn giữ nguyên các hàm như cũ. Khanh phải nghiêm túc tuân theo, không được từ chối nữa, như thế mới khỏi phụ tấm lòng suy cử [13b] hậu đãi hết mực của trẫm".

Kiêm nhiếp Tả Tôn khanh Tôn Thất Phiên lấy cớ công việc ở Bộ, Viện bận rộn, phải kiêm quản thêm rất khó chu toàn, nên dâng phiến xin dừng công việc ở Phủ Tôn nhân. Đình thần tâu xin chuẩn cho Tôn Thất Vịnh kiêm nhiếp Tả Tôn khanh; còn Tôn Thất Phiên xin cho lấy chức ở Hộ bộ, vẫn sung Viện Cơ mật và kiêm chưởng Khâm Thiên giám. Vua phê rằng:

"Nắm chức trông coi ở Phủ Tôn nhân rất là quan trọng, mà các mối quan hệ giữa những người ở đấy phần nhiều khá là phóng túng. Vịnh là người điềm tĩnh, dễ dãi e khó đảm đương được

việc ấy. Còn Tôn Thất Phiên đã kêu là kiêm trông coi nhiều mối quá, vậy thì về điều khoản Nhiếp phủ vẫn nên để giữ như cũ, chỉ có điều khoản kiêm sung Cơ mật thì chuẩn cho đình bãi, để ông ta chuyên tâm vào việc Bộ Hộ, may ra còn có ích hơn. Mong rằng [14a] khanh thường xuyên đọc sách mà suy nghĩ theo cái tâm của người xưa, soi vào chuyện cổ xưa để suy ra việc ngày nay, sao cho để lại được danh tiếng tốt cho thiên hạ mai sau. Đó cũng là điều ước ao của trẫm vậy".

Tháng 6, lấy Thị lang, sung Lí các vụ Nguyễn Hữu Đảng thăng Thự Tham tri, sung Nghĩa Định Sơn phòng Tiễu phủ sứ. Bấy giờ Nguyễn Thân đệ tập tấu xin về Kinh chiêm bái, vua muốn lưu Thân lưu lại nhận chức ở Kinh rồi mệnh tìm người mẫn cán bổ sung thay chân cho Thân. Thân tiến cử Đảng là người bản xứ lại hiểu biết thông thạo, vì thế có lệnh này. Về sau việc biên phòng gặp trở ngại rắc rối, Nguyễn Thân lại vâng chuẩn trở lại sơn phòng, còn Đảng với chức mới được thăng lưu lại các làm việc.

Quan Bộ Binh tâu rằng, Bùi Duy Tĩnh và Trịnh Văn Thái đều là người mới được thăng chức, chưa am hiểu nhiều về binh chính. Các vị [14b] Hộ bộ Thị lang Đào Tiến, Lê Trinh, Lễ bộ Thị lang Tạ Thúc Dĩnh, hoặc là người làm việc mẫn cán, am hiểu nhiều (Đào Tiến), hoặc là người đã từng được sung làm ở bộ ấy (Lê Trinh, Tạ Thúc Dĩnh), vậy xin chuẩn đổi bổ một viên để công việc được trôi chảy. Vua phê rằng:

"Trẫm đã xem xét và chuyên tâm tìm người để làm việc này, chứ không phải sơ ý lấy người theo kiểu giở sổ gạch tên mà gây rắc rối đâu. Chính thể ở bộ các khanh vốn từ xưa đã khó, nhưng ngày nay có thấy gì là khó đâu. Nếu cất cử người mà chỉ lần lượt kiểm điểm viên số rồi kêu là khó thì e rằng đó đâu có gì gọi là khó. Lê Trinh và Đào Tiến làm ở bên Bộ Hộ vừa xứng chức, không thể đổi đi, bộ các khanh cũng đã trình rõ là không nên.

Bộ các khanh hãy chọn sung bổ lấy một viên để có thêm nhiều người cùng lo việc thì có gì mà ngại. Vả lại Duy Tĩnh cũng là người sáng dạ đủ để làm việc. Nếu hai viên đó yên tâm vào công việc thì cũng chỉ ít lâu là hiểu biết thành thạo thôi".

[15a] Mùa thu, tháng 7. Chuẩn cho Thượng thư Nguyễn Thuật gia nhất trật, thăng lãnh Thanh Hóa Tổng đốc. Thuật dâng sớ xin từ chối việc gia thêm trật. Vua dụ Thuật rằng:

"Trẫm đã xem xét việc này. Trẫm từ khi lên coi chính sự đến nay cũng đã được vài năm, việc học tuy chưa thông thạo hết nhưng xét việc cũng tạm quen. Chức Tổng đốc Thanh Hóa cần hoán đổi từ trước, nhưng các chức ở Kinh vẫn còn cần, bên Tôn thất cũng chưa đủ số người, nên khó tìm được ai bổ vào chức đó. Vì thế mới nghĩ đến khanh là người đã từng trông coi đất ấy, xem ra tất cũng hiểu biết về tình thế, có thể đảm đương được trọng trách này. Còn việc gia trật khi thuyên chuyển đã thành lệ ở triều ta, chứ đâu phải ta dám tự ý làm phúc quả. Gần đây trẫm đã rộng mở tấm lòng, áp dụng rộng rãi việc ưu đãi các khanh, chưa hề có điều tiếng dị nghị gì. Vả trẫm còn nghĩ về một điều rằng, từ chối vào lúc quốc gia hữu sự là nỗi nhục của kẻ chính khanh đại phu. Khanh hãy suy nghĩ kĩ mà cố gắng lên, đừng có [15b] từ chối nữa, cũng không phải nghi ngại điều gì mà hãy một lòng phụ giúp cho trẫm. Khanh khá kính cẩn nghiêm túc nghĩ về điều trẫm nói".

Vua thị triều tại điện Văn Minh, triệu Nguyễn Thuật tới ban cho Sắc dụ nói rằng:

"Thanh Hóa là một trấn quan trọng. Khanh là người đã phụng sự tiên triều, lại đã ở vùng đó lâu ngày, nay khanh nhận mệnh ra đốc giữ phải hết lòng hết sức phủ dụ dân chúng, phòng bị truy bắt bọn phỉ sao cho hết giặc dân yên, để không phụ mệnh của trẫm và đáp đền ân đức đào tạo của Tiên Hoàng đế. Vả lại

Thanh Hóa đất liền kề với Nghệ An, khanh vốn rất hợp với Nguyễn Chính là quan đốc giữ trấn đó, vậy nếu có chuyện gì hệ trọng thì cần bàn bạc hiệp đồng với nhau xử lý cho mọi việc được ổn thỏa".

Mùa đông, tháng 10, chuẩn cho Thị giảng Học sĩ Tả lí Công bộ Tôn Thất Đạm kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh. [16a] Dụ rằng:

"Khanh là người có khoa danh, được đội ơn vẻ vang như thế hẳn đã hiểu sự ưu ái trọng hậu của triều đình. Vì vậy phải cố gắng, hàng ngày tăng cường kiểm soát chấn chỉnh đối với những người thuộc trong khánh phả Hoàng gia, để họ biết an thường thủ phận, nói năng thận trọng, hành động lương thiện, sao cho không phụ đức ý của triều đình".

Đạm thấy công việc ở Phủ Tôn nhân nặng nề, sợ không kham được, bèn viết tấu trình bày sự thể tâu lên. Vua phê rằng:

"Những điều khanh trình bày trẫm cũng đã biết. Trông coi công việc ở bên phủ là rất quan trọng, nhưng ở đó đã có Tôn Thất Vịnh cũng là người rất am hiểu và mẫn cán, hai người một mới, một cũ cùng hỗ trợ cho nhau thì có gì là khó. Khanh hãy cố gắng chăm chỉ hoàn thành chức trách sao cho xứng với ân mệnh của trẫm".

Bộ Lại tuân soạn tờ phiếu về lời tuyển dụng ấn quan ở bên ngoài Kinh dâng trình. [16b] Vua phê rằng:

"Trẫm thân hành trông coi chính sự đã được mấy năm. Gần đây nghe trong dân gian bên ngoài nhiều người nói Bắc Kì dường như đã có phần phân biệt, nếu có tìm kiếm người ở ngoài đó thì tình hình cũng e khó tuyển dụng. Điều này tuy không thể nói ra miệng nhưng trong lòng vẫn luôn cảm thấy buồn. Duy đối với vùng Thanh Nghệ Tĩnh từ ngày trước luôn sản sinh ra nhiều vị

danh thần. Chưa tra xét xem số quan về hưu, quan đợi bổ nhiệm, hoặc đã lâu không được cất nhắc hay đang nhàn tản có còn nhiều ít ra sao, nhưng lâu nay hiếm khi thấy tiến cử. Lòng trẫm luôn khao khát trông mong. Vậy truyền cho từ thần đặt thành ý soạn sẵn theo châu thức rồi đợi trẫm xem sửa lại thành chính thức, sao chép gửi tới cho tỉnh thần các tỉnh xem xét tuyển chọn. Lời lẽ phải giản dị nhưng tha thiết, khiến mọi người cảm kích mà hưởng ứng, để may ra tìm được người người có thực tài, đáp ứng phần nào niềm mong mỏi của trẫm".

Chuẩn cho Lễ bộ Thượng thư Tôn Thất Phiên đổi nhận chức Bình Phú Tổng đốc. Dụ rằng:

"Bình Định Phú Yên là vùng đất rộng, trước đây khanh đã từng cai quản, tình hình chắc cũng đã hiểu rõ tường tận. Vậy truyền gia ân miễn cho [17a] tội biếm trật, đổi nhận chức Bình Phú Tổng đốc. Khanh nên hiểu điều đó, đã cố gắng càng cần cố gắng thêm để làm tốt các công việc tới đây, phải xem xét tình hình ở vùng ấy hiện còn cần phải xử trí ra sao để tăng cường giao hảo giữ quan hệ tốt không có điều tiếng gì, làm thế nào để ổn định lòng dân địa phương sao cho có lợi. Như thế mới không phụ cái chí bình sinh của khanh, đem phúc tới cho dân cả một vùng, và cũng là mong mỏi sâu sắc của trẫm"

Bấy giờ Phiên dâng tấu trình bày mọi sự tình. Vua phê rằng:

"Trẫm nghe nói rằng người làm quan sáng suốt xuống địa phương thì phải tuân theo qui củ. Khanh hãy nghĩ về điều đó. Nghĩ về lời nói, nghĩ về lòng trung, nghĩ về sự tôn kính để giữ trọn được danh tiếng mãi mãi. Trẫm cũng rất hi vọng điều đó".

Tháng 11, chuẩn cho Sơn Hưng Tuyên Tổng đốc Trần Lưu Huệ Quyền lí Bắc Kì Kinh lược sứ. [17b] Vua phê rằng:

"Huệ tuy là người từng trải dày dạn, nhưng vẫn còn có người có

những chỗ mà Huệ chưa bằng được. Huống chi Bắc Kì là vùng đất quan trọng, rất khó tìm được người. Nhưng xét về sự chân thành, thật thà mà cũng không đến nỗi trở ngại đến công việc thì cũng không thấy ai hơn Huệ. Vì thế y theo lời thỉnh cầu của Quí Đại thần để giữ tình hòa hiếu, chứ người chọn quan chính là vua chứ ai".

HUẤN SẮC

[18a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 9. Vua phê bảo Phủ thần Phủ Tôn nhân rằng:

"Phủ Tôn nhân sức cho các Hoàng thân, Vương công, Công chúa lớn nhỏ cùng biết, từ nay trở đi phải giữ gìn trọng thể. Hiện giờ thời thế khó khăn, công việc bề bộn. Trong giao thiệp giữa hai nước không có việc gì có thể giấu giếm được. Người thuộc các chi phái trong Hoàng tộc phải hết sức thận trọng. Những thói như pha trò gây cười làm mất thể thống, hoặc lời nói vì lợi riêng mà quên lợi ích chung, ai còn mắc phải tất phải chịu tội. Các vị đàn ông nếu không phải là người thân ruột thịt của các Công chúa thì không được lai vãng giao du kẻo phát sinh tệ rượu chè, cờ bạc. Nếu đã ngăn cấm mà không chịu tuân thủ, bị thị vệ hoặc người bí mật phái đi thám thính điều tra rõ ràng đích danh thì sẽ bị xử tội nặng. Khi đó dù có cầu xin kẻ thất phu này [18b] thì cũng không được. Luật pháp không vì nể người thân, điều đó đến người đi ngoài đường cũng biết, hà tất phải nhắc nhở".

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 11, ra Dụ thân sức các quan lại Bắc Kì phải chăm chỉ làm tròn chức phận. Dụ rằng:

"Thiên hạ trị hay loạn can hệ là ở các quan. Quan thì có quan

lớn quan nhỏ, trị thì có nội trị ngoại trị, thế nhưng lòng trung quân ái quốc thì không có sự phân biệt. Hiện nay nước nhà chẳng may gặp phải vận hạn nguy nan, vì quyền thần gây ra mầm chiến tranh làm tổn hại đến sinh linh. [19a] May được trời cao xót thương, miếu xã che chở, ơn nhờ sự linh thiêng của Tiên Thánh khảo, phúc đức của Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu cùng với sự bảo trợ của nhà nước Đại Pháp ban cho Xung nhân[1] này nên mới có được ngày nay. Các quan dù ở trong triều hay ngoài địa phương cũng đều là bề tôi của Tiên Hoàng đế để lại để phò tá cho Xung nhân, nên phải cùng đồng lòng chung đức gắng sức vào phục vụ quốc gia, thế mới không phụ lòng tin cậy. Hoặc có những kẻ trong lòng nhút nhát khiếp sợ, thập thò hai đầu, sợ giặc còn hơn sợ pháp luật, coi trọng vun vén tư lợi hơn lo lắng việc công. Hãy đem một hai kẻ đó đem ra nghị tội để chỉnh đốn phép tắc của người làm quan. Ngoài ra còn những kẻ vốn phải có trách nhiệm với dân, làm gương cho dân bên dưới soi vào nhưng lại không tự tu chính bản thân để dẫn dắt cấp dưới, mà lại tự ý hành động càn rỡ, hoặc để cho kẻ khác mượn danh nghĩa đối xử tàn ác với dân địa phương ma vẫn dung túng làm ngơ như không hề hay biết, [19b] ở địa vị bề trên mà vô bổ, từ bỏ không theo con đường ngay, những người như thế thực vô cùng đáng ghét. Đối với người làm quan, trên là vì đức, dưới là vì dân. Bề tôi ngày xưa sáng suốt nghe mệnh, hành động đắc lực, bôn tẩu thi thố năng lực, công trùm ngoài bốn biển, đức rải khắp quốc dân. Ta không dám bảo người ngày nay không có được cái tâm như người xưa, nhưng xét về đạo của bề tôi thì bây giờ khác xa với thuở trước, thực cũng chẳng biết vì cớ gì mà ra thế. Bảo rằng vì thời thế nên

---

[1] *Xưng nhân*: Hoàng đế khiêm xưng là Xung nhân, ý nói mình còn ít tuổi.

không làm được ư? Thì cái cảnh một ruỗng nghiêng đổ chính là tại những người đó chứ ai. Bảo rằng Xung nhân này không đáng phò tá ư? Thì việc phụ giúp tán trợ là trách nhiệm của bề tôi cơ mà. Câu nói của Khổng Tử rằng bề tôi phải trung thành phụng sự vua, các ngươi đã đúc rút ra được từ trong kiến thức được học, tất phải khắc ghi lời nói đó trong lòng, vì việc nước mà quên việc nhà, chớ có nói là không được. Ôm ấp tấm lòng của kẻ bề tôi giỏi giang trung thành phục vụ, làm cho dân ta được yên ấm, nước ta được vững vàng, đó là các ngươi đã học theo lời dạy của người xưa mà phò tá cho cá nhân ta, [20a] ta tất khen ngợi công trạng mà ghi nhớ không bao giờ quên. Nhược bằng rụt rè nhìn trước ngó sau, lần lữa cầu an qua ngày, không chịu thay đổi thì quốc pháp rành rành, khó mong tha thứ. Như thế là các ngươi không muốn cho ta thi hành đức hóa mà bản thân tự chuốc lấy tội lỗi vậy. Mỗi người các ngươi phải nghiêm túc mà suy nghĩ đi.

Truyền sao chép tờ Dụ này để cho mọi địa phương ở Bắc Kì đều biết mà tuân hành".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng. Vua phê bảo các quan Viện Cơ mật rằng:

"Hồi trước nghe nói hồ sơ bản án lưu tích lại ở các bộ còn khá nhiều, đến nay lại thấy nói có phần mất mát, e rằng viện cớ mà nói thế, chứ xét về lý chắc gì đã có như thế hay không. Vậy truyền cho các viện nghiên sức kiểm tra, mỗi người đều phải đích thân tận lực, tất cả quan viên trong công đường đều phải phấn chấn lên. Há không biết câu rằng chữa bệnh cho nước tức là chữa bệnh cho mình. Nếu ai đó giữ nguyên thói cũ không chịu hối cải, [20b] tất sẽ bị coi là vi phạm phép tắc, tùy lỗi mà xử không tha. Nói để các khanh biết mà ghi nhớ".

Dụ bảo quan lại trong ngoài phải tận tâm vào công việc. Dụ rằng:

"Thánh vương anh minh tuân phụng đạo trời, đặt ra vương hầu quân công, lại dùng đại phu, sư trưởng để phò tá cho, làm thế đâu có phải vì vui thú mà là để trị loạn cho dân mà thôi. Triều ta ở bên trong thì có các Bộ, Viện, Các, Tự; bên ngoài thì có Đốc, Phủ, Bố, Án; ở phủ, huyện, châu đều có các chức quan nắm giữ trách nhiệm, sự ủy thác rất long trọng, nên cần phải thành tâm ở vị trí của mình mà chăm chỉ làm chức phận. Quan trong triều thì làm sáng rạng sự nghiệp của vua, quan bên ngoài thì dấy rộng phong hóa, thế mới là không phụ bề trên gửi gắm. Nhưng gần đây các chức ti cả trong lẫn ngoài trở nên lười nhác đã thành lề thói, hùa theo người tiến thì ta tiến, người lui thì ta lui, mượn việc sổ sách, hội họp để cầu nhàn, công vụ thì xếp đống bê trễ, việc gấp thì khoanh tay chẳng làm, bao nhiêu hoài bão ngày trước tự vứt bỏ đi đâu [21a] mà sao hèn yếu đến thế. Sao không nghĩ đến các bề tôi ngày xưa cần mẫn sớm khuya không biết mệt mỏi, coi việc nước như thể việc nhà, luôn chân luôn tay, không quản sinh tử để lo việc chính sự, dẹp yên giặc giã, sự tích của họ còn rạng ngời trong sử sách chẳng cần kể lại. Ngày xưa, bà mẹ của Văn Bá[1] dạy con rằng: "Hàng chư hầu thì ban ngày xem xét xử lý công việc thuộc chức phận quốc gia giao phó, tối đến ôn rèn suy ngẫm lại về điển chương phép tắc; bậc khanh đại phu thì sáng sớm xem xét suy nghĩ về chức trách nhiệm vụ, ban ngày mưu hoạch thực thi việc hành chính, buổi tối kiểm điểm sắp xếp lại công việc, sau đó mới đi nghỉ; học trò kẻ sĩ thì sáng sớm đi nghe giảng tiếp thu kiến thức, ban ngày học tập cho

---

[1] *Bà mẹ của Văn Bá*: người thời Xuân Thu Chiến Quốc, họ Lý, tên là Kính Khương, là mẹ của Văn Bá, quan Đại phu nước Lỗ. Bà là người có kiến thức rộng, am hiểu lễ nghĩa, chồng chết ở vậy nuôi dạy Văn Bá rất chu đáo. Tập hợp những lời bà dạy con trong đó có bài *Luận lao dật* trở thành tác phẩm gia huấn nổi tiếng. Bà được đời sau đánh giá là bậc hiền mẫu.

thuộc bài, buổi tối ôn luyện lại, sau đó mới đi nghỉ". Đó là vào thời bình yên vô sự mà còn như thế, huống chi vào lúc thời thế khó khăn hiện nay càng cần phải cố gắng thực hiện gấp vạn vạn lần cái điều dạy "sáng sớm xem xét, ban ngày thực thi, buổi tối kiểm điểm" kể trên đó. Thế mà các người không biết tự phấn đấu, chỉ khư khư bám vào lề thói cũ, qui tội lỗi cho dân đen. Với đầu óc và cách làm như thế mà không biết hổ thẹn với lời người đàn bà kia ư? Tòa nhà lớn không chỉ nhờ vào sự chống đỡ của một cây cột, thời thái bình đâu chỉ cậy sự trù lược của một viên quan, [21b] mà phải dựa vào công sức của tất cả các quan trong ngoài cùng với trẫm hợp nhau vãn hồi trở lại. Trẫm còn thức khuya dậy sớm để cầu mong, thế mà có người lấy sự lười nhác đáp lại. Hãy tự hỏi lòng mình rằng liệu thực sự có thể yên ổn trong tình hình trước mắt được không? Nay tuy có nước Đại Pháp bảo hộ, nhưng cái gọi là "bảo hộ" đó, việc là của mình, chỉ là vì không đủ lực mà thi hành, không đủ thế mà với tới, nên mới phải nhờ người ta làm thay cho mình mà thôi. Ngay đến những công việc tầm thường cũng không suy nghĩ cố gắng tự lực mà làm, lại cứ điềm nhiên ngồi rồi, động một chút là đem nhờ người khác làm hộ, sao lại kém suy nghĩ thậm tệ như thế. Chả trách văn thư thì chất ngất trên bàn mà dân đen vẫn ngoi ngóp trong vũng bùn ao. Nhưng thôi, chuyện cũ đã qua không can được nữa, rồi đây sửa vẫn còn kịp. Từ nay trở đi, trong triều thì tất cả quan lục Bộ, Các, Tự, bên ngoài thì từ quan Đốc, Phủ, Bố, Án cho tới các phủ huyện, mọi người đều phải thể theo đức ý của triều đình mà tận tâm làm chức phận của mình, sao cho vụ việc hanh thông, giấy tờ trôi chảy, nước nhà được tăng cường bảo vệ, chấm dứt sự nhòm ngó bên ngoài, thì ân trạch ban thưởng trẫm đâu có hạn hẹp gì. Còn nếu [22a] không chịu động tay gắng sức để công vụ tồn

đọng mà không giải quyết, thổ phỉ quấy phá mà không dẹp yên, động việc gì cũng ngại khó ngại khổ thì đã có phép công, trẫm thay mặt cho tổ tông mà giữ nghiêm pháp luật, phán xử chẳng chút nới tay. Nhân đây để bảo cho mỗi người các ngươi biết sợ mà tuân hành. Dụ này phải sao chép ra thông báo cho khắp trong ngoài thảy đều được biết rõ".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], tháng 2. Vua làm bài thơ Thánh chế bày tỏ ý dạy bảo các quan lại phải chăm chỉ lo hoàn thành chức phận, cùng suy nghĩ chia sẻ niềm lo lắng trước thời thế khó khăn:

Nam quốc sơn hà Nam đế đô,
Thần truyền [22b] Thánh kế tráng hoàng đồ.
Hưng diệt kế tuyệt cổ lai hữu,
Thịnh suy bĩ thái há thời vô.

Thế Tổ trung hưng thủy kiến cực,
Tiên đạt khu hạ tứ hải nhất.
Văn thần võ tướng bất thắng thư,
Thiên cổ nhất tâm kiệt tâm lực.

Lễ văn chế độ nhất thời tân,
Nhân miếu uy linh vạn quốc văn.
Thê hàng chức cống triều vương hội,
Quần tài bức tấu đa công huân.

Ngũ phong thập vũ liên phong tuế,
Gia huyền hộ tụng xưng thịnh thế.
Thất tải thùy nhân Thánh chúa từ,
Tẩm nhân đức trạch kim do hệ.

[23a] Hoàng khảo kế tự tư bất vong.
Long phi tam thập lục niên trường,
Tác quân tác sư vạn thế ngưỡng.
Hữu hiếu hữu đức thiên tải chương.

Đỉnh hồ đương nhật thừa long sử.
Như thoát tệ lí khí thần tử.
Khả lân bách nhị cựu sơn hà,
Nghịch Tường nghịch Thuyết chấp cương kỉ.

Thùy tri đắc chí tiện vong thân
Mưu đồ bạt hỗ tầm thí quân
Thí quân lập quân đẳng nhi hí
Tiềm tâm thoán đoạt khí thần dân

Tham nhược lợi thiếu quốc dị sử
Nghênh lập tử anh dữ cánh thủy
Cựu qui thành hiến nhật canh trương
Sủng lộ đạo tặc tòng phong khỉ.

Dũ minh bội ước thất [23b] hòa hoan
Kiếm nhẫn tiên thanh khởi hấn đoan
Quân vị giao tuy thân dĩ độn
Kim bạch tài vật di tầng loan

Cửu trùng thành khuyết sinh trần thổ
Bề cổ liên thiên chấn hải vũ
Thập khẩu chi gia vô nhất toàn
Thử họa tòng lai hãn kim cổ

Do lai đức trạch tại nhân tâm
Tín mộ lân bang cửu dĩ thâm
Lưỡng quốc Đại thần đồng dực đái
Thử dư tiểu tử thừa đức âm

Khứ niên chỉnh lữ trần xa kị
Tá trợ trù nhung trượng lân nghị
Sảo hỉ cuồng manh tiệm cách ngoan
Trập qua nang thỉ tư đồ trị

Chung tiêu bất mị khởi cầu y
Chính sự tùng phân nhật vạn kỉ
An đắc nhân nhân các nỗ lực
Hàm hi thứ tích kì vô vi

Hiền năng khủng vị hoạch ân sủng
Niên lệ [24a] tư cách đổ phiền nhũng
Tiến hiền hiếu sĩ mạc từ tần
Thanh yếu bạt nhân đương thận trọng (vị Lại bộ)

Hải nội can qua dĩ tiệm ninh
Bán bằng lân quốc bán công khanh
Thủ cương thượng thiểu can thành giả
Nhung chính hà đương thận chỉnh thành (vị Binh bộ)

Tự cổ địa quan tổng niết hóa
Miễn nhiệm nhĩ tào vô đãi đọa
Công gia chi lợi vô bất ngôn
Trung chi dữ trình ưng thức phá (vị Hộ bộ)

Hư văn lễ nhạc bản vô cùng
Tỉnh nhũng san phồn yếu thích trung
Khúc lễ tam thiên chủ ư kính
Vô lao miên toái Thúc Tôn Thông (vị Lễ bộ)

Hỗ chung sảnh diệt nhất công bình
Án kiện vật đôi linh ngữ tĩnh
Thính tụng do nhân tất dã vô
Tự lai khúc ẩn nghi thâm tỉnh (vị Hình bộ)

Nghiêu giai tam xích Vũ tì cung
Kinh doanh do lũy thứ dân công
Nhất tài nhất lực sở đương tích
Trúc đầu mộc tiêu nghi thường sung (vị Công bộ)

Nhất đại nhân tài nhất [24b] đại dụng
Bất đãi Hán Đường dữ Triệu Tống
Quân kì Nghiêu Thuấn thần Cao Qui
Bách chấp đồng tâm thư thân tụng.

Dịch nghĩa:

Sông núi nước Nam vua Nam cai trị
Thần truyền Thánh nối cơ đồ rộng mở
Còn, mất, đứt, nối xưa nay thường vẫn có
Thịnh, suy, bĩ, thái chẳng thuở nào không

Đức Thế Tổ mở cuộc trung hưng, bắt đầu lên ngôi
Vung ngọn roi trong đất nước đưa bốn biển qui về một mối
Quan văn tướng võ kể sao cho hết
Đồng tâm dốc sức vì sự trường tồn đến muôn thuở

Lễ giáo, văn hóa, chế độ thảy đều đổi mới
Nhân miếu uy linh muôn nước đều biết tiếng
Lặn lội đường xa đến vương triều tiến cống
Các bậc hiền tài, công huân đông đúc tìm về theo

Mưa gió thuận hòa liền năm được mùa
Nhà nhà đàn hát ca tụng đời thịnh trị
Bảy năm Thánh chúa rủ nhân từ
Đem đức trạch rải khắp cho mọi người,
thấm sâu đến tận ngày nay

Hoàng khảo lên kế thừa, trong lòng ghi nhớ không quên
Ở ngôi lâu dài suốt ba mươi sáu năm
Vừa làm vua vừa làm thày muôn đời còn ngưỡng mộ
Đủ đức đủ hiếu nghìn năm sau vẫn còn rạng rỡ

Ngày ấy vua cưỡi rồng bay lên cõi tiên
Bỏ lại bầy tôi, như cởi bỏ đôi giày cũ nát,
Thương thay cho giang sơn xưa
tồn tại trong suốt một trăm hai chục năm
Nay lại để cho bọn nghịch thần Tường,
Thuyết nắm giữ giềng mối

Ai ngờ thỏa được chí lại quên mất tình thân
Mưu đồ bảo vệ vua mà lại thành giết vua
Bày ra những trò giết vua rồi lại lập vua
Ngấm ngầm mang trong lòng ý định
thoán đoạt ngôi vua, lừa dối quan với dân

Bạc nhược non nớt thì dễ điều khiển
Đón đứa trẻ thơ lập lên ngôi, cho làm lại từ đầu
Bao nhiêu hiến chương qui chế đã hoàn chỉnh ngày trước
dần dần đem ra sửa đổi
Tệ sủng thần, hối lộ, nạn trộm cướp,
giặc phỉ nổi lên như ong

Bỏ thề bội ước làm mất hòa khí vui vẻ
Vung lưỡi kiếm lên trước gây ra mầm thù hận chiến tranh
Quân chưa rút lui bản thân đã bỏ trốn
Bao nhiêu vàng bạc, lụa là, của cải đem chở lên núi cao

Cổng thành, cung điện chìn tầng lầm bụi đất
Trống quân rầm trời rung động khắp cả nước
Mười nhà chẳng được một nhà vẹn toàn
Tai họa hiếm thấy xảy ra từ xưa đến nay

Ơn nhờ đức trạch thấm trong lòng người
Niềm tin cậy và mến mộ với lân bang đã có từ lâu
Đại thần hai nước cùng hợp sức phụ giúp nâng đỡ
Để ta đứa con nhỏ này được thừa hưởng âm đức

Năm trước chỉnh đốn quân đội, dàn bày xe pháo, kị binh
Mượn tay người trù hoạch việc chiến trường,
càng tăng thêm tình nghĩa với lân bang
Mừng là bọn ngông cuồng
đã dần dần sửa bỏ tính ngang ngạnh
Thu giáo mác cất cung tên để lo việc đồ trị

Suốt đêm không ngủ bật dậy tìm áo mặc
Chính sự ngổn ngang mỗi ngày thêm trăm mối
Làm sao cho mọi người đều cùng cố gắng nỗ lực
Để mọi việc đều được hanh thông không sai sót

Những người hiền có tài năng
e rằng chưa được hưởng ân sủng
Lệ xét tư cách quan lại hàng năm phải tránh phiền nhũng
Tiến cử người hiền hậu đãi kẻ sĩ chớ từ nan
Để bạt người vào những vị trí trọng yếu cần thận trọng
(đây là nói Bộ Lại)

Trong nước can qua đã dần yên tĩnh
Một nửa là nhờ sức của lân quốc,
một nửa là nhờ công của các vị công khanh
Gìn giữ biên cương hiện vẫn còn thiếu người tài
đứng ra gánh vác
Việc quân phải hết sức thận trọng
sao cho hoàn chỉnh tốt đẹp
(đây là nói Bộ Binh)

Từ xưa quan Bộ Hộ tổng quản của cải tiền bạc
Các khanh hãy gắng sức lên, đừng có lười biếng
Lợi ích của công không được bỏ qua
Phải hiểu rõ ý nghĩa của chữ "Trung" và "Trinh"
(đây là nói Bộ Hộ)

Những điều suông trống rỗng trong lễ nhạc vốn có rất nhiều
Cần giảm bớt những nhiễu, cắt bỏ phiền toái
giữ được sự thích trung
Nghi lễ có đến ba nghìn thứ nhưng chủ yếu là ở sự tôn kính
Chăm chỉ không biết mệt mỏi như Thúc Tôn Thông đời Hán
luyện tập nghi lễ triều đình ngoài cánh đồng
(đây là nói Bộ Lễ)

Giữ phép công mà phán xử rõ kẻ cố tình làm giặc
với người vô ý mắc lỗi
Không để án kiện chất chồng, nhà ngục yên tĩnh
Xử kiện sao cho không còn người đi kiện[1]
Từ nay trở đi phải tu tỉnh sâu sắc những điều uẩn khúc
(đây là nói bộ Hình)

Điện của vua Nghiêu thềm chỉ cao ba thước,
vua Vũ thì ở trong cung thấp[2]
Việc xây dựng còn đang chất chồng đổ vào đầu dân chúng
Vì vậy phải biết tiếc tiền của và công sức
Đoạn tre mẩu ván cũng nên cất giữ lại cái
(đây là nói Bộ Công)

Nhân tài đời nào đời ấy sử dụng
Chẳng cần đợi đến thời thịnh như các triều Hán,
Đường hay Triệu, Tống

---

[1] Nguyên văn câu này lược trích từ câu nói của Khổng Tử trả lời học trò, ý nói rằng ta xử kiện cũng giống như người khác, có điều là luôn xử sao cho không còn người đi kiện nữa.

[2] Điển cố này dùng để chỉ những bậc vua chúa biết cần kiệm.

Những mong vua được như Nghiêu, Thuấn,
bề tôi được như Cao, Qui[1]
Bá quan hãy đồng lòng mà ghi nhớ lấy

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], tháng 12. Vua phê bảo Bộ Lại rằng:

"Trước đây có giáng Dụ nghiêm cấm khi viết hoặc khi xưng hô không được quen như cũ dùng hai chữ niên hiệu "Hàm Nghi", đó là nói áp dụng từ ngày đó trở về sau. Chứ đối với bốn chữ "Hàm Nghi nguyên niên" đã được ghi rõ trong lịch chính sóc, xét tình nghĩa bổn phận vua tôi thì không thể quá nặng nề mà bới móc ra như vậy. Gần đây nghe có người bảo thấy mấy chữ đó thì phải cho dán đè lên, như thế là sai quá đáng, câu nệ mà đa sự. Việc này truyền Bộ các khanh phải giải thích rõ cho các Bộ cùng biết mà tuân hành. [25a] Chí của trẫm cốt là dấy nghiệp trung hưng, tất nhiên phải dùng nghĩa lí để trị thiên hạ, vì thế không thể không làm rõ chuyện này".

Bấy giờ, Bộ Lại xin vâng mệnh đem sao chép chuyển cho các Bộ cùng biết để tuân hành. Vua phê rằng:

"Chỉ đối với những việc quan trọng thiết yếu mới phải bàn bạc nghị luận, còn lại tất cả đều đã có qui củ cố định, không nên sửa chữa thay đổi, vừa vô cùng phiền phức mà cuối cùng lại thành vô bổ. Ví như vào những năm triều Gia Long, hay như triều nhà Thanh ở Bắc Kinh, đâu có phải là thời kì không có văn học rạng rỡ, võ bị nghiêm chỉnh, nhưng hồi đó mọi việc đều áp dụng theo hướng giản dị. Thế mà công nào cũng thành, việc nào cũng trôi chảy, nhà nhà ổn thỏa, đất nước trị an, thiên hạ thái bình".

---

[1] *Cao, Qui*: Theo truyền thuyết Cao là Hình quan Cao Đào, Qui là Nhạc quan, hai vị được coi là hiền quan dưới triều vua Thuấn.

GIÁO HÓA

[26a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Dụ bảo sĩ phu dân chúng tỉnh ngộ hối cải. Dụ viết rằng:

"Đấng sĩ phu quí ở chỗ giữ cương thường, có tài năng, rồi sau mới là biết thức thời. Bữa trước quyền thần gây ra việc binh đao, xa giá Thái hậu phải ruổi chạy đi xa, trong ngoài bàng hoàng ngơ ngác, dân chúng đêm ngày ngóng trông nơi quạ đậu[1]. Người có lòng thì xướng nghĩa cần vương, kẻ hiếu sự cũng rêu rao nghênh giá, khiến cho bọn người vô lại hô hào nhau lôi kéo bầy đoàn tụ tập lên vùng rừng núi, nhà giàu thì kiệt gia sản vì cấp giày, hộ nghèo thì vắt hết sức làm lao dịch, náo loạn nam bắc mà chẳng làm nên trò trống gì. Ngày xưa Minh Hoàng[2] đi sang đến nước Thục, [26b] được phụ lão che chở ủng hộ lên làm quân trưởng; Đạo Quân[3] bị bắt sang nước Kim mà sau dân chúng đón Khang vương[4] về lập lên làm vua. Cứ xem việc làm ngày nay thực kém xa người xưa. Huống hồ lại còn hành động phá dỡ tỉnh thành, lấy của cải công, đến lúc việc không thành thì dắt díu gia quyến bỏ trốn nơi xa, như thế mà bảo không

---

(1) *Ngóng quạ đậu về đâu*: điển cố gốc từ Kinh thi, Tiểu nhã. Chim quạ thường tụ tập ở nóc nhà giàu có, dân nghèo li tán ngóng tìm nơi có quạ đậu để chọn làm nơi sinh sống dựa vào làm thuê cho nhà giàu. Điển này sau dùng để chỉ dân chúng trong cảnh loạn li mong ngóng về nhà vua.

(2) *Minh Hoàng:* vua Minh Hoàng nhà Đường khi còn là Thái tử gặp loạn An Lộc Sơn phải chạy sang nước Thục, sau được phụ lão đón về lập làm vua.

(3) *Đạo Quân:* Vua Huy Tông nhà Tống tự xưng hiệu là Giáo Chủ Đạo Quân Hoàng đế. Khi nước Kim vây đánh Tống, Huy Tông bị bắt sang nước Kim làm tù binh.

(4) *Khang vương:* tên là Triệu Cấu, con thứ 9 của Tống Huy Tông, về sau lên làm vua, tức Tống Cao Tông.

mượn nghĩa công để lo tư túi thì có ai tin được. Nhưng dù sao đó là vào lúc xã tắc không có chủ, chuyện đã qua không can được nữa.

Nay trẫm là con thứ hai của Dực tông Anh Hoàng đế, vốn chỉ nghĩ về tình hữu ái, chẳng hề màng tới ngai vàng, lui về nhận địa vị phiên phong. Vậy mà có ngày nay, đó là bởi ý trời còn muốn lưu giữ lại, chứ đâu phải nhờ ở sức người mà tự nhiên có được non sông nước Nam. Nhân tài bốn phương đều là bề tôi của vua, nên cần phải tự tin và tự hành động chứ việc gì phải đợi kêu gọi nhiều lời. Kìa như bọn người tự giữ lấy cuộc sống vụng trộm, không chịu ràng buộc, khinh nhờn quan lại cũng tức là khinh nhờn triều đình vậy. Làm gì có kẻ nào khinh mạn triều đình mà lại được dung thân [27a] ở giữa đất trời này được. Hoặc giả rủ nhau vác gậy gộc như Thang Vũ của dân nhà Tần[1] chăng? Hay đua nhau giành danh nghĩa như Trung Nghĩa đường ở Lương Sơn Bạc[2] chăng? Nhưng từ đó mà nghiệm ra thì thấy có kẻ nào trong số họ duy trì được lâu dài đâu. Đã mấy lần quan Pháp đã muốn tiến quân đi đánh dẹp, trẫm vì coi tất cả thần dân đều như nhau nên luôn trịnh trọng xin họ thương mà dừng mũi tên hòn đạn, làm phúc cho những người dân vô tình mà mắc lỗi. Hồi trước thì không có đường mà hối lại, nhưng từ nay trở đi, dù là quan hay dân đều phải bảo nhau sớm quay đầu lại, tìm đường trở về Kinh, hoặc tìm đến các tỉnh mà đầu thú, bán gươm giáo

---

(1) *Thang Vũ của dân nhà Tần*: chỉ Trần Thiệp, tức Trần Thắng, một trong hai lãnh tụ cuộc khởi nghĩa của nông dân thời Tần mạt. Trần Thiệp được sử gia Tư Mã Thiên đánh giá rất cao, so sánh cuộc khởi nghĩa của ông và Ngô Quảng với cuộc nổi dậy đánh đổ Kiệt Trụ của Thang Vũ.

(2) *Lương Sơn Bạc*: chỉ cuộc khởi nghĩa của nông dân đời Tống, do Tống Giang chỉ huy, lập ra Trung Nghĩa Đường để tập hợp anh hào trên núi Lương Sơn tỉnh Sơn Đông.

để tậu trâu bò mà cày ruộng, xây dựng nhà cửa, từ bỏ hết cái chí hung hăn như lũ cú lũ diều để yên ổn xây tổ như chim hồng chim nhạn, như thế chả tốt đẹp hay sao. Còn nếu vẫn loanh quanh không quyết, việc bất đắc dĩ từ bên ngoài khiến họ đem quân đến, thì các ngươi như khỉ trong rừng, cá dưới ao làm sao cứu chữa cho được. Đó là bởi các ngươi không muốn để cho trẫm rộng mở lưới nhân đức, để đến nỗi các ngươi cố chấp mà chết cả trong ngòi lạch, chứ trẫm thực đâu có lòng nào muốn thế. [27b] Trẫm không nói lại lần nữa đâu".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 5. Vua ngự giá thân chinh đến tỉnh Quảng Trị. Tỉnh thần tuân mệnh dẫn các vị thân hào, phụ lão trong địa phương tới chiêm bái. Vua mệnh cho quan Viện Cơ mật ở hành tại soạn tờ Sắc dụ bảo họ phải biết hối lỗi. Sắc văn viết:

"Chuyến này trẫm đi là để an dân chứ không phải muốn thắng dân. Bữa trước xa giá đi qua huyện Phong Điền trẫm đã đích thân tới thăm các tổng thuộc bản hạt, tất cả những nơi ấy đều thôi đốc dân phu và vật liệu đầy đủ nghiêm chỉnh, chứng tỏ họ đều có lòng. Trẫm đã chuẩn cho quan Viện Cơ mật cứu xét xác thực [28a] đối với danh hàm của các Chánh, Phó tổng của các tổng ấy để khen thưởng thăng trật. Lại khi đến tỉnh Quảng Trị, nghe tỉnh thần tấu báo rằng viên Chánh tổng tổng An Nhơn Phạm Ngọc Tản trước đây đã can tội đốt nhà giết người, nhưng việc tra xét chưa xong, thì gần đây có bọn phỉ đến ở lại tổng ấy đòi lấy thuế binh lính mà viên ấy không hề bẩm báo. Khi xa giá đến huyện Hải Lăng tổng ấy cũng không chịu đốc thúc dân phu cũng như không thân hành ra hành tại chầu hầu. Tỉnh thần xin chiếu theo tội bạn nghịch xử tội chém bêu đầu. Trẫm xét thấy xử như thế là phù hợp về tình và tội của y, nên đã chuẩn y theo lời nghị xử. Như vậy việc khen thưởng là để khuyến thiện, xử

phạt là nhằm trừng ác, đó là theo phép chung của triều đình, chứ trẫm có nỡ lòng nào đâu. Sĩ phu, dân chúng các ngươi phải bảo nhau tới bẩm báo, giữ bổn phận yên ổn làm ăn. Các bậc cha anh, bề trên lớn tuổi phải bảo ban con em mình, việc tốt thì khuyến khích, điều xấu thì sửa bỏ, cùng nhau yên vui hưởng lợi lạc, chớ tự gây chuyện mất trị an mà sớm mắc tội. Để đến lúc đó [28b] thì dù trẫm có lòng chí nhân đến mấy cũng khó có thể tha cho được. Các ngươi hãy nghiêm túc tuân theo, chớ bỏ qua lời cảnh báo này của trẫm. Sắc này truyền Viện Cơ mật thông báo cho tỉnh thần Quảng Trị đem niêm yết để các địa phương thuộc hạt đều biết mà kính cẩn tuân hành".

Vua soạn Cáo dụ sĩ thứ ở Hữu trực kì[1] rằng:

"Trẫm là con thứ hai của Tiên Hoàng đế, vốn chí giữ địa vị phiên phong mà lòng chẳng màng tới ngai vàng. Huống chi làm vua không phải là việc dễ[2], vì thế trẫm đã mấy lần từ chối nhưng không được. Hơn nữa trăm họ rất đông, bốn biển rất rộng, tôn xã chí trọng, mà ngôi báu không thể để trống lâu ngày, nên các vị cựu thần có danh vọng từ lâu của Tiên đế đã đón lập ta lên ngôi, chứ ta thực đâu có lòng ấy. Hàm Nghi là em ta, bình sinh vẫn một lòng quí mến thân thiết, thế mà nay không biết ra đi đến chốn nào, ròng ròng huyết lệ khôn ngăn, dạt dào niềm thương nỗi nhớ. Đáng chê cười thay tên Lê Thuyết không hiểu biết kia, [29a] nếu định dựa vào mưu dùng em hại anh thì đã

---

[1] *Hữu trực kì*: Triều Nguyễn lấy Kinh đô Huế (thuộc phủ Thừa Thiên) làm trung tâm, nên 3 tỉnh tiếp nối Bắc kỳ là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh nằm về phía phải kinh đô (theo quan niệm ngày xưa) được gọi là các tỉnh Hữu kỳ; hai tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị nối tiếp và áp sát Thừa Thiên được gọi là các tỉnh Hữu Trực kỳ hay Bắc Trực.

[2] *Làm vua không dễ*: câu trích trong Kinh Thi: "Thiên nan thẩm tư, Bất dị duy vương".

thành vô ích, còn muốn dựa vào đám sĩ phu mà mi có được kia cũng lại hoài công mà thôi. Huống nay năm đầu lại gặp đúng năm Tuất (cũng là năm Đức Thế Tổ triều ta đại định thiên hạ), ngày Nguyên đán lập xuân, thực đúng có mệnh trời. Các vị cựu thần, thạc phụ của Tiên đế cũng như các bậc quân tử đầy triều, lại thêm được quân đội tinh nhuệ, vũ khí lợi hại của nước bạn Bảo hộ càng khiến nhân tâm vững chí theo về. Cánh sĩ phu các ngươi đều từ văn học xuất thân, tri thức gồm đủ, tự mình đã biết chuộng nghĩa, hiểu cơ trời, bản tâm vốn không phải thích gây loạn, chỉ vì không nắm rõ thời thế mà thành lệch lạc cố chấp. Ta cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi rồi cũng đã hiểu ra. Vì thế nay đem lòng thành thực tự tay viết bản Dụ này bảo cho ngươi biết, nếu có gặp Hàm Nghi ở đâu thì đón về đem nộp. Làm thế không những được tha hết lỗi lầm xưa, [29b] mà công ấy ta cũng coi rất trọng, hứa sẽ xin Chỉ dụ của Thái Hoàng Thái hậu phong cho ngươi tước Nam, trao cho ngươi quan hàm nhị phẩm, rồi muốn ra làm thì được dùng, muốn lui về thì cho nghỉ. Đó là kế vạn toàn cho bản thân và gia đình các ngươi. Còn nếu vẫn mê muội không chịu tỉnh ngộ, thì giữa khoảng đất trời này các ngươi đã không có chỗ dung thân, mà em ta với ta vốn là cốt nhục tình thân, nếu có mệnh hệ bất thường nào thì tất phải có trách nhiệm. Cánh sĩ phu các ngươi hãy nghĩ đến luân lý đạo trời mà hồi tâm hướng thiện, sớm gấp tuân mệnh mà đến các phủ, huyện bẩm báo, hoặc đón nộp ngay ở hành tại, thì đó là công lớn vậy. Ta không có lòng bỏ rơi các ngươi, lộc trời cũng vẫn còn mãi mãi, lòng trung nghĩa được vẹn tròn, bản thân cùng gia đình đều được bảo toàn. Các ngươi hãy thận trọng, thành tâm mà suy nghĩ, ta không có ý làm hại hay lừa dối các ngươi đâu. Lời này ta không nói lại. Truyền sao lục yết thị tại các địa phương Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình,

Quảng Trị, đồng thời tỉnh thần các tỉnh phải chia ra dán ở các xã, mỗi xã một tờ, có đóng dấu quan phòng. Hạn trong 3 ngày (bắt đầu kể từ ngày nhận được bản sao lục) [30a] nếu không xong bị phát giác thì các tỉnh thần tỉnh ấy sẽ bị truy cứu nghị xử tội nặng. Hãy kính cẩn tuân hành".

Mùa thu, tháng 7. Dụ lương giáo đều là con dân của triều đình, phải luôn tuân theo luật lệnh của triều đình. Lời Dụ rằng:

"Ơn nhờ triều ta, liệt Thánh kế thừa, lòng nhân rải đều khắp cả chúng dân, ơn trạch cao dày, mọi ngõ ngách xóm thôn đều được yên ổn suốt nhiều năm cho đến nay. Năm ngoái vì nghịch thần sinh chuyện, giả thác danh nghĩa, tụ tập thành bầy nổi dậy như đàn ong, gây oán thù với giáo dân khiến trong ngoài xáo động, đưa dân ta đứng trước mối nguy lớn chưa từng có. Lúc đó phải phiền triều đình nhiều lần ra tay xử trí nhưng vẫn không yên. Nay trẫm đại giá thân chinh, kẻ nào ra hàng thì vỗ về, kẻ nào cố chống thì tiêu diệt, vốn là nhằm mưu cầu sự an toàn cho dân chúng. Đám người ấy có nhiều kẻ lần lượt kéo tới hành tại đầu thú, trẫm cũng đã tha tội rồi thả cho về cả. Nhưng thông qua phái viên đi điều tra nghe ngóng trong dân gian thì thấy vẫn có người nghĩ rằng, triều đình [30b] gia ân rất là rộng rãi, số người đem thân về đầu thú nghĩ cũng không phải là ít, nhưng chỉ sợ trong đám giáo dân có kẻ hẹp hòi, ôm mối hận thù trước đây mà xui bàn sau lưng, hoặc nhận tài sản, hoặc đòi bồi thường, một khi không được thỏa ý thì sẽ tìm mọi cách bới móc, cố tình vu cáo hãm hại. Đến lúc đó thì nước xa không cứu được lửa gần, đã sảy chân lỡ bước đến tình cảnh đó thì làm sao sống nổi, vì thế nên không dám quay đầu trở về. Xét về tình lý xem ra cũng có thể dẫn tới như thế. Kể thì người dân ai cũng có khả năng hiểu biết, mà lòng người thảy đều muốn được yên ổn. Thay vì tàn hại lẫn nhau mà rốt cuộc chẳng có lợi cho ai, chi bằng đối xử tốt với

nhau để cùng hưởng hạnh phúc lâu dài. Nay trẫm lại bố cáo rõ lần nữa rằng, từ nay trở đi đối với những người về đầu thú, quan tỉnh phải kê biên thành danh sách giao cho ty sở lưu giữ, rồi chiểu theo đó lần lượt tha cho về yên ổn làm ăn. Nếu người nào bị giáo dân vu tội hãm hại khiến bị xử tội chết thì triều đình phải xem xét truy hồi ban trao chức hàm nhiêu ấm và cấp tiền tuất. Quan sở tại cứu xét ra đích danh kẻ tố cáo vu oan, [31a] xử phạt 50 đồng bạc. Lương dân đã ra đầu thú mà không chịu an phận thủ thường tiếp tục đi lại con đường tội lỗi cũ, bị giáo dân tố giác hoặc bị đoàn thể do giáo dân thành lập truy bắt, qua cứu xét thấy đúng quả tang thì quan địa phương tra xét rõ ràng mà xử tội nặng hơn một bậc, còn giáo dân kia sẽ được thưởng 30 đồng bạc (tố giác thưởng 10 đồng, truy bắt được thưởng 20 đồng). Đối với những giáo dân mà tài sản bị cướp bóc, người và gia súc bị thiệt hại đến mức không còn nguồn sống thì địa phương tập hợp thành danh sách tư lên hội đồng quan lại hai nước nghị xét chu cấp cứu trợ. Đối với kẻ mạo nhận để đòi bắt người lương dân bồi thường, ngoài việc phải hoàn trả lại số tài sản của lương dân ra, kẻ phạm tội còn bị trách phạt thêm một khoản bằng một phần ba số tài sản đó. Người lương dân bị tàn phá hết tài sản đến mức không còn nguồn sống thì cũng do địa phương tấu lên để lượng xét chẩn cấp. Lương dân cũng không được tự ý báo thù riêng đối với giáo dân, nếu vi phạm sẽ bị nghiêm trị theo luật pháp. Nếu dân chúng còn có điều gì bức xúc khổ sở, trẫm sẽ [31b] tìm cách xử lý thỏa đáng đảm bảo cho các ngươi không còn khó khăn về sau. Các quan lại địa phương hãy thể theo tấm lòng của trẫm đối với dân như cha mẹ đối với con cái mà thực hiện hiếu dụ rộng khắp, khuyên nhủ dân chúng hồi tâm hướng thiện, cùng hòa hợp không nghi kị lẫn nhau, thì chẳng bao lâu sẽ cùng chung hưởng phúc thái bình, được như thế, đối với trẫm còn có gì vui hơn. Còn

nếu sau lần hiểu dụ này mà vẫn mù quáng như cũ gây ra thành chuyện, thì ngoài kẻ phạm tội bị xử lý theo như Dụ này ra, các quan địa phương không biết khuyên răn, thám báo bất lực cũng sẽ bị xử tội nghiêm khắc. Điều khoản này đã mệnh cho quan Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Bắc Kì Kinh lược Đại sứ, sung Ngự tiền Thống soái quân vụ Đại thần, Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ bàn bạc với Đại Tây Ẩn sĩ, Dự thương Ngự tiền quân Lược Tiên Từ, đồng thời chuyển xin ý kiến của quan Toàn quyền Đại thần Côn Pha nước Đại Pháp, hai bên ý nghĩ đều hợp với nhau. Vậy truyền lập tức cho sao chép niêm yết tại các địa phương và các nhà thờ từ Thanh Hóa trở vào Nam, từ Bình Thuận trở ra Bắc để mọi người đều được biết mà kính cẩn tuân hành".

[32a] Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Mùa hạ, tháng 4. Mở trường nói tiếng Đại Pháp, lấy Kiêm Đốc Hành nhân ti Diệp Văn Cường kiêm sung Chưởng giáo, Hành nhân Tư vụ Nguyễn Hữu Mẫn sung làm Trợ giáo, cho con em của quan lại, binh lính và dân chúng được nộp tiền vào trường nhập học. Cứ đến cuối mỗi năm Viện Cơ mật sẽ tổ chức hội đồng sát hạch một lần, những người có biết tiếng Pháp một chút cho sung vào làm Hành nhân, chiếu cấp lương cho vào học tập theo lệ học việc.

Tháng 6, chuẩn cho nguyên Tế tửu Nguyễn Đình Tựu đổi làm Quang lộc tự Thiếu khanh, lãnh Đốc học tỉnh Quảng Nam, [32b] vì địa phương này đã dần dần yên ổn mà trường học còn thiếu. Viên này nguyên là học quan, được nhiều sĩ tử mến mộ theo học nên có mệnh lệnh này.

Tháng 8, quan Quốc tử giám tâu xin rằng, từ nay trở đi, những học viên Giám sinh nghỉ ốm mà không có đơn báo cáo, quá hạn 1 tháng sẽ cứu xét là mượn cớ chây lười, lập tức bị xóa tên. Còn nếu có đơn báo được xác nhận là sự thực thì sẽ thực hiện theo lệ năm Tự Đức thứ 31 (Năm ấy Ấm sinh Nguyễn Lượng ở nhà bị ốm, có đơn xác

nhận của cha đẻ, nên được cho về nhà chữa bệnh đến bao giờ khỏi thì lại đến trường Giám học tiếp). Bộ Lễ nhân đó đề nghị thêm rằng, các sinh viên nếu ai ở nhà có cha mẹ già yếu mà tình nguyện xin về phụng dưỡng thì cũng cho thực hiện theo lệ năm Tự Đức thứ 31 (Năm ấy Ấm sinh Phan Thế Đình được chuẩn cho về phụng dưỡng, xong việc lại trở lại trường tiếp tục học tập). Đối với trường hợp nghỉ ốm, ngoài qui định không có đơn báo mà nghỉ quá 1 tháng thì bị gạch tên ra, [33a] trường hợp có đơn báo mà nghỉ đủ 4 tháng thì phải qua Học quan xem xét, nếu ai có thực học, ngày thường học tập không lười biếng thì sau khi khỏi bệnh cho được trở lại tiếp tục học tập, còn nếu học lực tầm thường thì sẽ bị gạch tên khỏi danh sách trường Giám mà trở về ngạch cũ. Các trường học khác ở bên ngoài cũng cho thực hiện chiểu theo qui định này.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Tháng 2, bắt đầu xét cấp lương tháng cho học trò ở trường Hành nhân và chuẩn cho miễn trừ thuế thân và phu dịch theo các mức khác nhau.

Tháng 8, tuyển chọn 5 người là con em quan viên (thông minh, tuổi từ 15 đến 22) cấp cho học bổng (mỗi người 100 đồng) cho sang thành Ba Lê Quí quốc học chữ Tây (Trước đây đã tuyển được 20 người cử đi học, lần này quan Khâm sứ Hách Tô thông báo tuyển thêm 5 người).

CHÍNH TỤC (phụ)

[34a] Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 3, biểu dương các tiết phụ tỉnh Hà Nội (gồm Đặng Thị Trường, Đặng Thị Hối, Đỗ Thị Ba).

Mùa hạ, tháng 4, biểu dương người dân thọ trăm tuổi ở tỉnh Quảng Ngãi (Trần Văn Nhĩ).

Tháng 5, vua ngự giá thân chinh. Trước khi loan giá khởi hành, cho triệu các vị kì lão, Chánh, Phó tổng ở 6 huyện thuộc phủ Thừa Thiên tới sân triều dụ bảo phải kính tuân theo giáo hóa, yên ổn làm ăn, dạy dỗ con em không đi theo giặc phỉ.

Mùa thu, tháng 7, ban biển ngạch biểu dương hai xã Hà Thanh, Ninh Xá tỉnh Quảng Trị. Dân hai xã này đã ra sức [34b] đánh lui được toán phỉ, nên được biểu dương để khuyến khích.

Ban thưởng biển ngạch cho xã Kiêm Ái tỉnh Quảng Bình, vì đã có công thám báo rất đắc lực.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 2, chuẩn ban thưởng biển ngạch và tiền bạc theo mức khác nhau cho các nghĩa dân xã Phú Khê tỉnh Thanh Hóa, vì đã có công truy bắt được tên phỉ đầu sỏ.

Mùa hạ, tháng 4, bãi bỏ lệ tình nguyện ra làm việc sau khi có tang cha mẹ 3 tháng (chuẩn thực hiện theo nghị bàn cũ vào năm Tự Đức thứ 2) để giáo dục lòng trung hiếu.

[35a] Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng. Khách người Thanh Trần Quang Hanh ở Vĩnh Yên đệ đơn lên Bộ Hộ xin được mở sòng bạc chịu nộp thuế tại Nghĩa An, Nam Nghĩa, Bình Phú thuộc phủ Thừa Thiên, Bộ Hộ đã bàn bạc đệ phiến xin cho phép thực hiện. Huân thần Nguyễn Hữu Độ dâng sớ nói rằng, cờ bạc rất có hại đối với dân, mọi tệ nạn tàn phá cơ nghiệp, tan cửa nát nhà, gian tà, trộm cắp đều bắt nguồn từ đó mà ra. Hiện nay các địa phương vừa mới trải qua khói lửa chiến tranh, dân còn chưa kịp hồi sinh. Trò tệ hại này mà mở ra, bọn trục lợi sẽ dựa vào đó mà đầu cơ làm giàu, dân du đãng sẽ bị lôi kéo vào con đường gian tà. Thuế thu về nhà nước chẳng đáng bao nhiêu mà tệ nạn trong dân gian lại lan tràn phát triển. Xin nghiêm cấm chặt chẽ để dứt mối tệ nạn. Vua chuẩn y lời bàn xin đó.

[35b] Tháng 3, chuẩn khôi phục tặng tuất theo mức khác nhau cho những viên chức ở Quảng Nam bị oan uổng từ năm trước.

Tháng 5, biểu dương, ban thưởng cho các tiết phụ và hiếu nữ tỉnh Hải Dương (tiết phụ Nguyễn Thị Giản, Bùi Thị Đà, hiếu nữ Phạm Thị Ngãi).

Biểu dương, ban thưởng cho những người dân sống thọ trăm tuổi tỉnh Quảng Ngãi (Trịnh Văn Hóa, Nguyễn Văn Lẫm, Lê Văn Ninh).

Mùa đông, tháng 10, biểu dương tiết phụ phủ Thừa Thiên (Nguyễn Thị Thừa, hạng trung bình). Vua thấy người này ở gần Kinh thành, trong trắng sáng sủa mà giữ tròn trinh tiết bèn gia thưởng cho một súc vải dày để tỏ ý khuyến khích.

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN IV

TÚC LỄ

[1a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Bộ Lễ tâu trình rằng nhân dịp đại lễ đăng quang của vua, đối với các thần kì trong cả nước, xin tuân theo lệ giống như dịp đại khánh tiết mừng thọ ngũ tuần của vua vào năm Tự Đức thứ 31, thực hiện bãi bỏ việc gia phong mĩ tự, mà chỉ ân cấp cho mỗi vị một đạo sắc phong như trước đây. Vua phê rằng:

"Lễ đại khánh cũng như các dịp lễ tiết khác còn thường được gặp nhiều lần, riêng lễ tấn quang phải hàng trăm năm mới có một dịp. [1b] Nên đối với bách thần phải nhất loạt gia tặng bốn chữ "Cộng Bảo Trung Hưng" để tỏ sự cảm kích kì vọng của trẫm".

(Đến tháng 8 năm Đồng Khánh nguyên niên, phụng chuẩn sửa lại thành bốn chữ «Dực Bảo Trung Hưng").

Tháng 11, Bộ Lễ tâu trình rằng, theo tư báo của phủ thần Nam Ngãi thì từ sau khi tỉnh thành thất sự, dân các xã làm nghề dệt đã bỏ nghề rất nhiều. Vì vậy vào các ngày lễ có mở tiệc như hạp dưỡng, xuyết giảng năm nay và lễ xuân hưởng, đại tự sang năm xin tạm bãi bỏ việc chế vải lụa một lần. Vua phê rằng:

"Các dịp lễ tiết trong năm có thể tùy thời mà bãi giảm còn được, riêng đối với lễ đại tự cả năm chỉ gặp một lần, phải làm đúng

theo như lệ. Nếu sợ rằng còn chưa đầy đủ thì tạm dừng lại một hai tháng cũng được, [2a] chứ cắt bỏ đi lòng trẫm thấy muôn phần không ổn. Còn đó những lời người xưa để lại về Thánh nối, Thần truyền, kính trời, noi theo tổ tiên, muôn đời không thay đổi. Về việc này truyền giao cho Đình thần cùng nhau bàn bạc định đặt sao cho ổn thỏa, vừa trọn vẹn tấm lòng thành kính noi theo tiền nhân, vừa cầu xin được sự phù trợ của bề trên linh thiêng. Đối với ta có thể xem nhẹ, chứ may mắn cho dân chúng cả vùng mới là trọng. Các khanh nên suy xét kĩ càng thận trọng để nhanh chóng quyết định".

[2b] Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 2. Chuẩn đổi đền Ngọc Trản (Hòn Chén) thành điện Huệ Nam. Vua phê bảo Bộ Lễ rằng: "Đền Ngọc Trản quả là nơi rạng rỡ linh thiêng của muôn đời, núi thiêng thờ Tiên nữ cứu nhân độ thế, ngửa xin được linh nghiệm, giáng muôn vàn phúc lành bảo vệ đất nước phù hộ dân chúng. Truyền đổi thành điện Huệ Nam, chuẩn cho Bộ Công chế tạo biển ngạch để treo ở điện".

Tháng 3, ở Kinh kì không có mưa. Nguyễn Thuật tâu trình rằng, từ thượng tuần tháng này đến nay thời tiết khô hanh không mưa, khí trời không thuận khiến dân chúng quanh thành nhiều người bị cảm nhiễm. Trộm nghĩ vì tháng 5 năm ngoái Kinh thành xảy ra sự biến [3a] binh lính và dân chúng bị súng bắn lửa thiêu, số người bị chết lên tới hàng nghìn. Ngày xưa chỉ một người đàn bà hàm oan chết đi còn dẫn tới thời tiết bất thuận, huống đây lại là cái tang của cả nước, làm sao mà không gây ra tai chướng. Khẩn thiết xin sắc cho Bộ Lễ cùng với các quan phủ Thừa Thiên chọn một nơi sạch sẽ ở nội ngoại thành dựng đàn cử hành một phiên tế lễ, rồi sau đó cứ mỗi năm một lần Bộ và Phủ đó ghi nhớ theo thế mà tiến hành. Vua phê rằng:

"Xét lời tâu, thì dứt tai ương đem lại thuận hòa lẽ nào là nhờ ở việc tế ma quỉ. Năm ngoái khi trẫm còn ở bên ngoài cũng

từng cảm thấy bức bối, đến khi trẫm chuyển vào trong thành thì tự nhiên hết. Bây giờ lại thấy hơi khó ở. Chuyện đó là bởi sau những cơn binh hỏa tạo ra, từ xưa vốn vẫn như thế, thường là tai ách do những kẻ nghịch thần lưu lại. Như thế so với chuyện người đàn bà bị chết oan dẫn tới thời tiết bất thuận khác nhau rất xa. Huống chi từ xưa có câu rằng, bốn cửa thành mà dựng nhiều đồn lũy đó là cái nhục của đấng đại phu các khanh đấy. Chứ sao nữa? Vì thế những mong [3b] các quan đồng triều cùng lòng thành thực hòa thuận, không bè đảng, không thiên lệch, đó chính là điềm báo thái bình, từ đó sẽ thấy được âm dương phù trợ, bách thần đăng trật, tất cả đều được nhận ơn vua, chứ đâu cần tế mấy cái thây. Còn về chuyện ma quỉ thì khỏi cần bàn đến. Tóm lại, về khoản xin mỗi năm một lần tế rồi lấy đó làm thường lệ là không hợp, không chỉ gây phiền phức tốn kém mà e còn bêu cái chuyện tệ hại của quốc gia đến mãi mãi về sau. Còn những khoản khác, chuẩn y theo lời đề nghị".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 11, cử hành đại lễ rước thần chủ Dực Tôn Anh Hoàng đế thăng phụ vào Thế miếu. Vua xuống Dụ rằng:

"Đạo hiếu của Đế vương không gì lớn bằng thờ phụng cha mẹ, cho nên truy tôn ông cha, thờ cúng hương khói [4a] là việc làm báo hiếu trọn vẹn nhất.

Hoàng khảo Dực Tôn Anh Hoàng đế triều ta ở ngôi trong 36 năm, vốn lòng chí thiện lưu truyền, mở mang cơ đồ oanh liệt. Văn đức thánh thần tỏa sáng khắp biển khơi, nhân trạch cao dày rộng rãi trong hoàn vũ. Sừng sững lớn lao, ngời ngời rực rỡ, thực đúng là truyền thống vẻ vang của các các vị tổ tiên. Sau lễ tế đoạn tang đáng lẽ phải rước thần chủ vào miếu điện hợp tự cho đúng với điển lễ, nhưng vì giữa chừng gặp phải

biến cố nên đại lễ vẫn chưa kịp cử hành. [4b] Trẫm từ khi kế nghiệp đến nay luôn tưởng nhớ đến ân đức người xưa mà xót xa trong dạ, đêm ngày vẫn canh cánh niềm mong thực hiện cho được việc tôn kính này. Bèn sai quan hữu ti xem xét điển lễ, tìm chọn ngày lành, định đến ngày 16 tháng này trẫm đích thân đến làm lễ cáo tại điện Hòa Khiêm, đàn Nam Giao, các Tôn miếu, điện Phụng Tiên và đàn Xã Tắc. Ngày 28 vào tâu lên [5a] cung Gia Thọ và cung Trường Ninh. Ngày mồng 3 tháng tới kính rước thần chủ của Hoàng khảo Dực Tôn Anh Hoàng đế lên phụ thờ tại Thế miếu, rước Thánh vị lên thờ ở điện Phụng Tiên để thờ phụng lâu dài đến vô cùng. Vậy bố cáo cho mọi người cùng biết, để bày tỏ lòng thành kính hiếu phụng của bản thân trẫm và thỏa ước nguyện tôn kính bề trên của các thần dân".

Ngày mồng 3 là ngày Ất Dậu tháng 12, [5b] kính rước thần chủ vào Thế miếu. Đại lễ cử hành xong, ban ân chiếu cho khắp trong ngoài. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ, Tôn kính tổ tiên, phụng thờ cha mẹ mới làm tròn đạo hiếu của Đế vương; tổ chức lễ mừng, rộng rãi ban ơn đã trở thành phép xưa của đất nước. Thờ phụng Tiên vương mà thỏa lòng muôn dân hoan hỉ; ban ơn thiên hạ để đền đáp phúc trạch tam linh. Kinh có lời tụng Thanh miếu ấm áp trang nghiêm[1]; Sử còn tờ chiếu bắt đầu phụng thờ sùng kính[2]. Đó là nhằm để duy trì đạo hiếu và ban bố hồng ân. Kính nghĩ, Hoàng khảo Dực Tôn Anh Hoàng đế, mang tư chất của hàng tiền triết, dấy cơ nghiệp hưng thịnh lớn lao. Thể hiện ở đức [6a] tôn kính trời,

---

[1] Chỉ bài *Chu tụng-Thanh miếu*, ca tụng miếu thờ Chu Văn vương.

[2] Có lẽ chỉ tờ chiếu của Hán Thành đế chép trong *Hán thư*, quyển 10: Vào năm thứ 2, vua bắt đầu thờ phụng Giao tự tại Nam giao Kinh đô Trường An.

nơi tổ tiên, chăm chính sự, yêu mến dân, củng cố chính thể, bảo vệ non sông, bên trong giữ yên, bên ngoài phòng ngự. [6b] Sáng lập nối truyền sánh bậc Thánh minh, nhân hậu cao dày còn lưu vĩnh cửu. Công đức to lớn trong ba mươi sáu năm còn ngời ngời trong lòng dân chúng, rạng rỡ các bậc tổ tông. Là con người có khí huyết ai mà không tôn trọng như hàng cha mẹ, sùng kính như đấng thần minh, ngưỡng mộ như vầng nhật nguyệt. Thế rồi bỗng nhiên chốn Đỉnh Hồ ruổi bước lên trời, đời gặp gian nan lễ truy tôn lâu ngày còn khuyết. Anh linh trên trời chiếu giám, [7a] dân chúng ngửa cổ ngóng chờ. Trẫm may được trời cao soi xét xót thương, ơn nhờ Tổ khảo linh thiêng phù trợ, vá chữa lại cơ đồ, lên kế thừa nghiệp lớn. Quang cảnh giang sơn vẫn tươi đẹp chẳng khác khi xưa, chuông trống còn đây vẫn uy nghi giống như thuở trước. Nhìn cơ hội hanh thông, thấy điển lễ nay là đúng dịp. Sau khi đã chọn được ngày lành thỉnh mệnh đàn Giao [7b], đàn Xã cùng các Tôn miếu, lễ cáo điện Hòa Khiêm, tấu đạt Lưỡng cung, vào ngày mồng ba tháng này trẫm thân hành dẫn các thần liêu kính rước thần chủ lên phụ thờ ở Thế miếu, đồng thời kính rước Thánh vị lên thờ ở điện Phụng Tiên, cả hai nơi đều đặt thờ tại [8a] hai án thờ bên tả. Tòng tự với Tiên công, thì biết Chu Lễ thảy ở trong nước Lỗ[1]; bên hữu có Liệt khảo, ngẫm ra Vương chế rất đầy đủ chu toàn. Suy tôn ngang tới trời cao, sùng kính đưa vào Thế miếu. Mãi mãi linh thiêng, thành tâm phụng tự. Lưỡng cung được phần an ủi, lòng trẫm cũng thấy hả hê. Lễ long trọng đã xong,

---

[1] Nước Lỗ thời Xuân Thu là nước chư hầu cùng họ với triều Chu, nên là nơi bảo tồn và thi hành các phép tắc của Chu Lễ hoàn bị và chu đáo nhất. Thời đó có câu :"Mọi phép tắc Chu Lễ đều ở nước Lỗ". Câu này ý nói việc đưa vua Dực Tông tòng tự với các vị tiên vương là đúng theo phép tắc qui định của Chu Lễ.

ân rộng ban cần có. Những điều khoản gia ân sẽ được liệt kê dưới đây[1].

Ôi, Đế vương nhờ vào điện miếu để tỏ bày niềm chí hiếu trong tâm, vua ban ơn cho thứ dân nhằm rộng rãi cùng hưởng phúc trạch. Riêng bản thân trẫm được thỏa nỗi nhớ thương, trăm họ các ngươi mãi đội ơn tắm tưới. Nay bố cáo xa gần cho mọi người cùng rõ".

Vua ngự xa giá cử hành đại lễ rước thần chủ vào Thế miếu. Bấy giờ Võ ban chưởng vệ tấu bên trong nghiêm túc, Văn ban Lễ ti Chủ sự tấu bên ngoài chỉnh tề. Võ quan [8b] Nguyễn Văn Hữu đệ phiến tâu rằng lễ điển rất long trọng, duy có một viên thuộc một nha đường có sai sót làm mất thể diện. Vua phê giao cho Bộ Lễ tra xét rõ rồi phúc tâu lên. Bộ Lễ tuân mệnh phúc tấu rằng trong qui định về nghi thức đều nói Bộ của thần cùng với quan trực ban của Võ ban gửi tấu, mà không nói rõ viên nào thuộc nha đường nào. Lại vâng mệnh tra cứu thì năm nay đều lấy viên chức Viên ngoại, Lang trung sung làm trực ban. Vua phê rằng:

"Bộ các khanh lẽ nào không biết rằng, phàm những việc liên quan đến thờ phụng nhà vua thì đều phải dùng ấn quan, huống chi lễ tấu chính là một việc như thế. Lễ tấu từ trước đến giờ thường thấy các viên, lang thừa hành còn có hai người phụ tá, thế mà nay vì cớ gì lại dám giao phó cho hạng quan thấp bé làm, để đến nỗi võ thần phát hiện mà yêu cầu tra xét. Đến khi tuân mệnh phúc tấu lại viện cớ rằng không có qui định nói rõ để mà không chịu nhận lỗi. Như thế thực đáng phải chịu cái tội coi thường. [9a] Lễ bộ đường truyền giao cho bên Bộ Lại xem xét nghị xử về lỗi vô tâm để làm răn, để từ nay trở đi không để cho võ thần nào có thể nói ra nói vào thì trẫm mới hài lòng".

---

[1] Nguyên văn lược bỏ đoạn ghi các điều khoản này.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Tháng 3, Vua phê bảo Bộ Lễ rằng:

"Điện Truy Tư vừa mới được tu sửa, số đồ thờ cần thiết ở đó không phải là ít. Hiện tại ngân khố còn chưa sung túc, trẫm đã lựa chọn trong đó một số đồ còn tạm đủ dùng, duy có tòa long khám, Bộ các khanh phải tự cho hữu ti chế tạo gấp theo đúng kiểu cách như tòa long khám ở cung Bảo Định để kịp bày thờ. Lại còn chiếc hương án (hạng trung) cùng với [9b] đôi chân đèn ở hai bên tả hữu của hương án cũng phải làm ngay, phải thật tinh xảo, trong vòng độ một hai tháng phải xong mang lên trẫm xem rồi chuẩn cho rước lên điện bày thờ cho hợp tình hợp lẽ".

Mùa hạ, tháng 4, Vua xuống sắc phán bảo Tôn nhân phủ rằng:

"Mồng 2 tháng này làm lễ tấn tặng cho Hoàng thúc phụ Thuần Nghị Kiên Thái vương, mồng 4 cử hành lễ Phần hoàng. Lưỡng cung Gia Thọ và Trường Ninh đều đã biện lễ phẩm đến tế. Thế mà các Hoàng thân, Công chúa lẽ nào không hay biết hay sao mà không thấy một ai lên từ đường hầu bái. Như thế là hết sức cạn tình cạn nghĩa. Hay là vì niên bổng bị cắt giảm mà quên hết tình hết lễ rồi. [10a] Trẫm cũng chỉ nhắc nhở thế thôi, chứ không nỡ nặng lời trách cứ".

Sau đó Phủ thần dâng phiến xin nhận lỗi.

Vua phê bảo rằng:

"Trẫm thấy các ngôi miếu, điện vào dịp lễ tiết đều rất sơ sài thiếu thốn. Cho dù vin vào lệ qui định không có lệnh sức của phủ nên không dám tự tiện làm, nhưng ngay từ đầu sao không bàn bạc cho thỏa đáng xin trình lên để tỏ lòng thành kính. Các khanh đều thuộc hàng công hầu cả mà còn chần chừ như thế. Đối với việc này không thể không nghiêm".

Tôn nhân phủ tâu trình rằng, hàng năm vào các dịp lễ tiết (như

ngày sinh, ngày giỗ, tết Nguyên đán, tết Đoan dương) ở đền thờ Thuần Nghị Kiên Thái vương, mỗi lễ xin chọn cử một người trong đám các vị Hoàng thân đứng ra hầu lễ để hợp tình và lễ. [10b] Vua phê rằng:

> "Vào hai dịp ngày giỗ và sinh nhật nêu đích danh sức cho Hoàng thân, Công chúa mỗi tôn tước 2 người, Công tử từ 3 đến 5 người hầu bái, điều này quan trọng vì thay mặt trẫm thực hiện cho hợp với tình và lễ và thể hiện sự phân biệt. Nếu ai coi thường thoái thác thì Phủ các khanh tham chiếu theo lệ cũ mà xử lí (các Giám thủ kiểm tra, nếu ai thiếu vắng thì một mặt trình báo lên trên, một mặt nghị xử gửi lên cho biết. Nếu sơ suất vi phạm bị phát giác cũng chiếu lệ xử lí). Truyền đưa khoản này vào thành lệ vĩnh viễn".

Mùa thu, tháng 7, vua ngự giá thăm viếng điện Truy Tư, sai đưa tấm bia khắc huy hiệu [11a] vào dựng ở trong nhà bia. Quan Đồng lí tâu rằng đây là việc lớn hệ trọng, xin để quan Bộ Lễ xem xét soạn nghi thức, biện lễ phẩm làm lễ kì cáo rồi đến ngày mới đưa bia vào dựng, làm như thế để tỏ ý kính cẩn. Vua phê rằng:

> "Chuyện này là trẫm thay mặt cho các em trẫm nêu ra cho thỏa tình nghĩa của anh em trẫm. Về điển lễ cũng là quan trọng, nên soạn phiến cho các Đại thần vâng mệnh tới kì cáo, rồi trẫm sẽ đích thân tới chiêm yết cho hợp tình hợp lễ. Vả lại việc này nặng về nghĩa của anh em trẫm, không dám phiền đến mọi người làm cho".

Tháng 12, Bộ Lễ tâu rằng, sang năm vào dịp cử hành lễ tế Giao tự, xin rước Dực Tôn Anh Hoàng đế lên phối thờ [11b] ở Viên đàn, còn vị thần Khiêm Sơn xin đưa lên phối thờ ở bàn thờ thứ hai bên phải của đàn. Vua nhân đó phê rằng:

"Giao tự là điển lễ lớn, các vị thần đã thụ phong còn được đưa

lên phối thờ ở đàn, huống chi bọn ta được đội ơn trời với tư cách hàng phiên phục[1] mà vào kế nối Thái vương thì có công đức gì mà dám trông mong xa xôi. Duy đối với đấng chí tôn của bọn ta, trong lễ này mà thờ ơ thì bá quan thử hỏi lòng dạ có yên được không. Vậy việc này truyền giao cho các Tôn nhân và Đình thần tham khảo cứu xét trong điển lễ rồi quyết định sao cho thỏa đáng".

THẬN HÌNH

[12a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Mùa thu, tháng 9. Công tử Hồng Hải[2] đánh nhau với tên Ước là con trai của Phò mã Nguyễn Văn Toản. Anh của Hải là Sanh dẫn ba lính Pháp đến bắt tên Ước rồi bỏ trốn, Phủ thần Tôn nhân phủ xin chiếu theo điều luật về "tội đánh nhau" xử phạt đòn Hồng Hải 20 roi, chiếu tội tư phạt bổng 3 tháng; còn tên Ước lúc nào bắt được sẽ phạt đòn 20 roi để trừng trị. Vua phê rằng:

"Dòng dõi Hoàng gia mà vô học, không kế nối được truyền thống, là con em của hàng Vương công mà lại có thói càn rỡ như vậy sao? Phủ thần hàng ngày không biết ngăn cấm hay sao nên lúc lâm sự coi thường đòn roi mà không biết sợ. Huống chi hiện giờ đang lúc thời thế cực kì khó khăn này, biết uốn nắn ai, [12b] bảo ban ai bây giờ. Sự việc thì bé cỏn con mà phải viện nhờ đến người Pháp, để rồi nếu gây họa cho bản thân và gia

---

[1] *Phiên phục*: một trong chín khu vực được Chu lễ phân chia tùy theo quan hệ thân sơ với Hoàng đế, Phiên phục có địa vị xa nhất bên ngoài Kinh kì.

[2] *Hồng Hải* 洪 鮭: Chữ Hán 鮭 có hai âm đọc là Hải và Hỏa.

đình thì sẽ ra sao đây. Bọn người đó thực càn rỡ quá lắm, Phủ không nhân chuyện này mà trừng trị, đề xuất đem vụ này giao cho Viện Cơ mật nghị xử theo luật thì bọn ấy làm sao biết sợ, làm cho rõ ràng anh là anh, tôi là tôi, không được có một chút thông cảm. Một lời nói cũng là tội, huống chi lại còn cầu cứu đến người thân ở Đài sảnh, có hỏi tội cũng khó. Truy xét ra chớ có bảo là nước trong không có cá. Trẫm với tư cách là người kế nối trông coi đất nước, chuẩn quyết rằng cả hai tên Hồng Hải và tên Ước phải chiếu theo điều luật về "tội không được làm" mà xét xử theo mức nặng đánh đòn 80 roi, tên Hải phải chiếu lệ phạt bổng 2 năm, còn quyết định đối với tên Ước như thế nào sẽ do phủ Thừa Thiên xử trị".

[13a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885]. Mùa đông, tháng 10. Đồ thờ ở 5 tòa điện của Tôn lăng bị mất mát. Phủ thần Phủ Tôn nhân đệ phiến xin theo điển lệ cũ xét lỗi hai người trông giữ là Tôn Thất Úy và Tôn Thất Lã. Quan Viện Cơ mật tâu rằng, hồi ấy đương khi hữu sự, binh lính và dân chúng dưới quyền trông coi canh gác đều nhìn nhau mà bỏ chạy đi khắp nơi, năm tòa điện tôn lăng lại nằm xa cách mãi trên núi, binh sĩ Quí quốc hiếm khi đi tới, hai viên Chánh, Phó sứ ấy chạy đi chạy lại trông nom cũng khó chu toàn được. Gần đây qua điều tra thấy hai người đó cũng đã tự biết nể sợ phép tắc mà truy tìm tang vật mang về. Vì vậy kính xin khoan hồng mà nghị xử chiếu theo lệ "thất sát". [13b] Vua phê rằng:

"Hai viên Lăng sứ Úy, Lã ấy dạo này trẫm nghe nói là đã bất lực, làm việc khó tránh khỏi sai sót, vả cũng đều thuộc những kẻ bừa bãi. Trông coi Tôn lăng là việc trọng, cũng giống như đạo làm quan vậy. Nếu cứ dựa vào những lời khua môi múa mép kêu khổ của họ thì ai mà nỡ. Trong hàng Tôn thất ít người có học nên phần nhiều đều coi thường phép tắc, hành xử bừa bãi không biết tự răn dè mà dừng lại. Trẫm vốn cũng muốn gia ơn

làm phúc cho họ, nhưng kẻ xấu mà không xử tội thì tệ nạn ấy ngày càng phát triển e làm gương xấu cho sau này".

Viện thần phúc tâu nhận lỗi, xin sửa lại lời nghị xử là cách chức đối với bọn Tôn Thất Ủy và Tôn Thất Lã, giao sang cho Bộ Lại điều chuyển làm việc khác để tỏ sự trừng trị cảnh cáo, đồng thời cũng là mở cho con đường tự sửa lỗi. Vua phê rằng:

"Xử như thế là thích hợp. Trẫm chưa bao giờ có ý muốn gán tội mang họa cho người, nhưng cũng không thể không trừng trị răn đe [14a] để họ về sau trở thành người tốt, có thế mới trọn vẹn được cả ân tình và pháp luật".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 6, mệnh cho tỉnh thần tỉnh Quảng Trị xem xét trong số tù nhân hiện đang giam giữ, nếu có kẻ già yếu bệnh tật mà tội tình có thể khoan dung được thì lượng xét tha cho về.

Tháng 10, mở lại Nha Đại lí, lấy Binh bộ Tả Thị lang Hoàng Vĩ kiêm quản nha ấy. Viện Cơ mật tâu rằng Nha Đại lí là nơi công chính, phàm các vụ kiện tụng hình án trong dân gian mà có điều gì oan khuất thì đều đến đó mà kêu. Gần đây sau sự biến, nha đó tạm thời bị đình chỉ, đến nay xin cho mở trở lại. Vua chuẩn y theo.

[14b] Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 6, quan Khâm sai Phan Liêm ở Tả trực kì tư trình rằng, viên quan bạn trú tại đồn Giao Thủy là Dương Chính Nghị bắt giải được tên phỉ tòng phạm Nguyễn Văn Lệ can tội làm mật thám và đốt phá nhà cửa, viên quan ấy đã sức đem ra bắn chết. Bộ Hình tâu xin rằng, từ nay trở đi, nếu bắt được phạm nhân mà tội tình thuộc loại tội nặng thì phải thẩm xét kĩ lưỡng nhiều lần để coi trọng tính mạng con người. Vua phê rằng:

"Hiện giờ tình hình nam bắc đã dần trở lại yên ổn, đồng thời đã có thỏa thuận với quan Khâm sứ thường trú tại Kinh sư

rằng từ nay trở đi phàm khi truy bắt được tội phạm lẩn trốn thì phải do quan tỉnh tra xét rõ ràng lập thành hồ sơ trình lên Quí quan đóng tại tỉnh ấy để biết. Làm thế là để coi trọng tính mạng con người và giữ gìn qui củ ngày trước. Cách làm như thời gian gần đây, xử lí rồi mới trình báo lên trên là rất không đúng, chiếu theo thể chế có nhiều sai trái. Về những ý đó, Quí sứ tâu trình rằng khoản này đã thừa lệnh quan Toàn quyền Đại thần [15a] thông sức cho Quí quan đóng tại các tỉnh không được tiếp tục làm như thế nữa. Nay đề xuất xin điện thông báo cho các địa phương từ Thanh Hóa trở vào phía nam, từ nay phải xử lí công việc theo những qui định đã lập ra, nếu vẫn cứ làm theo cách trước đây thì dứt khoát phải đưa ra xét xử theo phép công. Lời phê này phải được sao chép ra rồi thông báo gấp cho mọi người biết mà tuân hành, khỏi cần mệnh lệnh phiền phức".

Mùa đông, tháng 10, Tam pháp ti tấu trình rằng ti ấy hiện đang tra xét một vụ án đốt nhà thiêu chết gia súc và đầu độc chết người ở ấp Thủy An, số nhân chứng rất nhiều, nếu không lần lượt tra hỏi hết thì khó có đủ bằng chứng định tội. Vì vậy xin gia hạn thêm 3 tháng. Vua phê rằng:

"Tạm thời chỉ chuẩn cho gia hạn trong vòng một, hai tháng để phúc tra thỏa đáng mà định tội rồi kết thúc vụ án. Nếu vẫn dề dà theo lối cũ để chậm trễ thêm sẽ đưa ra luận tội theo phép công".

[15b] Tháng 11, Nội thị Nguyễn Thị Điển lấy trộm áo ngự. Bộ Hình xin chiếu theo luật năm Minh Mệnh thứ 20 định tội trảm quyết bêu đầu. Quan Nội các phúc tra thấy người đàn bà đó phạm tội là do vô tình không hay biết, hơn nữa chiếc áo lấy trộm may là chưa mang đi bán mà đã đem dâng trả về Nội thượng, có thể rộng lượng xem xét

lại lời nghị tội ban đầu. Vả lại cực hình là điều Hoàng thượng ở cửu trùng không nỡ dùng. Vậy xin xử trảm quyết mà miễn cho hình phạt bêu đầu. Vua phê rằng:

> "Trẫm vốn không có tài năng dẹp loạn, từ sau khi lên ngôi mỗi khi đối xử với bề dưới vẫn luôn tâm niệm phải quí trọng người và vật. Cho đến hồi vừa rồi bốn phương xao động, lòng người trông ngóng hướng tới giáo hóa như tiếng vang vọng về. Mới được mấy năm gần đây trở lại yên tĩnh, đó chẳng phải là nhờ sự rộng truyền đức hóa, chính lệnh ôn hòa đem lại đó sao. Huống chi những việc cỏn con như thế này đầy rẫy như loài dê chó, đáng ghét nhưng chưa đủ để tức giận, cũng muốn gia ân nhưng lại bỏ qua pháp luật, như thế e rằng bọn tiểu dân không biết cho, khó mong giữ được [16a] sự nghiêm túc. Về phạm nhân đó truyền gia ân đổi thành tội xử giảo thi hành ngay lập tức. Từ nay về sau những tội như thế thi xử lí theo nguyên nghị, lấy hình phạt để mong không còn phải dụng hình, không được nghị xử cẩu thả".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa hạ, tháng 4, Bộ Hình nghị xử hai người bồi là tên Bốn và tên Hoàng vì ăn trộm đồ vật của Quí quan nên chiếu theo khoản thứ hai của nghị xử mới, xử cả hai tên đều bị tội giảo thi hành ngay (Tháng 4 nhuận năm Đồng Khánh thứ 2, Đình thần bổ sung nghị xử, trong đó có khoản qui định, người ở trong các phủ đệ của Vương công, nha thự, doanh trại, nhà ở thuộc ngành văn, võ cũng như trong Kinh thành nếu dám vụng trộm đột nhập, đã lấy trộm được đồ vật tiền của thì kẻ thủ phạm xử tội giảo quyết, kẻ tòng phạm xử tội giảo giam hậu). Quan Nội các đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

> "Pháp luật nước ta nghiêm chỉnh đã thành qui củ từ lâu. Gần đây trời gieo chút hạn để cảnh báo, [16b] phàm những người có lòng nhân nghĩa xưa nay tất đều phải bội phần cảnh tỉnh để đem

lại phúc cho dân. Với các phạm nhân, hôm trước đã xử chính pháp một tên, nay lại xử hình liên tiếp hai tên nữa, đương vào tiết xuân sinh hạ trưởng, không nên thi hành hình pháp, thực quả không nỡ. Nhưng nếu tự trẫm xuống lệnh ngừng thi hành thì lại e rằng có điều nghi ngại, làm mất lòng người ta. Về hai tên phạm nhân này, qua Bộ tra xét đã rõ ràng, đặt thành trọng tội thì cũng không oan uổng gì. Trong tình hình hiện nay, cũng nên thông báo cho các Quí quan biết để cùng nghị bàn, rồi Bộ phái người dẫn giải phạm nhân bàn giao cho các Quí quan để cứu xét xử lí theo điều khoản về xử tử hình của Quí quốc thì mới thỏa đáng".

Sau đó, quan Bộ Hình tuân mệnh thương nghị với Quí tòa rồi phúc tâu rằng, kính nhận những điều Châu phê của Hoàng thượng, qua đó cảm nhận thấy rõ ràng lòng thương xót khoan hồng hết mức. [17a] Về việc xét xử bọn phạm nhân ấy, thì tùy theo định tội thế nào, bên Quí tòa cũng không dám có ý kiến gì sai khác. Nội các bèn tâu xin chuẩn y theo nguyên nghị mà định tội xử giảo cả hai tên nhưng cho tạm lưu lại đợi thẩm xét. Vua chuẩn y theo lời đề nghị.

Tháng 12. Trước đó viên quan Chưởng vệ vệ Thượng tứ kiêm quản vệ Kiển thị là Lê Thuận Lí phạm tội, khép vào tội lưu. (Bên Quí quan thông báo với Viện Cơ mật rằng, nghe nói trong triều đình có kẻ nịnh thần chuyên làm chuyện ton hót, e rằng Hoàng thượng nhầm lẫn nghe theo thì có hại cho công việc, sao các quan trong triều không chú ý can gián và xét xử thế nào đó để khỏi mất thể thống. Các Tôn nhân và Đình thần cùng nghị bàn chỉ rõ tội lớn lừa dối vua, hãm hại người ngay của Lê Thuận Lí, lại viện dẫn câu chuyện Trương Vịnh đời Tống xin chém Đinh Vị để nghị xử y tội tử hình, nhưng cuối cùng lại giảm xuống tội lưu), giao cho tỉnh Bình Thuận đưa y đi an trí. Về sau con của y là Lê Thuận Vũ xin chịu tội

thay cho cha, được ân chuẩn giao đưa đi an trí ở tỉnh Quảng Trị. Tới giờ [17b] vua phê bảo bộ Hình rằng:

"Các bậc hiền triết đời trước có câu: Trừ bỏ tà ác thì đừng có chần chừ do dự thì mới được. Ngày xưa chuyện của Đinh Vị chính là như thế, y có đủ tri thức lẫn tài năng nhưng mang lòng bất chính, chém đầu Vị đem bêu là rất thỏa đáng. Còn sự việc ngày nay xem ra không giống như chuyện của Vị, mà vẫn còn có thể thống, nếu trước triều đình bắt người ta rửa sạch cổ để đợi chém đầu thì xét về mặt hiểu biết người cũng chưa đủ để thuyết phục lắm. Lời nói ngon ngọt thì nghe dễ lọt tai, nhưng lời nói đó có thể là trung thành mà cũng có thể là bất trung, cho nên cũng chưa đủ lí do để viện dẫn liên hệ với chuyện của Đinh Vị. Đường hoan lộ của ngu thần Lê Thuận Lí cũng nhiều gian truân trắc trở, duy chỉ về hạnh kiểm còn có chút thiếu sót, lời nói cử chỉ thuộc loại thô lỗ, tuy đã được Tiên triều răn dạy nghiêm khắc nhưng không biết tỉnh ngộ, rõ ràng là hạng người đáng bỏ đi. Chỉ nhờ lượng nhân từ của bề trên nên tên của y mới được dự vào hàng Phò mã, do vậy vẫn còn được thương xót mà không nỡ giết, ân đức ấy thực là lớn lao. Nay vì đầu óc ngu tối, tuy chưa bị truy cứu ra thực tội gian ác, nhưng có khép vào trọng tội [18a] thì thực cũng chẳng oan. Tuy nhiên, hiện giờ số Phò mã xem ra còn lại chẳng được mấy người, xét về tình cũng có thể khoan hồng. Vì vậy đối với viên quan mắc lỗi Lê Thuận Lí kia, truyền gia ân miễn cho tội phải đi an trí, sức giao sai phái công việc, chờ xem y có biết sợ hãi mà hối lỗi ra sao, sẽ do Thượng ti xem xét tâu lên đợi ân mệnh mà thi hành, như thế là mở ra cho y con đường sửa chữa lỗi lầm mà hối cải".

GIA THƯỞNG

[19a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 9, ban thưởng cho Phiên thần tỉnh Hà Nội Cao Xuân Dục một chiếc khánh *Nhung công* bằng vàng. Cao Xuân Dục đã có công đốc suất binh dũng đánh dẹp thổ phỉ. Vua phán rằng bề tôi ở bên ngoài mà có lòng trung quân ái quốc như thế thì không thể không ghi nhận công lao, bèn trích khánh vàng *Nhung công* ra ban thưởng cho Cao Xuân Dục. Thuộc hạ của ông như bọn Nguyễn Chúc, Phùng Thuân cũng được ban cấp thẻ bài *Tử kim thưởng công*.

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886] [19b]. Tháng 5. Ban thưởng cho Phòng thần Nghĩa Định là Nguyễn Thân thăng hàm Binh bộ Tham tri, tấn phong tước Diên Lộc nam vì đã có công bình định vùng Quảng Ngãi, Bình Định.

Mùa thu, tháng 9. Vua sau khi thân chinh xa giá trở về, luận công ban thưởng. Dụ rằng:

> "Vừa rồi vùng Quảng Trị, Quảng Bình có chuyện cảnh báo, vua xuống mệnh xa giá thân chinh. Các bậc Thống soái Đại thần theo hầu tả hữu đã cùng tham mưu trù lược, khiến mọi việc đều xử lí ổn thỏa trôi chảy. Công lao phụ trợ ấy thực không phải là nhỏ, rất nên hậu thưởng để đáp đền công lao đặc biệt. Các ấn quan ở hành tại dù là thân hành ra trận, hay có công tham gia sự việc từ đầu đến cuối cũng đều được lần lượt khen thưởng [20a] để tỏ sự ghi nhận công lao.
>
> Phụng sung Thống soái là Cố mệnh lương thần, Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, sung Cơ mật viện Đại thần, nhưng sung Bắc Kì Kinh lược Đại sứ, Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ, truyền tấn phong là Vĩnh Lại hầu, gia tặng Quân công kỉ lục tam thứ;
>
> Phụng sung Hộ giá Đại thần là Hồng lô tự khanh, Tá lí Hình bộ,

hiện đổi Thừa thiên phủ Phủ thừa Tôn Thất Bá, truyền cho thực thụ Quang lộc tự khanh;

Nhưng lãnh Thự Chưởng vệ là Nguyễn Văn Hữu, truyền thưởng thụ Chưởng vệ, đều gia thưởng Quân công kỉ lục nhị thứ;

Sung làm Phụ tế Đại thần là Hộ bộ Thị lang, sung Cơ mật viện Tham tá Hồ Lệ, truyền thưởng Quân công kỉ lục nhị thứ;

Tùy hầu là Quang lộc tự khanh, thự Binh bộ Hữu Thị lang, sung Cơ mật viện Tham tá Phạm Hữu Dụng, chuẩn cho thực thụ Quang lộc tự khanh;

Tá lí Lại bộ, sung Cơ mật viện Tham tá Hồ Đệ [20b] truyền cho làm Hữu Thị lang bộ ấy, đều gia thưởng Quân công nhất cấp;

Hồng lô tự khanh, Tá lí Hộ bộ Nguyễn Vĩ, Quang lộc tự thiếu khanh, Tá lí Công bộ Phạm Ngọc Côn, thưởng thăng làm Hồng lô tự khanh, vẫn giữ làm Tá lí;

Nguyên sung Đề đốc là Phó Lãnh binh đã cho về quê hậu bổ Lê Quang Chỉ, nguyên sung Lãnh binh là Cẩm y vệ Phó Vệ úy Hà Văn Long, truyền cùng thưởng thụ Cẩm y Vệ úy.

Còn lại những viên quan mới được thăng thụ và những người chỉ đi theo tùy hầu ít ngày thì truyền không cần xét thưởng.

Đối với các Thân thần và Đại thần lưu ở lại Kinh thành cũng đều chăm lo chức sự, thể hiện rõ tấm lòng, không thể coi ngang bằng với những lần vua đi tuần bình thường được. [21a] Các vị lưu ở lại Kinh thành là Thân thần Hoài Đức công Miên Lâm, Đại thần Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự Tôn Thất Thế, Thự Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội, Hộ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần Nguyễn Thuật, Lễ bộ Thượng thư Chu Đình Kế, Công bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần Hoàng Hữu Thường, truyền tất cả đều được gia ân bội thưởng Quân công kỉ lục tam thứ;

Đi theo ở hành tại là Tôn nhân Xuyên Quốc công Miên Bàng lần này tuy không phải làm việc vất vả nhưng tấm lòng của ông cũng đáng lượng xét không thể bỏ qua không xét thưởng. Truyền gia ân thưởng cho Miên Bàng Quân công kỉ lục nhất thứ.

Còn đối với các viên thuộc ban văn ban võ cùng binh sĩ Ngự doanh sẽ giao cho hai bộ là Bộ Lại và Bộ Binh xem xét nghĩ tấu.

Rất mong các quan lại lớn nhỏ cùng bội phần gắng sức góp công phụ tá cho công cuộc trị bình để cá nhân trẫm mãi luôn được có lời khen ngợi, đó cũng là ước vọng sâu sắc của trẫm vậy".

[21b] Thống soái Đại thần Nguyễn Hữu Độ khi xét công ban thưởng được phong tước hầu, nay dâng sớ từ chối không nhận. Vua phê rằng:

"Xét những điều khanh trình bày đều thấy hợp lí cả, riêng ý đem việc này ra cho các Đình thần nghị bàn, bảo rằng đền đáp công lao, gia ban tước hiệu và kỉ lục là nhằm khuyến khích những người khác là rất thỏa đáng. Nhưng việc vua thân chinh có khác với bình thường, các quan lại đi theo hỗ tòng đều chỉ được ban thưởng ở mức bình thường, e rằng sau này khó tránh khỏi điều dị nghị. Trẫm vốn lấy công tâm đối đãi bề tôi, lẽ nào lại nói chơi. Khanh vẫn giữ ý kiến riêng một mực từ chối phải chăng là có ý lo ngại như thế. Sớ của khanh truyền giao cho Đình thần xem xét, nghĩ định thế nào rồi phúc tâu lên sao cho thỏa đáng".

Đình thần phúc tâu rằng, những điều trình xin của vị Đại thần ấy đều xuất phát từ lòng chân thành, nên y theo lời thỉnh cầu của ông ta, hầu mệnh chuẩn gia thưởng cho nhất cấp Quân công để biểu dương công lao và đức tính khiêm nhường. [22a] Vua nghe theo.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 3. Quan phủ Thừa Thiên Đào Tiến tâu trình rằng, vâng mệnh lên điện Huệ Nam cầu tạnh, may được ứng nghiệm, đã sửa lễ đến tạ. Vua phê rằng:

"Liên tiếp mấy tuần nay trời nổi phong hàn, khiến nông dân chịu tổn hại rất nhiều. Đào Tiến biết thể theo thành tâm của trẫm, lại được trời thương đến đem lại may mắn cho dân cả vùng. Truyền ban thưởng cho một chiếc Kim khánh trên có khắc bốn chữ *Liêm Bình Cần Cán*, lại thưởng cho Quân công nhất thứ, vừa là để khuyến khích người có thành tâm, đồng thời tỏ ý quí trọng hành động biết tùy thời cương nhu, thượng thiên ban xuống cho phúc trạch cũng chính là nhờ như thế. Khanh hãy thận trọng, gắng sức hành động sao cho chốn Kinh thành [22b] không còn giặc dã, dân cư yên ổn, chớ có thấy khó khăn mà không dám thực hiện cái chí của mình".

Mùa thu, tháng 7, hoàn thành tu sửa điện Cần Chính, ban thưởng Kim khánh và Kim tiền cho Đồng lí Hà Văn Quan cùng hạ thuộc theo các mức khác nhau.

Tháng 8, chuẩn thưởng cho Tả trực Khâm sai Đại thần Diên Lộc nam Nguyễn Thân được gia hàm Thượng thư, đặc biệt ban cho một tấm ảnh vua thân chinh và một chiếc Kim khánh hạng lớn. Vua Dụ rằng:

"Phần thưởng khác thường là dành để đãi công lao khác thường, các bậc Đế vương thời xưa vẫn dùng phép đó để đãi bề tôi. Binh bộ Tham tri, sung Nghĩa Định sơn phòng Tiễu phủ sứ, sung Tả trực Khâm sai Đại thần, Diên Lộc nam Nguyễn Thân [23a] là bậc nho tướng thế thần, từng nhiều lần đi đánh dẹp phủ dụ hai địa hạt Quảng Ngãi, Bình Định, đều thu xếp được ổn thỏa, trẫm vẫn luôn khen ngợi. Gần đây chuẩn cho khanh vào tỉnh Quảng Nam hiệp sức cùng các quân ở đó tiến hành đánh dẹp, lại biết tận tâm tận sức điều độ công việc cho được chu tất, khiến bọn giặc phỉ cùng những tên đầu sỏ ở đó hoặc ra đầu thú hoặc bị bắt sống, trong vòng có mấy tháng địa hạt ấy trở nên yên ổn. Công trạng ấy rất đáng khen thưởng. Truyền gia thưởng cho khanh

hàm Thượng thư, vẫn sung làm Nghĩa Định sơn phòng Tiễu phủ sứ, đồng thời ban thưởng cho một chiếc Kim khánh hạng lớn để ghi nhận công tích. Lại đặc ban cho một bức tranh chân dung nhà vua thân chinh, trên có đóng dấu *Đại Nam Thiên tử*, mặt sau bức tranh được vua đích thân viết bài ngự chế *Luận về hưng lợi trừ hại* với lời sắc ghi ở nhan đề rằng "*Phàm không phải quân công thì không được dự thưởng*". Đó là vì lòng trẫm mến tài mà phá cách gia ân cho khanh. Khanh khá nên ghi nhớ lời dạy của trẫm, hiểu cho tấm lòng của trẫm mà đêm ngày giữ niềm thành kính để mãi mãi giữ trọn danh tiếng. Kinh Dịch có câu rằng, quân tử cần cù khiêm tốn tất có kết cục tốt lành. [23b] Người xưa như Quách Phần Dương[1], Tào Vũ Huệ[2] công tích bao trùm thiên hạ mà vẫn không cậy công tự phụ, hết sức giữ tiết của bề tôi, nhờ thế mà giữ gìn được danh tiếng tốt đẹp, để phúc lại cho con cháu. Còn nếu cậy có công lao, ngang ngạnh không tuân mệnh lệnh, không hoàn thành chức trách của kẻ bề tôi, thì không những vứt bỏ hết những công trạng trước đây mà còn bị phạt tội nặng. Gần đây như chuyện của Phan Liêm đáng để làm tấm gương soi vào. Khanh hãy lấy đó làm răn. Tờ Dụ này cùng với những thứ ban tặng truyền phái Thị vệ mang tới, đồng thời do Viện Cơ mật sao chép thông báo cho quan lại ở các tỉnh từ

---

[1] *Quách Phần Dương*: tức Quách Tử Nghi người Hoa Châu thời nhà Đường (Trung Quốc), giữ chức Sóc Phương Tiết Độ Sứ đời vua Huyền Tông, có nhiều công lao trong việc đánh dẹp giặc Thổ Phiên ở biên cương, suốt 20 năm cầm nắm vận mệnh an nguy thiên hạ. Ông được phong Phần Dương Quận vương nên thường gọi ông là Quách Phần Dương.

[2] *Tào Vũ Huệ*: tức Tào Bân (931- 999), tự Quốc Hoa, thụy Vũ Huệ, người Chân Định, là một Đại tướng danh tiếng thời Bắc Tống, từng chỉ huy quân đội diệt Hậu Thục và Nam Đường, đánh Bắc Hán và Liêu. Thời Tống Chân Tông nhậm chức Khu mật sứ.

Thanh Hóa trở vào Nam đều được biết mà tuân theo".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa hạ, tháng 4, khen thưởng các mức khác nhau cho các quan viên tỉnh Quảng Nam không chịu a dua theo ngụy đảng. Hồi trước, Tả trực Tuyên úy [24a] Xử trí Đại thần Nguyễn Thuật tâu lên rằng, ở tỉnh này có nhiều kẻ đi theo giặc ngụy, dụ dỗ mê hoặc khiến nhiều người nghe theo chúng. Nhưng trong số đó vẫn có nhiều người kiên trì giữ gìn khí tiết, không chịu a dua theo chúng, giữ đúng bổn phận không chịu nhục để tròn đại nghĩa, thực đáng khen ngợi, nghĩ xin xem xét ban thưởng cho họ. Bèn chuẩn ban thưởng thăng nhị trật cho 1 người (Cử nhân Nguyễn Hữu Quang, thi đỗ đã lâu, vui vẻ lui về sống cảnh điền tĩnh an nhàn. Nhiều lần bị hội của ngụy đảng tới bức ép nhưng không chịu đi theo chúng, cắt tóc giả ốm rồi dẫn gia quyến đi dời đi ở chỗ khác); ban thưởng thăng nhất trật cho 8 người (gồm Đốc học tỉnh Quảng Nam Nguyễn Đình Tựu, Biên tu Trần Đình, Quản cơ Nguyễn Tiến Tăng, nguyên lãnh Tri huyện Phú Vang Trương Đĩnh, nguyên Hiệp quản Đoàn Văn Huệ, Chánh bát phẩm chính ngạch Lương Văn Cảnh, Bang tá huyện Hòa Vang Lê Liễn, Tú tài Lương Trạch đều là những người từng có thực trạng nhiều lần làm theo sự ủy phái của quan quân); ngoài ra còn ban thưởng gia nhất cấp cho 5 người, cấp bằng sao lục Chỉ dụ khen thưởng cho 172 người (tuy không làm theo sự sai phái của quan quân nhưng trước sau một lòng không theo giặc ngụy nên cũng đáng khen). Bộ Lại phúc tâu rằng ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào Nam, những kẻ theo giặc đều đã bị nghĩ xử [24b] cách chức giáng chức cả rồi, nhưng đối với những người không chịu theo giặc thì vẫn chưa được xem xét đến lòng trung nghĩa của họ, như thế e chưa được công bằng. Vậy xin để cho các tỉnh căn cứ tùy theo tình hình địa phương mình mà lần lượt đệ tập tâu lên chờ gia ân để mọi nơi được đội ơn đều khắp như nhau. Vua chuẩn y cho.

Tháng 12, hoàn thành xây dựng lầu Thái Bình cho vua đọc sách.

Vua nghĩ rằng việc xây dựng ngay từ đầu đã tiến hành suôn sẻ tốt đẹp, nên chuẩn ban thưởng các mức khác nhau cho viên Đổng lí và những người tham gia vào công trình.

MINH PHẠT

[25a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 8. Phủ Tôn nhân, Đình thần văn võ cùng Nội các đệ tấu nói rằng, từ sau khi Dực Tôn Anh Hoàng đế về trời, bọn Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết cùng sung làm Phụ chính. Hai người chuyên cậy quyền uy hiếp chế trong ngoài, gây mầm họa chiến tranh, dẫn tới cơn đại biến loạn, tội lớn không kể xiết. Vậy xin chuẩn giao cho Đình thần nghị xét để chiếu theo quốc pháp trừng trị nhằm cảnh cáo về sau. Vua phê rằng:

> "Ta còn ít tuổi, không biết sự việc xảy ra hồi đó nên không nói đến. Nay chỉ có một niềm mong ước mọi người cùng phụ giúp chỉ dẫn cho trẫm chỉnh đốn lại cơ nghiệp cũ đặng [25b] an ủi tấm lòng của Liệt Thánh. Đó là điều trẫm trông cậy. Còn các điều khác chuẩn y theo lời tâu".

(Sau đó phụng chuẩn tước đoạt hết chức tước, thu lại các bản cáo sắc, tịch thu gia sản của hai người. Riêng Tôn Thất Thuyết giao cho địa phương truy nã, chờ khi bắt được thì xử theo pháp luật).

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 11, Phủ thần Phủ Tôn nhân đệ phiến xin đem những người thuộc Tôn thất có chức quan mà bỏ đi nơi khác, những người là Công tôn, Tôn sinh, Hộ vệ Tôn thất nhàn tản vắng mặt liệt kê tên họ chức hàm thành danh sách để lần lượt xem xét đề nghị xử lí. (Người có chức quan xin do quan Bộ Binh nghĩ xử; Công tôn, Tôn sinh, Hộ vệ, Tôn thất nhàn tản xin do

Phủ Tôn nhân ra hạn trong hai tháng phải tìm về, nếu quá hạn mà không về thì sẽ bị xóa Tôn tịch). Vua ngự lãm rồi phê rằng:

> "Trẫm xem tờ phiến mà lòng sinh nghi hoặc, người trong Tôn thất còn có nhiều kẻ cứng đầu và vô lễ đến thế, đến tận bây giờ mà vẫn để họ phóng đãng như vậy thì thực lấy làm quái lạ [26a] cho Phủ thần sao vẫn còn xem thường. Nếu cứ gia ân mãi e rồi bại hoại cả phép tắc, mỗi ngày một thêm tệ, khó lại càng khó thêm. Phiến tâu này truyền giao cho Đình thần nghĩ xét sao cho thỏa đáng từng khoản rồi phúc tâu lên cho bọn ấy biết sợ mà sửa đổi sớm quay đầu hối cải, được thế không chỉ may mắn cho riêng mình quả nhân mà cũng là điều may mắn lớn cho đất nước".

Sau đó Đình thần phúc tấu rằng bọn ấy có người vì đường xá trắc trở chưa tiện trở về, hoặc có kẻ ngó nghiêng chiều hướng mà cam tâm theo giặc, nên xin phân biệt xem xét nghĩ xử. Phụng xét số người bỏ đi nơi khác gồm 104 viên, trong đó trừ những kẻ cam tâm theo giặc xin đặc biệt trị tội nặng ra, còn lại xin khoan hồng gia hạn trong vòng hai tháng (bắt đầu tính từ ngày mồng 1 tháng này), giao Phủ Tôn nhân nghiêm sức cho các Phòng trưởng, Tư giáo cùng biết, đồng thời thông báo cho các tỉnh khắp nam bắc hiểu dụ cho địa phương cấp dưới, nếu có hạng người như thế thì trong thời hạn phải tức tốc quay về sẽ xin được miễn truy cứu xét xử [26b] để tỏ lượng gia ơn khoan hồng; Nếu quá hạn mà vẫn cố tình không chịu trở về thì sẽ chiếu lệ vâng theo lời phê của nhà vua kết tội theo giặc mà trừng trị.

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], tháng 12, quan Khoa đạo tâu rằng, Phạm Phú Lâm được sung làm Phó Khâm sai vào Quảng Nam tìm hiểu tình hình, mới đi đến cửa Đà Nẵng, chưa tròn một tháng không thực thi được việc gì đã viện cớ gia cảnh và tình hình giặc phỉ đệ sớ xin trở về Kinh, chưa nhận được chỉ chuẩn y đã

tự ý bỏ về mà không e dè kiêng nể gì. Vậy xin giao cho Bộ Hình chiếu theo quân luật nghĩ xử nghiêm khắc. Quan Bộ Hình xét chiếu theo luật về quan lại vô cớ trốn tránh khó khăn mà đào tẩu xử phạt 100 trượng, cho bãi dịch. Phiến tâu lên, [27a] vua phê rằng:

"Có công thì thưởng, có tội thì phạt, điều đó đã thành luật lệ của mọi triều đại, chứ trẫm có nỡ lòng nào đâu. Vả các ti chức trách nghị xử cũng vốn là vâng mệnh mà làm việc nghiêm túc, há đâu có thể nhân cơ hội mù mờ mà gán tội lỗi cho người. Viên Khâm sai Phú Lâm kia ban đầu đã tìm cách trốn tránh công việc rồi mượn vào tình cảm mà đệ tấu lên, nay lại hành động tự do, không coi việc quân việc nước làm trọng, rõ ràng là có ý trông ngóng này nọ, làm lỡ quân cơ. Nếu coi đó là không theo đúng điều luật, qui thuộc về tội khinh suất lười biếng, như thế là nói không có lý, lẽ nào lại coi như trò đùa của trẻ con. Nếu vì nhân tình thế thái bức bách phải như thế thì còn có thể lượng xét chút ít, đằng này tội danh đã rõ ràng. Phải đặc cách xét xử để răn dè người khác và làm sáng tỏ quân lệnh, như thế ân nghĩa với phép tắc mới được trọn vẹn cả hai. Nay bác tờ phiến tâu này, giao lại cho Từ thần giữ phép công mà nghị xử lại. Đối với những điều đề nghị không đúng của Bộ Hình cũng đồng thời xem xét nghị xử luôn để cảnh tỉnh. Ngoài ra căn cứ từng khoản vâng Dụ thông báo rộng rãi để chấn chỉnh phép tắc của kẻ làm quan và giữ nghiêm thể chế".

Sau đó, quan Nội các [27b] phúc tra tâu xin tuân theo lời phê, chiếu điều luật về làm lỡ việc quân xét xử Phạm Phú Lâm tội trảm giam hậu. Đối với các quan bộ Hình đã đề xuất nghị xử sai trái, xin xử phạt bổng mỗi người 9 tháng. Vua phê rằng:

"Đối xử với dân chúng còn phải khoan nhân, huống chi là quan lại bề tôi đều là tay chân của trẫm, bị đau bị ngứa đều cùng cảm nhận, nên nhiều khi không nỡ lòng dứt bỏ. Phú Lâm kia mắc tội,

sự việc liên quan đã chẳng thể dừng, để định rõ tội danh, cho dù đã có công lao nhưng tự chuốc lấy nỗi đau, về lí thì phải xét xử theo luật ấy. Nhưng lại nghĩ rằng, Phú Lâm là bậc cựu thần, danh vọng tuy là thuộc về bản thân nhưng lại liên can đến tận đời con cháu. Vì vậy chuẩn gia ân cách chức Phạm Phú Lâm, thu hủy hết các đạo sắc văn, phát giao cho đạo Trực kì sai phái (Lương tiền chuẩn chi cấp theo tiêu chuẩn được cấp gần đây nhất). Ngươi phải thể hiện tốt để giữ tròn thân danh, như con chim ban đầu có thể rũ lông nhưng rồi về sau tung cánh, [28a] chứng tỏ tấm lòng của trẫm không nỡ vứt bỏ. Còn nếu vẫn giữ thói cũ không chừa thì khó tránh khỏi phép quân trừng trị".

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 8. Phan Liêm dâng phiến trình bày rằng, chức Tổng đốc Thuận Khánh công việc bề bộn, chức trách nặng nề, bản thân viên ấy cố gắng thế nào cũng không thể kham nổi. Dân ở địa hạt ấy sau hồi bị ngụy phỉ mê hoặc đến giờ vẫn chưa hoàn toàn tỉnh ngộ. Nên chọn cử một viên Đại thần hiểu biết về tỉnh Khánh Hòa tới cai quản để dân chúng biết là có triều đình. Huống chi, hai tỉnh ấy tuy nói là trao trả nhưng vẫn chưa nhận được văn bằng rõ ràng, mới chỉ nhận được điện báo đã phái quan đến ngồi đợi, nên viên ấy không biết bàn bạc nghĩ định thế nào. Quan Viện Cơ mật tâu rằng, Phan Liêm trước đây đã xin từ chức nhưng phụng mệnh không chuẩn y cho, đến nay lại khinh nhờn từ chối lần nữa, nếu cứ cố gượng ép bắt đi, sợ rằng viên ấy không chịu tuân theo, tất khiến mệnh lệnh mất uy nghiêm, còn nếu nhún nghe theo lời thỉnh cầu thì e về sau càng lấn tới không biết dừng. [28b] Sự việc này liên quan đến việc xử trí Đại thần nên Viện không dám đề xuất ý kiến. Vua phê rằng:

"Trẫm vốn ưu ái kính trọng Đại thần, điều đó các quan trong ngoài đều biết rõ, không phải là nói cho hay. Cứ theo như lời nhận xét của Quí Khâm sứ thì Phan Liêm là người giỏi giao

thiệp, thế mà nay lại ăn nói như vậy, trẫm thực cũng lấy làm lạ. Huống chi được ở địa vị quan to phải đối xử với vua ra sao, công việc can hệ rất trọng đại, há không biết luật pháp có qui định tiết lộ tin tức là can tội không nhẹ, thế mà còn dám múa may câu chữ để làm hỏng việc. Nước ta đã nhận làm đất Bảo hộ của Qui quốc, hòa ước đã xong thì tình nghĩa keo sơn kết nối lại mối giao hảo ngày trước. Vậy mà viên quan ấy vốn là Đại thần mà vẫn còn đem lòng nghi ngờ, nói chi những hạng người không hiểu thời thế ở khắp trong Nam ngoài Bắc sẽ vin vào đó mà tung ra những lời bàn tán dị nghị này khác, để lại hậu hoạn đâu phải là nhỏ. Vì vậy đáng phải lập tức xem xét nghị xử nghiêm khắc. Nhưng rồi lại nghĩ rằng, viên quan ấy tuổi đã cao, lại đang đau ốm, có thể vẫn còn ám ảnh bởi lời dị nghị là bán nước ngày trước, [29a] như con chim bị cung bắn bị thương nên thấy cành cây cong cũng mang dạ đề phòng, vì thế mới cố tình từ chối mệnh lệnh và trình bày những điều bất hợp lí. Đó tuy là thiếu uyển chuyển nhỡ lời, nhưng vì cố chấp ý riêng nông cạn mà không biết rằng ảnh hưởng đến thể thống phép tắc triều đình, sự việc còn quan hệ đến mối giao thiệp hai bên, quả không phải là chí khí của bậc lão thành. Vậy truyền lập tức giải chức Tổng đốc mới nhận của Phan Liêm, cho tại ngoại thính hầu, giao các tờ dụ, phiến sớ liên quan cho Đình thần văn ban cứu xét trừng trị theo quân pháp để nhằm ngăn chặn những thói tệ, đồng thời chuẩn cho công đồng bàn xét chọn người khác có thể đảm đương chức vị ấy phúc tâu lên chờ phê chuẩn".

Sau đó Đình thần nghị bàn xin xử phạt 100 trượng, cách chức không cho trình bày. Vua thấy Phan Liêm là người đã từng bôn trải nhiều công việc, lại thuộc hàng thế thần nên chuẩn cho giáng xuống làm Biên tu rồi cách chức bắt về hưu.

[29b] Tháng 9, Văn Minh điện Đại học sĩ, Phù Nghĩa tử Phan

Đình Bình mắc chuyện bị luận tội xử tử hình. Hồi đầu Bình ở Bắc Kì đề xướng chuyện muốn lập Hoàng tôn lên ngôi, rồi khi được cử đi công cán Quảng Bình lại có ý nghe ngóng chần chừ, đều từng bị người hành sự ở Bộ nhiều lần chỉ trích. Vua giận lắm, bèn giải chức của Bình, giao cho Phủ Tôn nhân cùng Đình thần nghiêm khắc cứu xét. Sau đó Tôn nhân và Đình thần tuân mệnh đòi Đình Bình tới Đại lậu viện chất vấn, truy cứu các tội lỗi mà Bình can phạm rồi nghĩ xin chiếu theo điều lệ "nịch chức" mà cách bỏ hết chức tước, bắt đi an trí ở phủ Thừa Thiên. Vua phê rằng:

> "Chuyện liên quan đến xử trí quan lại có chức vị cao, vì luôn muốn sao cho công minh nên trẫm phải giở ra xem đi xem lại đến ba bốn lần mà cả ngày vẫn phân vân chưa biết quyết định thế nào. Hôm trước trẫm đã giáng Dụ chuẩn cho các Chính khanh xét duyệt lại rồi phúc tấu lên, đều nói rằng [30a] sau khi các quan công đồng nghị xét xác định, Đình Bình đã vượt quá bổn phận, mạo tư tình xướng chuyện để cầu hãnh tiến, sự việc là nghiêm trọng, và khi điều tra bản thân y đã thú nhận, nên vẫn luận xử như trước. Nay căn cứ vào các lí lẽ nghị xử thấy cũng hợp với ý định của trẫm. Duy về điều luận tội không chịu làm việc, ngầm mưu ăn ở hai lòng để rắn dè kẻ gian tà bất trung, thì trẫm nghĩ, bất trung thì bất thuận, khi đã bất thuận thì sẽ phản nghịch, sự tình đó không nói cũng hiểu. Vì thế phải xử lí sự thuận nghịch đó như thế nào để có thể làm gương cho hậu thế soi vào. Vả lại thuận thì lành, nghịch thì dữ, mà dữ tất dẫn đến tội lỗi, không thể không nghiêm trị. Lại nghe trong khi triều đình nghị bàn, có người bảo nhẹ thì xử theo lệ, nặng thì xử theo luật, lại nói bắt đi an trí là xử tội lưu mà không đày. Nói thế là thế nào? Nghị xử như thế không những là không đúng mà còn như bỡn cợt, bằng vào một hai thiên kiến để có ý che đậy. Riêng trẫm nghĩ rằng, Đình Bình ngầm mang lòng gây bất lợi cho vua

đã sâu sắc từ lâu, [30b] điều đó khiến mọi người đều kinh ngạc chứ không chỉ một mình trẫm thấy thế. Huống chi còn nhiều khoản can trọng tội khác, nếu không tiến hành một phen truy cứu từ đầu thì e khó mà cứu xét định tội trừng trị. Cũng là bởi mọi người trong nhà Đình Bình chuyên xảo trá bày trò lừa đối mê hoặc đã thành nếp, nếu không xem xét từ việc nhỏ thì sao có thể đào sâu vào chuyện lớn mà từ đó chỉnh đốn tà quan, dẹp yên phản trắc. Còn ngấm ngầm giết gà trong lồng là việc trẫm rất ghét, đó là điều trước nay trẫm đã từng phán bảo. Nay chuẩn nghiêm khắc truy cứu tang chứng tội lỗi tư lợi hại dân, từng khoản một, nào là tự ý dời bỏ chức trách, nào là thừa cơ lấy trộm đồ ngự dụng của Thái tử, hành động coi thường nhà vua với quốc gia, đều là tội rất nặng, rồi cả nhà từ vợ đến chồng đều gian tham xảo trá xưa nay chưa từng thấy, tội lỗi đáng chịu không thể kể hết. Những tờ phiến cứu xét đem giao lại cho Bộ Hình và Khoa đạo xem xét xác minh từng khoản, lập thành án rồi theo phép công đề xuất nghị xử đợi chỉ, ngoài ra lại giao cho Đình thần nghị xét duyệt lại cho thỏa đáng [31a] để làm sáng tỏ sự việc trước công luận, đợi Châu phê xuống Dụ thi hành cho ổn thỏa".

Sau đó Hình bộ Đô sát cùng hội đồng xem xét, đề nghị chiếu theo điều luật về trộm cắp tài sản đồ vật trong nội vụ xử tội trảm giam hậu, được mệnh vua chuẩn cho theo như đề nghị.

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN V

CẨU NGÔN

[1a] Vua phán bảo Vũ Như rằng:

"Có được các khanh ở bên cạnh, đều là những người chính trực, chỉ bảo cho làm theo điều tốt, tránh điều sai trái để sớm nên người, trẫm lấy làm may mắn lắm. Còn như vô tâm không áy náy, biết mà không nói ra thì trẫm cho rằng rất không tốt. Ngày xưa Bái công là người rộng lượng khoan nhân, mến người nên được mọi người theo về rất đông. Hiểu người và biết dùng người, cái đức ấy thật to lớn cao đẹp lắm thay. Có được tam kiệt để sau định được thiên hạ, đó là cái đức của Bái công. Trẫm cả đời ca tụng mến mộ người xưa như thế".

[1b] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], mùa đông, tháng 10, vua phán bảo Đô sát Viện trưởng Đặng Đức Địch rằng:

"Nước ta vốn là quốc gia văn hiến, điển lễ long trọng. Vì thế về lễ tiết Viện các khanh phải chú tâm kiểm tra xem xét thận trọng. Triều đình từ trẫm trở xuống nếu thấy có chỗ nào không hợp thì phải lập tức lên tiếng tham vấn, chớ có bưng mắt bỏ qua, để chỉ ra lối sáng cho mọi người làm theo, thế mới gọi là quan. Các khanh hãy nghiêm túc, thận trọng điều đó".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], tháng 9. Quan Hữu trực

kì An phủ Kinh lí Đại sứ Hoàng Tá Viêm điều trần xin bốn điều, một là qui tập dân chúng, hai là làm trong sạch quan lại, ba là biểu dương tiết nghĩa, bốn là kiểm soát tình hình giặc phỉ. [2a] Vua đều chấp nhận cả.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Bấy giờ có sao chổi xuất hiện, Đình thần dâng sớ tâu rằng, trời rủ lòng nhân đức mà báo điềm cho như thế, nên quần thần vô cùng lo sợ, bảo ban nhau phải chăm lo chức sự và tăng cường phòng bị, đồng thời xin nhà vua thận trọng tu tỉnh, chú trọng tiết kiệm, hạn chế xa xỉ, mọi việc không cần thiết khẩn cấp thì xin đình bãi hết. Vua đem chuyện đó hỏi Huân thần Nguyễn Hữu Độ. Huân thần tâu rằng: "Lời thỉnh cầu đó của Đình thần nếu được Hoàng thượng chấp thuận nghe theo thì trên dưới cùng giao hòa tu sửa cho nhau để chuyển tai vạ thành phúc lành, cái lý tất nhiên có thể thắng được cái số ngẫu nhiên là nhờ ở đó. Riêng đối với đấng Quân trưởng gánh vác trách nhiệm phó thác nặng nề càng phải cẩn trọng giữ mình. Quan Toàn quyền Khâm sứ từng nhiều lần bảo thần rằng, xin hãy hết sức giữ gìn sự điều độ, [2b] từ nhà ở đến đồ ăn thức uống đều phải có hạn chế tiết kiệm, tâm trạng dù lo âu hay tức giận nhất thiết phải giữ không thái quá. Làm như thế Hoàng thượng mới giữ được khỏe mạnh sống lâu, chúng thần mới yên tâm phụng sự, thần dân trong thiên hạ nhờ đó mà cùng được hưởng phúc lành". Vua Dụ bảo Hữu Độ rằng:

> "Tấm lòng trung thành của khanh mọi người đều đã rõ. Khanh vốn là danh tướng của tiên triều, lại là Phụ thần tiêu phòng của trẫm, nên hãy gắng sức vì quốc gia, chí quyết định việc gì hãy sớm thi hành. Trẫm tuy không được trời phú cho tài năng đặc biệt nhưng hiểu rõ được bụng dạ của khanh. Khanh cứ yên tâm làm việc, lời nói trẫm nghe, mưu kế trẫm theo, đó là tấm lòng của trẫm vậy".

Tháng 2, [3a] chuẩn cho Hoàng Bá Tuy, Lê Trọng Giám làm Chưởng ấn, Nguyễn Văn Vân, Lê Tố làm Ngự sử. Vua Dụ rằng:

"Các viên quan nêu trên chuẩn mỗi người được thăng một trật

sung lãnh chức. Các khanh được sung giữ chức Đài gián hãy nên làm tốt chức trách, biết được điều gì phải nói ra để chấn chỉnh triều đình và bá quan. Nếu cứ chỉ hùa theo người để xảy ra sự việc thì sẽ bị xét xử khó chối được trách nhiệm. Hãy kính sợ thận trọng tuân hành".

Tháng 4 nhuận, vua xuống Dụ cho các quan Viện Đô sát rằng:

"Đài gián phải định thời gian soát xét các quan lại, người nào tự tiện dời bỏ công việc chức trách phải tham tấu lên để nghĩ xử".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. [3b] Tháng 3, trời hạn hán lâu ngày. Quan Chính khanh ở Lục bộ xin hoãn xử hình án, giảm bớt tù ngục và xem xét tạm ngừng những việc không cần thiết. Vua thuận nghe theo.

Mùa hạ, tháng 4. Vì trời hạn hán, các Chính khanh ở Lục bộ lại dâng sớ xin chuẩn cho các tỉnh, phủ bên ngoài Kinh thành chi tiền công khố (tỉnh lớn 300, tỉnh vừa 200) để dựng đàn tế xua đuổi oan khí trầm uất, đồng thời chờ xin huấn sức cho các quan lại trong ngoài phải tận tâm thận trọng lo lắng vào công việc, cai quản binh lính, dân chúng thế nào để mọi người được hưởng ân trạch, xem xét hình ngục thế nào để tránh tổn đọng oan sai, sao cho nhân sự ổn thỏa để đón thiên cơ thuận hòa. Vua khen ngợi và thuận nghe theo.

TRỌNG NÔNG

[4a] Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 12, chuẩn cho Trần Doãn Khanh và Nguyễn Tuy làm Đổng lí công việc đào sông. Vua dụ rằng:

"Đào sông là việc công lớn, có quan hệ lợi hại tới đời sống dân chúng. Ở vùng từ Châu Thị tỉnh Quảng Trị đến Trạm Giang

tỉnh Quảng Bình từ trước kia đã cho khơi đào con sông để tiện cho dân sinh. Hồi đó những người được phái đi đào sông không chăm chỉ thừa hành công việc, mượn cớ gặp đá sỏi với cát bồi khiến con sông ấy cuối cùng lại bị tắc nghẽn, uổng công phí sức mà không hoàn thành. Ngày nay nước ta kết hòa hiếu với nước Đại Pháp, phàm những công việc mang lợi ích cho dân đều đem ra cùng bàn bạc để lần lượt tiến hành. [4b] Trẫm luôn canh cánh trong lòng ý muốn nuôi dưỡng sức dân nên chưa bao giờ từng đem sức người sức của ra dốc cạn. Nhưng riêng đối với việc đào con sông này lẽ nào cứ để trì hoãn mãi. Trẫm nghĩ rằng công việc này rất nặng nề khó khăn, cần phải có một người gốc tại địa phương thành thạo năng nổ đứng ra gánh vác thì mới mong làm được. Nguyên Hồng lô tự khanh, Tá lí Công bộ đã về hưu Trần Doãn Khanh, tuổi tác và sức lực đều đang độ cường tráng, Thị giảng Học sĩ, sung Quảng Trị sơn phòng Phó sứ Nguyễn Tuy là người có năng lực và hiểu biết, truyền cho hai người giữ nguyên hàm sung làm Đồng lí công việc đào sông. Chia ra theo địa hạt, phần tỉnh Quảng Trị do Nguyễn Tuy, phần tỉnh Quảng Bình do Trần Doãn Khanh hiệp đồng cùng quan lại hai tỉnh ấy tức khắc tuân mệnh ra tận nơi điều tra khảo sát, vẽ thành bản đồ để trù tính kế hoạch tiến hành. Những yêu cầu cần thiết về nhân công, vật liệu, tiền gạo cần phải trích cấp bao nhiêu, các viên nhân cần phải cử ra sao, tất cả cho được tùy nghi nghị tấu đợi chuẩn y thi hành. Hai khanh hãy cố gắng thừa hành công việc để đem lại cuộc sống an lạc cho dân chúng địa phương. Công trình này hạn trong hai tháng phải hoàn thành để thấy được hiệu quả. [5a] Còn nếu để uổng phí tài lực làm qua quít cho xong chuyện, bắt phạt bồi thường thì đừng có hối hận".

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886], tháng 3, phủ Thừa Thiên lâu ngày không có mưa, việc nhà nông gặp khó khăn, bệnh

khí đôi chỗ phát tác. Chuẩn sai Phủ thần tới cầu đảo ở điện Huệ Nam, qua hôm sau được trận mưa to giáng xuống. Đặc chuẩn soạn biểu ca tụng để trông mong sự linh nghiệm sau này.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], tháng 2, Phủ thần phủ Thừa Thiên Đào Tiến tấu trình rằng gần đây trời lúc mưa lúc tạnh, thỉnh thoảng lại có hàn khí gây bất lợi cho mùa màng, xin tới điện Huệ Nam hành lễ, đồng thời sức cho sáu huyện đến các đền miếu linh thiêng ở địa phương làm lễ cầu tạnh để thỏa nỗi trông mong của nhà nông. [5b] Vua phê rằng:

> "Hồi đầu xuân có người bảo năm nay thuận lợi cho nhà nông, trẫm đã hơi yên lòng. Nhưng rồi liên tiếp nhiều tuần âm trời mưa suốt thì lại sợ lúa má bị tổn hại. Bây giờ lúa vừa mới đâm bông. Truyền cho Đào Tiến khanh hãy tới điện thành tâm cầu đảo, may mà được ứng nghiệm thì thực là phúc cho dân địa phương, mà khanh cũng sẽ được trọng thưởng. Hôm nay trẫm ở trong cung cũng ngồi ngoảnh về phương Nam thầm khấn xin cho từ tháng sau thuận trời tạnh ráo phù trợ cho nhà nông, cho thỏa nỗi niềm kính trời yêu dân của trẫm. Khanh hãy hiểu cho trẫm mà kính cẩn tuân hành".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa hạ, tháng 4, thành lập Nha Điền nông tỉnh Quảng Ngãi.

Mùa thu, tháng 7. Quan Chánh Toàn quyền Đại thần Sô Mi bàn rằng, ở vùng núi xứ Bắc Kì hiện còn có nhiều đất đai ruộng nương chưa được khai phá, [6a] nếu cho phép khai khẩn thì tất đem lại lợi ích lớn, những người lang thang du cư cũng có chỗ để chuyên cần vào nghề nông. Quan Kinh lược Đại sứ Nguyễn Hữu Độ thông tư về, Viện thần Viện Cơ mật đem lời ấy tâu lên, được vua chuẩn cho thi hành.

Tháng 9, Bắc Kì Kinh lược Đại sứ Nguyễn Hữu Độ tư báo về nói rằng, dân chúng các địa phương ở Bắc Kì mấy năm lại đây liên tiếp gặp nạn giặc phỉ và lũ lụt tàn phá, lại thêm thời tiết bất thuận, trâu bò

bị ốm chết, công cụ làm ruộng bị mất mát nhiều. Trong dân gian, giá trâu bò tăng vọt, nhà nghèo hiếm ai tậu được, tình hình đó e rằng gây trở ngại khó khăn cho nghề nông. Hiện đã thương nghị với quan Toàn quyền Đại thần xem xét, những xã dân nào không đủ lực tậu trâu bò thì cho phép được lĩnh tiền công [6b] ra để mua, hạn sau một năm tình hình khá lên sẽ đem hoàn trả. Các quan Bộ Hộ thấy đây là cách làm thương dân trọng nông bèn khởi tấu lên, vâng được vua chuẩn cho thi hành.

VĂN TRỊ

[7a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 9, bắt đầu mở Kinh diên[1]. Vua dụ rằng:

> "Từng nghe rằng, đức không thể một ngày không tu rèn, học không thể một ngày không đọc giảng. Các bậc Đế vương thánh minh ngày xưa sở dĩ lập công chí trị để lại danh tiếng đều phải nhờ có học tập. Trẫm hồi còn tu dưỡng ở Đông cung được học lễ học văn, chỉ biết vui vẻ trau dồi kiến thức sao cho tận trung tận hiếu, chứ còn công việc của thiên hạ vẫn chưa rảnh rỗi để tâm học đến. Đến nay tuổi còn non nớt mà kế thừa ngôi cao, nếu không thường xuyên nghe giảng và bàn luận với các bậc nho thần thì rồi những chuyện đắc thất thời xưa cũng như mai này làm sao mà biết được. Vì vậy việc mở Kinh diên không được phép trì hoãn. [7b] Đã mệnh cho Khâm thiên giám chọn được giờ Thìn ngày 13 tháng này là ngày giờ hiệp cát, hôm đó trẫm sẽ ra điện Khâm Văn mở chiếu Kinh diên".

---

[1] *Kinh diên*: Lớp học mở trong cung điện để đọc giảng Kinh sử cho vua học.

Tới ngày hôm đó, vua ngự tại điện Khâm Văn, mệnh Giảng quan Nguyễn Hữu Độ và Giảng quan Hoàng Hữu Thường cùng các quan tiến giảng, chuẩn định kì mỗi tháng 6 lần tiến giảng (vào các ngày mồng 2, mồng 8, ngày 12, 16, 22 và 28).

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa thu, tháng 7, hoàn thành bản khắc ván in bộ *Việt sử cương mục*. Chuẩn mệnh tỉnh Hà Nội in ra thành 100 bộ dâng nộp để ngự lãm [8a] và lưu lại dùng khi ban cấp.

Tháng 8, chuẩn cho hai trường Hà Nội và Nam Định thi chung tại trường Nam Định. Vua lại thấy mấy năm lại đây vì có sự biến nên các trường thi mấy lần phải đình hoãn, tới giờ số học trò xin đi thi ở hai trường rất đông nên chuẩn cho tăng ngạch lấy đỗ (mỗi trường được lấy 10 Cử nhân và 30 Tú tài) để thỏa mong ước của sĩ tử.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887], mùa hạ, tháng 4, mở ân khoa thi Hương trường Thừa Thiên. Nguyên trước định ngạch lấy 32 Cử nhân, nhưng vì khoa này sĩ số [8b] có phần sút giảm so với những năm trước, trường chỉ chấm đỗ 29 người, nên chuẩn gia ân lấy thêm trên dưới 10 người nữa để mở rộng ân cách.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa hạ, tháng 4, chuẩn cho trường Bình Định thi chung tại trường Thừa Thiên. Lại bộ Thượng thư Nguyễn Thuật tâu rằng: Sĩ tử hai tỉnh ấy về mặt văn học từ trước vốn đã có phần kém hơn so với vùng Kinh đô và Trực kì. Gần đây vì binh hỏa loạn lạc nên lại có nhiều học trò bỏ học, nếu để thi chung với nhau thì không khỏi phải chịu thiệt thòi. Ân khoa năm ngoái học trò trường ấy đã vì loạn lạc cản trở nên không đi dự thi được. Lần này là chính khoa, xem ra họ vẫn náo nức không quản ngại lặn lội đi thi, [9a] với định ngạch lấy đỗ như thế thực chưa đáp ứng được niềm trông mong của sĩ tử. Vì vậy đối với những bài thi bị đánh hỏng của khoa này, xin để 3 nha hội đồng xét duyệt lại, người nào đã qua đủ

tam trường mà bài làm văn thông li thuận tạm lấy được thì lượng chọn xét đỗ thêm trên dưới 10 vị Cử nhân và Tú tài. Vua chuẩn giao cho Đình thần nghị bàn. Đình thần phúc tâu rằng, xin cho trường ấy lấy đỗ thêm 10 người, nhưng đều là Tú tài để tránh quá lạm. Sau này trường ấy sẽ chiếu lệ sửa sang khoa trường để thi riêng cho đúng với qui chế cũ đồng thời phù hợp với tình hình sĩ tử. Vua chuẩn y lời đề nghị ấy.

Chuẩn cho trường Thanh Hóa thi chung với trường Nghệ An, trường Ninh Bình thi chung với trường Hà Nam.

Tháng 11, vua ra Sắc bảo các quan Bộ Lễ rằng:

"Các Thánh đế triều ta [9b] mỗi khi lên ngôi đều có lệ đến làm lễ tại Văn miếu. Hồi còn ở điện Thái tử, trẫm cũng thường xuyên tới Văn miếu bái yết, chưa bao giờ dám quên Thánh đạo. Nhưng từ khi trẫm lên tức vị đến nay vẫn chưa kịp có lúc nào tới đó bái yết. Vậy truyền mệnh cho Bộ Lễ nghị bàn sắp xếp đến sau kì tế Giao thì tiến hành để bày tỏ lòng hết mực tôn sùng của trẫm".

VÕ CÔNG

[10a] Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Tháng 4, ngày 18, vua mệnh ngự giá thân chinh ra cầm quân, xuống Dụ võ về sĩ thứ nam bắc. Dụ rằng:

"Võ công có bảy đức, thứ nhất là yên dân; ra quân được vạn toàn, bởi mệnh trời sai khiến. Kinh Thi có thiên Thường vũ[1], Kinh Thư

---

[1] *Thường vũ*: tên bài thơ trong *Kinh Thi, Đại nhã*, ca ngợi Chu Tuyên Vương thân chinh đánh nước Từ.

chép chuyện Dận chinh[1]. Vua Hán ngự giá lục phi[2], vua Đường thân đeo hoàng việt. Việc đời trước thực đáng để làm gương.

Thế tổ Cao Hoàng đế ta triều hồi mới trung hưng, khởi đầu từ Gia Định, vung ngọn giáo trời trao ruổi thẳng ra tới Thăng Long. Bấy giờ nhờ được một hai viên quan binh nước Đại Pháp có lòng đi theo bảo vệ nên đi đến đâu mọi người đều sợ hãi qui phục. [10b] Uy danh lẫy lừng để lại cho con cháu đời sau.

Mới rồi quyền thần trộm nắm quyền hành, càn bậy gây ra mối họa chiến tranh, suốt ba tháng ròng rã rối loạn, khắp bốn phía nổi dậy rần rần, chỗ thác cớ Cần vương, nơi tự xưng xướng nghĩa, non sông từ Nam đến Bắc không còn chỗ nào trong lành yên tĩnh. Trong lúc thời thế như vậy xã tắc không thể thiếu người phụng sự.

Trẫm là con thứ hai của Dực tông Anh Hoàng đế, được thần dân không nỡ bỏ, để lên kế nối nghiệp lớn, tới nay đã được hơn nửa năm. Mặc dù đã thi hành nhiều phương cách xử trí, nhưng vẫn chưa lấy lại sự yên ổn. Cũng từng mệnh các Đại thần đi đánh dẹp, mà từ đó đến nay vẫn chưa thấy tâu báo chiến công. Gần đây theo tin báo về, ở miền thượng du Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, bọn thổ phỉ Thanh Xá hợp cùng bọn giặc nguỵ quấy rối cướp bóc ngày càng thậm tệ. Có lẽ những lần ta tiến đánh chẳng qua chỉ tỏ rõ uy lực mà không lấy được đức tín chăng, nên bọn đầu sỏ giặc chưa chịu nể phục. Hoặc giả bao phen ra hiểu dụ chỉ có lời văn cáo thị mà chưa tỏ rõ được thực tâm chăng, nên những kẻ lỡ bước chưa chịu quay đầu trở lại. [11a] Bốn phương

---

[1] *Dận chinh*: Theo *Kinh Thư, Hạ thư*, đời nhà Hạ, Hi Hòa ham mê tửu sắc, vua Trọng Khang sai Dận hầu đi đánh Hy Hoà, lúc xuất quân làm bài *Dận chinh*, tức lời thề trước khi lên đường đi đánh dẹp.

[2] *Lục phi*: xa giá đi đánh trận của đế vương có 6 ngựa kéo.

còn chưa dẹp xong, thì trăm họ chưa thể yên, để chậm một ngày, thì dân phải chịu hại thêm một ngày. Là cha mẹ dân lẽ đâu có thể ngồi nhìn con em mình khốn khổ mà không cứu giúp. Trẫm cứ nghĩ đi nghĩ lại mãi, ăn ngủ không yên. Nếu không xa giá thân hành một phen thì lòng người ngày một rời xa, thế giặc ngày thêm ngỗ ngược, bọn ngoan cố tìm được nơi hiểm trở ẩn náu không biết bao giờ mới dẹp hết, kẻ lỡ bước thì chần chừ e ngại không đường hối cải, dẫu muốn quay đầu trở lại cũng không được. Sau khi sắc mệnh cho các quan Viện Cơ mật trù tính kế hoạch mọi công việc cần thiết, Bộ Binh tuyển chọn 4 nghìn binh lính thuộc thân cấm binh và tập binh mang theo khí giới tinh nhuệ, lại chọn mời được 3 viên quan Đại Pháp vừa lão luyện vừa có lòng đi theo tùy tòng, rồi chuẩn sai Cố mệnh lương thần Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Bảo quốc Huân thần, sung Cơ mật viện Đại thần, Quốc sử quán Tổng tài, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, nhưng sung Bắc Kì Kinh lược Đại sứ, [11b] Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ giữ nguyên chức sung làm Ngự tiền Thống soái quân vụ Đại thần; Lễ bộ Hữu Thị lang, Tham tá Cơ mật viện sự vụ Nguyễn Hoằng giữ nguyên chức sung làm Phụ tế cơ vụ Đại thần, hai người đều được ban nhung y (một người áo đỏ thêu rồng mây, một người áo xanh thêu hoa tròn) và thẻ bài (bằng vàng có khắc chữ) để nghiêm quân lệnh, ngoài ra thực hiện y theo lệ. Chưởng nha, lãnh Thị vệ Nguyễn Văn Hữu cùng với Phủ thừa phủ Thừa Thiên Tôn Thất Bá đổi làm Hồng lô tự khanh, Tả lí Hình bộ, sung làm Hộ giá Đại thần. Rồi chuẩn cho Khâm thiên giám chọn ngày tốt, trẫm đích thân đem quân đến Quảng Bình, sau đó lần lượt tuần tiễu đến các tỉnh khác, gặp bọn ương ngạnh thì đánh dẹp, với kẻ đầu hàng thì vỗ về. Tất cả mọi hành động đánh dẹp đều do Thống soái Đại thần trù liệu điều khiển. Công việc đi theo hộ vệ xa giá tiến

dừng thì do Hộ giá Đại thần kiểm tra sắp xếp. Tại các tỉnh xa giá dừng chân đóng lại, tất cả mọi vật tư cần thiết đều phải trích lấy từ kho nhà nước để chi dùng, [12a] không được tơ hào động đến của dân. Tất cả quan lại, binh lính và đinh phu tham gia đi theo đều phải tuân theo kỷ luật, kẻ nào dám vô phép sách nhiễu cướp bóc mà bị phát giác thì tức khắc trừng trị theo chính pháp. Hơn nữa, chuyến đi này là rất quan trọng. Kinh sư là nơi căn bản, nên phải xem xét chuẩn cho cấm binh doanh Vũ lâm đều phải lưu lại canh giữ Kinh thành. Quan Toàn quyền Đại thần nước Đại Pháp ngài Bản Bi[1] là người hiểu biết, rất có lòng muốn giúp nước ta ngày một mạnh lên, hiện cũng đã phái cử nhiều quan quân chia ra đóng khắp trong ngoài và tại địa đầu các tỉnh để phòng thủ nghiêm ngặt. Chuẩn cho Tôn nhân phủ Hữu Tôn chánh, Hoài Đức công Miên Lâm sung làm Lưu Kinh Thân thần, các quan Tiền quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự, sung Thị vệ xứ Đại thần Tôn Thất Thế, Thự Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư Đoàn Văn Hội, Hộ bộ Thượng thư, sung Thị vệ Đại thần Nguyễn Thuật, Lễ bộ Thượng thư Chu Đình Kế, Công bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần [12b] Hoàng Hữu Thường đều sung làm Lưu Kinh Đại thần. Mọi công việc cần thiết tại Kinh thành truyền giao cho các vị Lưu Kinh Thân thần và Đại thần cùng nhau bàn định tuỳ nghi hành sự, trong đó những việc liên quan đến giao thiệp thì do các quan Viện Cơ mật phụ trách giải quyết cho ổn thỏa. Chuyến đi này không phải là vô ích, mà chính là noi theo tổ tiên mà thi hành kế an dân. Tờ Dụ này truyền sao chép cho khắp nam bắc mọi người cùng biết để kính cẩn tuân hành".

---

[1] *Bản Bi* hay còn viết là *Côn Ba, Côn Phạ*: đều là phiên âm tên tiếng Pháp Paul Bert.

Tháng 5, ngày 16 là ngày Đinh Mùi, xa giá xuất phát từ Kinh sư. Ngày 20 là ngày Tân hợi, vua ngự tới hành cung tỉnh Quảng Trị dừng chân ở lại.

Tháng 6, mệnh cho Thống soái Đại thần Nguyễn Hữu Độ hiệp đồng cùng quan binh Pháp tiến quân đánh lên vùng rừng núi Quảng Trị. [13a] Bấy giờ tại các tổng Xuân Hòa, Bái Ân, An Định, Cam Đường đều có bọn phỉ tụ tập dựng đồn đắp lũy. Vua ban cho Nguyễn Hữu Độ lá cờ Phi long chỉ huy 3 đạo quan binh hiệp cùng lính Pháp tiến đánh, liên tiếp mấy ngày hạ được các đồn lớn của giặc là đồn thứ nhất (tục gọi là Khe Cây Giang), đồn thứ hai (tục gọi là Khe Chử) và đồn thứ ba (tục gọi là Bến Ma), thu được rất nhiều tiền, lương, súng ống và khí giới. Bọn phỉ nghe tin bỏ chạy trốn. Tin thắng trận báo về hành tại, vua chuẩn thưởng Kim tiền Long bội tinh cho quan binh Pháp. Những người bị thương được vua ngự giá ra thăm đích thân vỗ về an ủi.

Ngày 26 là ngày Đinh Hợi, [13b] ngự giá khởi hành từ Quảng Trị đến Châu Thị thì dừng lại nghỉ, sau đó đi tiếp tới đồn Mĩ Thổ thuộc Quảng Bình thì dừng chân.

Mùa thu, tháng 7, ngày 20, ngự giá tới tỉnh thành Quảng Bình dừng lại. Chuẩn dán yết thị sức cho tất cả những kẻ cầm đầu thổ phỉ tự thân tới hành tại đầu thú thì đều được miễn tội, nếu trước đây làm quan thì được giữ nguyên chức cũ. (Về sau các địa phương khác cũng làm như vậy). Ban thưởng các mức khác nhau cho những quan lại đã truy bắt và chém đầu hai tên đầu sỏ giặc ngụy là Hoàng Văn Phúc và Nguyễn Phạm Tuân.

Tạm thời lập ra quân Ngự dinh. Vua thấy các loại quân sĩ, binh lính theo hầu linh tinh đủ loại, không thành đội ngũ, khi có việc cần sai phái khó nhanh nhạy được việc, [14a] bèn chuẩn cho tuyển chọn dồn lại cứ 30 người thành một đội, đặt ra Chánh, Phó đội mỗi chức một viên, cứ 2 đội lại đặt Đốc binh, Quản vệ mỗi chức một viên, đều

do ấn quân nắm giữ, gọi tên là quân Ngự dinh, chia ra Tả dực, Hữu dực và các chi Trung đạo, Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Vào lúc bình thường thì do Hộ giá Đại thần kiểm tra chỉnh đốn, khi ra trận sẽ do nhà vua đích thân chỉ huy điều động, tới khi quay trở về Kinh thì lại đưa về các vệ, đội như cũ.

Tháng 8, ngày mồng 7 là ngày Đinh Mão, vua đại giá khải hoàn. Vua dẫn quan quân ở hành tại xuống tàu (Quan Toàn quyền phái hai chiếc tàu thủy chạy bằng than tới cửa Lệ đón rước về), qua một ngày thì về tới Kinh thành. Bá quan xin cử hành lễ khánh hạ. [14b] Vua phán rằng:

> "Loan giá thảnh thơi yên lành trở về, các quan bái lạy chúc mừng, đó là việc lễ. Nhưng hiện thời từ Quảng Trị đổ ra phía Bắc giặc phỉ vẫn chưa dẹp hết, tình hình chưa chắc sớm được hoàn toàn yên tĩnh, chuyến này công tội thế nào cũng chưa biết rõ, vì vậy việc tổ chức khánh hạ hẵng tạm gác lại để yên lòng trẫm".

Tháng 9, phục hồi nguyên hàm cho Đông các Đại học sĩ, Địch Trung tử, giáng chức Thượng thư Hoàng Tá Viêm, sung làm Tả trực kì An phủ Kinh lý Đại sứ, được mượn cờ tiết để tiện hành sự. Trước hết phải ra Quảng Bình thu xếp tình hình sao cho tạm yên, rồi sẽ tới các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá tuỳ nghi xử trí công việc. Vua vì nghĩ Tá Viêm thuộc hàng thế thần túc tướng nên mới đặc cách phục hồi sử dụng.

Ban thưởng cho các tướng sĩ quân đội Quảng Ngãi Bình Định 3000 quan tiền vì đã đánh thắng liền ba trận trong một tháng (trong tháng 7 một lần đánh nhau với giặc ở Quảng Nam, [15a] hai lần đánh nhau với giặc ở Bình Định).

Tháng 11, quan Tuần phủ Hưng Yên dâng sách tâu rằng, đã hiệp đồng cùng binh lính quan Pháp tiến đánh phỉ Bãi Sậy thắng được mấy trận, xin lần lượt nghị thưởng. Vua chuẩn ban thưởng cho các mức khác nhau.

Tháng 12, bọn đầu sỏ thổ phỉ ở Quảng Bình kéo tới bản doanh của Hoàng Tá Viêm xin đầu thú rất đông, tình hình từ cửa quan ải trở vào trong trở nên yên tĩnh. Vua chuẩn mệnh Hoàng Tá Viêm mau chóng xử lí tiếp vùng ngoài cửa quan ải để sớm ra vỗ yên các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Đối với người ra đầu thú, nên giữ lại sai phái, hoặc thả về nhà làm ăn đều do quan Đại sứ quyết định xử trí thi hành.

[15b] Ban thuốc men, quần áo các hạng cho Hữu trực kì An phủ Kinh lí Đại sứ Hoàng Tá Viêm và Tả trực kì Khâm sai Đại thần Phạm Liêm, dụ rằng hãy chuyên tâm chăm lo công việc sớm có chiến công tâu về.

Tuần phủ Hà Tĩnh Vũ Khoa tâu trình rằng, địa hạt Hà Tĩnh hiện giờ tình hình vẫn chưa hoàn toàn yên tĩnh đều khắp, nên việc tuần phòng không thể buông lơi. Xét thấy các vị Niết sứ Hoàng Xuân Phong, Thương tá Phạm Văn Khoa, nguyên Toản tu Nguyễn Liên, Cử nhân Lê Nhất Hoàn đều là người gốc địa phương, rất am hiểu thông thạo tình hình, vì vậy công việc phủ dụ thân hào, tra hỏi tình hình bè đảng xin giao cho họ phụ trách. Vua chuẩn y lời thỉnh cầu.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. [16a] Mùa xuân, tháng Giêng, chuẩn cho Tuần phủ Hưng Yên Hoàng Cao Khải được gia hàm Thự lí Tổng đốc, kiêm Tiễu phủ sứ ba tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên. Bấy giờ bọn phỉ rừng Bãi Sậy còn đang phát triển lan rộng liên kết ra tới hai địa hạt Hải Dương và Bắc Ninh để thả sức hoành hành quấy rối. Quyền Kinh lược Nguyễn Trọng Hợp tâu rằng Cao Khải rất có tài cán mưu lược, lại am hiểu tình hình, xin giao cho đi đánh dẹp, nên có mệnh lệnh này.

Đúc thẻ bài thưởng công, giao cho Tả trực kì Khâm sai Phan Liêm cất giữ để chờ sau này lấy ra ban thưởng.

Hoàng Tá Viêm tâu trình rằng, vào tháng chạp năm ngoái viên Sứ thần ấy tuân mệnh ra ngoài cửa quan ải, nguyên Tá lí Lê Mô Khải

cùng đảng ngụy hơn 180 người ra đầu thú, vùng trong quan ải tiếp tục có hơn 90 người ra đầu thú. Vua cho tiếp tục thi hành theo như chuẩn trước.

[16b] Tháng 2, thổ phỉ Quảng Nam lại hoành hành trở lại. Chuẩn mệnh Nghĩa Định Sơn phòng sứ Nguyễn Thân cấp tốc tới hợp sức với Khâm sai Phan Liêm cùng quan binh Pháp đi đánh dẹp. Bấy giờ tại Bình Định đã có Trần Bá Lộc do người Pháp phái đem quân đến hợp với quan binh Pháp được phái ra đây từ trước cùng đi đánh dẹp, lực lượng đã khá mạnh, nên mới chuẩn mệnh cho Nguyễn Thân vào phía Nam tức tốc trong vài ngày đánh giáp công để mau chóng giải quyết tình hình.

Tháng 5, vua ngự lầu Ngọ Môn xem duyệt binh nhân ngày lễ kỉ niệm chính phủ Cộng hòa của Quí quốc. Vua bận quân phục lên lầu xem, sau đó lại cưỡi ngựa [17a] ngự duyệt. Ban thưởng cho quan binh Quí quốc các mức khác nhau. Lệ vua duyệt binh bắt đầu có từ năm đó.

Mùa thu, tháng 7, chuẩn cho Binh bộ Tham tri, sung Nghĩa Định Sơn phòng Tiễu phủ sứ Nguyễn Thân giữ nguyên hàn sung làm Tả trực Khâm sai Đại thần (tiếp nhận cờ tiết quan phòng cùng với các quan binh tại quân thứ từ Đề đốc, Tán lãnh trở xuống do nguyên Khâm sai Phan Liêm bàn giao lại để thi hành nhiệm vụ).

Tháng 8, Nguyễn Thân sai người truy bắt được tên Nguyễn Hiệu, mang lá cờ đỏ về báo tin thắng trận. Chuẩn cho đóng cũi đưa về Kinh tra xét. Từ đấy bọn đầu sỏ thổ phỉ ở tỉnh hạt trong vòng mươi hôm tìm ra đầu thú hết, tỉnh Quảng Nam hoàn toàn bình định xong.

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888], [17b] mùa thu, tháng 7, quan Pháp nhận thấy hiện tình các tỉnh đều đã yên tĩnh bèn cho rút binh lính tại các đồn bốt (gồm 12 đồn từ Quảng Trị đến Khánh Hòa).

Tháng 11, Vua xuống Dụ rằng:

"Triều đình đặt ra quan lại, phân chia chức vụ chỉ cốt để vì dân. Do vậy người nắm giữ chức vị phải làm hết chức trách của mình là đánh dẹp bạo tàn, đem lại bình yên cho dân chúng. Mấy năm lại đây tại các tỉnh sát liền với vùng rừng núi ở Bắc Kì vẫn còn các toán phỉ thường xuyên hoạt động quấy rối dân địa phương, nếu không ra tay đánh dẹp thì dân lành làm sao có thể được sống yên. Mới rồi nghe quan Toàn quyền Lê Na[1] tâu xin rằng muốn dẹp được giặc thì trước hết phải hiểu rõ về chúng, từ đó mới tìm ra phương sách thực hiện. Trẫm nghĩ điều đó rất đúng, bèn truyền mệnh cho quan Kinh lược Đại sứ sức báo tới các tỉnh, phủ, huyện ra sức điều tra xác minh rõ các tên thổ phỉ đầu sỏ tên họ là gì, quê quán ở đâu, bọn chúng dùng phương tiện gì để vận chuyển khí giới, tiền bạc, lương thảo, lúc tụ tập đi quấy rối cướp bóc phải theo con đường nào, khi về thì tẩu tán ẩn náu ở chỗ nào, [18a] rồi sau khi tẩu tán thì dùng phương kế gì để tụ tập trở lại. Tất cả những điều liên quan đến tình hình thổ phỉ đó đều phải điều tra kĩ càng rồi do các quan địa phương bẩm báo lên để tiện cùng các Quí quan bàn bạc trù tính, sau đó tùy tình hình mà phủ dụ hay tiêu diệt, khiến bọn chúng không còn nơi ẩn náu, dân địa phương mới sớm được bình yên trở lại. Như thế mới không phụ lòng ủy thác gửi gắm của triều đình. Các quan người nào chỉ hô hào suông, làm qua quít cho xong chuyện tức là phạm trọng tội đấy".

---

[1] *Lê Na*: phiên âm tên tiếng Pháp Rheinard.

THỂ CHẾ

[19a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885], tháng 9, con dấu ấn tín của các cơ quan Tuần phủ, Bố chính, Án sát tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình hồi trước đã bị giặc nguỵ đột nhập vào thành lấy đi mất. Nay tỉnh thần trình lên thông qua quan Bộ Lễ xin khắc thêm lên trên phía bên ngoài thành của con dấu đang sử dụng hai chữ "Đồng Khánh" kiểu chữ chân để phân biệt với con dấu cũ. Quan Bộ Lễ tấu lên, vua phán rằng, hãy sức cho các tỉnh khác mà cũng gặp trường hợp như thế thì cùng thực hiện theo cách này.

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1886]. Mùa đông, tháng 10, đặt lệ kiểm duyệt đệ dâng bài tấu của các nha. Theo lệ đặt ngày trước (từ năm Tự Đức thứ 20 trở đi), bài tấu các nha, vào ngày lẻ tiếp nhận một buổi chiều, [19b] ngày chẵn cả hai buổi sáng và chiều, đều do Nội các kiểm duyệt đệ dâng. Sau vì công việc bận rộn, bài tâu nhiều phải dâng riêng nên quan Nội các bàn rằng, công việc thì có việc khẩn cấp, việc thông thường, nếu tiếp nhận dâng tiến không có hạn độ thì e rằng nhà vua phải làm việc suy nghĩ suốt ngày. Vì vậy xin từ nay trở đi, đối với bài tấu của các nha thuộc Lục bộ, trừ công việc quan trọng khẩn cấp phải đệ dâng riêng ra, còn các việc tầm thường đều thực hiện theo lệ ngày trước, có điều dù ngày chẵn hay ngày lẻ đều chỉ một buổi, trong đó nếu là các ngày thị triều, kinh diên thì vào buổi chiều một lần kiểm nhận ba lần dâng tiến. Các ngày khác vào buổi sáng, bốn lần kiểm nhận sáu lần dâng tiến, như thế để tiện tuân hành mà tỏ ý thận trọng. Vua y theo.

Mệnh chế tác Kim khánh hạng lớn (mặt trước đều khắc bốn chữ "Báo nghĩa thù huân", mặt sau đều khắc bốn chữ "Đồng Khánh sắc tứ") để dùng khi ban tặng.

[20a] Tháng 12, đặt lệ thỉnh an. Quan Viện Cơ mật tâu xin rằng

vào tháng đầu xuân, ấn quan văn võ của mỗi tỉnh soạn chung một bản thỉnh an làm theo thể thức biểu mừng để bày tỏ thành tâm, cất vào trong tráp rồi do Bộ Lễ kiểm duyệt đệ dâng lên. Những khoản qui định theo lệ hồi trước như đóng thành tập điều trần rồi bỏ vào hộp khóa lại đều bãi bỏ. Vua y theo.

Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng, quan Viện Cơ mật tâu rằng, theo lệ từ trước, sau lễ trao đổi văn kiện, văn bản hòa ước được đưa đi khắc in để thi hành. Nay lễ trao đổi văn kiện đã tiến hành xong xuôi, xin theo lệ đó đem hai văn bản hòa ước và thỏa thuận về mỏ gửi cho tỉnh Hà Nội sao chép lại rồi thuê thợ khắc ván in ra mỗi thứ 100 bản mang về để Viện kiểm tra lại, [20b] sau đó chia gửi tới các Bộ nha và các địa phương mỗi nơi một bản để phụng chuẩn thực hiện.

Chuẩn định kiểu cách huân chương bội tinh và giấy Khâm văn. Bấy giờ quan Quyền Khâm sứ có gửi thư tới nói rằng, về việc thưởng tặng cho các quan Quí quốc, các nước thường coi huân chương bội tinh bằng vàng bạc là thứ cao quí, khi được ban thưởng dễ đeo lên ngực, ý của Quí quan Đô thống Đại thần là muốn nước ta cũng nên làm theo như thế cho hợp với tình cảm và phong tục. Viện Cơ mật căn cứ lời đề nghị đó nghĩ bàn về kiểu cách của huân chương bội tinh và giấy Khâm văn. Viện thần bàn rằng lời đề nghị của quí Đô thống là thỏa đáng, duy chỉ có điều là phần tâm sao tròn thì ta nguyên vẫn làm thành hình vuông, rất khác biệt với các nước khác, vì vậy xin đổi làm thành hình bầu dục. Về phẩm cấp có cao có thấp, công trạng có lớn có nhỏ, nên phân biệt ra hạng văn hạng võ, [21a] mỗi hạng lại phân biệt ra thành ngũ đẳng khác nhau (Về văn, hạng Nhất là *Khôi kì long tinh*, hạng Nhì là *Chương hiển long tinh*, hạng Ba là *Biểu đức long tinh*, hạng Tư là *Minh nghĩa long tinh*, hạng Năm là *Gia thiện long tinh*; về võ, hạng nhất là *Trác dị long tinh*, hạng Nhì là *Thù huân long tinh*, hạng Ba là *Tinh năng long tinh*, hạng Tư là

Tưởng trung long tinh, hạng Năm là *Khuyến công long tinh*). Vâng mệnh chuẩn cho thi hành.

Tháng 3, đúc lại hai dấu ấn *Ngự tiền* và *Văn lí mật sát*. Chuẩn cho làm theo qui cách như cũ, đúc bằng vàng để tỏ ý nghĩa long trọng.

Quan Viện Cơ mật tâu xin phỏng theo cách làm nhật báo của các nước thành lập ra Cục Đại Nam công báo, trao cho Sử quán kiêm quản công việc này. Cứ 10 ngày ra chung thành một tờ. Viện Cơ mật cùng với các Bộ nha tập hợp ghi lại những công việc đã thực hiện [21b] để giao cho Cục ấy, cứ 10 ngày một lần Cục tổng hợp kiểm tra đối chiếu với văn thư trực ban của từng ngày rồi giao cho thợ khắc in truyền bá ra ngoài. Việc bắt đầu làm từ ngày mồng 1 tháng này. Vua phê rằng:

> "Tấm lòng của các khanh muốn nước nhà bỏ thói quen cũ, học theo người để mưu đổi mới, dần dà mỗi ngày một việc, nghìn ngày sẽ được nghìn việc, may được phần nào là thỏa lòng mong mỏi của trẫm phần ấy. Có người nói bỏ tục cũ thì đất nước suy, lại có người bảo thay đổi lề thói cũ thì sẽ hưng thịnh. Không biết các khanh cho như thế nào là đúng, cứ như trẫm nghĩ tất sẽ thịnh, chứ có lí nào lại suy?".

Mùa hạ, tháng 4, đúc tiền *Đồng Khánh thông bảo* (làm theo như đồng tiền lớn thời Minh Mệnh, gờ viền hơi cao và dày, cứ mỗi đồng ăn 10 đồng tiền kẽm).

Tháng 5, quan Toàn quyền Đại thần thương nghị xin qui định về quyền hạn của quan Kinh lược Bắc Kì. Viện thần Viện Cơ mật tâu trình rằng đây là việc trọng đại, [22a] xin vua xuống Dụ cho được trọng thể. Dụ viết rằng:

> "Cả xứ Bắc Kì đất rộng, dân đông, lại ở xa cách Kinh sư, việc công có nhiều khi phải khẩn cấp giải quyết, do vậy cần đặt ra vị trí quan to ở tại Hà Nội, chuẩn trao cho quyền hạn lớn để

tiện nghi hành sự cho được mau chóng thông suốt. Nay đã đặt chức Bắc Kì Kinh lược sứ, truyền từ nay trở đi, phàm mọi công việc thuộc Bắc Kì chuẩn do Kinh lược sứ thay mặt nhà vua đứng ra giải quyết, chỉ riêng đối với các điều khoản đã được qui định trong hòa ước về chức trách của quan Kinh lược, quan nước Đại Pháp và các quan nước An Nam thì Kinh lược sứ không được quyền thay đổi. Mặt khác, Kinh lược sứ trong khi được chuẩn trao cho quyền được tiện nghi hành sự, mỗi khi quyết định một việc gì đều phải đem sự việc tâu bảo về để biết cho hợp thể chế".

Tháng 9, [22b] mệnh tu soạn sách *Bản quốc cương giới vựng biên*, lấy Lại bộ Thị lang Hoàng Hữu Xứng phụ trách việc này. Hữu Xứng nghĩ soạn ra phần Phàm lệ gồm 12 điều, được vua chuẩn y cho thực hiện. Đến tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 2 thì hoàn thành bộ sách. Chuẩn thăng thưởng cho những người tham gia theo các mức khác nhau.

Tháng 11, cấm các quan Đốc, Phủ không được soạn tập tâu xin thăng trật cho các quan chức Bố, Án, Lãnh binh ở cùng một thành.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Tháng 4 nhuận, quan Quốc sử quán tâu rằng, về các sự kiện trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm Tự Đức thứ 36 trở đi cho đến tháng 8 năm Hàm Nghi nguyên niên trở về trước, trong đó có xảy ra những sự biến khác nhau mà việc định ra danh nghĩa của nó rất quan trọng [23a] để làm tấm gương cho muôn vạn đời sau soi vào mà công luận đánh giá đúng sai. Cách biên chép những sự kiện đó như thế nào Sử quán của chúng thần không dám đề xuất. Vậy xin ban sắc chỉ xuống cho các Tôn nhân, Đình thần cứu xét rõ ràng trong điển lễ để phúc nghĩ định ra ý nghĩa của từng sự việc chờ phán xét thỏa đáng rồi giao lại cho chúng thần tuân theo thực hiện. Vua phê rằng:

"Theo trình bày của Sử thần thì đây là việc rất lớn lao và quan trọng, vậy truyền giao cho bá quan cùng hội đồng nghiên cứu xác thực, đề xuất ý kiến thỏa đáng nên đánh giá như thế nào cho công bằng đúng mực, để cho đời sau không còn nói ra nói vào được điều gì, đó thực là lòng mong mỏi của trẫm".

Vua phán rằng:

"Ngày trước, sau khi xảy ra sự biến, đường sá trở ngại nên công văn nhiều khi bị làm giả, vì thế đã theo lời bàn xin đặt qui định [23b] trên các bản tư trình tấu sớ ở chỗ đề tên đều phải dùng tay kí tên vào. Chiếu theo cách đó thì bản sớ sau khi viết xong rồi trình lên thượng quan điền tên vào. Như thế so vào trong thể lệ (phàm các bài văn bên ngoài quan hữu ti soạn viết xong tên ngự danh rồi đợi vua ngự điền vào) thì rất tương tự với nhau, thành thử điều nghị bàn đó còn chưa ổn, chẳng qua chỉ là nhất thời linh hoạt thay đổi để cho phù hợp mà thôi, nếu cứ để dùng như thế lâu thì cũng khó coi. Vì vậy việc này nên chấm dứt để khỏi sai thể chế. Từ nay trở đi, phàm các bản chương tấu chuẩn phải đóng dấu kí tên, các tờ tư báo bên dưới dòng ghi niên hiệu phải để rõ chức hàm, tên họ rồi dùng tay kí tên lên hai chữ "công văn" (ví dụ như "Đồng Khánh năm thứ hai, tháng 3, ngày 13. Tuần phủ Quảng Bình Quảng Trị Nguyễn Văn Thi công văn"). Như thế mới hợp với sự tôn kính mà tránh được những trở ngại khác, niên hiệu của vua để bên trên, tên của bề tôi đặt bên dưới, ý nghĩa phù hợp. Lời phê này Bộ thương nghị với các Chính khanh sao cho thỏa hợp không cần phúc tâu lại đem thông báo rộng rãi để mọi người biết mà thi hành".

Tháng 12, Kiểm Đô sát viện Hồ Lệ tâu rằng, trước đây đã vâng chuẩn may cho mỗi quan viên một bộ nhung y [24a] để mặc khi đi theo hầu quan Pháp hoặc vào những dịp lễ tiết đón tiếp Quí quan. Nhưng gần đây thấy có người lại dùng mặc cả vào những buổi chầu

binh thường hoặc ở nhà riêng khi trời rét. Như thế là dùng tiền công vào việc riêng, không tỏ ý trân trọng, khiến áo chóng hỏng. Nay xin đưa những bộ áo ấy vào giữ tại công sở, khi có việc thì tới nhận mặc vào, xong việc lại nộp vào cất giữ, đặt hạn cứ 6 năm thì thay áo mới. Nếu chưa đến hạn mà áo đã sờn rách thì trách bắt người coi giữ phải bồi thường để biết coi trọng của công. Người nào dùng mặc không đúng lúc xin nghị xử phạt theo điều luật về ăn mặc vi phạm qui cách. Vua phê rằng:

> "Thói tệ này không thể coi nhẹ. Bữa trước khi trẫm vào bái yết tôn miếu cũng tận mắt nom thấy Miên Dung cũng bận bộ áo này mà chẳng thấy Phủ thần nhắc nhở, huống chi các quan binh thì còn bừa bãi đến thế nào. [24b] Dung tính càn rỡ nhưng chưa đến mức chịu phạt, vẫn chỉ do Phủ sức đòi y đến nhắc nhở nghiêm khắc mà thôi. Từ nay trở đi đã có điều cấm rồi, nếu vẫn cứ tiếp tục như trước tất phải chịu trọng tội".

Chuẩn cho ấn quan văn võ từ nay trở đi, trong phạm vi một sảnh một nha nếu có những người quê quán ở cùng một huyện mà thường ngày có quan hệ thân mật thì cho thực hiện phép hồi tị; trong phạm vi cùng một sảnh một bộ, nếu đều là người một địa phương, hoặc trong 4 người cùng một lị sở có đến 3 người cùng địa phương thì cũng cho thực hiện hồi tị. Nếu ở cùng một lị sở, nguyên trong 3 người mà đã có 1 người thuộc địa phương khác, hoặc trong 4 người đã có 2 người thuộc địa phương khác thì đều miễn hồi tị. Còn đối với quê mẹ, quê vợ thì tạm thời phải trình báo sự thực rõ ràng, có được tiếp tục giữ chức hay phải hoán đổi sẽ đợi chỉ quyết định. Ngoài ra các trường hợp khác thực hiện theo lệ đặt năm Thiệu Trị thứ 4. (Đối với nha môn thuộc bên ngoài Kinh, nếu giữa những người trong một nha môn có quan hệ ruột thịt phải để tang từ hàng ti ma trở lên, những người có quan hệ thông gia như bố chồng của con gái, bố vợ của con trai và trường hợp những người bên họ vợ có quan hệ tình

cảm khá thân thiết với người chồng như [25a] anh chị em ruột của vợ thì đều phải thực hiện hồi tị. Còn ngoài ra các trường hợp khác như không có quan hệ họ hàng phải để tang, họ hàng xa, họ hàng bên vợ mà không quan hệ thân thiết, họ hàng bên thông gia, anh em của thiếp, những người cùng ở một nhà, đồng hương thì dù đang thuộc cùng một nha cũng được miễn hồi tị).

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Mùa xuân, tháng Giêng, quan Quốc sử quán đệ phiến xin kính biên soạn *Thực lục* về Giản Tôn Nghị Hoàng đế nối tiếp làm kì thứ 5, còn lại Thụy Quốc công xin chép nguyên tước, Lãng Quốc công xin chép là Phế đế, đều phụ biên vào sau tháng 6 năm Tự Đức thứ 36; Hàm Nghi xin chép là Xuất đế, phụ biên vào sau tháng 6 năm Kiến Phúc nguyên niên. Bắc Kì Kinh lược Đại sứ Nguyễn Hữu Độ đã duyệt cho là phù hợp, các Tôn nhân, Đình thần tuân đem lời nghị bàn đó tâu lên. [25b] Vua phê rằng:

> "Xét lời trình bày dẫn chứng đã rõ ràng thì danh nghĩa ắt phù hợp, duy xét về tình thế thì hai người không giống nhau, nên vẫn có chỗ còn chưa được ổn lắm, tuy nhiên cũng chưa hẳn rõ ràng, nên tạm làm theo như lời đề nghị".

Tháng 3, Đình thần ban văn đệ phiến tâu rằng Khoa đạo Hoàng Bá Tuy trình lên Viện trưởng một việc rằng mỗi khi ở Viện có điều gì cần góp ý uốn nắn thì nên chiếu theo nghị định vốn có trong Hội điển (một khoản trong đó nói rằng, ở Viện mỗi khi có điều gì cần trình bày, đề xuất uốn nắn thì đều phải trình ra trước hội đồng thẩm xét xác đáng rồi mới được cùng vào tâu lên. Nếu Viện trưởng cố ý cản trở từ chối thì không ngại cứ thực tâu trình) hay phải tuân theo lời vua phê vào những năm gần đây (Tháng Giêng năm Tự Đức thứ 26, Khoa đạo Tô Huân đệ tờ phiến nghĩ thỉnh về một bản án ruộng đất do các quan Bộ Hộ nghĩ xử, ở chỗ bên lề đoạn nói đã trình Viện trưởng khâm phụng có lời vua phê rằng: "Lệ không có chuyện như thế này. Khoa đạo tuy ở trật thấp nhưng chức trách quan trọng, dù

Viện trưởng có từ chối thì vẫn được đề xuất uốn nắn, dẫn tới có lệ chuyên tấu". Tháng 7 năm Tự Đức thứ 31, trên tờ phiến do các quan Khoa đạo tâu xin [26a] các điều về tinh giản các quan viên cao cấp và giải quyết các vụ án tồn đọng, ở chỗ bên lề đoạn nói đã trình Viện trưởng cũng lại khâm phụng có lời vua phê rằng: "Có lệ như thế ư? Không có lệ cho phép Khoa đạo được chuyên ý như thế. Nếu có chuyện trình lên mà từ chối thì đó không phải là bản ý khi đặt quan chức vậy") để cho nhất quán và tiện tuân hành, kính xin đợi chỉ quyết định. Vua phê rằng:

> "Theo trình bày trích dẫn của bản phiến tâu về việc tuân theo ý chỉ của liệt Thánh, thì tuy lời phê có khác nhau nhưng ý dạy bảo đều hết sức nghiêm minh, chỉ bởi sau đó khi thừa hành không biết giải thích ý chỉ của vua cho tỏ tường, dẫn tới cách hiểu sai khác mà thôi. Cũng như những bộ sách *Tứ thư, Ngũ Kinh*, nếu không có những chú thích của Chu tử thì kẻ hậu học e khó mà phát huy được thấu đáo. Về điều khoản này, hiện cần phải dịch nghĩa ra cho rõ ràng một lần để tiện tuân hành. Vả lại chức Khoa đạo đặt ra là cốt để rộng mở đường ngôn luận, như thế tức là ở đó đã có bao hàm trách nhiệm chuyên tấu, để trên có thể chỉnh sửa lòng vua, dưới có thể vạch rõ lỗi của thần thứ. Bởi thế từ xưa đã có những cơ quan mang tên Đài gián, Tranh viện, mục đích thực là rất tốt đẹp. Khi vua có lỗi thì can ngăn, đó mới chính là yêu quí vua, mong muốn vua sớm nên đức sáng, đừng thấy thế mà suy diễn ra điều tiếng này nọ. Người có tri thức hiểu biết luôn nghĩ rằng tình nghĩa và bổn phận có liên quan với nhau, không nỡ để người khác biết những lỗi nhỏ của nhà vua, nên mới phải ngầm mách bảo, hoặc nhân lúc nhàn tản đem nói thẳng với vua để xem đức độ. Còn nếu cứ mỗi khi ngó thấy vua có thiếu sót gì bèn cho là không được tận thiện tận mĩ như Nghiêu Thuấn, thế rồi uốn ba tấc lưỡi mà khua múa câu chữ,

rõn cợt phép tắc, như thế thử hỏi tình nghĩa và bổn phận bỏ đi đâu, có còn được coi như con người nữa không? Vì thế đức Khổng tử có câu "Ít nói lời sai"[1], trộm nghĩ trong lời dạy đó chứa đựng đạo trời sâu sắc biết bao. Há không biết rằng trong luật có điều cấm không được ăn nói bừa bãi, nếu cứ cậy mình là Khoa đạo rồi luôn nghiêng đầu ghé tai nhỏ to thì thầm đàm tiếu với nhau [26b], hoặc chỉ nói mà không làm, những chuyện vụn vặt tầm thường cũng đem ra nói trước mặt vua, hoặc là có làm mà không nói, Khoa đạo như thế thì làm sao biết làm tròn chức phận phát ngôn. Lẽ nào cũng lại không biết Kinh Thư có câu rằng "Lòng nhân chính là lời nói" đó sao? Nhẫn tâm dẫn dắt khép người vào tội lỗi, người ta mắc vào tai vạ thế nào cũng không từ. Gần đây những việc làm như thế rất nhiều điều trái lí. Vả lại trình ra công đường nhưng lại sợ rằng có sự che dấu ém đi khiến khó thấu đạt lên bề trên, còn không trình thì chức Phó đô đặt ra làm gì mà để vẫn còn sự sai trái phạm lỗi, mà lẽ nào Viện trưởng có thể chối được tội thất sát đồng thời còn gia thêm lỗi không tròn chức trách. Sự thể như thế biết nói làm sao. Về việc Khoa đạo phát hiện và cử hặc, từ nay trở đi phải điều tra xem xét rõ ràng, chỉ trừ những việc trọng đại liên quan đến quân sự và quốc gia thì chiếu lệ được mật trình ra, còn lại những điều tai nghe mắt thấy thuộc loại tầm thường thì cũng phải trình ra công đường, nếu quả công đường có liên quan ấy có ý riêng tư mà bưng bít cản trở thì làm văn bản trình Viện liên danh tham tấu lên chờ phán xét. [27a] Trong Viện nếu có ai không chịu cùng trình tấu thì tra xét riêng cho rõ ràng mà

---

[1] Nguyên văn là "Ngôn quả vưu". *Luận ngữ* chép: Tử Trương muốn học làm quan, Khổng Tử dạy rằng: Ít nói điều sai trái, ít làm chuyện phải hối hận thì sẽ được có lộc.

luận thành tư tội vi phạm qui chế. Nếu trong những cuộc trò chuyện tào lao, mới nghe thấy điều gì liền coi làm bằng chứng, rằng người trong cùng một nha một bộ có hiềm khích gì mà sinh sự hại nhau, Khoa đạo ngồi hóng ở bên mà lại dám coi là chuyện xác thực đem tấu lên. Đến khi cứu xét theo pháp luật người ta không nhận, hoặc có người bị oan, thế thực là đem oán hận đổ vào đầu vua. Những việc đại loại như vậy là vi phạm phép công. Hoặc có người nào, sự việc nào đã bị Khoa đạo tố cáo mà lại dám vì tình riêng mà bao che để lại mối lo về sau thì cũng bị xử nặng. Ý của trẫm là như thế, vậy giao cho quan ban văn xem duyệt lại, nếu thấy có thể thực hành được thì lấy đó làm thành lệ dùng lâu dài".

Bắt đầu thực hiện việc phong tặng cho mẹ đẻ của các Công tử là ấn quan. Bấy giờ Quang lộc tự khanh, lãnh Lại bộ Thị lang Lương Thành và Hồng lô tự khanh, Tả lí Lại bộ Hồng Uẩn đều làm ấn quan nhưng theo lệ thì Công tử không được phong tặng. [27b] Đình thần tâu lên rằng, việc phong tặng đối với Công tử, vì từ trước các Công tử không có ai ra làm quan nên chưa đặt ra. Gần đây mới có nhiều vị là Công tử xuất sĩ làm đến ấn quan. Nếu cứ vin vào cớ từ trước không có định lệ mà không chuẩn phong tặng, thì chiếu theo nghĩa "mẹ được vinh hiển nhờ con" tất e có phần thiếu sót, đồng thời xét giữa các quan với nhau không khỏi có sự thiên lệch vinh khô. Nghĩ nên châm chước xem xét bổ sung cho trọn cả về tình và về lẽ. Vậy xin cho từ nay trở đi, Công tử mà làm quan đến hàng ấn quan, trừ những trường hợp có cha thuộc hàng Vương công, vinh sủng đã cao, người mẹ tất phải được phong tặng ra, còn lại đối với những người mẹ của họ vốn đã xứng đáng ngang với Phủ thiếp thì đều nên phong tặng theo lệ đối với quan viên, để mọi người đều được hưởng ân trạch và làm sáng tỏ hậu đạo. Vua chấp thuận. Lệ phong tặng cho Công tử ấn quan được bắt đầu thực hiện từ Lương Thành và Hồng Uẩn.

[28a] Tháng 6, định rõ lệ dâng tờ tâu. Trước đây, Nguyễn Trung ở Lại ty gian dối khi điền vào bản danh mục quan lại (trong bản thảo chọn bổ, mạo đem Phạm Tường điền vào chỗ khuyết lại mục An Dương). Quan Khoa đạo Trần Sán làm bản phiến tâu chỉ trích. Sau đó Kiêm Phó Đô thống Hồ Lệ cho rằng Trần Sán tự tiện dâng phiến mà không trình Viện trưởng, bèn lên tiếng xin cho giải chức Sán. Bộ Hình cho rằng việc Trần Sán làm phiến chỉ trích là thuộc khoản nặng không tuân theo nghị định (Nghị định năm Đồng Khánh nguyên niên chuẩn cho ấn quan và Khoa đạo, trừ trường hợp xin cáo nghỉ và những sự việc tầm thường ra, nếu có tâu riêng việc khác thì đều phải làm tập tâu giao ghi phiếu), nên làm tập tâu xin chiếu luật vi phạm qui chế để xét xử (giáng 4 cấp, ly chức). Vua phán rằng: "Nghị định trước chưa hợp (nghị chuẩn năm nguyên niên). Huống chi Giám sát Ngự sử mỗi khi có việc chỉ trích thì lại qui tội cho người tham tấu, e rằng sau này mọi người nghe biết, lâu ngày lấp đường ngôn luận, thì đặt ra Lục khoa để làm gì. Nếu viện theo nghị định hồi trước khép Sán vào tội vi phạm qui chế để giáng chức ly chức thì sợ rằng có thiên lệch". Sau đó Đình thần nghị bàn xem xét lại, cho rằng việc Sán chỉ trích là có thực, [28b] xin đổi mức phạt thành giáng 4 cấp lưu. Còn Hồ Lệ đối với việc Trần Sán tham tấu lúc đầu chưa rõ có thực hay không đã xin giải chức của Sán, cũng thuộc tội không nên làm (điều luật về việc không nên làm), nên phạt giáng 2 cấp, lưu. Đồng thời xin định rõ lệ phiến tấu. Vua nghe theo và xuống Dụ rằng:

> "Triều đình đặt quan phân chức với cấp bậc khác nhau, mà thể cách tâu bày cũng rành mạch không rối loạn. Triều ta định ra qui chế cho phép Ấn quan, Đài quan được tâu trình công việc, từ trước tới nay vẫn được tuân thủ, không dám vi phạm, điển chương rõ ràng nghiêm minh biết bao. Năm trước Viện Cơ mật đệ phiến tâu xin đem việc Y phó Vũ Đức Hậu đã vượt bổn

phận tâu trình ra nghị xử, và nghĩ xin rằng Ấn quan và Khoa đạo khi có việc cần tâu riêng một khoản nào [29a] thì phải làm tập tâu giao ghi phiếu mà không được tự tiện làm tờ phiến tâu. Đó là để phòng những trường hợp kẻ dưới thấp bé tùy tiện tiếp cận bề trên. Trẫm đã xem tấu và chuẩn cho Vũ Đức Hậu phải chiếu theo điều luật soạn văn thư phạm luật mà bị phạt 100 trượng, cách chức lí dụng, rồi xuống Dụ cho thi hành. Gần đây, xét chuyện Khoa đạo Trần Sán tham tấu chỉ trích Nguyễn Trung, rồi Viện trưởng của y là Hồ Lệ lại lên tiếng tham tấu việc của Trần Sán, cả hai đều không làm tập tâu, thế mà đối với Hồ Lệ thì cho rằng là Đường quan chỉ trích thuộc viên nên được soạn phiến tâu, còn đối với Trần Sán thì lại kết tội vi phạm qui chế, mọi người bàn luận chưa ngã ngũ về phía người nào, biết theo cách nào cho thích hợp. Nhân nghĩ rằng Khoa đạo dẫu không phải ấn quan nhưng việc đàn hặc trước nghi trượng hay bằng văn bản lại là chức sự của họ. Phẩm trật thấp nhưng trách nhiệm nặng, so với thuộc viên các nha bộ sự thể cũng đã có khác. Huống hồ có làm phiến tâu chỉ trích chuyện gì đều phải cùng với nha có liên quan trao đổi nghĩ định, nếu nhất nhất việc gì cũng đều phải làm tập tâu thì không những rất phiền hà mà còn kéo dài chậm trễ ngày giờ, đôi khi không tránh khỏi phát sinh thêm chi tiết. [29b] Trẫm cứ suy nghĩ mãi về điều đó. Lần này nghị chuẩn của Viện thần là rất không thỏa đáng. Không làm sáng tỏ được qui chế cũ thì làm sao thể hiện rõ được những cái mới bổ sung, từ đó mới đảm bảo sự nhất quán để giữ nghiêm kỉ cương triều chính. Chỉ trừ các phủ, tỉnh ở bên ngoài khi dâng thư tâu về thì phải thực hiện theo lệ ra, truyền từ nay trở đi, đối với nha môn các bộ, viện nếu có việc gì cần tâu thuộc về việc công, xin cáo nghỉ, những việc tầm thường, hoặc chấp tấu hay chỉ trích tham tấu việc gì thì được phép làm tờ phiến tâu dâng

lên cho khỏi phiền phức. Còn lại, khi muốn điều trần thỉnh xin mà sự việc có liên quan đến nghị luận, có tình tiết quan trọng thì đều phải chiếu theo lệ làm tập tâu rồi giao cho nha có liên quan làm phiếu nghĩ xét, không được tự tiện làm phiếu tâu. Khoa đạo cũng phải thực hiện giống như ấn quan. Còn thuộc viên ở các nha thuộc bộ nếu cần tâu bạch việc gì đều phải qua cấp trên để đạt thay, tuyệt đối cấm không được làm tập tâu hay phiến tâu bừa bãi. Người nào dám vi phạm vào các điều nêu trên chuẩn cho khép vào tội vi phạm qui chế. Như thế để tiện tuân hành và giữ nghiêm qui tắc làm quan. [30a] Truyền sao chép thông báo rộng rãi Dụ này cho mọi người cùng biết mà tuân hành".

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU
QUYỂN VI

BANG GIAO

[1a] Năm Hàm Nghi nguyên niên [1885]. Tháng 8. Lễ tấn quang cử hành xong, mệnh soạn quốc thư gửi triều đình Pháp. Thư viết rằng:

"Nay nhờ có oai linh ân sủng bảo hộ của Quí quốc khiến tệ quốc chúng tôi bảo tồn được tôn xã sau cơn suy vong, ơn huệ ấy thực là to lớn, kính cẩn có lời đa tạ. Mối giao hảo giữa tệ quốc với Quí quốc đã có từ lâu. Ngay từ hồi đầu Thế tổ Cao hoàng đế chúng tôi tiến hành cuộc trung hưng đã được Quí quốc giúp đỡ rất nhiều. [1b] Đến thời Dực tông Anh hoàng đế, hai bên giảng hòa, củng cố tình hữu hảo, trong suốt hơn hai mươi năm không hề có chút nào hiềm khích. Điều đó muôn nước trong thiên hạ cùng đều đã biết cả. Chẳng may trời không thương đến, Hoàng khảo tôi bỗng rời bỏ thế gian, bọn quyền thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết trí trá lộng quyền trong nước, thả ý làm càn. Ngày 23 tháng 5 năm nay Kinh thành thất thủ, loan giá phải di dời. Hai kẻ đó chính là đầu mối của tai họa này. May nhờ Quí quốc rộng lượng, không nỡ để nước tôi tuyệt dòng dõi, cướp lấy đất đai và dân chúng, để cho quả nhân được vào kế nối ngôi cao, làm chủ xã tắc. Lại nhờ được các qui ngài Đô thống Đại thần

Cô Tư [1], Phó Đô thống Đại thần Ba Duy Đam[2], Khâm sứ Đại thần Sam Bô[3], Lại bộ Thượng thư Đại thần Sinh Bích[4] cùng hợp sức [2a] vun vén chu toàn, để cho mọi việc đều được ổn thỏa. Sông núi cỏ cây nước Đại Nam lại có được ngày nay đều là nhờ có công ơn của Quí quốc. Lòng nhân việc nghĩa ấy, muôn nước đều khen, chứ đâu phải chỉ riêng tệ quốc mới thực lòng đội ơn. Vả lại tệ quốc nằm hẻo lánh ở góc trời này, từ xưa đến nay việc hòa hảo chỉ có thần dân với nhau, nên luôn mang lòng nghi ngại, thực chỉ sợ Quí quốc không bao dung cho. Nay Quí quốc vừa lấy được về tay liền đem trả lại, rồi lại nhận làm Bảo hộ. Sau chuyện này mới biết Quí quốc vốn không có lòng giành lấy nước Đại Nam mà chỉ muốn nước Đại Nam ngày càng tiến tới giàu mạnh để sánh vai cùng với các nước trong thiên hạ, thế thực là công tâm biết bao. Riêng quả nhân này vì tài hèn đức mỏng, rất e không gánh vác nổi, nên sớm tối lo sợ không biết làm thế nào. Những mong Quí quốc che chở giúp đỡ để được cùng hưởng phúc hòa bình, đó thực là mong mỏi lớn lao của chúng tôi vậy".

[2b] Biểu dương các vị Đại thần của Quí quốc: Đô thống Đại thần Cô Tư làm Bảo Hộ Quận vương; Phó Đô thống Đại thần Ba Duy Đam làm Bảo Hộ công; Khâm sứ Đại thần Sam Bô làm Bảo Quốc công; Lại bộ Thượng thư Đại thần Sinh Bích làm Hộ Quốc công.

Tháng 9, Khâm sứ Sam Bô về nước (Phó Đô thống Ba Duy Đam lên thay quyền), Chuẩn trích phẩm vật đem biếu tặng cho.

Năm Đồng Khánh Ất Dậu [1885], tháng 12, Đô thống Cô Tư về

---

[1] *Cô Tư*: phiên âm tên tiếng Pháp De Courcy.

[2] *Ba Duy Đam*: phiên âm tên tiếng Pháp Prudhomme.

[3] *Sam Bô*: phiên âm tên tiếng Pháp De Champeaux.

[4] *Sinh Bích*: phiên âm tên tiếng Pháp Silvestre.

nước (Tham tán Hoa Nê[1] lên thay quyền), chuẩn ban tặng cho Kim tiền Kim khánh hạng lớn cùng với các phẩm vật.

[3a] Năm Đồng Khánh nguyên niên [1886]. Mùa xuân, tháng Giêng. Ngày tết Nguyên đán, Phó Đô thống Ba Duy Đam đích thân dẫn các Quí quan vào bái yết chúc mừng. Chuẩn sai quan Viện Cơ mật ra đáp lễ.

Triều đình nước Pháp tặng vua huân chương Bội tinh hạng nhất. Quan Viện Cơ mật tâu trình lên, vua phán rằng:

> "Thực đội ơn Đại Hoàng đế Quí quốc còn tưởng nhớ tới tình nghĩa suốt hơn hai chục năm với Hoàng khảo ta, dù có thế nào cũng đều là do bọn nghịch thần gây ra mối nghi ngờ giữa hai bên, đến nay lại có được đặc ân chưa từng có này, quả là tình nghĩa ưu ái hết mực khiến kẻ nhỏ mọn này trong lòng cảm thấy vô cùng cảm kích và lấy làm hân hạnh hết mức".

[3b] Chuẩn mệnh Nguyễn Hữu Độ làm Toàn quyền Đại thần, Nguyễn Thuật làm Phó Toàn quyền để cùng với Quyền Khâm sứ Hách Tô[2] trao đổi cho nhau bản hòa ước chung và bản thỏa thuận về mỏ. Trước đó, bản hòa ước gồm 19 điều tháng 5 kí năm Giáp Dần và bản thỏa thuận về mỏ gồm 4 điều kí tháng Giêng năm Ất Dậu hai bên vẫn chưa trao đổi cho nhau. Đến giờ quan Đô thống Đại thần ủy quyền cho quan Khâm sứ Hách Tô cùng với các quan bản quốc cử hành lễ trao đổi văn bản hòa ước, lấy ngày 20 tháng này Đại thần hai bên cùng mang sắc thư đến nơi. Ngày 21 phiến tâu báo về lễ trao đổi văn kiện đã hoàn thành. Vua phê rằng:

> "Phiến của Viện thần tâu báo lễ trao đổi đã hoàn tất khiến quả nhân thấy yên lòng và vui mừng khôn xiết. Kính chúc Đại Hoàng đế Quí quốc vạn an, Văn võ bách ban Quí quốc mạnh

---

[1] *Hoa Nê*: phiên âm tên tiếng Pháp Warnet.

[2] *Hách Tô*: phiên âm tên tiếng Pháp Hector.

khỏe, yên vui để củng cố tình giao hảo giữa hai nước, khiến cho tiểu quốc mãi mãi được hưởng ân huệ bảo hộ, [4a] đem lại mỗi ngày thêm những điều bổ ích. Đó là điều mong mỏi to lớn của quả nhân vậy".

Vì lễ trao đổi văn kiện hòa ước đã hoàn tất, chuẩn soạn quốc thư, sắp sửa phẩm vật mang sang tặng triều đình nước Pháp. Lại mệnh Huân thần Nguyễn Hữu Độ ra Hà Nội chào hỏi và trình bày ý định.

Chuẩn tặng cho Giám quốc của Quí quốc Du Lê Kì Lê[1] Long bội tinh hạng nhất và một bức thư viết rằng:

"Từ lâu hạ quốc được ngài che chở, ơn ấy sánh tày núi cao biển rộng. Chúng tôi định nhờ các Quí quan từ nơi xa kính tặng tới ngài tấm huân chương Kì khôi long tinh để bày tỏ chút lòng thành. Xin gửi trước tới ngài bức thư này, rất mong được xem xét cho".

Phó Đô thống Ba Duy Đam trở lại Bắc Kì. Chuẩn mệnh Viện thần mang biểu tới phong tặng cho Kim bài thể trục và nhiều đồ vật.

[4b] Tổng lãnh sự Pháp Địch Long[2] đến tiếp nhận công việc Khâm sứ (quan Khâm sứ cũ là Hách Tô vẫn còn ở lại).

Nước Đại Pháp mệnh Côn Pha (còn gọi là Bân Bi) sang làm Toàn quyền Đại thần. Viện Cơ mật tâu rằng, tục nhiều nước đông tây đều trọng danh tiếng, các bậc sĩ phu có kiến thức thường lấy làm vinh dự mỗi khi được chọn bầu vào vị trí cao quí, quan trọng. Vì vậy chuẩn bầu Côn Pha là Hàn lâm viện Trực học sĩ.

Toàn quyền Đại thần Côn Pha vào Kinh làm lễ triều yết tại điện Thái Hòa. Tặng cho ông ta huân chương Long tinh hạng nhất.

[5a] Tháng 5, Vua ngự giá thân chinh. Lúc loan giá sắp lên đường,

---

(1) *Du Lê Kì Lê*: phiên âm tên tiếng Pháp Freycinet.

(2) *Địch Long*: phiên âm tên tiếng Pháp Dillon.

Quí quan Phó Đô thống và Khâm sứ Đại thần đều ra tiễn. Vua ra sắc an ủi dặn dò hai người rằng:

"Quả nhân tạm phải xa rời Kinh thành, quả nhân cùng với bá quan đều cảm thấy buồn. Nhưng đem lại bình yên cho dân chúng là nghĩa vụ quan trọng của kẻ làm vua, dẫu có xông pha gian khổ cũng không từ. Nghĩ rằng trong đám thần dân hoặc cũng chỉ có một hai phần xảy chân lỡ bước, ngoài ra còn có rất đông những người trung nghĩa. Chuyến đi này lại được binh sĩ Quí quan giúp đỡ, cho nên nhất định sẽ sớm định yên được thiên hạ. Còn việc chăm nom Lưỡng cung và giữ gìn Kinh thành may nhờ có Quí Đại thần ra tay bảo hộ, cùng với các quan của bản quốc còn ở lại Kinh thành hợp sức sắp xếp công việc cho ổn thỏa [5b] tất sẽ muôn phần đảm bảo không có gì đáng e ngại nữa cả".

Lại xuống sắc rằng:

"Gần đây tình hữu nghị giữa hai nước trở nên khăng khít. Quả nhân chuyến này ra đi là để an dân, lại được binh sĩ của Quí quan đi theo hộ vệ, tình càng thêm nồng, nghĩa càng thêm thắm. Nếu được thành công trót lọt thì đó chính là nhờ cả ở công lao chủ trì của Quí Toàn quyền Đại thần và các Quí Đại thần vậy. Kính nhờ Quí Đại thần điện báo về xin Quí Toàn quyền Đại thần soi xét biết cho tâm tình ngày thêm kính trọng và cảm kích của quả nhân".

Tháng 5, Toàn quyền Đại thần Côn Pha dự thảo ra ba điều lệ tư cho Viện Cơ mật để nghị bàn xem xét lại. Viện thần cho rằng các khoản điều lệ này đã rất hợp, chỉ cần châm chước cắt sửa chút ít rồi tâu xin chuẩn cho thi hành.

Ba bản điều lệ đó là:

Điều lệ về cấm chuyên chở súng ống đạn dược (Khoản 1: Các

loại súng đại bác, súng máy cùng đạn dược, súng điểu thương và tất cả các đồ thuộc về binh khí đều không được chuyên chở vào trong nội địa bản quốc. [6a] Khoản 2: Chỉ những quan Đại Pháp đóng ở trong nước để làm việc bảo hộ và những thương nhân người Đại Pháp có giấy phép do quan Công sứ hoặc Phó Công sứ cấp mới được phép chuyên chở binh khí vào bản quốc, nhưng trên giấy phép phải ghi rõ người chủ chuyên chở, chuyên chở đi đâu, binh khí chuyên chở gồm những loại nào, mỗi loại số lượng bao nhiêu, nhập vào qua cửa biển của tỉnh nào. Khoản 3: Trừ những người được phép chuyên chở loại hàng này như đã nói ở khoản 2 ra, còn lại bất cứ người nào hễ tự tiện đem binh khí nhập cảnh, thì tất cả các vật cấm ấy đều bị tịch thu đưa vào kho, còn người vi phạm sẽ bị trị tội theo pháp luật).

Điều lệ về nhà nước được quyền lấy ruộng đất tư sung làm việc công mỗi khi việc có liên quan đến lợi ích chung. (Khoản 1: Phàm những việc vì công ích của nhà nước mà phải mở rộng lấn vào ruộng đất tư của chủ nào, nếu đã có Chỉ của triều đình chuẩn y, hoặc đã qua các quan bảo hộ nước Đại Pháp hội đồng quyết định và đã được quan Toàn quyền Đại thần nước Đại Pháp chấp thuận y cho, thì ruộng đất tư đó phải sung công và được chiếu lệ trả lại bằng tiền. Khoản 2: Lệ về trích lấy ruộng đất tư sung công chuẩn cho quan Toàn quyền nước Đại Pháp định đặt).

Điều khoản về chuẩn định quyền chức Kinh lược Bắc Kỳ (Cả xứ Bắc Kì đất rộng, dân đông, lại ở xa cách Kinh sư, việc công có nhiều khi phải khẩn cấp giải quyết, do vậy cần đặt ra vị trí quan to ở tại Hà Nội, chuẩn trao cho quyền hạn lớn để tiện nghi hành sự cho được mau chóng thông suốt. Nay chuẩn đặt chức Bắc Kì Kinh lược sứ, truyền từ nay trở đi, phàm mọi công việc thuộc Bắc Kì chuẩn do Kinh lược sứ thay mặt nhà vua đứng ra giải quyết, chỉ riêng đối với các điều khoản đã được qui định trong hòa ước [6b] về chức trách của quan Kinh lược, quan nước Đại Pháp và các quan nước An Nam

thì Kinh lược sứ không được quyền thay đổi; mặt khác, Kinh lược sứ trong khi được chuẩn trao cho quyền được tiện nghi hành sự, mỗi khi quyết định một việc gì đều phải đem sự việc tâu báo về để biết cho hợp thể chế. Điều lệ này được làm thành lời Dụ để cho được trọng thể).

Quan Toàn quyền gửi thư đến nói rằng: Về số vàng bạc thì một nửa giao trả cho nước ta, còn một nửa chở về đúc lại thành tiền đồng bạc, đồng thời dùng để cấp lương 2 năm cho lính tập binh và chi phí vào các công việc khác. Vua chuẩn cho Hộ bộ Thị lang Hồ Lệ và Hộ lý Nội vụ Nguyễn Huề hội đồng cùng với quan Pháp kiểm nhận. (Phần của nước ta, về bạc thỏi và tiền đồng các hạng cộng nặng 78.421 cân, về tiền vàng gồm 594 đồng, cộng nặng 11 cân. Phần của Quí quốc: về bạc thỏi cộng nặng 32.235 cân ; về vàng thỏi, kim bài và tiền cộng nặng 3.005 cân, đều cân bằng loại cân của nước Xích Mao, mỗi cân ngang với 11 lạng 8 tiền theo loại cân ngang). Hai bên làm giấy biên nhận rồi trao đổi lẫn cho nhau làm lưu chiểu.

Tháng 8, Toàn quyền Đại thần Côn Pha vào Kinh dâng tiến những tặng vật của Quí Giám quốc. Khi ông ta trở về, [7a] vua chuẩn đem đồ vật ra tặng.

Tháng 9, Toàn quyền Đại thần Côn Pha gửi thư đến nói về việc Quí Đại thần Pháp tới Kinh để cùng bản quốc bàn định mở rộng đài Trấn Bình mà nước ta nhượng cho và xây dựng các doanh trại để rút quân lính Đại Pháp vào đóng ở trong khu nhượng địa ấy. Nay nghĩ định 2 khoản: khoản thứ nhất, mở rộng khu nhượng địa, theo đường thuỷ từ cây cầu gỗ (tục gọi Cầu Son) thẳng đến chỗ cây cầu đá (tục gọi cầu Kho); lại từ chỗ cầu đá xây bức tường ngăn thẳng đến cửa Chính Bắc, lấy đó làm giới hạn tính vào khu nhượng địa; khoản thứ hai, lấy các khẩu đại bác bằng đồng đặt trên thành đem phá ra đúc thành tiền đồng để chi dùng cho những phí tổn xây

dựng doanh trại trong khu nhượng địa và xây tường quây ranh giới. Đợi sau khi hoàn thành xây dựng thì quân lính Đại Pháp sẽ rút hết vào đóng trong khu nhượng địa, [7b] còn các công sở trong thành đều giao trả cho nước ta nhận giữ như cũ. Vua chuẩn y theo như đề nghị, sai Viện Cơ mật kê biên vẽ thành bản đồ giao cho để lưu chiểu. (Về khoản xây đắp tường bao ranh giới, mới đầu viên Toàn quyền định khơi rộng lòng sông. Vua bảo việc ấy rất không hợp, mới sai Viện Cơ mật lấy cớ đứt mạch đất bàn lại với viên Khâm sứ, nhờ gửi điện cho viên Toàn quyền nghĩ lại. Viên Toàn quyền trả lời rằng ông ấy rất hiểu và tôn kính Hoàng thượng, kính xin hết lòng nghe theo).

Mùa đông, tháng 10. Khâm sứ Hách Tô gửi thư nói rằng: Hiện nay ở các tỉnh, hoặc vì việc buôn bán hoặc vì việc quân sự nên triều đình nước Pháp đều có tuyển đặt một viên Công sứ đóng lại đấy làm việc, nhưng trong số các viên Công sứ đó có người mới sang, chưa hiểu tình hình phong tục và thể chế của bản quốc. Vì vậy, kính xin tư cho quan ở các tỉnh biết, để từ nay về sau nếu Công sứ đóng ở tỉnh có điều gì quyết định chưa phù hợp với thể chế thì các quan tỉnh phải bàn bạc với Công sứ, [8a] rồi gửi quyết định về việc đó cho tòa Khâm sứ và Viện Cơ mật (Công sứ thì tư gửi về tòa Khâm sứ, quan tỉnh thì tư gửi cho Viện Cơ mật) để hai cơ quan này tiếp tục bàn bạc thương lượng lần nữa. Viện Cơ mật xin thông tư cho các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào Nam hiện đã có các quan Công sứ để biết mà thực hiện. Vua chuẩn y cho.

Toàn quyền Đại thần Côn Pha mất. Chuẩn sai Hoài Đức công Miên Lâm, Lễ bộ Thượng thư Chu Đình Kế sung vào đoàn Khâm phái ra Hà Nội truyền Chỉ dụ phúng viếng thăm hỏi.

Tháng 11, chuẩn cấp phát 500 đồng bạc, [8b] đồng thời ban cho các Tôn nhân, Đình thần 500 đồng để trợ giúp việc đúc pho tượng đồng viên Cố Toàn quyền Đại thần Côn Pha.

Tháng 12, viên Quyền Toàn quyền Đại thần Vi An[1] vào Kinh chào bái yết, xong lại trở ra Bắc Kì. Chuẩn đem tặng phẩm tặng cho ông ta và các quan dưới quyền theo các mức khác nhau.

Năm Đồng Khánh thứ 2 [1887]. Mùa xuân, tháng Giêng. Tân Toàn quyền Bi U[2] sang tới Hà Nội. Mệnh Huân thần Nguyễn Hữu Độ mang sắc thư và tặng phẩm tới thăm hỏi. Sắc thư đại lược viết rằng:

> "Bản quốc cùng với thượng quốc từ xưa tới nay tình ý hợp hòa, nghĩa tình nồng thắm. Hồi nọ vì quyền thần lộng quyền làm càn khơi nguồn tranh hấn. May nhờ thượng quốc nối lại mối giao hảo ngày trước, nhận làm bảo hộ mới được an toàn, lại cất cử những Đại thần [9a] đức hiền trí cao sang giúp đỡ, quả nhân thật lấy làm hân hạnh lắm lắm. Nay phái Cơ mật viện Đại thần Nguyễn Hữu Độ cùng với Tham tá Hồ Đệ tới thăm hỏi và biếu tặng. Về những công việc cần xử trí trước mắt của hạ quốc, đã sai Tôn nhân và Đình thần viết thư riêng cùng mang đến đệ trình, kính mong ngài xem xét. Được biết quí ngài là bậc trí thức cao sâu, đối xử công bằng, nhiều nước từng đều biết tiếng, quả nhân thực rất hâm mộ, khao khát muốn được gặp mặt. Mong quí ngài có dịp nhân tiện ghé vào Kinh để được cùng gặp gỡ trò chuyện cho quả nhân được thỏa nỗi lòng".

Tháng 3, Toàn quyền Đại thần Bi U vào Kinh chiêm yết vua tại điện Thái Hòa. Ngày hôm sau tới thăm Sứ quán rồi trở ra bắc. Chuẩn tặng cho huân chương Long tinh hạng nhất và những đồ vật khác.

[9b] Tháng 5, Toàn quyền Đại thần Bi U vào yết kiến. Mệnh các quan Viện Cơ mật đem những vấn đề trước sau từng được sửa

---

[1] *Vi An*: phiên âm tên tiếng Pháp Vial.

[2] *Bi U*: phiên âm tên tiếng Pháp Bihourd.

đổi, bổ sung ra lần lượt thảo luận thương lượng trực diện, quan Toàn quyền cũng lần lượt trả lời từng khoản một (Vấn đề chở tiền và gạo vào Kinh, trong hòa ước vốn không đề cập tới, nghĩ chiểu theo năm Bính Tuất trích ra 1 phần 5 chở vào Kinh; Các loại thuế ngoại ngạch của các tỉnh từ Thanh Hóa đến Bình Thuận đều qui cả về cho bên Thương chính trưng thu; Về việc bãi bỏ Công sứ ở các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào Nam, đợi đến khi tình hình lắng dịu hơn thì sẽ chiểu theo hòa ước cũ mà thi hành; Đối với quan viên ở Bắc Kì, nếu để do triều đình chọn bổ người thay thế thì vừa phiền phức vừa chậm trễ, nghĩ nên vẫn để như cũ; Về các nha linh tập, đợi dẹp xong thổ phỉ thì sẽ bàn giao riêng), lại nói sẽ viết gửi thư riêng để trình bày trả lời rõ ràng, nhưng nội dung thư cũng giống y như trao đổi trực diện mà thôi.

Tháng 6, Khâm sứ Hách Tô vào yết kiến. Thương lượng với ông ta về 5 khoản (Chọn bổ Phan Liêm làm Tổng đốc Bình Thuận Khánh Hòa; Xin bàn bạc trao trả lại Kinh thành để tiện đưa dân chúng về ở như cũ; Những tên phỉ bắt được phải đem giao cho các tỉnh giam giữ tra xét tội trạng đích xác rõ ràng, cốt để coi trọng tính mạng con người; Các Quí quân hiện đóng tại các tỉnh nếu muốn nhờ mua những thứ vật dụng cần thiết gì [10a] thì nên tư cho Quí Khâm sứ rồi chuyển tư cho Viện Cơ mật biết chiểu theo để tiện cho việc thanh toán về sau; Xin bàn bạc trao trả lại những chiếc thuyền ngự để tiện sửa sang lại). Viên Khâm sứ trả lời, về khoản Tổng đốc Bình Thuận Khánh Hòa Phan Liêm, xin y theo; việc những chiếc thuyền xin cho kiểm tra rồi trao trả lại; những vấn đề còn lại xin đợi trao đổi lại với quan Toàn quyền rồi sẽ tư đến cho quan đóng tại các tỉnh chiểu theo thi hành.

Quan Toàn quyền thương lượng rằng sẽ trao trả lại cho ta 9 khẩu đại bác bằng đồng Đại tướng quân, còn lại hơn 600 khẩu thì giao cho nước ta nhận lấy rồi trả lại bằng tiền (tổng cộng 2 vạn 5

trăm đồng bạc) cùng số tiền chi phí xây dựng đài Trấn Bình. Vua phán rằng:

> "Sau sự biến phủ khố trống rỗng, nếu chiếu theo giá nhận mua những khẩu súng ấy, không những khuôn máy trước kia đã nhờ mua nhưng từ lâu mà vẫn chưa có, mặt khác tiền bạc cấp thiết dùng cho binh lính thợ hiện nay còn đang liệu xét cắt giảm, đến chi phí nuôi quan binh còn e không đủ cung cấp cho một hai năm, thế thì lấy gì để mua. Cứ xem như lời nói của Quí Đại thần bảo việc ấy phải chục năm mới làm xong, [10b] huống chi nước ta đang trong tình thế này sợ rằng ba chục năm nữa có làm xong hay không thì cũng chưa thể biết được. Thực đúng như ngạn ngữ đã nói tiền mất tật mang, phải lấy đó làm gương. Việc này còn cần phải suy xét, một đằng e mất tình hòa hiếu, một đằng lại sợ tốn phí, nhưng đây là việc trọng đại, nên giao cho Tôn nhân và Đình thần bàn bạc tâu trình".

Sau đó Đình thần phúc tấu, xin cứ tạm nhận mua cho êm chuyện. Vua nghe theo.

Mùa đông, tháng 10. Toàn quyền Đại thần Bi U được lệnh về nước, viên Toàn quyền Đại thần mới Bi Di[1] đã nhận công việc. Viện Cơ mật tâu lên. Vua phê rằng:

> "Kính gửi tới hai vị Toàn quyền, người ra về thì thượng lộ bình an, người ở lại thì tình nghĩa càng thêm thắm thiết. [11a] Quả nhân nguyện mở lòng thành thực vì việc chung mà đồng tâm củng cố tình hòa hảo. Kính nhờ Quí sứ điện báo cho biết như thế".

Viên Toàn quyền Đại thần Công Tăng[2] mới sang. Mệnh sai bọn

---

[1] *Bi Di*: phiên âm tên tiếng Pháp Bideau.

[2] *Công Tăng*: phiên âm tên tiếng Pháp Constans. Tên viết đầy đủ là Jean Antoine Ernest Constans.

Thượng thư Nguyễn Thuật, Thị lang Đào Tiến đem theo tặng vật đến thăm hỏi.

Tháng 12, triều đình Pháp gửi tặng vua chiếc ấn ngọc Kim tinh hắc hỏa. Vua sai viết thư đáp tạ. Thư viết rằng:

"Tệ quốc từ trước đã cùng với thượng quốc kết giao tình nghĩa thắm thiết, giữa chừng bỗng gặp vận xui khiến dường cách trở. May được Đại hoàng đế thượng quốc vẫn tỏ tình hòa hảo ngày xưa, đặc mệnh Quí Đại thần sang hợp đồng với các Đại thần của hạ quốc đón lập quả nhân lên ngôi kế thừa nghiệp lớn, lại lập hòa ước trao đổi cho nhau thi hành, thực là tình nghĩa lân bang tin cậy hòa mục trước sau không thay đổi, khiến quả nhân cảm kích khâm phục khôn xiết. [11b] Phải nỗi hạ quốc cùng với thượng quốc xa cách trùng khơi, chỉ e không có gì chứng tỏ ra thì không tin nhau. Nay được đón quan Khâm sứ Đại thần Hách Tô hiện đóng ở Kinh đô hạ quốc vâng mệnh mang tới tặng cho chiếc ấn ngọc Kim tinh hắc hỏa do các Công khanh trong triều đình Quí quốc chế tạo ra, bảo rằng sau này hễ có việc gì cần phải thông báo với triều đình Quí quốc thì dùng ấn ấy để làm tin. Quả nhân nhận ấn xem xét ba bốn lượt, thấy quả là bảo vật quí giá hơn cả vàng ngọc, đó thực là lòng tốt của Hoàng đế Quí quốc đã vì hạ quốc mà suy nghĩ chu toàn thấu đáo. Món quà quí giá vô vàn ấy không biết cảm tạ thế nào cho xứng, nên phải trân trọng cất giữ, khi cần dùng đến để làm tin, cho dù biển trời xa cách bảy vạn dặm mà vẫn cảm thấy như đang được cùng hội ngộ vậy. Quả nhân sẽ có Dụ bảo cho thần dân khắp trong Nam ngoài Bắc hạ quốc được biết tấm lòng hòa hảo thân thiết của thượng quốc, để cùng nhau giữ gìn mãi mãi tình hữu nghị giữa hai nước, cùng nhau tiến tới cuộc sống thăng bình, đó là điều quả nhân hết lòng mong muốn vậy".

[12a] Tờ cáo dụ cho thần dân trong ngoài viết rằng:

"Nước ta với nước Đại Pháp từ trước đã có thể nguyền kết giao, giữa chừng gặp phải vận xui, khiến cho cơ hồ cách trở. May

được Đại Hoàng đế Pháp lần nữa tỏ tình hòa hiếu cũ, đặc cách phái sai Đại thần hợp cùng quan Đại thần nước ta rước trẫm lên ngôi kế thừa nghiệp lớn, hai bên lại trao đổi hòa ước để cùng nhau thực hiện. Đó thực là tình nghĩa lân bang tin cậy hòa mục trước sau không thay đổi. Chỉ vì nước ta với Quí quốc về địa lí xa cách trùng khơi, chỉ e không có gì chứng tỏ làm bằng thì không tin được nhau. Nay được tiếp đón quan Khâm sứ Đại thần Hách Tô hiện đóng ở Kinh đô vâng mệnh mang tới tặng cho một chiếc ấn ngọc do các Công khanh trong triều đình Quí quốc chế tạo ra, trên có khắc bốn chữ *Triều đình lập tín* (Triều đình đặt ra để làm tin), lại bảo rằng của Đại Hoàng đế nước Đại Pháp gửi tặng, vốn là ngọc ở trong tảng đá do trời ứng điềm lành giáng xuống, nước Đại Pháp tìm thấy đem bổ ra lấy nguyên khối chế tác thành ấn. Đó thực là một báu vật hiếm thấy, từ phôi thô mài giũa thành khí quả là vô cùng khó. [12b] Nay đem sang tặng cho để từ nay nếu có việc gì cần phải thông báo với triều đình Đại Pháp thì dùng ấn ấy để làm tin. Vật báu quí giá này, thực là có chứa đức ở bên trong. Thần dân nước ta nên biết cho tấm lòng tận sức bảo hộ của nước Đại Pháp đối với nước ta, sắm ngọc lụa để kết đồng minh, mượn quỳnh dao để cầu vĩnh hảo, từ đó mà hết lòng thành thực, hết lòng tin cậy để giữ gìn đất nước, hòa hảo láng giềng. Bây giờ cho tới mãi sau này hai nước cùng nhau thông cảm, tình hữu nghị ngày thêm nồng thắm để cùng chung hưởng hạnh phúc hòa bình. Như thế chẳng cao cả tốt đẹp hay sao".

Năm Đồng Khánh thứ 3 [1888]. Tháng 2, Toàn quyền Đại thần mới Công Tăng vào Kinh chiêm yết tại điện Thái Hòa, dâng trình quốc thư. Quan Viện Cơ mật phiên dịch ra dâng lên (Thư đại ý viết rằng: Cựu Giám quốc Dung Kì Di Huy[1] đã nghỉ việc chính sự, [13a]

---

[1] *Dung Kì Di Huy*: phiên âm tên tiếng Pháp Jules Grévy.

Giám quốc mới là Ca Đô[1] lên thay, vẫn xin gắng sức tận tâm trù hoạch khiến cho tình hòa hiếu hai bên ngày càng thêm khăng khít, để cùng yên lành hưởng phúc thái bình). Chuẩn viết quốc thư đáp tạ. Thư viết rằng:

"Nay được tiếp đón Tổng thống Đông phương Toàn quyền Đại thần Công Tăng tới Đô thành hạ quốc đệ trình bức thư tay của Đại Hoàng đế, quả nhân rất lấy làm hân hạnh, vội rửa tay sạch sẽ mở xem, thấy lời ý trong thư thực rất sáng suốt quảng đại. Trong đó có viết rằng, Đại Hoàng đế được Công nghị cùng suy bầu lên nắm quốc sự, thấu hiểu sự gian khó của ngôi trời, trăn trở nỗi lo toan vì nghiệp lớn, gắng sức mở rộng lòng thành thực để củng cố quan hệ giữa Đại Pháp với các nước đồng minh sao cho ngày thêm tốt đẹp, đồng thời lại nâng đỡ trợ giúp hạ quốc, giữ tình hòa hảo thân thiết để mỗi ngày một tăng thêm lợi ích. Lời ấy thực cao cả đức độ làm sao, có thể khiến cả hoàn vũ chung hưởng phúc lành mà muôn đời sau vẫn còn lời ca ngợi. Vả lại Quí Tổng thống Toàn quyền Đại thần vốn là người có tiếng tăm danh vọng, từng làm Khâm sứ ở nước Đại Thanh, tri thức có thừa. Nay quả nhân hân hạnh được tương kiến, [13b] đã trực diện cùng nhau bàn bạc quốc sự, có rất nhiều khoản Quí Tổng thống đã thay mặt cho Quí triều đình chấp thuận cho theo như nguyện vọng, khiến quả nhân càng thêm bội phần cảm kích, tất thảy dân chúng hạ quốc cũng đều vui mừng khâm phục, hàng ngày mong ngóng Quí Tổng thống Đại thần thực hiện những điều đã nói, để cho hạ quốc ngày càng trở nên thịnh trị. Hồi nọ, quan Cựu Toàn quyền Đại thần Côn Pha tới Kinh cũng rất sẵn lòng giúp đỡ, nhưng chẳng may qua đời nên chưa kịp thi hành. Nay lại được Quí Tổng thống Toàn quyền sang

---

[1] *Ca Đô*: phiên âm tên tiếng Pháp Carnot.

thay để trù hoạch mọi công việc đem lại lợi ích, mới được vài ba ngày thì về nước. Gần đây quả nhân có suy nghĩ trước về một số khoản việc quan trọng xin tạm nêu ra để bàn bạc thương lượng:

- Cựu Toàn quyền Đại thần Côn Pha và Bi U bàn định rằng đối với số thuế thu ở Bắc Kì, sau khi trừ những khoản chi phí ra, còn dư ra bao nhiêu cho được chuyển nhập vào kho ở Kinh thành hạ quốc để chi dùng. [14a]

- Về khoản tiền phạt bồi thường chiến phí ở Nam Kì, đối với các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Phú Yên thì trừ số tiền đã thu nộp ra, còn lại bao nhiêu đều miễn cho tất cả.

- Hiện giờ giặc phỉ trong nước đã bình định xong, dân gian trở lại yên ổn. Nếu vẫn lưu nhiều binh lính Quí quốc ở lại đóng đồn tuần phòng e khiến dân tình sẽ còn nghi ngại sợ hãi, vì vậy nên tùy xét rút giảm bớt. Tạm thời nếu có nơi nào chưa yên tĩnh thì quan địa phương nơi ấy trình lên quan Công sứ ở các tỉnh xin giúp đỡ.

Ba khoản nêu trên, Quí Tổng thống đã xem xét biết rõ hiện tình và bằng lòng cho được y theo thi hành.

- Lại còn một khoản nữa đối với công việc của viên Khâm sứ ở Kinh, nếu như cứ phải nghe theo lệnh của Toàn quyền Bắc Kì thì e chưa phù hợp với thỏa thuận. Nếu như đặt ra chức Toàn quyền ở Kinh thì khi cần bàn bạc thương lượng việc gì sẽ đều đơn giản thuận tiện hơn nhiều. Hiện tại sung Khâm sứ Đại thần là ngài Hách Tô [14b] vốn là người rất thành thạo hiểu biết, nếu ông ta được sung là Toàn quyền ở Kinh thì càng thấy được tấm lòng ưu ái giúp đỡ hết mức của Thượng quốc đối với hạ quốc chúng tôi. Cứ theo như lời Quí Tổng thống nói rằng Quí triều đình sở dĩ không muốn thay đổi khoản nào là vì sợ hạ quốc sinh ra nghi ngại. Hơn nữa ý của Quí tổng thống vốn cũng không muốn viên Khâm sứ ở Kinh phải nghe theo lệnh của Toàn

quyền ở Bắc Kì, mà muốn mọi công việc viên Khâm sứ chỉ phải tư trình với Quí Tổng thống để tiện xử trí mà thôi. Nay hạ quốc đã mong muốn ở Kinh được có Toàn quyền, Quí triều đình cũng muốn thuận cho, Quí Tổng thống cũng hứa hết lòng kêu xin cho Hách tô được thực thụ Khâm sứ, được có quyền pháp để hả lòng trông mong của hạ quốc. Vả lại Quí Tổng thống vốn là người trọng danh tiếng, hiện còn nhiều công việc cần phải giải quyết như lập Thương chính, tu sửa đường sá, đặt đường điện báo v.v... mà hạ quốc rất mong nhờ đến sự bảo trợ giúp đỡ của Quí quốc mới có thể hoàn tất được. [15a]

- Các xứ Cam Môn, Cam Cát thuộc địa giới hạ quốc gần đây bị nước Xiêm mạo nhận tranh giành lấn chiếm, đưa binh lính tới đóng đồn. Nay thượng quốc chiếu theo hòa ước điều đình thế nào để hạ quốc khỏi mất địa giới đó.

Hai khoản trên đã bàn với Quí Tổng thống tâu lên giúp, may mà sớm được đội ơn giúp đỡ thực hiện cho. Hơn nữa, quả nhân thực rất kì vọng vào chuyến đi này của Quí Tổng thống. Đối với các khoản việc nêu đây, cũng như những khoản khác đã trình bày trong bức thư năm ngoái (lần ấy viết thư nhờ Quí Khâm phái Đờ mang về giúp đệ trình lên), thiết nghĩ Quí Tổng thống cũng nên thể theo đại đức khoan nhân của Đại hoàng đế mà thương xót đến những điều kêu trình của hạ quốc, đem từng khoản tâu lên tất cả, để may mà được trên thuận ý chiếu theo nguyện vọng, cho hạ quốc được hưởng thêm nhiều ơn huệ, thì không những là may mắn cho tôi, mà thực cũng là may mắn cho tất cả thần dân trong cả nước".

Lại mệnh cho các Tôn nhân, Đình thần viết thư thương lượng về các điều giải đáp của viên Toàn quyền (Về khoản Bắc Kì chuyên chở các hạng tiền gạo vào Kinh hứa trong khoảng một tháng sẽ chở vào đủ số; về khoản bồi thường chiến phí của các tỉnh Bình Thuận,

Khánh Hòa, Bình Định, Phú Yên, [15b] xin điện báo riêng cho viên Công sứ tỉnh Phú Yên châm chước miễn trừ cho; về các hạng tạp thuế để cho bản quốc tùy tiện xử lí, xin bàn tư cho viên Khâm sứ cho được trưng thu).

Tháng 3, ban sắc rằng:

"Sau sự biến, các cung điện, công thự, nhà cửa ở Kinh thành phần lớn đã bị hư hại, đổ nát, cần phải tu bổ chấn chỉnh lại cho được mĩ quan. Chuẩn cho Bộ Binh đòi gấp binh lính Nam Ngãi tới để chờ sai phái. Vả lại, trẫm luôn đem lòng thành thực tin cậy để giữ gìn quan hệ hòa hảo với Quí quốc, mong sao cho giữa hai nước trở nên thắm thiết không chút nghi ngại nhau như hồi những năm Gia Long ngày trước. Truyền cho Viện Cơ mật trình bày rõ ý ấy của trẫm với Quí quan Khâm sứ, nhờ ngài truyền đạt lại tới Quí Tổng binh để biết rõ việc này".

Tháng 5, kính nhân ngày lễ mừng Thánh thọ, quan Khâm sứ Đại thần cùng các Quí quan gửi lời kính chúc [16a] Từ Dũ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu ngày càng mạnh khỏe, sống lâu muôn muôn tuổi. Vua đáp lời rằng:

"Trẫm đã sai đem lời chúc tâu lên, nhận được ý chỉ bề trên nói đã hiểu rõ mối thịnh tình của các Quí quan. Những mong Quí quan xử trí thế nào để tất thảy muôn dân đều qui phục từ đó củng cố tình giao hảo giữa hai nước được mãi mãi thắm thiết thì thực không có ước vọng gì hơn".

Tháng 6, Quyền Toàn quyền Bi Đê[1] về nước, nguyên Thượng thư Ba Tô[2] sang thay quyền. Phái Lễ bộ Thị lang Tạ Thúc Dĩnh cùng Lãnh Thị vệ Nguyễn Thiện ra Bắc Kì tiếp đón.

---

[1] *Bi Đê*: phiên âm tên tiếng Pháp Berger.

[2] *Ba Tô*: phiên âm tên tiếng Pháp Parreau.

Mùa thu, tháng 7. Viên Khâm sứ Hách Tô trao cho một bức thư đã dịch của viên quan ba sao chuyên quản biện về biên giới Lư Sơ. [16b] (Thư viết rằng, đã điều tra xem xét những khu vực tiếp giáp giữa bản quốc với nước Xiêm, bao gồm các địa hạt thượng du từ Thừa Thiên trở vào Nam cho đến Khánh Hoà; trở ra Bắc như các phủ Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị; Lạc Biên, Trấn Định, Trấn Tĩnh thuộc tỉnh Hà Tĩnh; Trấn Ninh, Trấn Biên thuộc tỉnh Nghệ An và các sách miền thượng du hai tỉnh Thanh Hoá, Hưng Hoá, nguyên từ trước hoặc không thuộc về nước nào, hoặc do bản quốc quản hạt, từ những năm niên hiệu Minh Mệnh trở đi tình trạng vẫn chưa được xử trí. Hiện nay nước Xiêm đang có ý đồ chiếm cứ. Đề nghị truyền cho quan Viện Cơ mật tư cho các tỉnh tra cứu rõ sổ sách, vỗ về dân Man, thông thương buôn bán với họ, tìm hiểu rõ tình hình để họ qui phục về với quyền pháp của ta. Đối với những vùng đất nguyên thuộc về bản quốc, từ trước đã đặt quan thu thuế thì phải có bằng sắc xác thực, đồng thời phải phái quan lại thường xuyên qua lại để chứng tỏ sự quản lí đối với đất ấy, để tiện đối chất với nước Xiêm sau này khi nước Pháp phái người tham gia hội định biên giới). Viện thần tâu xin cho các tỉnh xem xét chọn người nào am hiểu tình hình ở các vùng đất người Man, trao cho quan hàm rồi phái đi dò xét. Còn về việc phải làm thế nào để phủ dụ được người Man, giữ vững cương giới của ta thì cần phải hết lòng lo liệu. Vua nghe theo.

[17a].Tháng 8. Tổng thống Chánh Toàn quyền Di Sô[1], Quyền Toàn quyền Ba Tô vào yết kiến bàn định về số lượng tiền từ Bắc Kì chuyển vào trong vòng 4 năm (sang năm chở vào Kinh 50 vạn quan, năm thứ hai 100 vạn quan, năm thứ ba 150 vạn, năm thứ tư 200 vạn quan) và việc trao trả lại Kinh thành cho nhân dân vào ở. Sau đó hai người trở ra Bắc, gửi thư vào chỉ nói, năm nay trích chở vào 10 vạn

---

[1] *Di Sô*: phiên âm tên tiếng Pháp Rousseau.

quan, còn sang năm trở về sau, chờ tăng thêm ngạch thuế rồi sẽ định liệu.

Mùa đông, tháng 10. Toàn quyền Đại thần Lê Na vừa sang vào Kinh bái yết và dâng chúc thư, lời lẽ ý tứ thân thiết. Vua xuống sắc đáp lại rằng:

"Vẫn nghe tiếng Quí Đại thần vốn là người có phẩm hạnh và danh vọng, lại đã từng kính vâng mệnh sang bảo hộ cho bản quốc đóng ở Kinh đã từ lâu ngày, duy chỉ có phần gấp gáp. Nay Quí Đại thần lại tới, quả nhân này khôn xiết hân hạnh mừng vui, [17b] chỉ xin Quí Đại thần qua chuyến đi này nhìn ngắm mà so sánh với hồi trước để thấy như thế nào. Chắc hẳn mắt nhìn thấy mà trong lòng thương cảm, nhưng trong thương cảm lại có nỗi vui mừng. Một là để biết tình giao hảo của bản quốc như thế nào; hai là để biết việc chữa trị vực dậy đất nước của bản quốc so với trước ra sao; ba là để biết vận nước với lòng trời thế nào; bốn là để biết nhân tài và sức dân của bản quốc thế nào. Nếu ngài thấu hiểu cho được bốn điều ấy thì thực là muôn nghìn vàng cũng không thể đánh đổi được. Đó là cái lợi rõ ràng.

Quả nhân là con thứ hai của Tiên Hoàng đế. Được Tiên Hoàng đế nuôi dưỡng vốn có ba người, nhưng chỉ còn lại riêng mình kẻ ít đức này được giữ gìn cơ nghiệp to lớn. Phải chăng là vì lẽ ấy nên mệnh trời thuận cho, lòng người qui theo, điều đó thiết tưởng cũng chẳng phải dễ dàng mà có được. Vì vậy quả nhân luôn luôn kinh sợ trong lòng, sớm hôm chưa bao giờ dám buông lơi để nghĩ đến cái ăn cái mặc, chỉ cốt làm sao trên thì tăng cường tình nghĩa môi răng, [18a] dưới để yên lòng dân chúng. Chỉ khổ nỗi tình thế dường như không thể vẹn được cả đôi đường, nên càng cảm thấy quá sức âu lo. Hơn nữa, nước tôi do Cao Hoàng đế khó nhọc mở mang, lại sáng suốt biết Quí quốc tài giỏi xứng hàng vô địch ngày sau, nên không nề hà cách

trở, lặn lội trùng dương tìm đến cầu viện, mưu kế rất sâu xa, may mà sớm chấn chỉnh lại được cơ đồ. Đó cũng là nhờ các bậc hiền tài ngày trước của Quí quốc hết lòng hết sức giúp đỡ mới có ngày nay, thực là công cao đức trọng. Thế mà hỡi ôi, giữa chừng không biết vận số bản quốc thế nào mà đến giờ thời thế biến dời, sự đời đổi khác. Nước tôi sai lầm quá, thực chẳng còn gì để nói nữa.

Lần này Quí Đại thần sang đây, nhận mệnh Khâm sai giữ chức Toàn quyền tại Kinh thành, nắm quyền thay mặt một nước để xử lí công việc của một nước, [18b] nghĩ đó thực vô cùng long trọng và cao cả. Quả nhân đã mệnh cho các quan bố trí đón tiếp, về tình về lẽ xem chừng đã ổn. Riêng với Quí Đại thần vốn nổi tiếng là người lịch duyệt, hẳn sẽ lượng xét cho những lời nói từ trong lòng của quả nhân, hiểu được những sự việc gây dựng trước kia thì sẽ biết quả nhân là ai, chính là cháu trưởng của đức Cao Hoàng đế, và các Quí Đại thần là ai, đó chính là con cháu của các bậc tiền hiền. Nhưng quả nhân đức mỏng, tài sơ, lại còn ít tuổi ít học, duy nhờ tả hữu còn có người phụ giúp nâng đỡ cho những điều còn thiếu sót. Vả lại, sĩ phu trong Nam ngoài Bắc đều bảo, con của vua ta có được những người luôn mong muốn sớm khôi phục lại sự nghiệp trung hưng. Gần đây gió mưa dần dần trở lại thuận hoà, bệnh tật cũng dần qua khỏi (tôi hồi nhỏ thường hay ốm vặt, nhưng từ khi lên ngôi đến nay may không còn phải cần đến thuốc thang, đó là sự thực không phải là nói cho hay) lo lắng cũng dần vơi (dân chúng bị mê hoặc trong nước đều đã ra đầu thú và được gia ân miễn tội), hẳn là nhờ được lòng trời ngày thêm phù trợ. [19a] Điều đó mọi người ai ai cũng đều rõ cả, chứ chẳng phải chỉ riêng mình thấy được. Còn như các Quí Đại thần đều là bậc quốc sĩ danh tướng, tài giỏi hiếm có trên đời, đến các nước giàu mạnh ở Thái Tây cũng

không hơn, nói gì đến các nước vùng đông bắc thì làm sao có thể so sánh được. Thế mà đối với hạ quốc vẫn giữ một lòng công bằng nhân ái, khiến hạ quốc đâu dám có bụng dạ nào khác, chỉ mong sớm được thấm nhuần ơn huệ. May mắn được như thế thì hạ quốc luôn ghi nhớ trong lòng, không lúc nào quên. Điều đó không chỉ riêng quả nhân mà thần dân trong cả nước cũng đều chung một ý nghĩ như vậy. Hơn nữa trong khi giao thiệp, quả nhân luôn giữ gìn thận trọng trong từng lời nói việc làm. Lần này bỗng nhiên lại rườm lời như thế này cũng là bởi chân tình phát ra từ trong lòng, viết ra rồi tự lại thấy nực cười. Cũng bởi vào trung tuần tháng trước, trộm thấy tin trên báo chí của Quí quốc có nói rằng các địa phương của bản quốc phải do Quí quốc tổng quản, thực không hiểu sao người ấy nói [19b] mà không nghĩ đến tình nghĩa thủy chung (hãy xem những sự việc thời Gia Long đã kể ở bên trên vẫn còn rành rành trước mắt), không nhìn thấy tình thế lúc mạnh lúc yếu, không xét đến sự hòa hợp bên tình bên lý, nỡ để cho người chịu đau khổ như thế mà vẫn yên tâm được sao. Há không biết rằng vũ trụ rộng lớn bao la, tạo hoá chia ra thành các nước để cai trị nuôi dưỡng dân chúng ở đó, khiến mọi người tuân theo đạo lý chứ không xui họ đánh giết lẫn nhau. Nếu có đánh nhau thì chẳng qua cũng như anh em lục đục trong nhà, sau chuyện rồi cuối cùng vẫn trở lại hòa thuận. Đó chính là bởi người sống trên khắp địa cầu này đều là anh em trong một nhà cả. Giả sử như có kẻ bất trị chăng nữa, thì với trí tuệ hiểu biết của con người, chỉ cốt chữa cho khỏi bệnh mà thôi. Đã là sáng suốt sao lại không biết Quí quốc là một đại cường quốc nhân nghĩa, đối với các nước khác chưa từng bao giờ chiếm đất lấy dân, sao riêng với hạ quốc là nước nhỏ yếu lại nỡ làm như thế, thì lòng dân có yên được không. Há lại cũng không biết rằng thà giữ hòa hiếu để

cùng yên ổn, còn hơn cậy khỏe mà bức hiếp nhau. [20a] Yên ổn thì vui vẻ an nhàn, bức hiếp nhau thì vất vả khổ sở. Một đằng sướng một đằng khổ, cái lí của sự sướng khổ đều không ngoài điều đó (Chỗ này không dám nói trắng rõ ra, chỉ ngụ ý muốn gạt bỏ đi những tiểu tiết vụn vặt để lo đại sự, cũng đều là chuyện ở trước mắt). Vậy chi bằng lấy chân tình cố kết, thực tâm góp sức, vun vén sao cho hạ quốc mỗi ngày một thêm lợi ích, tức là Quí quốc cũng được lợi ích vô cùng. Nếu không như thế, e rằng cái lợi cũng bị hạn chế. Đại khái có thể thấy giống như những sự việc đã làm ở Bắc Kì trong hai ba năm gần đây (Mọi sự việc vua tôi sĩ thứ bản quốc đều đem báo cáo để tất cả đều được biết rõ, không hề dấu giếm gì), không giống như Nam Kì ngày trước vô cùng phiền phức rắc rối. Mà dân chúng và sự vật Bắc Kì lại có khác với Nam Kì, sự thế Nam Kì cũng không giống với Bắc Kì. Vì lẽ đó từ xa xưa dòng Nhị Hà đã thực sự là đất Nam Việt, nếu Nhị Hà tuyệt diệt thì Nam Việt lập tức tuyệt diệt. Ngoài ra không phải là nước Nam thì không chắc đã hiểu rõ về dân tình quốc thế được đâu.

Những điều trên đây chẳng qua chỉ là những suy nghĩ sơ sài hình thành trong lòng rồi chảy ra đầu bút gọi là có mấy lời đáp tạ, e rằng có phần vụng về thô kệch, [20b] nhưng là tấm chân tình đáp lại hậu ý của Quí Đại thần. Chứ đối với việc củng cố mối giao hảo ngày xưa quả nhân đâu dám rườm lời mà hô hào suông. Vì các quan ở Quí triều đều thuộc bực lão luyện thành thạo cả, đâu cần đợi đến kẻ sinh sau đẻ muộn này thêm lời bảo cho, mà chỉ là cố gắng bày tỏ đôi điều để tình ý hai bên tin tưởng nhau mà thôi. Hơn nữa, Quí Đại thần anh minh sáng suốt hơn người, quả nhân đâu dám có ý gì, mà chỉ vì bức xúc trước thời thế hiện thời, thương xót cho sinh linh nên không thể không làm gì. May được Quí Đại thần hồi tâm nghĩ lại cho kĩ,

đừng nỡ bỏ ngoài tai mà thực hiện theo lời ước thì thực bổ ích, lợi lạc cùng chung hưởng, còn gì may hơn thế. Hoặc trong đó có gì khả thủ xin đem đề đạt về Quí quốc xem xét cho được chút nào thì công đức ấy của Quí Đại thần thực to lớn không gì đo được. Mong Quí Đại ngày một khỏe mạnh bình an để sớm thực hiện được niềm ước mong hai nước kết giao hòa hảo, dân chúng hết nỗi nghi ngờ, đất nước tự nhiên trở nên yên ổn. Đến lúc đó quả nhân tất có xử trí đặc biệt, tuyên cáo với thần dân trong ngoài [21a], thảy đều hướng theo chính lệnh của Quí quốc, luôn luôn hâm mộ phong tục của Qui quốc, mọi việc chẳng mấy chốc đều tự nhiên trở nên tốt đẹp cả. Còn nếu Quí Đại thần mà không thể ý lưu tâm châm chước soi xét cho thì quả nhân hẳn bị lâm vào thế lưỡng nan, một đằng thì lo có người bảo là cháu của đức Cao Hoàng mà không nối chí của Cao Hoàng, đằng khác lại sợ có kẻ nói là con Tiên đế mà chẳng xót xa sự nghiệp Tiên đế, đã khó lại càng khó thêm. Mỗi dòng chữ là một dòng lệ, tha thiết mong Quí Đại thần xem xét cho nỗi khổ tâm này, sớm có hành động giúp đỡ thế nào để bảo tồn được thể chế của một quốc gia. Nếu quả nhân được trở nên ngày càng thịnh vượng, thì năm tháng còn dài, ngày báo đáp hẳn là sẽ tới".

[21b] Khâm sứ Đại thần trú Kinh là Hách Tô xin bệ kiến từ biệt về nước. Viện thần Viện Cơ mật vâng chỉ đem lễ vật tới khoản tặng. Quí Đại thần đáp từ rằng, được Hoàng thượng chuẩn tặng cho một hai đồ tặng phẩm cũng lấy làm vinh dự lắm. Sau khi về nước rồi, nhìn thấy vật lòng lại càng thêm nhớ. Đồng thời cũng thay mặt cho người em gái kính gửi lời tâu cảm tạ đức ý của Lưỡng cung. Vua phê rằng:

"Lời nói cao cả lắm thay, tấm lòng thủy chung lắm thay. Đây không chỉ là vinh hạnh cho riêng mình quả nhân mà cũng là vinh hạnh lớn cho thần dân trong nước".

[22a] Ngày tết đầu năm của Quí quốc. Các Quí quan dâng lời

chúc Hoàng thượng bình an trị vì lâu dài, phúc thọ gồm đủ. Viện thần Viện Cơ mật đệ gửi tờ tấu lên, vua phê đáp lại rằng:

> "Quả nhân kính chúc Đại Hoàng đế Quí quốc bình an, chúc các vị Đại thần cùng quan viên văn võ Quí quốc đều được bình an vui vẻ, mãi mãi giữ gìn tình hữu nghị khăng khít như môi răng, thực quả nhân không còn mong ước gì hơn". Vào các ngày lễ tết của ta hàng năm, có các Quí quan vào triều chúc mừng, truyền cho Viện Cơ mật làm tờ thiếp hồng (bên trong có lời kính chúc) gửi tới viên Công sứ cho long trọng. Từ nay trở đi cứ chiếu theo lệ đó thi hành.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU
SƠ TẬP

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN I

CHÍNH THỐNG

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa hạ, tháng 4, ngày 17, Ất Mão, Vua lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa, đặt niên hiệu Khải Định. Quần thần dâng Kim sách viết rằng:

"Chúng thần trộm nghĩ. Kế thừa tổ tông thuộc về chính thống; lên ngôi giữ mệnh thuận bởi nhân tâm. Vì thế Hạ Khải kế thừa chính thống nhà Hạ[1] thì quần thần chầu về qui phục; nhà Tống có được bậc vua lớn tuổi thì xã tắc mới được phúc lành[2].

---

[1] *Khải*: sử sách còn gọi là Hạ Khải, là con của vua Vũ nhà Hạ, sau khi vua Vũ ốm chết được lên kế ngôi. Lịch sử Trung Quốc trước đó, việc kế thừa đều thực hiện theo cách nhường ngôi, đến Khải là người đầu tiên lên ngôi theo chế độ thế tập. Câu này ý chỉ vua Khải Định là con trưởng của vua Đồng Khánh.

[2] Lấy ý trong câu nói của Tống Thái hậu. Năm Kiến Long thứ 2 triều Tống, Đỗ Thái hậu bị ốm, bèn gọi Tống Thái Tổ tới bên giường hỏi "Con có biết vì sao con có được thiên hạ không?" Thái Tổ ấp úng thưa: "Đó là nhờ phúc đức của Tổ Khảo và Thái hậu để lại cho". Thái hậu bảo: "Không phải thế, đó là do Chu Thế Tông đưa đứa con ấu thơ của mình lên làm chủ thiên hạ đó. Giả sử như họ Chu có bậc vua lớn tuổi thì thiên hạ có vào được tay của con hay không? Sau này con qua đời thì phải truyền ngôi lại cho em của con. Bốn phương rộng lắm, muôn nhà đông lắm, có được bậc vua lớn tuổi thì mới là

Kính nghĩ: [1b] Phụng Hóa công[1] Điện hạ, trí tuệ hóa công ngầm mở; tài hoa sáng suốt bẩm sinh. Giữ đạo chính trung, đức kiền mạnh mẽ dẫu ẩn mà không lộ; nuôi chí hòa thuận, tính dị bình dị trong tối lại sáng bừng. Vào năm Tiên Hoàng khảo Ngự giá lên tiên, chính lúc Điện hạ ta tuổi còn thơ ấu. Chốn Thanh cung tu dưỡng tính, ngôi hoàng ốc chẳng để tâm. Kính nhận sắc phong, phận yên phiên phục. Gặp buổi nước nhà bỗng phát sinh biến cố, ngôi báu trời trao há để trống lâu ngày. Tùy thời thế nghĩa thực lớn lao; lấy ngành trưởng lẽ là chính đính. Khẩn thiết kính xin tiếp nhận ấn truyền quốc mà lên ngôi [2a] Hoàng đế tại điện Thái Hòa. Quần thần đồng lòng, thần khí có chủ. Trời Hán sáng lại vầng dương, sơn hà khởi sắc; triều Chu văn hồi phúc lớn, vũ trụ hồi xuân. Kính cẩn dệ Kim sách dâng Tôn hiệu Hoàng đế, cúi mong soi xét thuận ý thần dân mà vào ngự ngôi báu, giữ đạo bang giao mà giữ tình hòa mục, đem phúc về cho muôn dân, mãi hưởng cảnh thái bình yên vui."

Ban ân chiếu khắp thiên hạ. [2b] Chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ, Vua sáng lên ngôi báu vừa kế tổ vừa kế thân; Thánh hiền thể ý dân đã huệ tâm lại huệ đức. Nên đại thống phải thuộc về ngôi chính, đó mới là phúc khanh cho nước nhà; Mà chính thể cần lập tự ban sơ, ấy thực lúc cảnh quan vừa đổi mới. Đất nước ta ơn trời thương đến, che chở Nam bang, khai sáng nghiệp trung hưng, thánh thần cùng kế nối. [3a] Nhân hậu vun đắp cao dày, đất trời hợp cùng phù trợ. Mở ra bản đồ thống nhất, lưu truyền triều đại nghìn năm. Được tiếp nhận cơ

---

phúc lành cho xã tắc". Về sau Thái Tổ tuân di mệnh truyền ngôi cho em là Triệu Quang Nghĩa, tức Tống Thái Tông. Câu này giải thích việc vua Khải Định lên ngôi kế tiếp vua Duy Tân là có lợi cho xã tắc.

[1] *Phụng Hóa công*: tước hiệu của vua Khải Định.

nghiệp vững vàng, phải trông nom không hề lơi lỏng. Vừa rồi giữa chừng gặp hạn, thời thế vào lúc gian nan. Tôn xã tưởng chừng ngả nghiêng, nước nhà phát sinh biến cố. Bụi lắm vó thạch mã, khó giữ vững kim âu. [3b] May nhờ đức Tiên Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế; nối nghiệp lớn vỗ yên trăm họ, tỏ đại nghĩa để kết bang giao, tái tạo cơ đồ, trù mưu gây dựng. Nhưng trời xanh kia tiếc lấy đi tuổi thọ, đó chính là khi ta tuổi vẫn ấu thơ. Tùy theo thời thế mà phải quyền nghi, cho con của anh kế thừa đại thống. Thời gian đã trải hai mươi tám năm, kính tuân sắc văn yên bề phiên phục. Quốc gia nay gặp cơn biến cố, [4a] ngôi trời kia để trống lâu ngày. Sau khi Phủ Phụ chính, Phủ Tôn nhân cùng các Đình thần hội đồng bàn bạc, trình lên Tổng thống Bảo hộ nước Đại Pháp, quan Đại thần Toàn quyền Đông Dương và quan Khâm sứ Đại thần trú tại Kinh thành, đồng thanh rước trẫm lên kế thừa ngôi lớn. Thấy rằng thời cuộc gian nan, đức mỏng khó kham gánh vác. Lại nghĩ xã tắc làm trọng, lòng người không thể không theo. Nên phải theo lời bàn của mọi người mà nhận kế thừa nghiệp lớn. Chọn ngày 16 tháng 4 năm nay tới kì cáo Giao miếu, đến ngày 17 lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa, đặt niên hiệu Khải Định nguyên niên. [4b] Vẫn non sông cũ, gắng vun tình hữu nghị lân bang; mọi mối qui về, lại thấy cảnh rạng ngời ngày trước. Đã nhận mệnh lớn giữ vững cơ đồ, cần phải gia ân xuống cho thần thứ. Những điều suy ân sẽ do hữu ti bàn bạc từng khoản thỏa đáng rồi tâu lên thi hành.

Ôi, chính ngôi mà thừa mệnh, mới hay lịch số theo về; gom phúc lại cho dân, cốt sao ân trên rải khắp. Nay bố cáo rộng rãi cho mọi người cùng được biết. Khâm tai".

Sau khi lễ cử hành xong Tấn quang, xuống Dụ cho thần dân trong ngoài rằng:

"Ở đất nước văn hiến xưa nay, thần dân luôn coi trọng cương thường; muốn xã tắc yên ổn vững vàng, nhà vua phải chăm lo cơ vụ. Đã nhận sự trông mong tin cậy, trước hết muốn bộc bạch đôi lời.

Trẫm là con trưởng của Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế Tiên triều, [5a] từ nhỏ sống náu mình ở điện riêng. Lớn lên tiếp nhận phân phong, dốc chí làm tròn phận sự phiên thuộc, đã từ lâu chẳng để tâm đến chuyện ngai vàng. Gần đây vì bọn hỗn dân và người trong cung đình gây biến loạn, khiến quốc gia xã tắc lâm nguy như trứng treo đầu đẳng. May nhờ có quan Khâm sứ Đại thần Sa Lê[1] đã tiên liệu từ trước mà lo trấn tĩnh khiến tình hình chuyển nguy thành an. Đó cũng là nhờ có Liệt Thánh triều ta linh thiêng phù hộ nên mới được như thế. Nay Quí Toàn quyền Đại thần, Quí Khâm sứ Đại thần cùng với Quí quan và các vị Đại thần trong chính phủ trên là thể xét công lao từ trước, dưới là nghe theo nguyện vọng của dân chúng mà đón trẫm từ hàng phiên thần vào lên ngôi. Vào lúc này, khi vừa mới lên trông coi thần dân trong nước [5b] chính là những ngày trong lòng trẫm ngổn ngang những nỗi niềm lo ngại vì thấy mình còn ít đức. Nhớ lại những ngày đầu trung hưng của Hoàng khảo Hoàng đế triều ta, đức trời cao rộng, dấy vận thái bình, đi tuần phương Bắc, phủ dụ phương Nam, củng cố hòa mục với lân bang, chỉnh đốn kỉ cương đang suy thoái, dẹp yên phiến loạn, để đem lại cái phúc hòa bình yên ổn, đạt tới cái nghĩa hữu nghị với lân bang, chế ngự được thiên hạ. [6a] Thực là mưu kế cao sâu, sự nghiệp oanh liệt còn rạng rỡ đến tận ngày nay. Giờ đây trẫm học nông đức mỏng, đâu có dám sánh với các bậc tiền liệt, dẫn dắt các ngươi nối tiếp nghiệp lớn, luôn luôn canh cánh nỗi lo trong lòng,

---

[1] *Sa Lê*: phiên âm tên tiếng Pháp Charles, tên đầy đủ là Jean Eugène Charles.

chỉ sợ lại phụ công lao ủng hộ nâng đỡ của các Đại thần của Quí Bảo hộ cùng Đại thần trong Chính phủ và niềm trông ngóng của thần dân trong thiên hạ. Cục thế hiện nay tình hình vừa đổi mới, con người và sự vật cũng khác xưa. Mọi toan tính quyết định còn phải nhờ cậy vào sự tham mưu hỗ trợ của các vị Đại thần của Quí Bảo hộ và các Đại thần trong Chính phủ để phụ giúp vào những điều bất túc của trẫm. Những việc trông đợi sắp tới còn nhiều, không thể kể hết ra được. Duy có điều dân tình gần đây quen thói tùy ý làm càn, vì ngu tối hành động mù quáng mà tự chuốc lấy tội lỗi, trẫm thực rất lấy làm đau xót [6b] không thể không rườm lời bảo cho mà biết.

Ôi, đang trong cơn nguy cấp ngấp nghé giáo gươm, bỗng chốc chuyển sang cảnh ngày hội xênh xang áo mũ. Nước ta được Quí Bảo hộ cùng trợ giúp cai trị khiến mọi chuyện đều thành tốt đẹp. Trong hơn ba chục năm nay, dẫu chẳng dám so sánh với tiền cổ, nhưng cũng là điều tốt lành đảm bảo cho khỏi âu lo. Huống chi lại còn mở trường học ở khắp nơi nuôi dưỡng nhân tài, đem giáo thuyết thuộc mọi lĩnh vực dạy bảo cho về lời nói và việc làm, khiến nước ta trong tương lai trở nên văn minh tiến bộ sánh vai cùng các cường quốc Tây Âu. Đó chính là mối quan hệ nhờ cậy nương tựa lẫn nhau giữa nước Nam ta với Quí Bảo hộ, giống như quan hệ giữa người mang bệnh nặng với người thày thuốc giỏi vậy, cái lí cái thế là phải như vậy, làm sao tách rời khỏi nhau cho được.

Nước ta sở dĩ không thể thiếu được Quí Bảo hộ đại khái bởi ba nhẽ. Hiện thời phong trào văn minh ở mọi miền đất đang lên đến cực điểm. Những nước đông dân lắm của đang hăng hái đua nhau tranh giành quyền lợi trên vũ trường. [7a] Nước ta nghèo khổ đã lâu, chân nguyên còn chưa phục hồi, liệu có thể đương đầu được không? Đó là một nhẽ. Người châu Âu bẩm

tính can đảm, nhiệt thành, mỗi khi bị ngoại bang khinh rẻ chèn ép thì sẵn sàng xả thân chiến đấu. Trong khi người Nam ta tính khí vốn mềm yếu, nhân tâm chẳng còn được thuần phác như xưa, như thế thì liệu có thể tự bảo vệ cương thổ của mình được chăng? Đó là nhẽ thứ hai. Đất đai có nhiều tài nguyên mà không biết làm cho sinh lợi, người đông có dư sức mà lại không tinh về các mẹo mực làm ăn, cứ cắm cúi vào làm mà thiếu hiểu biết. Quí Bảo hộ mà không chế tạo ra xe cho người Nam thì liệu ta có tự hiểu được nguyên lí cách thức hay không? Đó là nhẽ thứ ba. Với ba nhẽ đó mà muốn giương cao lá cờ trung lập thì khó tránh khỏi sự chê cười mà câu thơ ngạn ngữ bên Tàu rằng: "Hà tay không đánh cọp, Chân đất lội sông sâu. Biết mỗi điều nhỏ hẹp, Bao chuyện lớn biết đâu"[1] chính là bài thuốc châm biếm để chữa cái bệnh hành động mà thiếu suy nghĩ, [7b] thực đáng để suy xét vậy. Trẫm muốn các thần dân ngoài Bắc Kì cũng như trong Nam Kì hãy hiểu rõ những lẽ đó, những mong vỡ vạc dần để từ đó mưu đồ lợi ích. Người thuộc các tầng lớp sĩ, nông, công, thương hãy chăm chỉ chuyên tâm vào nghề của mình, những ai khéo léo tinh xảo thì tự suy nghĩ ra cách làm cố gắng sao cho có hiệu quả. Người thuộc lớp quan lại, thân sĩ, binh biền phải thận trọng trong thi hành chức phận, những kẻ gian dối, nhận hối lộ thì phải tự biết nhục mà vung cuốc xới bỏ thói tệ, thi hành đúng bổn phận, không màng những cái không thuộc về mình, sống thực chất bình dị mà đợi mệnh trời, tùy hội ngộ mà thu nhận lợi ích[2]. Có như thế thì trí tuệ nâng cao, sự nghiệp thành đạt, yên

---

[1] Trích câu thơ trong *Kinh thi, Tiểu nhã*: "Bất cảm bộc hổ, Bất cảm bằng hà. Nhân tri kì nhất, Mạc tri kì tha", là xuất xứ của thành ngữ *Bộc hổ bằng hà*, chỉ hành động hữu dũng vô mưu, mù quáng liều lĩnh.

[2] Đoạn này trích ý của câu trong *Trung dung*.

ổn lâu dài, cảnh giàu sang sẽ về, điều tốt đẹp ắt tới. Trên thì củng cố an ninh cho tôn xã quốc gia vững vàng như bàn thạch, dưới thì đảm bảo lợi ích cho đồng bào giống nòi dồi dào tựa vàng ròng. Thực là vẻ vang, lớn lao lắm thay. *Kinh Thư* có câu "Thuận theo đạo thì lành, ngược với đạo thì dữ. Điều đó thể hiện rất nhanh nhạy như hình với bóng, như âm thanh với tiếng vang"[1]; *Kinh Thi* cũng nói: "Ở trong không ai ghét, [8a] Ở ngoài chẳng ai chán. Thận trọng suốt đêm ngày, Giữ cho tròn danh tiếng"[2], chính là đều nói về điều đó vậy. Các ngươi chớ có thấy lời của trẫm thô thiển mà cho là lời nói suông, để rồi phụ lòng mong mỏi của trẫm.

Tờ Dụ này đã qua các Đại thần trong chính phủ xem duyệt ý tứ và nhuận sắc. Vậy truyền cho các cơ quan hữu ti sao lục chuyển tới khắp các địa phương trong ngoài để dán yết thị cho mọi người đều rõ mà tuân theo".

Tháng 8, chuẩn lấy ngày mồng 1 tháng 9 hàng năm làm ngày chính của lễ Vạn thọ khánh tiết, vua tới điện Thái Hòa nhận sự chúc mừng của Quí Khâm sứ Đại thần và các quan trong triều, lấy đó làm lệ thường hàng năm.

[8b] Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 2 là ngày Bính Dần, lập Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy làm Đông cung Hoàng Thái tử. Trước đó, Phủ Tôn nhân và Viện Cơ mật tâu xin với vua sớm lập Đông cung để làm yên lòng mọi người và làm long trọng thể thống quốc gia, bèn viết thư gửi sang cho triều đình Đại Pháp. Đến giờ quan Khâm sứ Đại thần dâng sớ nói, chính phủ Đại

---

[1] Câu trích trong *Kinh Thư, Đại Vũ mô*.

[2] Câu trích trong *Kinh Thi,Chu tụng*, nói về Tống Vi tử khi ở nước Tống thì được dân kính nể, sang nước Chu thì được mọi người yêu mến, đó là nhờ đêm ngày thận trọng giữ gìn bản thân nên có được danh tiếng lâu dài.

Pháp rất vui mừng trước việc lập Đông cung. Ngày gần đây Quí Toàn quyền Đại thần đã tấu đạt lên rằng đây là một việc quốc kế lớn cần phải sớm định liệu, là ước nguyện tha thiết để đảm bảo giữ gìn phúc khánh lâu dài của một Đế quốc vĩ đại. Vua bèn giáng Dụ rằng:

"Thống nhất thiên hạ xa thư một mối, việc không ngoài phải thiết lập kỉ cương; Củng cố triều đình bền vững thái bàn, điều trước hết cần vun trồng căn bản. [9a] Gương sáng của các bậc đế vương anh minh cổ xưa vẫn còn soi rọi đến ngày nay. Bởi thế đế vương mỗi khi lên kế ngôi đều phải sớm lập trừ cung.

Hoàng trưởng tử của trẫm là Vĩnh Thụy tuổi còn thơ dại, thể chất yếu ớt, học nông tài vụng, còn đang phải trau dồi nhiều mới trở nên tinh, như viên ngọc còn chưa kịp dùi mài đợi khi trở thành tài để ngày sau đạt đức vọng. Vừa rồi các Đại thần ở Phủ Tôn nhân và Viện Cơ mật cùng đồng thanh kêu xin lập làm Đông cung, ý nói rằng đây là đại kế của quốc gia, phải quyết định sớm trước mọi việc, để đáp ứng nguyện vọng của thần dân về sự kế thừa, định đặt ra đầu mối cho sự thái bình lâu dài ngàn năm. Ngôi báu có người dự bị kế thừa sẽ tránh được sự dòm ngó của những người thuộc chi bàng, tôn xã giữ được yên ổn, triều đình qui về một mối. Trẫm đã suy nghĩ kĩ càng về điều đó. Việc liên quan đến quốc thống, trong tương lai trách nhiệm gánh vác còn khó khăn, cần phải có sự thỏa thuận của nước bạn tư vấn về những sách lược lâu dài. Vì vậy đã đem duyên do gửi sang chờ hồi âm. [9b] Tới ngày 25 tháng Giêng năm nay, Quí Toàn quyền Đại thần vào Kinh gặp mặt yết kiến đã chuyển đạt ý kiến của triều đình Đại Pháp và chính phủ Bảo hộ tỏ ý rất vui mừng công nhận. Quí Khâm sứ Đại thần Bác Kê[1] cũng đã đệ sớ khuyên

---

[1] *Bác Kê*: phiên âm tên tiếng Pháp Pasquier. Tên đầy đủ là Pierre Marie Antoine Pasquier.

thỉnh làm theo ý của Quí Toàn quyền Đại thần trong buổi gặp gỡ, nói rằng việc sớm lập Đông cung đã được sự công nhận của nước bạn nhằm củng cố phúc lâu dài cho Vương quốc. Ôi, thiên mệnh vô thường tưởng chừng như không liên quan gì đến việc của người, nhưng đã dự vào rồi thì việc tạo dựng tất phải do con người mưu tính. Huống chi nay mọi người đã cùng chung ý kiến nghị bàn suy tính sâu xa, lại được nước bạn vui vẻ đồng tình tán trợ cho mưu đồ lâu dài, khiến bản thân trẫm phải thuận theo ý muốn tốt đẹp của lân bang để giữ tình hòa hiếu, và làm theo ý chí của mọi người để khỏi đi ngược lại lòng mong đợi ngóng trông. Sau khi đem sự việc tâu thỉnh lên Lưỡng cung, [10a] kính nhận được ý chỉ cho phép, nay truyền lập Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy làm Đông cung Hoàng Thái tử. Các cơ quan hữu ti tra cứu theo điển cũ chọn ngày lành làm lễ cáo Tôn miếu, nghĩ định các sự thể nghi thức, soạn thảo đại cáo, ghi phiến phúc tâu lên để có chuẩn riêng thi hành".

Đến ngày hôm đó, bày nghi thức đại triều tại điện Thái Hòa cử hành lễ sách lập. Tuyên đọc Kim sách nói rằng:

"Chấn cung[1] biểu tượng là cây vàng nảy cành vàng; Hoàng phái[2] khơi nhành giữ Ngân hà bằng Thiếu hải[3]. Nghĩ rằng lo củng cố đời sau phải để lại mưu hay, để giữ phúc lâu bền cần người thừa kế giỏi.

Xét Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy, đương tuổi còn thơ, tư chất đĩnh ngộ. Kính thày mến bạn, muốn nên vàng thuần còn phải nhờ nấu luyện; [10b] đạt đức thành tài, những mong ngọc sáng

---

[1] *Chấn cung*: Quẻ Chấn trong *Kinh Dịch* chỉ người con trai. Vì thế Chấn cung chỉ Hoàng tử con vua.

[2] *Hoàng phái*: chỉ dòng dõi nhà vua.

[3] *Thiếu hải*: chỉ ngôi Thái tử.

phải chau chuốt cần cù. Vì thế vốn không nên gượng ép nuông chiều quá sớm, muốn để cho biết lễ giáo đã rồi sau mới tôn lên. Tuổi thanh xuân đâu thiếu cơ hội vàng, ban áo tía vẫn còn chừa chỗ trống. Nhưng mới rồi các vị ở Phủ Tôn nhân và Viện Cơ mật cùng đồng thanh kêu xin, Quí Toàn quyền Đại thần khi vào yết kiến cũng đề đạt hảo ý của Quí Triều đình Đại Pháp và Chính phủ Bảo hộ, mong muốn sớm lập Đông cung để giữ gìn Vương quốc này. Quí Khâm sứ Đại thần cũng đã đệ sớ khuyên trẫm nên nể tình lân bang và nghe theo nguyện vọng của mọi người. Đây không phải là vì riêng tư đem thiên hạ truyền lại cho con, đặt nền móng thái bình âu ca như vua Vũ truyền ngôi cho con là Khải ở Cối Kê, mà là do sự công nhận ngôi kế thừa của nước bạn và sự đồng lòng suy tôn của mình hội. Thế rồi chọn ngày kính cáo Tôn miếu, lập khanh làm Đông cung Hoàng Thái tử, ban cho sách bảo để khanh giữ gìn mà biết giữ lòng thận trọng, [11a] tu rèn đạo đức quân thần phụ tử để thực hiện trong gia đình; trau dồi kiến thức tu tề trị bình mà thi thố vào sự nghiệp, suy nghĩ phấn đấu trong bước đường tương lai để làm rạng rỡ mệnh sáng của ta. Khâm tai".

Lễ sách phong cử hành xong, vua ngự điện Thái Hòa để nhận chúc mừng. Tuyên Đại cáo khắp trong ngoài, đại lược nói:

"Để duy trì cơ nghiệp kế thừa cho tôn xã thì ắt phải mưu tính sâu xa; Muốn củng cố nền móng lâu dài của quốc gia cần vun bồi gốc ngay từ trước. Ngày xưa các vua chúa sáng suốt sớm lập sẵn ngôi vị cho người kế thừa đều vì trọng quốc thống và nhằm để qui nhân tâm về một mối.

Trẫm được vẻ vang kế thừa nghiệp lớn, suy tính mưu lo đại kế, luôn nghĩ rằng, Tam vương coi thiên hạ là nhà để rồi thi hành đại đạo; một người vì trăm họ gánh vác mới hợp đức ý muôn dân. [11b] Hoàng tử con trưởng của trẫm là Vĩnh Thụy đang tuổi

học hành tu dưỡng, như cây non đón nắng mặt trời. Phụng thị vấn an, đức hiếu trong ngoài đều biết; Kính thày mến bạn, lễ nghi giữ ở gia đình. Việc sách phong có quan hệ đến cội rễ quốc gia, thần dân trông ngóng. Vừa qua, các Đại thần ở Phủ Tôn nhân, Viện Cơ mật cùng đồng thanh tâu xin, đồng thời Quí Toàn quyền Đại thần khi yết kiến có đề xuất, Khâm sứ Đại thần đệ sớ nêu vấn đề đệ trình gửi về Pháp, Quí triều đình và Chính phủ Bảo hộ đều vui lòng công nhận, và khuyên sớm lập Đông cung để giữ gìn Đế quốc. Vì thế trẫm phải nghe theo ý kiến mọi người và để thể hiện sự tôn trọng quan hệ hữu nghị với nước bạn. Sau khi đem sự việc tâu lên Lưỡng cung, [12a] nhận được ý chỉ thuận ý, đã cho chọn ngày lành là ngày mồng 1 tháng này kính cáo các Tôn miếu, ngày mồng 2 cử hành lễ sách lập Đông cung Hoàng Thái tử tại điện Thái Hòa để làm rõ vấn đề thừa tự kế nối tổ tông, định kế lâu dài, thỏa lòng dân chúng.

Ôi ! Kế sách chu toàn dài lâu, vì thiên hạ mà kén được người; Vật báu có kẻ kế thừa, đem thiên hạ trao cho con đẻ. Đặc biệt bố cáo rộng rãi cho mọi người cùng biết, Khâm tai".

Ban cho Thái tử trượng bạch ngọc Như ý và ngự kiếm Thiên long. Dụ rằng:

"Lễ chế triều ta qui định Hoàng đế cầm ngọc Trấn khuê, bá quan thì cầm hốt ngà để phân biệt vua tôi. Riêng đối với Đông cung thì cầm vật gì, tra cứu trong các sách hội điển đều không thấy có qui định rõ ràng. Có thể là ghi chép hồi đó còn bỏ sót. Lại xem trong Chu lễ thì qui định bậc Vương cầm Trấn khuê, Công cầm Hoàn khuê, Hầu cầm Tín khuê, Bá cầm Cung khuê. Đó là bởi ngày xưa, bậc thiên tử thì làm chủ cả thiên hạ, các chư hầu làm chủ một nước, đều có trách nhiệm làm vua nên mới qui định như vậy. Lại tra cứu lễ chế của các triều Minh, Thanh thì qui định thiên tử cầm Trấn khuê, còn chư hầu thì cầm Như ý.

Nay đã lập ngôi vị thừa kế cho Hoàng Thái tử, tham chiếu theo lễ chế của triều nhà Minh, trẫm có một cây trượng Như ý bằng ngọc màu trắng mỡ cừu vốn vẫn cất giữ trong kho quốc tệ, trên có khắc bốn chữ *Đại Nam Như ý*, gần đây bị thất lạc ra ngoài, trẫm tìm mua được đem về ban cho Hoàng Thái tử Vĩnh Thụy, để mỗi khi vào dự lễ thị triều thì bận triều phục rồi cầm ở trên tay cho hợp lễ và để phân biệt. Đồng thời sắc ban cho một thanh ngự kiếm Thiên long, bao kiếm bằng gỗ quảng đàn khảm ngọc, đều có mạ vàng điêu khắc hình rồng mây, [12b] trên lưỡi kiếm bên trong có khắc ba chữ *Thiên long kiếm*, để mỗi kì tế Giao và các phiên chầu có dùng nghi vệ cảnh giới được phép đi theo thị vệ thì cầm kiếm này đi trước dẫn đường nhằm tỏ sự uy nghi và thêm phần trọng thể. Truyền cho các ty liên quan chuẩn bị sẵn sàng long đình, nhã nhạc cùng nghi trượng đầy đủ đợi tới sáng sớm ngày mồng 1 tháng sau, chuẩn cho quan Thống quản Thị vệ Đại thần kính mang thanh bảo kiếm Như ý tới cung An Định truyền chỉ ban cho Hoàng Thái tử nhận lãnh. Truyền tuân hành".

Tháng 9, truyền lấy ngày sinh của Hoàng Thái tử (tức ngày 23 tháng 9) làm ngày khánh tiết Thiên xuân. Bấy giờ Bộ Lễ tâu rằng vào hôm đó, ở Kinh cho treo cờ các màu tại kì đài, tối đến trưng thắp đèn. Ở bên ngoài tại hành cung và nha môn các Bộ, Viện cũng treo cờ trưng đèn để thể hiện là ngày khánh tiết. Vua phê rằng:

"Đề nghị của Bộ thần rất đúng. Tuy nhiên hiện Hoàng Thái tử còn nhỏ tuổi, cũng không nên tỏ sự tôn sùng quá mức. Nên đến ngày đó chỉ cần treo cờ trưng đèn ở các cổng thành là đủ bày tỏ cả tình cảm và lễ nghi rồi, còn việc treo cờ mừng và trưng đèn ở kì đài cũng như tại hành cung bên ngoài thì nên bãi bỏ".

KÍNH THIÊN

[14a] Năm Khải Định nguyên niên [1816]. Mùa đông, tháng 10, nạn lụt xảy ra tại hai tỉnh Bình Định và Phan Thiết. Viện Cơ mật tấu báo lên. Vua phê rằng:

"Gần đây thấy thời tiết trong hạt có phần thuận hòa đôi chút nhưng trẫm vẫn chưa dám mừng rỡ đến quên nỗi lo lắng, đêm nằm ngủ sớm tỉnh dậy chưa từng lúc nào lười nhác, vậy mà vẫn không vãn hồi được ý trời ra oai. Tai họa này ý chừng trẫm đức còn mỏng chưa đủ để đem phúc lại cho dân, hay là chính sự còn chưa tu chỉnh, quan lại còn chưa lựa được người chăng? Truyền cho các quan lại phải biết sợ hãi mà chuyên lo vào chức phận của mình. Bản thân trẫm cũng phải tự tu tỉnh để mong thời tiết êm ả trở lại, [14b] không được phó mặc làm ngơ".

Năm Khải Định thứ 2 [1817]. Tháng 2 nhuận, vua phán bảo Bộ Lễ rằng:

"Mấy ngày gần đây trời nhiều sương mù, trở trời rét buốt, đồng ruộng khó tránh khỏi bị ảnh hưởng tổn hại, sợ rằng rồi lại mất mùa đói kém. Truyền cho Bộ phải thành tâm sửa lễ đến đền miếu nào linh thiêng tiến hành cầu đảo, may ra thời tiết thuận hòa trở lại để cứu giúp dân chúng. Ở trong cung trẫm cũng sẽ thành tâm cầu khấn. Việc này không được chậm trễ".

Tháng 8, tỉnh Bình Định gặp hạn hán, Tỉnh thần làm lễ cầu mưa được ứng nghiệm. Bộ Hộ tâu lên. Vua phê rằng:

"Tỉnh thần tỉnh ấy đã biết thành tâm cầu đảo, được thần linh cảm cách ban cho mưa xuống cho dân chúng, khiến trẫm rất hài lòng. [15a] Truyền giáng chỉ khen thưởng. Hãy xem xét nếu quả có mưa to thỏa được mong mỏi của dân chúng thì chuẩn chiếu lệ biện lễ tới tạ ơn. Truyền cho lập tức tuân hành".

Tháng 9, lụt ở tỉnh Thanh Hóa. Bộ Hộ tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Trẫm vẫn xem trên báo thấy liên tiếp nhiều nước trên thế giới cũng đều gặp phải thiên tai, chứng như trời giáng họa như thế để răn đe tình trạng loài người đang tranh giành lẫn nhau, báo cho biết để tu tỉnh mà tạo ra cục diện hòa bình. Ở nước ta, trẫm từ khi lên ngôi tới nay vẫn luôn kính cẩn lo sửa sang chính sự, quên ăn quên ngủ phụng sự tôn xã sớm tối không lúc nào dám lơi, [15b] vậy mà trời vẫn còn giận dữ để đến nỗi khổ sở cho dân chúng. Đó có phải là bởi trẫm kính trời thờ tổ chưa được tròn chức phận chăng? Hay là do trẫm sửa chính sự, lo cho dân, chọn cử người hiền, hòa thuận tông tộc chưa được tận tâm chăng? Truyền cho bá quan các chức, các khanh hãy hết lòng phụ giúp bổ sung điều bất cập và sửa bỏ những lỗi lầm cho trẫm. Quan tỉnh ấy hãy kiểm tra xem xét tình trạng tổn thất hiện tại rồi tư trình Bộ Hộ chiếu lệ chẩn cấp cho dân chúng".

Năm Khải Định thứ 3 [1818]. Tháng 2, ngày 13, vua thân hành [16a] làm lễ tế trời đất tại đàn Nam Giao và làm lễ thăng phối cho Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế. Lễ xong Ngự giá về cung, thiết triều tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng của các quan.

Mùa thu, tháng 7, vua thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo thị thần rằng:

"Trẫm nghe tin phủ Thừa Thiên lại có loài sâu rày rất nhỏ mà phát triển gây hại cho rất nhiều đồng ruộng. Đó cũng là một điều dị thường. Thế giới hiện giờ đang khuấy lầm cát bụi bởi những hành động ngu tối của các nước, khiến thiên tai lan rộng khắp nơi, [16b] ở nước nào cũng có. Dân Nhật Bản hiện đương đói to, trộm cướp nảy sinh như ong bắn giết lẫn nhau. Xem ra nước Nam ta cũng còn có phần yên ổn hơn nhiều nước khác. Quan trọng là thấy thiên tai thì phải biết sợ để rồi tu chỉnh nhân sự nhằm vãn hồi khí hóa".

Năm Khải Định thứ 5 [1820]. Mùa xuân, tháng Giêng, ruộng đồng phủ Thừa Thiên được mùa. Bộ Hộ tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Trời vận gió mưa lẽ đâu có sai sót. Chỉ vì trẫm một lòng lo lắng cho dân mà cầu xin nên dẫu có được ban cho chút may mắn đó, nhưng cũng chưa chắc có được mùa thật sự hay không. Cho nên chớ vội tự mãn sớm như vậy".

[17a] Tỉnh Quảng Nam nhờ có mưa nên đồng ruộng được mùa. Sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Kính nhờ trời ban phúc làm mưa to cho dân chúng được nhờ. Đó là niềm vui cho địa phương vậy".

Năm Khải Định thứ 6 [1821]. Tháng 2, khi vua sắp Ngự giá về cung trai giới để làm lễ tế Giao, Dụ rằng:

"Hoàng Trưởng tử tựa như cây non mới mọc, phải được dưỡng chính nơi sơn tuyền để về sau gánh vác trách nhiệm với quốc gia. Mồng 10 tháng này [17b] có đại lễ tế Giao. Trước đó một ngày trẫm sẽ Ngự giá về cung trai giới, đến ngày sẽ cử hành nghi lễ, xong lại hồi loan. Truyền cho Hoàng Trưởng tử Vĩnh Thụy lưu tại Kinh sung vào cai quản đội thân cấm binh đinh, ngoài việc tham gia hỗ tòng ra, truyền nghe theo sự sai phái của quan Thự Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự, Quản lãnh Thị vệ Đại thần, kiêm quản Thân binh vệ, Thái giám Lê Văn Bách, thực hiện hộ vệ phải hết sức nghiêm ngặt. Còn việc phù liễn (khênh xe kiệu) truyền chuẩn sung Thống chế, lãnh Hữu Tử vệ Chưởng vệ Nguyễn Hữu Tiễn cai quản".

Ngày lễ chính (tức ngày mồng 10), vua thân hành làm lễ thăng phối cho Giản Tôn Nghị Hoàng đế. Lễ xong thiết triều nhận chúc mừng của các quan theo như điển chế cũ.

NOI THEO TỔ TIÊN

[18a] Năm Khải Định nguyên niên [1816]. Mùa đông, tháng 10, Viện thần Viện Cơ mật tâu trình rằng bên Quí tòa bàn xin một khoản tiền trợ cấp cho Phủ thiếp và Công nữ của Bửu Lân công[1]. Vua nhân đó phê rằng:

"Những điều ghi chép trong *Lân kinh*[2] đã ngụ ý đầy đủ khen chê, dùng để làm bài học và tấm gương sáng răn dè cho mai sau, thực là tông chỉ để chuyển loạn thành trị, dùng để chấn chỉnh triều đình, giữ nghiêm thể thống, nếu bỏ đi thì còn ra thế nào.

Triều ta [18b] Thánh Thần kế nối nhau đã 300 năm, điển chương gia pháp nghiêm chính rõ ràng. Mới rồi vì để quyền thần nắm mất quyền bính làm sai lệch khuôn phép Đế vương. Kính nhờ Hoàng khảo ta dấy cuộc trung hưng, gần đây đã chấn chỉnh lại danh hiệu của các đế vương (như Hiệp Hòa dâng biểu gọi là Phế đế), đó chính là noi theo tổ tiên để nghiêm gia pháp. Thành Thái và Duy Tân là hai người không xứng đáng, nối tiếp nhau làm nghiêng lệch cả điển chương phép tắc, không chỉ có tội với tôn xã mà còn có tội với cả các quần thần và dân chúng trăm họ. Như thế muốn noi theo tổ tiên, làm sáng tỏ điển chương thì làm sao có thể điềm nhiên bỏ qua cho được. Thế mà còn luôn thấy trong các bản phiến tấu nhiều chỗ vẫn cứ gọi Bửu Lân công với lại Hoàng tử Vĩnh San[3] là cớ làm sao. Thánh nhân có câu: Danh bất chính thì ngôn bất thuận, huống chi lại để cho người đời bàn ra tán vào thì còn ra thế nào. [19a] Truyền giao việc này cho Đình thần bàn bạc rồi tâu lên".

---

[1] *Bửu Lân công*: tức vua Thành Thái, tên là Nguyễn Phúc Bửu Lân.

[2] *Lân kinh*: hay còn gọi là *Lân sử*, chỉ sách *Xuân thu* của Khổng Tử.

[3] *Hoàng tử Vĩnh San*: tức vua Duy Tân, tên là Nguyễn Phúc Vĩnh San.

Sau đó Đình thần tâu xin gọi Thành Thái là "Hoài Khâm công" (chữ "Khâm" kính nhận được ngự bút Châu phê đổi thành chữ "Trạch"), còn Duy Tân rút về thành Công tử. Vua phê rằng:

"Việc nước xưa nay khó khăn nhất thực vẫn là chuyện đối xử với con người, muốn xử trí cho đúng gia pháp thì lại dường như là quá khắc bạc, rồi để lại những lời oán thán, còn cứ để cẩu thả cho qua thì không sáng tỏ được gia pháp mà còn lưu lại điều tiếng về sau. Cho nên phải tùy nghi xem xét mà xử trí thì mới không sai sót. Trẫm là kẻ bình thường được đảm đương trách nhiệm nặng nề, trên thì kế thừa Liệt thánh, dưới chỉ bảo muôn phương, vì thế không thể không giữ nghiêm nếp nhà. Những ai hiểu trẫm sẽ bảo trẫm là tốt bụng, không hề có ý ngạo mạn. Chuyện đối với hai ông Thành Thái và Duy Tân đã được đưa ra công luận nghị xét, ý kiến bàn bạc đã nhất trí, trẫm cũng thể tất. [19b] Về Thành Thái thì nên chiếu theo cách xử trí hồi triều Đồng Khánh. Hàm Nghi là vua bỏ chạy ra ngoài, nếu chiếu theo lệ truy phong là Quận công thì có phần không đúng. Hồi đó vì bị quyền thần ép buộc, mù quáng gây ra sự đánh nhau để rồi bị cưỡng ép xa giá bỏ chạy ra bên ngoài, xét cho cùng chỉ là cách để thoát thân. Nhưng dân chúng lại lầm tưởng là Quí Bảo hộ vì quyền lợi muốn tranh giành đất đai, rồi nhân đó mượn danh nghĩa cần vương để chống đối lại. May nhờ có Tiên Hoàng khảo ta dấy nghiệp trung hưng, kịp thời khuyên ngăn ổn định dân chúng. Nếu chẳng phải vì mong cho đất nước thống nhất về một mối thì sao lại làm như thế. Đến khi Thành Thái tuổi đã về già, bệnh tật khiến tâm tính hành động khác thường, không thể nắm giữ cơ đồ. Quí Bảo hộ e cứ thế lâu ngày sinh biến, nên mới xử trí lập con ông ta là Duy Tân lên ngôi, đó là việc làm tùy nghi để lường trước sự việc. Vào lúc Thành Thái lên đường về phương Nam, giả như Duy Tân biết giữ gìn chớ có quá đà và đừng thay

lòng đổi dạ, [20a] sửa đổi sai lầm của người trước, yên ổn lâu dài hưởng thụ lộc trời, cùng với Quí Bảo hộ chung hưởng yên vui trong cảnh đoàn viên thì có phải là tốt biết bao. Dè đâu lại mắc sai lầm, tự vứt bỏ mình, mang nhục vào thân mà uổng phí cả cơ nghiệp công lao vua cha gây dựng trong suốt mười chín năm trời để rồi trôi xuôi theo dòng nước chảy. Nghĩ cũng thực đáng thương. Vậy chuẩn y theo nghị bàn của triều đình, gọi Thành Thái là Hoài Trạch công để trọn cả hai đường ân nghĩa. Đối với Vĩnh San, lên kế ngôi khi còn nhỏ tuổi, được Quí quốc thương yêu, các bề tôi phụ trợ, cắt cử người phụ đạo để dạy dỗ, rèn giũa cho nên người, chu toàn mọi nhẽ trong hơn chín năm. Nếu không nhờ có ân trạch sâu dày của Liệt thánh đã từ lâu thấm sâu trong trái tim dân chúng, nếu không có tấm lòng công tâm giữ nghĩa của Quí Bảo hộ đã làm theo nguyện vọng của nhân dân thì liệu có được như thế hay không. Ai dè nghé non mới lớn lại đi nghe theo lời bọn phỉ xấu xa ngầm mưu càn bậy, tự ý dời bỏ ngôi vị, [20b] định mê hoặc xúi dục cánh bình dân gây loạn. Hồi ấy ý chừng bọn nổi loạn thấy bên Quí quốc gặp buổi chiến tranh, nghĩ là có thể lợi dụng cơ hội này để mưu đồ càn bậy, vì thế mới xui Vĩnh San dời bỏ ngôi báu, rồi mượn tiếng bảo vệ xa giá mà ngông nghênh hành động. Chúng đâu có biết rằng, vết thương mưng chẳng đợi tiếng kêu rên, người nằm bên đâu để yên cho kẻ ngáy. May mà Quí quốc đã tiên liệu cơ sự từ trước bèn ra tay trấn áp, nên nước mới còn mà dân mới được yên. Chứ nếu không thì biến loạn xảy ra, gió bão sấm sét sẽ đổ tới, không chỉ sinh linh lầm bụi mà cơ đồ Hoàng gia cũng bị đắm chìm. Hành động ấy khiến Vĩnh San không chỉ trở thành đứa con hư hỏng của Thành Thái, mà còn là kẻ có tội với Liệt thánh triều ta. [21a] Mà cũng không chỉ có tội với Liệt thánh mà thôi, mà còn là tội đồ đối với thiên hạ của muôn đời sau. Y

còn được như bây giờ cũng là nhờ có chút may mắn mà thôi. Đến thời buổi hiện nay, như trong ngày hội lớn mũ cao áo dài, tô điểm cảnh thái bình muôn sắc, nếu vua tôi chúng ta không sớm xử trí cho thỏa đáng để cho hậu thế người ta nghị luận thì còn ra thế nào. Vậy đối với Vĩnh San, phàm trong các bản sớ tấu hoặc tờ tư tờ trát qua lại mà đề cập tới y thì chuẩn cho được viết thẳng tên của y, còn về tội trạng đáng phải nhận như thế nào đã được Quí Bảo hộ xét xử thỏa đáng rồi, khỏi phải bàn lại. Truyền các cơ quan hữu quan sao chép rộng rãi cho mọi người cùng biết mà tuân hành".

Hộ bộ Tả Tham tri Hồng Khẩn trích sao *Minh Mệnh cung từ* dâng lên ngự lãm. Vua phê rằng:

"Đây là khuôn phép của nhà ta, trẫm phải kính cẩn mà nghe theo.

[21b] Năm Khải Định thứ 2 [1817]. Mùa xuân, tháng Giêng, Viện Cơ mật biên dịch bản mẫu Chỉ dụ bảo vệ gìn giữ những cây thông ở Tôn lăng do Quí tòa soạn thảo dâng trình lên. Vua phê rằng:

"Vua làm chính sự, việc hiếu phải đặt hàng đầu. Các bậc Tổ Tôn triều ta gây dựng nền móng hết sức gian nan, để lại phúc trạch dài lâu, mưu tính sâu xa cho con cháu to lớn như trời cao vô cùng vô tận. Cho đến ngày nay lưu lại huân lao nơi tôn xã và [22a] di thể ở những lăng tẩm. Con cháu được kế thừa phải kính cẩn vun đắp giữ gìn sao cho cây cối bóng tỏa xanh tươi, cảnh sắc trang nhã, để người đến thăm viếng đều cảm thấy đẹp tươi kì thú, giữ gìn được lâu dài cảnh quan. Người xưa nhìn cây cối tươi tốt hay khô úa mà biết đời hưng thịnh hay suy vi chính là từ ý nghĩa đó.

Trẫm nay kế thừa sự nghiệp, nghĩ tới điều đó đâu dám điềm nhiên làm ngơ. Chỉ vì vừa mới lên ngôi chưa được bao lâu, nên chưa có thời giờ rảnh rỗi. Ơn nhờ có các Quí Đại thần cũng có lòng tu bổ phong cảnh, cùng một chí gìn giữ cơ đồ nên đã sớm

nghĩ đến trước, khiến trẫm cảm thấy hổ thẹn và cảm kích trước tấm thịnh tình mà chân thành lĩnh ý. Lại nghĩ rằng bảo vệ di tích tổ tông chính là chức trách của con cháu, tức là bản thân trẫm phải tự đứng ra đảm đương. Vậy lập tức y theo lời đề nghị, ban sắc thi hành ngay cho công việc được vẹn tròn. Các bề tôi trong triều từ lâu đã được tắm gội ân trạch phải cùng chung sức dốc lòng vào thi hành. Việc bảo vệ bóng cây xanh phải lập tức làm ngay, đâu dám phiền các Quí quan Kiểm lâm phải vất vả lao tâm suy nghĩ đến. [22b] Nay xin y theo những điều khoản đề nghị của Quí Đại thần, nhưng sẽ do Viện thần Viện Cơ mật châm chước nghị bàn sắp xếp, tư sức cho các bộ phận hữu quan, chỉ dẫn việc ươm trồng cây cho đúng phương pháp. Sau đó truyền cho Nội các phụng soạn Chỉ dụ thi hành cho được long trọng và đúng phép tắc. Trước đây, vua còn ít tuổi, có thể bỏ qua không nói đến nữa. Từ khi được các Quí Đại thần của Quí Bảo hộ thuận theo nguyện vọng dân chúng đưa trẫm lên ngôi, rồi lại một lòng tin yêu để khi trưởng thành cùng chung sức đồng lòng vượt qua gian khó của thời cuộc. Đó chính là bởi mong muốn có được lợi ích chung trong tương lai, gây dựng quan hệ tốt đẹp lâu dài mãi mãi. Cho nên việc làm này rất phù hợp, cần xem xét mọi nhẽ nghe theo, làm được tốt thì vừa nâng cao quốc thể mà cũng thỏa lòng dân. Đó chính là nhờ ơn cao dày của Quí Bảo hộ đã tin yêu đến. Cho nên quả nhân đã tận tâm hết sức không quản ngày đêm, xin các Quí Đại thần cùng một dạ thành thực yêu thương thì hiệu quả thu được ắt to lớn vô cùng. [23a] Khi thi hành việc gì phải nên xem xét chu toàn thỏa đáng, sao cho dễ dàng trù liệu trong tương lai, ví như việc nhà nông khi vào vụ thì khó tránh khỏi tình trạng thóc lúa không đủ ăn, chuyện này các Quí Đại thần cao minh hẳn đã sớm hiểu rõ từ trước rồi, khỏi cần nói thêm nữa.

Truyền cho các Đại thần Viện Cơ mật thể theo ý dịch ra Pháp văn toàn bộ lời phê này rồi thương lượng thi hành".

Sau đó Viện thần tuân mệnh phiên dịch đem đi bàn bạc thương lượng, nghị soạn ra các điều khoản dâng lên ngự lãm. Vua chuẩn y đề nghị, rồi xuống Dụ rằng:

"Vua làm chính sự, việc hiếu phải đặt hàng đầu. Các bậc Tổ Tôn triều ta gây dựng nền móng hết sức gian nan, để lại phúc trạch dài lâu, mưu tính sâu xa cho con cháu [23b] to lớn như trời cao vô cùng vô tận. Ngước trông các di tích Tôn lăng sừng sững linh thiêng, có những hàng thông vừa để bao che bảo vệ vừa để điểm tô trang trí, các con cháu kế thừa phải kính cẩn trông nom vun xới để bóng cây luôn xanh tươi râm mát, cảnh sắc trang nhã. Người xưa nhìn cây cối tươi tốt hay khô úa mà biết đời hưng thịnh hay suy vi chính là từ ý nghĩa sâu xa đó. Trước đây phép tắc bảo vệ còn chưa được hoàn thiện, dân vẫn tự tiện vào đốn chặt mà các quan trông coi không ngăn cấm. Đó là tội lỗi không chối cãi được. Trẫm từ ngày lên chấp chính đến nay vẫn luôn suy nghĩ việc bảo vệ di tích của tổ tông chính là chức trách của các con cháu, thấy rằng cho đến nay ở những nơi đó vẫn chưa định đặt ra các điều khoản qui định về bảo vệ những cây thông ở Tôn lăng, [24a] bèn sắc lệnh cho Viện Cơ mật bàn bạc để ra những chỉ thị liên quan đến việc ươm trồng cây phải cho đúng phương pháp để giữ gìn lâu dài bóng cây um tùm xanh tươi, tạo ra vượng khí mãi mãi, để mỗi khi đến thăm viếng đều cảm nhận rằng đó là chốn danh thắng ở Kinh thành và là bóng mát che chở của tổ tông để lại. Đó đồng thời cũng là để bày tỏ phần nào tấm lòng hiếu thuận phụng thờ tổ tiên của trẫm vậy".

Năm Khải Định thứ 3 [1818]. Tháng 2, chuẩn lấy ngày mồng 2 tháng 5 hàng năm làm ngày lễ Kỉ niệm. [24b] Dụ rằng:

"Có một thời gian nan gây dựng thì sau mới có những năm tháng thụ hưởng thành quả yên vui. Được sống những năm tháng thụ hưởng thành quả yên vui thì phải nhớ tới một thời gian nan gây dựng. Vì thế nên các nước văn minh ở bên châu Âu rất coi trọng những ngày lễ Kỉ niệm, như nước Đại Pháp lấy ngày thành lập nền Cộng hòa làm ngày lễ Kỉ niệm Chính Trung, tổ chức yến tiệc vui chơi ca hát để tưởng nhớ những ngày gian khó và bày tỏ niềm vui khi hưởng thành quả nhưng vẫn không quên những điều đó. Nước ta hồi năm ngoái cũng đã bàn định lấy ngày trẫm lên ngôi (ngày 17 tháng 4) làm ngày lễ Kỉ niệm. Đó là bởi vào lúc đó triều đình nghĩ rằng bản thân trẫm âm thầm tu dưỡng lâu ngày, từng trải qua nhiều gian khổ, nên lúc đăng quang thần dân cùng thể hiện tình cảm vui mừng mà bàn định như vậy, nhưng xét về lí thì như thế e còn có phần chưa thỏa chăng. Theo đạo cương thường thống nhất tất cả thì trong *Lân kinh* có câu "Xuân vương chính nguyệt, vạn niên gia quốc"[1]. Đối với triều ta thì năm Gia Long nguyên niên là năm khởi đầu tạo dựng thành công sau bao gian nan vất vả, lẽ nào lại nỡ bỏ qua để đi kỉ niệm ngày nào khác. [25a] Vì thế, về ngày lễ Kỉ niệm chuẩn đổi lại, lấy ngày mồng 2 tháng 5, tức là ngày đầu tiên Thế tổ Cao Hoàng đế triều ta sau hơn hai mươi năm gian khổ hoàn thành vô công đại định thiên hạ mà vẻ vang lên ngôi nhận mệnh lớn. Truyền tới ngày đó, trẫm sẽ thân hành dẫn Tôn nhân phủ cùng Đình thần văn võ ra Thế miếu kính cẩn hành lễ. Lễ xong trẫm về cung thiết triều nghi bình thường tại điện Cần Chính để nhận chúc mừng. Các cơ quan hữu ti phải soạn định ra

---

[1] Ý nói tháng Giêng là tháng bắt đầu của năm, nên là tháng mở đầu cho vạn năm của muôn nước muôn nhà.

nghi thức chi tiết để lấy đó thành lệ. Vào ngày hôm đó, tất cả quan lại, binh lính và dân chúng đều chuẩn cho được nghỉ ngơi vui chơi cả ngày để cùng chia sẻ niềm vui. Lại tưởng nhớ tới Anh Duệ Hoàng Thái tử Điện hạ[1] khi còn trẻ tuổi đã theo ra đánh trận, khảng khái sang tận phương xa làm con tin để góp phần hoàn thành võ công sáng nghiệp của Thế Tổ Cao Hoàng đế, thực là trung hiếu vẹn toàn, công lao to lớn để lại cho xã tắc [25b], rất đáng tôn sùng thờ phụng. Vì vậy chuẩn cho lập một miếu thờ riêng, hàng năm tới tổ chức lễ tế để biểu dương công lao oanh liệt và an ủi hương hồn của Điện hạ. Truyền sao chép thông báo rộng rãi thi hành".

Năm Khải Định thứ 4 [1819], tháng 4, chuẩn đặt tên gọi tôn kính ngày lễ Kỉ niệm là lễ Khánh niệm Hưng Quốc. Dụ rằng:

"Nước ta mới định đặt ra một ngày lễ Kỉ niệm, đó là ngày đầu tiên Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta khai sáng ra sự nghiệp lớn lao để lại cho muôn đời sau. Trẫm xét thấy thần dân khắp trong nước được tin ấy ai cũng hân hoan mừng rỡ tuân hành, thậm chí có nơi bỏ qua cả ngày tết Đoan dương để vui mừng tổ chức ngày Kỉ niệm này. [26a] Điều đó chứng tỏ đức trạch to lớn của Liệt thánh đã thấm đượm sâu sắc trong lòng dân

---

[1] *Anh Duệ Hoàng Thái tử*: tên là Cảnh, con trưởng của vua Gia Long. Tháng 7 năm Quý Mão (1783) Gia Long gửi Hoàng tử Cảnh khi ấy mới 4 tuổi cho Bá Đa Lộc làm con tin để nhờ đi cầu viện. Tháng 12 năm Giáp Thìn (1784) Phạm Văn Nhân và Nguyễn Văn Liêm cùng Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh sang Tây, nhưng vì bên Tây đang có sự biến nên phải đến tháng 6 năm Bính Ngọ (1786) Bá Đa Lộc mới đưa Hoàng tử Cảnh đến nước Pháp. Hoàng tử Cảnh ở lại Pháp đến tận tháng 6 năm Kỷ Dậu (1789) mới trở về nước. Tháng 3 năm Quý Sửu (1793) được lập làm Đông cung, sau đó làm Nguyên soái theo vua Gia Long đánh trận, đến tháng 2 năm Tân Dậu (1801) thì bị ốm và mất tại trấn Gia Định khi mới 22 tuổi.

chúng, cũng còn cho thấy tấm lòng thuần hậu của dân ta hướng tới văn minh và đức hóa của triều đình, khiến trẫm vô cùng mừng rỡ và càng thêm phần tin yêu. Nhưng nếu chỉ dùng hai chữ "Kỉ niệm" không thôi thì e lẫn lộn và chưa hợp với nguyện vọng của nhân dân. Để ghi lại ngày vui mừng và thể hiện lòng ghi tạc không quên thì chi bằng đặt cho một cái tên gọi đẹp đẽ để lưu truyền mãi mãi. Vì vậy hai chữ "Kỉ niệm" sẽ phỏng theo cách gọi ngày lễ Kỉ niệm Chính Trung mà tôn kính gọi là lễ Khánh niệm Hưng Quốc. Truyền thông lục cho khắp trong ngoài đều biết để tuân hành".

Năm Khải Định thứ 6 [1821]. Tháng 9, [26b] chuẩn vào ngày lễ Khánh niệm hàng năm [26b] sẽ tổ chức một buổi lễ tế Anh Duệ Hoàng Thái tử. Trước đó Bộ thần Bộ Hình là Tôn Thất Tố đệ tấu nói rằng, hàng năm vào dịp lễ Khánh niệm Hưng Quốc, đối với các vị có công lao Trung hưng và đã được lập đền thờ phụng thì xin ban lễ tế cho mỗi vị một mâm. Vua phê rằng:

"Lễ Khánh niệm Hưng Quốc đặt ra là nhằm tưởng nhớ công lao sáng nghiệp gian nan vất vả, qua đó kêu gọi thần dân không được quên gốc rễ cội nguồn. Theo như tâu xin của khanh, việc ban lễ tế các vị công thần xem ra cũng là đúng. Nhưng về việc này, Bộ Lễ đã xin tăng thêm các vật tế [27a] để hiến cúng các vị tòng tự ở hai bên tả, hữu cho hợp với tình cảm và lễ nghi, vì thế trẫm đã y cho tấu thỉnh ấy để thực hiện điện tế. Khanh cho là các vị tòng tự phối hưởng ở trong nhà thờ ấy không phải là công thần hay sao? Nếu như tiến hành điện tế cho tất cả các công thần, thì việc lễ quí ở chỗ tinh thành, sợ rằng khó mà làm được chu đáo mọi lễ nghi, đồ tế không được sạch sẽ thì liệu thần có thụ hưởng không? Huống chi suy rộng ra, các vị quan quân theo ra trận ngày ấy đông kể đến hàng nghìn vạn người. Sau khi bình định cũng đã được ban thưởng

trọng hậu không trừ một ai, ân ban há có để sót đâu, nay lại truy ban rộng rãi thì có nên chăng mà lại nêu ra. Tưởng nhớ lại hồi ấy, sở dĩ hoàn thành được nghiệp lớn chính là nhờ có Anh Duệ Hoàng Thái tử triều ta đem thân đi làm con tin. Có đi làm con tin thì cuối cùng mới có được thành công, xét ra công của Người đâu có phải là nhỏ. Để tưởng nhớ Người trong ngày Khánh niệm, Bộ thần Bộ Lễ phải sắm sửa một lễ để điện tế Anh Duệ Hoàng Thái tử thì mới đúng. Vậy truyền hãy tuân hành như thế mãi mãi làm thành lệ".

[27b] Tháng 10, chuẩn cho quan Nội các soạn định nhạc chương để dùng trong ngày lễ Khánh niệm Hưng Quốc.

Năm Khải Định thứ 7 [1822]. Tháng 2, vua dụ bảo quần thần rằng:

"Việc cử hành lễ Khánh niệm Hưng Quốc đã trở thành điển lệ. Năm nay là năm Nhâm Tuất, chính là năm tròn hoa giáp với năm Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta hoàn thành công cuộc đại định. Tất cả thần dân trong thiên hạ cùng được chung hưởng thái bình yên vui, [28a] thực đều nhờ có đức nghiệp cao cả của Người để lại. Hôm nay là ngày được nghỉ ngơi, nên cử hành điển lễ chào mừng thật long trọng để biểu dương chiến công thuở trước. Truyền cho Bộ Lễ trích thêm ngân khoản gấp đôi số tiền chiếu theo lệ thường để tiến hành. Trong đó có khoản điện tế Anh Duệ Hoàng Thái tử Điện hạ và các vị Khai quốc Trung hưng công thần là mang ý nghĩa truy tôn công lao của các công thần vậy. Tuy nhiên ý định của trẫm ban đầu do chưa kịp suy nghĩ được rộng khắp, bây giờ suy nghĩ kĩ thì mới thấy còn chưa được chu đáo hoàn toàn. Bởi khi Điện hạ sang làm con tin ở phương Tây xa xôi đâu có thể chỉ một mình là đi được. Vậy còn người tiến cử Điện hạ sang Tây là Bi Nhu Quận công, Giám mục Thượng sư Bá Đa

Lộc[1]; rồi khi Quí Thượng sư lĩnh mệnh sang Tây cầu viện, được vua Pháp ân chuẩn cho chiêu mộ quan binh ở Thượng quốc như các vị Nguyễn Văn Thắng[2], Nguyễn Văn Chấn[3] [28b] dẫn theo tướng sĩ cùng tàu chiến vượt biển sang nước ta. Có được những người hăng hái vâng mệnh xông pha ra sa trường ấy như có thêm cánh tay khỏe mạnh, khiến Cao Hoàng đế triều ta có dư thêm lực lượng để toan tính hoàn thành nên sự nghiệp vĩ đại. Trong số sĩ quan, binh lính Thượng quốc đã liều mình xông pha ra sa trường ấy, có người không may đã bỏ mạng nơi chiến trận, cũng có người lập công được ban thưởng tiếp nhận làm bề tôi, đối với những người ấy lẽ nào có thể làm ngơ không tưởng nhớ công lao của họ được sao? Vậy truyền cho Bộ thần Bộ Lễ trích ra từ số tiền thờ tự một khoản là một trăm năm mươi đồng (nguyên) mang đến nhờ Quí tòa chuyển tới cho Quí Giám mục An Lí Sư[4] ở nhà thờ Tường Phủ Cam tiếp nhận để cử hành lễ tưởng niệm, đồng thời cũng xin với Quí Giám mục đem những lời tưởng niệm cảm khái nhiệt thành của trẫm trong Chỉ dụ này thông báo tới các nhà thờ thuộc giáo phận của ngài cai quản, để cho mọi người cùng biết [29a] mà cử hành lễ tưởng niệm. Nhưng đến ngày cử hành lễ tưởng niệm ở nhà thờ, xin

---

(1) *Bi Như* và *Bá Đa Lộc*: phiên âm tên tiếng Pháp của Giám mục Pigneau de Behaine (tên đầy đủ là Pierre Joseph Georges Pigneau de Behaine).

(2) *Nguyễn Văn Thắng*: tên tiếng Việt do Nguyễn Ánh ban cho viên sĩ quan người Pháp Jean Baptiste Chaigneau.

(3) *Nguyễn Văn Chấn*: tên tiếng Việt do Nguyễn Ánh ban cho viên sĩ quan người Pháp Philippe Vannier (1762-1842), người đã tham gia vào giúp đỡ Nguyễn Ánh trong thời gian trước khi lên ngôi.

(4) *An Lí Sư*: phiên âm tên tiếng Pháp Allys, tên của Giám mục Eugène Marie Allys (còn gọi là Đức Cha Lý), người đã cho xây dựng mới Nhà thờ Phủ Cam trên đồi Phước Quả, thuộc địa phận phường Phước Vĩnh, thành phố Huế.

Qui Giám mục nên chọn giờ lệch đi cho khỏi trùng với các nghi tiết tiến hành của Nam triều để tiện cho các quan văn võ của Nam triều có thể sang dự lễ cho được trọng thể. Thông báo rộng rãi Chỉ dụ này để tuân hành".

Năm Khải Định thứ 6 [1821]. Mùa thu, hoàn thành lầu Thái Bình. Vua ngự đề rằng:

"Lầu Thái Bình nơi nhà vua đọc sách là do Tiên đế của trẫm mệnh cho xây dựng. Lầu đặt tại bờ Bắc sông Ngự, vào niên hiệu Duy Tân lầu bị dỡ bỏ. [29b] Năm thứ tư sau khi trẫm lên ngôi, ngắm nhìn nền cũ tưởng nhớ công lao thuở trước những muốn xây dựng lại. Nhưng vì nền cũ ngoảnh mặt hướng Bắc, vả lại địa thế cũng chật hẹp, nhân thấy có di chỉ của thư lâu Thanh Hà ở phía trước điện Dưỡng Tâm, lầu này vốn do Hiến Tổ Chương Hoàng đế mệnh cho xây dựng, bị dỡ bỏ vào thời Thành Thái, hiện chỉ còn nền cũ, bèn mệnh cho Bộ thần Bộ Công chiếu theo đúng như qui cách ngự chế mà dựng lại ngôi lầu. Đến mùa thu năm Tân Dậu thì hoàn thành, truy tuân theo mệnh của Tiên đế mà đặt tên là lầu Thái Bình để làm nơi nghỉ ngơi thư giãn khi rảnh rỗi và cũng là biểu lộ sự kế nối tiền nhân".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN II

HIẾU TRỊ

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1816]. Tháng 5, ngày mồng 6, xuống sắc đón Hoàng Nguyên Từ và Hoàng Lệnh Từ về thị hầu tại Tây cung. Chuẩn hàng năm lấy ngày mồng 1 tháng 12 (ngày sinh của Hoàng Thái hậu) [1b] làm ngày khánh tiết Thánh thọ, lấy ngày 26 tháng 3 (ngày sinh của Hoàng Thái phi) làm ngày khánh tiết Tiên thọ.

Tháng 12, dâng tôn hiệu Hoàng Thái hậu và Hoàng Thái phi. Trước đó, vào ngày mồng 2 tháng 9 vua xuống Dụ rằng:

"Thánh nhân buông giáo hóa, trước hết trọng lễ văn; Vương giả dấy nghiệp hưng, đầu tiên lo hiếu đạo. Có phụng dưỡng bề trên hợp với lòng thiên hạ, mới mong được thiên hạ tôn kính làm bề trên. Việc tôn danh hiệu vẻ vang chính là để biểu lộ tấm lòng và nêu cao đức sáng.

Kính nghĩ, [2a] Thánh mẫu Hoàng Nguyên Từ Bệ hạ triều ta, phúc lớn lắng trước cổng danh gia, điềm lành rạng ở nơi đài các. Đã phụ giúp Tiên Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta lo toan công việc nội trị trong suốt ba năm, mẫu mực đoan nghiêm, dung nghi trang nhã. Rộng lượng ban cho kẻ dưới, sâu sắc mà hiền hòa; Vui tươi đượm nét dung nhan, nhân

từ và thánh thiện. Đức sáng kể sao cho xiết, tán dương nói mãi chẳng cùng.

Tiên mẫu Hoàng Lệnh Từ Bệ hạ triều ta, lan điện ngưng hương, hồ lô đọng nguyệt. Đã phụng hầu Hoàng khảo Hoàng đế triều ta từ thuở còn chưa lên ngôi. Cần cù như Câu Dặc[1] bao đêm ngày, đủ mùi vất vả; bú mớm chốn Đồ Sơn[2] nhiều năm tháng, sáng nghĩa vẹn tình. Lúc nước nhà gặp bước gian nan, hầu phụng nhà vua vượt qua nguy khốn; Nuôi quả nhân dạy dỗ nên người, mẫu đức cao dày sánh bằng trời đất. [2b] Từ ngày Hoàng khảo ta cưỡi rồng về trời, đã cùng Thánh mẫu Hoàng Nguyên Từ Bệ hạ: Giữ chốn sơn lăng sương gió, trải đã bao thu hoán đổi tinh tòa; Bốn mùa trôi tựa thoi đưa, hơn hai chục năm yên bề thủ tiết. Điềm cát tường ngược suy là từ năm Long thần phun nước (Tháng 9 năm Ất Dậu niên hiệu Đồng Khánh, Tiên mẫu bấy giờ đang có thai sắp sinh nở, ban đêm buồn ngủ chợt mộng thấy Long thần chui từ dưới đất lên, nước từ vòi phun ra ướt hết cả trong cung. Lát sau lại có bốn vị Thiên quan áo mũ cực kì chỉnh tề đứng thành hai hàng nghênh đón một Đồng tử áo vàng, tóc đài rủ xuống, cùng bước lên bàn hương. Rồi vị Đồng tử đó nhập vào bụng Tiên mẫu mà biến mất. Tiên mẫu hoảng hốt bừng tỉnh, rồi sau đó sinh ra quả nhân); Đức thịnh ắt đứng đầu hợp lời khấn chim phượng trên khuy (Ngày xưa Nghi Thiên Chương Hoàng hậu và Lệnh phi cùng hầu hạ [3a] Hiến Tổ Chương Hoàng đế. Phi địa vị thấp nhưng lại được vua yêu quí hơn. Thuận Thiên Cao Hoàng hậu bèn ban cho mỗi người một chiếc khuy áo bằng vàng, một chiếc khảm hình chim phượng, một chiếc khảm bông hoa, nhưng đều phong kín và khấn rằng ai lấy được khuy có chim phượng thì sẽ

---

(1) *Câu Dặc*: tức Câu Dặc phu nhân, vợ vua Hán Vũ đế.

(2) *Đồ Sơn*: nơi vua Vũ gặp gỡ người con gái và lấy làm vợ.

có con trước, rồi sai người đem đi ban cho, lại dặn không được mở ra xem. Nghi Thiên Chương Hoàng hậu nhường cho Phi chọn lấy trước, rồi đem đệ lên, mở xem thì hóa ra Chương Hoàng hậu lấy được chim phượng. Từ đó bà càng ngày càng được vua sủng ái, liên tiếp sinh con trai con gái, vị thế chuyển lên trên). Khiêm nhường ắt được phúc, âm thầm rồi cũng rạng rỡ vẻ vang; Ở hiền thì gặp lành, mệnh trời hẳn qui về người có đức.

Trẫm lên kế thừa đại thống mà có được thiên hạ, vẫn vui vẻ hầu phụng sớm hôm. Phàm là người có khí huyết ai mà không tôn qui người thân để cùng chia sẻ phúc lành. Vừa rồi Phủ Tôn nhân cùng các quan văn võ trong triều đệ sớ tâu xin, trẫm lại đem tâu lên bề trên, xin tấn phong tôn hiệu cho Thánh mẫu Hoàng Nguyên Từ là Hoàng Thái hậu, tấn phong tôn hiệu cho Tiên mẫu Hoàng Lệnh Từ là Hoàng Thái phi. [3b] Nhận được ý chỉ của Lưỡng cung khiêm nhường không chấp thuận. Trẫm lại khẩn thiết kêu xin hai ba lần, may mới được bề trên cho phép. Đón nhận được ý chỉ trẫm vui mừng khôn xiết. Vậy về Kim sách, Kim bảo và các nghi thức tấn tôn truyền cho các cơ quan hữu ti chiếu lệ tuân hành. Khâm thử".

Ngày mồng 7, Nhâm Dần, vua thân hành dẫn Phủ Tôn nhân cùng bá quan văn võ lên cung Diên Thọ dâng Kim sách, Kim bảo cử hành lễ tấn phong. Sách văn viết:

"Thần nghe rằng: Kinh *Dịch* còn lưu lời văn tán dương người mẹ, nói tư sinh[1] còn cao hơn tư thủy[2]; [4a] Sách *Lễ* coi trọng phép tắc kính thờ phụ mẫu, bảo có đại đức tất có đại danh. Đức của mẹ

---

[1] *Tư sinh*: trích ý từ câu Kinh Dịch: "Chí tai khôn nguyên, vạn vật tư sinh", ý nói vạn vật nhờ vào đạo của đất mà có được sự sống. Đất là biểu tượng chỉ người mẹ.

[2] *Tư thủy*: trích ý từ câu Kinh Dịch: "Đại tai càn nguyên, vạn vật tư thủy", ý nói vạn vật nhờ vào đạo của trời mới bắt đầu sự tồn tại. Trời là biểu tượng chỉ người cha.

lớn lao, vô biên nhân từ quảng đại; nay tấn phong đại lễ, nghi thức long trọng tôn vinh. Rạng rỡ đan thư, sáng ngời ngọc sách.

Kính nghĩ: Thánh mẫu Hoàng Nguyên Từ Bệ hạ, phúc lớn lắng trước cổng danh gia, điềm lành rạng ở nơi đài các. Trải suốt ba năm giúp Hoàng khảo trị nước có công, lẽ trời đã thuận; Đứng đầu bốn sao của Đế tòa ngời ngời ngôi thứ, ánh nguyệt còn thua. Trang nhã đoan nghiêm, điển cát tường hiện ở chính trung; Thánh thiện hiền từ, nết nhân từ tụng thơ Giao mộc[1]. Hoàng cung giữ nghiêm phép tắc, đoan trang hiền hậu trước lấy mình làm gương; Con cái chăm sóc vỗ về, yêu quí gia ân đều coi như con đẻ. [4b] Để nay đứa con nhỏ này được lên thừa kế, thực khó kể hết công ơn, nghĩ chẳng cạn lời ca tụng. Bởi vậy sau khi đã lên Tôn miếu thỉnh mệnh, thân hành dẫn quần thần tới kính dâng Kim sách, Kim bảo để tấn tôn danh hiệu Hoàng Thái hậu.

Cúi nghĩ: Tôn hiệu cao cả vẻ vang, đưa về dồi dào phúc khánh. Thiên hạ mẫu nghi thiên hạ phụng dưỡng, đời an lạc vui hưởng dài lâu; Tám nghìn mùa xuân lại tám nghìn thu, khúc dao trì kính dâng lên mãi. Kính cẩn dâng sách".

Ngày mồng 13, Mậu Thân, vua thân hành dẫn quần thần lên [5a] cung Trường Ninh cử hành nghi lễ giống như trên. Sách văn viết:

"Thần nghe rằng: Đạo không gì cao bằng đạo hiếu, sách vẫn ghi lời yêu quí người thân; Lễ chẳng gì lớn hơn danh hiệu, cốt tỏ bày nghĩa tôn trọng bề trên. Dịp tốt chính hợp lúc này, lễ lớn cử hành long trọng.

Kính nghĩ: Tiên mẫu Hoàng Lệnh Từ Bệ hạ, hồ lô đọng nguyệt; lan điện ngưng hương. Cần cù như Câu Dặc bao đêm ngày, đủ mùi vất vả; bú mớm chốn Đồ Sơn nhiều năm tháng, sáng nghĩa

---

[1] *Giao mộc*: bài thơ trong *Kinh Thi, Chu nam*, ca tụng ân đức của Hậu phi đối với kẻ dưới.

vẹn tình. Lúc nước nhà gặp bước gian nan, hầu phụng nhà vua vượt qua nguy khốn; Nuôi quả nhân dạy dỗ nên người, mẫu đức cao dày sánh bằng trời đất. Giữ chốn sơn lăng sương gió, trải đã bao thu hoán đổi tinh tòa; [5b] Bốn mùa trôi tựa thoi đưa, hơn hai chục năm yên bề thủ tiết. Điềm cát tường ngược suy là từ năm Long thần phun nước; Đức thịnh ắt đứng đầu hợp lời khấn chim phượng trên khuy. Khiêm nhường ắt được phúc, âm thầm rồi cũng rạng rỡ vẻ vang; Ở hiền thì gặp lành, mệnh trời hẳn quí về người có đức. Tới nay đứa con nhỏ này được tiếp nhận cơ đồ to lớn. Thay cả thiên hạ mà hầu phụng sớm hôm, mãi mãi ơn nhờ trời cao thương đến; Thể lòng muôn phương muốn tỏ niềm kính ái, long trọng dâng lên Mẫu hậu tôn danh. Khẩn thiết tâu xin mãi hai ba lần, may được bề trên bằng lòng chấp thuận. [6a] Biểu dương đức sáng, bày tỏ lòng thành. Sau khi xin mệnh ở Tôn miếu, thân hành dẫn dắt quần thần tới kính dâng Kim sách, Kim bảo, kính dâng tôn hiệu là Hoàng Thái phi.

Cúi nghĩ: Tôn hiệu cao cả vẻ vang, đưa về dồi dào phúc khánh. Từ quẻ Tấn mà nhận phúc[1], cùng nâng cốc chúc Thánh thọ lâu dài; xem quẻ Li xét cát tường[2], đều cầu mong yên vui mãi mãi. Kính cẩn dâng sách".

---

[1] Câu này vốn mượn lời *Từ* của *Kinh Dịch*, quẻ *Tấn*, hào *Lục nhị*: "Thụ tư giới phúc vu kì Vương mẫu", nguyên nghĩa là nhận được phúc ấm lớn lao từ Vương mẫu. Sách văn đã đổi chữ "tư" thành chữ "tấn", có thể hiểu là quẻ Tấn để lấy nghĩa như trên, cũng còn có thể hiểu là "nhận tấn phong danh hiệu" để nói rằng Hoàng Thái phi nhận tấn phong là đem lại phúc lành.

[2] Nguyên văn lấy từ lời *Từ* của *Kinh Dịch*, quẻ *Li*, hào *Thượng cửu*: "Thị li khắc tường, kì tuyền nguyên cát", nguyên nghĩa là: "xem xét những điều đắc thất trong việc đã làm, suy nghĩ kĩ về những biểu hiện họa phúc thì hành động sẽ được đại cát". Ở đây cũng lấy ý đó, nhưng cũng có thể hiểu theo nghĩa đen là dõi xem bước đi của Hoàng Thái phi để đoán biết sức khỏe có tốt hay không.

Ngày 15, mở triều nghi tại điện Thái Hòa để nhận chúc mừng của bá quan. Ban ân chiếu bố cáo khắp trong ngoài. [6b] Chiếu rằng:

"Việc hiếu không gì lớn bằng tôn vinh song thân, về lễ phải xét sao cho tận cùng điển chế. Bởi vậy trên dưới đồng lòng tôn kính chính là để dạy cho thiên hạ về đạo hiếu, và việc cử hành khánh lễ ban phát ân huệ cũng không gì khác là để thỏa nỗi vui mừng của ức triệu chúng dân.

Kính thấy Hoàng Thái hậu Bệ hạ triều ta, đức lớn sáng ngời, phúc lành chung đúc. Đã trợ giúp công việc nội trị cho Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta trong suốt ba năm, xử sự khiêm nhường, chuyển bĩ thành thái. Đức của Người thật là lớn lao. Hoàng Thái phi Bệ hạ triều ta, đức hạnh nhân từ, bao dung rộng lượng. Đức của người ngày một rạng rỡ. Trẫm đức bạc mà có ngày nay, [7a] tất cả đều nhờ Lưỡng cung tích góp phúc khánh nên mới được như thế. Đã thay mặt thiên hạ mà phụng dưỡng, tất thể lòng thiên hạ mà tôn vinh. Mới rồi, Đình thần cùng đồng thanh kính xin dâng tôn hiệu, phải xin đi xin lại hai ba lần mới may được chấp thuận. Sau khi thỉnh mệnh Tôn miếu, xem chọn ngày lành là hai ngày mồng 7 và 13, trẫm thân hành dẫn quần thần kính dâng Kim sách, Kim bảo, cử hành đại lễ tấn tôn, để biểu dương đức sáng mà đến đáp công lao to lớn. Có đại đức tất có đại danh, để phù hợp nghĩa tôn kính bề trên; giữ hiếu tâm ắt hành hiếu trị, [7b] sẽ gia ân rộng rãi cho thiên hạ. Các điều khoản gia ân cụ thể sẽ do hữu ti nghị bàn thích hợp rồi phúc tâu lên thi hành.

Ôi! Quẻ Tấn hào Lục nhị nói rằng "Thụ tư giới phúc", nghĩa là đều được đội phúc của Vương mẫu; Quẻ Ích hào Cửu ngũ lại nói

"Hữu phu huệ tâm"[1], ý bảo cùng đem lại niềm vui cho mọi nhà. Nay bố cáo rộng khắp cho mọi người cùng được biết".

Năm Khải Định thứ 2 [1817]. Tháng 2, vua dụ rằng:

"Ngày 26 tháng 3 năm nay là ngày Đại lễ mừng Tiên thọ Hoàng Thái phi tròn ngũ tuần. Trẫm rất đỗi vui mừng đón ngày khánh lễ quan trọng hàng đầu trong hàng vạn năm này. Cứ mười năm mới gặp lại một lần, xét trong điển lệ, đây là dịp lễ rất đáng phải cử hành long trọng. Trẫm đã tấu đạt việc này lên xin với bề trên, [8a] kính nhận được Từ dụ rằng: "Nhà vua vừa mới lên ngôi chưa được bao lâu mà đã cử hành liên tiếp nhiều khánh điển, tuy thể hiện được lòng hiếu thảo nhưng quá tốn kém. Huống chi gần đây thời tiết không được thuận, dân mình chưa được thỏa lòng, nước bạn đang có chiến sự, chưa thấy cơ yên ổn, nên cũng phải tiết kiệm. Tuy nhiên, khánh tiết là dịp dân chúng trông mong. Cũng không nên vô cớ mà đình hoãn tất cả. Cho nên cũng phải tùy theo thời thế mà châm chước tiến hành, chớ nên để lãng phí nhiều. Đợi đến khi hoàn vũ thái bình trở lại, của cải trong kho dồi dào rồi thì tiến hành thành điển lệ mới là thỏa đáng. Nhà vua hãy đem ý này truyền Dụ cho mọi người cùng biết mà tuân hành. Khâm thử, khâm tuân". Kính nghe ý chỉ thấy rất phù hợp với thời thế. Chi phí cho dịp đại khánh tiết này nếu chiếu theo điển lệ cũ thì rất lớn, nên châm chước chuẩn chiếu chi một khoản gấp bốn lần lễ Vạn thọ, [8b] gộp với khoản chi lễ Tiên thọ của năm nay, nếu trù liệu sát thực không được hư hao thì số này ước cũng đủ để cử hành đại lễ nghiêm chỉnh trang trọng. Công việc cụ thể truyền hữu ti tuân theo Dụ này xem xét

---

[1] *Kinh Dịch*, quẻ *Ích*, hào *Cửu ngũ*: "Hữu phu huệ tâm, vật vấn nguyên cát", nghĩa là đem lòng thành thực nhân từ muốn cho người trong thiên hạ nhận được ân huệ, thì không cần bói quẻ cũng biết rõ là đại cát đại lợi.

mà tiến hành thỏa đáng để đáp ứng tấm lòng bề trên và thỏa được nguyện vọng muốn làm vui lòng bề trên của trẫm. Còn đối với thần dân ở ngoài Kinh, nếu nơi nào muốn tỏ lòng thành cung hiến thì cũng để cho được tùy tâm chứ không được tổ chức thu gom. Chuyện dân gian có can hệ tới danh tiếng của trẫm. Trẫm lên ngôi khi còn ít tuổi, buổi ban đầu ơn huệ chưa kịp rộng ban, đức trạch vẫn chưa rải khắp. Nỗi niềm nhức nhối như vết thương hễ động là đau. Huống chi lại đã được nghe lời dạy bảo của bề trên là phải nhớ điều nhân đức gỡ bỏ lưới giăng[1]. Các quan trông coi địa phương bên ngoài Kinh thành là người thay mặt trẫm tuyên truyền chính sách càng phải hiểu rõ điều này để thi hành nhân chính thì mới an ủi nỗi niềm lo lắng của trẫm. Khâm thử".

[9a] Tháng 3, ngày 26, đến ngày lễ Đại khánh mừng Tiên thọ ngũ tuần của Hoàng Thái phi, vua thân hành dẫn quần thần tới tôn cung Trường Ninh cử hành lễ mừng thượng thọ. Ngày 28 thiết triều nghi tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng, ban ân chiếu rộng khắp trong ngoài. Chiếu rằng:

"Trẫm nghĩ. Từ xưa các bậc vua chúa anh minh đều kính phụng Đông Triều[2], nhân vui cảnh thái bình dài lâu mở khánh lễ thể hiện lòng hiếu dưỡng. Vừa để vui lòng từ mẫu lại vừa bày tỏ nỗi vui mừng của đất nước. Đã thay mặt thiên hạ phụng dưỡng mẹ

---

(1) Ý nhắc tới câu chuyện vua Thành Thang chép trong thiên *Dị dụng* sách *Lã thị Xuân thu*. Chuyện kể một hôm Thành Thang ra đồng thấy người giăng lưới bốn phía rồi rao gọi chim thú trên trời dưới đất và bốn phương hãy chui cả vào lưới này. Thấy vậy Thành Thang than rằng: "Thế thì chim thú chết sạch cả mất", rồi tới gỡ bỏ ba mặt, chỉ để lại một mặt lưới giăng mà thôi. Câu chuyện sau thành điển cố "Lưới Thang" chỉ chính sách, hình phạt khoan hồng rộng lượng.

(2) *Đông triều*: tên cung điện, nơi ở của Hoàng hậu.

cha, lại cùng thiên hạ chung hưởng phúc lớn. Cứ mười năm một dịp lễ lớn tôn thân; [9b] gom ngũ phúc đủ đầy đã thành khuôn thước. Đó thực là một điển lễ vô cùng trọng đại.

Kính nghĩ, Tiên thọ Hoàng Thái phi triều ta, đức cả sáng ngời, mẫu nghi rạng rỡ. Phụng sự Hoàng khảo từ khi trẫm còn chưa lên ngôi. Đá vàng hòa hợp, âm đức đủ đầy. Hiện cát tường điềm Long thần phun nước; hợp lời khấn chim phượng trên khuy. Nền phúc vững bền mãi đến ngày nay. Trẫm tuổi trẻ được lên kế thừa đại thống, trên ơn nhờ noi theo huấn thị của Tiên hoàng, lại luôn luôn khai mở bởi đức độ khuôn phép của Mẫu nghi để làm rạng rỡ lại hào quang thuở trước. [10a] Ngước trông ân đức cao dày, phúc lành hợp cát. Năm nay chính đến kì đại khánh Tiên thọ ngũ tuần, chiếu theo điển lệ phải cử hành đại lễ. Trẫm đã tâu xin lên bề trên, kính nhận được Từ dụ ý nói rằng, hiện nay thời tiết không được thuận hòa, lòng dân vẫn chưa được thỏa, nước bạn lại bụi lầm trận mạc, không được yên ổn, nên cứ khiêm nhường mãi không vui lòng chấp thuận. Chỉ vì nghĩ việc này có liên quan đến điển lệ quốc gia, không thể tự tiện vô cớ mà đình chỉ tất cả, nhưng phải châm chước tùy thời mà tiến hành, không được quá lãng phí. Trẫm kính vâng lĩnh ý chỉ tuân thủ thi hành. Sai quan Thái sử chọn ngày lành làm lễ cáo ở miếu điện. [10b] Rồi tới ngày 26 là ngày Tiên thọ, trẫm thân hành dẫn bá quan tới cung Trường Ninh dâng Kim tiến cử hành lễ mừng thọ. Lễ xong, sang hôm sau ngự tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng, ban ân chiếu để thỏa nỗi niềm mừng vui của trăm họ và thể hiện thịnh sự của quốc gia. Lòng trẫm mừng vui khôn xiết, vì đây chính là dịp Đại khánh lớn nhất của muôn đời.

Ôi! Nâng chén chúc mừng Thượng thọ, bề tôi bày tỏ chí tình; chung lòng tôn phụng bề trên, muôn dân thỏa niềm thành kính. Rồi đây trời cao giáng phúc, biển rộng nhuận đầy, để bản thân

trẫm được thỏa lòng thành kính hiếu, vui sướng nối theo đạo trời, mà trăm họ các ngươi cũng được rộng ban muôn đời ân huệ, cùng lên cõi thọ hưởng phúc lâu dài, há chẳng cao đẹp to lớn lắm sao.

[11a] Chi tiết về các điều khoản gia ân liệt kê dưới đây, bố cáo rộng rãi để mọi người đều rõ. Khâm tai".

Năm Khải Định thứ 4 [1819]. Tháng 6, vua dụ rằng:

"Ngày mồng 1 tháng 11 năm nay là ngày Đại khánh mừng Thánh thọ ngũ tuần Hoàng Thái hậu triều ta, xét theo điển lệ sẽ cử hành đại lễ. Vừa qua Phủ Tôn nhân cùng Đình thần xin trẫm đệ tấu trình lên bề trên, kính nhận được Từ dụ rằng: "Nhà vua mở mang hiếu trị, cùng với quần thần bá quan thể hiện lòng thành, hễ cứ đến dịp khánh điển là lại suy nghĩ đến việc cử hành đại lễ. Già này thấy vậy cũng mừng vui trong lòng. Nhưng xét thân già yếu đuối, chỉ biết vui vầy cùng con cháu, [11b] chẳng đem lại được chút lợi ích gì cho xã tắc, vẫn luôn cảm thấy hổ thẹn với các bậc Mẫu hậu giỏi giang ngày xưa, nên vốn chẳng muốn phô trương nghi thức lễ lạt long trọng suông làm gì. Nay nhà vua cùng với bá quan đã có lòng hiếu phụng như thế, già này đành cũng miễn cưỡng mà y theo. Chỉ có điều nước ta vừa mới phục hồi lại quan hệ với nước bạn, mà hiện tại bên ấy chưa lắng bụi trần, chưa được hoàn toàn thái bình yên vui, mặt khác nước ta của cải còn chưa được dồi dào, bởi thế dẫu là điển lệ phải theo thì cũng nên châm chước tùy nghi mà cử hành, cốt sao cho tránh được xa xỉ phí phạm là được. Nhà vua hãy thể theo ý già này mà bảo ban các bề tôi. Khâm thử". Kính nghe lời Thánh chỉ, đại để cũng tựa như Ý chỉ của Hoàng Thái phi trong dịp Đại khánh Tiên thọ ngũ tuần năm trước, [12a] càng thấy rõ đức cần kiệm khiêm nhường của Lưỡng cung sao mà giống khớp với nhau đến thế.

Về ngân sách dùng cho lễ Đại khánh này đã nghị bàn quyết định, việc châm chước chi tiêu vào các việc cũng như nghi thức tiến hành cụ thể truyền Hữu ti đệ phiến liệt kê từng khoản phúc tâu lên đợi chỉ thi hành, cốt sao hợp với Thánh ý đồng thời thể hiện được niềm hiếu thuận nghe lời bề trên của trẫm. Đối với thần thứ bên ngoài Kinh, nếu nơi nào có lòng thành thì cũng tuân theo lời Dụ trong dịp Đại khánh ngũ tuần năm ngoái mà cho được tự tâm tiến hiến. Còn theo lệ cũ, mỗi khi gặp dịp Đại khánh, ở các tỉnh thường có lệ dẫn về các đội diễn trò thì phải đình chỉ hết để tránh phiền hà. Khâm thử".

Tháng 11, ngày mồng 1, [12b] là ngày Đại khánh mừng Thánh thọ ngũ tuần Hoàng Thái hậu. Vua thân hành dẫn quần thần đến cung Diên Thọ làm lễ chúc mừng Thượng thọ.

Hôm sau (ngày mồng 2) thiết triều tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng. Ban ân chiếu khắp trong ngoài. Chiếu viết:

"Trẫm nghĩ. Từ xưa các bậc vua chúa anh minh đều kính phụng Đông triều, nhân vui cảnh thái bình dài lâu mở khánh lễ thể hiện lòng hiếu dưỡng. Vừa để vui lòng từ mẫu lại vừa bày tỏ nỗi vui mừng của đất nước. Đã thay mặt thiên hạ phụng dưỡng mẹ cha, lại cùng thiên hạ chung hưởng phúc lớn. Cứ mười năm một dịp lễ lớn tôn thân; gom ngũ phúc đủ đầy đã thành khuôn thước. Đó thực là một điển lễ vô cùng trọng đại.

Kính nghĩ, [13a] Thánh mẫu Hoàng Thái hậu Bệ hạ triều ta, đức cả sáng ngời, mẫu nghi rạng rỡ. Phụng sự Hoàng khảo không chút thiếu sót. Trẫm tuổi trẻ được lên kế thừa đại thống, trên ơn nhờ noi theo huấn thị của Tiên hoàng, lại luôn luôn khai mở bởi đức độ khuôn phép của Mẫu nghi để làm rạng rỡ lại hào quang thuở trước. Ngước trông ân đức cao dày, phúc lành hợp cát. Năm nay chính đến kì đại khánh Thánh thọ ngũ tuần, chiếu theo điển lệ phải cử hành đại lễ. Bữa trước Phủ Tôn nhân cùng

Đình thần xin trẫm đệ tấu trình lên bề trên, kính nhận được Từ dụ đại ý nói rằng: Già này chưa đem lại được chút lợi ích gì cho xã tắc, nên vốn chẳng muốn phô trương nghi thức lễ lạt long trọng suông làm gì. Nhưng nghĩ nhà vua [13b] đang mở mang hiếu trị và bá quan cùng bày tỏ lòng thành, thì già này đành cũng miễn cưỡng mà y theo. Chỉ có điều nước ta của cải còn chưa được dồi dào thì cũng nên châm chước tùy nghi mà cử hành, cốt sao cho tránh được xa xỉ phí phạm. Kính cẩn nghe ý chỉ, thể theo thi hành. Trước hết sai Thái sử chọn ngày lành tới kính cáo Miếu điện. Ngày mồng 1 tháng 11 là ngày Thánh thọ, trẫm thân hành dẫn quần thần tới cung Diên Thọ dâng Kim tiên cử hành lễ mừng Thượng thọ. Lễ xong, hôm sau vua ngự tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng, rồi ban ân chiếu khắp trong ngoài để thỏa nỗi niềm mừng vui của trăm họ và thể hiện thịnh sự của quốc gia.

Ôi! Nâng chén chúc mừng Thượng thọ, bề tôi bày tỏ chí tình; chung lòng tôn phụng bề trên, muôn dân thỏa niềm thành kính. [14a] Rồi đây trời cao giáng phúc, biển rộng nhuận đầy, để bản thân trẫm được thỏa lòng thành kính hiếu, vui sướng nối theo đạo trời, mà trăm họ các ngươi cũng được rộng ban muôn đời ân huệ, cùng lên cõi thọ hưởng phúc lâu dài, há chẳng cao đẹp to lớn lắm sao.

Chi tiết về các điều khoản gia ân liệt kê dưới đây, bố cáo rộng rãi để mọi người đều rõ. Khâm tai".

Năm Khải Định thứ 3 [1818], tháng 3, ngày 26 là ngày Khánh tiết mừng Tiên thọ. [14b] Lúc bấy giờ vua đang Ngự giá ra Bắc thăm phong cảnh. Từ hành tại vua soạn tờ biểu rồi sắc giao cho Bộ Lễ và Nội các đệ dâng lên. Biểu văn đại ý viết:

"Thần Bắc tuần thăm thú địa phương, tính từ lúc xa giá khởi hành tới nay đã qua 14 ngày, may vẫn được khỏe mạnh bình yên.

Tay chỉ Kinh kì chốn cuối trời, mắt ngóng điện đường nơi chiều ráng. Những mong góp niềm vui trăm họ để cùng vui, gom hạnh phúc bốn phương về chung hưởng. Thần kính chúc Tiên mẫu Hoàng Thái phi Bệ hạ sống thọ đến vô cùng để vui hưởng tuổi trời. Hôm nay kính gặp ngày Khánh tiết mừng Tiên thọ, thần vì đang trong những ngày đi thăm thú phương xa, không tiện quay xa giá trở về, nên không được tự tay nâng chén chúc mừng, trong lòng cứ tự áy náy không yên. Chỉ đành nâng chén cầu mong: Chất thêm tháng ngày lên Nam Sơn cho tăng tuổi thọ; [15a] Đổ niềm hoan hỉ vào Đông Hải để thỏa tình dân. Đào tiên hiến thọ ba nghìn năm kết trái; Huyên thảo quên sầu tám nghìn tuổi còn xuân. Hôm trước khi đi, thần đã chuẩn bị sẵn số vật phẩm cung tiến giao cho Nội các cất giữ, đồng thời cũng soạn sẵn bản Kim tiên mừng thọ. Đến ngày các quan Bộ Lễ và Nội các sẽ đem tới cung dâng tiến. Thần từ xa ngửng đầu thiết tha ngóng nhớ".

Năm Khải Định thứ 7 [1822]. Mùa hạ, tháng 4, vua sắp Ngự giá sang Tây, [15b] cung kính tới thỉnh an Lưỡng cung. Tấu rằng:

"Nay con sắp sang Tây chừng khoảng bốn năm tháng, chắc hẳn đêm ngày thương nhớ Lưỡng cung. Nhưng xem ra trong vòng ba chục năm lại đây, các vị vua nước ta, như vua Thành Thái từng giá ngự tới miền Nam, miền Bắc, thì con cũng đã Bắc tuần xem xét quốc thể, nhân tâm, lần trước lần sau cũng có khác nhau nhiều lắm. Chuyến này con sang Tây thì cũng như năm trước con ra ngoài Bắc vậy. Cúi mong Lưỡng cung ngọc thể được vạn an, đừng có lo lắng về chuyến đi xa này".

Khi vua ngự ở hành tại trên hành trình sang Tây, hễ cứ gặp ngày lễ, hoặc đi tới một địa phương mới đều có sắc gửi điện về thông qua Viện Cơ mật đệ dâng lên [16a] vấn an Thánh thể Lưỡng cung.

Năm Khải Định nguyên niên [1816]. Mùa thu, tháng 7, kính gia

tôn thụy hiệu cho Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế là: Cảnh Tôn Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần Hoàng đế, thăng phối ở án thờ hàng thứ ba bên trái điện Phụng Tiên. Lại thăng phối Giản Tôn Nghị Hoàng đế ở án thờ thứ hai bên phải. [16b] Dụ rằng:

"Từ xưa, các bậc vua chúa thông minh sáng suốt, hiển hách huân liệt không vị nào không được tôn hiệu vẻ vang để lưu lại cho muôn đời sau được biết. Cho nên việc tôn thụy hiệu là rất trọng đại.

Ngửa trông Tiên Hoàng khảo Hoàng đế triều ta, buổi gian nan thuận mệnh trời nối nghiệp trung hưng; chất thông tuệ thể hiện ra khơi dòng hanh vận. Bắc diệt giặc Thân, Nam bình ngụy Ngãi. Toan tính sâu xa hòa hảo lân bang cho bền cội rễ; mưu kế thần diệu sửa sang cương kỉ giữ vững nước nhà. Công lao trung hưng lớn lao như thế, dẫu vua Quang Vũ nhà Hán, Trang Tôn đời Lê cũng chẳng hơn được. Đáng hận thay, chưa kịp đến ngày đến ngày vinh hoa, [17a] mới qua bốn kì nóng lạnh, thì bỗng nhiên, mây đen u ám đỉnh hồ, tiếng kêu bi thương muôn dặm. Trải ba mươi năm mưu sâu nghiệp lớn vẫn còn rạng rỡ tinh khôi; Nhớ lại hồi nào khổ tứ lao tâm vất vả tưởng như cùng cực. Đã có hồi chiếu theo lễ mà truy tôn vài chữ tôn hiệu, nhưng sự tôn kính tri ân xét cho kĩ vẫn chưa thỏa đáng. Ôi, hồi đó đứa con nhỏ này vẫn còn thơ dại, việc lớn phó thác cho người, quyền hành ở tay kẻ khác, nên chút tình đành buông trôi vô vọng. Tới nay phúc lớn trời lại trao tay, cơ đồ vẻ vang kế nối, thì niềm ngưỡng mộ càng thấy thêm nồng, ý định tán dương bội phần tha thiết, đó chính là bởi lòng hiếu thảo dẫn dắt vậy. Việc tôn vinh không gì lớn bằng tôn huy hiệu, *Kinh Lễ* chẳng đã nói rồi sao. Tham khảo sách vở đưa ra quần thần nghị bàn, thấy công đức của Hoàng khảo rạng rỡ như vậy, hồi trước đã kính dâng

miếu hiệu là *Cảnh Tôn*, [17b] và tôn thụy chi gia tôn sáu chữ *Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ*, bèn sắc cho Phủ Tôn nhân, Viện Cơ mật cùng Đình thần văn võ bá quan tham khảo số chữ thụy hiệu của các vị Hoàng đế có công lao hiển hách, đồng thời kê cứu điển lễ cổ kim để kính gia tôn thêm mười chữ là *Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công*, cùng với đình hiệu ở Thế miếu là *Thuần Hoàng đế*, gộp lại thành huy hiệu là *Cảnh Tôn Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần Hoàng đế*, [18a] như thế để thỏa hợp trên dưới, lưu lại mai sau. Rồi sau đến kì Đại tự kính rước thăng phối cho hợp tình hợp lẽ. Ta sẽ thỉnh mệnh Giao, Miếu, dâng tiến án thờ để thỏa chút tình sùng kính báo đáp và an ủi nguyện vọng tha thiết của thần dân. Vậy truyền thể ý trẫm nghị bàn ổn thỏa thi hành. Còn về các hạng Kim bảo và nghi thức tiến hành truyền Hữu ti liệt kê từng khoản đệ phiến phúc tâu lên. Đồng thời đối với Giản Tôn Nghị Hoàng đế truyền cho chế tạo thần vị để cùng tiến hành thăng phối một thể. Các khoản công việc cũng như nghi thức tiến hành truyền do Bộ Lễ phụng soạn phiến đệ trình ngự lãm rồi thi hành. Khâm thử".

[18b] Mùa đông, tháng 12, ngày 28, Giáp Tí, vua thân hành dẫn quần thần lên điện Ngưng Hi cử hành lễ dâng Tôn thụy. Dâng Kim sách viết rằng:

"Thần nghe: Hiệu đặt theo trời, thụy đặt theo trăng, là tên gọi quí tôn của hàng vương giả; Miếu thì ca tụng, đỉnh thì khắc minh, thực phép tắc điển chương thuộc về nhà nước.

Xét nghĩ: Đạo đức của Thánh thần dùng lời không thể nói ra; thần tử muốn hình dung thì phải thông qua mĩ tự. Kính nghĩ: Tiên Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta, [19a] thông minh sáng suốt, đức độ cao vời. Kế liệt Thánh thụ mệnh trời, đưa nhật nguyệt sáng bừng trở lại; Dấy trung hưng vực vận

nước, cứu cỏ cây sau buổi gió mưa. Hiền thảo phụng sự Lưỡng cung, đạo hiếu bao trùm vũ trụ; Thơ văn còn truyền hai tập, đức sáng phát ở văn chương. Tuần phương Bắc đánh giặc Thân tan vỡ, thần uy nhân đức khôn bì; Dụ cõi Nam dẹp ngụy Hội tiêu ma, thánh vũ nhân từ khôn sánh. Tăng hữu nghị nhằm củng cố nước nhà, bất hủ thay vĩ tích; Chiếu phép xưa để định ra khuôn thước, [19b] rạng rỡ quá kỳ công. Nghe đức thì thông, lọc điều hay trong tấu sớ, tìm sáng thì triết, gom lý học vào kinh diên. Coi chầu luận đạo, ngồi gác duyệt chương, nhạy chính sự mối giềng thông suốt; Chu đảo khánh tiết, khoa cử chọn tài, giàu lòng nhân trong ngoài đều thỏa. Vốn có tâm thuần vương thi hành chính sự thuần vương, thực tốt đẹp tuyệt vời làm sao, rạng rỡ cao cả làm sao. Trải ba năm thi hành kế sách sâu xa mà thành công lẫy lừng như núi. Kể sao hết phúc trạch nhân hậu sâu dày lưu cho muôn thuở. Xét lúc ban đầu soạn văn tụng đức còn chưa bao hàm được hết những điều tốt đẹp. Nên đến nay nghị bàn cùng thuận chí gia tôn huy hiệu. [20a] Bèn chọn ngày lành thỉnh mệnh Giao, Miếu thân hành dẫn Tôn nhân cùng Đình thần văn võ kính dâng Kim sách, Kim bảo kính gia Tôn thụy là Cảnh Tôn Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần Hoàng đế.

Cúi mong: Ngời ngời chính đại danh, vẻ vang nhận hiển hiệu. Triều đình trên dưới tỏ niềm hữu dưỡng vạn năm, Bể trên thiêng liêng ban phúc dồi dào muôn thuở. Kính cẩn dâng sách".

Tháng 11, ngày 19, Giáp Thân, [20b] vua thân hành dẫn quần thần tới điện Phụng Tiên cử hành lễ thăng phụ. Lễ xong, ban ân chiếu cho khắp trong ngoài. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ. Từ xưa những bậc Đế vương có công đức vĩ đại tất phải có huy danh vĩ đại. Vì thế mới có phép đặt tên thụy vinh danh để lưu lại phúc lành không bao giờ mất. Đó là một điển lễ

không chỉ thuật lại hành tích mà quan trọng hơn là biểu dương ân đức, thực trọng đại vô cùng.

Kính nghĩ, Tiên Hoàng khảo Hoàng đế triều ta, thông minh sáng suốt, đức độ cao vời. Vào thời quốc gia gặp bước gian nan, thuận với lòng trời ứng theo vận nước. Cúi nghĩ. Khi còn tại vị, Bắc diệt giặc Thân, Nam bình ngụy Ngãi. [21a] Hòa thuận hữu nghị lân bang, kế sâu xa giữ yên đất nước; Chấn chỉnh kỉ cương xô lệch, mưu thần diệu bảo vệ triều đình. Đức trải khắp đất trời, công bao trùm thiên hạ. Đại cục mới được vãn hồi, chính sự trở nên sáng rạng. Công lao trung hưng rực rỡ trong sử sách cũng giống như vua Quang Vũ nhà Hán, vua Trang Tông nhà Lê ngày trước. Cao cả thay, thiên đức thuần nhất chính trung tinh túy, vương đạo thuần nhất chính trực công bình. Ân trạch sâu rộng trải suốt ba năm cho nước cho dân, vĩ tích rạng ngời lưu mãi ngàn thu tận mĩ tận thiện. Nên phải tỏ rõ trong miếu hiệu để danh tiếng lâu xa, rạng rỡ trên đỉnh minh mà lưu danh muôn thuở. Hồi trước, đương thời dâng thụy chỉ có sáu chữ, [21b] là bởi quyền nghi nhất thời chưa được hoàn bị, mà thờ ở điện Phụng Tiên cũng chưa làm lễ thăng phụ, đó thực là còn khiếm khuyết. Tấm lòng tôn thân của phận tôi con đâu dám làm ngơ. Đứa con nhỏ này được tiếp nhận cơ đồ to lớn. Vỗ cung kiếm mà cảm hoài bội phần tha thiết; Thoảng canh tường[1] như hiển hiện vẫn vẻ ân cần. Tra cứu điển chương, cử hành đại lễ. Sau khi Phủ Tôn nhân và Đình thần văn võ nghị bàn, đề nghị gia thêm tôn thụy và cử hành lễ thăng phụ để an ủi hương hồn Người ở trên

---

[1] *Canh tường*: Ngày xưa, sau khi vua Nghiêu mất, vua Thuấn nối ngôi, hàng ngày vẫn thương nhớ khôn nguôi, khi ăn thì thấy hình vua cha hiện ra trong bát canh, khi ngủ thấy bóng vua cha in trên tường. Về sau trở thành điển cố chỉ niềm thương nhớ tha thiết của con cái đối với cha mẹ.

trời, nay khảo cứu điển chương kim cổ, tham chước các ý kiến cùng đồng thanh kính gia tôn thêm mười chữ huy hiệu là [22a] Cảnh Tôn Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần Hoàng đế để thỏa lòng trên dưới, lưu lại mai sau. Vào ngày mỗ tháng mỗ đã thỉnh mệnh Giao, Miếu, chọn được ngày lành là ngày mỗ tháng mỗ trẫm thân hành dẫn Tôn nhân cùng Đình thần văn võ tới Tôn điện kính dâng Kim sách, Kim bảo hành lễ dâng Tôn thụy. Đến ngày mỗ rước Thánh vị lên phụng thờ tại án thờ thứ ba bên trái của điện Phụng Tiên. Đồng thời cũng làm lễ thăng phụ Thánh vị của Hoàng Thúc khảo huy hiệu là Giản Tôn Nghị Hoàng đế lên thờ phụng tại án thờ thứ hai bên phải của điện Phụng Tiên, [22b] để từ nay trở đi những dịp đại tự kính phụng thăng phụ, để tỏ phần nào tấm lòng báo đáp, đồng thời thỏa niềm ước vọng của thần dân.

Những điều khoản thi ân sẽ do hữu ti nghị bàn cụ thể phúc tấu lên rồi thi hành. Khảo văn xét lễ riêng một mình trẫm đã làm để biểu dương; Hợp kính đồng tôn triệu dân các ngươi cùng tỏ niềm ngưỡng mộ. Đặc biệt bố cáo rộng rãi để mọi người cùng biết".

Năm Khải Định thứ 3 [1818], tháng 2, nhân gặp ngày đại lễ Giao tự, cử hành rước thăng phối Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế. Trước đó vua thiết triều tại điện Thái Hòa tuyên Dụ bố cáo. [23a] Dụ rằng:

"Các vị vua sáng ngày xưa làm lễ Giao tự tế trời đất là để thụ mệnh tiếp nhận cơ đồ, kế nối công đức của các bậc Thánh nhân, đồng thời tiếp tục rước những vị Thánh nhân có công đức vào phối thờ tại đó. *Kinh Dịch* từng nói về "Ân tiến"[1] ở *Hệ từ*, *Kinh*

---

[1] Lời *Tượng* quẻ *Dự* trong *Kinh Dịch*: "Lôi xuất địa phấn, dự, Tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, ân tiến chi Thượng đế, dĩ phối Tổ khảo", nghĩa là: Tiếng

Thi cũng có câu "Hữu hưởng"[1] trong *Chu tụng*. Sách vở đều ghi lưu lại rõ ràng, đây thực là một điển lễ trọng đại.

Quốc triều ta định đô, dựng đàn Giao. Thái Tổ Gia dụ Hoàng đế triều ta vẻ vang tuân mệnh trời lưu lại điển lễ tốt đẹp cho đời sau. Từ đó [23b] Thế Tổ Cao Hoàng đế, Thành Tổ Nhân Hoàng đế, Hiến Tổ Chương Hoàng đế, Dực Tôn Anh Hoàng đế lần lượt được thăng phối thờ phụng tại đây, để nhằm sáng tỏ nghĩa sùng kính báo đáp và thể hiện sự nghiệp to lớn cho muôn ngàn đời sau.

Kính nghĩ, Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta, tư chất thông tuệ, dấy vận trung hưng. Đại hiếu bao trùm vũ trụ, chí đức bộc phát văn chương. Bắc diệt giặc Thân, Nam bình ngụy Ngãi. [24a] Công oanh liệt hiện ra chói lọi, chí sáng suốt ngầm chứa uyên thâm. Trong những năm tại vị, với tính cần cù và lòng ưu ái đã làm ra bao kì tích kinh luân, làm rạng danh tiền liệt, để phúc cho hậu nhân. Thực cao cả rộng lớn thay, sánh ngang cùng trời đất, đáng được thăng phụ phụng thờ, cùng với Liệt tổ nêu cao Thánh đức Thần công lưu truyền mãi mãi. Chỉ vì thời cuộc có vướng mắc mà điển lễ long trọng này vẫn còn thiếu khuyết. Đến ngày nay trẫm lên ngôi, thực ơn trời cao thương xót, Liệt miếu anh linh, [24b] đặc biệt là nhờ có hồng phúc do Hoàng khảo để lại, thì đại lễ thăng phụ nay phải cử hành. Theo phiến thỉnh của Bộ thần Bộ Lễ, vào dịp lễ đại tự Nam Giao năm nay kính rước Hoàng khảo vào thăng phối tại án thờ thứ ba bên

---

sấm rền vang, là điềm vui vẻ. Các vị vua đời trước nhân đó chế ra nhạc để ca công tụng đức, cử hành đại lễ cung hiến Thượng đế và phối hưởng cho cha ông".

[1] Bài *Ngã tương* trong thiên *Chu tụng, Kinh Thi* có câu "Y hỗ Văn vương, kí hữu hưởng chi" nói về việc vua Vũ vương nhà Chu phối thờ Văn vương, ý nghĩa câu này là: Văn vương người đem lại phúc lành đã giáng xuống mà hưởng lễ ở mé bên hữu.

phải Viên đàn. Sau khi các quan Viện Cơ mật bàn duyệt tiến lâm, đã chấp thuận ý nguyện của trẫm. Vậy mọi thủ tục thi hành truyền hữu ti kính cẩn thi hành, nhằm biểu dương công đức lớn lao và sáng tỏ điển lệ, để mãi mãi đem lại phúc lành, đó chính là nguyện vọng chung thể hiện tấm lòng thành kính của trẫm và tình cảm tôn thân của thần dân trăm họ vậy. Đặc biệt truyền Dụ này cho khắp trong ngoài để mọi người cùng được biết".

[25a] Sau đó sai bói chọn ngày lành là ngày 13 tháng 2, Tân Mùi, vua thân hành ngự tới đàn Nam Giao hành lễ đại tự và kính rước Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế vào thăng phối tại án thờ thứ ba bên phải Viên đàn. Lễ xong, ngày 17, thiết đại triều tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng, ban ân chiếu khắp trong ngoài. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ. Thánh nhân thấy lễ thường báo bản tất hạ giáng mà thụ hưởng; Vua sáng muốn báo hiếu tôn thân chẳng gì bằng phối đất trời. [25b] *Kinh Lễ* chép việc "Thăng trung", *Kinh Thi* ca câu "Hữu hưởng", chính là thể hiện điển lệ lớn và tỏ rõ sự vẻ vang.

Nước ta trời cao phù hộ, Thánh đế nối nhau. Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế mở mang cơ đồ thu phục phương Nam. Thế Tổ Cao Hoàng đế tái tạo cơ đồ. Thánh Tổ Nhân Hoàng đế mở mang chế độ, tô điểm thái bình. Hiến Tổ Chương Hoàng đế kế thừa khuyếch trương trị đạo. Dực Tôn Anh Hoàng đế tôn kính đạo trời, [26a] nối tiếp tổ tiên, yêu mến kẻ sĩ, thương xót nhân dân, công tích lớn lao, nhân trạch thâm hậu. Các vị đó vị nào cũng có công đức để được phối hưởng thờ tự với trời. Phúc trạch của họ còn mãi rạng ngời, khắc ghi trên đỉnh, rõ ràng trước mắt. Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta, đức lớn phù hợp mệnh trời, vẻ vang kế thừa vận sáng. Hiếu thảo kính thờ Lưỡng cung, trị đạo rạng ngời; Đức lớn trong hai tập thơ, văn chương sáng láng. Nhân, vũ gồm đủ những năm tuần bắc dụ nam; Công, đức

rỡ ràng bao ngày trong êm ngoài ấm. [26b] Thông minh nghe lời nhân đức, sâu sắc hiểu biết con người. Mở kinh diên để giữ đạo chấp trung dùng vào chính sự; Ban ân chiếu nhằm gia ân bể dưới nuôi dưỡng lê dân. Ngự ngôi báu ba năm, gốc ở tâm thuần vương, thi hành chính sự thuần vương, vĩ đại sánh cùng trời đất, càng làm rạng rỡ Tổ tiên.

Trẫm còn ít tuổi được lên kế thừa đại thống, luôn lo sợ mệnh trời ảo mật mà thận trọng trong lòng, vẫn không quên trách nhiệm kế thừa nên quyết lòng truy hiếu. Kính chọn ngày mồng 7 tháng này sai quan kính cáo Thiên Địa và Tôn miếu, Xã tắc, ngày 13 cúng lễ trời đất ở đàn Nam Giao, [27a] kính rước Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế thăng phối vào án thờ thứ ba bên phải. Lấy năm nay là năm Mậu Ngọ làm năm bắt đầu để duy trì thành điển lệ mà lưu truyền mãi tới vô cùng, dâng hương lên bình ngọc ở hai bên tả hữu, kính vâng mệnh vua tới khấn trời xin ban phúc lành phù hộ, bày tỏ niềm tôn kính để được đội ơn huệ dồi dào.

Còn những điều khoản thi ân được liệt kê ra dưới đây.

Ôi! Việc tế tự muôn đời sáng ngời điển lệ; lễ báo đáp nghìn thu nối mãi không thôi. Kính cáo trời, kính cáo ông cha, con nhỏ đích thân xin giãi lòng thành kính; Còn các quan, còn dân trăm họ, muôn người cùng chung hưởng phúc thái bình. Truyền đặc biệt bố cáo cho mọi người cùng được biết".

[27b] Năm Khải Định thứ 6 [1821]. Tháng 2. Nhân gặp ngày đại lễ Giao tự, cử hành lễ thăng phối cho Giản Tôn Nghị Hoàng đế. Trước đó, vua thiết triều tại điện Thái Hòa tuyên Dụ bố cáo. Dụ rằng:

"Ngày xưa, các vị vua sáng suốt lập đàn Giao cúng trời đất rồi lưu truyền nếp cho đời sau. Các vua đời trước kế nối thờ tự và mở mang ra việc phối thờ. Cho nên *Kinh Thư* khởi đầu nêu việc

"minh ân"[1], *Kinh Thi* có chép bài ca "hữu hưởng". Thực là điển lễ trọng đại.

Quốc triều ta định đô, [28a] dựng đàn Giao. Thái Tổ Gia dụ Hoàng đế triều ta vẻ vang tuân mệnh trời lưu lại điển lễ tốt đẹp cho đời sau. Từ đó lần lượt Thế Tổ Cao Hoàng đế, Thành Tổ Nhân Hoàng đế, Hiến Tổ Chương Hoàng đế, Dực Tôn Anh Hoàng đế được thăng phối thờ phụng tại đây, để nhằm sáng tỏ nghĩa sùng kính báo đáp và thể hiện sự nghiệp to lớn cho muôn ngàn đời sau.

Kính nghĩ, [28b] Giản Tôn Nghị Hoàng đế triều ta, tư chất thông minh, mở cơ nghiệp lớn. Đức hiếu sáng ngời vũ trụ, ân trạch thấm khắp thần dân. Trong những năm ngự ở ngôi báu, với tính cần cù và lòng ưu ái đã tạo ra bao kì tích kinh luân, làm rạng danh tiền liệt, để phúc cho hậu nhân. Được trời phù hộ, ở ngôi thực không có gì hổ thẹn, đáng phải thăng phối. Chỉ vì thời cuộc nên lễ lớn bị bỏ khuyết. Trẫm đức bạc được trời cao thương xót, ơn nhờ phúc trạch của Liệt miếu. [29a] Từ ngày lên kế thừa đại thống tới nay luôn tưởng nhớ đến công đức cao cả của Người, trong lòng chẳng lúc nào quên. Nay nhân ngày đại lễ dâng hương, cứ theo phiến thỉnh của Bộ thần Bộ Lễ tâu xin vào ngày Đại lễ Nam Giao năm nay cử hành thăng phối cho Giản Tôn Nghị Hoàng đế vào thờ tại án thờ thứ tư bên trái Viên đàn. Sau khi các quan Viện Cơ mật bàn duyệt tiến lãm, đã chấp thuận ý nguyện của trẫm. Vậy mọi thủ tục thi hành truyền hữu ti kính cẩn thi hành, để thể hiện nghi lễ trọng đại, nối tiếp các bậc Tiền liệt, lưu truyền cho mai sau. Đó chính là nguyện vọng chung thể hiện tấm lòng thành kính của trẫm và tình cảm tôn thân của thần dân

---

[1] *Minh ân*: tức là lễ dâng hương. Xem *Kinh Thư - Chu thư - Lạc cáo*.

trăm họ vậy. Đặc biệt truyền Dụ này cho khắp trong ngoài để mọi người cùng được biết".

[29b] Sau đó sai chọn ngày lành là ngày 10 tháng 2, Tân Tị, vua thân hành ngự tới đàn Nam Giao hành lễ đại tự và kính rước Giản Tôn Nghị Hoàng đế vào thăng phối tại án thờ thứ tư bên trái Viên đàn. Lễ xong, thiết đại triều tại điện Thái Hòa nhận chúc mừng, ban ân chiếu khắp trong ngoài. Chiếu viết rằng:

"Trẫm nghĩ. Lễ Giao cúng trời, điển "minh ân" *Kinh Thư* đã chép; Thăng phối thờ Đế, việc "ân tiến" *Kinh Dịch* còn ghi. Đàn bệ càng huy hoàng, [30a] Hoàng thiên thêm ban phúc.

Nước ta trời thương ban cho vẻ sáng, Thánh minh kế tiếp nối truyền. Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế mở mang cơ đồ thu phục phương Nam. Thế Tổ Cao Hoàng đế tái tạo cơ đồ. Thánh Tổ Nhân Hoàng đế tiếp nối cơ nghiệp đã được khai sáng, tô điểm thái bình. Hiến Tổ Chương Hoàng đế kế thừa truyền thống thống nhất khuyếch trương trị đạo. Dực Tôn Anh Hoàng đế vẻ vang phát huy mệnh sáng, đức lớn thấu tận trời cao. [30b] Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế vẻ vang lên ngôi, công oanh liệt lưu cho hậu thế. Các vị đó vị nào cũng có công đức để được phối hưởng thờ tự với trời. Phúc trạch còn mãi rạng ngời, khắc ghi trên đỉnh, rõ ràng trước mắt. Giản Tôn Nghị Hoàng đế kế nối cơ đồ to lớn, đức hiếu rạng ngời. Văn học tôn sùng, chỉnh đốn phép thi, tỏ rõ đời thái bình rực rỡ; Võ bị coi trọng, qui hoạch quân dung, giữ vững quyền tự trị của mình. Tính cần cù, lòng thận trọng trổ tài kinh luân lập nên biết bao công tích. Sánh ngang cùng trời đất, làm rạng rỡ tổ tiên.

[31a] Trẫm còn ít tuổi được kế thừa đại thống, tưởng nhớ công đức cao cả của Người, muốn đặc biệt bày tỏ niềm biểu dương tôn sùng. Ngày mồng 4 tháng này kính cáo Thiên Địa, Liệt thánh và Xã tắc. Ngày mồng 10 tế trời đất tại đàn Nam Giao,

kính rước Giản Tôn Nghị Hoàng đế thăng phối tại án thờ thứ tư bên trái. Bắt đầu từ năm nay là năm Tân Dậu truyền đặt thành điển lệ lưu truyền mãi mãi về sau, dâng hương lên bình ngọc ở hai bên tả hữu, kính vâng mệnh vua tới khấn trời xin ban phúc lành phù hộ, [31b] bày tỏ niềm tôn kính để được đội ơn huệ dồi dào. Còn những điều khoản thi ân truyền giao cho hữu ti tuân hành.

Ôi! Việc tế tự muôn đời sáng ngời điển lệ; lễ báo đáp nghìn thu nối mãi không thôi. Kính cáo trời, kính cáo ông cha, con nhỏ đích thân xin giãi lòng thành kính; Còn các quan, còn dân trăm họ, muôn người cùng chung hưởng phúc thái bình. Truyền đặc biệt bố cáo cho mọi người cùng được biết".

Năm Khải Định nguyên niên [1816]. Tháng 6. Bộ Công xin tu bổ tòa hoàng ốc ở các Tôn lăng Cơ Thánh và Hiếu Đông. [32a] Vua nhân đó phê rằng:

"Hoàng ốc ở Tư Lăng gần đây bị tỉnh giảm. Nay trẫm kế thừa cơ đồ to lớn, việc thờ phụng các lăng, điện còn phải hết lòng thành kính cho tận lễ, huống hồ là Tư Lăng. Truyền đối với các Hoàng ốc đó phải chiếu lệ ban đầu để chế tạo cho đúng y cách thức, để khi đến các kì lễ tiết trẫm sẽ đích thân đến hành lễ hoặc tới chiêm bái cho ra thể thống để bày tỏ niềm thành kính hết mực"

Tháng 9. Sai Bộ Công trùng tu Tư Lăng, xây thêm tòa nhà đá, dựng nhà bia. Mệnh Trung quân Đô thống Hồng Đả làm Đổng lí trông coi việc này. [32b] Vua đích thân soạn văn bia để khắc ghi Thánh đức Thần công. Văn bia viết:

"Đế vương nắm giữ mệnh trời, làm tỏ đức đất. Có người mở mang cơ nghiệp, có người giữ gìn thành quả, có người đẩy vận trung hưng. Những công đức thần thánh ấy thực là lớn lao rực rỡ, đáng để soi tỏ hậu thế không bao giờ mất.

Quốc triều Đại Nạm ta được trời phù hộ gây dựng cơ đồ. Từ khi mở mang gây dựng nền móng ở phương Nam, tích công gom đức trong hơn ba trăm năm, tổ tông khai sáng bồi đắp, thánh thần kế nối nhau tạo dựng gìn giữ cơ nghiệp để có được cơ ngơi đầy đủ hoàn chỉnh.

Kính nghĩ. [33a] Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta, lên kế thừa phúc trạch khai sáng của Liệt thánh, gặp khi đất nước có nhiều gian nan đã bền lòng phấn chấn dấy cuộc trung hưng, giữ vững nền tảng quốc gia, công đức huy hoàng rạng rỡ đất trời. Để tới ngày nay, đứa con nhỏ này có được cơ đồ giang sơn, kính cẩn tuyên dương đức sáng, tạc khắc lên bia đá để lưu lại bất hủ muôn đời.

Hoàng khảo ta là con thứ hai của Hoàng tổ Dực Tôn Anh Hoàng đế, do Nguyên Thân phiên Thuần Nghị Kiên Thái vương Thái phi họ Bùi sinh ra vào giờ Tân Mùi ngày 12 tức ngày Giáp Dần tháng Giêng, mùa xuân năm Giáp Tí niên hiệu Tự Đức thứ 17. [33b] Năm thứ 18, Hoàng tổ mệnh giao cho Thiện phi họ Nguyễn nuôi dưỡng ở trong cung. Người có tư chất thông minh sáng suốt, nhanh nhẹn khác thường, nên được Hoàng tổ rất yêu quí. Năm thứ 32, Người chuyển ra Các ở, mệnh dựng ngôi nhà ở mé phải xứ Thị Vệ gọi là nhà Chính Mông để tu dưỡng Thánh công. Năm thứ 33 tức năm Canh Thìn, mùa đông, tháng 10 chuẩn cho dựng điện tại phường Hiệu Trung trong Kinh thành để ở. Ngày 11 tháng 10, mùa xuân năm thứ 36 tức năm Quí Mùi [34a] được sách phong là Kiên Giang Quận công. Tháng 5 mùa hạ năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi nguyên niên, Kinh thành có biến, Hoàng khảo ta ẩn tích trong dân gian. Rồi mùa thu năm ấy được Đại thần hai nước tìm rước về lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa vào ngày 11 tháng 8, đặt niên hiệu là Đồng Khánh. Buổi đầu coi chính sự như mặt trời mới lên. Bên trong

chỉnh đốn kỉ cương, mặt ngoài tăng cường hòa hiếu. Kính trời cử hành Giao tự, noi Tổ kính giữ nếp xưa. Hiếu thờ Lưỡng cung, hòa thuận Hoàng tộc. Đối với quần thần thì giữ lễ, cai trị dân chúng thì khoan nhân. Khi thân chinh khi sai khiến tỏ rõ thần uy; [34b] Lúc làm thơ lúc viết văn rạng ngời ngự bút. Thấu lòng trung qua tấu sớ, hiểu Lí học buổi kinh diên. Cần mẫn thương dân, giảm hình bớt ngục. Lại còn: mở mang khoa cử cho sĩ tử được đội ơn, miễn thuế lúc mất mùa cho bốn phương yên dạ. Gặp khánh tiết thì gia ân, buổi đầu xuân ban ân mệnh. Kính xem *Thực lục* thời Đồng Khánh thấy ghi đầy những trang thiện chính rõ ràng, đều đáng để suy nghĩ mãi không thôi. Nhờ thế nên trong thời buổi gió mưa mà vẫn chống giữ được đại cục, chế ngự bốn phương, chuyển nguy thành an, nối dài được phúc trạch của các bậc Tiền liệt. Những trang sử trung hưng tuyệt vời ấy viết mãi không hết, đến như vua Quang Vũ nhà Hán, Trang Tôn nhà Lê cũng không hơn được. Thần dân trong thiên hạ vừa mới được ngửng đầu ngóng xem Thánh hóa thì ai ngờ, [35a] ý trời khôn lường, đến năm thứ 3 là năm Mậu Tí, ngày 16 tháng 12 là ngày Quí Tị người không được khỏe, đến ngày 25 bệnh tình thuyên giảm, chợt sang ngày 27 là ngày Giáp Thìn giờ Tuất người cưỡi rồng thăng lên trời tại điện Càn Thành, hưởng Thánh thọ 25 tuổi. Đến năm Kỉ Sửu, tháng 3 là tháng Mậu Thìn, ngày 19 là ngày Giáp Tí, giờ Nhâm Thân kính rước đi an táng tại mộ ở xứ Doãn An xã Dương Thủy Thượng huyện Hương Thủy, kính đặng tên lăng là Tư Lăng. Lúc bấy giờ đứa con nhỏ này vẫn còn thơ dại, mọi việc đều ở quyền người khác, nên ca tụng Thánh đức chỉ có sáu chữ mà văn bia Thần đạo vẫn còn thiếu khuyết, khiến cho công đức của Hoàng khảo chưa được thiên hạ biết đến mà lưu truyền tới mai sau. Ôi thực đau xót thay. Ngày nay con nhỏ lên kế thừa đại thống, [35b]

đã kính cẩn dâng Tôn thụy là Cảnh Tôn Phối thiên Minh vận Hiếu đức Nhân vũ Vĩ công Hoằng liệt Thông triết Mẫn huệ Thuần Hoàng đế. Kiều Sơn[1] trước mắt, ngóng trông niềm thương nhớ càng thêm tha thiết. Bèn sai Bộ Công xây nhà bia rồi khắc thành bi minh.

Ngày... tháng... năm Khải Định nguyên niên. Con thừa tự, thần (ngự danh của Hoàng đế) kính cẩn chắp tay cúi đầu khắc bài minh rằng:

Trời thương nước Đại Nam,
Thánh kế với thần truyền.
Kinh Phúc Xuân đinh đinh,
Đã hơn ba trăm năm.
Kính yêu thay Hoàng khảo,
Thánh đức phối Hoàng thiên.
Trung hưng mở vận hội,
Đạo đời Chu dấy lên.
Công ơn Thánh nuôi dưỡng,
[36a] *Vận trời bĩ rồi thông.*
Lên kế thừa nghiệp lớn,
Chính sự dần sáng trong.
Thành tâm kính trời đất,
Thi hành noi tổ tông.
Lưỡng cung chăm phụng dưỡng,
Hiếu kính dốc hết lòng.
Hòa thuận với tông tộc,
Tôn trọng nghe bá quan,

---

[1] *Kiều Sơn*: tên ngọn núi ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, tương truyền là nơi đặt mộ của Hoàng Đế.

Với bề tôi giữ lễ,
Khoan hồng với muôn dân.
Uy thần không giết chóc,
Lòng nhân thắng bạo tàn.
Khí giới chất kho cất,
Dân cư sống bình an.
Võ công đã oanh liệt,
Văn trị lại mở mang.
Chiếu kinh diên đàm đạo,
Chuyên tâm duyệt tấu chương.
Thơ vịnh lời tao nhã,
Văn mô phạm phi thường.
Vừng sao khuê chiếu sáng,
Rực rỡ tỏa bốn phương.
Khoa trường lại rộng mở,
[36b] *Miễn thuế lúc khó khăn.*
Sĩ tử thỏa chí tiến,
Dân chúng bớt nhọc nhằn.
Rộng lượng khoan hình ngục,
Lễ tiết lại gia ân.
Lòng Thuấn vương ôm ấp,
Chính sự chứa lòng nhân.
Ba năm ngự ngôi báu,
Muôn việc thảy hanh thông.
Qui mô sâu rộng quá,
Công tích lớn vô cùng.
Kiều Sơn hiện trước mắt,
Sao nhìn thấy bóng rồng.

Kính cẩn khắc bia đá,
Niềm hiếu mãi ghi lòng".

Năm [Khải Định] thứ 2 [1917]. Tháng 8, hoàn thành việc trùng tu các Tôn lăng, Tôn điện. [37a] Vua dụ rằng:

"Biểu dương huân liệt của quân thần là việc làm hiếu nghĩa của phận tôi con; Trùng tu di chỉ cho khang trang là việc lớn vẻ vang để truyền mai hậu.

Kính nhớ Tiên Hoàng khảo Hoàng đế triều ta buổi mới trung hưng, chuyển biến cảnh hỗn loạn gió mưa trở thành ngày thanh bình sáng sủa. Công đức Thần thánh sử sách nào ghi được hết. Nhưng vừa mới được ba năm Người đã cưỡi rồng lên trời, chốn Đỉnh hồ mây che u ám, núi Xuân Sơn tạm tìm cát địa làm nơi yên nghỉ hương hồn. Ba chục năm nay, trải qua những ngày ẩn náu đợi thời để rồi bước ra sáng lạn, nhớ lại việc làm quyền nghi ngày trước, không nỡ để mai sau có ngày bị chìm lấp, cần phải biểu dương sự vĩ đại oanh liệt của Người cho đời sau được biết.

[37b] Nay trẫm đã lên kế thừa đại thống, tỏ niềm thành kính tôn sùng, bèn sai trùng tu Tôn lăng, xây tòa nhà đá, dựng nhà bia. Rồi kính cẩn soạn văn bia để khắc ghi công đức thần thánh của Người để lưu truyền bất hủ. Nay công việc đã hoàn tất, phải làm lễ cáo thành. Truyền Bộ Lễ sắp xếp nghi thức, Nội các soạn bài văn khấn, Khâm thiên giám chọn ngày lành để đến hôm đó trẫm tới Tôn lăng và Tôn điện làm lễ cáo yết, bày tỏ chút lòng hiếu thuận, cầu mong bề trên soi xét phù hộ cho".

Tháng 9, ngày 11, Tân Sửu, [38a] vua tới Tôn lăng, Tôn điện làm lễ tạ.

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 6, vua dụ rằng:

"Lễ viếng lăng là để bày tỏ tấm lòng hiếu thuận của con cháu. Từ thời Hán trở đi, các đời nối tiếp duy trì tuân thủ, trở thành

điển lệ trọng đại. Năm Thiệu Trị thứ 7, khi Hoàng tổ Dực Tôn Anh Hoàng đế triều ta mới kế thừa lên ngôi cũng đã lập tức tới viếng các Tôn lăng, Tôn điện để tỏ lòng hiếu kính. [38b] Đến Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta, vào năm Đồng Khánh thứ 3 cũng tuân theo lệ ấy mà cử hành lễ viếng. Trẫm nay ơn nhờ Tổ Tông linh thiêng phù hộ, được kế thừa đại thống, luôn giữ lòng noi theo tiền nhân, vọng nhìn những gốc thông già không xiết nỗi niềm thương nhớ. Về nghi thức lễ viếng, truyền Bộ Lễ xem xét để xuất phúc tâu lên đợi chuẩn cho thi hành, để phần nào an ủi tấm lòng của trẫm. Khâm thử".

Rồi mệnh chọn ngày lành là ngày 27. Sáng sớm vua Ngự giá đến Khiêm Lăng và lăng Khiêm Thọ hành lễ bái yết, [39a] rồi tới điện Hòa Khiêm hành lễ. Buổi chiều đi bái yết Tư Lăng, sau đó tới hành lễ tại điện Ngưng Hi. Từ đó cứ đến tiết Thanh minh hàng năm đều cử hành lễ viếng, giữ thành lệ thường.

Năm [Khải Định] thứ 2 [1917], bái yết lăng Thiên Thụ, điện Minh Thành.

Năm [Khải Định] thứ 3 [1918], bái yết Hiếu Lăng, điện Sùng Ân.

Năm [Khải Định] thứ 4 [1919], [39b] bái yết Xương Lăng, điện Biểu Đức.

Năm [Khải Định] thứ 5 [1920] và thứ 6 [1921], bái yết Khiêm Lăng, điện Hòa Khiêm. Làm lễ xong đều quay về nghỉ đêm tại nhà Tả phối điện Ngưng Hi, để đến sớm hôm sau Ngự giá tới hành lễ tại Tư Lăng và điện Ngưng Hi.

Năm [Khải Định] thứ 7 [1922], [40a] ban Sắc rằng:

"Năm nay là năm Nhâm Tuất, kỉ niệm năm đầu tiên Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta lên ngôi đặt niên hiệu. Trẫm bận Ngự giá sang Tây, nên vào tiết Khánh niệm mồng 2 tháng 5 không thể đi hành lễ được. Nên vào tiết Thanh minh mồng 9 tháng tới, trẫm

sẽ đi viếng lăng Thiên Thụ làm lễ chiêm bái, sau đó quay về Tư Lăng, nghỉ đêm ở nhà Tả phối điện Ngưng Hi, để đến sớm hôm sau hành lễ. Truyền cho Bộ Lễ tuân hành. Khâm thử".

GIA PHÁP

[41a] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, tấn phong cho Tam giai Huệ tần và các cung phi các bậc khác nhau. Dụ rằng:

"*Quan thư*[1] là điểm khởi đầu Vương đạo; cung tường chính nơi phong hóa bắt nguồn. Từ ngày xưa, các bậc Đế vương không ai là không chăm lo vun vén nơi căn bản trước tiên. Trẫm khi còn chưa lên ngôi đã được Lưỡng cung giáng Chỉ dụ khuyên nên sớm quyết định việc này cho được yên bề. Ngờ đâu vì nội chính rối ren nên đàn cầm chưa ngân thành điệu. Từ ngày tức chính tới nay vẫn tâm niệm làm tròn chữ hiếu, [41b] nên luôn nghĩ trước lo chấn chỉnh phong hóa tôn xã, rồi sau mới đến chuyện trong cung. Vì nghĩ rằng thứ bậc cung phi đảm đương trợ giúp cho Vương hóa, nếu không là người am tường thì khó lái huy xa[2]. Vì thế ngôi chính nội đình vẫn còn để trống, là có ý đợi người vậy. Nhưng xét thấy mấy người thiếp từ khi trẫm còn chưa lên ngôi vẫn hầu phụng trẫm đã nhiều năm, đáng nên thương đến mà vinh danh. Trong đó Hoàng Thị Cúc nguyên là người được Từ chỉ của Hoàng Thái phi tuyển vào hầu hạ ở dinh Hoàng tử, rất được lòng bề trên, lại sớm ứng điềm mộng lành mà sinh con trai, truyền tấn phong làm Tam giai Huệ tần, Trần

---

[1] *Quan thư*: tên bài thơ trong Kinh Thi, ca ngợi tình yêu trai gái.

[2] *Huy xa*: loại xe dùng cho Hoàng hậu hay Hậu phi.

Đăng thị Thông làm Thất giai Quí nhân, Ngô Thị Trang làm Cửu giai Tài nhân, để đều được hưởng ân sủng. Mọi thủ tục nghi thức truyền Bộ Lễ chiếu theo lệ tuân hành".

Tháng 8, [42a] tấn phong Hồ thị làm Nhất giai Ân phi. Dụ rằng: "Vương hóa bắt đầu từ nội bộ, *Quan thư, Thước sào* xếp thứ nhất trong nhị *Nam*[1]; Trị nước trước hết phải tề gia, hiền phụ Ấp Khương cùng dự vào hàng Thập loạn[2]. Xét nay ngôi Phi nắm giữ việc nội chính từ lâu vẫn còn để khuyết. Chưa tìm được người thì biết trao cho ai. Vị trí này để trống là để đợi tìm được người hiền biết làm vui lòng bề trên, đồng thời chu toàn tứ đức, tránh cho trẫm khỏi phải áy náy mà để tâm vào việc nội trị bên trong, thì sẽ tấn phong cho cấp bậc cao quí. Làm như thế cốt để nghiêm giáo hóa trong nhà vậy. Nay kính nhận được Từ dụ của Lưỡng cung nói rằng, nhà vua đã vất vả vào việc cơ vụ, thì nội chính không thể thiếu người phụ tá để trông nom sai khiến nội thuộc, nên chọn một người cung phi thay mặt trông nom hầu hạ già này, đỡ cho nhà vua khỏi phải bận tâm lo nghĩ. Nghe nói quan Cơ mật Đại thần, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Học bộ Thượng thư, kiêm Lễ bộ sự vụ Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung có người con gái thứ ba [42b] là Hồ Thị Chỉ rất có dung nhan đức hạnh, nên tuyển sung vào nội cung tấn thăng làm hàng Phi để nghiêm phép tắc trong cung và giữ thể thống, Kính vâng ngọc chỉ không dám chậm trễ trái lời, truyền cung lục Từ dụ chuyển cho viên Đại thần ấy tuân mệnh. Đồng thời truyền báo cho Khâm

---

[1] *Quan thư, Thước sào* là tên hai bài thơ trong *Kinh Thi*. *Quan thư* trong thiên *Chu nam*, nói về tình yêu nam nữ; *Thước sào* trong thiên *Thiều nam*, ca ngợi đức tính của người phụ nữ. Nhị *Nam* là chỉ hai thiên *Chu nam* và *Thiều nam*.

[2] *Thập loạn*: chỉ mười người bề tôi đã có công phò giúp Chu Vũ vương lấy được thiên hạ, trong đó sử sách liệt kê cả bà vợ của Vũ vương là Ấp Khương.

thiên giám chọn ngày lành để vào ngày đó đưa tiến vào Đại nội kính yết đúng nghi thức. Lại kính vâng theo Ý chỉ, rộng lượng gia ân, truyền chuẩn tấn phong cho thị ấy làm Nhất giai Ân phi, để thị sớm được đội ơn vinh sủng, mãi mãi giữ thuần phụ đạo. Truyền Hữu ti tuân theo lệ cũ xưa nay đệ phiến phúc tâu từng khoản đợi chuẩn thi hành".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. [43a] Tháng 12, tấn phong cho Tam giai Huệ tần làm Nhị giai Huệ phi; Phạm Thị Hoài làm Ngũ giai Diễm tần. Trước đó vua phê bảo Bộ Lễ rằng:

"Tam giai Huệ tần thể lòng hiếu thảo của trẫm mà hầu hạ Lưỡng cung, làm hài lòng bề trên, thật là hiền thảo chăm chỉ đáng khen. Truyền chuẩn tấn phong cho là Nhị giai Huệ phi. Phạm Thị Hoài vừa được chọn đưa vào Đại nội mà đã nhanh chóng biết phép tắc trong cung, xem ra cũng thông minh sáng dạ, truyền tấn phong cho là Ngũ giai Diễm tần, để hai người được sớm đội ơn dày".

Đến giờ Bộ thần Bộ Lễ đệ phiến xin thi hành những nghi thức thủ tục liên quan. Vua chuẩn cho thi hành.

Năm Khải Định thứ 4 [1919], [43b] tháng 8. Vua phê bảo Bộ Lễ rằng:

"Vũ Thị Dung là ái nữ của quan Đại thần, được tiến sung vào cung đình, trẫm xem tư cách tính tình rất nền nếp gia giáo, đáng được ban ân mệnh cho có cấp bậc, để thị càng thêm tận tâm hầu phụng Lưỡng cung. Truyền tấn phong làm Tứ giai Du tần. Truyền hữu ti chiếu lệ tuân hành".

Năm Khải Định thứ 7 [1922], mùa xuân, tháng Giêng, tấn phong Ngũ giai Diễm tần Phạm thị làm Tam giai Diễm tần, Nguyễn Thị Đính Liên làm Ngũ giai Diễm tần. [44a] Trước đó vua phê rằng:

" Ngũ giai Diễm tần Phạm Thị Hoài gần đây hầu hạ rất được

lòng Lưỡng cung, trẫm lấy làm khen ngợi. Bữa rồi vâng theo từ chỉ rằng nên thăng cho thị làm Tam giai Diễm tần. Khâm thử. Ngoài ra, quan Thượng thư, sung Cơ mật viện Tham tá Nguyễn Đình Hòe cũng vừa đem cháu gái là Nguyễn Thị Đình Liên dâng tiến vào nội đình. Trẫm nghĩ rằng viên quan ấy vốn là cựu thần của Tiên đế, nay đang làm việc rất cần mẫn. Vậy truyền tấn phong Nguyễn Thị Đình Liên làm Ngũ giai Diễm tần để thị được đội ơn cao dày. Truyền hữu ti chiếu lệ tuân hành".

Năm Khải Định thứ 4 [1919], [44b] tháng 8. Chuẩn đem lầu Khải Tường ban cho Hoàng Trưởng tử. Vua phê rằng:

"Hồi Trung hưng trẫm làm Hoàng tử ở mãi tại một biệt điện. Đến năm Nhâm Dần chiếu theo Phủ lệ mới có cơ ngơi này. Mùa hạ năm Bính Thìn đăng quang, tới năm Đinh Tị nhận tiền Thượng lộc mới nhân nền đó thuê thợ cho xây dựng, sang mùa đông năm Mậu Ngọ thì hoàn thành, vì nghĩ đó là nơi đất phát nên mới đặt tên là lầu Khải Tường, sắc sai mua đồ đạc để bày biện, toàn bộ đều không dùng vào tiền của nhà nước để tỏ rõ không phải là nhà của công. Nay ban lầu ấy cho Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy làm tài sản riêng vĩnh viễn để tỏ lòng ưu ái. Con khá kính tuân theo lời dạy bảo mà suy nghĩ phấn đấu, sau này nhờ ơn trời đức đạt tài thành, thừa hưởng phúc trạch tiền nhân, [45a] được lên kế thừa mệnh lớn thì càng cần phải kính theo ý trẫm, chớ có sai phạm. Truyền Nội các sao lục giao cho Lê Văn Bách ở sở ấy đem lời phê này khắc lên vách lầu".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Mùa hạ, tháng 4, vua ngự chế lời Dẫn cung An Định:

"Cung An Định là tiềm để[1] của trẫm ở hồi chưa lên ngôi. Khi trẫm còn là phiên thần tự đặt tên cho là dinh An Định. Chính tại

---

[1] *Tiềm để*: nhà ở của Hoàng tử.

đây vào mùa thu năm Quí Sửu Hoàng trưởng tử đã ra đời. Mùa hạ năm Bính Thìn đăng quang, vì nghĩ đó là nơi đất phát nên xuất tiền lộc ra xây dựng lại thành lầu, mùa xuân năm Mậu Ngọ hoàn thành, đổi lại thành cung, vẫn lấy tên cũ gọi là cung An Định, [45b] còn lầu đặt tên là Khải Tường. Mọi thứ vàng bạc châu báu cùng các đồ đạc trong lầu đều mua hoặc chế tạo bằng tiền lộc riêng của trẫm. Ở các nơi khác đều như thế cả, là bởi trẫm chuẩn bị sẵn cho Hoàng trưởng tử sau này trưởng thành rồi thì đem ban cho làm của riêng, hoặc nếu đã được ăn lộc theo chức vị rồi thì có thể chuyển cho anh em hoặc con cháu làm của tư hữu, cho nên trẫm không dám tơ hào tiêu phí vào tiền của nhà nước và công sức của nhân dân. Cũng có người bảo, đã làm Thiên tử thì của cải trong phủ khố đều là tài sản của mình, hà tất phải tích góp của riêng, bắt chước Lộc đài[1] nhà Thương, Quỳnh Lâm[2] nhà Đường để rồi chuốc lấy điều tiếng dị nghị chê cười của miệng lưỡi đời sau. Nhưng trẫm nghĩ, ngày nay là thời buổi văn minh, chi dùng của quốc gia đã có ngân sách, nhà vua thì có bổng, các quan thì có lộc, ai nấy đều có khoản riêng tách bạch, chứ chẳng còn như ngày xưa phải do ức triệu người cung phụng. So với những lâu đài của vua chúa các nước ở bên châu Âu đã bỏ những khoản tiền riêng gấp bội ra xây dựng trước đây, [46a] thì khoản riêng tư của trẫm chẳng có gì gọi là quá đáng. Huống chi trẫm nay tuổi cũng đã cao, mà Hoàng tử còn non trẻ. Việc trời khó lường nên con người phải lo phòng bị, âu cũng vì nghĩ tới mai sau ngộ nhỡ Hoàng Trưởng tử không được như trẫm bây giờ, nên mới phải lo trước như thế. Bèn sai

---

[1] *Lộc đài*: còn gọi là đài Nam Đơn, một vật kiến trúc thượng uyển ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, tương truyền do Trụ vương đời nhà Thương xây dựng.

[2] *Quỳnh Lâm*: tên gọi của một trong hai phủ khố do vua Đường Đức Tông xây dựng ở hành tại Phụng Thiên để cất trữ của riêng.

người đem khắc vào biển gỗ đặt tại cung An Định, đồng thời lại sai người liệt kê biên danh sách tất cả đồ vật trong lầu đóng thành sách để làm lưu chiểu".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa hạ, tháng 4, mệnh cho Hoàng Thái tử sang Tây du học. [46b] Dụ rằng:

"Sở dĩ cha mệnh cho con đi du học chính là muốn con mở rộng kiến thức, tăng cường trí tuệ, đồng thời có được hiểu biết về công việc giao thiệp, để sau khi thành tài có được một tư chất hoàn hảo. Vả lại làm địa vị một người đứng trên những người khác thì trách nhiệm không phải dễ dàng. Với trách nhiệm nặng nề to lớn thì phải có tư chất hơn người mới có thể đảm đương được. Nếu may mà con đi học thành tài trở về, đến khi cha già trăm tuổi qua đời rồi, triều đình lập con nên kế ngôi thì tư chất của con đã đủ để gánh vác trách nhiệm ấy. Còn nếu vạn nhất chẳng may vì duyên cớ ngoài ý muốn mà con không học được thành tài, khi đó nếu triều đình có đón con về lập lên ngôi thì con phải từ chối nhất thiết không được nhận. Nhận ngôi để rồi không đảm đương được trách nhiệm thì không chỉ hại đến bản thân mà thôi đâu. Cái hại đối với bản thân mình còn là nhỏ, để lại mối lo cho tôn miếu xã tắc [47a] thì cái hại ấy mới là thật lớn. Con hãy nghe theo lời của cha".

Chuẩn cho Giảng dụ Lê Nhữ Lâm thăng hàm Thái thường tự khanh, sung làm Phụ đạo Hán học cho Đông cung. Dụ rằng:

"Việc Hoàng Thái tử xuất dương du học đã được đề cập rõ trong lời Dụ về chuyến Ngự giá sang Tây của trẫm. Nhưng vì Hoàng Thái tử tuổi còn trẻ, e nếu học tập ở châu Âu lâu ngày thì sẽ quên hết Á học, sau khi học xong rồi thì kém phần hoàn thiện. Vì vậy truyền Hồng lô tự Thiếu khanh, sung Giảng tập Lê Nhữ Lâm chuẩn cho thăng thụ hàm Thái thường tự khanh, sung làm Hán học Phụ đạo. Khanh hãy đi theo Hoàng Thái tử sang Tây

để vào những lúc Hoàng Thái tử nghỉ ngơi rảnh rỗi sau khi học Tây học thì giảng dạy Nho học cho Thái tử, để sau này Thái tử thành tài đạt đức, có đủ kiến thức tinh vi ra trường trở về, thỏa niềm mong mỏi của trẫm. Khanh hãy kính vâng mệnh ra đi, chớ phụ mệnh trẫm".

[47b] Đông triều Phụ đạo Lê Như Lâm tâu xin mang theo sang Tây một số sách vở chữ Hán và chữ Quốc ngữ có liên quan đến việc học tập rèn luyện tâm thân và đạo đức cương thường để có tài liệu giảng cho Thái tử; đồng thời về tình hình học hành, ăn ở của Thái tử ra sao, xin hễ cứ mỗi kì có tàu thuyền sang sẽ viết thành phiến sao ra 3 bản (Lưỡng cung mỗi cung 1 bản, Ngự lâu 1 bản) gửi về tiến lãm. Vua phê rằng:

"Qua đề nghị của khanh, trẫm thấy khanh cũng là người có tâm. Có câu rằng, cổ nhân đã làm chức phận thì không dám cẩu thả, khanh chính là người như vậy, rất đáng khen ngợi. Trẫm đã để ý thấy Thái tử cũng là người dễ dạy bảo. Hơn nữa, trong tờ Biểu trẫm cũng đã nói hết những điều chỉ tình về khuôn phép gia đình. Khanh hãy thể theo ý trẫm mà giúp đỡ bảo ban Thái tử phải nghe theo để trẫm bớt lo lắng. [48a] Chuyến đi này bắt đầu nhập học Tây học thì mọi đường đi nước bước phải học cho thông thạo, đó là yêu cầu hàng đầu. Sau đó mới tới các khoa khác, trong đó đáng kể tới các sách vở Á học để khi rảnh rỗi đem ra giảng dạy, cùng với những điều khanh đã nêu trong sớ tâu đem ra hướng dẫn cho Thái tử, thì chỉ trong vòng không quá ba năm là có thể thành người hoàn bị. Khanh hãy kính cẩn ghi nhớ. Còn nếu muốn đệ phiến gửi về thì chỉ cần ba tháng gửi về một bản, thông qua Nội các dâng lên là trẫm sẽ biết được điều khanh muốn chuyển đạt. Còn những điều khác chuẩn y cho. Khâm thử".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN III

CẦN CHÍNH

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, chuẩn định các phiên chầu. Vua Dụ rằng:

"Trẫm tài kém đức mỏng vừa mới lên nối nghiệp lớn, mọi nghi thức chính lệnh vẫn chưa được thật sự am tường, còn phải trông cậy nhiều vào các quan trong ngoài cùng đồng tâm phụ giúp cho. Xét ngày nay phong hóa đã đổi mới, phép tắc triều hội phải chuyên cần vào công việc. Chuẩn cho Khâm thiên giám chọn ngày mồng 1 tháng sau, vào giờ Thìn là hiệp cát, [1b] thông qua Bộ Lễ đệ phiến xin thiết triều tại điện Cần Chính. Vào tháng ấy trẫm sẽ thị triều buổi đầu tiên. Truyền hữu ti mở chầu theo nghi thức thường triều, trẫm mặc cát phục thính chính, Đình thần ăn mặc thịnh phục vào bái chầu, các bộ phận liên quan tâu trình công việc, xong rồi chia thành ban đứng thị hầu. Từ đó trở đi, lấy ngày mồng 1 và ngày rằm hàng tháng, vào 8 giờ sáng trẫm sẽ ngự tại điện Văn Minh thính chính, các quan phải cố gắng giữ nghiêm chỉnh phép quan để làm tốt chính sự ngay từ buổi ban đầu. Theo lễ cổ thì Tam công ngồi luận đạo, từ nay các buổi thường triều đều chiếu lệ đó tuân hành. Các Bộ, Nha lần lượt tâu việc, xong xuôi triệu các vị Thân thần và Đại thần ban cho

được ngồi thị hầu để chờ có việc hỏi đến. Làm thế để giữ vẹn cả tình và lễ, bày tỏ tấm lòng kính trọng của trẫm đối với các bậc Thân thần và Đại thần".

Tháng 8. [2a] Vua Ngự giá đi thăm phong cảnh ở Quảng Nam. Chuẩn cho Quản lãnh Lại bộ Hiển Lương hầu Trương Như Cương, Trung quân Đô thống Chưởng phủ sự Hồng Đả sung làm Lưu Kinh Đại thần; lãnh Hình bộ Phù Quang bá Tôn Thất Tố, Công bộ Phúc Môn tử Nguyễn Hữu Bài sung làm Hộ giá Đại thần; Tiền Nhị vệ Lãnh Thống chế Lê Văn Bách sung làm Hành dinh.

Ngày mồng 10 Ngự giá xuất phát từ Kinh sư đi tới Hội An. Quí Trú sứ kính tâu lên rằng: "Được Ngự giá đến thăm, thực vô cùng mừng rỡ. Nhưng chúng tôi chỉ đốc thúc các nhà ở mặt phố chỉnh trang ra đón mừng, chứ không thể mở rộng ra cho những nhà ở khu vực khác được. Nay thấy dân chúng trong hạt bày biện đón rước long trọng như thế, mới thấy lòng dân trong nước đều chân tình qui phục nhà vua, thực rất lấy làm vui sướng". [2b] Sau đó vua ngự đi xem tàu thủy hạng lớn, rồi tới tham quan mỏ vàng Bồng Miêu. Vua ngự chế 10 bài thơ tứ tuyệt về phong cảnh và 2 bài thơ về chuyến xem tàu thủy.

Ngày 13 từ Quảng Nam quay trở về. Vua phán bảo quần thần rằng:

"Vừa rồi trẫm tuân theo lệ cổ đi xem phong cảnh phương Nam, nhận được sự qui phục của dân chúng địa phương, đó âu cũng là nhờ có ân đức sâu rộng của Hoàng khảo Hoàng đế triều ta tưới rải từ nhiều năm trước, đồng thời còn nhờ ở công lao tán trợ của các quan Đại thần của Quí Bảo hộ và Viện Cơ mật cùng với đông đảo bề tôi giúp đỡ cho nên mới được như thế, chứ bản thân trẫm đã có ân đức gì đâu mà khiến chuyến đi có được kết quả nhanh chóng như vậy. [3a]

Các quan đi hộ giá cùng với các quan lưu lại Kinh thành đã có

công lao vất vả đặc biệt, nên đều được xét khen thưởng để mọi người đều vinh dự được hưởng ân huệ.

Đối với Hiển Lương hầu, Phù Quang bá, Phúc Môn tử và Thự Trung quân Hồng Đả, truyền thưởng cho mỗi người một đồng Kim tiền hạng nhất; Hành dinh Lê Văn Bách truyền thưởng cho một đồng Kim tiền hạng nhì. Quan Nội các đi theo hộ tòng xa giá Phạm Hoàn truyền thưởng cho một chiếc Kim khánh hạng nhì; Tá Quốc khanh, sung Quốc học trường Trợ giáo, Quyền sung Ngự tiền Thông sự Hồng Đề, Quản Chưởng Thị vệ lưu lại ở Kinh Nguyễn Hữu Tiễn truyền thưởng cho mỗi người một chiếc Kim khánh hạng ba. Còn đối với các quan Đốc, Bố, Án, Lãnh của tỉnh Quảng Nam cùng các bô lão ở các phủ, huyện hiện đã có sắc chuẩn thưởng, đợi khi công văn danh hàm chuyển tới nơi thì lập tức tuân hành".

[3b] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa xuân, tháng Giêng, chuẩn từ nay trở đi, vua ra ngự chầu thính chính tại điện Văn Minh mỗi tháng 3 kì, vào các ngày mồng 1, ngày 11 và ngày 21. Bắt đầu thực hiện từ ngày mồng 1 tháng 2.

Tháng 2 nhuận, Vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm đức bạc tài sơ, từ lâu vẫn an phận phiên phục mà không hề có ý lên ngôi. Chỉ vì có sự biến năm ngoái nên mới được vào kế nối cơ đồ to lớn để phụng sự tôn xã. [4a] Sau khi tức vị luôn tha thiết cầu ngôn như người khát nước, thế mà cho tới nay vẫn chưa được nghe người nào trình bày về một vấn đề gì. Mà khi trẫm ngồi thiết triều có nói lời nào cũng chưa từng có ai nghị bàn vào để đem thực hiện, nói xong bỏ đó rồi thôi, sao mà lạnh nhạt quá thể như thế. Việc chính trị của triều đình đa phần tự mình chỉ thích tạm bợ, chứ đâu phải như bên ngoài người ta nói là Bảo hộ sang ta cướp quyền của ta. Mình đã không có khả năng tự trị thì người ta bất đắc dĩ phải cai trị thay, cái lí nó là

như thế. Thành thử chỉ có mình trẫm một tay thao tác tám cần. Chứ như vào triều của Thánh Tổ, Hiến Tổ, hễ nói ra một lời là lập tức được thi hành ra công việc ngay. Có điều thời thế mỗi ngày một khác, quyền hành, công việc không còn thuộc vào ý trẫm muốn là làm, mà phải cần đến sự phụ tá trợ giúp của quần thần. Phải làm sao cho vua tôi như cha con trong nhà thì mới mong tự trị được. [4b] Hiện nay chính trị ở nước Cao Miên rất có thể thống nên Bảo hộ cũng đối xử với họ theo cách đặc biệt. Đó chẳng phải nhờ cái gì khác ngoài sự gắn kết chặt chẽ thành một khối giữa vua với bề tôi nước họ".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 2, vua sắp sửa Ngự giá Bắc tuần thăm phong cảnh. Dụ rằng:

"Trị nước để nuôi dân phải luôn nhớ tới đức hiếu sinh; Vâng trời mà cầm quyền chớ có quên giữ yên nguồn sống. Các bậc Đế vương sở dĩ đi tuần thăm viếng phong cảnh chính là nhằm vào mục đích ấy.

Trẫm đức bạc nay mang trọng trách tiếp nhận cơ đồ to lớn, thường vẫn cảm thấy hổ thẹn vì nước yếu mà mình tài hèn chẳng làm được chút gì bổ ích, thương dân lắm than mà chẳng làm được chút gì để thi ân. [5a] Từ ngày lên ngôi, bên ngoài thì được các Đại thần Bảo hộ giúp đỡ, bên trong có các bậc thạc phụ Viện Cơ mật phụ tá, nên đất nước may cũng tạm được yên ổn. Tuy nhiên lòng trẫm vẫn thấy là chưa đủ. Như các địa hạt xứ Bắc Kì đất ở xa xôi, dân cư đông đúc, chính sách trước nay vẫn phó cho người ngoài coi giúp, nên nhiều nội tình thầm kín khó có thể từ xa mà thấu hiểu được. Bởi vậy lần này noi theo lệ cổ ra thăm phương Bắc để bày tỏ chút tình của trẫm lo lắng cho dân. Sau khi đã thương thảo với Quí Toàn quyền Đại thần Sa Lộ[1] để

---

[1] *Sa Lộ*: phiên âm tên tiếng Pháp Sarraut. Tên đầy đủ là Albert Pierre Sarraut.

ngài được biết, chuẩn định Ngự giá sẽ khởi hành vào ngày mồng 9 tháng sau. Tại những nơi sẽ dừng lại nghỉ chân trên hành trình xa giá đi qua từ Quảng Trị trở ra phía Bắc, truyền cho các Tỉnh thần sở tại sử dụng ngân khoản do Nam triều lưu lại mà chi tiêu. Nếu dân địa phương có lòng cung tiến thì để cho được tùy tâm, tuyệt đối không được sách nhiễu dân chúng, nếu để phát giác ra sẽ bị nghiêm trị. Chuẩn miễn cho việc tổ chức bày hương án vái chào tại các phủ, huyện, xã để tránh quả phiền nhiễu, [5b] cốt cho dân được yên ổn, hợp với ý của trẫm, sao cho mọi người trong thiên hạ đều biết làm trọn chức phận thần dân của mình. Lại mệnh cho Phù Quang bá Tôn Thất Tố, Ninh Lãng nam Đoàn Đình Duyệt, Thân binh vệ Thống chế Lê Văn Bách sung làm Hộ giá Đại thần; Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài, Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung, Trung quân Đô thống Hồng Đà, Tiền nhị vệ Thống chế Vũ Văn Kiêm đều sung làm Lưu kinh Đại thần".

Tháng 3, ngày mồng 9, Ngự giá xuất phát từ Kinh sư ra Quảng Bình, rồi đi qua Hà Tĩnh, Nghệ An. Tại các tỉnh ấy đều dừng chân thiết triều ở hành cung.

[6a] Ngự giá đi thăm Sở Lục lộ Hà Trai, xem bắt voi, thăm đồn điền của Quí quan.

Ngày 13 Ngự giá đến Thanh Hóa. Ngày 14 Ngự giá đi viếng các Tôn lăng, Tôn miếu.

Ngày 15 thiết triều.

Tối ngày 16 Ngự giá tới Hà Nội, lấy Phủ Toàn quyền làm hành cung. Quí Toàn quyền Đại thần Sa Lộ dẫn các Quí quan Tây và quan ta mở hội chào mừng.

[6b] Sáng sớm hôm sau bày nghi thức đại triều. Thần dân Bắc Kì dâng Biểu mừng. Sau đó Ngự giá đi thăm tượng đồng viên Tiền Toàn quyền Côn Ba.

Xem triển lãm Nông Công Thương.

Tới nhà Thái học dự lễ khánh thành.

Thăm Văn miếu Bắc Kì, Sinh từ của Vĩnh Quốc công.

Ngự lễ duyệt binh.

Lên Sơn Tây xem Sở dinh điền của quan Tây.

[7a] Tới Tòa Thượng thẩm Bắc Kì.

Ngày 20 Ngự giá lên Lạng Sơn tuần thị đồn binh, leo lên núi Kì Lừa quan sát cửa ải, du ngoạn Đồng Đăng, thăm động Tam Thanh.

Ngày 22 Ngự giá ra Hải Phòng, các Quí quan Tây, quan ta và các Công đoàn mở hội chào mừng tại tòa Thị chính Hải Phòng, rước Ngự giá tuần thị hải cảng, ra nhà nghỉ mát Đồ Sơn, [7b] đi xem máy móc và các xưởng chế tạo, ra Lục Hải thăm các động và cửa biển Cẩm Phả.

Ngày 24 trở về Hà Nội, thăm Trường Bác cổ Đông Dương, Viện Bảo tàng và Sở Hội nghị Thương nghiệp Bắc Kì.

Ngày 26, Ngự giá Nam Định, các Quí quan Tây, quan ta mở hội chào mừng tại hành cung. Ngự giá tuần thị các trại lính và bến sông Vị Hoàng. [8a] Thăm nhà máy tơ.

Ngày 27, Ngự giá từ Nam Định quay trở về, dừng chân nghỉ lại tại Nghệ An.

Ngày 28 tới Quảng Trị dừng lại nghỉ.

Ngày 29, sáng sớm tới Sở Phúc Môn. Chiều hôm đó Ngự giá về tới Kinh sư.

Trên cả hành trình đi đường cũng như nơi dừng nghỉ, có rất nhiều phong cảnh được vua tức cảnh vịnh thành 44 bài thơ, lại còn Ngự chế bài *Văn bia lăng Trường Nguyên* [8b] và đề Ngự chế thi kèm lời tự cho các phong cảnh gồm *Lâm Hà Trai thượng du lộ, Du Tam Thanh động và Lục Hải kì quan thạch động* (được ban tên là động Ngũ Thể Tường Vân), đều sai Tỉnh thần sở tại khắc vào đá để ghi lại.

Mùa hạ, tháng 4, vua Bắc tuần hồi loan trở về, Dụ rằng:

"Dân là gốc của nước, gốc có vững bền nước mới được yên; Vua là chủ của dân, chủ mà hèn yếu dân ắt sinh loạn. Vì thế bề trên kinh luân cai trị không được lãng quên phương sách vỗ về; kẻ dưới giữ đạo cương thường [9a] không để mất đi tấm lòng ưu ái. Vua dân thành một khối, trên dưới thảy đồng tâm, giữ vững vàng tư tưởng đưa quốc gia tiến bước tới cực điểm văn minh, được như thế thì viễn cảnh giàu mạnh thịnh trị tưởng cũng chẳng phải đợi lâu.

Nước ta nhà nước quân chủ văn minh vốn có từ lâu, chỉ vì thời vận lúc thịnh lúc suy, trên dưới chia rẽ tạo thành trở lực ngăn cản bước tiến, chứ nếu không tiền đồ đâu có hạn hẹp như bây giờ. Tình trạng lúc trị lúc loạn ở các triều Đinh, Lê, Lí, Trần là một minh chứng. Đến cuối thời Hậu Lê, họ Trịnh chuyên quyền, nhà Mạc tiếm vận, mưu đồ soán đoạt, chẳng thương xót đến muôn dân, ve vãn Bắc triều cốt để vun vén lợi ích riêng. Kỉ cương rối loạn, Nam Bắc chia lìa. Tiếp đó lại đến ngụy Tây[1] gian hùng nổi lên chiếm cứ. Liền năm lửa khói, dân chẳng được yên. [9b] Nhờ có Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta, một lòng vì vương thất, hết dạ thương sinh dân, nếm mật nằm gai, không nề gian khổ. Gửi gia quyến nơi Vọng Các, cầm con ruột tận Ba Lê, dấy cờ nghĩa vùng lên, đi đến đâu không kẻ nào dám đối địch. Thế rồi chém chết bọn gian hùng, khôi phục non sông xưa. Lại cho rộng tìm con cháu họ Lê để giúp cho nối nghiệp trung hưng. Ai ngờ họ Lê đã không còn người, vận ứng "hòa đao mộc lạc"[2]. Thế Tổ triều ta ứng mệnh trời mở vận lớn lấy lại cơ đồ, thống

---

[1] *Ngụy Tây*: chỉ nhà Tây Sơn.

[2] *Hòa đao mộc lạc*: Hòa, đao, mộc là ba bộ phận chữ Hán ghép lại thành chữ Lê. Ý chỉ nhà Lê sụp đổ.

nhất đất nước, giáo hóa cai trị ba miền, Thần truyền Thánh kế nối tiếp lâu dài, quốc thái dân an. Muôn nhà ca hát, cùng chung hưởng phúc thái bình; già trẻ ấm no, vui vẻ sống cuộc đời lợi lạc. [10a] Như thế thì chẳng hóa ra nền văn minh quân chủ hơn mấy nghìn năm của nước Nam ta trở thành ưu việt bậc nhất rồi hay sao? Chỉ là vì trong nền văn minh đó chưa có được những "cơ sảo trí hóa"[1] để điểm thêm hoa lên bức gấm vậy. Thế rồi vào thời kì suy vi, quyền hành bề tôi lấn át vua nhỏ, huống hồ thời ấy đã quen thành nếp chỉ chuyên chuộng Hán học, còn các khoa như cách trí, hóa học đâu có để mắt tới. Càng về thời sau này, bên trong thì quyền thần kiêu căng lấn lướt, không nghĩ nối thông ra những phong trào trên hoàn cầu; bên ngoài thì quan lại bảo thủ tầm thường, chẳng biết dẫn dắt dân chúng lên đường tiến bộ. Khi Quí quốc Đại Pháp đem những kiến thức văn minh hàng đầu trên hoàn cầu sang giác ngộ cho ta đi lên con đường tiến hóa chung, thực là một cơ hội lớn. Khổ nỗi bấy giờ ta vì ít hiểu biết nên vừa tiếp xúc với thời đại mới mọi người bèn sinh ra nghi ngại, chống đối, ngờ rằng họ chiếm mất quyền lợi, đòi phải giữ gìn phòng bị, ngăn chặn các con đường giao thông. Từ đó các nghĩa sĩ khắp hai miền Nam, Bắc thì uổng công sức vào cái việc châu chấu đá xe, [10b] cánh quyền thần nắm quyền đất nước thì đáng chê cười mất dạng nơi biển xa xó núi. Gây ra bao chuyện khiến triều đình cơ hồ nghiêng sụp. Để mất cơ hội mà gây thành tai vạ đến như thế thực đáng than tiếc lắm thay. May mà Đại quốc đối đãi lân bang bằng tấm lòng nhân ái hòa hiếu, thấu hiểu nền văn minh quân chủ của nước ta không thể cùng lúc tiến hành cải cách, mà chỉ có thể nhân những cái của ta vốn có rồi dần dần điều tiết văn minh. Bèn ước lập Tiên đế

---

[1] *Cơ sảo trí hóa*: chỉ những môn khoa học tự nhiên và công nghệ.

của ta lên ngôi để giữ gìn cuộc trung hưng và làm dịu dân chúng. Thế nhưng Nam, Bắc vẫn rối ren, mối hoài nghi còn đó. Toán này xưng "Nghĩa hội", nhóm nọ bảo "Cần vương", dẫn tới tình thế cưỡi trên lưng hổ, rơi ngay vào kế đuổi sói mượn đường.

Ngay lúc ban đầu tức chính, Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế triều ta đã tiến hành Nam dụ Bắc tuần [11a] khắp nơi thuần phục, dân sống yên ổn, nước tạm khá dần. Cùng với Cố Toàn quyền Đại thần Bôn Bi của Quí Bảo hộ bàn bạc trù liệu, kết hợp Á Âu để chung một lò đào tạo trí hóa, theo mới sửa cũ dẫn dắt dân chúng theo kịp phong trào. Bình đẳng như nhau không phân biệt bên này bên nọ. Ai ngờ mới được ít năm, hiệu quả chưa thấy thì Người đã ngự giá lên trời. Thực đáng tiếc làm sao. Đó là trời chưa muốn cho nước Nam ta được bình trị vậy. Buồn thay sau đó trong suốt ba mươi năm, chủ nước vẫn có người, nhưng chỉ những hạng tầm thường vô dụng. Quí Bảo hộ dẫu có thương xót tình cảnh kỉ cương suy đổi, nhưng về danh nghĩa vốn vẫn quyết định ở triều đình của ta e chưa thoát khỏi tình trạng chúa yếu dân loạn.

Trẫm vốn tư chất bình thường, tài sơ đức bạc, nhưng trong thời gian ở địa vị phiên phục lâu ngày có tu rèn học tập nên cũng biết sơ những điều yếu lĩnh. [11b] Khi nhập cuộc phải tuân theo đường hướng của Liệt Thánh, lúc thực hành cần góp nhặt những chính sách tốt của Quí Bảo hộ làm chương trình, bổ sung thiếu sót, lọc cái dở lấy điều tinh, đó là kế chước quan trọng để tu chỉnh nước nhà. Để bắt tay thực hiện, ban đầu cần phải đồng tâm hiệp lực với Toàn quyền Đại thần Sa Lộ của Quí Bảo hộ ban bố ân trạch, thể hiện lợi ích rõ ràng để khỏi phụ lòng mong ngóng bấy lâu của dân chúng. Lại e dân trí hiểu biết khác nhau khiến hành động có nhiều sai trái, nên ngay khi vừa lên ngôi đã xuống Dụ nêu ba điểm quan trọng giải thích cho dân hiểu, tuy

câu chữ còn thô thiển nhưng bên trong sự tiến hóa được thể hiện rõ ràng. Đến nay tuân theo lệ cổ đi xem phong cảnh, tới đất Bắc này, xét thấy tấm lòng tôn quân thân thượng của người dân vẫn còn giữ nguyên như trước, một niềm chân tình đón rước, [12a] hết lòng thành thực kính yêu, có thể nói là độc nhất trong hoàn cầu, khiến trẫm vô cùng vui sướng trong lòng, bất giác trào dâng niềm cảm hoài, nhìn cảnh ngày nay mà nhớ lại chuyện xưa. Những nơi trẫm đi qua, đô thị tấp nập đông vui, ruộng đồng khai khẩn trù phú, thương mại phát đạt, biên phòng nghiêm cẩn, cả đến học sinh ở các trường học cũng đều phơi phới rộn ràng, những vùng nổi tiếng hiểm yếu cũng vẫn yên ổn bình thường. Trải xem cả cõi Bắc Kì xa xôi nguy hiểm tất cả đều trở thành non sông gấm vóc, có thể thấy công trình khai hóa và những sách lược vĩ đại mà Quí Bảo hộ thực hiện bảo hộ trên xứ này thực là sáng suốt và hữu hiệu bậc nhất, và sự tiến hóa trong tương lai quả chưa thể lường hết được, mà chỉ có thể bằng vào sự văn minh vốn có của ta để đánh giá hình dung ra mà thôi. Qua đó thì thấy mối quan hệ gắn bó nương tựa vào nhau giữa hai nước Pháp Việt sẽ không bao giờ có thể tách rời nhau. [12b] Nước ta vốn giống nòi thông minh tất đã hiểu rõ ràng, chẳng cần phải rườm lời nói thêm nữa. Hãy lấy tình hình dân ta vẫn chưa dốc tận lực ra mà xét, thì sự tiến hóa là dấu hiệu báo trước cho văn minh, lại có thêm tư tưởng vùng lên mạnh mẽ, sự chăm chỉ học tập và nỗ lực làm việc thì kết quả giống như trận mưa kịp đúng thời vụ, mang lại cho cây cỏ non sông tràn ngập sắc xuân, còn lo gì bị khô héo nữa. Giới kĩ nghệ thì xưa vụng nay khéo, trong học giới thì xưa trì trệ nay thông suốt. Về thương mại thì đã nghĩ tới việc thu của cải về từ nguồn bên ngoài, về nông nghiệp cũng sẽ thấy những thành tựu trong nước. Xem những tin tức ấy thì thấy đều là nhờ ơn nước bạn như người thày

dạy bảo dẫn dắt cho. Trẫm muốn các khanh hãy nên cố gắng cầu học lấy cái hay cái tốt để mong phát lộ ra hết khả năng của mình, cũng giống như mặt gương bám bụi được lau chùi, chòm sao bị mây che gặp gió thổi, [13a] thì vẻ trong sáng có thể ngồi đợi là hiện ra. Một khi đã vươn được tới cực điểm thì tiếng tăm sẽ lừng lẫy khắp một vùng Á Đông, khỏi phụ lòng mong mỏi của trẫm và công tác thành của Bảo hộ, như thế há chẳng tốt đẹp lớn lao hay sao.

Ôi, bỏ thói xấu để cải lương tất phải chọn theo điều tốt; chịu học hành mà phát đạt càng rất mong ở dân ta. Đến ngày tươi sáng đó, trẫm cùng với Bảo hộ tất sẽ đem ân trạch hậu hĩnh để đền đáp cho dân. Trẫm nói chẳng nuốt lời. Dân chúng hãy cố lên".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa xuân, tháng Giêng, vua thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Tính người nước ta không kín đáo, thành thử khó mong tiến hóa được. [13b] Đến như những việc liên quan đến chính sự nước nhà, trẫm chỉ ngồi bàn bạc riêng với các Đại thần, còn vào lúc thị triều thì không muốn nói ra. Chỉ vì các quan không giữ kín đáo, như những phiến, chương của các Bộ nhập vào Nội các, có Chỉ dụ chưa kịp cung lục thì người bên ngoài đã biết rõ hết cả. Gần đây đã có sắc xuống cho Nội các, lệnh từ nay trở đi việc đối duyệt các phiến chương nếu chưa cung lục thì không được đối duyệt, đó cũng bởi nguyên nhân ấy. Chuyện có quan hệ tới lợi hại của quốc gia như thế mà Viện Đô sát vẫn điềm nhiên không nói, cứ lấy cớ là các thuộc viên đều là người ngay thẳng, thực đáng ngán ngẩm. Còn Viện Cơ mật, từ nay trở đi mỗi khi họp bàn cũng phải tiến hành ở một phòng riêng, chỉ giữ lại một viên Tham tá để biên chép mà thôi, không được để các thuộc viên nghe lỏm được qua vách tường để tránh tiết lộ ra ngoài".

Tháng 12, Viện thần Viện Đô sát tâu bày về chuyện tĩnh dưỡng của vua. [14a] Vua phê rằng:

"Các ngươi làm ngôn quan, chính là người phải suy nghĩ để bổ sung sửa chữa những sai sót lỗi lầm, hoặc có ý kiến sáng suốt thì phải nói ra, như thế để có ích cho dân, có ích cho nước, có ích cho xã tắc, thì mới coi là không phụ với chức trách. Còn cứ lù dù thấy mà không nói ra kịp thời thì có ích lợi gì. Xét ra người trong cả Viện các ngươi lại không bằng một lời của Nguyễn Đình Tiến vậy. Nguyễn Đình Tiến thường yết kiến các khanh ở Bộ Lại và Bộ Công, các khanh ấy thấy trẫm hay ốm đau nên thường tỏ ra vẻ mặt lo lắng. Đình Tiến dâng lời tâu rằng: "Bệnh của Hoàng thượng hiện nay các thày thuốc không thể chữa được, mà chỉ có các Đại thần Viện Cơ mật mới chữa khỏi được thôi". Trẫm vốn không phải là kẻ ham vui, xưa nay chưa từng tìm nơi hành lạc để khỏi mất thời giờ, nếu có vui vẻ thì cũng là gắng gượng để mong cho quên đi nỗi lo lắng mà cũng không được. Ngày xưa, cổng nhà vua ở xa cách nghìn dặm, bề tôi không được trông vào dòm ngó động tĩnh. Ngày nay trẫm hễ nhất cử nhất động [14b] là mọi người đều biết ngay hết cả. Các ngươi không thấy điều đó ư? Thực là có mắt như mù cả. Vào thời buổi văn minh ngày nay, làm vua, làm tướng là luôn có hiểm họa rình rập ở ngay sau lưng. Trẫm luôn cảm thấy lo lắng, suốt ngày chẳng chút rảnh rỗi, khổ nỗi chẳng có người để chia sẻ nỗi lo lắng đó. Hiện tại nước nhà yếu kém, tài lực rỗng không, hạn hán lụt lội liên miên, thường xuyên mất mùa đói kém, dân chúng lầm than, quốc mạch hư hao, thế đạo rối bời không biết kết cục đi về đâu. Trẫm thì tài năng tầm thường, không biết làm cách nào để vãn hồi cảnh xuân cho đất nước, thật vô cùng khổ tâm, làm sao có thể lánh đi yên ổn một thời gian để mà ăn mà ngủ cho được. Không rõ ở triều đình các quan từ Viện Cơ mật

trở xuống có tài năng đức độ đến cỡ nào mà khiến cho ngôn quan chẳng phải nói ra một câu, chẳng phải viết ra nửa chữ chương tấu, để khi có tham luận việc gì thì chỉ có thuộc liêu với trẫm mà thôi, thế là cớ làm sao? Giả như vua tôi biết giữ gìn cho nhau khỏi sai sót [15a] thì nên tự tỏ rõ tài năng của mình mà nói ra lời, còn như thế dường như là tự mình chẳng có tài đức gì mà cũng muốn học đòi bắt chước Tây Thi nhăn mày[1] thì càng chứng tỏ cái sự không biết của mình mà thôi".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa thu, tháng 7, vua Ngự giá sang Tây trở về. Nội các biên soạn những phiến tấu của các Bộ Nha đã đệ trình lên xin ý chỉ của Lưỡng cung trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 để dâng lên Ngự lãm. Vua phê rằng:

"Trước nay trong chính trị trẫm đều tuân theo ý chỉ dạy bảo của Lưỡng cung. [15b] Vừa qua vì chuyện sang Tây nên lại dám mạo muội phiền đến Thánh ý. Đây đều là pháp lệnh tối cao, trẫm đâu dám có ý làm trái. Truyền sao lục lời phê này để cho quần thần trong ngoài đều biết ý của trẫm".

Tháng 9, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm quan sát thấy người Tây làm việc mỗi ngày tổng cộng tám giờ đồng hồ. Quan lại nước ta tất nhiên chẳng theo được như thế, nhưng mỗi ngày cũng nên ngồi ở công sở cho được sáu giờ đồng hồ để làm công vụ, dẫu không có việc thì cũng nên giữ như thế cho thành thói quen, cũng giống như đứa trẻ tập đi, cứ bước đi nhiều thì lâu dần mới trở thành tự nhiên. Như bản thân

---

[1] *Bắt chước Tây Thi nhăn mày*: ý nói học đòi bắt chước một cách máy móc. Theo điển cố *Đông Thi hiệu tần* hay *Hiệu tần*, mĩ nữ nước Việt là Tây Thi bị đau bụng, ôm bụng chau mày nhăn mặt. Mấy cô gái xấu xí trong làng cho rằng chau mày thì trở nên đẹp nên cũng bắt chước chau mày nhăn nhó, nom càng xấu hơn.

trẫm xử lí công việc chẳng lúc nào nhàn rỗi. Giả như khi công việc đã vãn [16a] thì không xem phiến chương cũng lôi sách vở ra đọc, không đọc sách vở thì lại xem xét các máy móc, tóm lại là không bao giờ được để thời giờ trôi suông một cách lãng phí".

YÊU DÂN

[17a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa thu, tháng 7, vua thị triều tại điện Văn Minh phán bảo Bộ Hộ rằng:

"Cái ăn của dân là thuộc Bộ Hộ cai quản lo liệu, vì vậy phải dự trù sẵn phương sách để cứu dân lúc đói kém mất mùa. Lại mệnh phải tư xuống cho các địa phương nếu có tình hình mưa nắng hoặc cuộc sống làm ăn của dân gian có vấn đề gì thì phải kịp thời báo trước lên để biết".

Vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Dân nước ta khổ nhất không gì bằng cái thuế chợ. Thuế chợ đều giao cho người lãnh trưng, bọn này bao giờ cũng thu thừa gấp bội mức thuế nhà nước, thành thử dân không sao tránh được thiệt hại".

[17b] Quan Đại thần Bộ Hộ Đoàn Đình Duyệt tâu xin bãi bỏ thuế chợ mà tăng thêm vào thuế đinh điền. Quan Đại thần Bộ Công Nguyễn Hữu Bài tâu rằng: Thuế chợ là dùng để tu bổ quán chợ, không nên để thuế đinh điền chịu thay vào đấy. Nhưng nên giao cho địa phương sở tại thu thuế chợ chứ không để cho bọn người lãnh trưng được độc chiếm quyền lợi thu thuế mà thành lũng đoạn.

Mùa đông, tháng 10, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Hồi nọ viên quan trưởng ngành Kiểm lâm vào triều bái yết, trẫm đã ra sức bài bác các điều khoản bất tiện do kiểm lâm đề

ra. Viên quan ấy ra sức xin cấm đốt rừng, trẫm phải mấy lần bài bác đi, bảo với viên ấy rằng, giả như triều ta có được những phương sách nuôi dân như ở các nước văn minh để khắp các bản làng dân chúng không đến nỗi nghèo khổ cùng cực mà phải kêu lên, [18a] thì chuyện cấm giữ rừng cũng là việc làm có ích của triều đình. Nhưng dân nước ta vẫn còn chưa được đội ơn nhà nước tư trợ, may mà còn có nguồn lợi do trời đất tự nhiên ban cho để tự kiếm sống, thế mà còn đòi ngăn cản cấm chỉ họ, thế thì dân phải bó tay không còn lối thoát, tất có kẻ đành phải làm chuyện lén lút mờ ám. Vậy hãy đợi khi nước ta dân trí tiến bộ hơn lên, của cải dồi dào thêm nữa, thì hẵng đem những thể chế cách thức văn minh ra lần lượt thi hành thì mới thích hợp".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, vua phê bảo Bộ Hộ rằng: "Trẫm thương dân như thương bản thân vậy. Gần đây nhân vì bên Quí quốc có gió bụi chiến tranh, [18b] dân ta đã khảng khái tình nguyện tòng chinh, tuy vốn là bổn phận của đấng nam nhi, nhưng dũng khí ấy cũng thực đáng khen, rất nên ban thưởng. Nhưng vì nước ta của cải còn chưa dồi dào, không thể lo chu toàn được hết, vì vậy nên lượng trích trong ngân sách còn dư thừa của năm ngoái lấy ra 6000 quan tiền Tây, truyền cho Bộ Hộ đem số tiền ấy giao cho Quí Tòa Khâm sứ để thể theo lòng thương xót binh lính của trẫm mà trích ra 3500 quan để chu cấp cho những người lính Quí quốc hiện đang ở bên Quí quốc đã ra trận bị thương thành tật và cha mẹ vợ con của những binh sĩ tử trận hiện bơ vơ không có nơi nương tựa; còn lại 2500 quan thì đem mua đồ vật cần thiết gửi cho những người lính tòng chinh của ta hiện ở bên Quí quốc đã kêu xin, hoặc gửi tiền sang chia cấp cho họ cũng được. Truyền lập tức thi hành".

Mùa đông, tháng 10, tỉnh Thanh Hóa gặp mưa lũ, dân đói to. [19a] Vua mệnh cho Bộ Hộ chiếu lệ thực hiện chẩn cấp. Sau đó Viện

thần Viện Đô sát tâu xin tiến hành quyên góp tiền rồi chiếu cấp cho phẩm hàm, số tiền thu được dùng một nửa đem đi chẩn cấp, còn một nửa thì dùng vào khoản mộ công trái quốc gia. Vua phê rằng:

"Nhà nước xử lí chính sự mà để đến nỗi phải quyên góp cho phát chẩn, đó âu cũng là kế cùng bất đắc dĩ, hẳn sẽ bị hậu thế dị nghị chê cười rằng vua tôi chúng ta chẳng biết cai trị. Nhưng vào lúc của cải cạn kiệt, dân chúng khốn khổ như thế này tạm quyên nghi mà áp dụng cho việc cấp bách thôi thì cũng được. Truyền giao Viện Cơ mật bàn bạc châm chước thi hành. Còn về chuyện công trái đã có nghị bàn chung rồi không cần nêu ra ở đây".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Mùa hạ, tháng 4, [19b] vua lâm triều, nhân nói đến chuyến Bắc tuần bèn phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm đi chuyến này là bởi Quí Toàn quyền muốn xem biết nhân tâm ở Bắc Kì ra sao. Trẫm thấy dân chúng phần đông đều tỏ ra vui mừng kính mộ, đó là điều may lớn cho triều đình ta. Trên đường lên Lạng Sơn trẫm thấy dọc đường dân bày hương án chào mừng rất long trọng. Trẫm hỏi các viên Tỉnh thần rằng đã có mệnh lệnh bãi bỏ việc bái chào rồi, nay lại thấy như vậy, liệu các Tỉnh thần có sức bắt dân làm thế hay không, thì họ đều tâu rằng đó là tự lòng dân chúng thành kính rủ nhau bày hương án để bái chào chứ tuyệt không có sức đòi gì cả. Rồi khi đi du lãm, hàng ngày trẫm có gặp nhiều người quì đội đơn khiếu xin ở bên đường, trẫm đều sắc cho thu nhận lấy, xem qua rồi gửi chuyển qua cho Quí Thống sứ và Quí Toàn quyền Đại thần, lại đinh ninh nhắn mong rằng hãy tra xét rõ từng đơn từ để thanh minh cho những ai bị oan khuất. Rồi lại còn chuyện mười hai xã ở giáp ranh giữa Hà Nội với Bắc Ninh bị mất đất đai, nhà nước phải chuộc về giao lại cho dân [20a] để họ khỏi khiếu kiện. Viên Đại thần ấy xin có đề xuất riêng để cho chuộc về".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa hạ, tháng 4. Hồi trước trong

chuyến Ngự giá Bắc tuần, khi vua nghỉ chân ở tỉnh Quảng Bình có chuẩn cho tỉnh ấy khơi thông con sông đào ở giáp giới phủ Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy để tạo thuận lợi cho nông nghiệp và thương mại. Đến giờ thân hào cùng dân chúng hai phủ, huyện ấy kính dâng sách đồng tình tạ ơn, do Tỉnh thần thay mặt chuyển đạt lên. Viện thần Viện Cơ mật đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Lòng trẫm thương dân đâu chỉ một mối. Huống hồ con sông này được khởi công tại đây từ trước là nhờ vào chính sách huệ dân của Liệt thánh, [20b] đến giờ trẫm chỉ là kế tục chí xưa mà chấp thuận theo thỉnh cầu của Tỉnh thần, đến giờ hoàn thành trẫm đâu dám nhận lấy cái vinh dự mà mình không có ấy. Nhưng thần dân đã đồng lòng thể hiện niềm chân thành để đạt lên như thế thực là đáng mến. Truyền chỉ khen thưởng".

Tháng 7 nhuận, tỉnh Bình Định gặp đại hạn, giá gạo đắt đỏ, dân tình đói khổ. Tỉnh thần tâu xin thực hiện khuyến quyên nghĩ thưởng và hưng công đại chẩn. Viện thần Viện Cơ mật đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Chiếu theo lệ quyên góp thì việc nghĩ thưởng là phù hợp được phép làm, riêng về khoản hưng công, nếu xét thấy dân tình hiện còn nhiều khó khăn, phát chẩn không chu toàn được hết thì bàn bạc mà thi hành thêm chính sách quyên góp cho kịp chẩn cấp cho dân không được để chậm trễ".

[21a] Tháng 8, vua Dụ bảo các Đình thần rằng:

"Các tỉnh Bình Thuận, Bình Định liên tiếp báo lên tình hình dân chúng đói kém. Ngay tại Kinh thành vào ngày 23 tháng trước cũng gặp phải đợt mưa rào kéo dài tới mồng 1 tháng này trời mới hơi ngớt mưa trong chốc lát rồi lại đổ mưa xuống, chỗ đất bằng nước cũng ngập sâu tới 3 thước, lúa má vụ mùa này bị thiệt hại nặng, giá gạo tăng vọt. Trẫm e phen này dân sẽ đói to. Trẫm tài hèn đức mọn được kế thừa đại thống, trên chưa thể

hiện được ý trời, dưới chẳng ban phúc cho muôn dân, để đến nỗi xảy ra lụt lội đói kém, lòng bời bời kính sợ, dạ ngổn ngang buồn lo, suy nghĩ mãi mà chưa tìm ra kế sách gì có thể giảm bớt tai ương. Quần thần bá quan hãy tận tâm hết sức phò giúp cho trẫm để cứu dân chúng khỏi cơn đói khát, giữ gìn quốc gia yên ổn thái bình dài lâu, [21b] đó chính là ước nguyện sâu sắc của trẫm vậy".

Vua lại làm bài thơ ngự chế đưa cho quần thần xem, nhan đề là *Mưa lũ khác thường lo dân đói kém* để bày tỏ tấm lòng thương yêu dân chúng. Thơ rằng:

Tuế nhậm dân phong quốc thái hòa,
Vô như kinh hạn lạo tuyền gia.
Nông phu thất vọng hoang vô bị,
Lục sự không đàm bổ thậm ma.
Lân mạc phô thanh lân tuất phẩu,
Phụ thần khuông chính phụ tài hà.
Tô dân như đắc hiền phương lược,
Thập tải hoài tương vị túc đa.

Nghĩa là:

Lúa tốt dân no nước mới giàu,
Có sao hạn, lụt nối tiếp nhau.
Nhà nông vô vọng lo đói kém,
Chính sự bàn suông ích chi nào.
Nước bạn mới yên thương đâu tới,
Phụ thần phò tá bó tay sao.
Cứu dân giá được phương sách tốt,
Trông ngóng mười năm chửa thấy đâu.

Tháng 12, viên Bang tá Viện Cơ mật Hồ Đắc Khải được phái ra Hà Nội quan sát hội chợ trở về tâu trình rằng, những sản vật trưng

bày của Trung Kì chú trọng về mặt thương mại và kĩ nghệ, [22a] rất phù hợp với chủ ý của ban tổ chức hội chợ. Hội chợ được tổ chức ra cốt là nhằm chấn hưng thương nghiệp. Người nước ta dường như vẫn chưa hiểu rõ điều đó, nên khi gửi hàng tới trưng bày có phần bất đắc dĩ cứ như bị nhà nước cưỡng bức vậy. Nay cần phải tiến hành cổ động cho dân hiểu rõ mục đích và lợi ích của hội chợ thì giới công thương mới mong tiến bộ lên được. Nhân đó nêu bốn khoản điều trần, đồng thời đề nghị lần sau các phái viên của Trung Kì nên chọn những nông dân và nhà buôn giàu có đi tham gia. Vua phê rằng:

> "Xứ Trung Kì đất cằn dân nghèo, trước nay vẫn chỉ biết bươn bả chạy kiếm lấy miếng cơm manh áo, nên đó cũng là một trở lực lớn cho việc phát triển kĩ nghệ máy móc. Xét về trí thông minh và tài học thì cũng chẳng chịu thua kém ai, nhưng dân tầng lớp dưới thì chỉ biết tự hiểu với nhau, cảnh thượng lưu làm sao biết được, mà giả sử có biết cũng không thể trợ giúp được gì, nên cũng khó tiến bộ. [22b] Những người của quốc gia cử ra thay mặt vua lo toan cho dân chính nên suy nghĩ trù tính làm sao để giúp họ tự phấn chấn lên thì mới mong sánh vai cùng với các nước khác được. Như các điều khoản đề nghị trong tập tâu này cũng có thể coi là thể hiện của tấm lòng vì dân như vậy. Truyền Viện Cơ mật xem xét nếu thấy có ích thì bàn bạc cho thi hành".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Mùa xuân, tháng Giêng, Quí Khâm sứ Đại thần kính đệ trình biên bản quyên mộ quốc trái, thông qua Viện thần Viện Cơ mật tâu trình lên. Vua phê rằng:

> "Nước Nam ta từ khi có Quí Bảo hộ sang tận tâm khai hóa dạy bảo khiến dân ta dần dần trở nên tiến bộ văn minh, [23a] công lao ấy thực là to lớn. Gần đây nước bạn gặp phải nạn chiến tranh, nước ta từ vua quan đến thứ dân đều đã nhiều lần bày tỏ tấm lòng nhiệt thành, hoặc xả thân nơi chiến trường, hoặc dốc của giúp công trái. Sự tận tâm thực hiện nghĩa vụ với nước bạn bè

láng giềng ấy đã được Quí Bảo hộ vô cùng kính trọng và yêu quí. Việc thi hành nghị định này do Quí quốc đề xuất cũng là vạn bất đắc dĩ mà thôi. Hiện thời nước ta cũng đang cơn đói kém, dân tình xơ xác, giá gạo đắt đỏ, đồng tiền sụt giá. Huống chi Trung Kì là nơi đất cằn dân nghèo, cũng khó mở miệng ra hô hào kêu gọi, chắc chỉ còn chút trông cậy vào những người ở tầng lớp hương hào mà thôi. Vậy truyền thông sức cho những người giàu có, có hiểu biết ở các địa phương thuộc Trung Kì hãy cố gắng bỏ tiền của ra trợ giúp quốc trái để làm tròn nghĩa vụ với nước bạn, được chiếu theo số tiền mà xét thưởng (bằng phẩm hàm hoặc bằng Kim, Ngân tiền để đeo). Ngoài ra nếu có người nào nghĩ đến tình cảnh đói kém của dân chúng mà tình nguyện tăng thêm khoản tư trợ cứu giúp đồng bào [23b] thì lập tức chiếu số bội thưởng, rồi trích lấy từ khoản tăng thêm đó để đem chẩn cấp cho dân. Truyền thực hiện lời phê này".

Mùa hạ, tháng 4, tỉnh Thanh Hóa gặp hạn hán không có mưa, nên lúa vụ chiêm kém thu. Đốc thần Tôn Thất Trạm đệ tập tâu xin dự trù cứu tế. Bộ thần Bộ Hộ tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Thanh Hóa là đất thang mộc, rất quan trọng, nay xét thấy tình hình rất khó khăn, không thể cứ ngồi mà nhìn cho được. Truyền cho Bộ Hộ tìm ngay phương sách cấp cứu sớm tâu trình lên để chuẩn thi hành. Còn đối với tập tâu này, phụng chỉ: Đã biết. Khâm thử".

Bộ thần tâu xin trích từ số tiền quyên góp của tỉnh Bình Thuận lấy ra một vạn đồng giao cho tỉnh Thanh Hóa để tiến hành chẩn cấp. Sau đó Tỉnh thần Thanh Hóa tiếp tục tư báo về rằng, [24a] hiện tình địa phương còn rất gay cấn, đã đem số tiền một vạn đồng được giao ra phát chẩn nhưng e rằng khó tiếp tục chẩn cấp cứu tế được, nên xin quyên tiền để tiếp tục chẩn cấp. Viện thần Viện Cơ mật tâu xin cho phép quyên tiền để chẩn cấp cho dân đang bị đói khẩn cấp và những

người tàn tật, già yếu, ốm đau, trẻ con không làm việc được. Vua lại phê rằng:

"Chính sách phòng bị mất mùa của triều đình coi việc thường xuyên quyên góp là hạ sách. Đã biết nhà nước lấy tiền từ dân, chỉ riêng quan lại là không thể hay sao. Các quan ở Viện Cơ mật cuối cùng cũng chẳng tìm ra được phương sách gì khác ư? Đem tiền trợ giúp cho dân thì bảo là thương xót, cho rằng dựa vào đó mà dân được nhờ để sống yên ổn lâu dài, chứ lấy tiền quyên góp của dân thì lại không thấy thương xót hay sao? Vậy nên phải vắt óc tìm ra phương sách khác mới được".

Tháng 8, mưa lũ ở tỉnh Thanh Hóa, đê phủ Thiệu Hóa bị vỡ, thiệt hại rất nặng nề. Tỉnh thần điện về trình báo. [24b] Viện thần Viện Cơ mật đem tâu lên. Vua phê rằng:

"Thanh Hóa là đất thang mộc, rất quan trọng. Gần đây đã bị hạn hán khiến dân nhiều nơi bị đói, việc chẩn cấp còn chưa được thấu khắp, đến giờ lại gặp lũ lụt vỡ đê, dân gian càng thêm khốn khổ. Thế mà ba bốn tháng nữa mới chính vào mùa mưa lũ, dân khó qua khỏi được tai nạn này. Truyền cho các Đại thần ở Viện phải trù liệu trước phương sách làm sao để năm nay bớt khổ cho dân".

Sau đó Tỉnh thần xem xét kĩ hiện tình, nghị xin chẩn cấp. Viện thần tâu lên. Vua lại phê rằng:

"Hiện nay chẳng biết vận số thế nào mà khắp hoàn cầu nhiều nơi đều xảy ra tai biến, thật là đáng sợ. Như ở khu vực Chi Na, mưa lũ và dịch bệnh đã khiến cho trên ba mươi triệu người bị chết đuối với chết đói, [25a] người sống sót chẳng còn được bao nhiêu. Nước ta bị tai biến như thế cũng còn là may được trời thương cho nhiều lắm. Trẫm mong các tỉnh bị thiên tai cần phải dốc hết sức ra cứu chữa để phần nào hồi sức lại cho dân".

Mùa đông, tháng 10, Tỉnh thần tỉnh Quảng Nam tâu trình dân

huyện Tiên Phúc thuộc hạt bị đói, khẩn thiết xin vay số tiền một vạn đồng. Bộ thần Bộ Hộ tâu xin trích từ khoản tiền riêng dự trữ chẩn cấp lấy ra năm nghìn đồng để giao cho tỉnh ấy lượng xét cho dân vay. Vua phê rằng:

> "Theo như lí lẽ trình bày của Đốc thần Từ Thiệp cho rằng việc này không chỉ nhằm cứu giúp dân lúc đói kém, [25b] mà còn là một kế sách quan trọng để giữ gìn lãnh thổ, nghe cũng thông, đáng khen. Huống chi cách mà Bộ thần đề nghị xin trích từ khoản tiền riêng dự trữ chẩn cấp lấy ra năm nghìn đồng để giao cho tỉnh ấy lượng xét cho dân vay là rất thích hợp. Truyền chuẩn y cho. Còn số tiền năm nghìn còn thiếu, Bộ nên cố trù tính ra sao cho đủ số tiền mà tỉnh ấy đề nghị xin để tránh tình trạng sau này dân chúng phải bỏ đi lưu tán".

Bộ thần xin trích từ khoản tiền trợ quyên hiện còn của tỉnh ấy lấy ra năm nghìn đồng để giao cho tỉnh chiếu theo khoản đã dự trù mà thi hành. Vua chuẩn y cho.

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 2, người dân ở xã Vân Đô huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa là Lê Xuân Hàm kêu kiện, [26a] xin tỉnh, huyện về khám xét việc tên Lâm là người cùng xã đã đào nhầm phải ngôi mộ cha đẻ của mình. Trước đó tên Lâm đã di dời chôn cùng lúc năm ngôi mộ ở đây. Tên Lâm chỉ vào một ngôi mộ, đào lên khám nghiệm thì không phải là mộ cha của Hàm. Tên Hàm cam đoan xin đào hết cả bốn ngôi mộ kia, nếu đều không phải thì cam chịu tội, nhưng Tri huyện Nguyễn Toại không cho. Hàm bèn lên Kinh đón đường xa giá nhà vua đội đơn kêu trình. Vua phê rằng

> "Tên Lê Xuân Hàm ở xã Vân Đô tỉnh Thanh Hóa cho rằng bị người khác đào nhầm phải mộ cha mình, lặn lội nghìn dặm lên Kinh đón xa giá kêu trình rằng hài cốt của cha y hiện bị lẫn lộn trong năm ngôi mộ của nhà tên Lâm, đã đào một ngôi nhưng không phải, còn bốn ngôi kia thì không cho phép đào tiếp để

khám nghiệm. Xét thấy dân đen mà có kẻ vì người thân mà dám liều chết, không quản ngại gian khổ như tên Hàm kia thực cũng hiếm thấy, tấm lòng hiếu thảo của y thực đáng thương xót. [26b] Vậy truyền cho Tỉnh thần chuẩn y cho đào hết cả bốn ngôi mộ lên khám nghiệm, nếu quả có hài cốt người cha của y thì trao trả cho y đem về mai táng để an ủi tấm lòng hiếu thảo, còn khai quật lên mà không đúng thì y phải chịu tội nặng. Truyền khám nghiệm xong kết quả đúng sai thế nào phúc tâu lên quyết định. Truyền Viện Cơ mật cung lục tuân hành".

Tỉnh thần tiếp nhận được cung lục liền sức cho khai quật khám nghiệm. Tên Lâm sợ hãi thấy sự việc đã bại lộ, đành gọi bác ruột của y là tên Cát ra chỉ vào một ngôi mộ, đào lên khám nghiệm thì quả là hài cốt của người cha quá cố của tên Hàm. Kết quả thông qua Viện thần phúc tâu lên. Vua phê rằng:

"Theo lời phúc tấu thì tên Hàm kêu trình quả không sai. Còn tên Lâm, tên Cát đã đào nhầm phải mộ cha của tên Hàm, truyền giao cho Tỉnh thần nghị xử đệ trình Bộ Hình duyệt tâu đợi chỉ thi hành".

Tỉnh thần nghị án xử tên Cát bị phạt đòn 100 trượng, đồ 3 năm; còn tên Lâm bị phạt đòn 90 trượng, [27a] đồ 2 năm rưỡi. Huyện viên huyện Đông Sơn Nguyễn Toại xin chịu thân sức một lần, do Bộ Hình vựng thẩm. Bộ thần Bộ Hình tâu xin đổi lại xử biếm một trật đối với viên Huyện viên. Còn viên Kinh lịch tham gia khám nghiệm Nguyễn Huy Nhụ chịu thân sức một lần, ghi lỗi vào lí lịch. Còn tỉnh thần thì đợi chỉ chịu thân sức một lần. Vua lại phê rằng:

"Dân đen ngu dốt không hiểu đạo lí, đã trót nhầm rồi lại sợ bị tội đâm ra làm quẩn để thành trọng tội như tên Lâm, tên Cát ngoài đời cũng nhiều. Hạng ấy nghĩ cũng đáng thương. Tỉnh thần nghị xử giảm xuống tội đồ là đúng. Nhưng xét thương cho kẻ ngu tối nên tạm gia ân khoan hồng giảm hình phạt cho mỗi

tên xuống một bậc, tên Cát phạt đồn 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi, tên Lâm phạt đồn 80 trượng, đồ 2 năm. Mãn hạn thì tha cho về. [27b] Đối với Huyện viên được phái đi hội đồng làm việc bên ngoài, vậy mà đối với việc dân sự không tận tâm, theo trình thuật thì làm việc có phần thiên vị che dấu, không tròn chức phận, vốn cần phải xử nặng, nhưng vì Bộ thần đã có thẩm nghị nên tạm chuẩn y. Còn Tỉnh thần tỉnh ấy, cách làm việc cũng không khác viên Huyện viên là mấy, lại còn không biết tự nhận lỗi, đáng như Bộ thần đề nghị phải chịu thân sức mới phải, nhưng lại nghĩ vì đã thể ý thi hành ngay vâng theo Chỉ dụ, đủ để bù lỗi, nên chuẩn rộng lượng tha miễn cho".

Tháng 5, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Đến giờ, dân đã biết tấm lòng yêu dân của trẫm, nên hễ có sự bất bình là liền đi đón xa giá kêu trình. Ví như vụ Lê Xuân Hàm ở Thanh Hóa kêu chuyện mất mộ cha, trẫm cứ suy nghĩ sớm tối liền trong mấy chục ngày, [28a] mới nghĩ ra rằng tên ấy đã vì người thân mà quên cả thân mình, hiếu thảo như thế quả thực đáng khen, bèn phê giao cho Tỉnh thần địa phương khai quật tất cả bốn ngôi mộ lên khám nghiệm. Chỉ là vì thấy một người dân chưa được thỏa lòng nên mới phải lo nghĩ như thế. Cho nên mấy ngày gần đây bị mệt, nhân đem tờ phiến tâu về vụ này ra xem lại liền cảm thấy bệnh tình giảm đi phần nửa. Ngày nay dân trí đã dần được mở mang, nên không thể khư khư bám giữ lấy ý kiến cũ mà dùng cường quyền áp chế đi được. Trẫm từng nói rằng, sau khi cuộc đại chiến ở Tây Âu kết thúc thì nhân dân các nước đã có sự thay đổi lớn lao trong tư tưởng, nơi thì đề xướng tự lập, nơi thì đòi lập hiến, nơi thì mưu lập ra nền dân chủ, hoặc thành lập ra các đảng phái quá khích, thừa cơ cấu kết thành hội này nọ rất rầm rộ. Thời đại ngày nay thực khó chế ngự. Nhưng trên đời không có việc gì khó, chỉ cần suy nghĩ là giải quyết được cả".

Tháng 6, Bộ Công tâu xin rằng hàng năm đốc thúc thu từ các khoản tư ích để xây mở rộng thêm những con đường đi ở hương thôn, [28b] sao cho có bề rộng phải được 2 thước tây. Vua phê rằng:

> "Việc tu sửa đường làng ở hương thôn tạo nhiều thuận tiện cho sự đi lại của quan và dân, nhưng không nên xâm phạm vào nhà cửa, đất đai của nhân dân. Nếu để xâm phạm vào một hai phân thì sẽ để nảy sinh ra những điều ta thán không cần thiết. Truyền sao lục cho các địa phương khám đạc thi hành".

Tháng 8, Quí Khâm sứ Đại thần Bắc Kê soạn ra quyển sách nêu chính sách tổng thể về cứu trợ mất mùa đói kém ở các tỉnh, đề nghị xin Viện thần Viện Cơ mật và quan viên các tỉnh lưu tâm ủng hộ cho có kết quả. Viện thần tâu trình lên. Vua phê rằng:

> "Việc phòng bị mất mùa ngay từ khi mới lên ngôi trẫm đã từng trăn trở suy nghĩ. Vấn đề cứu dân như cứu thương này không phải chỉ suy tính trong một ngày là có được chính sách tốt ngay, mà nếu thi hành không kịp thời thì cũng không được, [29a] nên phải tạm thực hiện việc quyên góp để giải quyết tình hình nhất thời, âu cũng là điều bất đắc dĩ mà thôi. Nay Quí Khâm sứ Đại thần vừa bắt tay vào tiếp sức mà đã trù hoạch ra được bản chính sách to lớn này, trẫm thấy rất đáng khen và càng thêm kính trọng khả năng kinh tế nhanh nhạy của ngài. Tài năng của quan trường nước ta quả không thể bì kịp được. Quí Đại thần đã có lòng với dân ta như thế, triều đình ta cũng phải hết lòng ủng hộ để sớm có hiệu quả, biết đâu lại có thể khiến cho dân ta được yên ổn mãi mãi. Vì thế càng sớm nên thi hành ngay, hỡi những người tòng sự có tâm huyết, hãy cố lên".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa xuân, tháng Giêng, Viện thần Viện Cơ mật tâu trình rằng, Quí tòa xin mở khoản công trái sáu triệu đồng [29b] để xây dựng tuyến đường sắt nối liền từ Thành Vịnh tới Đông Hà. Vua phê rằng:

"Vấn đề thiết lập tuyến đường sắt xe lửa tại Trung Kì đã định ra từ những năm trước, nhưng vì hồi đó bên Quí quốc có sự biến nên chưa thành hiện thực. Quí Toàn quyền Đại thần Sa Lộ khi về nước cũng từng thảo luận với trẫm phải làm sao nhanh chóng thúc đẩy việc xây dựng tuyến đường này cho được kết quả. Gần đây, Quí Toàn quyền Long[1] Đại nhân cũng thường xuyên vào Kinh bàn bạc với trẫm về cách thức xây dựng tuyến đường này, trẫm thấy rất hợp ý. Đến nay Quí Đại thần quyết định thực hiện để mang lại lợi ích cho quốc dân, triều đình ta cũng nên ủng hộ. Trẫm đã suy nghĩ kĩ càng, tuyến đường này hoàn thành sẽ đem lại lợi ích vô cùng cho nước ta. Đối với quốc gia không gì cao hơn kinh tế, mà trong kinh tế không gì cao hơn việc đem lại lợi lạc cho nhân dân. [30a] Tiền triều nước ta trước đây cũng chính vì lẽ đó mà không ngại Trung Kì đất hẹp dân nghèo đã lập đô tại đây, chính là muốn ở tại trung tâm thiên hạ để thi hành nhân chính cho cả ba kì cùng hưởng lợi lạc. Chỉ có điều thời đó tuy đã thi thố nhiều mặt nhưng vì văn minh kĩ xảo còn nhiều thiếu khuyết nên kinh tế không thể phát triển nhanh chóng. Trong điều kiện đó, nếu có nơi nào mất mùa đói kém muốn tới cứu trợ thì cũng khó khăn. Chỗ nào giá cả hàng hóa chênh lệch muốn vận chuyển điều hòa cũng bất tiện. Hoặc những ai có tài năng trí tuệ ở Nam Kì và Bắc Kì muốn di chuyển tài sản vào làm giàu ở Trung Kì cũng gặp trở ngại. Xét về việc điều tiết liều lượng trong kinh tế thì đây là một thiếu sót. Từ khi có Quí Bảo hộ tới đã suy nghĩ đến vấn đề này và đã thiết lập ra tuyến đường sắt thông suốt toàn cõi Nam Kì. Tới nay ở xứ ấy mọi vùng ruộng đất hoang đều đã được khai phá, hiệu quả là rất lớn, khiến cho dân Nam Kì trở nên giàu có gấp hàng trăm lần so với trước. [30b]

---

[1] *Long*: phiên âm tên tiếng Pháp Maurice Long.

Gần đây ở Bắc Kì đường sắt đã nối thông toàn cõi, khiến thương mại và kĩ nghệ ở đấy cũng có tiến bộ rất nhiều, hàng làm ra đều được đem đi tiêu thụ. Nay Quí Toàn quyền Đại thần cùng với bản triều nghị định lập tuyến đường sắt xe lửa từ Vịnh đến Đông Hà, kinh phí dự trù rất lớn, trong khi của cải quốc gia rất thiếu thốn nên không thể thực hiện được, bất đắc dĩ hai nước mới phải quyết định mở khoán công trái, lần đầu là trên sáu triệu đồng để bắt tay vào thực hiện. Xây dựng tuyến giao thông đường sắt giữa Bắc Kì và Trung Kì là rất hợp thời. Nếu không vất vả một phen thì làm sao có an nhàn mãi mãi, không chịu phí tổn nhất thời làm sao có được yên ổn lâu dài. Các bậc hào phú ở Trung Kì và Bắc Kì hãy xét cho dụng tâm kinh tế của triều đình mong muốn cho toàn dân hưởng lợi lạc, từ đó mở lòng nộp vào công trái cho đủ số tiền. Tới ngày con đường hoàn thành, không chỉ xứ Trung Kì mau chóng trở nên đông vui tấp nập mà sự nghiệp của bốn thành phần dân chúng Bắc Kì cũng nhờ con đường đó mà đi tắt thành phong trào rầm rộ. [31a] Lợi ích chung sẽ to lớn đến dường nào. Trẫm vốn đã biết tấm lòng nhiệt thành nghĩa hiệp của dân ta từng có tiếng vang xa đến tận Thượng quốc. Huống chi việc này thực hành ngay trên đất nước của mình, lẽ nào còn giữ lòng hạn hẹp mà lưỡng lự so đo. Hãy đua nhau giành làm người đi trước. Vả lại khoản quốc trái này thu xong rồi sẽ kế tiếp có quay xổ số. Những người rộng lòng mua công trái may mắn có thể trúng số, thực đâu có phí hoài. Các vị hào phú ở Trung Kì, Bắc Kì hãy cố gắng lên. Đó là trẫm thông báo với toàn thể nhân dân. Còn trong số các vị Đại thần Viện Cơ mật nếu ai muốn hợp tác với Quí Khâm sứ cùng làm việc này thì cũng chuẩn cho làm, chỉ cần thông tri với các Hội viên tư vấn biết là được. Truyền thông báo cho các vị phú hào cùng nhân dân được biết".

[31b] Tháng 8, Quí tòa đề nghị qui định thuế lệ đánh vào thuốc lá ở cõi Đông Pháp. Viện Cơ mật tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Đề nghị này càng khiến thêm khâm phục khả năng tài chính tài giỏi của người Thượng quốc, quả là không để sót việc gì, thiết tưởng cũng hữu ích đối với những người lập chính sách. Tuy nhiên nếu đem thi hành ở những vùng nghèo khó thì cũng không được toại lòng dân. Như ở xứ Trung Kì, dân thì nghèo, của thì ít. Thuốc lá đa phần dùng trong đám dân cày ruộng, nuôi tằm, hoặc để giải khuây, hoặc để chống rét, nên phần lớn đều tự trồng để tự hút, đã lâu trở thành phong tục, chứ không phải để hút làm dáng như lớp người phong lưu. Nếu bỏ qua tình hình ấy mà thi hành nghiêm phép thu thuế nặng này e rằng sẽ dấy lên sự kêu ca oán thán của dân chúng. Vậy nên xin tạm hoãn thi hành khoản thuế này ở Trung Kì".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN IV

ĐÔN THÂN

[1a] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa xuân, tháng Giêng. Chuẩn truy tặng cho tổ tiên bốn đời hai họ tộc ngoại thích là Nguyễn Hữu và Dương Quang. Dụ rằng:

"Đức hiếu của Đế vương là ở chỗ chu đáo thờ phụng mẹ cha, đặc biệt lại còn nồng hậu nghĩ đến nguồn ngọn mà tôn sùng đến họ tộc bên ngoại thích, việc đó chính là làm sáng tỏ luân thường đạo lí, không được thiếu sót.

Tưởng nhớ đến Cố Thái sư, Cần Chính điện Đại học sĩ, Vĩnh Lại Quận công Nguyễn Hữu Độ, vị Tể tướng dẫn dắt trung hưng, bậc huân thần công lao vệ quốc, [1b] người đã sinh ra Hoàng Thái hậu triều ta, hiền từ gom phúc lành, thánh thiện ngời vẻ sáng, đức to lớn cao cả rạng rỡ trong sử sách. Càng tưởng nhớ đến người họ Dương ở ấp Trung Kiền là Dương Quang Hướng đã quá cố, tuy thuộc dòng tộc bình thường nhưng nhà lành vun bồi âm đức, phúc tới dồi dào. Trăng thác vào quả bầu[1], ngọc ẩn

---

[1] Nguyên văn *Nguyệt thác hồ lô*. Vũ Thành Hoàng hậu đời Bắc Ngụy, cha là Hồ Diên người An Định, mẹ là con gái Lô Đạo Ước ở Phạm Dương. Theo *Bắc Tề thư*, khi Lô thị đang mang thai chợt có nhà sư từ xa tới nhà bảo: "Nhà này trong quả bầu có mặt trăng". Lúc đó mọi người trong nhà đều ngơ ngác

trong đá trắng, sinh hạ ra Hoàng Thái phi triều ta, trong giá ngọc ngà, phúc lành châu báu. Đều đã trở thành bậc mẫu nghi thiên hạ, nên phải được suy tôn rạng rỡ cho họ hàng bên ngoại thích. Trẫm nhiều lần tưởng nhớ đức sáng, cùng một lòng tôn kính, thi hành ân lễ vẻ vang đặc biệt.

Đối với Lại Quận công nguyên tước phẩm đã cao, truyền gia tặng làm Vĩnh Quốc công; cụ bà chính thất họ Trần làm Cực phẩm Vĩnh Quốc phu nhân thụy Nhu Thuận. Cụ hiện đã có nhà từ đường để thờ phụng, truyền cho lập tức tu bổ, đổi thành đền Vĩnh Quốc công, bổ sung thêm đồ thờ. Tham chiếu theo điển lễ để thi hành truy tặng cho các vị tổ tiên bốn đời trở về trước. [2a] Cụ Hiển tổ Võ công Đô úy Nguyễn Hữu Huy nguyên tặng Tư trị Đại phu, Lễ bộ Thượng thư, Huy Quang hầu, tặng tước đã cao, nên vẫn giữ như cũ, ban tên thụy là Trang Khang; cụ bà chính thất Nguyễn Ngọc thị cũng giữ nguyên tặng, ban tên thụy là Huy Thuận. Cụ Tằng tổ Kiệt trung Tướng quân, Khâm sai Suất đội Vân kị úy Nguyễn Hữu Luận, nguyên tặng Cấm binh Vệ úy, Luận Đức hầu, thụy Cương Túc, gia tặng Gia nghị Đại phu, Hàn lâm viện Chưởng viện Học sĩ, tước vị và tên thụy vẫn giữ như cũ; cụ bà chính thất Tống thị cũng giữ nguyên tặng, đổi là Lệnh nhân, thụy Gia Huy. Cụ Cao tổ Suất Tả Thắng cơ Tứ thuyền Đội trưởng thuộc dinh Quảng Nam Nguyễn Hữu Nghị, nguyên tặng Minh nghĩa Đô úy Quản cơ, Nghị Bình hầu, gia tặng Trung thuận Đại phu, Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, giữ

---

không hiểu. Sau sinh ra con gái, lớn lên được tuyển vào cung, trở thành Hoàng hậu. Lúc đó mới hiểu ra ý nghĩa câu nói của nhà sư. Quả bầu tiếng Hán gọi hồ lô, ý chỉ quan hệ hôn nhân giữa họ Hồ và họ Lô. Mặt trăng là biểu trưng cho Hoàng hậu. Người sau dùng điển này ý chỉ gia đình có phúc sinh ra con gái về sau trở thành Hoàng hậu.

nguyên tước cũ, thụy là Dũng Nghĩa; cụ bà chính thất Nguyễn Ngọc thị [2b] giữ nguyên tặng là Cung nhân, thụy Điềm Nhã. Cụ Tiên tổ Nguyễn Hữu (khuyết húy) gia tặng Trung thuận Đại phu, Hồng lô tự khanh, thụy Cơ Phúc; cụ bà chính thất làm Cung nhân, thụy Phương Ý. Việc xây dựng nhà từ đường của họ tộc này, đợi khi thuận tiện chuẩn cho thi hành. Việc ấm thụ cho người họ hàng thân cận để sung làm Giám thủ thực hiện theo lệ.

Đối với Dương Quang Hướng, truyền tặng cho là Trang vũ Tướng quân, Đô thống phủ Chưởng phủ sự, tước Phú Lộc Quận công; bà chính thất Nguyễn Thị Mĩ hiện đang còn thọ, chuẩn phong là Nhất phẩm Phu nhân. Chuẩn dựng một nhà từ đường thờ ông tại phía đông tòa Đông cung của trẫm để được gần cận thuận tiện thờ phụng. Việc tặng tước Quận công tuy chưa có trong lệ xưa nay, nhưng trẫm mới được tiếp nhận cơ đồ to lớn nên cần đặt ra chế độ mới để thích hợp với thời đại, đợi đến năm có dịp khánh tiết sẽ gia tăng thêm ân điển. Việc ban tặng cho tổ tiên bốn đời cũng tham chiếu theo điển lễ mà thi hành. Cụ Hiển tổ Dương Quang Tứ, truyền tặng [3a] Nghiêm Vũ tướng quân, Cấm binh Thống chế, tước Tập Tự hầu, thụy Đôn Trực; cụ bà chính thất Tôn Nữ thị là Đoan nhân, thụy Trinh Thận. Cụ Tằng tổ Dương Quang Ý là Phấn dũng Tướng quân, Cấm binh Vệ úy, Diên Trạch bá, thụy Đoan Bình; cụ bà chính thất Trần thị là Lệnh nhân, thụy Gia Uyển. Cụ Cao tổ Dương Quang Tộ là Minh nghĩa Đô úy, Tinh binh Vệ úy, Phát Tường tử, thụy Mân Đạt; cụ bà chính thất Nguyễn thị là Cung nhân. Cụ Tiên tổ Dương Quang Chính là Tín nghĩa Đô úy chư quân Hiệp quản, thụy Cẩn Hậu; cụ bà chính thất Nguyễn thị là Cung nhân. Nhà từ đường họ tộc này cũng đợi khi thuận tiện chuẩn cho xây dựng. Về việc ấm thụ, Chuẩn cho Dương Quang Lược chiếu theo tặng hàm

của cha mà đổi sang chức Hàn lâm, sung làm Giám thủ việc thờ tự. Những thủ tục liên quan đến việc thi hành truyền cho hữu ti lần lượt tuân theo giải quyết".

[3b] Tháng 2. Bộ Lễ dâng phiến trình bày tập tâu của Phủ Tôn nhân nói rằng, Tả Quốc khanh Hồng Ban thuộc phòng Hậu Lộc Quận công[1] vì già yếu nên xin thoái về nguyên tịch Công tử, nhận chi cấp theo bổng Công tử, rồi chọn người khác thuộc trong phòng này là Công Tôn Ưng Hiệu để tập phong tước Tả Quốc khanh, đợi đến khi Hồng Ban qua đời sẽ cấp cho bổng Tả Quốc khanh. Vua phê rằng:

"Tôn cho chức tước là để cai quản việc thờ phụng, lệ thừa tập chiếu theo tước mà chi bổng nhằm để chi dùng vào việc thờ cúng. Từ năm Thành Thái trở đi mới có nghị định phân ra chánh, kế mà có bổng hay không có bổng, đó là bởi khi ấy tiền của quốc gia không còn dồi dào như trước, nên phải châm chước đặt ra như thế. Nhưng xét trước nay ngân sách cho Hoàng tộc vẫn giữ định số, chưa khi nào bị cắt giảm, trong đó có người mất đi nhưng không vì thế mà tăng thêm cho người còn sống, có người mới sinh ra nhưng không vì thế mà bổ sung cho người đã qua đời. Người sinh ra đông mà ăn bổng ít thì vẫn thường là đủ, nghĩ rằng với ngân sách cũ rải ra cũng đủ có thể bổ cấp. [4a] Tôn nhân phủ với Lễ bộ sao không xét đến điều đó? Người được tập phong tôn tước tức là trưởng của một phòng, giống như Thất hệ Tư giáo. Tư giáo của tôn thất còn được cấp bổng, huống hồ những người càng thân thiết hơn là các tôn tước trong Hoàng tộc. Trẫm xem phiến tấu, nói rằng Hồng Ban nhường lại cho Ưng Hiệu tập phong tước Tả Quốc khanh,

---

[1] *Phòng Hậu Lộc Quận công*: Trong phả hệ triều Nguyễn, mỗi người con của vua mở ra một "phòng" cho con mình. Vua Minh Mạng có 78 Hoàng tử, Hậu Lộc Quận công Miên Thích là phòng thứ 70.

nhưng phải đợi sau khi Hồng Ban chết rồi mới cấp bổng, như thế là rất không đúng. Hồng Ban trước khi được tập ấm nguyên đã có bổng Công tử, đến khi được thừa tập thì vẫn ông ta được nhận bổng theo tước vị, được bổng mới phải bỏ bổng cũ là đúng. Nay vì không kham được việc thờ phụng nên thuận nhường lại cho người khác, người ấy nếu không có bổng thì lấy gì để lo việc thờ phụng? Cách giải quyết đại loại như vậy là không tỏ được tấm lòng của trẫm đối với người thân. Vậy truyền nếu đã là thừa tập chính thức thì phải chiếu theo tước vị mà chi bổng. Hãy bàn bạc mà thực hiện".

Sau đó Tôn nhân phủ và Bộ Lễ tuân mệnh nghị bàn rằng, khoản này đã từng bị bác bỏ, nay lại còn y cho theo như thế thì e rằng [4b] sau này những trường hợp như Ưng Hiệu cũng sẽ bắt chước mà làm sai. Quan phủ, bộ tâu lên. Vua phê rằng:

"Nghị bàn trước đây, phàm người chính tập thì đều theo lệ được chi bổng. Trẫm không phải là vì có tư ý gì. Huống chi gần đây các Công tử được tôn tước, người sinh ra không đáng kể mà người chết thì bị trừ đi, thế thì sao còn lo sau này bắt chước làm sai. Chiếu theo các lí lẽ nêu trong phiến tâu thì những tưởng sau này sẽ không tôn tước cho người nào nữa để chọn lo việc tế lễ các miếu điện. Truyền Tôn nhân phủ và Lễ bộ nghĩ bàn như thế nào phúc tấu lên".

Sau đó phúc tâu rằng, bên Quí tòa đề nghị xin lấy số tiền bổng Tá Quốc khanh trừ đi tiền bổng Công tử của Công tử Hồng Ban, còn bao nhiêu đem cộng với bổng Công tôn để cấp cho Ưng Hiệu nhận lãnh, đợi sau khi Hồng Ban qua đời thì chi cấp theo nguyên tước. Vua chấp thuận cho.

[5a] Tháng 2 nhuận, vua dụ Tôn nhân phủ rằng:

"Vua sáng trị nước, việc trước tiên phải lo củng cố hòa mục với

người thân; đức mệnh ban hành, càng đặc biệt cần đem thi hành ngay từ nơi gần cận. Việc giáo hóa thực hiện ngay từ hàng con em tôn thất cho đến người trông nom vườn thượng uyển phải được coi thành nếp chính mới được. Triều ta Thần truyền Thánh nối, mở ra cho hậu thế chúng ta một qui mô to lớn rạng rỡ chính đính hoàn chỉnh. Kính cẩn khảo cứu trong các sách vở ngự chế của liệt thánh, thấy không sách nào không có ghi những phép tắc bí truyền về giáo dục con cháu, đều là những điều nồng hậu sâu sắc, đầy đủ cả từ việc lớn đến việc nhỏ, công sức lo lắng mưu toan để lại cho con cháu đời sau, đến các triều đại Trần, Lê trước kia thực cũng không sao sánh kịp. Hàng con cháu chúng ta phải kính cẩn nhớ tới công lao trau dồi ngọc sáng của Thánh nhân đời trước để lại cho bọn ta, [5b] từ đó mà tự khích lệ cố gắng hết mình chăm chỉ học hành thu nhặt kiến thức sáng láng, khỏi phụ mưu tính sâu xa của tiền nhân để lại, như thế chẳng phải là tốt đẹp hay sao. Ngày nay cháu con cành vàng lá ngọc phát triển đông đúc hùng hậu dường lên tới ba ngàn, đều cùng được di truyền trí tuệ thông minh sáng láng hơn hẳn lũ dân thường, thế mà để tìm những người biết giữ nền nếp xưa. Chăm chỉ tu rèn đức nghiệp thì lại chẳng có được một hai. Đa phần đều ra làm quan, nhưng hèn kém lười nhác cũng có, phóng túng làm hỏng việc cũng có, thậm chí tham ô phạm tội cũng có, còn tìm người nổi bật lên nửa cái đầu trong sự lo toan tìm ra phương sách tốt cho công việc thiết yếu là đem lại lợi ích thì chưa từng nghe thấy có được một ai. Trong khi ở nhà thì hoặc là lang thang nơi sòng bạc, hoặc là buông thả chốn bàn đèn, rồi lười nhác học hành, trễ nải tu nghiệp, chỉ ham hố những chuyện ca kĩ huê tình, nhàn cư vi bất thiện [6a] đến mức bới mộ tìm vàng, tịnh chẳng thấy người nào quan tâm đến vấn đề về những sự vật của thế giới văn minh. Các vị Tống nho ngày

xưa từng nói, gom tích sách vở để lại cho con cháu, nhưng con cháu chưa chắc đã đọc. Nếu quả vậy thì dù có đông đúc hùng hậu, dù có thông minh sáng láng như thế nhưng há chẳng phải đường như đã uổng phụ cho danh giá của dòng dõi Hoàng gia hay sao.

Ôi! Đã có được tư chất thông minh dĩnh ngộ, danh tiếng và tài năng hơn người mà không cố gắng để chí tu rèn, chuyên tâm học tập, sửa chữa sai lầm, hướng làm việc tốt, như thế Thành nhân bảo là người tự hợm, tự bỏ phí mình vậy. Con vẹt biết nói vẫn không khỏi là loài chim bay, đười ươi biết nói vẫn chẳng thoát là con thú nhảy, thông minh nào có ích gì. Trẫm những mong người trong dòng dõi Tôn thất chúng ta, nếu sống trong đám dân chúng phải phát huy tư chất thông minh tài năng hơn người của mình, với suy nghĩ mạnh mẽ người mười phần ta phải cố gắng nghìn phần[1], học điều gì chưa hiểu thì chưa ngưng nghỉ[2], [6b] có như thế mới tự hoàn thiện nên người có tài có đức, đem ra thi thố thì tự có khả năng khôn khéo xoay chuyển trời đất, gặp thời buổi bốn phương sôi động cũng chẳng khó khăn gì đem lại phú cường cho dân cho nước. Những người theo đuổi con đường hoan lộ thì hãy phát huy tinh thần dùng tài năng và tấm lòng trong trắng để nhận phúc lành, từ đó đem ra thi thố vào thời buổi việc nửa phần công bội phần này, phải cẩn thận, liêm khiết, công bằng thì mới tạo nên công trạng nhằm quảng bá ân huệ và uy đức của triều đình, được như thế thì mới

---

[1] Nguyên văn: *Nhân thập kỉ thiên*, trích lời Khổng tử trong sách *Trung dung* dạy rằng, người khác cố gắng một phần thì mình phải cố gắng trăm phần, người cố gắng mười phần thì mình phải cố gắng nghìn phần, có như thế thì dẫu ngu tối cũng trở thành sáng suốt, dẫu yếu đuối cũng trở nên mạnh mẽ.

[2] Nguyên văn: *Phất năng phất thố*, trích lời Khổng tử trong sách *Trung dung*.

rạng rỡ thanh danh, không phụ công rèn rũa tác thành của tổ tông. Có được bá quan đông đảo làm theo như vậy, lại củng cố mối quan hệ hữu nghị vui vẻ lâu dài với nước bạn thì lợi ích đem về ngày một thêm nhiều, đất nước mỗi ngày một tiến tới văn minh, võ bị ngày một mạnh lên, dòng tộc ngày một vẻ vang, đó là điều tất nhiên. [7a] Các khanh khá hãy nghe theo lời dụ của trẫm, tự ôm ấp tự tu rèn để mong thành đạt, giành lấy vinh quang. Còn nếu vẫn cuộn mình lười nhác, rụt rè nghi ngại, a dua tiến thoái, để có điều tiếng về những điều đã nêu trên đây thì điều chương luật lệ còn đó, phép tắc chẳng nể tình thân, dẫn tới tình cảnh đốt thân cây đậu để nấu quả đậu thì đừng có hối trách rằng nồi da nấu thịt. Truyền cho Tôn nhân phủ sao lục dụ này cho mọi người cùng biết".

Tháng 5, xuống sắc rằng:

"Đệ tam Công nữ Như Quế, Đệ ngũ Công nữ Như Phiên, Đệ thất Công nữ Như Cư thuộc phòng Thuần Nghị Kiên Thái vương[1] [7b] đều là những người thân thiết của Tiên Hoàng khảo. Trẫm nay được vẻ vang kế thừa đại thống, luôn nghĩ dốc lòng tôn kính đạo lý luân thường, chuẩn ban tặng cho các vị mỗi người một chiếc Kim bội, trong đó một chiếc khắc hai chữ *Đoan thuận*, một chiếc khắc hai chữ *Nhu thuận*, một chiếc khắc hai chữ *Huy thuận*, mặt sau đều có khắc bốn chữ *Khải Định sắc tứ*, lưu truyền làm báu vật truyền đời dùng đeo vào khi thị hầu. Truyền Viện Cơ mật biên giấy cấp cho mỗi người một bản, chuyển giao cho quan Nội các kiểm duyệt đệ trình ngự lãm rồi tuyên triệu đến ban cấp".

Tháng 12, truy tặng Tiền tiền triều Tài nhân Trương thị làm

---

[1] *Thuần Nghị Kiên Thái vương*: tức Hồng Cai, là Hoàng tử thứ 26 của vua Thiệu Trị.

Tam giai Phi tần; Tiên triều Nghĩa tần Nguyễn thị làm Nhất giai Nghĩa tần. Truy phong Cố Hoàng đệ làm An Hóa công; Cố Hoàng muội [8a] làm Ngọc Sơn Công chúa. Dụ rằng:

"Thánh nhân định đặt ra lễ, cần luôn giữ phép tắc cho hợp với luân thường; Vương giả qui trọng người thân, phải tưởng nhớ cội nguồn mà giữ tình hiếu hữu.

Nhớ xưa Tiền triều Cố tài nhân Trương thị, đức hạnh đoan trang, dung nhan trinh trắng, được Hiến Tổ Chương Hoàng đế triều ta sủng ái, sinh ra Hoàng Thúc phụ ta là Thuần Nghị Kiên Thái vương. Đó thực bởi ươm lành gộp sáng mà nên, cũng chính nhờ tích đức gom thiện mới thế. Trẫm nay tiếp nhận cơ đồ truyền lại, vì nghĩa đáng phải biểu dương, truyền tấn tặng cho làm Tam giai Phi tần, thụy Trinh Tường. Tiên triều Nghĩa tần Nguyễn thị, là con gái của Cố Hậu quân Nguyễn Diễm và là mẹ đẻ của Ngọc Lâm Thái Trưởng Công chúa, [8b] phụng hầu Hoàng khảo Hoàng đế ta từ hồi còn chưa lên ngôi, từ lâu đã được sung làm Nguyên phi, chưa được hưởng ân điển mà đã gỡ trâm ra đi, từng khiến Hoàng khảo vô cùng thương tiếc với nỗi niềm khó tìm lại thanh kiếm ngày xưa[1]. Vì yêu qui người thân, tôn sùng đạo lí, đáng phải suy ân. Truyền tấn tặng cho làm Nhất giai Quí phi, ban cho tên thụy là Đoan Hòa, chuẩn dựng đền thờ phụng để bày tỏ sự báo đáp.

Cố đệ Bửu Tung, thuở nhỏ thông minh, đến tuổi thiếu niên mất

---

[1] Nguyên văn *Cố kiếm nan cầu*, điển cố xuất phát từ *Hán thư-Ngoại thích truyện*. Hán Chiêu đế được quần thần đưa lên ngôi, khi bàn lập Hoàng hậu, các Công khanh đều muốn đưa con gái của quyền thần Hoắc Quang lên ngôi vị này. Nhưng Chiêu đế vốn nặng tình trọng nghĩa với người vợ lấy từ hồi còn tị nạn sống trong dân thường là Hứa Tiệp dư, bèn mượn chuyện có thanh kiếm rất quí nhưng đã bị mất từ ngày xưa, nhờ quần thần tìm lại giúp. Các quan biết ý, bèn tôn lập Hứa Tiệp dư làm Hoàng hậu.

sớm, như đóa hoa đàm vừa trổ, hương ngát đã tan bay; Cố muội Dĩ Hí (Tiên đế đặt tên là Dĩ Hí, về sau gọi nhầm là Dĩ Hỉ hay Hỉ Hỉ, nay sửa lại cho đúng. Gả cho Nguyễn Hữu Tiến) tuy đã trưởng thành, lấy chồng chưa được bao lâu thì đã vùi hương đi mất, thực vô cùng đau xót. Từ lâu bặt tiếng tiêu huynh đệ, từng ôm niềm Tư Mã thở than[1]. Lòng người yêu quí người thân há đâu phân biệt người còn hay mất. [9a] Nay truy phong cho Cố đệ Bửu Tung làm An Hóa công, thụy Đôn Chính; truy phong Cố muội Dĩ Hí làm Ngọc Sơn Công chúa, thụy Trang Nhã, để an ủi hương hồn vẻ vang của hai em và trọn vẹn thâm tình hiếu hữu. Những công việc thủ tục liên quan truyền cho Hữu ti chiếu theo lệ định trước nay tâu trình lên từng khoản để thi hành".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 6, chuẩn cho Công tôn Bửu Diệm tập phong Huyện hầu, sung làm Tự sự ở phòng An Hóa công. Vua phê rằng:

"Theo lệ con của Thân công một người được thừa tập tước vị Huyện. Cố đệ An Hóa công của trẫm hiện chưa có người thế tập. Trẫm đã lo trước nuôi dưỡng [9b] Công tôn Bửu Diễm ở phòng Kiên Thái vương, học hành nay đã trưởng thành, chuẩn cho quá kế sang phòng Cố đệ sung làm Tự sự lo việc thờ phụng. Truyền cho đổi tên cũ thành Vĩnh mỗ, chuẩn chọn bộ thủ đặt tên. Tước tập phong truyền cho thấp hơn một trật, chuẩn phong là Huyện hầu. Chiếu theo lệ quá kế thì không được chi bổng, tuy nhiên, cố đệ là người em chí thân của trẫm, không thể đem các phủ, phòng khác ra mà so bì, nên vẫn chuẩn chi cấp theo bổng thế tập Huyện hầu. Truyền cho bàn bạc thi hành ngay".

---

[1] Nguyên văn: thành ngữ *Tư Mã chi ưu*. Tư Mã: tức Tư Mã Ngưu, tên là Canh, học trò của Khổng Tử, nhà con một, thường vì thế mà âu sầu, than rằng: Mọi người đều có anh em cả, chỉ riêng mình ta là cô độc một mình.

Mùa đông, tháng 10, truy tặng Cẩm Quốc công Miên Kí làm Cẩm Xuyên Quận vương; truy phong Lại bộ Tả Tham tri Hồng Phì làm Tùng Thiện Quận công. Dụ rằng:

"Trung quân Đô thống phủ Chưởng phủ sự Hồng Đả, [10a] nguyên là cựu thần của Tiên đế, vất vả tòng sự suốt hơn ba chục năm. Chiếu theo lệ quan viên từ hàng Tam phẩm trở lên đều được đội ơn tặng phong vẻ vang cho cha mẹ, thì ông là con của Cố Hoàng thân Cẩm Quốc công Miên Kí, quan hàng Nhất phẩm mà vẫn chưa được đội hưởng ân huệ. Trẫm luôn có lòng thân quí người trong họ tộc, huống chi năm nay nhân gặp dịp tế Giao tiến hành đại lễ thăng phối, việc suy ân là rất thích hợp. Truyền truy tặng cho Cố Cẩm Quận công Miên Kí làm Cẩm Xuyên Quận vương. Đồng thời, Cố Lại bộ Tả Tham tri Hồng Phì hồi trước bị xử oan uổng, đã được Tiên đế soi xét cho tấm lòng trung thành mà chuẩn cho phục hồi nguyên chức, nhưng từ khi Cố Tùng Thiện Quận vương[1] được đội ơn tặng phong vẫn chưa thực hiện tập phong tặng tước. Trẫm cũng nghĩ tới ông thời gian dài từng bị hàm oan, nên muốn khơi lại sự việc bị trì trệ này. Chuẩn truy phong cho Cố Hồng Phì làm Tùng Thiện Quận công [10b] để an ủi hương hồn đã khuất cùng được hưởng ân điển. Những công việc thủ tục liên quan truyền cho Hữu ti chiếu theo lệ định mà thi hành".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 7 nhuận, chuẩn cho Tiên triều Ngũ giai Tùy tần Trần Đăng thị khôi phục là Nhị giai Quán phi; Tiệp dư Vũ Văn thị Đông triều Cung Tôn phong là Tứ giai Chiêm tần. Dụ rằng:

[11a] "Tiên triều Nội cung Ngũ giai Tùy tần Trần Đăng thị đã được Tiên đế sắc phong là Nhị giai Quán phi, hồi trước vì mắc

---

[1] Tùng Thiện Quận vương Miên Thẩm là cha của Hồng Phì.

lỗi nên chuẩn giáng làm Ngũ giai Tùy tần. Trẫm vì nghĩ rằng bà là vợ thứ hai của Tiên đế khi còn là Thái tử, đã sinh ra người em quá cố là An Hóa công. Chẳng may qua đời khi còn trẻ tuổi, đã hai chục năm nay bơ vơ chốn sơn lăng chịu đủ mùi mưa gió khổ sở, lòng thực vô cùng đau xót. Năm nay nhân dịp lễ lớn, vâng mệnh Lưỡng cung xuống chỉ chuẩn cho ban tặng suy ân. Chuẩn cho Trần Đăng thị được khôi phục là Nhị giai Quán phi. Tiệp dư Vũ Văn thị Đông triều Cung Tôn đã từng hầu hạ [11b] Cung đế ngay từ tuổi ấu thơ, đến nay hiện chỉ sống một mình, chuẩn phong cho là Tứ giai Chiêm tần để hưởng đều ân huệ. Những công việc thủ tục liên quan truyền cho Hữu ti chiếu theo lệ định mà thi hành".

Tháng 9, An Thành vương Miên Lịch tạ thế, chuẩn gia ân ban cho tiền tuất 1280 đồng, đồng thời còn tiền bổng hai tháng 11 và 12 của năm nay cũng trích cấp cho để lo việc tang.

Mùa đông, tháng 10, vua xuống sắc rằng:

"Trẫm lên ngôi tới nay đã được bốn năm, bởi coi trọng đôn thân nên lòng luôn nghĩ tới việc gia ân. Nay nhân dịp đại lễ Thánh thọ ngũ tuần, chuẩn ban cấp cho [12a] Nguyễn Thị Thảo là vợ cả của Thuần Nghị Kiên Thái vương và Nguyễn Hữu thị Uyển là Phu nhân của Kiên Quận công mỗi người một chiếc Kim bội có đủ dây tua đeo để tỏ lòng gia ân. Truyền cho Viện Cơ mật tuân theo thi hành.

Vua xuống Dụ rằng:

"Hưng Nhân Quận công Bửu Khiêm ngày trước mắc lỗi, làm vấy thanh danh. Hồi ấy Quận công đã làm nhiều chuyện khiến hạnh kiểm vi phạm gia phạm của Tiên nghiêm, bị giáng xuống tước vị hiện nay để cảnh cáo. Từ đó đến nay đã biết tỉnh ngộ, biết sợ mà hối lỗi, tình cũng đáng lượng thứ. Trẫm mang lòng yêu quí người thân, luôn mong Quận công tự tu tỉnh bản thân để lại

được vẻ vang trở lại. Nay nhân dịp đại lễ Thánh thọ ngũ tuần, chính hợp việc gia ân, chuẩn cho khôi phục lại nguyên tước Công như cũ, để ông cảm nhận ân huệ mà từ nay trở đi khắc ghi trong lòng bốn chữ *Dữ quốc đồng hưu*[1]. Còn nếu vẫn rơi rớt theo lối cũ thì đừng có than trách gì nữa. [12b] Nhưng vì hai chữ tước hiệu *Hưng Nhân* trùng với tên đình ở miếu nên phải kính cẩn kiêng tránh. Truyền cho đổi thành Hoài Ân công. Hữu ti sẽ chế lại thể sách giao cho ông nhận giữ, còn sách cũ nộp lại cho Nội các đem đốt hóa đi.

Lại Công tử Hồng Hàn, ngày trước đã ra lị chức đã có nhiều công lao, vả lại cũng là một trong những người có học thức của Hoàng gia. Vào năm Kiến Phúc nguyên niên được bổ dụng theo lệ Công tử tọa giám, đến năm Thành Thái được mệnh ra phủ lị, sau đó can phạm lỗi chuẩn cho về Kinh chờ xét. Rồi lại mắc vào vụ án lấy trộm tài liệu bị nghị xử phạt trượng đồ. Xét ra tội lỗi can phải chẳng qua chỉ vì gặp hiềm khích cá nhân chứ không thuộc phép công. Trẫm nghĩ viên ấy vất vả vì việc nước đã lâu, nhất thời phạm lỗi, công danh đổ hết ra biển Đông. Huống nay tuổi tác đã ngoại sáu mươi, sống chẳng còn được bao lâu nữa. [13a] Nay nhân dịp đại lễ khánh tiết, với niềm yêu mến người trong họ tộc, trẫm nghĩ cũng nên nể tình rộng lượng, chuẩn cho khôi phục lại nguyên chức tước cũ mà nghỉ ngơi để tỏ lòng đối với người già cả, nhưng không được viện cớ đó mà xin trợ cấp và bổng hưu.

Lại viên quan Hồng Ích đang bị giáng bốn cấp lị chức, ngày trước làm Phó sứ, vì lơ là phòng bị để lửa cháy vào khu cấm nội, rồi lại còn kê khai không đúng sự thực nên bị chuẩn giáng bốn cấp lị chức, từ đó đến nay xét thấy không có điều tiếng xấu,

---

[1] *Dữ quốc đồng hưu*: nghĩa là cùng chung hưởng phúc với đất nước.

cũng đã biết sợ mà hối lỗi, thực là đáng khen, chuẩn cho khôi phục lại nguyên hàm, đợi có chỗ nào khuyết thì bổ dụng.

Các khanh phải thấm thía sự gia ân mới này, càng cố gắng hối cải để không phụ hảo ý vẹn tròn của trẫm và các quan Bảo hộ. Truyền cho bản bạc ổn thỏa mà thi hành".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. [13b] Mùa xuân, tháng Giêng, vua dụ rằng:

"Ở Tôn nhân phủ, từ Tiền triều đã đặt ra các chức Tôn nhân lệnh, lấy Hoàng Thái tử sung làm chức ấy; chức Tả, Hữu Tôn nhân, Tôn chánh, lấy người trong Hoàng thân có học vấn uyên bác, bẩm tính hiền lương sung làm để phụ giúp Thái tử cai quản Hoàng tộc, đồng thời cũng là để luyện tập việc chính sự. Đó chính là muốn trị quốc thì trước tiên phải tề gia vậy. Nhưng sau đó vì ngôi Thái tử chưa định, nên chức Lệnh còn để khuyết, chỉ lấy Hoàng thân sung làm Tôn chánh mà thôi. Gần đây, An Thành vương tạ thế, cai quản Hoàng tộc lại khuyết chức. Nay chiếu xét trong các Hoàng thân chỉ còn mấy vị như Tuyên Hóa, Hoài Ân, bẩm tính đều thông minh nhưng hạnh kiểm lại phóng túng, có tài nhưng không tu đức, bản thân còn không tự quản được thì làm sao có thể cai quản người khác. Mong sao các vị ấy [14a] cố gắng tu tỉnh tự rèn giũa tài đức, đến lúc chín muồi lấy vào phụ giúp cho Hoàng trưởng tử của trẫm khi đến tuổi trưởng thành thì đâu có muộn. Nhưng chức cai quản Hoàng tộc cũng không thể để trống lâu ngày. Sau khi đã thảo luận với Quí quan Khâm sứ Đại thần, Trẫm thấy rằng phải tạm thời đặt một viên Đại thần kiêm nhiếp để trông coi công việc cho khỏi bê trễ. Hiện nay người kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả Tôn khanh là Hiệp tá Đại học sĩ Ưng Huy, bản tính có phần ngạo mạn, nhưng xét tài năng thì là người rất có kiến thức,

có thể là vì chưa gặp được người Lệnh chủ nên đâm ra tự cao tự đại mà khinh miệt người đời đó chăng. Nay đã gặp được trẫm rồi, tất phải biết tu sửa tinh tinh. Vậy chuẩn cho thực thụ Hiệp tá Đại học sĩ, kiêm nhiếp Tôn nhân phủ vụ Đại thần, địa vị xếp sau các Đại thần ở Viện Cơ mật, phàm những công việc quan trọng ở Tôn nhân phủ phải bàn bạc cùng với Phủ Quang khanh rồi tâu trình thi hành. Lương bổng chuẩn chiếu theo nguyên hàm gia cấp thêm [14b] theo lệ về kiêm nhiếp. Đồng thời gia ân chuẩn ban cho một tấm thẻ bài (một bên khắc chữ *Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ vụ Đại thần*, một bên khắc chữ *Khải Định sắc tứ*) để dùng khi vào triều chúc tụng và khi đi giao thiệp thương thuyết để tăng thể diện của triều đình và Hoàng tộc.

Lễ bộ Tham tri, Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh Ưng Hào, chuẩn gia hàm Thượng thư.

Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả Tôn khanh Phụng hộ sứ Bửu Phong, chuẩn điều làm Lễ bộ Thị lang.

Chức Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh hiện để khuyết sẽ do Tôn nhân phủ xét chọn người đệ phiến trình lên đợi chỉ tuân hành".

Tháng 11, họ tộc Phạm Văn bên ngoại thích bẩm trình xin đem bán 5 mẫu 6 sào ruộng tự điền để chi dùng vào việc tu sửa nhà thờ, phần mộ và sắm sửa đồ thờ. Bộ Lễ tấu lên. [15a] Vua phê rằng:

"Ngoại thích ở quê ngoại vốn là ngoại thích ở cách xa nhất của triều đình, Phụng Nghi Thiên Chương Hoàng hậu lại là Mẫu hậu có công lao to lớn đối với quốc gia. Với lòng hết mực tôn kính thì đối với họ tộc ấy phải nên chu đáo trọn vẹn. Truyền cho Bộ Công hội đồng cùng với họ tộc ngoại thích ấy đi kiểm tra khám xét ngôi từ đường, nếu quả bị đổ nát thì có thể trích lấy từ các khoản công tác của các sở một số tiền ước chừng

trên dưới ba bốn trăm đồng giao cho họ tộc để tiến hành một lần tu bổ thực sự, để rồi họ ngoại thích đó không được viện cớ mà xin xỏ gì nữa. Còn việc bán ruộng tự điền thiết tưởng cũng không tiện".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Mùa đông, tháng 10 [15b], chuẩn cho Sinh phong Thị độc Học sĩ quá cố Hồng Hậu được cải thụ ấn hàm. Vua phê rằng:

"Bên Bộ Lại tâu trình việc Ưng Bàng xin truy thụ cho cha của ông ta được cải thụ ấn hàm. Quan bộ Lại thấy rằng không có lệ như vậy, vì thế vốn không chuẩn y, nhưng nghĩ Hồng Hậu vốn là người hiền hậu chất phác hơn người, mà Ưng Bàng cũng chất phác, bẩm tính rất có hiếu với cha, trong khánh phả khó tìm được người như thế. Vì vậy gia ân đặc cách chuẩn cho truy cải ấn hàm để biểu dương lòng hiếu thảo. Về sau không được viện vào việc này làm thành lệ".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa xuân, tháng Giêng, vua dụ rằng:

"Triều đình đặt ra lệ nghỉ hưu là để ưu đãi các vị lão thần, ban cấp điều kiện cho được yên vui lúc về già để đáp đền công lao vất vả khó nhọc lâu năm.

[16a] Hiệp tá Đại học sĩ, Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ vụ Đại thần Ưng Huy đã đến tuổi về hưu. Xét thấy phẩm trật của ông cũng đã cao, nên chuẩn cho giữ nguyên hàm về nghỉ ngơi. Đặc biệt nghĩ rằng ông đã nắm giữ công việc ở Phủ đã lâu ngày, truyền tặng cho một tấm huân chương Biểu đức Long bội tinh hạng ba để đeo trên người nhằm đền đáp thâm niên. Chuẩn đem Kim bài giao nộp lại. Tham tri gia hàm Thượng thư, Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tả Tôn khanh Ưng Hào cũng vừa đến tuổi nghỉ hưu, truyền chuẩn cho thực thụ hàm Lễ bộ Thượng thư để về nghỉ ngơi. Về chiếu cấp bổng hưu, trong triều đình Tôn nhân phủ

luôn được ưu tiên, các vị Đại thần Kiêm nhiếp đó lẽ nào để cho thiếu sót. Huống nay đang gặp tiết xuân dương ấm áp, việc đó phải làm trước tiên.

Lại xét thấy Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Thanh Hóa tỉnh Tổng đốc Tôn Thất Trạm là người thiên tư điềm đạm, học thức uyên bác, từ lâu đã gánh vác trách nhiệm nặng nề do triều đình gửi gắm ở tại đất thang mộc, giữ gìn bờ cõi được yên ổn. [16b] Con người điềm tĩnh mà yên được dân tất cũng sẽ điềm tĩnh mà sửa sang chỉnh đốn được khánh phả[1]. Vậy truyền cho giữ nguyên hàm điều làm Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Đại thần, ngôi thứ khi vào chầu xếp sau bốn vị Đại thần Cơ mật họ Tôn Thất, Nguyễn, Hồ, Thân, cũng được ban cấp kim bài, huyền bội để trọng sự thể.

Thự Tham tri, Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh Bửu Phong, chuẩn cho giữ nguyên hàm Kiêm nhiếp Tả Tôn khanh của phủ ấy; Cung hộ Phó sứ Tùng Lãi là người có học hành, chuẩn cho cải thụ Quang lộc Tự khanh, Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh, để xem khả năng của họ ra sao. Vả lại lấy người tôn thất cho giữ chức trông coi Hoàng tộc, tác dụng không phải là nhỏ. Huống hồ ngày nay là thời đại văn minh, chính là lúc cần phải đào tạo khích lệ con cháu Hoàng gia phấn chấn hướng tới nền văn minh mà nêu cao thanh danh tương xứng với danh giá của họ tộc. Các khanh khá hãy thể ý Dụ của trẫm, kính cẩn luyện rèn trong chức phận của mình làm yên tâm [17a] và không phụ lòng yêu quí người trong tông tộc của trẫm. Dụ này truyền đem bàn bạc mà tuân hành".

---

[1] *Khánh phả*: chi người trong Hoàng tộc.

THỂ THẦN

[18a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, Vua dụ rằng: "Tôn quí người già, thơ *Hành vi*[1] đã nêu; kính trọng đại thần, sách *Trung dung*[2] từng dạy. Tiên triều ta đối với hai vị Cố lương thần họ Nguyễn, họ Phan, cứ vào mỗi dịp lễ triều hạ đều chuẩn hành lễ hai vị trên điện để bày tỏ lòng kính trọng bậc lão thành và biểu dương công lao oanh liệt.

Nay Phụ chính phủ Đại thần, Thái tử Thiếu phó, Vũ Hiển điện Đại học sĩ, quản lãnh Lại bộ Thượng thư, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, Văn thần Phò mã, Hiển Lương hầu Trương Như Cương [18b] là người phụng sự Tiên triều, từng được trọng dụng đồng thời với Cố thần Nguyễn Trọng Hợp, năm nay tuổi đã ngoài bảy mươi, địa vị đứng đầu quần thần, trải suốt ba chục năm cầm cân nảy mực trở thành bậc thạc phụ của hai triều, thực là bậc lão thành, phẩm hạnh, danh vọng khó ai có được. Trẫm vô cùng kính trọng, truyền từ nay trở đi, cứ vào các phiên lễ triều hạ đều được ăn mặc chỉnh tề hành lễ trên điện, đồng thời được đứng riêng trên điện Văn Minh để tỏ ý tôn trọng.

Đối với An Thành vương Miên Lịch là người thân thiết trong Vương thất, lại thuộc bề trên già cả, càng phải tôn kính. Chuẩn cho từ nay vào các dịp lễ triều hạ, sau khi bái lễ xong, cho ăn mặc chỉnh tề đặt riêng một chiếc bàn ngồi hầu ở bên cạnh ngai vua để tỏ ý hết mực kính trọng".

Tháng 6, ban Kim bài cho các Đại thần ở Viện Cơ mật mỗi

---

[1] *Hành vi*: tên bài thơ trong *Kinh thi – Đại nhã*.

[2] *Trung dung*: tên một thiên trong sách *Lễ kí*.

người một chiếc (một bên khắc chữ *Cơ mật Đại thần*, một bên khắc chữ *Khải Định sắc tứ)*.

[19a] Tháng 9, ban cho các Đại thần ở Viện Cơ mật mỗi người một chiếc áo khoác tay áo rộng bằng gấm thượng hạng. Dụ rằng:

"Đại thần phò tá, nói chữ gọi là chức năng bổ cổn; Vương giả suy ân, theo lễ vẫn có điển lệ ban áo. Các khanh Thái tử Thiếu phó, Vũ Hiển điện Đại học sĩ, quản lãnh Lại bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, Văn thần Phò mã, Hiển Lương hầu họ Trương[1]; Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm Đô sát viện Đô ngự sử, Phù Quang bá họ Tôn Thất[2]; Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Công bộ Thượng thư, kiêm Binh bộ, sung Cơ mật viện Đại thần, Phúc Môn bá họ Nguyễn[3]; Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, [19b] Mĩ Hòa tử họ Hoàng[4]; Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Học bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm sung Quốc sử quán Phó Tổng tài, kiêm quản Quốc tử giám, Khánh Mĩ tử họ Hồ[5]; Thự Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hộ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, Ninh Lãng nam họ Đoàn[6], hoặc là bậc phụ thần lão thành đặt nền móng làm vẻ vang cho đất nước, hoặc là bề tôi tài năng tri ngộ làm tai mắt cho trẫm, nên truyền ban cho mỗi người một chiếc áo khoác tay rộng bằng gấm thượng hạng để mặc khi đứng hầu vào các dịp lễ Thánh

---

(1) *Họ Trương*: Tức Trương Như Cương.

(2) *Họ Tôn Thất*: tức Tôn Thất Tố.

(3) *Họ Nguyễn*: Tức Nguyễn Hữu Bài.

(4) *Họ Hoàng*: Tức Hoàng Côn.

(5) *Họ Hồ*: tức Hồ Đắc Trung.

(6) *Họ Đoàn*: tức Đoàn Đình Duyệt.

đản và lễ triều hạ để nghiêm chỉnh hình thức và tỏ rõ sự sủng trọng khác biệt.

Ôi, sợi gấm sắc tươi như lòng dạ chân thành của trẫm quí trọng các khanh mà nghiêm túc làm theo điển chương của quốc gia. Các khanh khá nên tận sức trung thành vì việc công dẫn dắt các quan cùng hăng hái tiến bước, đó là niềm mong mỏi sâu sắc của trẫm. Các khanh hãy cố lên".

[20a] Mùa đông, tháng 10, vua ban cho Công bộ Đại thần, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài một bài thơ rằng:

Hội tán y thường xã tắc thần,
Vãn hồi xuân vũ khế long vân.
Mao chùy thoát xuất danh cao Sở,
Hòa bích hoàn qui giá trọng Tần.
Nhậm giác hệ hồ phi túc chí,
Khẩn giao minh kính lụy ngưng trần.
[20b] Diêm mai mãnh phấn hòa canh sự,
Lưu đắc lân đài trứ vĩ huân.

Dịch nghĩa:

Bề tôi của xã tắc đi tham gia thương thảo việc bang giao,
Đúng vận hội rồng mây,
cứu vãn cảnh xuân cho đất nước.
Họ Mao tự nổi lên danh tiếng cao với nước Sở

(Nguyên chú: Khanh gặp trẫm ví như Mao Toại gặp Triệu Công tử. Mao Toại đến làm môn khách của Triệu Công tử, tự tiến cử mình. Triệu Công tử tôn Mao Toại làm Thượng khách. Cổ văn nói Mao Toại tự mình nổi lên trổ tài năng).

Đem về được viên ngọc bích của Biện Hòa
mà người Tần qui trọng đánh giá rất cao.

(Nguyên chú: Vua Tần nghe tin nước Triệu có được hòn bích

ngọc rất quí của Biện Hòa[1] nước Sở, định cắt đất 6 thành để đổi. Nước Triệu sai Lạn Tương Như đem ngọc bích sang Tần. Tần định cướp đoạt ngọc bích, nhưng Lạn Tương Như dùng mưu kế lừa Tần, đưa được ngọc vẹn toàn về nước Triệu. Nay việc xử trí của khanh cũng giống như thế).

Đã bao lần cảm thấy mình giống như quả hồ lô,
không thỏa được chí khí ban đầu.

(Nguyên chú: Luận ngữ có câu: "Ta lẽ nào giống như quả hồ lô, chỉ treo chơi mà không ăn?". Là ý nói có tài mà không gặp cơ hội sử dụng. Khanh trải làm quan hai triều, mọi việc đều nhàng nhàng không tỏ rõ được tài năng. Đó không phải bản ý mà chỉ vì thời thế không cho phép mà thôi).

Lẽ nào để cho tấm gương trong phủ đầy bụi bẩn.

(Nguyên chú: Trẫm bấy lâu như con rồng khuất thân ẩn náu chính cũng như tấm gương bị bám bụi bẩn. Nay khanh đã được gặp trẫm rồi, lẽ nào chỉ ngồi nhìn mà để bụi phủ bám bẩn mãi, ắt phải tới lúc ra tay quét sạch trở lại).

Mắm muối phải nên gắng sức vào việc pha chế
nên món canh ngon,

(Nguyên chú: Kinh thư, Thuyết mệnh có câu: "Nếu trẫm nấu canh thì ngươi làm mắm muối". Nay khanh gặp trẫm cũng giống như Phó Duyệt gặp được Ân Cao Tôn, vua tôi tương đắc. Khanh lẽ nào không trổ tài năng vào việc nấu canh?).

Công tích lớn lao vẻ vang lưu mãi ở gác Kì Lân.

---

[1] Biện Hòa người nước Sở thời Xuân Thu, tìm được một khối ngọc thô. Đem dâng Sở Lệ vương và Vũ vương, đều bị cho là lừa dối, bị đem chặt mất hai bàn chân. Khi Văn vương lên ngôi, Hòa đem khối ngọc ra chân núi Kinh Sơn ôm khóc. Sở vương động lòng, sai người bổ ra chau chuốt, quả nhiên là ngọc quí.

(Nguyên chú: Triều nhà Hán vẽ tượng các công thần ở gác Kì Lân để biểu dương công trạng).

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2 nhuận, chuẩn cho Vũ Hiển điện Đại học sĩ Trương Như Cương thăng thự Văn Minh điện Đại học sĩ; Hiệp tá Đại học sĩ Hoàng Côn gia hàm Thái tử Thiếu bảo về nghỉ hưu. Dụ rằng:

"Thái tử Thiếu phó, Vũ Hiển điện Đại học sĩ, quản lãnh Lại bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, Văn thần, Phò mã, Hiển Lương hầu Trương Như Cương, là bề tôi cố cựu của triều đình, [21a] tham dự vào những cuộc thương thuyết bang giao, trải làm phụ thần quan trọng qua hai triều vua, có nhiều công lao to lớn trong ngót ba chục năm; cùng với Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, Mĩ Hòa tử Hoàng Côn, đều là các bậc lão thành. Nay tuổi tác hai vị đều đã ngoài bảy chục, sức khỏe đã giảm sút. Triều đình vốn ưu ái lão thần, cần phải giảm bớt ưu phiền để họ được an hưởng tuổi trời. Huống chi hai vị Đại thần trước đây đã từng nhiều lần ngỏ lời với quan Toàn quyền Khâm sứ Đại thần, bày tỏ ý muốn được nghỉ việc chính sự. Nay trẫm qua thảo luận với hai quan Toàn quyền và Khâm sứ Xa Sa[1] đã cùng nhất trí đồng ý. Nhưng từ khi trẫm lên kế thừa cơ nghiệp, từ quan lại đến thứ dân đều cùng được ân trạch, duy hai vị Đại thần vẫn chưa nhận được ân mệnh. Truyền Trương Như Cương chuẩn thăng Thự Văn Minh điện Đại học sĩ, Hoàng Côn chuẩn gia Thái tử Thiếu bảo, hai người được vinh qui về nghỉ ngơi với hàm mới theo mệnh này để tỏ ý ân sủng. [21b] Lại cấp cho mỗi người một tấm Kim bài (một thẻ khắc chữ *Thái tử Thiếu phó*, một thẻ khắc chữ *Thái tử Thiếu bảo*. Mặt

---

[1] *Xa Sa*: có lẽ là Sa Lê, phiên âm tên tiếng Pháp là Charles.

sau hai thẻ đều khắc chữ *Khải Định sắc tứ*) để dùng mỗi khi được triều đình triệu mời vào thị hầu".

Đốc thần tỉnh Nam Định Hoàng Mạnh Trí được ân chuẩn gia hàm Hiệp tá Đại học sĩ, kính dâng biểu tạ ơn. Vua xem biểu xong phê rằng:

"Trẫm vốn muốn yên phận phiên phong, đâu có lòng nào nghĩ đến ngôi vua. Nhưng gần đây những kẻ xấu ngang ngạnh âm mưu làm điều ác độc, hòng để lại hậu hoạn cho xã tắc, đắc tội với thần dân. Trẫm vì là Thái tử nên không thể từ chối trách nhiệm gánh vác quốc gia vỗ về dân chúng. Hiềm vì tài sơ đức mỏng nên trong lúc giao thời trong lòng nơm nớp những âu lo, chỉ sợ không đảm đương nổi. Bởi vậy luôn tôn kính mệnh trời, [22a] noi theo tổ tông mà thương xót muôn dân, quí trọng bề tôi để có người giúp đỡ cho những thiếu sót của trẫm, bên trong thì làm cánh tay đắc lực thay trẫm tuyên truyền giáo hóa, bên ngoài thì giúp trẫm giữ đất chăn dân.

Nghĩ rằng Bắc Kì là vùng đất có tiếng phong hóa, từng đội ơn nhân đức của Liệt thánh suốt bao nhiêu năm mà đến nay lòng dân vẫn giữ niềm thương nước nhớ chúa như xưa. Chỉ có gần đây mới nổi lên quan niệm kì thị giữa Tây với ta, chứ không được ưu ái thuần hậu, chân thành trước sau như tấm lòng của khanh. Lời trần tình trong tờ Biểu của khanh đã thể hiện tấm lòng tận tâm vì vương thất, trẫm thấy rất đáng khen ngợi, đáng được ghi lại vào sử sách, đáp lại tấm lòng tri kỉ nơi xa, ghi nhớ nét mặt tấm lòng, lưu lại tiếng thơm lâu dài. Truyền cho Nội các tinh tả sao chép lưu giữ".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. [22b] Mùa đông, tháng 10, Thự Văn Minh điện Đại học sĩ Hiển Lương hầu Trương Như Cương mất, chuẩn Truy tặng là Thái Bảo, Văn Minh điện Đại học sĩ. Dụ rằng:

"Triều đình đặt ra ngôi Tam công là nhằm đặc cách biểu dương những bậc lão thành, ưu đãi những người tài giỏi có công trạng. Thái tử Thiếu bảo, Thự Văn Minh điện Đại học sĩ Hiến Lương hầu chí sĩ Trương Như Cương, là bề tôi cố cựu của triều đình, từng tham dự vào việc bang giao, trải làm phụ thần quan trọng qua các triều vua, có rất nhiều công lao. Nhưng vừa vẻ vang về nhà nghỉ ngơi, tháng năm nhàn nhã chưa được bao lâu thì khanh đã ốm mà ra đi mãi mãi, khiến trẫm vô cùng thương tiếc. Chuẩn truy tặng cho hàm Thái tử Thiếu bảo, Văn Minh điện Đại học sĩ nhằm tỏ lòng ưu ái quí mến, để an ủi hương hồn nơi chín suối".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. [23a] Mùa hạ, tháng 4, Hồng lô tự khanh, lãnh Quảng Ngãi Án sát sử Đào Thụy Thạch mắc bệnh qua đời. Viện Cơ mật tâu xin bội cấp tiền tuất và truy tặng hàm cho ông. Vua phê rằng:

"Đào Thụy Thạch bề ngoài tuy tỏ ra điềm đạm, nhưng trong lòng rất mạnh mẽ, khí khái, trẫm rất quí mến ông ta. Hơn nữa, ra cai trị ở bên ngoài có tiếng là cần mẫn, vào triều cũng phụ giúp nhiều cho trẫm. Trẫm vẫn dự định tiến dụng, nhưng mệnh của ông ta không được dài, thực là đáng tiếc. Truyền đặc cách truy thụ cho hàm Thái thường tự khanh để an ủi hương hồn. Còn các khoản khác chuẩn y".

Tháng 6, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh An Tĩnh Tổng đốc Trần Tiễn Hối mất, chuẩn gia hàm Thái tử Thiếu bảo, truy phong tước Minh Xuyên nam. Dụ rằng:

"Việc canh giữ truy bắt giặc ở vùng đất Nghệ An là vô cùng quan trọng. Từ khi Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh An Tĩnh Tổng đốc [23b] Trần Tiễn Hối tới đó cai quản đến nay đã giữ được yên tĩnh cho cả vùng. Phải người có năng lực mới đảm đương được tốt sự ủy thác nặng nề như thế. Cớ sao khanh vừa mới ốm mà đã

vội bỏ ra đi như thế, khiến trẫm vô cùng thương tiếc. Truyền chuẩn gia hàm Thái tử Thiếu bảo, phong tước là Minh Xuyên nam để tỏ lòng ưu ái quí mến, và an ủi hương hồn".

Mùa thu, tháng 7, Gia hàm Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Nam Định Tổng đốc về hưu Đoàn Triển mất. Chuẩn truy phong là Tín Uy tử. Dụ rằng:

"Gia hàm Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Nam Định Tổng đốc về hưu Đoàn Triển, năm trước khi còn lị chức là người cần mẫn tài năng, gặp việc dám nói, rất thích hợp với việc giao thiệp và các sự vụ quan yếu và đã có nhiều công lao. [24a] Gần đây các trấn quan ở Bắc Kì cũng không có mấy người có đóng góp cho thời cuộc được như thế. Điều đó trẫm vốn biết rõ. Sau khi về nghỉ ngơi chốn điền viên rồi vẫn được nước nhớ dân thương, không quên niềm ưu ái. Là người có cốt cách Nho phong, ai ngờ trời không cho được thọ lâu, thực vô cùng đáng thương tiếc. Chuẩn truy phong là Tín Uy tử để tỏ ân sủng và an ủi hương hồn"

Tháng 8, Ban cho Phù Quang bá Tôn Thất Tố một chiếc áo thụng ngự dụng bằng gấm thượng hạng có thêu hình một con rồng. Dụ rằng:

"Đông các Đại học sĩ, quản lãnh Hình bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, Phù Quang bá Tôn Thất Tố là bậc nguyên lão của triều đình, tính cẩn thận, chân thành, phụ tá cho trẫm rất đắc lực. [24b] Nay nhân sắp đến dịp đại tiết mừng Thánh thọ ngũ tuần, chính hợp với việc suy ân. Nhưng vì khanh đã được ban nhận nhiều vinh dự gồm các hạng bội tinh và Kim khánh, Kim tiền rồi, nên trẫm đích thân chọn trong các đồ ngự dụng đặc ban cho một chiếc áo thụng bằng gấm thượng hạng màu xanh lam có thêu một con rồng toàn bằng vàng. Sáng sớm mai sẽ truyền sai viên Quản lí

Thị vệ Nguyễn Hữu Tí mang tới công thự truyền chỉ ban cấp cho, để bày tỏ tấm lòng sủng ái hết sức đặc biệt của trẫm đối với bậc lão thần".

Đồng thời lại ban cho một bài thơ ngự chế rằng:

Sán sán hỏa hoàng cẩm,
Ngũ thái chức long vân.
Dụng biểu Đông trừ ý,
Hoặc thù cái thế huân.
Như thiên ti lạp trạch,
Đồ địa não can thân.
Cổ nhân phục thị đức,
Phá cách tứ nguyên thần.

Dịch nghĩa:

Gấm lấp lánh như lửa,
Thêu ngũ sắc long vân.
Đây tấm lòng Thái tử,
Gọi đền đáp công huân.
Tơ ngút trời ánh chiếu,
Gan lầy đất suy ân.
Áo xưa để tỏ đức,
Phá cách tặng lão thần.

Tháng 12, [25a] chuẩn truy thụ cho Tham tri, lãnh Quốc tử giám Tế tửu Khiếu Năng Tĩnh làm Lễ bộ Thượng thư. Dụ rằng:

"Nguyên Quốc tử giám Tế tửu, thăng thụ Lễ bộ Tả Tham tri hưu trí, quá cố Khiếu Năng Tĩnh, xuất thân khoa giáp, từ lâu nắm giữ nền Nho. Một thời vào trường đã có nhiều khai phá mở mang đường hướng quan trọng. Công lao trồng người đáng bậc Quốc sư. Sau khi xin về nghỉ hưu sống thọ đến ngoài tám chục, thực cũng là phúc lớn của đời người. Nay nhân ngày đại lễ là dịp

suy ân. Chuẩn truy thụ hàm Lễ bộ Thượng thư để tỏ ân sủng đặc biệt và an ủi hương hồn".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 2, chuẩn truy tặng Thị giảng Học sĩ Trương Vĩnh Kí làm Lễ bộ Tham tri. [25b] Dụ rằng:

"Nam Trung Ẩn sĩ, Cố Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ Trương Vĩnh Kí là bậc cựu thần của Tiên đế, từng phụng thị giảng tiếng Pháp, chuyên sung Ngự tiền Thông sự. Vào thời kì mới gây dựng quan hệ bang giao, tiếp xúc Á Âu, tiếng nói, chữ viết hai bên còn chưa thật thông hiểu với nhau, viên quan ấy đã chuyên tâm dám nghĩ dám làm, biên soạn từ vựng và nhiều sách vở lưu hành ngoài đời, nhờ thế phát triển nền tân học, có thể nói là có công lao đóng góp cho thế đạo. Nếu chẳng là người thông minh, tài giỏi, có đầu óc kiến thức rộng lớn hơn người thì làm sao làm được như thế. Từ khi mới lên ngôi, trẫm đã luôn tưởng nhớ đến ông, nhưng vì bận bề bộn công việc nên vẫn chưa kịp suy ân. Nay nhân đại lễ mừng Thánh thọ ngũ tuần, chính là dịp gia ân. Truyền gia tặng là Lễ bộ Tham tri để tỏ lòng rộng rãi tri ân và an ủi hương hồn".

[26a] Đại thần Bộ Học là Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung thọ sáu mươi tuổi. Chuẩn ban cho tặng phẩm và một bài thơ ngự chế rằng:

Hiên bệ tao phùng duyệt ngũ thu,
Niên phương toa trục giáp sơ chu.
Phong đình nhĩ tiếp ân cao dị,
Tiêu dịch thân liên sủng ốc thù.
Thạc lão kí vi triều hệ trọng,
Vinh quang ưng dữ quốc đồng hưu.
Giai thời ngẫu tứ ta vi điển,
Cù thước kì phương mã tương trù.

Dịch nghĩa:

Từ buổi gặp gỡ ở bệ hiên đến nay trải năm thu,
Năm tháng thoi đưa tuổi đã tròn một giáp.
Gần cận chốn triều đình, hưởng ân trạch khác thường,
Quan hệ thân thiết ở trong cung, sủng ái càng đặc biệt.
Lão thần trở nên rất quan trọng đối với triều đình,
Vẻ vang cùng chung hưởng phúc với nước nhà.
Gặp dịp lễ ban tặng cho chút quà mọn,
Mong sao càng già càng khỏe
sánh ngang các tướng họ Phương, họ Mã.

Mùa đông, tháng 10, Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, nguyên Bình Phú Tổng đốc hưu trí Dương Lâm mất [26b]. Chuẩn truy phong là Khánh Vân nam. Dụ rằng:

"Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, nguyên Bình Phú Tổng đốc hưu trí Dương Lâm là một nhà Nho xuất thân, hồi trước bổ nhậm ở Trung Kì, rồi sau trở ra ngoài Bắc, mới trở nên xa cách. Sống liêm khiết thanh bần[1] nhưng luôn mang tấm lòng nồng hậu đối với vua với nước, trẫm đã nhiều lần khen ngợi tư cách của ông. Nay ông vừa ngã bệnh đã từ bỏ ra đi mãi mãi, thực là đau xót thương tiếc biết bao. Truyền chuẩn truy phong cho tước hiệu là Khánh Vân nam để an ủi hương hồn".

Tháng 12, ba bộ là Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Binh tập hợp danh sách phụ mẫu của các ấn quan văn võ có hàm cao, được cấp phẩm hạng chuyển qua Nội các lập phiếu dâng lên ngự lãm. [27a] Vua phê rằng:

"Trong ân chiếu nhân đại lễ mừng Thánh thọ ngũ tuần có khoản nói rằng, các ấn quan được gia ân ban cấp vải lụa và lễ

---

[1] Nguyên văn *xử hạc*, lời trích từ câu thơ của Vương Bột đời Đường ca ngợi viên quan thanh liêm Thứ sử Quảng Châu Ngô Ân Chi: *Chước bần tuyền nhi giác sảng, xử hạc triệt dĩ do hoan.*

phẩm để kính biếu thân sinh phụ mẫu. Đó là để tỏ ý quí trọng các quan mà đề cao đạo hiếu, lệ rất phù hợp, truyền chuẩn cho thi hành. Duy trường hợp về Phú Lộc Quận công của Dương Quang Lược vì đã được dự ân tế, thì đại để cũng giống như trường hợp Vĩnh Quốc công, cũng như Phú Lộc Phu nhân, các hạng nên dừng việc ban cấp lễ phẩm thì mới hợp lí".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 2, ban cho Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản một chiếc áo nhung y màu lam. [27b] Vua phê rằng:

"Thái Văn Toản từ khi được sung làm Ngự tiền Thông sự tới nay, các công việc soạn thảo từ mệnh thông suốt, ứng đối trôi chảy rõ ràng, tạo được hòa khí giữa hai nước, rất được nước bạn quí trọng, giữ được thể thống cho quân vương, thực là người con tốt của Nam triều. Trẫm rất biết Toản không chỉ phụ giúp riêng cho trẫm mà còn có ý thức tôn phù tôn xã, mang phong thái của bậc Đại thần, rất xứng đáng được khen thưởng. Truyền chọn trong đồ ngự dụng lấy ra một chiếc áo đi trận màu lam có thêu hình rồng nằm ngang trên nền sóng nước bằng vàng bạc ban cho viên ấy để mặc khi vào chầu hầu. Khanh khá hãy chuyên tâm vào chức sự, giữ trọn thủy chung, không nên vì e ngại sự đố kị của những kẻ tầm thường mà thoái chí, để không phụ ơn tri ngộ của trẫm. Truyền sao lục lời phê này gửi trước cho viên ấy phụng nhận, đợi sau này thong thả sẽ phái thị vệ [28a] mang áo đến tận dinh thự truyền chỉ ban cấp cho để giữ làm của gia bảo".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 7, Đông các Đại học sĩ Cao Xuân Dục đăng thọ tám mươi tuổi. Bộ Lễ đệ tấu xin chiếu theo định lệ thưởng cho các quan Nhất phẩm đăng thọ tám mươi tuổi (20 lạng bạc và 2 tấm lụa nam sa) qui ra thành tiền là 35 đồng để cấp thưởng cho ông. Vua phê rằng:

"Cao khanh tuổi đã lên hàng bát thập, Bộ thần chiếu lệ xin ban thưởng là rất đúng, truyền chuẩn y cho. Duy có điều trẫm muốn biết đó là vào ngày tháng nào, Bộ thần hãy hỏi cho rõ rồi phúc tâu lên".

Sau đó Bộ thần tâu trình sinh nhật của ông là ngày 13 tháng 9. Đúng ngày đó sai người đem tới ban cấp cho một chiếc Kim khánh hạng lớn kèm một bài thơ Ngự chế rằng:

Công danh áng lí lịch khu trì,
Ngũ lục niên lai điểu quyện phi.
Mao tuế cận đăng lương lão bảng,
Hoa niên thích yết Lã ông kì.
Tùng vân cao ngọa ngâm phong nguyệt,
Thuần lễ quang châm đối tuyết ti.
Ôn bột sổ ngôn khanh thả chí,
Dao kì thọ tấn viết kì di.

Dịch nghĩa:

Từng trải bôn ba lập công danh rạng rỡ,
Năm sáu năm nay mới mỏi cành chim bay.
Tuổi tác xấp xỉ tuổi lão họ Lương
lúc được đề danh trên bảng vàng,
Sống lâu bằng ông họ Lã khi về buông cần câu cá.
Nhàn nhã tùng mây nằm ngâm phong vịnh nguyệt,
Rượu ngon sóng sánh rót uống trong sợi tuyết bay.
Mấy lời ân cần này khanh khá nên ghi nhớ,
Từ xa trẫm cầu mong cho khanh thọ đến trăm tuổi.

Dịch thơ:

Công danh rộng sải cánh chim bằng,
Mỏi mệt ngừng bay mới dăm năm.

Tuổi tác cũng gần ngang Lương Hạo[1],
Hoa niên đã sánh với Lã Ông[2].
Rượu rót đầy vơi cùng sương tuyết,
Thơ ngâm nhàn nhã gối gốc thông.
Trẫm chúc điều này khanh ghi nhớ,
Được có ngày mừng thọ tròn trăm.

Mùa đông, tháng 10, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài mắc bệnh tê, đệ phiến xin ở lại nhà chữa trị. Vua phê rằng:

"Trẫm vẫn thấy khanh tuổi cao nhưng còn khỏe mạnh, cả đời ít khi dùng đến thuốc thang. Nhưng thuốc đắng dã tật, nên khanh phải cố chịu đắng mà dùng thuốc thang điều trị cho chóng khỏi để còn phụ giúp cho trẫm, chứ đừng có tránh thuốc như thế nữa".

---

(1) *Lương Hạo*: tự Thái Tố, người đời Tống. Truyền thuyết kể rằng ông đỗ Tiến sĩ vào năm 82 tuổi.

(2) *Lã công*: tức Lã Thượng, hay Khương Nha, đời sau thường gọi là Thái Công Vọng, người đời Chu, được vua Văn vương tôn làm thầy. Khi 80 tuổi lui về ẩn cư, câu cá bên bờ sông Vị.

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN V

DỤNG NHÂN

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, vua xuống Dụ rằng:

"Đế vương sáng suốt làm chính sự phải tùy thời mà thực hiện biện pháp thích hợp, chứ không bao giờ bám vào một cái gì cố định. Gần đây các quan ở Phủ Phụ chính tâu lên rằng, bên Quí tòa Khâm sứ có gửi bức điện sang cho Quí Toàn quyền Đại thần, nói là hiện giờ trẫm đã trưởng thành, nên Phủ Phụ chính nên đổi trở lại như cũ thành Viện Cơ mật, còn An Thành vương thì không nên tham gia vào hội họp nữa. Cứ theo lời tấu thì xem ra thấy cũng hợp lí.

Nguyên Phụ chính Thân thần, Tôn nhân phủ Tôn chánh An Thành vương Miên Lịch [1b] chuẩn vẫn giữ Kiêm nhiếp Tôn nhân phủ Tôn chánh như cũ; mấy người gồm Nguyên Phụ chính Đại thần, Thái tử Thiếu phó, Vũ Hiển điện Đại học sĩ, quản lãnh Lại bộ Thượng thư, Kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, Văn thần Phò mã, Hiển Lương hầu Trương Như Cương, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư, Kiêm quản Đô sát viện Đô sát Ngự sử, Phù Quang tử Tôn Thất Tố, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Lễ bộ Thượng thư, Mĩ Hòa tử Nguyễn Hữu Bài, Hiệp tá

Đại học sĩ, lãnh Học bộ Thượng thư, Kiêm quản Quốc tử giám, sung Quốc sử quán Phó Tổng tài Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung, Thự Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hộ bộ Thượng thư Đoàn Đình Duyệt, truyền đều sung làm Cơ mật viện Đại thần, các khanh hãy trổ hết tài năng phụ tá.

[2a] Về ấn kiếm Phủ Phụ chính truyền giao nộp cho Nội các đổi lãnh ấn kiếm Viện Cơ mật để sử dụng. Những việc khác sẽ có Chỉ dụ riêng".

Tháng 6, vua ngự coi chầu tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Trong dân gian nhiều kẻ quen tính ương bướng, khiến rất khó xử trí, chưa biết làm thế nào để họ bỏ hết được thói ngang ngạnh đó. Hay cũng tại ta chưa xứng với trách nhiệm thân dân, quan lại thì chưa thể nhìn vào chức danh mà hiểu ra nghĩa lí, chỉ cốt bóc lột dân chúng làm giàu cho bản thân, từ lâu đã khiến nhân tâm không phục, dần dà tạo thành lề thói ương bướng. Cũng có người bảo vì nước ta hoàn toàn dựa dẫm vào sự bảo hộ của Quí quốc, dẫn dắt cho dần dần tiến lên con đường văn minh, nên gần đây trong dân gian nhiều kẻ đứng ra kêu gọi tụ tập phản đối, [2b] coi quan trên cứ như là kẻ thù. Thế rõ là về trách nhiệm thân dân đã không biết phủ dụ dân chúng, lại còn gây nhũng nhiễu khiến dân không chịu nổi nên mới ấp ủ thành mối hiềm khích đối đầu. Giống như vụ giặc Ngỗi hồi trước, duyên cớ cũng là từ Bạch Xuân Nguyên gây ra. Các tỉnh, phủ, huyện không tuyển chọn ra được người chính nhân quân tử để làm việc nên mới dẫn đến chuyện đánh nhau, một lần, hai lần cho chí ba lần, khiến cho Quí Bảo hộ cũng phát chán, thật là rất khó xử trí. Trẫm cũng đã thảo luận với Quí Khâm sứ Đại thần một đôi điều về chính trị để thêm phần hiểu biết, càng thấm thía việc dùng người phải tìm được người khả dụng. Một khi đã biết

rõ là người có thể dùng được thì cũng không được để thất thoát đi mất. Có như thế quan lại tìm được người xứng đáng thì lòng dân sẽ tin phục, tự họ sẽ không sinh lòng bậy bạ. Giống như gần đây bên châu Âu có biến mà tình hình ở toàn cõi Bắc Kì vẫn yên tĩnh, đó chẳng phải là có được quan lại tốt nên mới giữ được tình hình như thế hay sao?"

[3a] Mùa đông, tháng 10, quan Khoa đạo Tôn Thất Uyển tâu rằng việc dùng người có thích đáng hay không có quan hệ rất lớn đối với sự đắc thất của triều chính cũng như lợi ích của dân chúng. Được biết gần đây quan tỉnh và lại viên ở các phủ huyện mỗi khi can phạm lỗi liền xem xét hoán bổ sang vị trí khác, làm như thế không đủ thể hiện sự cảnh cáo răn dè. Vì vậy xin từ nay trở đi, quan lại hễ phạm lỗi, bất kể lỗi nặng hay nhẹ, đều phải do nha liên quan cứu xét xác định tội lỗi thích đáng, sau đó mới đem hoán bổ, làm thế mới giữ nghiêm túc phép quan. Vua phê rằng:

"Đạo giữ được lâu dài là bởi có được người, vì thế khi dùng người không thể không xem xét kĩ lưỡng. Hồi nọ khi xem bản phiến xin hoán bổ Nguyễn Văn Đàm, trẫm vốn đã biết rõ về con người ấy sự việc ấy, nhưng Thuyên ti[1] lại không xét đến điều đó, dám tự bàn bạc với bên Quí Bảo hộ để duyệt thông qua, thôi thì cũng đành tạm cho thi hành. Vì thế trẫm đã điểm chấm son lên trên tờ phiến, nhưng lại ngoặc thêm dấu móc câu ở bên cạnh tên người là để ngụ cái ý nhỏ này. Những trường hợp khác cũng tương tự như thế, nhưng không ngoặc thêm dấu móc cho khỏi phiền phức. [3b] Vì trẫm mới lên coi chính sự, cũng muốn giữ gìn quan hệ hữu nghị với nước bạn, nên mới chủ ý làm như thế. Trong việc tuyển chọn sử dụng nhân tài, phía Bảo hộ vẫn nửa phần ủy cậy vào Thuyên ti. Thế mà cách dùng người như vậy, về

---

[1] *Thuyên ti*: cơ quan xem xét tuyển bổ quan lại.

ý thể hiện sự nhìn nhận tài năng không thấu đáo, về nghĩa tỏ ra thiếu tôn trọng quyền của nhà vua, do đó dùng không đúng người. Kẻ tiểu nhân mới nhân đó để mưu thăng tiến, người quân tử thấy vậy bèn lánh xa. Con người không vui vẻ đem tài năng ra ứng dụng, chính sự vì thế trở nên bê trễ, trẫm còn biết làm việc cùng ai? Quí Bảo hộ cũng biết tin tưởng vào đâu? Nay ngôn quan Khoa đạo đã chỉ ra điều sai sót, dẫu rằng có phần chậm trễ, nhưng trong việc nâng đỡ người hiền, gạt bỏ kẻ bất tài, lí đương nhiên phải làm như thế. Truyền các Đại thần Viện Cơ mật xem xét xác lập thỏa đáng việc này để tỏ rõ chính sách sáng suốt. Còn việc viên ngôn quan ấy nêu ra tuy có phần chậm trễ, nhưng thấy điều không đúng mà dám nói ra là rất tốt, truyền giáng chỉ khen thưởng".

[4a] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 3, vua phê bảo Viện Cơ mật rằng:

"Có sự vụ tất phải có thể thống, có được thể thống mới đề cao được quyền của vua. Gần đây phía Quí Bảo hộ cũng đã hiểu rõ được nghĩa lí đó, nên phàm khi có việc quan trọng mà Quí Khâm sứ Đại thần muốn thực hiện thì đều bàn bạc với trẫm để cùng hợp ý nhau rồi mới đưa ra thi hành. Điều đó đến tình lân bang còn có nhã ý tôn trọng, huống chi là đạo của bề tôi. Thế mà vẫn thường thấy mỗi khi thuyên bổ quan lại đều thực hiện xong rồi mới đệ phiến tâu trình lên, như thế là rất không đúng. Vậy truyền mỗi khi tuyển bổ quan lại, bất kể thuộc quan văn hay quan võ, từ hàng ấn quan trở lên, trước tiên phải đem sự việc lược tấu trình lên, rồi sau mới được bàn bạc thi hành. Nếu vẫn theo lối cũ mà cứ thực hiện trước, thì sau đó dẫu có tấu báo lên vẫn coi là không được phép mà bị xử lí nghiêm khắc".

[4b] Mùa thu, tháng 7. Vì thiếu khuyết chức Thủ hộ sứ, Phủ Tôn nhân đưa các viên Phó sứ và Từ tế sứ để điền vào. Viện Cơ mật đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Các Tôn lãng là nơi long trọng, không thể coi là việc đơn giản nhàn nhã mà dùng người một cách cẩu thả được. Huống chi gần đây vẫn thấy các Quí quan thường lui tới tham quan ngưỡng mộ. Cần phải tuyển chọn ra một hai viên có tài có đức, bàn bạc tâu lên thi hành, không được tuyển chọn bừa bãi nhiều người làm gì cho phiền rối, trước mắt giao cho trông giữ Tôn lăng, mai này còn có thể thuyên bổ làm các việc chính yếu khác. Vì thế không được đại khái cẩu thả, dùng người phải chọn kẻ ưu tú mới được. Truyền cho Viện tuyển chọn thực hiện, không cần tâu trình phiền phức nữa".

[5a] Tháng 8, vua vào triều phán bảo Thị thần rằng:

"Các võ quan hiện nay khi không có việc về võ nghệ thì cũng phải biết về những công việc khác như bắc cầu, làm đường để lúc cần đem ra vận dụng, chứ đừng có đi ăn trộm đồng như tên Bùi Hữu Phú kia. Vả lại trong triều, võ quan cũng đều tham dự nghị bàn triều chính cùng với các quan văn. Ở các tỉnh bên ngoài, Lãnh binh cũng phải hiệp đồng bàn bạc công việc với các quan tỉnh. Thế mà từng có viên quan to thuộc võ ban ngoài việc binh ra chẳng có chút hiểu biết nào về những mặt khác. Từ nay trở đi mỗi khi chọn bổ võ quan từ Lãnh binh trở lên đều phải xem xét thật cẩn thận mới được".

Tháng 9, chọn Tuần phủ tỉnh Hà Tĩnh Hoàng Quảng Phu hội đồng cùng với viên Công sứ san định luật mới, vì cần người làm việc tuần phòng bắt giặc nên [5b] trình xin nghị xét. Viện Cơ mật đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

"Triều đình dùng người là tùy theo tài năng chứ không phải vì tư ý. Huống chi hội đồng bàn định luật là việc rất quan trọng, đã bàn bạc nhất trí với Quí Công sứ rồi lẽ đâu lại còn tính ra tính vào. Tỉnh ấy cũng đã có quan Bố, quan Án, đầy đủ quyền hành lo toan công việc. Viên quan ấy làm được công việc tuần phủ,

chả nhẽ riêng các quan Bố, Án lại không thể làm được ư? Giả sử viên quan ấy được thăng điều đi nhậm chức nơi khác thì sẽ không có ai có thể thay thế được hay sao? Truyền cho Viện xem xét bàn bạc lại".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa xuân, tháng Giêng, để bạt Phò mã Đô úy Nguyễn Hữu Tí làm Quang lộc tự khanh, sung Quản chưởng Thị vệ. [6a] Dụ rằng:

"Bên Thị vệ hiện đang thiếu người kiêm quản văn viên. Nay căn cứ vào bản phiến thỉnh của Thái tử Thiếu bảo, Hiệp tá Đại học sĩ, sung Cơ mật viện Đại thần, kiêm quản Văn thần, Phò mã, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Khanh trình bày rằng, xét thấy Phò mã Đô úy Nguyễn Hữu Tí là con cháu của bề tôi có công lao, vốn có học thức, phẩm chất đứng đắn, tính tình cẩn thận, xứng đáng để bạt sử dụng, chọn bổ vào chính chức Văn ban, vậy xin đổi sang hàm ấn quan Tòng tam phẩm và sung bổ vào vị trí hiện đang khuyết đó. Về viên này trẫm vốn đã biết rõ. Mặc dù vẫn có lệ qui định đối với Phò mã khi Công chúa còn sống thì không được bổ dụng, nhưng bây giờ là thời buổi văn minh, phàm là người hiền xứng đáng thì phải sử dụng. Vậy chuẩn đặc cách đổi hàm, bạt dụng Nguyễn Hữu Tí làm Quang lộc tự khanh, sung Quản chưởng Thị vệ để điền vào chức vị hiện để trống. Đây là xét theo năng lực mà bạt dụng, chiếu nhu cầu công việc để chọn người. Khanh hãy cố gắng làm tròn chức sự [6b] cho xứng đáng với ân mệnh".

Quan Viện Cơ mật tâu xin đưa Lãnh Chánh quản tỉnh Quảng Trị Hoàng Văn Khang quyền sung làm Phó Lãnh binh tỉnh Quảng Trị, và Lãnh Chánh quản phủ Thừa Thiên Lê Văn Mẫn điền vào chức Lãnh binh phủ Thừa Thiên. Vua phê rằng:

"Triều đình đặt phẩm tước vốn vô tư, cho nên người có thâm niên chăm chỉ mẫn cán thì đều được chiếu lệ mà thăng lên, đó là

chính sách sáng suốt, suy tính sâu xa để tài năng được trọng dụng mà không bị trì trệ vậy. Còn để bạt vượt cấp thì chỉ hạn hẹp trong một số trường hợp mà tài đức vượt trội hơn hẳn mọi người mới được dự vào. Nếu tài năng bình thường thì phải theo phép. Theo như trình bày thì lượng xét thăng cho các viên quan võ đó cũng là hợp lí. Chỉ có điều Hoàng Văn Khang là Chánh ngũ phẩm lãnh Quản cơ, Lê Văn Mẫn thì vừa mới thăng Tòng tứ phẩm, mỗi người đều được dự ấn hàm vượt cấp, mà hiện cũng còn nhiều người Chánh tứ phẩm sắp mãn hạn, nên hai người đó không tránh khỏi có điều nói ra nói vào sau này. [7a] Nhưng thôi cứ tùy nghi cử dụng, tạm thời cứ thử chấp thuận như thế, truyền cho thi hành rồi tâu lại".

Tháng 5, Phủ Tôn nhân tâu xin định đặt ra lệ về việc tuyển bổ các viên Chánh, Phó sứ ở Tôn lăng. Vua phê rằng:

"Phủ Tôn nhân có chức năng quản lí Hoàng tộc, chuyên môn xem xét nắm biết người thuộc Tôn thất tốt xấu ra sao. Quan có chức trách trông coi các Tôn miếu, Tôn lăng đều là người trong Tôn thất thuộc Hoàng tộc, tất phải để cho Phủ Tôn nhân tuyển bổ. Gần đây việc này làm chưa được tốt. Nay xét lời tâu xin thấy rất có lí. Chuẩn cho Phủ Tôn nhân từ nay trở đi khi xét chọn người, nếu là ấn hàm [7b] thì kê phiến đợi giản mệnh thỏa đáng tuân hành; còn nếu là thuộc hàm thì cũng chuẩn cho Phủ xét chọn rồi tư trình Bộ Lại xem xét cho hợp thể lệ. Nhưng nhất thiết phải xét chọn công tâm thận trọng, dùng những người thuần tính, cẩn thận, có học thức. Nếu mang chút tư ý nào mà chọn người không xứng đáng thì tội thất sát[1] khi cử dụng người khó mà chối cãi".

---

[1] *Thất sát*: tội danh trong Hình luật, chỉ hành vi làm việc thiếu điều tra xem xét thận trọng gây ra hậu quả.

Quí Toàn quyền Đại thần tư trình xin cho Thị giảng Đỗ Hùng được giữ nguyên hàm lãnh chức Tri huyện biệt phái đi làm công việc sổ sách; và Tam hạng Tri huyện Phan Kế Toại đổi bổ vào Trung Kì. Bộ Lại chuyển tấu lên, vua phê rằng:

"Đối với quan viên ở Bắc Kì, chỉ có từ ấn hàm trở lên mới phải cần có dụ chỉ. Nay xét lời của Phủ Toàn quyền xin cho Thị giảng Đỗ Hùng giữ nguyên hàm lãnh chức Tri huyện biệt phái, trẫm cũng đồng ý, [8a] nhưng việc quan thuộc hàm Ngũ phẩm đi lãnh chức Lục phẩm, xưa nay Quí Thống sứ vẫn cho phép làm, hà tất phải xin Chỉ dụ làm gì. Còn như Phan Kế Toại hiện thuộc quan tịch Bắc Kì, nay lại xin bổ chức Tri huyện ở Trung Kì, bảo là vì có tài năng đắc dụng nên gửi vào Trung Kì, trẫm cũng không gây trở ngại gì, chỉ có điều sau này, giả sử như Trung Kì cũng có viên quan như Phan Kế Toại, trẫm cũng muốn làm theo lệ của trường hợp Phan Kế Toại mà gửi bổ ra Bắc Kì thì có được hay không? Truyền cho Bộ Lại sao lục lời phê này nhờ Quí Khâm sứ chuyển tới cho Quí Thống sứ Bắc Kì được biết phúc đáp rồi có chuẩn riêng".

Sau đó Thống sứ phúc đáp xin tuân theo các điều trong lời phê trước. Vua phê rằng:

"Địa hạt Bắc Kì đều thuộc khu vực bảo hộ, quan lại ở đó cũng giống như ở Trung Kì [8b] đều phải thống nhất do triều đình ban sắc trao chức. Bản ý của trẫm vốn không có sự phân biệt kì thị, nhưng chỉ e Thống sứ Bắc Kì có chút kì thị chăng, nên mới hỏi lại như thế để xem ý ra sao, chứ không có trở ngại điều gì cả. Chuẩn thi hành theo lời thỉnh cầu".

Tháng 7 nhuận, Viện Cơ mật tâu xin cho Hồ Thế Trị được phục hồi hàm Tam đẳng Thị vệ. Vua phê rằng:

"Theo như trình bày thì bên Quí tòa hồi trước đã hội đồng cùng

Cơ mật điều tra vụ Hồ Thế Trị, thấy y là con người bất hảo, xu nịnh làm điều xấu xa, thực đáng bỏ. Gần đây trẫm cũng thường thấy có nhiều kẻ mắc tội nhẹ hơn Thế Trị mà đã đáng bỏ đi thì cũng không đếm xỉa đến nữa. Huống chi Thế Trị là kẻ tiểu nhân độc ác ương bướng, trong đời từng phạm nhiều tội ác, chính vì thói nịnh bợ mà đến cuối những năm Thành Thái mới dẫn tới tội trạng như thế, đủ thấy xu nịnh chẳng phải là lỗi nhỏ. Kẻ bề tôi mà xu nịnh tất khiến cho vua bại đức. Mạnh Tử từng đã có câu "Xu nịnh vua là tội ác lớn". [9a] Như thế triều đình còn chưa bắt chém cũng đã là ân huệ lớn cho y rồi, huống chi lại còn để cho làm quan. Việc này bên Cơ mật có cho hay không thì tùy, chứ riêng trẫm thì không chuẩn y".

Tháng 8, Quyền Khâm sứ Tiết Sô bàn xin rằng, từ nay trở đi nghị thưởng ấn hàm, hoặc là cho người có công tòng sự Bảo hộ, hoặc là cho người không phải diện tòng sự quốc gia mà dùng hàm của quan Nam triều thì bất kể loại hàm nào thì đều phải gửi tấu lên trước rồi sau mới thi hành. Viện Cơ mật đem chuyện đó tâu lên. Vua phê rằng:

"Từ lâu trẫm vẫn luôn tỏ rõ lòng thành thực tin cậy, coi củng cố hòa hảo là quí, nước bạn hẳn cũng đã biết rõ. Vả mối thịnh tình của Quí Khâm sứ Đại thần Tiết Sô thể hiện một niềm kính yêu trong nghĩa cử tôn trọng quân quyền này, khiến trẫm thực lòng kính phục, quí trọng và bội phần biết ơn. Để biết người, đến như Nghiêu Thuấn cũng còn thấy khó, [9b] huống hồ trẫm vốn là kẻ xuất thân bình thường làm sao thấu đáo chu toàn được hết cả. Làm chính sự quí ở chỗ có được người. Khi tuyển chọn lấy người hoặc để trao cho phẩm trật cần phải xem xét cẩn thận và công tâm, nếu là người quả có năng lực và thực sự chăm chỉ thì mới tiến dụng, để khỏi phụ lòng công minh của trẫm và Quí Bảo hộ. Truyền phúc đáp lại đồng thời trích sao thi hành".

Tháng 9, Sung Lí Các vụ Phạm Hoàn đã 61 tuổi đệ sớ xin nghỉ hưu. Vua phê rằng:

"Nội các là chốn văn chương thanh cao mà quan trọng, dùng để phụ giúp trẫm sửa chữa những câu chữ còn chưa được nhã trong văn hàn của nhà vua, vì không liên quan đến dân chính nên lo gì bị tai mắt nhòm ngó. Trẫm dùng quan trong Nội các để thêm tay thêm chân cho mình, nên đều phải là người có thực học và tính tình thuần phác chân thành thì mới lấy vào, chứ ai dám coi như tiện tì hầu hạ trong nhà. Huống chi ngay trong Nội các cũng khó có được người hiểu đúng được lòng của trẫm. Truyền Viện Cơ mật đem ý trong lời phê này bàn bạc để lưu giữ Phạm Hoàn ở lại, [10a] vẫn làm Lí Các vụ như cũ, đợi trẫm xem xét tìm được người đáng mặt rồi sẽ truyền chỉ riêng thi hành.

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Mùa xuân, tháng Giêng, vua xuống Dụ rằng:

"Người có đức cao thì cất làm quan, người có công cao thì ban thưởng hậu, chính sách đó của triều đình cốt nhằm khuyến khích động viên kẻ bề tôi. Nhưng dùng người cũng như dùng gỗ vậy, phải tùy từng chất liệu mà chọn dùng, người làm được việc có khả năng tiến thủ thì được thi nâng bậc.

Thái tử Thiếu bảo, Đông các Đại học sĩ, quản lãnh Hình bộ Thượng thư, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ, sung Cơ mật viện Đại thần, Phù Quang bá Tôn Thất Tố là bậc nguyên lão thuộc Hoàng tộc, tính tình thận trọng, tuy không có tài năng lỗi lạc đặc biệt nhưng từng trải thành thạo, chưa từng phạm lầm lỗi. Từ khi phụ giúp trẫm tới nay, [10b] trẫm thường dụ bảo cho những cách thức làm việc nên cũng luôn tuân theo thực hiện, phần nhiều đều hợp ý trẫm, nên công việc trôi chảy, kính cẩn thận trọng trong công việc Hình chính, thực đáng khen ngợi. Chuẩn thăng thụ Thái tử Thiếu phó, Vũ Hiển điện Đại học sĩ.

Lãnh Hiệp tá Đại học sĩ, gia Thái tử Thiếu bảo, lãnh Lại bộ Thượng thư, kiêm chưởng Hộ bộ sự vụ, sung Cơ mật viện Đại thần, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài là người có tài cơ mưu trí lược, cần mẫn gánh vác công việc lớn, phong cách nghiêm khắc, tính chưa được thuần. Từ khi gặp trẫm đến nay, trẫm vẫn mến tài mà vun bồi cho nhuệ chí, nhờ vậy mà biết rèn luyện hành vi cho hợp ý trẫm, dốc một lòng trung quân ái quốc thực hiện các công việc củng cố bang giao với nước bạn và chỉnh đốn cơ vụ. Chuẩn thăng thụ Thái tử Thiếu bảo, Đông các Đại học sĩ, vẫn lãnh chức vụ cũ, để hai khanh cùng được đội hưởng ân huệ của trẫm mà phấn đấu tu rèn tài đức, hiệp đồng với hai vị Đại thần Khánh Mĩ tử và Ninh Lãng nam cùng nhau phụ tá cho trẫm, đưa đất nước ta ngày càng tiến tới văn minh, đưa nhân dân ta ngày càng trở nên giàu có, để nước ta cùng với Quí Bảo hộ chung hưởng hạnh phúc thái bình lâu dài. Đó cũng là điều trẫm tha thiết hi vọng vậy.

Phụ thần đã chỉnh đốn, Nội thần cũng phải ổn định. Theo lệ ngày trước trong Đại nội đặt ra đến bốn viên Đại thần. Gần đây vì vua còn trẻ tuổi, chính sự ủy thác cho Phụ thần, việc bên trong bớt đi, số Đại thần cũng cắt giảm. Từ khi trẫm lên nối ngôi đích thân phải trông coi mọi mặt chính sự. Công việc cai quản Thị vệ rất bận rộn, các đơn vị quân đội phải đặt Đại thần để long trọng sự thể. Hiện nay Thân binh vệ Đô thống, Quản chưởng Thị vệ, Thái giám Lê Văn Bách phụng sự trẫm trải đã bốn năm nay, làm việc cần mẫn, một lòng nhiệt tình trung quân ái quốc, giữ cho mọi việc trong cung đều được trôi chảy ổn thỏa. Huống chi hồi trước đã từng tham gia ra trận có nhiều công lao vất vả. Tuy thuộc võ thần nhưng cũng có chút học thức. Nay nhân dịp tết Nguyên đán, [11b] gia ân chuẩn thăng Thự Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự, Quản

lãnh Thị vệ Đại thần, vẫn kiêm quản Thái giám Thân binh vệ, truyền đổi cấp cho một tấm thẻ bài bằng ngà, một mặt khắc chữ *Thự Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự*, một mặt khắc chữ *Quản lãnh Thị vệ Đại thần*. Trẫm đã bàn bạc với Quí Khâm sứ Đại thần, hai bên đã nhất trí đồng ý, vậy truyền cho đồng thời thi hành".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 9, chuẩn điều Hiệp tá Đại học sĩ, sung Bắc Kì Thượng thẩm viện Thân Trọng Huề về lãnh chức Học bộ Thượng thư, kiêm Binh bộ; Hiệp tá Đại học sĩ Hồ Đắc Trung đổi lãnh chức Lễ bộ Thượng thư, kiêm Công bộ. [12a] Dụ rằng:

"Công việc trọng đại của quốc gia đầy rẫy khó khăn nên cần phải dùng người khuông phù gánh vác. Hiền tài trong thiên hạ cũng không thiếu, cốt ở chỗ trẫm biết đến mà thôi.

Xét thấy Hiệp tá Đại học sĩ, sung Bắc Kì Thượng thẩm viện Thân Trọng Huề, gia đình nối đời làm quan danh tiếng, xuất thân con nhà lệnh tộc. Từ năm Đồng Khánh chuẩn mệnh sang Tây học tiếng Pháp, phấn đấu thành tài để trở về ứng dụng. Sau đó làm việc ở Trung Kì, trải các cấp bậc triều khanh chưa hề sai phạm điều gì. Giữa chừng bất đồ gặp phải lỗi lầm, ôm ấp tài năng ra Bắc Kì tòng sự. Gần đây danh tiếng lại lẫy lừng, được mọi người quí trọng. Trẫm vốn cũng biết từ lâu, vả lại viên ấy nguyên thuộc quan tịch Trung Kì, mà miền Bắc hay miền Trung vẫn thống thuộc triều đình, nên cần điều về Kinh chuẩn sung làm Đại thần thì mới thỏa đáng. Hiện tại ở hai bộ là Bộ Binh và Bộ Công đều chưa có người làm trưởng. Mới rồi Khánh Mĩ tử họ Hồ [12b] lại vừa đệ phiến xin nghỉ công việc ở Bộ Học. Quốc gia đang trong lúc bề bộn công việc, mà việc học lại quan hệ tới thời đại hòa hợp Á Âu, lẽ nào lại buông lơi. Khổ nỗi khó kiếm được nhân tài, đành phải tạm tùy thời mà quyền biến, đợi khi tìm ra người rồi sẽ sung vào Bộ Binh và Bộ Công. Vậy

truyền cho Hiệp tá Đại học sĩ, Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung đổi lãnh chức Lễ bộ Thượng thư, kiêm Công bộ sự vụ, vẫn sung làm Cơ mật viện Đại thần, Quốc sử quán Tổng tài; Hiệp tá Đại học sĩ Thân Trọng Huề truyền điều về lãnh chức Học bộ Thượng thư, kiêm Binh bộ sự vụ, sung Cơ mật viện Đại thần, Đô sát viện Đô ngự sử. Hai khanh hãy cố gắng chăm chỉ làm chức vụ sao cho công việc được trôi chảy tốt đẹp, để khỏi phụ ân tri ngộ, lòng mong muốn tác thành ngọc quí của trẫm và Quí Bảo hộ. Việc này trẫm đã bàn bạc với Quí Toàn quyền, Khâm sứ, hai bên đã nhất trí đồng ý, vậy truyền cho thi hành".

[13a] Tháng 12, bên Quí tòa gửi thư tới nói rằng, Hồng lô tự khanh Nguyễn Bá Trác hiện đang tòng sự ở Phủ Toàn quyền xin được chuyển do Nam triều bổ dụng, đã qua Quí Toàn quyền xem xét xin cho. Viện Cơ mật tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Trẫm thấy tài học của Nguyễn Bá Trác rất thích hợp với buổi giao thời giữa cựu học và tân học, phải nói là người thông hiểu cả hai thứ. Trẫm từng xem văn trên báo *Nam Phong*, mục *Trung cổ nghiệm kim* viết rất bình dị lưu loát, dẫu người ít học chữ Nho cũng dễ dàng hiểu được. Hành văn khiến người đọc dễ hiểu mà vẫn không thô thiển sai lạc ý thì mới gọi là văn hay. Như Nguyễn Bá Trác cũng đã gần đạt đến mức ấy. Tính trẫm vốn chăm nghiệm cổ khảo kim, chính đang muốn có được một người thông hiểu như Nguyễn Bá Trác ở bên để làm cố vấn cho. Nay các vị Đại thần Quí Toàn quyền và Khâm sứ lại có thư tới muốn ủy giao ông ta cho Nam triều sử dụng, như thế thực cũng có lợi cho trẫm. [13b] Vậy truyền chuẩn cho tạm phái trở về Kinh, chiếu theo hàm phát bổng, đợi có chân nào khuyết sẽ nghị bổ".

Bộ Lại tập hợp biên soạn lí lịch của các quan văn trình tiến lãm. Vua nhân đó phê rằng:

"Trẫm xem lí lịch của các quan lại bề tôi, hành trạng của người nào cũng thấy đều là tốt cả. Lẽ nào trong nước tất thảy đều là hiền tài cả hay sao? Trẫm thấy bên Công sứ ở các tỉnh kê biên lí lịch quan viên thì từng người đều có khác nhau. Rõ là quan viên nhà mình có ý khai trình sai lí lịch, như thế trẫm làm sao có thể xét xem quả có tài cán thực hay không để mà bổ dụng. Truyền từ nay về sau, người đứng đầu các Bộ, Nha ở Kinh cũng như các tỉnh, phủ bên ngoài phải xem xét kĩ các quan viên văn võ của mình, nếu ai phạm lỗi thì phải ngầm ghi lại ở dưới tên người đó rồi mật trình lên Bộ Lại hoặc Bộ Binh ghi thành hồ sơ, rồi mới tập hợp kê khai dâng trình ngự lãm. Ti nào trong năm [14a] ghi được nhiều lỗi thì sẽ được xét thưởng. Truyền sao lục rộng rãi để thi hành".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa xuân, tháng Giêng, Dụ chuẩn cho Bình Phú Tổng đốc Vũ Liêm thự Hiệp tá Đại học sĩ; An Tĩnh Tổng đốc Trần Đình Bách gia hàm Hiệp tá Đại học sĩ, vẫn lãnh chức cũ.

Chuẩn cho Hiệp tá Đại học sĩ Thân Trọng Huề đổi lãnh Binh bộ Thượng thư kiêm Học bộ. Dụ rằng:

"Nhà nước đặt ra sáu Bộ, mỗi bộ lại có một người đứng đầu để chuyên cai quản thống nhất xử lí các công việc. Gần đây do thiếu người nên có chức đôi khi để khuyết. Hồi nọ theo trào lưu mới trong học giới, nếu không xác định ra chương trình thì việc học tập không thể làm được hoàn hảo, [14b] vì thế mới bắt chước bên châu Âu đặt ra Bộ Học. Nay việc lấy hay bỏ trong chương trình học đã định xong, Bộ Học vẫn do Quí Bảo hộ nắm giữ, nhưng còn vấn đề bảo tồn quốc túy cần phải cắt giảm cái mới, bổ sung cái cũ để tập hợp được kiến thức toàn diện, việc này nếu không có người đứng đầu nắm giữ làm sao được. Đối với Bộ Binh chức nắm giữ võ ban cũng không phải là chuyện

nhỏ. Hiện tại mọi việc cấm phòng, đóng giữ, sắm sửa quân bị tuy bảo là gửi gắm nhờ vả cả vào Thượng quốc, nhưng còn những công việc quân sự của võ ban ở hai miền Bắc Kì và Trung Kì, lẽ nào chức trưởng đứng đầu chuyên trách lại cứ để trống khuyết mãi. Vậy truyền cho Hiệp tá Đại học sĩ Thân Trọng Huề đổi lãnh Binh bộ Thượng thư, kiêm Học bộ sự vụ, vẫn sung Viện Đại thần, chuyên Đô sát viện Đô ngự sử cho hợp chức sự. Việc này đã thảo luận nhất trí, truyền đem thi hành đồng thời sao lục cho mọi người cùng rõ".

[15a] Chuẩn đổi chức Quản lãnh Thị vệ thành Thống quản Thị vệ và đặt ra chức Ngự tiền Văn, Võ Hộ giá. Dụ rằng:

"Đối với Thị vệ, hồi trước đã nghị định đặt ra bốn viên Đại thần kiêm chưởng, rồi phải tạm thời giải tán. Từ đó vì việc ít nên cắt bỏ. Nay Nội thần hầu hạ hộ vệ cho trẫm trách nhiệm nặng nề, công việc bận rộn, để thích hợp cần theo lại phép cũ chọn bổ sung thêm người. Nhưng tìm được người xứng đáng với chức sự cũng rất khó, không thể một lúc tuyển bổ đầy đủ được ngay, mà phải tạm thời xem xét năng lực có thích hợp hay không rồi mới cho làm. Vậy chuẩn cho Thự Tiền quân Đô thống phủ Đô thống chưởng phủ sự, Quản lãnh Thị vệ Đại thần, kiêm quản Thái giám Thân binh vệ Lê Văn Bách được thực thụ Tiền quân Đô thống phủ Đô thống chưởng phủ sự, vẫn sung lãnh như cũ, nhưng mấy chữ chức danh *Quản lãnh Thị vệ Đại thần* truyền đổi lại thành *Thống quản Thị vệ Đại thần*, cho đổi thẻ ngà để đeo, một mặt [15b] khắc chữ *Tiền quân Đô thống phủ Đô thống Chưởng phủ sự*, một mặt khắc chữ *Thống quản Thị vệ Đại thần*. Nhất đẳng Thị vệ Bửu Trác, hồi nọ được đổi bổ là Nhất đẳng Thị vệ sung làm quan hầu cũng vất vả cần cù, trẫm rất hài lòng. Nên chuẩn thăng thụ là Chưởng vệ, sung Quản lãnh Thị vệ, đồng thời chuẩn cho là Thường sung Ngự tiền Hộ giá và kiêm

đốc thúc kiểm tra trông coi các hạng kị binh, các hạng xa giá, các sở thuyền ngự, tàu ngựa, xe điện trong nội cung. Quản lí Thị vệ Nguyễn Hữu Tí cũng chuẩn cho là Thường sung Ngự tiền Hộ giá, kiêm quản Cẩn tín ti, đồng thời làm đốc công binh lính thợ thuyền trong nội cung. Truyền chuẩn cấp cho mỗi người một thẻ bài để đeo (một chiếc khắc hai mặt chữ đề *Quản lãnh Thị vệ* và *Ngự tiền Vũ Hộ giá*, một chiếc khắc hai mặt chữ đề *Quản lí Thị vệ* và *Ngự tiền Văn Hộ giá*). Hai khanh hãy hợp sức cùng với Thống quản Thị vệ Đại thần làm tròn chức vụ. Việc này đã thảo luận nhất trí, [16a] truyền tuân theo thi hành".

Tháng 3, Vua ra thị triều phán bảo với các Thị thần rằng:

"Chính sự cốt ở chỗ có được người làm việc. Chính trị ngày nay đang thời cải lương đã khó khăn, tìm cho ra người càng rất khó khăn. Đại để con người ta làm việc đa phần đều là xuất phát từ sự không thể đừng làm, hoặc là bị quyền thế nào đó ép buộc phải làm. Ví tựa như người ở chăm chỉ làm việc chính vì sợ chủ nhà. Họa hoằn lắm mới có kẻ vô cùng cần mẫn chăm chỉ, thấy có việc đáng làm thì làm mà không cần đợi sai khiến, nhưng những kẻ như thế trong một trăm người cũng chỉ được một hai mà thôi".

Tháng 9, vua nói với Thị thần rằng:

"Sử dụng người phải là người bẩm tính đã làm được việc, chứ còn những kẻ không chịu làm việc thì lẽ nào cứ giữ lại làm gì. [16b] Hiện tại điều quan trọng nhất đối với quan ở phủ, huyện là phải có trách nhiệm thân thiết gần gũi với dân, thế nhưng bây giờ trong quan lại có nhiều kẻ chỉ muốn thu lợi từ sự ngu dốt của dân chúng, nên không chịu khai hóa cho họ. Những thói tệ của quan lại như thế cần phải trừ bỏ ngay".

HUẤN SẮC

[17a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa thu, tháng 7, vua dụ rằng:

"Chính trị thanh bình, dân chúng yên vui, đa phần cậy bởi người hiền chăn dắt; điềm lành xuất hiện, hạnh phúc tìm về, đó chính là nhờ giữ được đức tuần lương[1]. Ngày xưa Lỗ Cung nức tiếng khen là tam dị[2], Thúc Độ được dân đặt vè ngũ khố[3];

---

[1] *Tuần lương*: chỉ đức tính của người làm quan biết giữ phép công vì lợi ích chung của dân chúng.

[2] *Tam dị*: nghĩa là ba điều lạ. Lỗ Cung tự Trọng Khang, thời Hậu Hán làm quan huyện Trung Mâu, nổi tiếng là vị quan giỏi cai trị, chú trọng lấy đức giáo hóa, không cần dùng đến hình phạt mà vẫn giữ được toàn hạt yên ổn thịnh vượng. Quan Phủ doãn Viên An không tin là thực, bèn ngầm sai Phì Thân đi dò xét. Phì Thân tới nơi, cùng Lỗ Cung đi dạo thăm đồng, thấy khắp nơi lúa má tốt tươi. Lúc cùng nghỉ chân dưới gốc dâu, chợt có con gà đồng từ đâu bay tới đậu bên cạnh đám trẻ con đang nô đùa. Phì Thân bước tới hỏi bọn trẻ: "Sao không bắt gà ăn thịt?". Chúng đáp: "Con gà này sắp sinh nở nên không bắt". Phì Thân vô cùng kinh ngạc, vội quay lại vái Lỗ Cung mà rằng: "Tôi đến để xem tình hình huyện hạt do ngài cai trị, thấy có ba điều lạ. Hiện nay lúa má khắp trong vùng đều bị sâu bọ phá hoại, thế mà riêng đồng ruộng trong huyện của ngài không bị xâm phạm, đó là một điều lạ; Ngài giáo hóa dân chúng thế nào mà khiến họ thương xót đến cả loài cầm thú, đó là hai điều lạ; Người ở đây đến trẻ con cũng đã có lòng nhân ái như thế, đó là ba điều lạ. Tiếng đồn về đức hóa của ngài quả không sai".

[3] *Ngũ khố*: nghĩa là năm chiếc quần. Liêm Phạm tên tự là Thúc Độ, người thời Hậu Hán, nổi tiếng là người trọng tình nghĩa. Quan trên dẫn dắt ông là Thái thú Đặng Dung mắc tội bị hạ ngục mà sinh bệnh. Bấy giờ ông làm cai ngục Lạc Dương, sớm tối hết lòng hầu hạ tận cho đến lúc Đặng Dung qua đời. Thầy dạy học của ông là Tiết Hán cũng bị mắc vạ chém đầu, các học trò đều lảng tránh, một mình ông dám tới thu nhặt thi thể thầy đem đi an táng. Sau tới làm quan Thái thú Thục quận, thi hành nhiều chính sách tốt. Hồi ấy vì địa

Phan An[1] trồng hoa tươi khắp huyện; Lai Công[2] sống lại trúc Lôi Dương. Đó đều là những tấm gương sáng về quan có đức tuần lương. Tuần lương là gì? Đó chính là đức tính cần mẫn chăm chỉ. Với đức tính ấy, lại được thêm như vua Chu ngồi đợi trời sáng[3], Đào Khản xót từng phân giờ[4], thế thì mọi việc thảy

---

phương thường xuyên bị hỏa hoạn nên từ lâu bị cấm lửa vào ban đêm. Liêm Phạm thấy dân sinh hoạt khó khăn bèn bãi lệnh cấm lửa, chỉ bắt nhà nhà tích chứa nước để phòng khi dùng dập lửa. Dân chúng làm bài vè ca ngợi ông rằng: *Liêm Phạm Thúc Độ, Sao đến muộn thế. Bãi lệnh cấm lửa, Dân sống thỏa thuê. Xưa thân trần trụi, Nay có năm quần.*

(1) *Phan An*: quan Huyện lệnh huyện Hà Dương, tính thích cỏ cây. Tại nơi lị chức ông cho trồng rất nhiều hoa ở vườn tược, đường phố và các mảnh đất thừa khiến cả huyện trở thành vườn hoa lớn tươi tốt. Lý Bạch có câu thơ: "Hà Dương trồng hoa làm huyện". Thơ Lý Thương Ẩn cũng viết: "Ngắm thấy Hà Dương nhiều hoa thế, Sao không tìm đến hỏi Phan An".

(2) *Lai công*: tức Khấu Chuẩn người đời Tống, tự Bình Trọng, tước Lai Quốc công, tính tình cương trực, làm quan suốt bốn chục năm, giữ đức công chính thanh liêm, được tôn là một trong tam hiền ở Hạ Quì. Ông mất tại Lôi Châu, được đưa về táng ở Kinh Nam. Dân chúng tưởng nhớ đức độ và chính tích của ông, lấy trúc làm thẻ cắm xuống đất khắp nơi để cúng tế ông, về sau trúc nảy mầm mọc thành cây, gọi là trúc Lai công.

(3) *Ngồi đợi trời sáng*: Thành ngữ cổ, chỉ đức tính cần cù chăm chỉ. Sách *Thượng thư, Thái Giáp thượng* chép lời Y Doãn nói, Tiên vương suy nghĩ đường lối làm sáng rạng cho đời, tìm thấy rồi, ngồi ngóng đợi cho trời mau sáng để đem ra thi hành.

(4) *Đào Khản* (256-332): sinh ở Đông Ngô, ra làm quan to triều vua Tây Tấn, sau lại đem quân phò Tư Mã Ý lập ra nhà Đông Tấn, trải làm Bát châu Đô đốc, trở thành cột trụ của triều đình. Ông có câu danh ngôn rằng: "Vua Vũ là bậc Thánh nhân còn tiếc từng tấc thời gian. Huống chi lũ người thường chúng ta phải biết xót từng phân thời gian. Lẽ nào cứ thả sức chơi bời, say sưa hoang phí, sống chẳng có ích gì cho đời, chết đi đời sau cũng chẳng ai hay biết, như thế là tự vứt bỏ cuộc đời của mình vậy". Ngày xưa đo thời gian bằng bóng nắng mặt trời chiếu xuống cái thước, nên đơn vị tính bằng phân, tấc.

đều suôn sẻ, cơ hội nào để tuột qua. Thực hiệu nghiệm biết bao. Triều ta quan lại chăn dắt dân không phải là thiếu. [17b] Nhưng từ sau ngày Hoàng khảo ta cưỡi rồng về trời, chính sự trở nên bê trễ, hiếm thấy có ai là người chăm chỉ, liêm khiết. Thể hiện ra ở công việc, như trong tố tụng thì mánh lới lẫn lộn trắng đen, hoặc gạ gẫm hối lộ của cả hai nhà bên nguyên bên bị; Hay ở chỗ tuyển người thì phải có tiền lớn lót tay, đưa người thành danh bằng hậu tạ. Những chuyện đó mới đầu còn ngấm ngầm giấu giếm để che đậy tai mắt thế nhân, lâu dần trở thành công khai ngang nhiên bòn rút máu mỡ dân chúng. Những thói tệ ấy không thể một lúc kể hết ra được. May nhờ có Quí Bảo hộ chủ trương thời thượng, nếu không thì giềng mối kỉ cương hình thành trong suốt hơn ba trăm năm qua đã bị bọn tham ô phá cho đổ sụp. Nghĩ thực vô cùng cảm khái trong lòng.

Trẫm là kẻ tài năng bình thường, được đấng linh thiêng ngầm thương đến, lại có nước bạn hòa hảo tin tưởng giúp đưa lên ngôi báu. Sau lại nhờ cậy rất nhiều ở các Đại thần Viện Cơ mật gần cận phụ giúp cho trẫm. Tác thành điều tốt đẹp tất phải đợi lâu ngày, [18a] chỉ nghĩ một niềm phụng sự tôn xã, lo lắng thương xót dân lành, thiết tha mong mỏi cho họ được an cư lạc nghiệp, dần dần trở nên giàu có, như thế nếu không có được đông đảo những quan lại tốt thực sự liêm khiết cần mẫn tụ tập phò tá cho trẫm thì thực cũng khó mà làm được. Các khanh từ quan ở Kinh cùng tất thảy quan nội ngoại thuộc Đốc, Phủ, Bố, Án cho đến lại viên ở các Phủ, huyện, mỗi người đều nên suy nghĩ sâu sắc tới ước vọng của trẫm, để cốt sao quan lớn thì tận trung, quan nhỏ thì tận chức, trừ bỏ hết những tệ thói cũ, dấy lên cái chí ngày xưa, đêm ngày không quên tâm niệm trong lòng phải chăm chỉ cần mẫn, thận trọng. Càng phải để tâm hỏi han xem xét đến những điều lợi điều hại trong dân gian để quyết đoán biện pháp

chấn hưng hay trừ bỏ, đem bầu nhiệt huyết phụng hiến cho quốc gia, nêu cao tấm gương trong sáng, bên trong thì lập nên công tích cao cả đem lại lợi ích cho nước nhà, bên ngoài thì có thể tham dự vào trào lưu của thế giới, như thế thực vẻ vang, to lớn lắm thay. Còn nếu chỉ loanh quanh với lề thói cũ, u tối chẳng biết sửa đổi, chẳng biết giữ phép tắc làm việc công, [18b] khư khư vun vén tư lợi, một khi bị tra ra sự thực thì pháp luật rành rành đã bảo cho rồi đó, đáng sợ thay.

Truyền sao lục dụ này gửi khắp trong ngoài để mọi người đều được biết mà tuân hành".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, Vua ngự thị triều tại điện Văn Minh, dụ bảo Phủ Tôn nhân rằng:

"Các quan viên trong Hoàng tộc vẫn có người không hòa thuận với nhau, bọn họ cứ giữ ý riêng mà không nghĩ đến đồng tôn, thực không xứng với kì vọng của trẫm. Rồi các Tả, Hữu Tôn khanh cũng nên bảo cho người trong Hoàng tộc phải tránh không nên tùy tiện xì xào bàn tán riêng tư. Gần đây Duy Tân gây chuyện, sự tồn vong mong manh như sợi chỉ. Tình thế lúc này cũng chẳng biết sẽ ra sao. Há lại không xem chuyện nhà Tống, [19a] Khâm Tôn đi về phương bắc đã để lại tai họa cho con cháu hay sao? Lại cũng không nhìn sang tình hình hiện giờ ở nước Thanh, sự biến cách mạng xảy ra, cả nhà Tôn thất liệu có còn mảnh đất mà dung thân hay không? Tôn xã của ta còn giữ được yên ổn, là bởi may nhờ Liệt thánh đức trạch cao dày nên mới được như thế.

Trẫm tài sơ đức bạc, bất đắc dĩ ra đảm đương trách nhiệm nặng nề. Từ bấy đến nay chăm lo muôn việc chính sự, có lúc quên cả ăn ngủ, chỉ mong sao cho trên giữ yên xã tắc, dưới kéo dài triều đại, đó cũng là diễm phúc của Hoàng tộc vậy. Thế sao còn thậm thụt bàn ra tán vào làm gì? Vả lại trẫm vẫn luôn một lòng tôn

kính đạo trời, noi theo tổ tông, [19b] chăm nom chính sự, thương xót dân chúng, thân thiết họ hàng, hòa thuận tông tộc mà chưa hề có điều gì sai sót. Lại nghĩ rằng đạo hiếu của người quân tử chẳng phải ở chỗ cho hưởng thụ hiện giờ với thờ cúng mai sau, mà chính là ở chỗ mưu kế lo toan cho con cháu đời sau ra sao. Trẫm đang dự định cùng với Quí Toàn quyền trù tính một công chuyện có lợi ích rất lớn cho Hoàng gia, thế mà nghe đã có người xì xào bàn tán bậy bạ, thực không sao hiểu nổi. Rừng còn có mạch, vách cũng có tai, xì xào bàn tán lợi ích còn chửa thấy đâu mà tai vạ tức thì đến đó. Ngày nay muôn dân đang ngày càng tiến tới văn minh, riêng chỉ có người trong Hoàng tộc vẫn còn ru rú không chịu tiến hóa, thực chẳng đáng buồn lắm sao!.

Trẫm kính xem bài *Tổng luận* lịch sử các đời của Hiến Tổ thấy có câu rằng: "Tổ tiên khai sáng đã rất gian nan, giữ gìn thành quả lại càng không dễ". Thực có biết bao răn dạy ở đó để con cháu soi vào. Bưng sách kính đọc tiếp phần sau, chợt thấy run sợ trong lòng. Ngày nay lẽ nào lại lấy làm may mắn sung sướng khi được ở ngôi cao quí làm vua ?"

[20a] Tháng 8, Bộ Lễ tâu trình rằng, Phủ Tôn nhân chuyển hồ sơ của Công Tôn Ưng Ngoạn thuộc phòng Hòa Thịnh vương xin được ân phong là Trợ Quốc khanh và Công Tôn Ưng Mạnh thuộc phòng Bảo An Quận công xin được tập phong là Tá Quốc khanh. Việc này đã trình với Quí tòa xem xét trả lời là chưa có lệ định vì thế không nên chuẩn y cho. Vua phê rằng:

"Đối với công việc của bảy bộ hiện nay trẫm đã có huấn thị nói rõ cần phải thận trọng đề phòng những đơn đề nghị không hợp để giữ nghiêm thể thống. Từ nay trở đi mỗi khi có xem xét thì đều phải hợp theo chính kiến của chuyên ti tuân theo huấn thị. Nay Phủ Tôn nhân vốn là chuyên ti nắm giữ Tôn phả, những

tưởng đã xem xét xác minh cẩn thận rồi mới tâu lên. Trẫm vì mải bận công việc không rảnh rỗi, chuẩn lược viết phiếu thi hành, cũng là vì tin tưởng ở sự thận trọng của chuyên ti. Nay trường hợp của Ưng Ngoạn, Ưng Mạnh đã được [20b] Quí Khâm sứ thẩm tra thấy không hợp với định lệ mà bác bỏ từ chối, ý trẫm cũng thấy là đúng. Nhưng chuyên ti đã không thẩm tra rõ để tuân theo lệ thì cũng không thể chối lỗi được".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 11, Vua ngự triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trong các buổi hội triều, vua thì ngồi nghe chính sự, các Đại thần thì ngồi nghị bàn. Các quan về sau nếu có được phái ra bên ngoài thi hành công vụ, hoặc làm thủ trưởng các cơ quan thì cũng phải đem đức ý của triều đình truyền bá ra cho dân chúng biết. Nếu cứ ngồi cho ra dáng làm quan để thu lễ vật của dân chúng, còn đức ý của triều đình cũng như mọi điều lao tâm khổ tứ lo toan công việc của vua và các Đại thần thì phó mặc không thèm quan tâm đến thì dân còn hi vọng gì nữa. [21a] Đối với những điều mà Đại thần nêu ra, nếu cần phải xem xét bàn bạc ra sao thì phải trình tấu ngay trong buổi chầu để cho bá quan cùng biết, hà tất cứ phải đợi lúc bãi triều rồi mới xì xào nhỏ to mà nói vuốt đuôi làm gì".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Mùa hạ, tháng 4, vua phê bảo Nội các rằng:

"Triều đình cất đặt quan lại, trong đó có những trường hợp dùng một hàm nhưng khác chức, đó là để tỏ rõ có sự phân biệt các chức liên quan ở ngoại Kinh. Điều này đã có phép tắc rõ ràng, các ti thuyên bổ người không được sử dụng lẫn lộn mới giữ được hợp lí. Mới rồi, trong các tấu sách được hội đồng xét thăng thưởng, đối với những người đáng được thăng, trẫm đã bàn bạc xem xét với Quí Khâm sứ để cùng nhất trí sau đó phê

thị giao cho Nội các phụng ban Dụ thi hành. Khi đó trẫm phê rằng đều chuẩn cho thăng trật, [21b] còn đối với hàm nào hợp với chức nào thì tự quan Nội các phải tra cứu trong hàm danh rồi soạn lời Dụ dâng tiến lãm đợi chỉ thi hành. Thế mà lại không biết tra cứu cho rõ ràng để phân biệt các chức ngoại Kinh để đến nỗi lẫn lộn cả trong lời dụ. Ví như trường hợp Đặng Ngọc Oánh hàm Thượng thư cho lãnh chức Tuần phủ. Lần ấy trẫm vì bận mải muôn việc, vẫn cả tin vào quan Nội các không đến nỗi sơ suất để nhầm như thế, nên chỉ xem qua rồi chuẩn cho thi hành. Đúng sai thế nào vốn là lỗi sơ suất riêng của quan Nội các, nhưng trẫm cũng không chối được rằng sai. Quan Nội các là làm tai mắt cho trẫm, nên làm việc đều phải xem xét thận trọng để đỡ đần vất vả và trợ giúp những chỗ bất cập của trẫm, như thế mới xứng là một cơ quan trọng yếu, lẽ nào các khanh lại sơ suất đến nỗi bỏ qua cả lỗi còn nặng hơn cả sự nhầm lẫn của trẫm mà vẫn không biết. Trường hợp Đặng Ngọc Oánh hàm Thượng thư lãnh chức Tuần phủ, truyền đổi lại là hàm Tổng đốc lãnh Tuần phủ, giao Viện Cơ mật chuyển Bộ Lại viết lại cáo sắc giao cho đương sự nhận lấy, [22a] còn tờ cáo sắc thăng Thượng thư lãnh Tuần phủ thì cho thu hồi tiêu hủy để phù hợp với điều lệ về biệt quan ngoại Kinh. Đối với quan Nội các đã phạm lỗi sơ suất, nhưng vì việc đã qua nên tạm chuẩn miễn tha cho. Từ nay trở đi các khanh phải cố gắng cùng trẫm sửa chữa sai sót để mọi công việc đều được hoàn hảo".

Tháng 5, vua phán bảo Thị thần rằng:

"Danh chính ngôn thuận thì việc mới thành. Cổ nhân cũng có câu rằng, người khôn trong nghìn điều toan tính vẫn sẽ có một điều sai. Các khanh hãy đồng tâm hiệp lực với nhau, mỗi khi đi thảo luận thương lượng điều khoản gì thì phải họp nhau bàn luận cho thỏa đáng trước đã, rồi mới đem ra thảo luận thương

lượng ở hội nghị, như thế mới tránh khỏi lỡ việc công. Mọi chuyện trong thiên hạ đều như thế cả. Việc nào mà sai về lí thì phải hết sức bác bỏ, dẫu khó khăn quanh co trăm đường thế nào cũng không chịu chấp nhận trở lại. Như sự việc Phan Thanh Giản và Trần Đình Túc ngày trước, [22b] khi đó triều đình còn chưa từng giao thiệp với người Tây, thế mà hai người vâng mệnh đi thương lượng với Đại Pháp, kí kết hòa ước, từng điều từng khoản đều rất thỏa hợp. Tấm lòng trung thành đối với Tôn miếu, xã tắc của họ khiến cho nước lớn cũng phải nể trọng. Trẫm thấy thật vô cùng đáng khen. Các khanh thì ngay từ khi mới bước ra làm quan đã được giao tiếp làm việc cùng với các Quí quan, nên về tình tình, ý tứ của họ đều đã có phần hiểu biết rõ, vậy sao cứ co rúm cả lại không dám cất lời. Mọi việc đều nhờ quả quyết mà được thành công, mà cũng vì do dự mới hóa ra thất bại. Thế nên phàm gặp những việc liên quan đến an ninh, lợi ích chung thì đều phải quả đoán khi thương lượng, có thế việc mới thành mà dân mới được ơn nhờ".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. [23a] Tháng 9, vua phán bảo Thị thần rằng:

"Triều ta từ xưa đến nay danh nghĩa tuy gọi là chế độ quân chủ, nhưng thực chất lại giống như cộng hòa. Quân chủ nhưng không thể lấy sức của một người mà có thể làm được, mà phải dựa vào sự phụ tá các hiền thần, như câu nói vua tôi cùng chung sức, thì mới nên việc được. Vì thế Bắc sử mới bảo chúa sáng gặp tôi hiền thì mới mở mang được sự nghiệp. Kính cẩn đọc sách *Thực lục*, ở Kỉ thứ tư thì thấy Dực Tôn Anh Hoàng đế triều ta quả thực là một đấng Thánh chúa anh minh, nhưng hồi đó hiếm có được bề tôi trung thành phụ giúp, nên thế nước rốt cuộc chẳng ra làm sao. Bậc Thánh chúa còn như thế, huống chi đến trẫm chỉ là một kẻ đức mỏng tài hèn. Nhưng ngày xưa với hiện

tại vận số có khác nhau, mà sự trung thành giờ cũng thành ra hai thuyết. [23b] Sự trung thành ngày xưa là nói về lòng nhiệt thành trung quân ái quốc, do đó vì công mà quên tư, vì nước mà quên nhà, đến mức vì trung thành mà cúc cung tận tụy, không nề đến sự sống chết, chỉ biết có vua với có nước mà không biết đến có bản thân mình. Sự trung thành ngày nay quan niệm đã khác, có vua thì sau đó mới có quan chức. Muốn giữ gìn được quan chức thì phải có lòng trung thành với vua. Sự khác nhau giữa ngày xưa và hiện giờ đại khái là như vậy. Cứ thử ngó sang nhà Thanh mà xem vào buổi cuối triều vận mạt có được một người là Viên Thế Khải đứng ra bảo vệ cho triều nhà Mãn. Sự trung thành đó ngày xưa bảo là thời loạn mới biết trung thần. Trẫm thường vẫn bảo sở dĩ trẫm ôm mối lo buồn trong lòng, không phải bởi cái gì khác mà chính là vì điều đó mà thôi".

GIÁO HÓA

[24a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, vua ra ngự tại nhà Di Luân ở Quốc tử giám ngự lãm và cấp thưởng cho sinh viên.

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, vua ra thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Gần đây trong học tập ở các trường thấy có nơi in ra rất nhiều loại sách vở mới biên soạn, không rõ có bổ ích hay không. Biên soạn sách học là việc rất khó, chỉ e như vậy càng làm tăng thêm căn cứ cho những lời bàn tán. [24b] Nay nên trích trong các bộ sách do Nội các tàng trữ, như *Lịch đại tổng luận* của vua Hiến Tổ, *Việt sử tổng vịnh, Luận ngữ thích nghĩa ca, Tự học diễn nghĩa ca* của vua Dực Tôn, giao cho Sử quán ấn hành rồi phát

cho người trong Hoàng tộc và các Bộ, các trường lưu truyền rộng rãi để học tập, như thế mới vừa bổ ích mà mọi người cũng không ai dám dị nghị".

Tháng 3, bắt đầu khởi công xây dựng trường học cho nữ sinh. Vua ngự giá tới xem đặt tảng đá làm nền móng cho nhà trường.

Mùa thu, tháng 7, [25a] vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm xem ý của Quí quan Toàn quyền là muốn bãi bỏ trường Hậu bổ ở Kinh và trường Sĩ hoạn ở Bắc Kì để lập ra trường Cao đẳng, đồng thời thiết lập trường Hội thí tại Kinh, từ nay về sau hễ ai thi đỗ thì lập tức được bổ dụng. Lại còn định phế bỏ hết chữ Hán để chỉ chuyên học chữ Pháp mà thôi".

Đông các Đại học sĩ Tôn Thất Tố thưa rằng:

"Nước ta từ hàng trăm nghìn năm nay vẫn giảng dạy học tập bằng sách vở chữ Hán, dùng để chuyển tải đạo lý, làm tỏ luân thường. Chữ Hán đã trở thành kim chỉ nam cho người nước ta, vậy phải xin bàn bạc thương lượng cho duy trì giữ lại mà không thể bỗng dưng phế bỏ đi được".

Vua nói:

"Cũng đã thương lượng nhiều lần rồi, chỉ e ra rả nói mãi mà rồi họ vẫn bỏ ngoài tai. Quí Bảo hộ sở dĩ muốn bỏ chữ Hán là bởi có ba nguyên nhân. Thứ nhất là mặc dù người nước ta từ nhỏ đã đọc sách Thánh hiền, [25b] nhưng khi lớn lên lại làm ngược lại, về nghĩa lí trái ngược nhau; Thứ hai là ngày nay là thời đại giao thiệp, chữ Pháp là thứ chữ vừa tinh vừa thông dụng. Bỏ chữ Hán đi học trò sẽ chuyên tâm vào chữ Pháp, dễ dàng cho sự giao thiệp sau này; Thứ ba là người nước ta chỉ còn chuyên tâm học chữ Pháp, tư tưởng đã tập trung chuyên sâu thì trình độ ắt tiến bộ rất nhanh để tương lai phơi phới vỗ cánh bay tới đỉnh cao của sự văn minh. Việt Nam ta cũng như

cả cõi Đông Dương trở thành một nước Pháp con há chẳng tốt đẹp hay sao. Quí Bảo hộ cũng đã nghiệm thấy, gần đây những người đứng lên phản đối quốc gia lại đều là người trong tầng lớp khoa mục văn học cả. Ngẫm cho kĩ, chẳng hay tâm huyết của những người ấy sai hay là chính nghĩa lí trong sách vở đã khiến họ nhầm lẫn cũng nên. Ý định phế bỏ chữ Hán cũng là bởi duyên cớ đó nữa.

Tuy nhiên, xét về lí thì nước ta vốn sùng chuộng Hán học đã lâu, thư tịch cổ rất nhiều, [26a] trong khi sách cổ được dịch ra chữ Quốc ngữ và chữ Pháp hiện chẳng được bao Năm, nên chữ Hán không thể mau chóng phế bỏ đi được. Cũng ví như việc làm nhà, nhà mới còn chưa dựng xong mà đã vội vàng dỡ bỏ nhà cũ thì sẽ ở vào đâu. Lại nhìn ra bên ngoài như ở nước Ấn Độ, trước đây là thuộc nước Pháp bảo hộ, nay lại thuộc quyền cai quản của nước Anh, thế mà nước ấy vẫn chỉ dùng độc thứ chữ của nước mình mà thôi. Vậy thì việc phế bỏ chữ Hán ở nước ta cũng không thể quyết định đường đột được".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 8, vua lâm triều, nhân bàn về giáo hóa bèn nói với Thị thần rằng:

"Học là để làm người. Nếu trình độ tân học có hạn [26b] không thể theo được thì lập ra trường riêng để mà học thì có gì mà không được. Huống chi đối với các môn như đông y bốc thuốc, lí số bói toán cũng như thuật số, nếu học vào mà có thể kiếm được miếng cơm manh áo thì nhà nước đâu có cấm. Vả lại việc dạy việc học vốn chỉ tùy theo chí hướng của người ta, tưởng cũng không thể ép buộc. Như Trung Kì bây giờ thuộc về đất bảo hộ mà nhiều người đang muốn bỏ chữ Hán, trong khi Nam Kì đã nhập thành thuộc địa rồi mà hiện có nhiều nhà vẫn trải chiếu mời thầy về dạy học chữ Hán, lẽ nào lại cấm?".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 6, Viện Cơ mật đệ phiến

đem các điều khoản do bên Quí tòa đề nghị đặt ra về việc đưa các sinh viên trường Hậu bổ ra trường Cao đẳng ở Hà Nội học tập dâng trình ngự lãm. [27a] Vua phê rằng:

> "Trường Hậu bổ nguyên là do Quí Bảo hộ lập ra để cho những người khoa mục vào nhập học. Chương trình, điều lệ cũng như yêu cầu tư cách sinh viên của trường cũng đều do Quí Bảo hộ đặt ra thi hành. Trước nay hoạt động của trường nghĩ rằng thể thức như thế cũng là đã thích hợp, Nam triều vì thế không dám nghị bàn gì thêm. Nay lại định đổi lại cách thức là đưa sĩ tử ra Bắc Kì học tập vân vân, xét về lí là rất không phù hợp. Đối với Trung Kì, Quí Bảo hộ đã trao cho triều đình quyền quân chủ, như thế học trò phải lưu ở Kinh để triều đình giáo dục thành tài đưa đi sử dụng. Nếu như muốn họ phải học về Chính trị pháp như cách học ở trường Cao đẳng Bắc Kì thì chỉ việc áp dụng chương trình sách học vào Trung Kì để dạy là đủ để có hiệu quả, hà tất phải phiền hà đưa sĩ tử [27b] tận Hà Nội để học mới thành tài được sao. Bao giờ Trung Kì lập được trường Cao đẳng thì bỏ trường Hậu bổ, đưa học sinh sang học ở trường Cao đẳng, như thế có trở ngại gì đâu. Vậy truyền cho Viện Cơ mật sang thương lượng với Khâm sứ Đại thần để ngài xem xét lại".

Viện Cơ mật đệ phiến đem bản Điều lệ Quốc tử giám do bên Quí tòa đề nghị đặt ra dâng trình ngự lãm. Vua phê rằng:

> "Trẫm đã xem kĩ các chương trình về Quốc tử giám của Quí tòa chuyển sang, phải nói là suy tính trù liệu rất hoàn thiện. Nhưng trường Giám vốn do Liệt thánh triều ta mở ra để giáo dục nhân tài, dạy cho học trò nước ta biết rõ luân lí cương thường, [28a] tức những cái cốt yếu nhất của đạo làm người để mà làm người, chứ đâu chỉ bồi dưỡng thành tài để đem đi sử dụng mà thôi đâu. Đó chính là cái quyền của bản triều được

thực hiện giáo dục theo cách riêng vẫn được tuân thủ xưa nay của mình. Giả dụ như trong đó còn có điểm gì thiếu sót thì bản triều tự tìm ra rồi dùng quyền giáo dục của mình mà sửa đổi bổ sung. Chính sách giáo dục của một nước quân chủ là như thế. Rồi sau hiệu quả có đạt được tiến bộ hay không thì nhà vua, Bộ Học và các thầy giáo phải chịu trách nhiệm, duy nhất chỉ nghiêm cấm không được phản bội lại Quí Bảo hộ, dùng dị học để chống đối là có tội. Thế nên cũng có thể rộng rãi một chút, để cho học trò học được những phương pháp nhằm tiến tới văn minh. Điều này tuy không phải là cái mà Quí Bảo hộ thích thú nhưng cũng không có ý phản đối, thế thì cứ cho học để rồi làm theo. Mai ngày nếu thành đạt thì cũng bõ công lao dẫn dắt của Quí Bảo hộ mà nổi danh giá trên hoàn cầu thì chẳng phải cũng là điều tốt đẹp hay sao? [28b] Hà tất phải tự ý hạn chế chương trình giao sang buộc bản quốc phải tuân thủ thi hành. Làm thế vừa khiến Quí Bảo hộ mất đi sự nghĩa hiệp mà bản triều cũng mất đi cái bản lãnh. Một việc làm mà dẫn tới hai điều mất, để rồi ngộ nhỡ có người ngoài nhìn vào họ lại cười cho. Huống chi Quí Toàn quyền trước đây là ngài Sa Lộ khi đưa ra đề nghị sửa đổi qui chế dạy học ở Đông Dương đã nói rằng: Quốc tử giám là nơi đào tạo nhân tài của Nam triều nên phải do Nam triều quyết định. Đó là câu nói lí luận rất xác đáng chứng tỏ rằng ngài có một hiểu biết sâu sắc về quyền hạn Bảo hộ và một đầu óc sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, thực rất đáng để tuân theo. Vậy truyền Viện thần căn cứ vào lời phê này mà thương lượng lại lần nữa, để Quí Khâm sứ nghĩ lại trao Quốc tử giám cho Nam triều được quyền định pháp. Đồng thời giữ lại bản chương trình mà họ đề nghị, đem cắt sửa sao cho phù hợp để thực hiện".

Bên Quí tòa đề nghị sửa đổi chương trình của trường công sơ

học và bản mẫu tờ Dụ chỉ. [29a] Viện Cơ mật tâu lên chuẩn cho thi hành. Vua phê rằng:

"Chương trình học rắc rối như thế thì Viện thần tùy thời mà bàn bạc xác định cho thích hợp ổn thỏa rồi soạn phiến tâu lên, được chỉ rồi chuyển cho Bộ Học thi hành là được. Còn về lời Dụ thì chỉ cần đại khái mấy câu là đủ, cần gì đến Dụ chỉ cho khỏi rườm rà nhiều câu chữ. Truyền nghị bàn lại tâu lên cho hợp thể thức".

Sau đó Viện thần vâng mệnh soạn lời Dụ và chương trình phúc tâu lên xin chuẩn cho thi hành. Vua dụ rằng:

"Giáo hóa dân chúng để thành thói quen, trước tiên là nhờ ở sự học. Mà việc dạy học cần phải thích hợp với thời thế. [29b] Hiện tại việc thi cử khoa trường ở nước ta đã vì thời thế mà bãi bỏ rồi, cho nên phương châm giáo dục phải tùy theo thời thế mới mà tổ chức lại để đào tạo nhân tài cung cấp cho đất nước. Các trường Ấu học, Trung học và Tiểu học hiện nay phải đổi thành trường công Sơ học. Qui chế học của trường này do Quí tòa Khâm sứ cùng với Viện thần Viện Cơ mật cùng bàn định ra. Nay chuẩn cho thực hiện".

Tháng 7 nhuận, Viện Cơ mật đệ phiến đem các điều khoản do Quí tòa đề nghị định ra về việc phân loại Giáo sư ra 2 hạng (một hạng là những giáo chức có khả năng theo dạy tân ban, một hạng là không có khả năng đó) và chia trường học ra thành 3 cấp (một là Hương trường dự bị, hai là Hương trường Ấu học, ba là Học trường Bị thể) dâng trình ngự lãm. [30a] Vua phê rằng:

"Nền học chính của ta hồi nọ chưa được trù hoạch sẵn trước cho công cuộc cải lương để vươn lên tiến bộ. Nay Quí Bảo hộ đã qui định cho việc cải lương rồi thì đành phải chiếu theo mà thực hiện thôi. Trẫm cũng biết là phải như thế. Truyền cho thi hành".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 5, người dịch đã phiên dịch xong tập sách *Tự Đức Thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca*. Bộ Học tâu xin đem đi thuê in rồi phát cho các trường Âu học giảng dạy học tập. Vua phê rằng:

"Y tấu. Truyền sắp xếp đưa in rồi phát giao cho các trường dạy học. [30b] *Luận ngữ* là bộ sách đã gồm đủ luân lí cương thường, mang hết mọi ý nghĩa cổ kim, Thánh ý đã thấu hiểu lẽ đó nên mới ngự chế thành quốc âm để cho mọi nhà mọi người đều hiểu được, thực là có công lớn đối với đạo. Kẻ học sách này mà tinh thông được những nghĩa lí sâu xa trong đó thì cũng đủ để bình trị nước nhà. Người có tâm với đạo thì hãy thể Thánh ý mà phát huy thể hiện điều đó ra với đời".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 9, bắt đầu lập trường Cao đẳng tại Kinh. Dụ rằng:

"Nước nhà cần đến hiền tài để cung cấp người thực hiện chính sự. [31a] Vì thế Liệt thánh triều ta đã mở ra khoa trường thu nạp học trò, người nào học tốt hành tốt sẽ tùy tài mà thu dùng, trao cho phẩm hàm làm việc. Từ ngày có Quí Bảo hộ sang khai hóa, định đặt ra qui chế giảng dạy học tập, học giới nước ta được khuếch trương phát triển. Qui tắc thi Hương ngày trước vì có nhiều điểm không thích hợp với thời nay nên phép khoa cử đã phải đình bãi. Ngày nay muốn tuyển chọn người thì thay vì khoa cử, trước tiên phải lập ra một trường học Cao đẳng ở Kinh đô, để cho những người xuất thân từ những trường học Bảo hộ mà muốn chuẩn bị sẵn sàng cho mai ngày làm việc cho quốc gia thì vào trường đó học tập lấy những luân lí, văn chương truyền thống của tổ tiên ngõ hầu đem lại lợi ích cho đất nước".

CHÍNH TỤC (**phụ**)

[32a] Năm Khải Định thứ 2 [1917], tháng 2, Viện Cơ mật tâu trình rằng, nhân dịp tết Nguyên Đán, Nguyễn Văn Hiền cùng những binh đinh do ông cai quản trong đoàn khâm phái sang Tây cùng nhời kính chúc Hoàng thượng và Lưỡng cung thánh thể vạn an, đồng thời kính dâng tiến hai tấm ảnh và hai tấm phim chụp ảnh. Vua phê rằng:

> "Trú chân nơi đất khách quê người mà vẫn không quên nhớ tới vua. Tấm lòng người Việt chúng ta nổi bật hơn người là ở chỗ đó. [32b] Trẫm rất vui sướng trong lòng, những mong đoàn quan quân sang Tây can đảm phấn phát chí khí, nêu cao danh giá trước các nước bạn, không để làm nhục mệnh vua, đó là điều trẫm vô cùng mong mỏi vậy. Quân tử, hãy cố gắng lên! Truyền gửi lời phê này cho mọi người cùng biết".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 3, bọn Nguyễn Hữu Thu ở Phòng Trị sự Viện Tư vấn Bắc Kì đóng chiếc ghế ngồi chạm trổ khảm trai cung tiến lên vua. Vua phê rằng:

> "Quan san xa cách mà tình thương nhớ đến vua vẫn nồng thắm, tiến dâng phương vật để bày tiện nghi, tấm lòng thành ấy thực đáng khen. Trẫm vốn vẫn biết rằng dòng văn hiến nước ta là vô cùng vô tận, cho dù ngoại đạo đầy rẫy lưu truyền nhưng đạo cương thường không bao giờ rối loạn. [33a] Các khanh đã đại diện cho dân chúng bày tỏ niềm hậu đạo, cổ xúy nết thuần hậu tục văn minh của dân ta mà khắp hoàn cầu không đâu bì kịp. Ơn nhờ phúc trạch nhân đức giáo dưỡng rèn giũa của triều đình trong suốt ba trăm năm qua, cho đến ngày nay chính gặp lúc vận hội phong trào, triều đình thừa thế tiến hành cải lương, trẫm cũng đang muốn cùng các khanh từ nhiều phương diện thi hành

những chính sách chí thân chí thiết để khiến dân ta cùng hưởng hạnh phúc ở cõi xuân đài. Các khanh khá suy nghĩ cùng trẫm".

Tháng 5, chuẩn ban thưởng biển ngạch cùng tiền bạc với mức khác nhau cho 8 vị quan viên cao thọ, gồm: Cẩm binh Phó vệ úy Trịnh Văn Hòa ở tỉnh Quảng Nam (94 tuổi), Nguyên Thống chế về hưu Nguyễn Như Cung ở phủ Thừa Thiên (81 tuổi), Quang lộc tự Thiếu khanh Trương Thỉnh ở tỉnh Quảng Nam (81 tuổi), [33b] Đoàn Tử Quang hàm Trước tác đang an dưỡng tại quê thuộc tỉnh Hà Tĩnh (101 tuổi), Thái Tân, dân thường cao thọ ở tỉnh Hà Tĩnh (101 tuổi), Phạm Văn Châu ở tỉnh Quảng Nam (101 tuổi), Nguyễn Văn Hỗ ở tỉnh Quảng Nam (102 tuổi), Đồng Vũ ở tỉnh Bình Định (101 tuổi).

Các tỉnh, phủ Thừa Thiên, Quảng Nam, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Ninh Bình đệ trình danh sách 38 bà tiết phụ, đều là những người chồng chết khi còn trẻ tuổi mà ở vậy giữ trọn trinh tiết đến lúc bạc đầu, xin chiếu lệ ban cho mỗi người một bức biển ngạch để biểu dương khen thưởng. Bộ Lễ tâu trình lên. Vua chuẩn y cho.

Tháng 9, [34a] vua dụ rằng:

"Trị nước dạy dân vốn phải nương tùy theo phong tục, thi hành chính sự càng cần trừ tệ để cải lương. Ngay khi mới lên trông coi chính sự, trẫm đã từng ra hiểu dụ về việc này.

Nước ta vốn là là nước có nền văn hiến, nên trong phong tục còn ưa chuộng nhiều cái phù phiếm xa xỉ, như trong các nghi lễ quan hôn tang tế thường làm cỗ bày tiệc linh đình thết đãi các thân bằng cố hữu tới chúc mừng hay phúng viếng để tỏ ra long trọng hoành tráng. Đối với người giàu có điều đó không khỏi là sự hoang phí vô bổ, còn với hạng nghèo hèn ắt phải khổ vì vay nợ trả lãi. Cho đến quan bé xu nịnh quan trên, hễ cứ đến dịp lễ Đoan dương, Nguyên đán là lại dốc túi sắm sửa lễ vật đem đến mừng, đó chẳng qua đều là những chuyện phù phiếm vô ích mà

gây tốn kém tiền của. Tiếng là nước văn hiến nhưng rốt cuộc vẫn làm ăn sa sút yếu kém chính là vì vậy. Trẫm nghĩ nước ta đất đai cằn cỗi, nhân dân nghèo đói, tài nguyên thì ngày thêm cạn kiệt. Trong thời buổi văn minh ngày nay dân trí phải dần dần mở mang ra. [34b] Trẫm thì tài thường đức hẹp, vẫn hổ thẹn vì chưa thi thố được cái gì gọi là cốt yếu để mở mang dân trí, làm giàu đất nước. Thôi hãy dừng lời mà ngẫm câu nói của cổ nhân rằng "Cứ đứng bên đầm thèm ăn cá thì chi bằng về mà đan lấy cái lưới".

Vậy truyền từ nay trong dân gian, phàm những dịp lễ quan hôn tang tế v.v..., tùy theo gia cảnh giàu nghèo đều phải thực hành tiết kiệm, việc qua lại mừng chúc phúng viếng châm chước làm cốt sao cho hợp lễ thì thôi. Vào dịp tết Đoan dương, Nguyên đán, các quan lại bên dưới đối với các Viện, Bộ ở Kinh hay Đốc, Phủ, Bố, Án ở tỉnh, nha lại ở các phủ, huyện đối với đường quan, dân đối với quan, binh lính đối với chỉ huy Thống, Quản v.v... đều chỉ được phép đến bái yết cho hợp tình hợp lễ mà thôi. Khi phải khống tố khiếu nại việc gì thì chỉ cho phép đi tay không đệ đơn lên mà không được kèm theo trầu, rượu, lễ vật, đồ vật biếu tặng hay vàng bạc tiền của hối lộ. Cấm chỉ việc lễ lạt xu phụng vào ngày tết Đoan dương, Nguyên đán. Quan lại thì đều đã được hưởng ơn vua lộc nước đủ để sống ngang ngửa với đời, [35a] cớ sao lại còn hèn hạ nhận lễ, không thương xót dân chúng phải chịu hao tiền tốn của, vất vả phiền hà. Cứ thế thì dân tất oán giận, phỉ báng coi thường cho. Nên từ nay trở đi cấm chỉ không được sách nhiễu thu nhận lễ vật xu phụng của dân chúng. Những điều đã bị nghiêm cấm nêu trên, mỗi người trong quan lại, binh lính, dân chúng trong Kinh hay ngoài địa phương đều phải nghiêm chỉnh tuân theo. Mọi việc đều phải làm theo phép công để giữ gìn sự trong sáng nghiêm túc. Nếu vẫn còn giữ theo

thói tệ cũ, nếu bị phát giác ra, dù là người cho hay kẻ nhận sẽ đều bị khép vào tội vi phạm Chỉ dụ mà xử nặng. Khi ấy thì đừng có hối.

Tờ Dụ này truyền sao lục bố cáo rộng khắp để trong ngoài đều biết mà tuân hành, đồng thời truyền đem dán yết thị tại các địa phương trong nước".

Vua lâm triều sắc bảo Bộ Lễ rằng:

"Lần trước trẫm có ra Dụ rằng các lễ về quan hôn tang tế phải thực hành tiết kiệm. Như trong lễ tang tế, đối với chủ nhà mời khách mà không kể phiền phí để khoản đãi thì đúng rồi, còn đối với người đến ăn mà cũng kể thuộc vào đó thì có phần chưa thỏa đáng. Hay các đồ vàng mã trong lễ tế có thứ đáng dùng cũng có thứ không đáng dùng. [35b] Vậy phải xem xét thứ gì đáng dùng thì cho dùng, thứ không đáng dùng thì phải cấm chỉ. Bộ Lễ cần phải định rõ thành điều lệ đối với các lễ nghi này, cái nào phải bỏ, cái nào thì cho tiếp tục duy trì, cốt sao cho giản dị tiết kiệm rồi thông sức cho dân biết mà tuân hành".

Tháng 12, Bộ Lễ vâng mệnh qui định bổ sung từng khoản tâu trình lên. Cụ thể là:

1. Về hôn lễ: Hạn trong 3 tháng (trừ khi có duyên cớ riêng) thì được cử hành sính lễ. Nhà giàu thì được dùng hoa tai và vòng tay bằng vàng mỗi thứ 1 đôi, trầu cau và rượu mỗi thứ 1 mâm, nến hoa chúc 1 đôi; nhà trung bình thì hoa tai bằng vàng 1 đôi, trầu cau rượu 1 mâm, nến hoa chúc 1 đôi; nhà nghèo thì cho dùng trầu cau rượu 1 mâm (trừ những nhà nghèo khó quá tự ý mua sắm thì không kể). Nhà gái không được yêu sách đòi hỏi. Còn chuyện bày cỗ khoản đãi [36a] thì tùy theo nhà giàu hay nghèo làm sao cho phù hợp nhưng không được xa phí quá đáng. Còn các điều khác thì tuân theo nghị định đời Gia Long.

2. Về lễ tang: Khi nhà có tang, đối với quan chức thì hạn trong 1 tháng, dân thường hạn trong 1 tuần thì phải đưa đi chôn cất. Lễ vật điện tế quan chức được dùng trâu bò, dân thường thì dùng lợn, chỉ được mổ 1 con. Lễ phải tiến hành sao cho tiết kiệm, không được xa phí. Ngày đưa ma, họ hàng và người làng vì tình nghĩa đến làm giúp và tiễn đưa (trừ trường hợp đi ngụ cư nơi khác xa cách quê hương họ hàng phải thuê mướn). Chôn cất xong xuôi, nhà giàu (không phân biệt chính cư hay ngụ cư) được phép mổ 1 con bò, nhà trung bình thì thịt lợn và xôi, nhà nghèo thì 1 mâm trầu cau và rượu biện lễ để tang chủ thân hành đáp tạ, nhưng họ tộc và làng xóm không được vin vào lệ làng để yêu sách cỗ bàn ăn uống triền miên. [36b] Trong lễ đưa ma vẫn hay dùng cờ quạt, kèn trống, hát đưa đò, đồ mã thì nay cấm chỉ hết, chỉ khi họ hàng, bạn bè, người làng tới điếu phúng thì cho phép tang chủ đem trầu cau, nước chè ra khoản đãi, cốt sao cho giản dị tiết kiệm.

3. Về lễ tế (không bao gồm lễ giỗ chạp ở tư gia tùy tình hình mà cử hành): Hàng năm tại các đình, đền, miếu của các xã thôn được phép tổ chức tế chung một lễ cầu an (hai kì xuân thu gộp chung làm một). Lễ phẩm thì các xã lớn và trung bình được mổ bò, xã thôn nhỏ thì thịt lợn và xôi, mỗi nơi được làm 1 lễ. Xã thôn nào có Văn chỉ thì hàng năm được biện 1 lễ dùng xôi và thịt lợn đến tế để bảo tồn vốn cổ. Đối với chùa chiền, vào các tiết trong năm cho phép dùng đèn nhang, trầm hương làm lễ. Đối với các đồ mã dân gian vẫn thường dùng xưa nay, chỉ cho phép tùy ý dùng giấy vân phúc, giấy kim ngân như trước, riêng đối với tất cả đồ mã làm thành đồ đạc, hình nhân thì bị cấm chỉ.

4. [37a] Các khoản khánh hỉ (như thăng quan, đăng thọ, khao vọng lên lão v.v...): Phàm những người dự vào các trường hợp khánh chúc (như đã nêu trên), trừ lúc tại nhà riêng tùy lực tổ chức ra (nhưng vẫn không được tiệc tùng ca hát linh đình nhiều ngày), còn

tại đình miếu, đối với nhà giàu chỉ được biện xôi thịt lợn 1 lễ, nhà nghèo thì chỉ trầu rượu 1 mâm, đem lên lễ yết linh thần mà thôi, làng xóm không được vin tục lệ để yêu sách đòi hỏi.

Vua phê rằng:

"Những qui định về quan hôn tang tế do Bộ Lễ đề xuất cũng đã khá hợp lí, truyền thông tri rộng rãi thi hành. Nhưng trong dân gian những phong tục lề thói hủ lậu vẫn còn nhiều. Triều đình tiến hành cải lương không phải chỉ đưa ra qui định chỉnh đốn một lần là đủ mà phải duy trì làm dần dần từng bước một. Sau này nếu còn nghĩ định thêm điều khoản nào khác mà hợp lí thì sẽ giáng Dụ riêng để thi hành".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. [37b] Mùa đông, tháng 10. Viện Cơ mật tâu xin cho những người là mẹ đẻ của các quan viên chồng mất không cải giá được dự vào điển lệ ban tặng. Vua phê rằng:

"Thỉnh cầu của Viện thần nêu ra cũng hợp lí là để giữ gìn luân lí cho mai sau, nhưng không phải thuộc một việc suy ân quan trọng của triều đình. Truyền cho thông lục thi hành".

Tháng 12, Viện Cơ mật tâu xin tiến hành rà soát kê biên danh sách các vị cố thần văn võ từ năm Đồng Khánh trở về sau mà trong tiểu sử, hành trạng khi còn sống của họ có những công trạng đem lại ích quốc lợi dân để tiếp nối đưa vào hai ngôi đền Hiển Lương và Trung Nghĩa, giao Bộ Lễ chiếu lệ tăng bổ sung để thờ phụng. Vua khen ngợi và chấp thuận lời tấu, truyền giao cho Đình thần hội đồng rà soát tra cứu lập danh sách dâng lên ngự lãm rồi đợi chỉ chuẩn cho thi hành.

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN VI

TÚC LỄ

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa thu, tháng 7, Bộ Lễ tâu rằng, đã gần đến ngày cử hành lễ thăng phụ, xin trích lấy ra một số đồ thờ ở các Tôn điện và Phủ Nội vụ đem về tu bổ sửa sang để sẵn sàng dùng để bày thờ, những thứ nào còn thiếu khuyết thì phải trù liệu chế tác riêng cho đủ. Vua phê rằng:

> [1b] "Đồ thờ trên các Tôn điện là thứ rất long trọng, chỉ thứ nào thừa có thể trích lấy được thì lấy ra, thứ nào thấy không được thì thôi. Đồ thờ trên hai án thăng phụ rất nhiều thứ, nhưng chỉ thứ nào chưa đủ mới trích lấy ra bổ sung, nếu không được thì cần trù liệu chế tác thêm vào. Nếu lạm trích lấy bừa ra để dùng vào thăng phụ thì đó không phải là ý nghĩa của việc thờ phụng Tôn miếu, vì thế cần phải thận trọng".

Tháng 9, vào dịp đại lễ dâng Tôn thụy và thăng phụ, Bộ Lễ đệ phiến xin kính cáo các Tôn miếu, [2a] trong đó có nêu đến Cung miếu. Vua phê rằng:

> "Lễ dâng Tôn thụy và thăng phụ vào miếu điện là việc thuộc điển lễ lớn lao và quan trọng, nếu không phải là vị Đại Hoàng đế chính thống có nhiều công lao to tát thì đâu dám tôn bừa. Cung miếu được truy tôn xây dựng về sau nên không thể so sánh với

chính thống được. Đại lễ cử hành hôm nay đâu có liên can gì tới Cung miếu, thế mà lễ kì cáo lại liệt kê cả Cung miếu vào đấy, thì là chủ kiến ra thế nào? Truyền phúc tấu cho rõ, còn các khoản khác chuẩn y. Lại còn điều này, chiếu xét các thần chủ ở Thế miếu, Tự Hoàng đế phụng tự ở phía bên trái hiện đều đề tên là Thành Thái, nghĩ thấy chưa thỏa đáng. [2b] Truyền bàn nghị lại cho thỏa đáng rồi phúc tâu lên".

Bộ Lễ nghị bàn cho rằng Tiên đế là dòng dõi kế thừa của Dực Tôn Anh Hoàng đế, còn Hoàng thượng là dòng dõi kế thừa của Tiên đế. Chiếu xét theo điển lễ bản triều thì không thể câu nệ bởi thế thứ anh em được. Vì thế xin đình bãi việc kì cáo Cung miếu. Còn các thần chủ ở Thế miếu, ở phía bên phải mặt sơn son lần trước đề tên húy Thành Thái để thờ, nay xin đổi lại đề ngự danh của Hoàng thượng. [3a] Vua phê rằng:

"Kính thấy Cung đế lên ngôi là kính tuân theo di chiếu của Dực Tôn Anh Hoàng đế v.v...[1] Đến thời Tiên Hoàng khảo Hoàng đế ta khâm phụng Châu phê truy phong là Thụy Nguyên Quận vương và có câu rằng: "Chẳng phải là vua Nghiêu vua Thuấn, làm sao có thể mọi chuyện đều tận thiện được". Như thế chính là Tiên đế ta muốn tránh bỏ hai chữ "Phế đế" hàm ý khiếm nhã đi, ý tứ kín đáo mà tình nghĩa đối với họ hàng không gì hơn được thế. Còn đối với hương hồn Cung đế dưới âm cung hàm nhận sắc mệnh thì tuy là anh em nhưng nghĩa lại là quân thần, [3b] vì thế lẽ nào khi dâng Tôn hiệu cho vua là bề trên lại phải kì cáo ngược đối với bề tôi hay sao. Cái lí ấy chẳng cần suy ngẫm cũng đã tự sáng tỏ, chứ đâu phải là trắm hẹp hòi gì".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 7, quan Bộ Lễ tâu rằng, trong tờ ân chiếu nhân dịp lễ Tấn quang có một khoản rằng: "Đối với

---

[1] Hai chữ "云云 vân vân" là vốn có trong nguyên văn.

các thần kì trong ngoài, vị nào linh ứng có thực trạng mà chưa được gia ân đến thì tra cứu điển lệ tâu lên xin ân phong cho một lần". Tiếp sau đó nên có câu tiếp rằng: "Các tỉnh, phủ Bắc Kì phải đi hỏi han thu thập thần hiệu các vị tôn thần để xin chiếu theo đó viết thành sắc văn cấp cho mỗi vị một đạo dùng vào thờ phụng để tỏ rõ ý nhu hoài của triều đình và thỏa mãn nguyện vọng của dân chúng ". [4a] Vua thuận cho.

Mùa hạ, tháng 4, vua lâm triều phán bảo quan Bộ Lễ rằng:

"Trẫm thường nom thấy các mâm cỗ xôi thịt dâng tiến ở các miếu, điện không được nghiêm chỉnh tinh khiết. Lễ số cứ như bày dàn suông ra, dẫu có nhiều cũng chẳng để làm gì. Lễ phẩm quí ở tinh chứ không quí ở nhiều. Cho nên rau tần rau tảo hái từ khe suối về cũng có thể dùng để thết đãi Vương công, dâng tiến quỉ thần, là bởi bày ra với lòng thành thực thuần khiết. Vậy nên cần phải châm chước xem xét lại việc này sao cho thỏa đáng".

Vua phê bảo Phủ Tôn nhân rằng:

"Hôm 27 tháng này vừa rồi là ngày kị của vị được phối thờ tại án thứ hai bên tả trong điện Phụng Tiên, thế mà không thấy hai ông Tuyên Hóa, Phụng Công tới vái lễ là cớ làm sao? [4b] Trẫm cùng với hai ông ấy nếu không được đội ơn đức cao dày như trời biển của Hoàng.Tổ Dực Tôn Anh Hoàng đế và Anh Hoàng hậu nuôi nấng dạy dỗ cho thì đâu có được ngày nay? Huống chi lễ này xuất phát là tự hai ông, có một ngày để báo đáp nguồn cội mà cũng nỡ quên sao? Chả lẽ vì hai ông ấy đều lăn ra ốm cùng vào một ngày hôm ấy chăng? Truyền Phủ Tôn nhân hỏi rõ trả lời cho biết rồi sẽ định sau".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 12, sắc cho Bộ Lễ rằng:

"Lễ đón xuân vào ngày tết từ xưa vẫn có lệ đắp hình con trâu và thần Câu Mang bằng đất, nghĩ cũng phiền phức, phí phạm. [5a]

Nên từ nay trở đi, lễ này chuẩn đổi dùng tranh họa câu đối bằng giấy, chiếu lệ dâng tiến vào Đại nội một bức, ngoài ra đều cắt bỏ, vừa giữ gìn vốn cổ lại tránh hư văn. Truyền cho hữu ti tuân hành".

Bộ thần Bộ Binh tâu xin tuyển chọn lấy 10 tên lính, mua sắm một số nhạc cụ ở Nam Kì và của Trung Quốc giao cho họ hàng ngày tập luyện. Vua phê rằng:

"Lễ nhạc triều ta trải qua sự chế tác của Liệt Thánh tưởng cũng đã đầy đủ. Huống chi nước ta từ hơn nghìn năm nay, các bậc Thánh Thần thuộc các triều đại đã từng dựa theo nhạc Bắc mà chế ra âm nhạc nước nhà, về chế độ thêm bớt, qui luật âm thanh có thể nói là đã tận thiện tận mĩ, không phải là thứ mà những kẻ thưởng thức âm nhạc tầm thường có thể hay biết được. Như nhạc Nam Kì là thứ tục nhạc đặc thù [5b] làm sao dám sánh được với quốc nhạc. Quốc nhạc của ta đặt ra chỉ để dùng ở tôn miếu vào các dịp lễ tiết tấu lên đem lại sự văn nhã cho lễ, chưa bao giờ lan tràn tới những vùng làng quê ngõ xóm nên dân gian cũng ít người biết tới. Liệt Thánh sáng suốt thu lượm từ âm nhạc Tứ đại của Bắc quốc lấy ra những cái tinh túy nhất để làm thành nhạc của ta, vì vậy âm thanh nghe du dương đầy đặn. Nhạc ấy dùng trong suốt mấy trăm năm, thể hiện được trọn ý nghĩa hòa bình. Đến ngày nay đời sinh nhiều chuyện chính trị dồn dập, nhạc trở nên suy, lại vắng bóng những người có thể rung lên âm thanh vàng ngọc nên dần mất đi không trở lại, để rồi lưu hành những thứ tục âm. Để khôi phục lại nhạc xưa, nếu không phải bậc tài giỏi trên đời thì không ai có thể làm được. Huống chi lễ nhạc đã có cơ quan hữu ti cai quản, không phải là phận sự của Bộ Binh. Tâu xin thế này thực là quá quắt lắm. Nếu như bảo định chọn người cử đi khắp nơi học lấy âm nhạc của các nước đem về để thưởng

thức lúc thảnh thơi nhàn nhã mà tu dưỡng tính tình thì còn được, còn nếu muốn có sự phát minh tạo dựng [6a] nhằm chấn chỉnh phong tục cho đất nước thì phải hội đồng cùng với Bộ Lễ bàn bạc thấu đáo xong rồi mới tâu trình lên, như thế còn e chưa được tận thiện, huống hồ chỉ dựa vào ý kiến của riêng mình, liệu có được không?".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 3, Bộ thần Bộ Lễ tâu về việc biên chép sổ sách các đồ thờ ở các Tôn lăng, miếu, điện rồi sao thành phó bản trao cho bên Quí tòa một bộ. Vua phê rằng:

"Tôn lăng, miếu, điện và những đồ thờ cúng là của riêng của triều ta, vốn không liên quan gì đến công việc giao thiệp ngoại giao. Trẫm đoán rằng Quí Bảo hộ cũng không có ý xem xét đến, bởi những cái đó không can hệ tới họ, vua tôi chúng ta tự kế thừa trông nom gìn giữ là đủ. [6b] Gần đây trẫm thường thấy mỗi khi thay đổi biên chép sổ sách thì đều trao cho bên Quí tòa một bản, nhân đó mà thành lệ, không hiểu là có ý gì khó nói ra chăng. Bề tôi của cả một triều đình cũng không đủ để trông nom giữ gìn, mà phải nhờ đến Quí quan chủ trì hộ thì mới xong. Như thế chẳng sợ người ngoài nhìn vào họ cười vào mũi cho hay sao? Vậy khoản trao cho Quí tòa một bản sổ sách nên bãi bỏ mới phải. Còn các khoản khác chuẩn y cho".

Mùa đông, tháng 10, Bộ Lễ tâu trình rằng, tiết Đông chí năm nay gần sát với ngày đại lễ mừng thọ Ngũ tuần, vì vậy có nên tạm đình lễ tiết này hay không, xin đợi chỉ quyết định. Vua phê rằng:

"Đại lễ mừng năm nay cũng sắp tới gần. [7a] Chuẩn tạm đình lễ thỉnh an vào dịp Đông chí. Trẫm sẽ tâu trình với Lưỡng cung lượng xét cho. Lại còn tết Đoan dương cũng gần sát với tiết Khánh niệm, vì vậy lễ Đoan dương chỉ nên cung tiến lên các miếu điện cho đúng thường lệ, ngoài ra chuẩn cho miễn tất, từ nay lấy đó làm lệ".

Năm Khải Định thứ 6 [1921], mùa xuân, tháng Giêng, vua phê bảo Bộ Lễ rằng:

"Tục cổ nước ta coi trọng nhất là thờ thần. Đó là con người được chính khí trời đất chung đúc nên, [7b] sau khi mất hóa thành thần, từng nhiều lần hiển hiện linh thiêng ứng nghiệm để bảo vệ đất nước, che chở nhân dân, nên được dân chúng tôn kính thờ phụng. Đó cũng là một tục tốt đẹp. Giới quan lại nước ta không biết tôn trọng dân tục, cứ hễ thấy dân nói đến thần là cho rằng u minh mờ mịt mông lung, họa phúc chẳng lấy gì làm bằng cứ. Thế rồi lòng tham nổi lên, thấy vàng là đổi sắc tối, chính thần liền bị thần tiền lừa gạt, thực đáng khinh bỉ.

Nay căn cứ đơn khiếu tố của người thuộc họ tộc Hoàng Ngọc ở xã Thượng Nghĩa huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị đệ trình kêu rằng, Thủy tổ của hai họ tộc Hoàng Kim và Hoàng Đức ở xã ấy vốn chẳng có công đức gì mà lại đòi đứng ngôi trên các vị Thủy tổ của cả ba họ (hai họ Hoàng một họ Mai), hai dòng họ ấy lại còn ỷ mạnh đè yếu gây ra cho họ bao phen khốn khổ. Họ cũng đã khiếu nại lên tỉnh huyện nhưng tỉnh huyện vẫn đặt dòng họ Hoàng Kim, Hoàng Đức lên ngôi trên. Xét theo lời kêu ấy thì người của hai họ tộc Hoàng Kim, Hoàng Đức cậy mạnh cậy giàu, khôn ranh sửa đổi chú cước về thứ tự thế hệ, [8a] lại đưa hối lộ cho tỉnh huyện để bá chiếm xã ấy, việc đó đúng sai ra sao cũng chưa thể biết được. Vậy truyền cho quan kiêm Lễ bộ Khánh Mĩ tử, khanh hãy chuyên tâm chiếu theo lời lẽ tình tiết của nguyên đơn đi truy cứu tỉ mỉ trong hồ sơ để xử đoán vụ này cho công bằng không thiên lệch. Nếu quả tỉnh huyện ấy nhận hối lộ để làm sai thì phải trừng trị tội nặng. Về ngôi thứ của các vị Thủy tổ ở xã ấy cũng phải xử lí thỏa đáng rồi tâu lên để chấm dứt tranh giành. Còn nếu dòng họ Hoàng Ngọc kêu trình gian dối tình tiết, cả gan gây lẫn lộn thì cũng phải nghiêm trị để làm gương răn dè những kẻ khác".

THẬN HÌNH

[9a] Năm Khải Định nguyên niên [1916], tháng 6, vua ngự thị triều tại điện Văn Minh, phán hỏi Bộ Hình rằng:

- Trong danh sách tù phạm can án ở các tỉnh thì từ hạng tội nào trở lên mới đưa vào diện trình tấu lên?

Quan Bộ Hình Tôn Thất Tố thưa:

- Các tội từ quân lưu trở xuống thì do Bộ hội đồng xem xét nghị xử thẩm định phúc tra rồi chiếu theo thi hành, tội trảm, giảo trở lên mới dám viết phiến chờ ngự lãm.

Vua nói:

- Dụng hình thì phải thẩm tra cẩn thận. Gần đây nghe có một số vụ án xử tử tù phản nghịch mà không tâu lên. Sao phải xử gấp vội như thế?

[9b] Tôn Thất Tố thưa:

- Phạm nhân phải xử gấp như bọn Trần Cao Vân, Quí Toàn quyền thảo luận cùng với Viện thần cho rằng đó là chuyện hung, không nên lưu lại chờ đến ngày lễ Tấn quang. Vì thế chúng thần đành phải y theo mà làm.

Vua nói:

- Xét xử mà lạm hình oan sai thì cũng có thể phát sinh ra tai biến. Gần đây luôn thấy xảy ra hạn hán, lụt lội, đó chưa hẳn đã không phải là do lạm hình gây ra đâu.

Năm Khải Định thứ 2 [1917], mùa xuân, tháng 2, Bộ Hình vựng tâu rằng, tỉnh thần tỉnh Bình Định kính trình về xét xử vụ án ngụy tạo dấu ấn tín, cả hai phạm nhân là tên Dụng, tên Xước đều phát vãng chung thân ra Lao Bảo. [10a] Vua phê rằng:

"Kết án tên Trần Dụng như thế là đáng rồi. Riêng về tên Xước, y

đã không phải là kẻ thủ phạm, của cướp đoạt được hoặc cũng có thể là do Chủ sử Lợi bày mưu gian che dấu pháp luật để hãm hại. Còn chưa rõ mà đã khép người ta vào trọng tội e rằng chưa thỏa đáng. Tội còn nghi thì xử nhẹ. Từ nay trở đi xét án càng phải hết sức thận trọng, tra xét rõ ràng, xử đoán công bằng không để oan sai. Huống chi tên Xước hiện đang còn lẩn trốn. Truyền lưu án tên Xước để điều tra xét xử lại, nếu quả thật y cố tình làm thì phúc tâu lên chuẩn cho thi hành. Còn những khoản khác y nghị".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 5, Bộ Hình tâu rằng, Đốc thần An Tĩnh đệ trình việc xử vụ án kết tội Tú tài Lê Xuân Trân biện nhận "giai lan"[1] của Thị Hiên để thị vụng trộm lấy ngụy Quyên, nhưng trong phần trình bày thiếu rõ ràng. [10b] Vua phê rằng:

"Theo trình bày thì Lê Trân trước đó đã thuộc diện án tình nghi, nay lại biên nhận "giai lan" của thị Hiên. Chứ "giai lan" là cái thứ gì vậy? Có phạm vào luật pháp hay không? Vẫn theo trình bày thì thị Hiên ngầm lấy ngụy Quyên, thế thì Tú Trân là kẻ bên ngoài không tham dự vào. Lẽ nào dựa vào sự biên nhận ấy để kết tội là thực có thông đồng. Án kết xong rồi, liệu có thuộc hà khắc hay không? Vậy truyền phúc thẩm lại".

Tiếp sau đó, Bộ thần đem nguyên ủy vụ án đó phúc tâu lên. Vua phê rằng:

"Trẫm vẫn một niềm thương xót dân chúng canh cánh trong lòng không lúc nào quên, vì thế đối với việc hình càng phải nên thẩm xét thận trọng. Vì bản trình bày lần trước kể sơ sài tóm tắt không rõ ràng, sợ rằng hà khắc làm thương tổn đến dân, nên

---

[1] *Giai lan*: có lẽ là *lan nhai*, tên một tục lệ cổ: Khi có đám cưới đi qua, người làng, trẻ con chăng dây chắn ngang đường đi. Chú rể phải cho một khoản tiền gọi là tiền lan giai thì mới được qua.

mới đặc biệt ban sắc yêu cầu phúc thẩm để làm sáng tỏ những điều uẩn khúc, giữ theo hậu đạo. Nay theo bản phúc tấu thì tên Lê Trân quả thực là thông đồng liên quan với kẻ gian, vậy truyền chuẩn cho y tấu. Từ nay về sau phàm những bản tâu liên quan đến nghị xử án kiện đều phải trình kể cho rõ ràng về tội tình của phạm nhân, không được tóm tắt sơ lược, [11a] nhập nhèm không rõ ràng minh bạch e khó tránh khỏi gây điều oan sai. Vốn biết sự việc đã qua bàn bạc xem xét ổn thỏa rồi, nhưng nếu trẫm không can thiệp vào, vụ việc tất đem ra thi hành thì như một chấm nhỏ trong dân gian mịt mờ ai mà hay biết. Huống chi trẫm là nơi dân chúng trông mong nương tựa vào, một mai có điều gì bất bình thì mọi oán thán đều qui về mình trẫm. Cho nên mọi việc không thể không rõ ràng. Trông coi nuôi dưỡng dân là việc thực khó, rất khó. Ai có bắt tay vào mới hiểu cho trẫm mà e dè giữ gìn cẩn thận. Truyền sao lục tờ phiến này cùng với lời phê lần trước gửi cho tỉnh thần để biết rõ được tấm lòng thương dân, thận trọng trong việc hình của trẫm".

Tháng 6, Đốc thần An Tĩnh vựng trình vụ án Đặng Thái Chương mưu phản. Viện thần nghị xin gia ân hoán án tử hình, cho đi làm lao dịch chung thân. Nhưng Quí tòa phúc thẩm cho rằng vụ án này tội tình rất nặng, đề nghị phải xử thật nặng là [11b] trảm quyết thi hành ngay. Viện thần đem sự việc tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Đặng Thái Chương bí mật trốn ra nước ngoài, chiếu theo luật phản quốc thì xử đặt vào trọng tội cố nhiên là đáng rồi. Nhưng việc hình có trừng trị mà cũng có khuyên răn. Hiện nay những kẻ ngầm trốn ra nước ngoài như Đặng Thái Chương cũng còn nhiều. Giết một tên Thái Chương thì bọn kia khó bao giờ có thể bắt được. Huống chi tình tiết tên Chương sát hại thám tử Huy Điển còn chưa rõ ràng, vẫn là nghi vấn treo đó. Mà án còn nghi thì xử theo tội nhẹ, có thể rộng lượng một chút được. Ý của

trẫm là muốn gia ơn hoãn cho y một lần chết, đày ra Côn Đảo theo như xét xử của Viện Cơ mật. Như thế mới có cơ bắt được hết bọn trốn ra nước ngoài kia, để chúng không còn kiên tâm ở lại nước ngoài mà di hậu họa cho ta nữa. Truyền bàn bạc thương lượng lại lần nữa".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. [12a] Tháng 12, Phủ Tôn nhân hội đồng cùng Bộ Lễ, Viện Đô sát kiểm kê các đồ thờ ở miếu, điện, thấy mất các cơi đựng trầu bọc vàng, bạc, xin đem Phó sứ Hồng Ngao, Miếu lang Ưng Tựu, Miếu thừa Ưng Đĩnh, cùng bọn Từ tế, Binh điển Bát, Cửu phẩm cho tại ngoại để Bộ Hình cứu xét nghị xử. Nhưng quan Bộ Hình lại tâu xin chuẩn cho Phủ Tôn nhân và Bộ Lễ cùng hội đồng cứu xét. Vua phê rằng:

"Tra cứu nghị xử vụ án là việc liên quan đến Bộ Hình. Phiến xin lần đầu đã có chỉ rồi, cứ thế mà tuân hành. Bọn đó đều là người thuộc trong Khánh phả, còn khanh chẳng phải là Nguyên lão trong Khánh phả hay sao? Dùng vị Nguyên lão trong Khánh phả để cứu xét nghị xử những sai sót của người thuộc trong Khánh phả nhằm làm trong sạch qui củ trong Khánh phả chả lẽ không được ư? [12b] Nhưng trong chuyện này biết đâu có thể có sự hiềm khích lẫn nhau, cố tình lấy cắp mang đi để người liên can phải chịu. Huống chi Ưng Doanh là Hình khanh tá thứ hai của thủ trưởng Bộ, cũng là người thuộc Khánh phả. Nên các khanh phải điều tra tỉ mỉ, nếu tìm ra đích xác tên nào đã lấy cắp thì lập tức chiếu luật hỏi tội, những người vô can còn lại đem tâu lên chờ phán xử, như thế là xong, hà tất phải lôi kéo nhau vào để hội đồng làm gì".

Bộ Hình tuân mệnh điều tra ra hai tên lính Tôn Thất Chất, Đồng Sĩ Nghị đã thú nhận lấy cắp, xin chiếu luật xử tội nặng, những người còn lại có nghị xử riêng cho từng người. Vua phê rằng:

"Hai tên ăn cắp phải khép tội nặng là rất đúng. Nhưng nay nhân

dịp lễ đại khánh, gia ơn giảm bớt cho. Chiếu theo điều luật về hành vi lấy cắp những đồ thờ mà chưa được dùng để dâng tiến lên thần hay lên vua, xử phạt đòn mỗi tên 100 trượng, lưu đồ 3 năm để làm gương răn đe kẻ khác. [13a] Những khoản còn lại chuẩn y cho".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 6, Tỉnh thần Bình Định duyệt lại vụ án do quan huyện Bình Khê nghị xử tên Trần Trực can tội giết cha, đem tên Trực xử lăng trì, nhưng xin gia ân miễn cho tội chết mà phát vãng chung thân ra Lao Bảo. Bộ Hình phúc duyệt đổi thành xử trảm hành quyết ngay. Vua phê rằng:

"Con người mà giết cả cha mình thì là kẻ ngoan ngạnh ngu si đến cùng cực rồi, dẫu đem khép vào cực hình vẫn còn dư tội. Duy theo trình lời thuật thì là "mượn tên Sử bắn chết". Lại cứu xét lời cung khai thì kiểu chữ là chữ viết tay bằng chữ Hán viết ngược. Rồi lại xét tên này trước sau tỏ ra bức bách cùng đường, mà những lời khai về sau còn nhiều điểm sơ hở đáng ngờ. [13b] Xét về luân lí thì dù có nghi ngờ hay không can tội thí nghịch thì kẻ chủ mưu đã đáng phải chịu tử hình rồi. Nhà ấy bạc phước nên mới xui khiến ra như thế. Và tên ấy ngày thường sống bất lương thế nào hẳn huyện viên đã xem xét cẩn thận rồi. Vậy truyền chuẩn y thỉnh cầu của huyện viên, gia ân miễn tội chết cho tên ấy, phát vãng chung thân ra Lao Bảo, gặp những dịp đại xá cũng không xét tha. Còn những điều khác chuẩn y cho. Truyền thi hành".

Tháng 9, Phủ thần phủ Thừa Thiên đệ trình việc xét xử vụ án bọn tên Mộc bắt trói và giết chết cả nhà tên Tuế gồm 4 người ở xã Đại Lộc, nghị xử tên Mộc tội trảm; tên Cháu, tên Bản, tên Khang hoãn cho tội chết, phát vãng ra Lao Bảo; tên Tây 9 năm khổ sai; hai tên Trần Soạn, Trần Xưng 7 năm khổ sai; Hồ Hinh và Lê Hoạt phạt trượng cho chuộc bằng tiền. Bộ thần Bộ Hình đề nghị sửa lại tên

Soạn, tên Mộc, tên Cháu xử trảm; các tên Hồ Tây, Lê Bản, Trần Khang [14a] đều phát vãng Lao Bảo chung thân, đại xá không xét tha; Trần Xưng 9 năm khổ sai; còn lại y theo nghị xử của phủ. Viện thần Viện Cơ mật phúc duyệt sửa lại các tên Trần Khang, Đoàn Cháu xử trảm; Trần Xưng trảm giam hậu; Hồ Hinh phạt đòn 60 trượng, đồ 1 năm; còn lại y theo nghị xử của Bộ. Nay trình bày dâng lên đợi chỉ. Vua phê rằng:

> "Vụ án này nghị xử của Viện đã gần thỏa đáng, nhưng xét cho kĩ vẫn là quá nặng. Như tên Khang tuy là đứa cầm đầu nhưng không phải là kẻ chủ sát, không nhẫn tâm như tên Cháu, tên Mộc. Tên Xưng tuy là đồng mưu nhưng không giống như tên Soạn ngầm mưu từ lâu, đến khi xảy ra sự việc lại cố tình tảng lờ như không hay biết, [14b] không như tên Hồ Hinh có biết dăm ba chữ nghĩa mà vẫn dự mưu, vô tình không như bọn tên Hoạt, nên những tên đó nên lượng xét mà giảm nhẹ xuống để tình hình bớt căng thẳng. Huống chi nay nhân gặp dịp ngài Giám quốc mới của Quí quốc vừa lên cầm quyền, và ngày Quốc khánh kỉ niệm 50 năm nên Cộng hòa của Quí quốc thì cũng như ngày đại khánh của Nam triều, chính là dịp gia ân. Vậy truyền cho Viện thần nghị xử lại, lượng xét giảm nhẹ hình phạt rồi phúc tấu thi hành".

Sau đó Viện thần phúc tấu về vụ án này, trừ những tên Đoàn Cháu, Nguyễn Mộc, Trần Soạn có tội tình nặng và những tên Lê Bản, Hồ Tây, Lê Khánh xin vẫn giữ nguyên nghị xử lần trước ra, những tên còn lại xin gia ân giảm nhẹ bớt hình phạt để tỏ sự thương xót. Vua phê lại rằng:

> "Lời phê gia ân của trẫm là nhằm để tỏ thịnh đức nhân ngày Quốc khánh của Quí Bảo hộ, chứ không phải xuất phát từ ý riêng tư. [15a] Theo như phúc tấu của Viện đã chiếu luật lượng giảm cho các tội danh, tuy đã hợp nhưng vẫn chưa tỏ rõ được ý

của trẫm. Huống chi về tiểu sử và hoàn cảnh của các phạm nhân ấy trẫm cũng đã biết cả. Trẫm muốn Viện lần nữa thể ý trẫm mà lượng xem xét lại sao cho tỏ rõ được thịnh đức của pháp đình. Quí Khâm sứ Đại thần cũng nên thể ý không lấy làm phiền thì tốt biết bao. Đối với tên Mộc, tên Cháu, tên Soạn nên gia ân thêm mà hoãn cho tội chết, phát vãng chung thân ra Lao Bảo, đại xá không được xét tha; tên Khang cùng với tên Bản, tên Tây nên gia ân thêm mà phát vãng ra Lao Bảo làm lao dịch, gặp dịp đại khánh có thể lượng xét giảm (luật này không có nhưng châm chước thi hành). Còn những tên khác không bị khép tội nặng thì không cần phải nghị xử lại, đều chuẩn y cho. Truyền xem xét lại thỏa đáng rồi phúc tâu lên đợi chỉ thi hành".

Sau đó Viện thần tuân mệnh thảo luận với bên Quí tòa rồi tâu rằng, kính nhờ đức hiếu sinh rộng lớn của Hoàng thượng nên bọn phạm nhân ấy được nhận sự nhân đức mà giữ toàn tính mệnh. Quí Đại thần [15b] cũng rất lấy làm hân hạnh được thể theo tấm lòng của Thánh thượng.

Mùa đông, tháng 10, Tỉnh thần Thanh Hóa kính đệ trình bản án do phủ Thiệu Hóa xét xử tên cướp Phạm Đức Chung, xin xử theo chính pháp. Quan Viện Cơ mật duyệt lại và thảo luận với Quí tòa phúc y án, đồng thời xin đợi chỉ gia ân. Vua phê rằng: "Chiếu xét bản nghị xử rất đúng, truyền chuẩn y cho". Sau đó Viện thần lại niêm phiếu tâu hỏi rằng, tên phạm Chung ấy nên y theo nghị xử chính pháp hay nên gia ân hoãn cho tội chết, kính chờ Chỉ dụ. Vua phê rằng:

[16a] "Xét án hình phải có lòng thương xót, điều đó trẫm đâu phải không biết. Huống chi phàm khi các phiến, sớ, trần tấu đưa lên trẫm không bao giờ không xem đi xem lại nhiều lần, suy nghĩ rà soát xem đã đáng hay chưa rồi mới phê vào cho thi hành, chứ không những người vô tâm làm việc nước mà qua loa cho

xong chuyện. Vụ án này bên Quí Khâm sứ cũng đã phúc duyệt rồi, cứ việc chiếu theo chữ phê "nghị xử rất đúng, truyền chuẩn y cho" mà tuân hành, nếu có gia ân thì tự trẫm sẽ có lời phê, hà tất phải hỏi lại".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 8, Phủ thần Thừa Thiên xét xử vụ án bọn Bùi Khánh, Hoàng Trọng Kính giữa ban ngày cướp đoạt tài sản tại nhà của thị Hiên, giết chết người hầu gái thị Nghiễm, cả hai tên đều kết án xử trảm thi hành ngay, đồng thời nghị xin xét thưởng cho những người điều tra truy bắt được tội phạm là Tòng sự sở Hỏa xa Hoàng Huyên, Lí trưởng Trần Nho, Phám sự Ưng Đệ, Kinh lịch Trương Quang Nhạ. [16b] Quan Bộ Hình phúc duyệt xin y theo, đồng thời đề nghị hai viên Phủ doãn và Phủ thừa ở phủ ấy đã tận tâm điều tra truy bắt và sớm làm rõ vụ án, xin hội đồng xét thăng thưởng. Viện thần Viện Cơ mật duyệt lại, cho là phù hợp. Tuy nhiên, mất một mạng mà đền lại bằng hai mạng tội phạm thì là hình xử quá thảm, cho nên đối với Hoàng Trọng Kính là tên lập ý đồ và ra tay hạ thủ xin y theo xét xử của phủ, còn Bùi Khánh là tên hạ thủ nhưng không phải là lập ý đồ thì xin đợi gia ân hoãn cho tội chết. Bên Tòa phúc nghị rằng tên Khánh đã cắt đứt một tay rồi đánh chết người hầu gái gần đến mức đầu lìa khỏi thân, thực vô cùng độc ác. Chiếu theo điều khoản Hình luật (điều 251, đoạn thứ 2) qui định rằng: "Lấy được tài sản mà giết chết mạng người thì thủ phạm, tòng phạm và kẻ tham gia vào án đều bị xử trảm quyết thi hành ngay", vì vậy xin y theo như nghị xử của Phủ. Viện thần tâu trình lên, vua phê rằng:

[17a] "Khi xử án không chỉ dựa vào điều luật, thấy chép như thế nào thì cứ dứt khoát chiếu theo đó là xong. Án tích thì như thế, nhưng còn phải rộng lòng tha thứ, suy luận lí lẽ, thẩm xét tình thế, lượng xét về tình sao cho toàn diện, không để oan khuất thảm thương, rồi hãy phán xử thì mới đảm bảo công minh và không quá lạm hình.

Theo trình bày về vụ án này, tên Kính và tên Khánh cướp của giết người, theo lí mà chiếu trong điều luật ghi chép thì đều khép vào trọng tội cao nhất xem ra dường như đã thích hợp. Nhưng rắp tâm ban đầu của hai tên này vốn chỉ nhằm cướp đoạt tài sản, nên hành động cướp mà không bắt ai. Đến khi sự việc xảy ra phải giết thị Nghiễm cũng chỉ nhằm vào đồ vàng bạc của chủ nhà mà không có ý định làm hại tính mạng người, đó là một điểm; Hai kẻ dũng phu khỏe mạnh mà cùng hợp sức giết một người con gái yếu đuối như thị Nghiễm, lẽ nào đó là có ý định trước, đó là hai điểm. Có lẽ là vào lúc đó bọn ấy quát nạt người hầu để đòi của, không ngờ thị lại kêu la khiến chúng sợ người xung quanh nghe biết, nên đánh thị bị thương. Đánh bị thương không xong lại đánh thị trọng thương. [17b] Đánh trọng thương cũng không xong đành bất đắc dĩ phải giết thị. Như thế bọn ấy không phải là hung phạm thực sự dùng sức mạnh giết người để đoạt tài sản, làm sao có thể đánh đồng với nhau mà xử trọng hình. Chỉ bằng căn cứ vào điều luật về tội ban ngày cướp tài sản làm người bị thương, trong đó qui định kẻ thủ phạm xử trảm giam hậu, tòng phạm xử 100 trượng, lưu đồ 3000 dặm. Nếu còn muốn gia nặng thêm thì xử thủ phạm trảm quyết thi hành ngay, tòng phạm phát vãng ra vùng viễn biên, như thế mới thỏa đáng. Riêng hai tên này cũng khó xác định đứa nào là thủ phạm, đứa nào là tòng phạm. Tên Khánh lúc đầu là tòng phạm, nhưng làm sự lại là đứa hạ thủ trước; còn tên Kính là đứa nảy sinh ý định cướp tài sản trước nhưng lại không là chủ sai khiến sát hại mạng người. Đó là điểm khó giải quyết. Ý trẫm bàn là chém một tên, phát vãng một tên, căn cứ vào phúc đáp của Quí Khâm sứ Đại thần xác định tên nào thì tùy đó mà thi hành.

Còn đối với việc nghị thưởng thì những công tích ấy đều nằm ngoài phận sự phải làm. Người phía Quí Bảo hộ cho rằng tuy xét

thường là không đúng, nhưng Quí Khâm sứ [18a] cũng đã phúc đáp rằng nên tạm chuẩn y theo lời thỉnh cầu. Còn bọn phủ thuộc như Trương Quang Nhạ nếu có công lao gì thì cũng nghị thưởng riêng. Tuy nhiên vụ việc này lại phát sinh ngay vùng sát với Kinh thành. Điều đó liên quan đến phủ Thừa Thiên thực hiện cấm phòng ra sao để khi sự việc xảy ra thì Quí Bảo hộ lại là người hay biết trước tiên. Đó là lỗi của ai? Đã không nghị bàn trách tội mà lại còn nghị bàn xét thưởng, sao lại tệ hại đến thế? Lại nữa, xử án là việc của Bộ Hình, vậy thì người chủ trì định tội không phải là quan Bộ Hình thì là ai? Thế mà tại sao ban đầu thì y theo nghị xử của Phủ xử trảm cả hai tên, đến khi Viện Cơ mật thẩm tra thì lại xin hoãn chết cho một tên, như thế hóa ra Viện Cơ mật làm chủ tịch rồi chứ còn là ai? Sao lại thiếu chủ kiến đến thế. Tất cả đều là do không có lòng thành thực tự tin, thế thì làm sao đôn đốc được đối với người của Quí Bảo hộ. Lỗi này ai phải chịu trách nhiệm đây? Phàm bàn việc phải sáng suốt, xử trí phải công bằng, dụng tâm phải thành thực thì làm gì cũng đem lại lợi ích, hà tất phải như thế. Truyền theo lời phê này mà thi hành".

[18b] Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 3, Quí tòa chuyển qua hồ sơ vụ án do Viện Thượng thẩm Bắc Kì nghị xử tử hình tên Nguyễn Đức Sự, mong Viện Cơ mật gửi tấu lên chờ phán định. Vua phê rằng:

"Trẫm xem hồ sơ vụ án này thấy rất mù mờ uẩn khúc không rõ ràng. Giá như là sự việc ở Trung Kì thì phải được cứu xét xác minh cho thỏa đáng. Nhưng Quí quan Thủ hiến Viện Tư pháp Đông Dương đã phê rằng đổi hình phạt sang khổ sai chung thân, xem ra cũng đã hợp, nên tạm chuẩn y cho. Việc xử án muốn cho lí lẽ rõ ràng, tránh được những sai sót xử oan, xử lạm điều cốt yếu là phải minh xét. Trước nay trẫm đã xem trong

nhiều vụ án của Bắc Kì, [19a] việc kết án từ cấp sơ thẩm trở lên chưa thấy có vụ nào làm được tốt hơn Trung Kì".

Mùa đông, tháng 10, vua xuống sắc bảo Bộ Hình rằng:

"Trước nay các bản án xử phạt quân, đồ, trượng đều không phải nhập tấu, cốt là để tránh phiền hà. Nhưng gần đây trong dân gian luôn có người đi kêu oan, trẫm thấy rất thương dân chúng bị điều uẩn khúc, không thể không xem đến, thành thử càng thêm bận rộn. Vậy truyền chuẩn cho từ nay, trừ những án tử hình phải theo lệ tâu xin thi hành ra, đối với các án xử phạt quân, đồ, trượng sau khi đã bàn xét thỏa đáng xong, chuẩn đem tên thủ phạm tội nặng nhất vào nhập tấu. Nói chung, hễ có án nào mà tình lí còn nghi ngờ thì trích lấy ra xem xét xin điều tra thêm, lại nghị xét thỏa đáng lần nữa sau đó theo lệ trích tâu lên chờ ngự lãm, cốt để tỏ ý thận trọng khi xử lí án hình".

GIA THƯỞNG

[20a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 8, Dụ rằng:

"Triều chính hưng thịnh đa phần nhờ người hiền phụ giúp; Quân quyền vững chắc trước tiên phải tiến cử tài năng. Công to thì thưởng hậu, nào ngại phân biệt thân sơ; Đức cả cất quan to, chẳng hề ngại ngần tránh né. Thần dân ai cũng dốc một lòng, khuông phù xã tắc; Ân điển cứ hiền là ban thưởng, lệ ở trong tâm. Cốt nhằm thêm hăng hái cần cù, cũng để dẹp thói xưa lười biếng.

Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần, Phù Quang tử Tôn Thất Tố, hồi trước nhậm chức tại trọng trấn Hoan châu có nhiều chính tích tốt đẹp, rồi sung về

Viện Cơ mật làm việc [20b] càng thể hiện sự cẩn thận lão luyện. Từ khi trẫm lên ngôi đến nay vẫn một dạ khuông phù, có nhiều đóng góp hữu ích đối với triều chính lúc ban đầu, là người tài năng trong Hoàng tộc.

Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Công bộ Thượng thư, kiêm Binh bộ sự vụ, sung Cơ mật viện Đại thần, Phúc Môn tử Nguyễn Hữu Bài, can đảm cơ mưu, thấy sự việc dám nói, được nước bạn quí trọng. Hồi trước từng mưu tính sẵn để dẹp yên biến loạn, nghị bàn hợp thời, sắp đặt ổn thỏa, trợ giúp đắc lực. Lại còn mộ nghĩa quân cứu viện Tây Âu, lo ngoại giao định mưu kế lớn để giữ yên xã tắc. Kiến thức sâu rộng thực đáng khen. Khi về cận kề phụ tá cho trẫm thì một lòng canh cánh lo nước lo dân, thật đúng là bề tôi xã tắc.

Hai người vốn nên để bạt để phát triển tài năng, nhưng vì vừa mới được Quí Bảo hộ thưởng trao Bắc đẩu bội tinh hạng ba, lại cùng vẻ vang nhận ân ban của trẫm, do vậy không nên gấp tiến. [21a] Nay truyền chuẩn đều tấn phong cho tước Bá để tỏ lòng tri ân.

Còn Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hộ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại thần Đoàn Đình Duyệt, ngày trước nhậm chức ở Hoan châu có nhiều tiếng tốt. Trong lúc tình thế khó khăn biết dốc lòng trù hoạch, dẹp tan giặc phỉ, giữ yên châu quận. Lúc chuyển trông coi các trấn Nghĩa Định cũng lập được nhiều chính tích. Công lao và tài năng ấy thực đáng khen thưởng. Vậy truyền tấn phong cho là Ninh Lãng nam để được đội ơn lớn vẻ vang và bày tỏ đãi ngộ đặc biệt.

Những thủ tục thích hợp truyền cơ quan hữu ti chiếu theo lệ cũ mà tuân hành".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa thu, tháng 7, nhân dịp mừng kỉ niệm ngày chính thể Cộng hòa của Quí quốc, Viện Cơ mật đệ

phiến nói quan viên văn võ trong ngoài Kinh làm việc vất vả, xin xét ban thưởng cho. [21b] Vua phê rằng:

"Nhà nước thưởng phạt là phải thích đáng, có thế ơn ban ra mới biết vinh, phép thi hành mới biết nhục, vì thế không được để lẫn những người không xứng đáng mà dự vào đó".

Tháng 11, công việc tu bổ Tư Lăng hoàn thành. Vua phê rằng:

"Các quan đã thể lòng hiếu nghĩa của trẫm mà tiến hành tu bổ Tôn lăng, nay may mắn đã hoàn tất công việc, thực là vất vả đáng được khen thưởng. Nay ban thưởng cho Tiền lãnh Công bộ Nguyễn Phúc Môn, Hiện lãnh Công bộ Đoàn Ninh Lăng và Khâm phái Chánh Đồng lí Hồng Đóa, mỗi người một chiếc Kim khánh hạng nhất; ban thưởng cho Phó đồng lí Lê Thuận Phác một chiếc Kim khánh hạng ba [22a] để cùng đội hưởng ân đức, truyền chiếu thi hành. Còn đối với những người phái thuộc từ Bộ Công và Bộ Binh tới, và chỉ huy các công sở bổ sung tham gia, nếu có ai chăm chỉ làm việc vất vả đáng khen thưởng thì kê thành phiến phúc tâu lên đợi chỉ".

Năm Khải Định thứ 3 [1918], mùa hạ, tháng 4, Nguyễn Văn Hiền, Hồ Đắc Khải khâm phái sang Tây nay trở về Kinh phục mệnh. Viện thần Viện Cơ mật đem sổ nhật kí biên chép tình hình trông coi binh lính và thợ thuyền của hai người thay mặt đệ trình lên. Vua phê rằng:

"Nguyễn Văn Hiền phụng mệnh sung vào đoàn Khâm phái sang Tây, trải qua muôn non ngàn biển, thập tử nhất sinh mà đến nơi được yên ổn, từ phương xa tuyên dương quốc mệnh. Trẫm từng xem những tấu chương tâu về công việc ở nơi xa xôi, thực là một lòng hoàn thành chức sự, rất đáng ngợi khen. Truyền chuẩn chế tác để ban thưởng cho một chiếc Kim khánh hạng nhì, một bên khắc chữ *Đặc bao viễn cán*, [22b] một bên khắc

chữ *Khải Định sắc tứ* để tỏ ân sủng vẻ vang đặc biệt. Hồ Đắc Khải cũng cùng phụng mệnh lặn lội phương xa, vất vả gian khổ. Truyền chuẩn ban thưởng cho một chiếc Kim khánh hạng ba, một bên khắc chữ *Viễn lao khả tưởng*, một bên khắc chữ *Khải Định sắc tứ* để cùng hưởng ân sủng. Truyền cho Viện thi hành và chiếu báo cho đương sự biết".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 11, nhân gặp dịp lễ Đại khánh mừng Thánh thọ ngũ tuần ban thưởng Long tinh các hạng khác nhau cho quan viên trong ngoài Kinh. Dụ rằng:

"Lập công vẻ vang thăng trật, triều đình khích lệ thưởng khen; huân chương rạng rỡ biểu dương, thời đại văn minh mới có. Nhiều nước chế ra Bội tinh để thưởng cho người có công, đó là cách làm rất hay. [23a] Tiên triều nước ta Hoàng khảo Hoàng đế ngay từ buổi đầu trung hưng đã phỏng theo cách đặt Bội tinh của các nước mà ngự chế ra Long Bội tinh để ban thưởng cho người có công lao, đó đúng là thêm một điểm mới của thời đại văn minh. Ba mươi năm qua, Quí Bảo hộ đã thu những Bội tinh đó mang về Quí triều đình bên Pháp dùng để ban thưởng. Trẫm ngay khi mới lên ngôi đã cùng Quí Toàn quyền Đại thần Sa Lộ chuyển lời lên Quí triều đình Pháp trình rằng: Những chiếc Long Bội tinh này là do Tiên đế chúng tôi ngự chế ra, xin Quí triều đình cho phép giao trả những Bội tinh đó để dùng ban thưởng cho sự thể được long trọng. Đến năm ngoái chính phủ Quí quốc mới nghị bàn quyết định nhượng trả về cho trẫm. Trẫm ban sắc cho Viện Cơ mật dựa theo cách thức cũ [23b] mà chế lại Bội tinh mới, chia ra làm 5 hạng, chỉ có màu dây đeo là đổi khác cho hợp với thời đại. Nay đã gần tới ngày Đại lễ mừng Thánh thọ ngũ tuần. Quan viên trong ngoài từ lâu đã làm việc vất vả nhiều, cần phải tùy công mà xét thưởng để mọi người cùng được phấn vinh dự vẻ vang mà càng thêm phấn khởi.

Truyền thưởng cho: Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Lại bộ Thượng thư, kiêm Hộ bộ sự vụ, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài một chiếc Chương hiền Bội tinh hạng nhì;

Truyền thưởng cho: Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Học bộ Thượng thư, kiêm Lễ bộ sự vụ, Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung và Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Công bộ Thượng thư, kiêm Binh bộ sự vụ, Ninh Lãng nam Đoàn Đình Duyệt mỗi người một chiếc Biểu đức Bội tinh hạng ba;

Truyền thưởng cho: Nam Ngãi Tổng đốc Từ Thiệp và Tham tri gia hàm Thượng thư Nguyễn Tri Kiểm mỗi người một chiếc Minh nghĩa Bội tinh hạng tư;

Truyền thưởng cho: Tôn nhân phủ Hữu Tôn khanh Ưng Hào, [24a] Lại bộ Tham tri Nguyễn Hữu Chuyên, Lễ bộ Tham tri Bửu Thạch, Binh bộ Tham tri Nguyễn Duy Tích, Hình bộ Tham tri Ưng Doanh, Công bộ Tham tri Phạm Đăng, Tham tá Các vụ Phạm Viên, Hoàng Hữu Hoàn, Học bộ Thị lang Ưng Ân, Quản lí Thị vệ Nguyễn Hữu Tí, Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản, Thự Đô thống Phạm Thế Năng, Chưởng vệ Lê Viết Nghiêm, Thừa Thiên phủ Phủ thừa Khiếu Tam Lã, Thự An Tĩnh Tổng đốc Trần Đình Bách, Hà Tĩnh tỉnh Tuần phủ Nguyễn Khoa Tân, Bình Thuận tỉnh Bố chính Tôn Thất Đàn, Quảng Bình tỉnh Bố chính Nguyễn Đình Hiến, Bình Định tỉnh Bố chính Ưng Đồng, Hà Tĩnh tỉnh Bố chính Tôn Thất Chử, Thanh Hóa tỉnh Án sát sứ Hoàng Kiêm, Nghệ An tỉnh Án sát Vương Tứ Đại, Quảng Trị tỉnh Án sát Nguyễn Thúc Doanh, Khánh Hòa tỉnh Án sát Hoàng Đại Bỉnh, Phú Yên tỉnh Án sát Ngô Đình Khôi, [24b] mỗi người một chiếc Gia thiện Bội tinh hạng năm.

Các khanh hãy tuân mệnh đeo vào để tỏ niềm vinh dự. Làm việc càng phải chăm chỉ, hết lòng vì quốc gia, sao cho văn võ đều tiến bộ, không phụ lòng hết mực biểu dương của nhà nước".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 2, vua dụ Phủ thần phủ Thừa Thiên rằng:

"Ở vùng sát cạnh cửa ngõ Kinh sư gần đây dân tình khó khăn khốn khổ, nhiều người sắc mặt vàng vọ. Phủ thần phủ đó đã biết điều hòa cứu tế, thực hành phát chẩn, tuy chưa chu cấp được cho hết cả nhưng dân cũng nhờ đó mà vơi được một phần khó khăn, thực là đáng khen. Nay truyền thưởng cho Phủ doãn Nguyễn Văn Hiền một đồng Kim tiền hạng nhất, [25a] Phủ thừa Khiếu Tam Lã một chiếc Kim khánh hạng nhì, đều có dây để đeo. Các khanh hãy thể lòng hiếu sinh của trẫm, thể hiện sự mẫn cán mà tận tâm chăm lo việc dân, đó là điều trẫm vô cùng mong mỏi vậy. Truyền lập tức thi hành".

Tháng 11, vua phê bảo quan Bộ Lại rằng:

"Các nước khác sở dĩ trở nên giàu có hùng mạnh đều là nhờ họ có được nhân tài để phát minh ra những máy móc tinh xảo văn minh. Nước ta thì thuần chất quá, ít kiến thức, việc gì cũng chỉ làm theo sau các nước. Trẫm luôn coi đó là một mối lo ngại sâu sắc. May nhờ được Quí Bảo hộ dẫn dắt nên tình trạng dân ta cũng khá lên được một hai phần, trẫm rất lấy làm mừng, đáng nên khen thưởng để khuyến khích. [25b]

Xem như việc Bạch Thái Bưởi ở Bắc Kì mới chế tạo được chiếc tàu thủy gọi là Bình Chuẩn rất khéo, tốt không thua kém gì công nghệ bên châu Âu. Chiếc tàu này là do tay thợ nổi tiếng Nguyễn Văn Phúc làm ra, cả chủ và thợ đều là người Nam ta cả. Ngày 23 tháng 7 vừa qua, khi trẫm tới thăm Quí Toàn quyền và tham quan tàu chiến ở Đà Nẵng thì vừa gặp lúc tàu này cũng vừa cập bến vào cảng nên có may mắn được ngắm xem, quả nhiên tàu ấy là do chủ ta thợ ta đồng lòng hợp sức mà chế tạo ra. Nước ta vốn dĩ của ít thợ vụng. Nếu không có Bưởi dám bỏ tiền của ra thì đâu có việc cho Phúc thi thố, mà

không có tài khéo của Phúc thì tiền của của Bưởi cũng thành uổng phí mà thôi. Hai người này đã nêu cao tấm gương về sự tiến bộ văn minh cho người nước ta mai sau soi vào. Vậy truyền chuẩn thưởng trao cho Bạch Thái Bưởi hàm Hàn lâm viện Thị độc, Nguyễn Văn Phúc hàm Hàn lâm viện Kiểm thảo [26a] để hai người được đội ơn mà càng thêm khích lệ phấn đấu hơn nữa".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 6, chuẩn thăng thưởng cho Thái thường tự khanh Nguyễn Đăng Tam hàm Tuần phủ. Vua dụ rằng:

"Nguyễn Đăng Tam tòng sự cho Quí Bảo hộ đã lâu năm. Nay Quí Khâm sứ Đại thần xét thấy viên quan này luôn một lòng chân thành đối với cấp trên. Vả lại hàng ngày trẫm cũng đã biết viên này lễ nghĩa vẹn toàn, kiến thức sâu rộng, thực rất đáng quí trọng. Nay Quí Đại thần xin thưởng cho y hàm Tuần phủ, cũng là hợp với ý của trẫm. Truyền chuẩn y trước lục qua Nội các tuyên lời Dụ thi hành, đồng thời báo cho Bộ Công [26b] chiếu theo đúng cách thức chế chiếc thẻ bài, trên có khắc chữ *Hàm Tuần phủ* cấp cho để đeo khi vào thị hầu".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 2, chuẩn thăng thưởng cho Hồng lô tự khanh Lê Bá Cử là Thái thường tự khanh. Dụ rằng:

"Hồng lô tự khanh Lê Bá Cử nguyên là cựu thần khi trẫm còn là Thái tử, do công khai khẩn đất đai đã được thưởng hàm. Từ khi trẫm lên ngôi tới nay, nhiều công việc sai phái đều mẫn cán đắc lực. Gần đây kính vâng chỉ chế tác hai Tôn sở Vạn Niên, phần nhà đá đã làm xong rất hoàn chỉnh đẹp đẽ, hiện đang làm tiếp Huyền cung Vạn niên, thực rất vất vả. Vậy truyền thăng thưởng cho là Thái thường tự khanh để tỏ lòng khen ngợi khuyến khích. Khanh hãy bền lòng vững chí, khỏi phụ mệnh trẫm".

[27a] Mùa hạ, tháng 4, Viện Cơ mật tâu trình về việc các tỉnh tư đệ xin thưởng cho các quan viên đã hiểu dụ tuyên truyền khuyến khích việc mua công trái. Vua phê rằng:

"Triều đình nuôi quan lại là để trao cho chức mà nắm giữ các công việc, thế thì người có chức phận phải cốt sao ra công cố sức mà làm tốt công việc được giao. Thực hiện chức phận đáng phải làm, thế thì có gì mà phải khuyến khích khen thưởng? Huống chi xét khoản công trái đó là dùng làm đường sắt để dân chúng đi lại thông thương được tiện lợi, việc đó đâu phải cái lợi ích thiên tư cho triều đình. Vậy truyền đình bãi việc xét thưởng đó. Nếu cần xét xét thưởng chăng chỉ nên xem xét trong các tổng, lí thuộc hạt có người nào quả là có tấm lòng, có công lao thì hãy thưởng cho họ".

Tháng 8, bên Quí tòa đệ chuyển tờ tư của Công sứ tỉnh Nghệ An xin truy thưởng phẩm hàm cho Trưởng ty Xe điện Phạm Văn Phỉ, Viện Cơ mật đệ phiến xin đặc cách truy thưởng cho y là Hàn lâm viện Điển tịch. [27b] Vua phê rằng:

"Xét thấy lời thỉnh cầu truy tặng cho Phạm Văn Phỉ là rất không phù hợp với thể lệ. Lí lẽ đề nghị bác bỏ của Viện thần đã rất đúng, sao lại còn dâng trình lên để lượng thẩm xét lại làm gì cho mất phép công. Hơn nữa đã nói *đặc cách* rồi lại bảo *không thể vin vào*, thì nghe không thông. Hai chữ *đặc cách* ấy lẽ nào là việc Viện thần nên tự làm? Viện thần nên biết rằng, tình nghĩa giữa Bảo hộ với Nam triều đang ngày càng trở nên mật thiết, mọi công việc chung thấy đúng thì làm, còn không thì phải bàn bạc thảo luận sao cho thỏa đáng, nếu là vì lợi ích chung thì phía Bảo hộ nào có cản trở. Bảo hộ cũng đâu có ý đưa các Công sứ sang làm chủ Nam triều".

Tháng 9, Viện Cơ mật liệt kê tâu trình danh sách những người

vui lòng trợ giúp mua công trái do bên Quí tòa tư sang xin nghị xét thưởng. [28a] Vua phê rằng:

"Về việc xét thưởng đối với khoản công trái này, trước đây trẫm cũng đã có lược phê rồi. Viện thần bảo hễ ai mua nhiều thì xét thưởng, tức là cứ ở hạt nào có người nào bỏ tiền ra mua công trái nhiều hơn những người khác trong hạt thì được xét thưởng. Không thể nói phóng ra như thế được. Triều đình đặt ra quan chức là để cho chạy công việc và để đền đáp công lao, có lí đâu nói hễ cứ bỏ nhiều tiền là ngang nhiên được nhận chức quan hết ráo cả, không những thế mà chính sách quyên góp thì cũng trở thành là bỏ ra tiền vốn lớn để có được cái hàm danh nhỏ. Quốc trái hiện nay đem lại cái lợi cho dân tưởng cũng không đáng là bao. Có người chỉ bỏ ra một vốn mà trúng số thì đã thu lãi về từ hàng trăm trở lên cho đến hàng vạn. Bây giờ đã có thì tương lai sẽ không thiếu những người chẳng cần mất vốn mà vẫn mong kiếm lợi. Nhà nước vì sao cứ phải phiền phức tốn kém của dân để khư khư duy trì cái lối trao thưởng kiểu ấy. Cứ mỗi hạt lại có biết bao nhiêu quan hàm, [28b] trong tương lai với đà bỏ tiền của mua quan chức như thế thì chẳng mấy chốc khắp trong nước không còn một mống bạch đinh nào. Huống chi trong số người mua quốc trái, có người thì một mình góp số tiền lớn, nhưng cũng có kẻ mạo nhận gộp vốn của nhiều người khác thành số tiền lớn cho mình, thật cũng khó biết hết được. Trẫm luôn coi chức tước của triều đình làm trọng, không bao giờ dám khinh suất đem cho người, thế mà người ngoài vẫn còn xì xào bảo là đem bán phẩm trật quan chức để lấy lòng người khác. Huống chi hai nước đã tôn trẫm lên làm vua để phụng thờ tôn miếu, ngự trị muôn dân, chứ đâu phải lo chủ trì việc bán phẩm trật, để rồi lấy đâu ra đủ xe cộ mà chở cho hết quan. Việc này vốn không nên chuẩn y, nhưng vì Quí tòa đã có lời xin, vậy

truyền Viện thần thẩm xét thấy có người nào đích thực nên thưởng thì tự cho thi hành, chứ đừng gửi chất đống lên bàn làm việc của trẫm như thế này khiến cho trẫm cứ phải vất vả khổ sở cái tâm thần".

MINH PHẠT

[29a] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 6, Đổng lí Bùi Hữu Phú can tội để mất đồng, giao cho Bộ Binh điều tra nghị xử. Bộ thần tuân mệnh điều tra, nghị xin cách chức. Vua phê rằng:

"Khi đề cử sung Bùi Hữu Phú vào giữ chức Đổng lí, trẫm vốn đã biết về con người này, nên trong lời phê trẫm đã nghiêm khắc răn dạy, những tưởng y ắt tự biết tỉnh ngộ tuân theo lời dạy mà chăm chỉ việc công. Ai ngờ y chỉ chuyên tâm vun vén riêng tư, ngấm ngầm ăn cắp của công như một kẻ gian phi lừa lọc. Làm bề tôi mà lại như thế ư? Huống chi từ lúc được cất nhắc tới nay, xét thấy y có nhiều lời nói, hành động không hợp thể thống, mà làm việc cũng chỉ ở mức tầm thường, thế thì dùng y có ích gì. Với những tội vi phạm Chỉ dụ [29b] và ăn cắp vốn đã đáng bị cách chức đuổi về làm dân thường để răn đe kẻ khác rồi, nhưng vì nghĩ y cũng có thâm niên làm việc nên tạm khoan dung cho, chỉ giáng 3 cấp, lí chức. Truyền chọn người khác điền bổ vào vị trí khuyết. Tên lính hầu của y vì bị y sai khiến không thể không làm, nên truyền khoan hồng tha cho. Hai người lính canh đã có công tìm ra được tang vật ăn cắp nên chuẩn cho lượng xét khen thưởng, đồng thời sức báo rộng rãi cho quan binh ở các công sở để khuyến khích những ai tố giác ra trường hợp người nào lấy cắp của công đồ vật gì đều sẽ được

xét thưởng. Đối với công sở điện Cần Chính, truyền chuẩn cho Vũ Văn Kiêm sung làm Đổng lí".

Về sau, đến năm Khải Định thứ 4 xuống Dụ rằng:

"Bùi Hữu Phú hồi trước sung làm Đổng lí tu sửa điện Cần Chính can tội ăn cắp đồng bị giáng bốn cấp để giữ nghiêm qui tắc làm quan. Nay xét nghĩ viên ấy tuổi đã già, từng làm việc lâu năm, chuẩn cho phục hồi nguyên hàm [30a] về quê quán nghỉ hưu, chuẩn cấp cho hưu bổng".

Thủ hộ Phó sứ Hồng Ích can tội để xảy ra hỏa hoạn, lửa cháy lan cả vào khu cấm nội. Phủ tôn nhân hội đồng cùng Bộ Lễ lập biên bản khám nghiệm tâu lên. Vua phê rằng:

"Trời giao xuống cho các Tôn lăng là những nơi tối quan trọng, thế mà việc bảo vệ canh giữ làm không chu đáo khiến hỏi nọ đã hai lần phiến báo có bốc lửa. Trẫm vì nghĩ là do thời tiết nóng nực gây ra nên cả hai lần đều gia ân tha cho. Lần này lửa lại bén, càng thấy rõ là do canh giữ không cẩn thận mới khiến cho lửa cháy gây hại liên tiếp mấy phen [30b] mà vẫn còn tránh chớ lừa dối bề trên. Theo lời bọn ấy trình báo thì lửa cháy lan rộng khoảng 5 sào, có 15 cây thông bị héo vàng. Nhưng các viên do Bộ cử xuống khám nghiệm lại trình thưa rằng lửa cháy lan cả vào khu cấm nội đến 3 trượng, đủ thấy bên ngoài khu cấm nói 17 cây thông bị héo là không khớp với nhau, không thể tin được. Lại nghe Khoa đạo Tôn Thất Uyển vâng mệnh về thuật lại vết lửa cháy và số cây thông bị chết nhiều lắm, chứng tỏ cánh phái viên của Bộ không phải không có sự thông đồng với bọn canh giữ, che dấu cho nhau để chối tội. Triều đình không thể không giữ chữ tín, pháp luật không thể không giữ nghiêm. Vậy truyền cho Thủ hộ sứ Hồng Ích bị giáng bốn cấp, lĩ chức; Lãnh binh Hứa Văn Đại vì mới đến còn chưa thông thạo, truyền gia ân phạt bổng 2 tháng để cảnh cáo; Bọn Phó quản Đặng Chí, Chánh đội Tôn Thất Hối mỗi người

bị giáng 1 cấp, lưu chức, ghi lỗi vào lí lịch. [31a] Từ rày trở đi phải tăng cường phòng bị canh giữ, nếu vẫn để sơ suất sẽ bị nghiêm trị nặng hơn. Viên quan phụ trách tuần tra hàng tháng Trần Quang Trinh đường đường là bực Á khanh mà không biết chỉnh đốn thói tệ; Hữu Tôn khanh Ưng Hào là người trong Hoàng tộc mà không làm rõ điều sai trái; Khoa đạo Mai Hữu Dụng làm gián quan đã không quở trách tội lỗi, lại còn cam tâm hùa theo bọn ấy để mong êm chuyện, mấy người này cũng không thể tránh khỏi tội lỗi, vốn cần phải nghiêm trị cho đúng phép công, nhưng xét thấy là phạm lỗi lần đầu, truyền gia ân chỉ cảnh cáo, cho mỗi người bị giáng 1 cấp, lưu dụng. Trưởng bộ Lễ được giao chức trách đi tra xét mà không điều tra rõ ràng sự việc, đáng ra cũng phải cảnh cáo nhắc nhở, nhưng nghĩ rằng hiện nay công việc bận rộn, kiêm nhiệm cũng khó chu toàn, truyền gia ân tha miễn cho. Các người nêu trên truyền chiếu tri tuân hành".

[31b] Năm Khải Định thứ 5 [1920], tháng 12, viên quan Lục lộ Quí quốc ở tỉnh Quảng Trị là Loa Di bắt ép Tri huyện huyện Hướng Hóa Lê Chí Hàm phải thả tên Dược là phu làm thuê cho Sở Lục lộ (tên Dược hiện có tội đang bị giam để điều tra). Quan huyện cho là sự việc chưa bẩm lên trên nên không dám thả, Loa Di bèn đấm quan huyện bị thương. Tỉnh Quảng Trị tư trình sự việc lên Viện Cơ mật và nói rằng xét thấy bệnh tình của quan huyện không đến nỗi nặng lắm. Viện thần Viện Cơ mật tâu trình lên, đồng thời nghị xét Tỉnh thần tỉnh ấy không biết kịp thời khám nghiệm điều tra ngay là không đúng. Vua phê rằng:

"Căn cứ vào tư trình của Tỉnh thần tỉnh Quảng Trị và các lí lẽ trước sau của Viện Cơ mật thì tên Dược rõ ràng là dân ương bướng mà quan Tuần phủ cứ ngồi nhìn như là khách, không cai quản xử lí công việc nội bộ mà lại ủy hết cho Quí sứ điều tra xét hỏi. [32a] Có lí nào lại như thế. Huống chi Quí Bảo hộ với ta

luôn là nước bạn hòa hảo, làm việc luôn giữ thể thống, đối với kẻ mắc lỗi đều có cấp trên khu xử, nhẽ đâu để xảy ra hành động bừa bãi như thế. Quan huyện kia tuy chức bé nhưng là mệnh quan của triều đình cai quản vùng đất hàng trăm dặm vuông, bất kể bị đánh có bị thương hay không nhưng như thế đã làm mất thể diện của triều đình, tổn thương đến tình hữu nghị hai bên, thật rất khiếm nhã. Vậy đối với tên Dược ương bướng kia, truyền Viện Cơ mật chiếu theo luật của Nam triều nghị xử gia nặng mà thi hành trừng trị; Quan Phủ Trần Văn Thống không biết giải quyết sự việc, tạm thời sẽ có nghị xử riêng; Còn đối với viên quan Lục lộ Loa Di sẽ do Quí Khâm sứ hội cùng với Nam triều nghị xử. Viện Cơ mật cũng cử một viên quan ở Kinh tới điều tra chất vấn, phải chọn người có khả năng và không nên cho quan là người Quảng Trị tham dự vào việc này".

Viện Cơ mật tuân mệnh [32b] chọn cử Hình bộ Tham tri Ưng Doanh sung làm Khâm phái tới điều tra chất vấn rồi cùng với các phái viên đệ tập trình bày rõ duyên do. Viện thần duyệt và nghị tâu rằng: Việc quan huyện Lê Chí Hàm bị Lao Di hành hung đã làm tổn thương lớn đến thể thống của triều đình. Trong khi đó quan Tuần phủ lại tỏ ra bàng quan, mọi việc ủy thác cả cho viên Sứ thường trú, đến khi biết có dư luận bảo đó là công việc liên quan nhất thiết phải thi hành khám xét thì lại dùng lời hoa mĩ viện lí lẽ để lấp liếm cái sai của mình (Mới đầu Trần Văn Thống phúc trình lên Viện Cơ mật nói rằng viên Sứ thường thú bảo đi cùng thì bất tiện. Rồi lại nói lần này không thi hành khám xét điều tra vốn là có lí do. Về dư luận bảo là việc liên quan buộc phải điều tra, thì trong cả một đời[1] không thể

---

[1] Nguyên văn *chu chương:* theo lịch cổ cứ 19 năm gọi là một chương. Ở đây lời viên quan dùng thành ngữ *Chu chương bất vô nhất khích*, ý thanh minh trong suốt cả một thời gian dài thì khó tránh khỏi có một chút sai sót.

tránh khỏi có một kẽ sơ hở vân vân). Xét việc làm ấy thực là thiếu sót chức phận. Rồi sau khi đã nhận được lời phê khiển trách, viên quan ấy không những không chịu nhận lỗi ngồi im chờ mệnh mà lại còn gửi câu hỏi nêu nghi vấn lung tung (Hỏi rằng tên Dược ấy có nên giữ lại cho tỉnh nghị xử hay là như thế nào vân vân), [33a] lỗi vi phạm rất nặng. Xin chiếu theo luật Vi chế mà xử phạt đòn 100 trượng, giáng 4 cấp, lí dụng. Vua phê rằng:

> "Trần Văn Thống xuất thân khoa mục mà không rõ sự lí, không hiểu thể thống, chẳng biết đến vua tôi, thế thì cái học ấy để làm gì. Người xưa làm bất cứ chức phận gì đều không dám cẩu thả sơ suất chút nào, để cốt sao cho đạt sự lí, giữ thể thống, trọng cương thường. Huống chi viên quan Văn Thống kia địa vị đã liệt vào hàng chính khanh, được trọng dụng gửi gắm trông coi cả một vùng, thì phủ huyện ở đó chính là tai là mắt của y vậy. Thế mà để cho người ta đánh đấm người ở đấy, phỉ nhổ vào mặt ở đấy mà y coi như không hay biết, lại còn bảo cả đời chỉ để sót một kẽ hở. Kẽ hở mà không quan trọng thì còn có thể bỏ sót, nhưng ở giữa rốn mà có kẽ hở thì chẳng lòi hết ruột bẩn của y ra ngoài hay sao? Chẳng hay thể thống, sự lí để ở đâu? Viên ấy đã không biết bản thân đang mang lỗi bị khiển trách, [33b] lại còn uốn lưỡi nói ngang, sống sượng lấp liếm tội lỗi, khua văn ngăn trở mệnh chỉ. Rõ là trong cái học tự do bình đẳng đâu còn cái chỗ cho bổn phận vua tôi, nếu không sớm gột bỏ cái chất não ấy trong đầu, thì triệu chứng của cái thói ngông cuồng ấy dần dần càng lộ rõ, khi ấy sẽ không thể nào trị nổi hạng người càn rỡ như Văn Thống được đâu. Cứ theo như nghị xử bàn của Viện thần thì chiếu theo luật Vi chế mà xử phạt đòn 100 trượng, giáng 4 cấp, lí dụng là rất thỏa đáng, huống chi xét trong lí lịch viên ấy cũng chẳng tài năng mẫn cán gì hơn người. Nhưng nghĩ rằng viên ấy tòng sự đã lâu năm, tuổi cũng sắp tới kì nghỉ hưu,

nên tạm khoan dung một chút, gia ân cho giữ nguyên hàm trở về quê hưu trí. Về viên Án sát sẽ nghị xử xem ở bên dưới. Các khoản còn lại chuẩn y cho. Còn về chức Tuần phủ bị để khuyết, truyền điều Nguyễn Văn Hiền mang hàm Thự Tổng đốc lãnh chức Trị Bình Tuần phủ, để lại chức Phủ doãn, truyền Quảng Bình tỉnh Bố chính Nguyễn Đình Hiến đổi điều sang lãnh Thừa Thiên phủ Phủ doãn; [34a] truyền Nghệ An tỉnh Án sát Vương Tứ Đại chuẩn cho giữ nguyên hàm đổi sang lãnh Quảng Bình tỉnh Bố chánh Thủ hiến; Quảng Ngãi tỉnh Án sát Phạm Bá Phổ gần đây có lỗi trong việc thân sức dân chúng, lại có những điều tiếng khiến dân chúng phải khiếu nại lên triều đình, nên tạm chuẩn đổi lãnh Nghệ An tỉnh Án sát. Còn về Nguyễn Thúc Doanh và các Phủ viên cùng can lỗi, truyền đổi bổ làm Quảng Ngãi tỉnh Án sát; chức để lại truyền chuẩn cho Hồ Đắc Khải đổi bổ chức Quảng Trị tỉnh Án sát sứ. Truyền Viện thần bàn ổn thỏa rồi do Nội các phụng Dụ thi hành. Đồng thời sao lục các văn bản của Trần Văn Thống trình Viện Cơ mật cả lần trước và lần sau, hợp cùng lời phê này đệ trình sang để Quí Khâm sứ được biết".

Sau đó, Trần Văn Thống vì giấy thông hành không kịp lệ về hưu, qua Bộ Hộ trình xin truy thu. [34b] Vua phê rằng:

"Trần Văn Thống vốn không được chuẩn cấp hưu, nhưng vì nghĩ rằng viên ấy tòng sự đã lâu năm, nên tạm dung thứ cho. Truyền thu hưu bổ sung hạn rồi chiếu theo hàm mà cấp cho hưu bổng để tỏ sự gia ân".

Năm Khải Định thứ 6 [1921], Mùa thu, tháng 7, Hiệp tá Đại học sĩ, Ninh Lãng nam Đoàn Đình Duyệt mắc tội, bị giáng 2 cấp, thu hồi tước nam, mang hàm Tuần phủ về hưu. Bấy giờ có người dâng lên một cuốn sách xưng là của Hiệp sĩ Trung Quốc Lương Khải Việt (sách nói về việc phản nghịch chưa thành). Dòng chữ nhan đề ở

ngoài bìa cuốn sách nom giống với nét chữ của quan Công bộ tì Bát phẩm Phan Như Diêu (khi ấy tên Diêu can vào án gian bị giam giữ điều tra tại phủ Thừa Thiên). Vua bí mật sắc cho Nha Hộ thành lục soát nhà ở của y. Đoàn Đình Duyệt ngầm sai Bộ thuộc là bọn Đào Hữu Vân [35a] đến mở án thư đặt ở Bộ của tên Diêu để thủ tiêu hết giấy tờ của y. Sự việc bị phát giác. Quí tòa bàn với Viện Cơ mật giao cho Nha Hộ thành tiến hành xét hỏi. Viện thần tâu xin chọn cử một viên ấn quan để cùng điều tra. Vâng chuẩn cho Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản tới hội đồng cùng Nha Hộ thành tiến hành điều tra xét hỏi. Tiếp đó lại bắt được Tả quốc khanh Ưng Thiệu mang theo sách yêu thư trong người, Ưng Thiệu khai là Đoàn Đình Duyệt ngầm hứa trả công một nghìn đồng. Quan hội đồng trình sự việc lên Viện, rồi tâu xin được chuẩn giải chức Duyệt, đòi y tới Viện đối chất với Ưng Thiệu. Công việc điều tra xong xuôi, Viện thần nghĩ xử: [35b] Đoàn Đình Duyệt chiếu theo điều luật về tội tạo yêu thư yêu ngôn phạt đánh đòn 100 trượng, đồ 3 năm; Ưng Thiệu chiếu điều luật về tội "không nên làm" xử gia nặng phạt đòn 80 trượng, tòng tư, giáng 3 cấp, li chức. Những kẻ khác cũng lần lượt nghị xử rồi gửi sang Quí tòa phúc duyệt. Quan Khâm sứ Đại thần trả lời nói Ưng Thiệu là người thuộc Hoàng tộc, về lí đáng phải bắt giam. Viện thần phúc tâu lên. Vua phê rằng:

> "Xét để nghị xử trí Ưng Thiệu trong phúc đáp của Quí Khâm sứ Đại thần về vụ án này (Viện đề nghị xử giáng 3 cấp, li chức, còn Quí Đại thần cho rằng vì viên ấy là người thuộc Hoàng tộc, có khác với người thường, nên đáng phải phạt giam) thì biết rằng Quí Đại thần rất có ý thức tôn trọng quân quyền, tỏ ra kính yêu bản thân trẫm. Vì biết tính trẫm luôn xét đoán công minh và thi hành nhân đức, nên Quí Đại thần đã chuyển vụ án này cho trẫm phán xử quyết định. Thực rất lấy làm cảm kích khâm phục.

Về vụ này, qua những điều trình bày của Viện [36a] và xem trong các hồ sơ trẫm đã biết rõ cả. Xét thấy Đoàn Đình Duyệt nguyên là quan Đại thần nhất phẩm, tước vị cũng thuộc hàng thứ 5, chịu ơn đãi ngộ không phải không cao, ăn lộc không phải không hậu. Thế mà không nghĩ đến trên dưới để báo đáp triều đình, lại còn có hành động càn bậy dường như mưu đồ phản nghịch, thực không thể dung tha cho tránh khỏi tội chết. Việc làm của y Viện thần cùng hội đồng đã nghĩ xử chiếu vào điều luật tạo yêu thư yêu ngôn mà phạt trượng, đồ là rất hợp. Bởi cứ thẳng thừng chiếu lí khép vào trọng hình thì cũng không có gì là quá đáng, nhưng xét bản tâm của y thì trẫm rất hiểu. Viên ấy trước đây vốn mắc nhiều lỗi lầm, vì sợ tội nên cứ trăn trở suy tính, mong sử dụng cái tài văn nghệ để lập công thoát tội, nhưng ai dè trổ khéo lại thành ra vụng mới gây nên chuyện. Duyên bởi cái trí của y thấp kém, hiểu biết lệch lạc khiến y quá đà mà mắc sai lầm, chứ thực ra không có dị tâm chống đối. Xét tình cũng có thể rộng lượng dung thứ cho phần nào. [36b] Huống chi chính sách tôn trọng quan lại của triều đình chính là nhằm khích lệ cho họ biết liêm sỉ tiết nghĩa. Mặt khác lại nghĩ rằng viên ấy là một Đại thần quê ở Bắc Kì, một khi đã mắc phải sai lầm thì cố nhiên không đếm kể đến thân phận của y ra sao, nhưng chỉ vì nghĩ đến phẩm giá của một Đại thần, và cũng vì nghĩ đến thể diện của Bắc Kì nên có thể tạm bỏ qua cho y hình phạt trượng, đồ của tội tạo yêu thư yêu ngôn. Nay gia ân cho Đoàn Đình Duyệt truyền bị giáng 2 cấp, thu hồi tước nam, cho mang hàm còn lại là Tuần phủ về quê quán hưu trí, chuẩn cấp cho bổng hưu, còn những Bội tinh, Kim tiền, Kim khánh các hạng được ban trước đây chuẩn cho miễn phải giao nộp lại. Nếu sau khi bị truất mà viên ấy biết tu tỉnh giữ gìn để không có điều tiếng xấu thì đến năm nào nhân có dịp khánh tiết sẽ được nghị

xét riêng để y bảo toàn được ân huệ đãi ngộ của triều đình. Là đạo của bề tôi thì phải biết đến ân đức của triều đình mà tận tâm làm trọn bổn phận sao cho ích nước lợi dân, lưu lại danh tiếng lâu dài mai sau, [37a] chứ đừng có bắt chước hạng người như Đoàn Đình Duyệt thì khó mong được vin hưởng khoan hồng tha thứ.

Còn về Ưng Thiệu là người chí thân trong Hoàng tộc, tước vị cũng cao quí vẻ vang liệt vào hàng áo tía, thế mà không nghĩ đến bồi đắp tôn tộc, củng cố xã tắc, lại nảy lòng tham trước mối lợi một nghìn đồng bạc. Giả như đã biết được việc phạm pháp xấu xa sớm đem cáo giác thì có phải vừa tránh được hại cho quốc gia mà bản thân lại được vinh dự nhìn nhận. Thế nhưng vừa thấy cái lợi là quên cả nghĩa, nỡ lòng dây vào việc xấu, may mà mưu gian sớm lộ nên tránh xảy ra tàn hại, chứ nếu không để nó ngấm ngầm phát triển lan rộng, sau này lành dữ thế nào cũng khó đoán trước được. Đó không chỉ là kẻ loạn thần trong triều đình mà cũng là nghịch tử của Hoàng gia, có đem chu diệt cũng còn dư tội. Nhưng vì nghĩ y là kẻ bất tài ngu muội, nên gia ân tước bỏ Tôn tịch Hoàng gia, xử tội đồ chung thân, [37b] giải vào nhà lao tỉnh Quảng Trị làm khổ dịch. Tỉnh thần tỉnh Quảng Trị phải thường xuyên dạy bảo khuyên dụ, để nếu y biết tự hối hận mà thú tội khai rõ ràng ra hết mọi tình tiết liên quan của vụ việc, thấy quả không sai thì trình báo lên để có chuẩn gia ân riêng.

Còn những kẻ khác trước sau tham gia vào vụ án, gồm Phó đội Đoàn Sâm cùng với Đào Hữu Vân đã có lúc bẻ khóa mở ngăn lấy giấy tờ, đâu phải là vô can, huống hồ lúc cung khai lại làm ra vẻ chỉ như người làm chứng; rồi Đào Hữu Vân, Trương Đình Tùng một tên thì đốt giấy tờ, một tên thì bẻ khóa lục ngăn kéo, Viện nghĩ xin giảm tội; Nguyễn Đình Bách, Nguyễn Đức Y xử

tội gia thêm một bậc thì xem ra là chưa được thỏa hợp. Nay truyền: Chánh đội Phan Khuyên (kẻ trao sách cho Ưng Thiệu), Đào Hữu Vân truyền xử nặng phạt 80 trượng, giáng 3 cấp, lị dụng; Nguyễn Đình Bách có nét chữ viết tương tự khi đem so với chữ trên bìa sách, nhưng y không chịu thú nhận, cùng với Phó đội Đoàn Sâm kẻ tham gia bẻ khóa, [38a] truyền xét giảm thấp hơn Phan Khuyên, Đào Vân một bậc, phạt đòn mỗi tên 70 trượng, giáng 2 cấp, lị dụng; Trương Đình Tùng và Nguyễn Đức Y truyền cách bỏ hàm Cửu phẩm đuổi về quê làm ăn. Còn những tên can dự khác theo lời nghị xử đã rất thỏa đáng, truyền chuẩn y cho.

Những điều trên trẫm đã thảo luận với Quí Khâm sứ Đại thần, hai bên ý kiến nhất trí, truyền chuẩn theo lời phê này thi hành, đồng thời sao lục những hồ sơ trước sau liên quan thông báo trong ngoài để mọi người cùng được biết".

Viện Cơ mật tuân mệnh sao chuyển Quí tòa. Khâm sứ Đại thần Bác Kê phúc đáp rằng: "Kính xem các điều Châu phê được thấy hậu ý của Hoàng thượng đối đãi với người đại diện phía Bảo hộ, thực hết sức kính phục. [38b] Hoàng thượng đã gia ân lượng giảm tội trạng cho viên họ Đoàn cũng như đoán quyết tội danh của những kẻ liên can đều xin tuân nghe theo". Viện thần đem lời ấy phúc tâu lên. Vua phúc phê rằng:

"Quí Khâm sứ Đại thần đã phúc đáp thuận ý, truyền chuẩn cho tuân hành. Trẫm thấy tình tiết liên quan trong vụ án này nhiều chỗ còn mập mờ đáng ngờ, nhưng các viên trong hội đồng đã thể ý trẫm mà cố công điều tra thẩm xét, dẫu chưa thấu đạt được đến tận cùng của uẩn khúc nhưng về các chi tiết cũng đã được làm sáng tỏ, khiến trẫm thấy hài lòng. Vậy truyền chỉ khen thưởng cho từng người".

Tháng 8, Bộ Hộ tâu hỏi rằng, nguyên Hiệp tá Đại học sĩ, sung

Cơ mật viện Đại thần Đoàn Đình Duyệt, đã bị giáng 2 cấp về hưu thì nay chi cấp bổng hưu theo hạng nào? Vua phê rằng:

> "Đoàn Đình Duyệt đã mắc phải lỗi. Trẫm vì quí trọng bề tôi nên chỉ chuẩn giáng hàm nhưng vẫn cho hưởng bổng hưu. Nay chỉ chiếu theo hàm bị giáng mà chi cấp, chờ cho viên ấy biết tỉnh ngộ thì gặp năm nào có dịp khánh tiết sẽ xem xét có chỉ gia ân riêng, khi ấy lời phê thế nào thì được tuân theo ân điển mới mà hưởng ân trạch".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN VII

CẦU NGÔN

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 8, vua dụ Viện Đô sát rằng:

"Từ xưa triều đình đặt ra Ngôn quan là để chuyên lo can gián, nắm việc đàn hặc, phân biệt triều chính điểm nào được điểm nào hỏng, triều quan người nào đúng người nào sai, xem xét uốn nắn quan lại cai trị thanh liêm hay nhũng tệ, trong dân gian điều gì có ích điều gì có hại, rồi đem tất cả tâu lên cho nhà vua hay biết để thưởng phạt cho chuẩn xác nghiêm minh. Từ đó quan làm đúng chức, lại giữ đúng phận, nên chính sự vững vàng, nhân dân yên ổn, thiên hạ thái bình. [1b] Tiền Thánh triều ta lập Viện Đô sát, đặt chức Cấp sự trung ở Lục khoa chính nhằm mở rộng đường ngôn luận, khiến tình hình bên dưới thấu đạt được tới bề trên, không để chút tư tình dối trá nào có thể xen vào che đậy tai mắt Thiên tử, cốt sao triều đình trong sạch, chính sự nghiêm chỉnh, giữ gìn nền thái bình lâu dài. Xem thế chức trách của Ngôn quan đâu phải là nhỏ.

Lâu nay chức Ngôn quan chưa từng bao giờ để khuyết, ấy vậy mà tuyệt nhiên không thấy có một bản phiến chương củ sát đàn hặc nào cả. Thế hóa ra từ ngày trẫm lên ngôi tới nay, cả trong

triều lẫn ngoài các trấn, quan lại của ta đều quả thực toàn là những bậc tôi hiền giỏi giang cai trị đến mức chẳng có lấy một lỗi lầm nào cả hay sao? Trong dân gian đời sống muôn dân quả đều yên vui làm ăn chẳng còn bất kì khó khăn khổ sở nào hay sao? Còn nếu không phải thế, thì dùng kẻ giữ chức phận Ngôn quan để làm cái gì? Há không nghe lưu truyền danh tiếng và việc làm của Thiết diện Ngự sử[1] với Ngự đầu Tham chính[2], chả lẽ mọi người trên đời nhường hết cả cho hai vị ấy giữ đạo riêng của họ hay sao. Vậy từ nay trở đi, những ai có chức trách Ngôn quan phải cố gắng, [2a] thấy sự việc gì thì phải dám nói thẳng ra mà không được tránh né quyền thế. Từ trong triều đình cho tới các trấn ở bên ngoài, hễ thấy có những hành vi tham lam đục khoét, cố tình nhiễu sách tham nhũng hại dân, hoặc người có chức trách mà trễ nải biếng nhác, dù việc mới vừa xảy ra hay xảy ra đã lâu đều chuẩn cho thẳng thắn nêu ra, chỉ rõ sai lầm, vạch trần thói gian mà không được a dua hùa theo, một mặt đệ phiến tâu trình, một mặt đề xuất cách xử trị, cốt nhằm cho bá quan qui về khuôn phép, mọi việc hướng tới văn minh, khỏi phụ tấm lòng hết mực lo lắng đến nước đến dân của trẫm và Quí Bảo hộ".

Vua ngự thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Trước nay trong dân gian chốn làng quê hễ có oán thán điều gì đều qui lỗi cho nhà vua, gần đây dân chúng không qui lỗi cho vua nữa mà qui tội cho các quan. Những ai có trách nhiệm làm quan coi giữ dân phải suy nghĩ về điều đó để làm sao cho hết

---

[1] *Thiết diện Ngự sử*: chỉ quan Ngự sử triều Tống Triệu Biện, dám đàn hặc quan lại quyền quí, nên được gọi là Thiết diện Ngự sử.

[2] *Ngự đầu Tham chính*: Lỗ Tông Đạo là quan Tham chính đời Tống, tính cương trực, thẳng thắn, dám nói thẳng, nhiều lần chỉ trích quyền thần Tào Lợi Dụng ngay trước mặt vua, các quan rất nể sợ, gọi ông là Ngự đầu Tham chính.

những điều oán thán đó. Trẫm đã từng Sắc dụ cho quần thần hễ ai có kiến thức gì hay thì phải trình tấu lên, đừng có im im giữ riêng cho mình, nhưng từ ngày lên ngôi tới nay trẫm vẫn chưa được ai mách bảo cho điều gì cả. [2b] Nhớ lại năm xưa thời Tự Đức, Thánh hoàng từng phán bảo quần thần câu rằng, thấy việc nước khó khăn không làm xuể, nên dùng thái độ điềm nhiên im lặng để tỏ ra là bậc lão thành, vân vân. Ấy là vào thời đó, Tiên Thánh luôn mong mỏi các quan tu tỉnh sửa bỏ thói tệ cũ, đừng để người nói thì cứ da diết khuyên bảo dạy dỗ mà người nghe vẫn hời hợt bỏ ngoài tai. Nếu tệ thói ấy mà không trừ bỏ được thì còn mong gì sự phục vụ mai này. Nay các quan cũng phải lấy đó làm điều trước tiên cần làm để tự tu tỉnh mình".

Vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm xem báo chí thấy đăng tin quan Toàn quyền khi sang Nhật Bản có nói rằng dân nước ta cũng thông minh, dễ tiến bộ, nhưng quan lại thì còn nhiều kẻ tham nhũng. Đó là một điều tệ hại. Những ai làm quan lại cần phải suy nghĩ mà chấn chỉnh lại để người ta khỏi nói về mình như thế. [3a] Hiện nay nước ta đang cần phải tiến hành chấn chỉnh, khái quát gồm có ba điều lớn, một là tôn quân quyền, hai là khai dân trí, ba là quảng dân tài. Ba điều ấy quả đều rất khó khăn. Nhưng trẫm nghĩ, trên đời này khó gì bằng xem thiên văn, thế mà các học giả uyên bác lí số vẫn có thể tìm hiểu suy đoán ra được, vậy xem ra trong thiên hạ cũng chẳng có việc gì khó, chẳng qua chỉ vì chưa suy nghĩ mà làm thôi. Nước ta là nước quân chủ, Bá quan khi làm phận sự đều phải suy nghĩ làm sao để đề cao quân quyền. Quyền của vua có được tôn trọng thì mọi việc mới được chấn chỉnh. Còn về điều khai dân trí dường như thuộc việc của Bộ Học, quảng dân tài thì dường như thuộc việc của Bộ Hộ. Tuy nhiên vào lúc cấp bách này thì mỗi người trong bá quan đều phải kê cứu rộng rãi

từ nhiều phương diện khác nhau để tìm ra những điều thiết yếu trúng với yêu cầu của thời thế rồi nhất nhất tâu trình lên để trẫm tiếp thu ứng dụng, không được có tư tưởng ỷ lại tất cả cho nha có liên quan lo còn mình chẳng cần suy tính gì cả. [3b] Mà việc cấp thiết trong thời thế hiện tại trước tiên là phải trừ bỏ thói tệ giữ yên dân chúng, sau đó các việc khác mới có thể lần lượt chấn chỉnh lại được".

Tháng 11, quan Khoa đạo dâng bản điều trần gồm 3 khoản (Khoản thứ nhất về tôn quân quyền: gồm tăng cường hòa hảo với nước bạn, tôn kính các bậc Đại thần, chấn chỉnh quan phương, làm trong sạch lại viên cai trị dân; khoản thứ hai về khai dân trí: gồm cẩn thận tuyển trọn hương sư, định đặt sách học, định lương tháng cho Giáo sư; khoản thứ ba về quảng dân tài: gồm mở mang khai thác nguồn tiền của, tiết kiệm chi dùng tiền của). Vua phê rằng:

"Có triều đình thì phải có thể thống, mà có thể thống mới gọi là triều đình. Đó chính là điều mà khoản thứ nhất bản điều trần nói đến. Truyền giao cho Đình thần nghị bàn thỏa đáng rồi đem thi hành. Còn hai điều sau của bản điều trần, vì trong nội dung có nhiều vấn đề phức tạp nên truyền ghi lại nghị bàn riêng".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. [4a] Tháng 3, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trước nay vào những năm mất mùa đói kém thì dân chúng bên dưới đều phải ngửa trông ngóng chờ vào tiền của nhà nước, phần lớn phải xin đi làm những công việc như bắc cầu, đắp đường để kiếm miếng ăn. Hiện giờ ở châu Âu đang có loạn, tiền của quốc gia đã eo hẹp mà đến khi cuộc chiến kết thúc thì tài chính tất càng bó hẹp hơn. Khi đó ngộ nhỡ lại gặp mất mùa đói kém thì cuộc sống của dân đen khó tránh khỏi lâm nguy. Vả lại sinh kế của dân nước ta có ba cách, vùng thượng du thì dựa vào nguồn lợi của núi rừng, miền trung du thì sống bằng nguồn lợi từ ruộng vườn, miền

hạ du thì khai thác nguồn lợi cá tôm và muối. Cuộc sống làm ăn được mất xưa nay thường vẫn trông chờ vào may rủi. Trẫm nghĩ rồi đây việc mưu sinh sẽ càng gian nan khó khăn hơn ngày hôm nay. Vì vậy các quan trong triều có ai nghĩ ra được cách thức gì hay mách bảo cho dân chúng để có thể làm tăng bội ba nguồn lợi trên so với trước [4b] khiến cho tiền của của dân được sung túc dôi dư đủ để ứng phó những khi cấp bách thì cho phép được tường trình lên rõ ràng rồi chuẩn cho ứng dụng thi hành".

Vua dụ các tản quan rằng:

"Nhà vua không thể một mình mà cai trị được thành công, nên phải hỏi han mọi người xung quanh để tìm ra đường lối tốt. Trong các quan những ai có kiến thức nên thể lòng trẫm mà thành thực bảo cho trẫm biết. Trẫm vốn là người ít đức được trao kế nối cơ đồ to lớn. Từ khi lên ngôi tới nay vẫn luôn nghĩ đến trách nhiệm gánh vác nặng nề, tuy cũng có người hiền làm tay chân phụ giúp cho những chỗ bất cập, nhưng vẫn mong mỏi tìm kiếm những bậc ẩn sĩ mách bảo cho để việc kinh bang tế thế càng được thêm tinh. Nhìn ra các nước quân chủ văn minh hiện nay, ở đó những bậc danh hiền dẫu không có chức vị nhưng có người thì đem kiến thức cách trí, hóa học viết thành sách để mở mang kiến thức cho đời, có người đem đạo lí hiếu lễ trung tín đăng lên báo để giáo dục dân chúng, [5a] mọi người đều muốn góp phần mở mang hiểu biết cho dân để cùng ganh đua tiến bước lên vũ đài thế giới. Như thế vừa không để mất đi cái chủ nghĩa thân thượng tôn quân mà danh giá của bản thân cũng được rộng truyền khắp hoàn cầu. Danh hiền nước ta thiết tưởng cũng không thiếu, vậy mà sao không nghĩ đến việc phải sánh vai với thiên hạ. Thánh nhân ghét nhất là hạng người sớm tối ăn no ngủ kĩ mà chẳng động tâm nghĩ làm một việc gì, nên con người ta phàm đã gia nhập vào cuộc đời không thể không có công lao sự nghiệp, kể

từ lúc vừa lọt lòng mẹ ra liền đã có quân thân để mà phụng sự. Đối với hạng dân thường cũng còn phải như thế, huống hồ là các bậc hưu quan từ lâu đã trọn hưởng ân đức của triều đình thì càng nên coi giữ gìn thế đạo làm trách nhiệm của mình. Từ chốn lều tranh bên suối vắng của mình mà làm sáng tỏ nghĩa lí văn giáo, trợ giúp tuyên truyền đức hóa của triều đình, khiến cho những chốn thâm sơn cùng cốc trở thành miền trần đầy gió xuân hòa khí trong lành, thì đó cũng chính là việc chính sự, chứ đâu cứ phải bắt tay vào cai quản mới là làm chính sự. Các ngươi hoặc bởi chức vị thấp kém mà uẩn khúc nỗi thân, hoặc vì định lệ pháp qui mà lui về vui thú điền viên, hoặc làm quan nghèo túng mà chưa thỏa được cái chí ấp ủ ban đầu, [5b] hoặc gặp phải điều kiện trái ngang mà không thể trổ hết tài học của mình, nói chung đều do cảnh ngộ bức bách dẫn dắt khiến ý tưởng không được thực hiện để rồi buông xuôi để năm tháng uổng phí trôi qua. Cuộc sống chẳng được thỏa chí sao chẳng thấy tiếc nuối những cơ hội vàng bay bổng từng mây mà nỡ để thẹn nhìn dòng nước chảy xuôi. Vậy truyền cho quan lại nhàn tản ở bên ngoài Kinh cũng như ở Bắc Kì, những ai có thực tài kinh bang tế thế, bình sinh vẫn ôm ấp suy nghĩ về phương lược có thể giúp cho nhân dân giàu có, đất nước văn minh, của cải dồi dào, duy trì tình hòa hảo dài lâu với nước bạn để cùng chung vui đón hưởng phúc khánh vô biên; hoặc những ai có tay nghề tài khéo đem lại lợi ích, hoặc có những sách vở giới thiệu những phương châm khoa học cách trí tân kì, những điểm then chốt của sự tiến hóa văn minh để dạy dỗ cho lớp hậu sinh sau này ứng dụng, chuẩn cho đem dâng lên, trình bày phương sách, thử tài ứng dụng, nếu quả thấy thích hợp thì sẽ tùy chí mà cho thi hành, đồng thời còn được cất nhắc và ban thưởng trọng hậu. [6a] Lời trẫm chẳng phải nói suông đâu".

Mùa đông, tháng 10, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Biết dự phòng đầy đủ từ trước vốn được coi là phép thiện chính tự ngày xưa. Năm ngoái nước ta may mắn được mùa, thóc lúa khá dồi dào. Nhưng từ trước đó, để phòng khi không được như thế, trẫm đã suy nghĩ đến chuyện dự phòng nhỡ khi mất mùa đói kém, nên lần lượt mấy phen hội triều nêu ra câu hỏi cần phải trù hoạch thế nào để sinh kế của cả ba miền thượng, trung, hạ du đều được sung túc. Sau đó trong các Đại thần cũng có người nêu ra ít nhiều điều khoản ứng đáp, chỉ riêng các Triều thần thảy đều nín lặng, tịnh không thấy ai nói một câu nào, thực không thể hiểu nổi. Hay là có ý tứ gì mà phải tiếc rẻ mấy lời vàng ngọc của các ngươi chăng? Cổ nhân có câu: Cha hiền từ cũng không thể yêu đứa con vô ích, vua nhân đức cũng chẳng thể nuôi lũ quan vô dụng. [6b] Huống chi nhà vua đối với các quan cũng giống như thày giáo đối với học trò. Thày giáo ra đề bài thì học trò phải theo đề đó mà viết thành bài trả lời, sau đó thày mới dựa trên bài làm của học trò mà chỉnh sửa nhuận sắc thêm cho, chứ chưa bao giờ từng thấy chuyện thày tự ra đề bài rồi cũng lại tự viết bài làm. Thày giáo đã ra đề mà học trò không chịu làm bài thì là khinh nhờn. Chẳng có thày giáo nào lại chịu dạy dỗ cho những hạng học trò đã vô lễ khinh nhờn thày để rồi mang tiếng là thày không nghiêm. Lo cho nước cho dân đâu có phải chỉ là trách nhiệm riêng của nhà vua với hai ba vị Đại thần phải gánh vác, mà triều đường phải là nơi nghị bàn chính sự, ở đó bá quan các ngươi đem hết hiểu biết của mình về những điều lợi điều hại đối với việc công việc tư để nói ra cùng bàn, thế mới là không thiếu sót. Chứ còn khi lâm triều chỉ riêng mình trẫm độc thoại, còn các quan trong triều chỉ biết ngồi nghe, nghe xong rồi lui về. Thế thì là sàn diễn thuyết chứ đâu phải là nơi nghị bàn chính sự".

TRỌNG NÔNG

[7a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 6, vua ngự điện Văn Minh thị triều, phán bảo Thị thần rằng:

"Gần đây, dân tình sau cơn biến loạn đã trở lại yên tĩnh, nhưng trước đó dân gian vừa phải trải qua mất mùa liên tiếp, thóc gạo đắt đỏ, kiếm được miếng ăn phải rất khó khăn. Trẫm không nỡ ngồi nhìn dân khổ, luôn thấy lo lắng về điều đó. Như ở phủ Thừa Thiên vừa rồi thỉnh thoảng cũng thấy có mưa xuống, chẳng hay tình hình lúa má cũng như cái ăn của dân chúng hiện thời ra sao?".

Quan Bộ Hình Tôn Thất Tố thưa rằng: "Hiện thời những trà ruộng đã cấy xong thì không còn phải lo chuyện thiếu nước nữa. Giá gạo cũng ở mức trung bình, nên nỗi lo cái ăn của dân chúng cũng có phần dịu lại. Chỉ có những thửa ruộng trũng tháng trước gặp mưa rào to nên bị ngập nước nên nhiều chỗ chưa cấy được".

[7b] Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 5, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Cửa Thuận An vừa mới được khơi rộng tạo thế cho nước biển đổ thẳng vào trong bờ, chả trách nước mặn mới dễ dàng dâng vào gây úng ngập đồng ruộng. Hệ thống ngăn nước mặn dẫn nước ngọt là thuộc hạng mục lớn trong chính sách vệ nông. Công trình xây đắp này nếu tốn từ 5 vạn đồng trở lên thì phải do nhà nước chuẩn định trích ngân quĩ thực hiện; còn từ 3 vạn đồng trở xuống thì vận động các chủ ruộng đất góp vốn lại xây dựng, như trường hợp Nguyễn Văn Cẩn ở Bình Định góp vốn đắp đê đã đem lại nhiều lợi ích".

[8a] Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Mùa hạ, tháng 4, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Trẫm thấy ở xứ Hà Tế đất đai bỏ hoang còn nhiều, chất đất ở đó lại rất màu mỡ, mai ngày dân cư đến qui tụ khai khẩn mở mang tất là nguồn lợi rất lớn. Hơn nữa nơi ấy lại là chỗ tiếp giáp giữa nước ta với nước Lào, đi đường thủy có thể thông tới Cửa Hội mà ra biển. Con đường sắt nay mai hoàn thành thì hàng hóa bên Lào tất phải đi qua đó, lợi ích thương mại cũng sẽ rất nhiều. Trẫm đã ngự chế bài thơ văn đem khắc vào đá ở Hà Tế để nhắn bảo với người đời sau".

Tháng 6, [8b] vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

- Gần đây trời ít mưa, trong dân gian mùa màng khó tránh khỏi khô hạn.

Quan Bộ Lại Nguyễn Hữu Bài tâu thưa rằng:

- Các tỉnh từ Thanh Hóa ở phía Bắc cho tới Khánh Hòa ở phía Nam đều có mưa, chỉ duy vùng Quảng Trị, Thừa Thiên là bị hạn nặng.

Vua hỏi:

- Ở phủ Thừa Thiên có tin báo xã nào có mưa hay không?

Đông các Đại thần Tôn Thất Tố thưa rằng:

- Chỉ thấy báo có mưa ở xã Thanh Lam, nhưng mưa nhỏ chẳng được bao nhiêu nước.

Vua bảo:

- Bộ Lễ phải tiếp tục tư cho phủ Thừa Thiên sức cho huyện viên 6 huyện phải thân hành đi cầu mưa may mà ứng nghiệm để thỏa nỗi trông mong của dân chúng.

Tháng 7, quan Viện Cơ mật đệ phiến tâu rằng tỉnh Thanh Hóa tư trình nhà nước Bảo hộ dự định xây hệ thống dẫn thủy nhập điền ở Bái Thượng. [9a] Vua phê rằng:

"Đào kênh mương dẫn nước vốn là một chính sách vì dân của nước ta, vậy mà nhà nước Bảo hộ cũng luôn sốt sắng chăm lo tới, đó chính là vì lợi ích vậy. Phép cai trị của Thượng quốc là nhằm

vào lợi ích lớn, nước ta cũng cần phải bắt chước mà trù hoạch sao cho có được lợi ích cho dân, dẫu không làm được những cái to tát như của nhà nước Bảo hộ thì cũng đem lại lợi ích nho nhỏ cho dân, như thế triều đình mới khỏi phụ là cha mẹ của dân. Truyền thông báo đặc biệt cho bá quan giúp trẫm suy nghĩ về việc này".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 2, phủ Thừa Thiên liên tục mấy tuần liền không mưa, lúa má bị ảnh hưởng nặng. [9b] Chuẩn mệnh Bộ Lễ tư cho quan phủ ấy phải sức cho lại viên các huyện trong hạt tới ngay những đền miếu tại địa phương để cầu đảo, may mà ứng nghiệm có mưa xuống để thỏa nỗi trông mong của dân chúng. Đồng thời cũng tư cho các tỉnh khác cũng đang gặp hạn phải chiếu theo đó mà thực hiện.

Vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

- Bữa trước trẫm đi qua địa phận xã An Nông duyệt xem lúa ruộng ở suốt dọc con đường cái quan thấy đều bị úa vàng cả. Cứ thế thì đến lúc trổ đòng đơm bông không chắc đã được mấy hạt, nghĩ lại thương nông dân vụ chiêm này thu hoạch tất chẳng được bao nhiêu.

Đông các Đại thần Tôn Thất Tố thưa rằng:

- Vùng ruộng cao xã An Nông chuyên nhờ vào nước của những dòng suối, dân ở đó vẫn đắp bờ đê để dẫn nước về tưới ruộng. Nhưng mùa đông năm ngoái trời không mưa kéo dài, lúa không được nước tưới nên phần lớn đều kém sắc. Còn các tỉnh ở về phía bắc như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh mùa màng năm nay có phần tươi tốt hơn.

[10a] Vua bảo:

- Vùng Nghệ Tĩnh gặp được mấy trận mưa rào thật là đáng mừng.

Tháng 3, vua lâm triều phán hỏi Thị thần rằng:

- Việc nạo vét kênh Lợi Nông đã làm được đến đâu rồi?

Phủ thần Nguyễn Văn Hiền thưa:

- Hiện đã nạo vét được hai chỗ, còn lại ở Cơ Lư Miệt làm khẩn trương độ dăm ba ngày nữa thì cũng hoàn thành.

Vua bảo:

- Nông vụ hiện đang trông chờ cả vào việc đào sông, nên phải gấp hoàn thành, nếu chậm trễ e sẽ lỡ thời vụ. Lại còn những bờ đập ngăn thuyền bè qua lại nữa cũng gây thêm khó khăn cho công việc. Bữa trước nghe nói bên Sở Lục lộ có hai chiếc máy đào sông, nếu có thể mượn được đem về mà nạo vét thì được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Tháng 5, hoàn thành công trình nạo vét kênh Lợi Nông phủ Thừa Thiên. Quan Viện Cơ mật xin ban thưởng [10b] các mức khác nhau cho Lãnh binh Lê Văn Kính là người lãnh trách nhiệm thực hiện và đo đạc trù tính kế hoạch cùng với các viên đốc công khác. Vua phê rằng:

> "Việc nạo kênh Lợi Nông tất nhiên phải có người đứng ra lãnh trách nhiệm thực hiện, nhưng thiết tưởng công trình này cũng không phải là quá khó khăn vất vả. Bên Quí Công sứ cũng như Quí tòa đều đã xin thưởng cho mấy người ấy thì trẫm cũng chẳng trở ngại gì, có điều xét về công lao thì đáng lẽ Quí công sứ và Doãn, Thừa ở phủ ấy cũng có góp phần, làm sao lại chỉ thưởng công lao riêng cho mấy viên từ Lãnh binh trở xuống mà thôi? Chuyện này nên đợi cho qua một đợt mưa lũ để xem tình hình đường nước chảy thế nào đã, rồi đến tết Nguyên đán sẽ xét ban thưởng một thể".

Sau đó quan Phủ cùng với viên Sứ thường trú tại Thừa Thiên tiến hành khám xét lại thấy con kênh ấy trải qua hai ba đợt lũ mà dòng nước vẫn thông thoát. Viện Cơ mật tâu xin ban thưởng theo thỉnh cầu lần trước. [11a] Vua phê rằng:

"Lê Văn Kinh vừa mới được chuẩn cho giữ chức Lãnh binh, đường thăng tiến như vậy là khá nhanh rồi, cần phải cố gắng làm việc hơn nữa thì hoặc thăng hoặc thưởng đều sẽ được hưởng, lộc nước còn nhiều có lo gì. Công lao làm việc lần này cũng thuộc dạng bình thường nên không thể thăng vượt cấp lên được. Vậy truyền đổi thưởng cho viên ấy một đồng Kim tiền hạng ba để khuyến khích, còn các điều khác chuẩn y cho, nhưng đợi đến sau tết Nguyên đán thì hẵng tuân hành".

Tháng 8, quan Khoa đạo tâu rằng, kho dự trữ của cấp xã là để phòng bị cứu đói khi có xảy ra lụt lội, hạn hán. Việc này đã được thực hiện theo Chỉ dụ từ năm Tự Đức. Nay xin được tiếp tục thi hành theo như nghị định hồi trước, lệnh cho các xã, thôn lập ra nhà kho của xã, những nơi có ruộng đất công, tư hàng năm đều tùy lượng trích ra một số thóc lúa và tiền đem cất trữ vào đó để làm dự phòng, [11b] gặp năm mất mùa đói kém thì lấy ra phát chẩn. Nếu trong vòng ba bốn năm không bị mất mùa, vốn cất trong kho dồi dào thì dân xã họp bàn đem dùng để đắp đê, đắp bờ, nạo vét kênh mương vệ nông. Phàm những việc liên quan đến lợi ích công cộng thì cho phép làng thỏa thuận với nhau lấy ra dùng, trình các quan địa phương thực hiện. Vua phê rằng:

"Trẫm từ khi lên ngôi tới nay trong lòng luôn nghĩ thương dân chúng. Nhất là gần đây thời tiết không thuận, mưa gió lụt lội gây tổn hại cho nhà nông lại càng thêm phần xót xa. Nay xét tấu của các khanh để nghị thiết lập nhà kho của các xã, tuy là làm theo qui chế cũ nhưng cũng rất thiết thực với hiện thời. Vậy truyền Bộ Hộ xem xét, bàn bạc với Quí Bảo hộ xem ý họ ra sao rồi tùy theo đó mà nghĩ bàn phúc tâu lên".

Mùa đông, tháng 10, các tỉnh, phủ Thừa Thiên, Quảng Nam, Bình Định, Quảng Bình, Quảng Trị đều báo về có nạn sâu rầy hại lúa. Quan Viện Cơ mật tâu trình lên. [12a] Vua phê rằng:

"Nạn sâu rầy vốn đã thấy xuất hiện từ thời cổ xưa, để trừ tai họa này cho dân có hai cách là bắt sâu và cầu đảo. Truyền Bộ Lễ hãy thông sức cho các địa phương trên, bảo phải thành tâm đi cầu đảo, nếu may qua khỏi được nạn này thì đó chính là mong ước của trẫm vậy".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 8, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

- Xã Tân Mĩ tỉnh Quảng Nam từng dùng máy bơm bơm nước vào ruộng cho dân thu tô. Quan địa phương ở đấy không biết cân nhắc lợi hại, ép buộc dân nhất loạt phải theo. Nhưng dân xứ Quảng Nam đa phần cứng đầu không chịu, nên việc bơm nước ở đó cũng sắp phải đình lại.

Tả quân Vũ Văn Bân thưa:

- Ở xã của thần [12b] cũng có một máy bơm, việc bơm nước tùy theo khoảng cách dẫn nước xa hay gần mà chia ra 3 hạng để thu thóc tô. Nhưng những người ở xa thường chỉ được ít nước cạn khô mà vẫn bị thu tô theo lệ nên dân chúng cũng nhiều người kêu ca.

Vua nói:

- Trẫm thấy ở xã Hiền Sĩ phủ Thừa Thiên người ta biết ngăn dòng sông lại để làm bánh xe nước rất tiện lợi. Xã An Ninh lòng sông cũng nhỏ, nếu đắp con đê ngăn nước để làm bánh xe nước thì cũng dễ, chẳng tốn mấy sức, sao không bắt chước mà làm, lại đi dùng máy bơm làm gì cho tốn phí ?.

Năm Khải Định thứ 6 [1921], tháng 2, quan Bộ Hộ tâu rằng, từ năm ngoài, Bộ này đã trình xin rằng vùng đất bỏ hoang ở xứ Cù thuộc huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị có thể khai khẩn được, xin giao cho tỉnh ấy đi điều tra khám sát rồi để cho các quan viên và nhân dân [13a] nhận đất để khai khẩn mở mang sinh kế, đồng thời giao cho Bộ ấy trông coi nâng đỡ việc này để tiện thi hành. Sau đó đã được chỉ

chuẩn y. Nay số quan viên và nhân dân tới đó khai khẩn ngày một thêm đông đúc, xin kịp thời cất cử viên ấn quan hoặc phái thuộc viên trực tiếp đến đó trông coi nhằm giúp chấn hưng nghề nông để cuộc thí nghiệm này sớm cho thấy hiệu quả. Mọi chi phí về đi lại trên đường cũng như các khoản chi tiêu cho đắp đê, làm đường, đào giếng, dựng chợ, cung cấp thuốc men xin được trích lấy từ trong số tiền của quĩ Hộ nông của năm Dương lịch này để chi cấp. Vua chấp thuận cho.

VĂN TRỊ

[14a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, Vua đích thân ra đề thi sách vấn cho các Cống sĩ tại điện Cần Chính. Chế sách hỏi rằng:

> "Thiên tử là cha mẹ của dân, làm Vương trong thiên hạ, hưng thịnh lên được là nhờ có mệnh trời. Xét trong thế giới đại đồng, thiên hạ là của chung. Mạnh Tử bảo "Trời cho người hiền", trời quả thực cứ hồn nhiên tốt bụng mà đem cho như vậy sao? Đời nào thì bắt đầu xứng với ý của Thượng đế? Tục nhà Thương còn khó tránh khỏi hậu nho bình phẩm, [14b] thế nên việc Thang Vũ được thụ mệnh, Kinh Dịch bảo là thuận theo ý trời, đó chưa hẳn đã là lời bình phẩm chính xác chăng? Nhà Hán, nhà Đường lấy thiên hạ bằng sức mạnh, nhà Triệu, nhà Tống lấy thiên hạ bằng mưu kế, thế thì dùng sức dùng mưu cũng có thể khiến cho nhân định thắng thiên chăng? Nhờ vào đâu mà những triều đại ấy truyền nối được lâu dài trong suốt ba bốn trăm năm? Thời hiện nay năm châu chia sẻ bởi hơn năm mươi quốc gia, nơi thì theo Đế chính, nơi thì theo Vương chính, nơi thì theo Dân chính.

Trong các nước ấy có mạnh có yếu, có hợp có phân, có trị có loạn, có hay có dở, đó là do sự đắc thất của chính trị tạo ra hay là bởi vận trời xui khiến nên như thế? Nước Việt ta dòng dõi tiên rồng, giang sơn định phận đã hơn bốn nghìn năm. Xét theo mệnh trời thì phải chăng việc thời Hán đặt quận huyện, thời Đường đặt đô hộ cũng đều là do trời mượn cớ ra như thế để mở mang chính giới cho nước ta? Trẫm là kẻ mọn được lên kế thừa cơ đồ to lớn, [15a] bên trong thì có thần dân ủng hộ, bên ngoài thì được Bảo hộ hòa hảo chân thành thì mới chấn chỉnh được mọi việc. Muốn tìm đến đạo lí nêu trên mà không biết làm thế nào có thể an ủi tôn xã thiêng liêng, nhận hưởng lâu dài sự thương xót của trời. Sĩ quân tử là người thông hiểu cổ kim, ở nhà từng đã học hành đọc sách hãy trình bày ý kiến của mình rõ ràng, cụ thể không lan man, trẫm sẽ đích thân xem bài và tiếp thu để thi hành".

Thi Điện xong, ban Tiến sĩ cho 7 vị, Phó bảng 6 vị.

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. [15b] Tháng 3, vua ngự giá Bắc tuần, đích thân đến bái yết Văn Miếu, làm hai bài thơ Ngự chế:

1.

Bắc hành Nam quốc ái văn hoa,
Thánh đạo chân truyền quán bách gia.
Tằng vị Bắc phương danh giáo địa,
Nghi hồ miếu mạo vĩnh nguy nga.

Dịch nghĩa:

Ra đến phía Bắc càng thấy nước Nam ta giàu văn hóa,
Truyền thống Đạo Khổng vượt trên trăm học thuyết khác.
Nơi đây từng là miền đất Nho giáo
nổi tiếng ở phương Bắc,
Thảo hèn miếu mạo lâu đời tạo dựng nguy nga.

2.

Thời trung văn giáo nhập viêm đô,
Bách thế tôn sùng đệ nhất Nho.
Thử đặc Lí triều lưu cổ tích,
Kinh kì tự hữu hảo qui mô.

Dịch nghĩa:

Thuở ấy các giáo thuyết du nhập vào Kinh đô
nước phương nam,
Trải hàng trăm thế hệ đạo Nho
vẫn được tôn sùng đứng hàng thứ nhất.
Nơi đây lưu lại đấu xưa của triều nhà Lí,
Có qui mô to đẹp ngay tại chốn Kinh kì.

Mùa hạ, tháng 4, mở khoa chính kì thi Hương. [16a] Chuẩn cho trường Bình Định thi chung tại Thừa Thiên, trường Thanh Hóa thi chung tại Nghệ An.

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa xuân, tháng Giêng, chuẩn lấy khoa thi Hội năm nay làm Ngự tứ ân khoa. Bấy giờ Bộ Học đệ phiến trình về thể thức kì thi Hội năm nay tâu lên đợi chỉ. Vua phê rằng:

"Lần này là khoa thi Hội cuối cùng của triều đình, nên trẫm muốn gia ân cho sinh viên sĩ tử khoa mục trong cả nước, hễ ai thông thạo cả hai thứ chữ Nho và chữ Pháp [16b] thì trình qua Bộ Học để xin vào ứng thí, lấy tên khoa này là Ngự tứ ân khoa để sau này lập ra Hội Hàn lâm. Truyền tuyển chọn quan Thư tịch để mở rộng đường cho kẻ sĩ. Truyền cho các quan Đại thần Cơ mật nghị bàn ổn thỏa phúc tâu lên đợi chỉ".

Viện Cơ mật tâu xin rằng tại các tỉnh Trung Kì, mỗi tỉnh xét cử hai ba người là Tú sĩ tại quê quán có thực tài đồng thời tinh thông cả chữ Nho và chữ Pháp đưa lên để Hoàng thượng tuyển chọn. Vua phê rằng:

"Đường khoa cử kén chọn nhân tài của nhà nước nay đã bắt đầu

thực hiện cải lương. Trẫm cảm nghĩ đối với lớp cựu hiền thì đã hết đường tiến mà tân học lại chưa được thuần, hoài bão ôm ấp mãi mà không gặp thời. Khoa cử gần đây cũng có nhiều thiên tư, có người vì nghèo khó bức bách mà không được tới trường, hoặc có tới được trường thì lại không trúng ý quan. Lại có trường hợp tài học của quan lại không bằng được sinh viên, [17a] từ đó dẫn tới nhiều người suốt ngày ôm hận, mà nhà nước muốn giăng lưới tuyển tài như ngày xưa cũng không được. Nên cần để cho những người hiền bị bỏ sót trong dân dã hiểu được ý trẫm. Nay theo như lời trình xin trong tờ phiến thì tuy chưa hoàn toàn trúng với ý của trẫm, nhưng ý kiến bàn thêm đã nhất trí nên tạm chuẩn y cho."

Mùa hạ, tháng 4, kì thi Hội tiến hành xong xuôi, quan trường thi xin gia ân lấy thêm 3 quyển thi bị thiếu điểm. Bộ Học tâu trình lên, vua phê rằng:

"Kì thi năm nay là khoa thi cuối cùng, đường khoa cử từ đây dứt hẳn. Trẫm nghĩ rằng qui chế cựu học đã không còn đáp ứng được điều mong muốn, trong khi con đường tương lai của tân học đang thênh thang mở rộng trước mặt. [17b] Lần này đặc cách gia ân cho sĩ tử được vào thi Hội là bởi trẫm thương những người cựu học khổ công đèn sách những mong được tuyển chọn ra làm quan. Nay quan trường thi tuân theo phép tắc mà chỉ hạn chế tuyển chọn số người như thế là đúng, nhưng lòng trẫm vẫn thấy thương xót người hiền mãi không thôi. Căn cứ vào thỉnh cầu của quan Bộ Học xin gia ân lấy thêm 3 quyển thi là rất hợp, nhưng trẫm nghe nói vẫn còn 2 quyển nữa mà điểm số về văn về lí cũng không thấp hơn 3 quyển kia, vậy mà không được dự lấy thêm, như thế là chưa công minh. Vậy truyền lấy thêm cả 2 quyển này vào cộng làm 5 quyển dâng lên ngự lãm, đợi sẽ có chỉ gia ân riêng.

Kì Điện thí, vua thân hành ra đề sách vấn các Cống sĩ tại điện Cần Chính. [18a] Đề chế sắc hỏi rằng:

"Các nước trên khắp hoàn cầu sôi động nói đến văn minh. Vậy hai chữ *Văn minh* có xuất xứ từ sách vở nào? Văn minh bao hàm liên quan đến tất thảy các mặt nhân luân, quốc chính, thế đạo, dân phong. Mọi chuyện hòa bình hay chiến tranh, hưng thịnh hay suy thoái, phân chia hay hội họp, tất cả đều có thể khảo tìm trong lịch sử các nước Á Đông, từ nhà Đường Ngu đến Mãn Thanh ở Trung Quốc cũng như các từ triều Đinh đến Hậu Lê của nước ta. Nói đến sự biến thiên, thay đổi không thể không cho là khí số xui khiến ra như thế, trong đó có những thời đại lúc trị lúc loạn rối bời chẳng cố định, thế thì là văn minh hay không văn minh? Có người lại bảo Đế quốc chuyên chế bao trùm cả dân chúng, điều đó có xác thực không? Nếu đúng như thế thì chính sách Đế quốc ở Á Đông suốt mấy nghìn năm nay xem ra lại là điểm nhầm lẫn về văn minh chăng? [18b] Từ khi khai sáng ra triều ta đến nay chính trị giáo hóa trải rộng khắp ba Kì, phúc trạch nhân hậu vượt trên tiền cổ. Tiếp đó lại được Quí Bảo hộ giúp đỡ quản lí từ nhiều phương diện, khiến cho phong hóa nhân văn đã dần mang bộ mặt đầy sức sống, duy chỉ về mặt cơ vụ do từ lâu vẫn cứ nhân theo kĩ nghệ cũ mà chưa tìm đến vật lí, hóa học, thế thì làm thế nào để có thể cạnh tranh với các nước văn minh phú cường mà vươn lên phía trước? Xét về mặt địa lợi thì trong cả nước, ruộng nương đất đai việc thu thuế lệ đã thành qui củ, còn vùng bờ biển, rừng núi đáng ra cũng phải tính đến nhưng các cục Công, Thương vẫn chưa mở ra; Về mặt nhân lợi, ở ngoài Bắc Kì, thuế từ quan viên cho đến dân nội ngoại tịch tuy có phân đẳng hạng mọi người đều cùng phải chịu, nhưng ruộng công đất công ít ỏi. Trước đây nguồn

lợi từ biển và rừng [19a] còn chuyên để cho hưởng riêng để bổ sung vào quĩ công. Vào những năm mất mùa dân ngoại tịch được giúp đỡ không phải nộp thuế ngạch, dân cùng đinh nội ngạch có được sự tương trợ lẫn nhau nên cũng tự chu cấp. Nay của cải quốc gia eo hẹp nên không để như thế được, mà xét trong thành phần dân chúng có ba hạng. Hạng thượng đẳng tài sản cơ nghiệp giàu có, hạng trung đẳng thì chỉ có thể tự chu cấp cho mình, duy có hạng hạ đẳng là những người cùng đinh thuộc tầng lớp dưới, nếu không thu thuế thì nhà nước bị thiếu, mà thu thì họ cũng chẳng biết lấy đâu mà nộp. Chính trị của bậc Vương giả trước hết là phải làm sao đủ dùng mà lại không phương hại đến dân. Lối khoa trường của cựu học nay đã bãi bỏ, còn tân học thì cứ tốt nghiệp là được dùng, phép tuyển dụng người đã tận thiện hay chưa? Quốc sự phải tùy thời mà cải lương, quốc chính cũng tùy thời mà biến pháp. Hiện nay dân ý ở ba miền khó tránh khỏi có chỗ dị đồng, giả sử nhân thời thế mà lập ra hiến pháp thì trong tình hình đó có thể thực hiện được hay không? Chính sách lập hiến và quyền pháp phải nên như thế nào? [19b] Bốn năm lại đây Quí quốc vấp phải cuộc chiến tranh, nước ta đã nhiệt tình cứu viện. Người ra đi thì không tiếc thân mình, người ở nhà thì không tiếc tài sản, mọi người đều dốc hết cả sức lực và tiền của. Nếu may mà thắng lợi, thì cho dù Quí quốc có tri ân hay không nhưng đó là nghĩa vụ trong quan hệ giao hảo láng giềng đương nhiên phải làm như vậy. Dân ta thực là có công lao đối với nước. Nay gặp thời đại văn minh, chính trị phải đổi mới cho tốt đẹp hơn, vậy có phương sách trù tính thế nào để đền đáp cho dân bây giờ? Nước đã hết lòng suy tính lo toan cho dân, thì dân đối với nước lẽ nào không có trách nhiệm liên quan? Tạm chưa nói đến chuyện sĩ nông công thương

phải an cư lạc nghiệp với trăm thứ nghề của mình, bây giờ để khiến dân chúng biết làm trọn chức trách của mình đối với quốc gia, từ đó giữ gìn văn minh tiến bộ trong mọi phương diện, không gây ra động loạn để cùng với quốc gia chung hưởng phúc lộc thịnh vượng lâu dài, việc đó phải bắt đầu từ đâu? Trẫm vốn tài mỏng đức sơ, suy nghĩ khó được chu toàn. Các ngươi với tài kinh luân vốn có hãy thử trình bày rõ ràng kiến giải của mình, [20a] không bè phái, thiên lệch, không a dua, quanh co, xuyên tạc khiến sai sót khi đem thực hành, cũng đừng quá khéo dùng lời lẽ bay bướm mà trống rỗng chẳng có được phương sách gì hay, để trẫm thu lượm rồi thử đem áp dụng".

Thi Điện xong, ban cho 7 vị là Tiến sĩ, 16 vị là Phó bảng.

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 2, mệnh cho quan Quốc sử quán và Nội các cùng hội đồng tiếp tục thu thập biên soạn sách *Đại Nam văn uyển thống biên*. Dụ rằng:

"Văn chương là sự nghiệp lớn trong đời, cũng là việc lớn lưu truyền bất hủ. Vì thế một đời hưng thịnh tất phải có một khối văn chương của thời đại ấy, [20b] để tạo dựng kho tàng văn học và làm rạng rỡ cho quốc túy. Vào thời Trung hưng của triều ta đã tiến hành biên soạn bộ sách *Đại Nam văn uyển thống biên*, thu thập biên chép toàn bộ khối lượng văn hiến của thời kì từ niên hiệu Gia Long trở đi cho tới niên hiệu Thiệu Trị trở về trước, công việc đã rất đầy đủ hoàn bị. Nhưng từ đó trở đi, việc thu thập tục biên vẫn chưa làm được khiến cho ngày tháng lâu xa tài liệu thất tán không biết khảo cứu vào đâu, thực là điều rất đáng tiếc. Huống chi ngày nay là thời kì tân học rất nên bảo tồn những cái tinh túy của Hán học ngày trước, vậy đây chính là lúc cần phải tiếp tục biên soạn bộ *Văn uyển*. Thỉnh cầu của Quan Nội các mới rồi rất hợp với ý trẫm. Vậy

truyền Nội các hội đồng với Quốc sử quán cùng các phái viên tiến hành truy cứu các thể văn thuộc thời kì từ năm Tự Đức nguyên niên trở đi, phàm tất cả những chủng loại như sách mệnh, chiếu cáo, tiên biểu, thư sớ, văn bia, bố cáo, tán tụng, tự bạt v.v... đều chiếu theo môn loại mà thu thập biên tập lại, cốt sao nhặt nhạnh hết không bỏ sót, rồi tiến hành tuyển chọn những áng văn tinh túy xứng đáng để sớm thành sách dâng lên Ngự lãm, [21a] để đáp lại ý muốn hết lòng khảo cứu văn học của trẫm. Chuẩn cho từ ngày 15 tháng 3 năm nay bắt đầu tiến hành công việc".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 5, các quan Quốc sử quán và quan Nội các hội đồng cùng nhau hoàn thành tục biên bộ sách *Đại Nam văn uyển thống biên* đệ dâng lên Ngự lãm. Chuẩn ban thưởng Kim tiền và Ngân tiền theo từng mức khác nhau cho những người được sung vào biên tập bộ sách.

Mùa thu, tháng 7, chuẩn cho quan Quốc sử quán và Nội các cùng hội đồng tiến hành kiểm tra, bổ sung bộ sách *Văn uyển thống biên* biên soạn lần trước để hoàn thành thiện bản. Vì trong nguyên bản vẫn còn để thiếu khuyết nhiều nên có mệnh lệnh này.

[21b] Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 9, Viện Cơ mật tâu trình rằng Bộ Học xin chuyển đổi Sở Phiên dịch thành Viện Cổ học. Viện này ngoài nhiệm vụ khảo cổ ra kiêm thêm công việc phiên dịch thư tịch để cho hoàn bị. Vua phê rằng:

"Vạn sự khởi đầu nan. Các khanh ở Bộ Học đề nghị tổ chức công việc khảo cổ như thế cũng chính là nhằm sửa bỏ cái cũ để phục vụ cho thời cuộc, nên truyền chuẩn y cho. Thỉnh cầu của Viện thần về chuyển đổi Sở Phiên dịch là rất đúng".

VÕ CÔNG

[22a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Vua tưởng niệm đến ngày đầu tiên hoàn thành võ công thời đầu dựng nước, nên vào tháng 2 năm Khải Định thứ 3 chuẩn hàng năm lấy ngày mồng 2 tháng 5 làm ngày Lễ kỉ niệm. Đến tháng 4 năm Khải Định thứ 4 lại chuẩn định lấy ngày đó làm ngày Khánh niệm Hưng quốc. Vào ngày hôm đó, chuẩn cho quan Bộ Binh cùng với Võ ban chỉ huy dàn bày nghi thức binh trượng tại phía trước lầu Phu Văn để vua bận y phục nhà binh ra duyệt lãm, lấy đó làm lệ thường hàng năm.

[22b] Vua ngự trên lều vải hoa dựng tại Ngọ môn duyệt lãm nghi thức ban cấp cờ hiệu cho binh lính được tuyển mộ sang Tây và lễ thưởng Ngân tiền cho các nhân viên huấn luyện. Đến ngày quân khởi hành lại chuẩn mệnh Đại thần ra Đà Nẵng tống tiễn.

Mệnh cho Án sát Nguyễn Văn Hiền sung làm Khâm phái sang Tây. Dụ rằng:

> "Tình nghĩa giữa Quí quốc Đại Pháp với nước ta rất là thắm thiết. Nay bên Quí quốc động binh thì nước ta cũng nên vì nghĩa mà trợ giúp. Trong số lính, thợ người nước ta tình nguyện ứng mộ sang Tây lần này phần nhiều là dân ở Trung Kì, trong đó có cả những người Trung Kì đang trú ngụ tại Cao Miên. Thể lệ ứng mộ đại khái cũng giống như ở Nam Kì và Bắc Kì. [23a] Nam Kì và Bắc Kì đều đã chọn cử một người làm đại biểu sang Tây để cai quản lính thợ. Trung Kì ta sự thể cũng rất quan trọng. Quí Khâm sứ Đại thần đã gửi điện trình với Quí Toàn quyền Đại thần xin được chọn một viên hàm ấn quan sung làm Khâm phái sang Tây để tiện phối hợp với Phái viên của Quí quốc thường xuyên xuống xưởng lính thợ thăm nom bảo ban. Lính thợ nước ta mỗi khi muốn trình xin bất cứ việc gì đều phải thông qua viên

Khâm phái này mà tùy nghi thương lượng bàn bạc giải quyết cho ổn thỏa. Nay Phủ Phụ chính thảo luận cùng với Quí Khâm sứ Đại thần xét thấy Hồng lô tự khanh, lãnh Quảng Bình tỉnh Án sát sứ Nguyễn Văn Hiền, hiện đang làm Quyền biện Quản biện Thị vệ là người có hiểu biết về phong tục, chữ viết, tiếng nói của Quí quốc, đồng thời cũng là một quan viên đắc lực thấu hiểu dân tình, đủ khả năng đảm đương chức này, rất hợp với ý trẫm. Nay chuẩn thăng cho Nguyễn Văn Hiền thực thụ hàm Án sát sứ [23b] sung làm Khâm phái sang Tây, truyền cấp cho một tấm thẻ bài ngà chuyên dùng cho Khâm phái quan phòng (trên có khắc chữ *Đại Nam quốc Khâm phái*) để đeo theo người. Về lương bổng và các khoản phụ phí gia cấp thêm khác sẽ do Quí Toàn quyền Đại thần quyết định riêng và lấy chi từ ngân sách Đông Dương. Trẫm biết phái cử khanh đi công cán chuyến này là gian nan vất vả, khanh hãy bảo ban cánh lính thợ biết tận tâm thực hiện nghĩa vụ sao cho xứng đáng với mệnh chỉ của trẫm".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa đông, tháng 10, Quí tòa đệ giao bài văn Hiểu dụ quyên mua công trái của Quí Toàn quyền. Quan Viện Cơ mật sao lục phiên dịch dâng lên ngự lãm. Vua phê rằng:

"Ba năm nay bên Quí quốc gặp phải tình cảnh vô cùng nguy nan. Vua quan cũng như dân chúng nước ta [24a] đối với Quí Bảo hộ vốn mang tình cảm gắn bó như môi với răng, nên đều vận hết tâm lực và tiền của ra trợ giúp nước bạn phòng vệ chu đáo và kịp thời, những mong sớm được thành công để cùng chung hưởng phúc hòa bình. Nay xem bài diễn thuyết của Quí Đại thần thì thấy đây đã là vào giai đoạn cuối cùng kịch liệt nhất để hoàn thành cục diện tất thắng. Bây giờ nước ta mà không làm ơn thì còn đợi đến lúc nào? Chia sẻ lo buồn với bạn mà còn lần lữa lâu ngày thì còn gì là tình nghĩa lân bang. Hơn nữa đây lại là cho vay lấy lãi, nhẽ phải dốc hết của nhà ra mới gọi là tận tình

tận nghĩa. Khổ nỗi nhìn lại kho quĩ nước ta rỗng tuếch, khắp các hạt đất cần dân nghèo khiến ý nguyện khó thành, đúng là giàu lòng mà không giàu của, nghĩ cũng thấy vô cùng xấu hổ. Đành chỉ nên trích ra cho trẫm một vạn đồng bạc gọi là một chút tình của trẫm đem ra trợ giúp, còn các quan trong triều cũng nên trích ra một phần bổng, [24b] cùng với quan viên ở mười ba tỉnh phủ bên ngoài Kinh, cứ từ hàng ấn quan văn võ trở lên đều cắt ra một nửa tháng bổng, gộp chung cả lại được bao nhiêu đem đi trợ giúp, hẹn vào tháng 12 năm Tây này cùng lúc thi hành để tỏ sự đồng tâm. Còn trong dân gian cũng đã thực hiện vận động mua công trái, tất cũng có triển vọng tốt, không cần nói đến ở đây. Truyền lập tức thông báo chiếu theo đó mà thực hiện. Trẫm sẽ tĩnh tâm suy nghĩ tính kế tìm ra tiền của đem đi trợ giúp để tiếp tục thi hành sau".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 9, vua dụ rằng:

"Ngày nay Quí Bảo hộ khởi đại binh đánh phục thù, các nước Đồng minh đều tận tâm làm nghĩa vụ của mình. Nước ta vốn có quan hệ cùng đau cùng ngứa với nước bạn càng nên bỏ tiền của sức lực ra giúp đỡ để mong tiêu diệt kẻ thù. [25a] Sau ba năm cho đến nay, số người hưởng ứng mộ nghĩa các đợt trước sau đã không dưới mười vạn người, trong khi giúp đỡ về quốc trái chỉ mới tiến hành một lần. Gần đây điện tín từ châu Âu liên tiếp đánh về báo tin thắng trận, bắt được tù binh vô số, sắp đuổi được người Phổ ra khỏi lãnh thổ, chẳng mấy bữa nữa sẽ tiêu diệt hết kẻ thù, loan tin thắng lợi chấn động khắp hoàn cầu. Ngay lúc này đây, người nước ta từ các quan lại xuống đến các tầng lớp sĩ nông công thương nếu ai còn dư của thì đều nên kịp thời mua công trái để giúp đỡ, vừa được thu lãi lại vừa được vinh dự vẻ vang, như thế chẳng hơn là cứ bo bo dắt vàng trong đãy hay sao? Có được hai chữ *ân nghĩa* là khó lắm, mà hành động

này gồm đủ hai điều ấy, đối với nước bạn việc phòng vệ được ta trợ giúp, niềm tin tưởng được ta đáp ứng, ân nghĩa đều đầy đủ như vậy là hết mực, thiết tưởng người ta cũng phải công nhận cho. Còn nếu như thấy việc nghĩa mà không làm, mai ngày họ đem quân thắng trận ca khúc khải hoàn trở về, nước ta [25b] ké hưởng cảnh yên ổn hòa bình há lại chẳng dầy mặt ra vì xấu hổ hay sao? Dân chúng hai miền Trung Kì và Bắc Kì hãy sáng suốt đừng cho trẫm là vu khoát viển vông, trong Dụ không thể nói ra cho hết ý được. Vậy truyền cho các quan địa phương phải tăng cường sức bảo cho tất cả dân chúng, cốt sao để họ vui vẻ tình nguyện tham gia, không được ép buộc, sao cho sớm hoàn tất việc này trong vòng từ ngày 20 tháng 10 cho đến ngày 24 tháng 11 theo lịch Tây, để lẫy lừng danh tiếng nghĩa vụ nước ta trên khắp châu Âu mà xứng với ý của trẫm".

Mùa đông, tháng 10, bên Quí tòa báo sang rằng đã nhận được điện tín báo tin vui thắng lợi hoàn toàn, nước Phổ đã phải chấp nhận các điều khoản nghị hòa. Võ công đã hoàn thành, sắp tới xin tổ chức lễ mừng. Quan Viện Cơ mật tâu trình lên. [26a] Vua phê rằng:

"Vừa nghe được tin báo thắng trận, trẫm vui sướng trong lòng không sao ngủ được. Truyền cho lập tức cử hành".

Rồi vua thân hành sang bên Quí tòa thăm hỏi và ban lời chúc mừng. Quí Khâm sứ Đại thần phát biểu lời cảm tạ đại lược nói: "Tấm lòng chân thành của Hoàng thượng đối với nước Pháp xưa nay ai cũng đều công nhận. Trong cuộc chiến này, dân nước Nam cũng đều chân thành hết sức giúp đỡ. Nay nước Pháp đã chiến thắng rồi tất nhiên sẽ không quên báo đáp". Quí Toàn quyền gửi điện vào cảm tạ, đại lược nói "Xin thay mặt cho chính phủ Pháp bày tỏ niềm biết ơn đối với hậu ý của Hoàng thượng, và sẽ gửi điện riêng về nước báo cáo cho Chính phủ Đại Pháp biết về ý chí cấp tiến cũng như tấm lòng ủng hộ văn minh của Hoàng thượng. Ngày nay đã giành được đại

thắng rồi, cục diện trong tương lai tất sẽ càng thêm sáng sủa rạng rỡ". [26b] Vua lại phê rằng:

"Ba bốn năm nay khói lửa bao trùm khắp châu Âu, đã diễn ra chuyện chưa từng có xưa nay, ở đó Quí Bảo hộ đứng ra giữ vai trò chính đương đầu với hoạn nạn. Quân dân cả nước đem xương máu và tính mạng ra trận để gìn giữ danh dự lâu đời của mình trên hoàn cầu. Các cường quốc khác cũng vì phẫn nộ xót thương công lí tập hợp lại thành Đồng minh tham gia cứu viện cho cuộc chiến để bảo vệ nền hòa bình chung. Nước Việt ta vốn là nước nhược tiểu, từ lâu đã được mang ơn bảo hộ cũng phải bày tỏ nghĩa vụ của mình. Trẫm ngay từ hồi còn chưa lên ngôi cũng đã trù liệu đến điều này, nên vừa đăng quang đã lập tức áp đặt lòng dân, dụ bảo cho biết về nghĩa vụ và hòa bình, rồi huy động huyết mạch đất nước ra trợ giúp, chiêu mộ dân chúng sang cứu viện. May được trời thương phù hộ công lí vãn hồi được hòa bình cho phe ta, dập tắt tham vọng ngông cuồng của phe địch. Vào đêm ngày mồng 10 tháng này nhận được tin tốt lành báo về, phe Đồng minh đã vung roi đánh đòn quyết định khiến bọn cường địch đã phải khiếp sợ cúi đầu chịu thua, trẫm lúc đó đang ốm đọc được tin vùng ngồi dậy vui sướng đến phát cuồng, [27a] đến sáng hôm đó làm thành bài thơ vụng về cho thần dân cùng xem để ghi lại niềm vui mừng. Truyền Các thần sao chép lại. Thơ rằng:

Tứ tải Âu trần chấn điệp kinh,
Tận tâm nghĩa vụ hậu lân tình.
Dạ văn thắng tiệp tam phần hỉ,
Bệnh đắc giai chương bán dục bình.
Thương hệ gia tiên hoàn để cục,
Phụ dung hiệp phủ chiếm cao thanh.
Dự trù thắng toán thân công lí,
Mộ đức duy bằng thuận bách linh.

Dịch nghĩa:

Bốn năm khói bụi chiến tranh nổi lên kinh động
ở châu Âu,
Hết lòng thực hiện nghĩa vụ nồng thắm tình nghĩa
với nước bạn.
Đêm khuya nghe báo tin thắng lợi,
trong lòng vui sướng muôn phần,
Đang ốm đọc những dòng chữ tốt lành bệnh
như giảm hẳn một nửa.
Phe ta ra roi quyết định để hoàn thành cục diện cuối cùng,
Chư hầu lòng nghĩa hiệp cũng lên tiếng vui mừng.
Mưu lược thắng lợi để tỏ rõ công lí,
Chiêu tập được đức của mọi người
là nhờ thuận theo ý của đấng linh thiêng.

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 2, sai Tuần phủ Đặng Ngọc Oánh sang Tây dự lễ khánh thành ngôi đền thờ những tướng sĩ nước ta tử trận. Trước đó, Quí tòa thông báo rằng Tỉnh Hội tỉnh Nô Răng Khiết Mô nước Pháp có dựng một ngôi đền Kỉ niệm Đông dương [27b] để biểu dương tưởng nhớ những người lính An Nam bị tử trận, đã vâng mệnh soạn sắc văn giao cho Hội ấy thêu lên lá cờ vàng dựng tại phía trước án thờ của ngôi đền. Sắc thư đại lược nói:

"Các chiến sĩ, lính thợ sang Tây ngày trước tuân theo Chỉ dụ của trẫm ứng mộ sang Quí quốc, có người thì không từ vất vả khổ sở đi làm công việc, có người che mộc cầm giáo xông pha ra trận tiền, thực hết lòng thực hiện nghĩa vụ với nước bạn, không may mà chết. Từ cổ xưa con người ta không ai tránh khỏi cái chết. Chết vì việc nước, chết vì đạo cương thường là cái chết xứng đáng, còn có gì đáng nuối tiếc. Nhưng cô hồn phải lang bạt đất người, để lại thân quyến tựa cửa ngóng trông, cứ nhắc đến điều ấy là lòng trẫm vô cùng đau xót. Nay vô công đã thành,

Quí quốc dựng đền thờ phụng các người. [28a] Hương hồn linh thiêng nghìn thu thụ hưởng khói hương nghi ngút, anh hùng tráng sĩ muôn thuở qua đây soi xét tấm lòng. Các ngươi có khôn thiêng hãy ngậm cười nơi chín suối. Khâm thử".

Đến giờ đền xây xong, bên Quí tòa nói rằng quan Thượng thư Bộ Thuộc địa muốn có một viên quan to của Nam triều thân hành sang tham dự buổi lễ khánh thành. Viện Cơ mật chọn kê tên 4 người (Tổng đốc Vũ Liêm, Tham tá Nguyễn Đình Hòe, Tuần phủ Đặng Ngọc Oánh, Tham tri Ưng Doanh) đưa lên chờ chọn cử. Vua phê rằng:

"Trẫm cảm thấy rất vui sướng khi nước Nam ta có vinh hạnh được biểu dương công lao nơi sa trường ở ngay tại Quí quốc. Quí Đại thần Thuộc địa Thượng thư lại có thịnh tình như thế, muốn có một người đồng khí huyết tới tham dự lễ để cho hương hồn dễ cảm thông, thực đáng ghi nhận và kính phục. Bốn người do Viện thần cử ra đều rất hợp với ý trẫm, [28b] nhưng cũng nên hỏi xem người nào tình nguyện đi thì tốt hơn."

Sau đó bên Quí tòa xin chọn Tuần phủ Đặng Ngọc Oánh. Vua chuẩn y cho.

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN VIII

THỂ CHẾ

[1a] Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, lại đổi Phủ Phụ chính thành Viện Cơ mật. Trước đó Phủ thần Phủ Phụ chính tâu rằng được Quí tòa trao cho một bức điện của Quí Toàn quyền Đại thần, trong đó nói Hoàng thượng nay đã trưởng thành, do vậy Phủ Phụ chính nên đổi lại thành Viện Cơ mật như cũ, còn An Thành vương thì không nên tham dự vào đó nữa. Vua phê rằng:

"Chuyện này đã có lệ từ trước, huống nay lại có điện của Quí Toàn quyền đề nghị, các lí lẽ cũng đáng xem xét".

[1b] Ban sắc qui định từ nay trở đi, các Hoàng thân, Vương công, Đại thần trong Chính phủ khi đi xe vào triều thì phải dừng đỗ xe ở bên ngoài cổng Nhật Tinh và cổng Nguyệt Anh; còn Đình thần từ các Văn võ ấn quan thì được dừng đỗ xe ở phía trước nhà của lính Túc vệ. Qui định như thế để tỏ sự phân biệt.

Vua ngự trên xe điện đi qua cây cầu sắt, dân chúng hai bên đường chen chúc nhốn nháo kéo tới xem rất lộn xộn, trong khi các viên quan dẹp đường của phủ Thừa Thiên không có ai ra đàn áp. Bộ Lễ tâu xin truyền chỉ sức lỗi Phủ thần. Vua nhân đó phê rằng:

"Ngày trước khi trẫm còn là Hoàng tử luôn thấy dân chúng có nhiều người ăn mặc quần áo màu vàng, như thế là phạm luật.

Nên đồng thời sức cho Phủ Thừa Thiên yết bảng nghiêm cấm từ nay trở đi nhân dân không được ăn mặc quần áo có màu vàng và những màu sắc gần với màu vàng để có sự phân biệt".

[2a] Bắt đầu qui định thứ bậc của Bộ Học. Trước đó Viện Cơ mật tâu rằng, triều ta vốn phỏng theo Chu lễ mà đặt ra Lục bộ. Từ nay đặt ra bộ mới là Bộ Học, tức là trích lấy ti Tân Hưng từ Bộ Lễ ra mà tổ chức thành một bộ riêng rất quan trọng. Như vậy về thứ bậc thì bộ này phải ở vị trí bên dưới Bộ Lễ thì mới thỏa đáng. Vua chấp thuận cho.

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa thu, tháng 7, quan Quốc sử quán tâu trình rằng, những điều cấm về kiêng kị các chữ húy của triều ta vẫn tuân hành đã lâu, [2b] duy đối với những chữ đồng âm với tên húy của Hoàng khảo và Hoàng đế thì xin tuân theo qui định chỉ khắc một nửa chữ để tỏ sự tôn kính mà kiêng tránh. Vua phê rằng:

"Chữ có bộ phận bên trái là chữ "tân", bộ phận bên phải là chữ "tân", ở giữa là bộ "lực"[1], đó là chữ đồng âm với tôn húy của Tiên đế, vì tôn kính mà kiêng tránh. Chữ này hiện vẫn thấy ở trong các công văn phiến, sớ nhưng không nỡ quở trách. Còn khi biên tập sách Hội điển, hoặc sách do Quốc sử quán biên tập thành bộ đưa đi khắc in, thì chỉ khi gặp chữ chính húy phía trên có bộ "nhật", ở giữa là chữ "tư", bên dưới là chữ "củng"[2] thì mới phải khắc in theo dạng một nửa chữ để tỏ ý tôn kính, còn đối với chữ đồng âm thì chuẩn cho viết thẳng chữ ấy ra, không phải ngại".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa hạ, tháng 4, [3a] vua dụ rằng: "Núi Ngũ Hành Sơn ở tỉnh Quảng Nam từ thời Gia Long đã có tấu xin giữ đá cẩm thạch và đá trắng ở núi ấy riêng cho nhà

---

[1] Đó là chữ *Biện* 𤇾.

[2] Tức chữ *Biện* 𣏌.

nước sử dụng, đã kính nhận được chỉ chuẩn y cho thi hành, hiện vẫn lưu trong hồ sơ. Lệ này phải được thi hành mãi mãi. Phép cũ này nay cần phải nói thêm cho rõ. Đá ở núi này chỉ được giữ để nhà nước sử dụng, tư nhân và các xã thôn đều không được chiếm lấy để khai thác. Riêng hai thôn sở tại là Hóa Khuê Bắc và Hóa Khuê Đông nguyên đã được chuẩn cho phép tạm thời lấy đá tạc chạm làm thành đồ dùng trong phạm vi núi Hỏa Sơn. Nhưng đây là một đặc ân, nên nhà nước vẫn có quyền thu hồi. Nếu hai thôn này có những văn tự giao kèo nhượng hẳn hoặc nhượng tạm cho tư nhân hoặc với xã khác thì những văn tự đó bị coi như giấy lộn. Lệnh cấm đã rõ ràng, [3b] nếu ai còn phạm vào điều nghiêm cấm tất phải chịu tội".

Tháng 5, chuẩn chuyển đổi Nhất đẳng Thị vệ thành hàm ấn quan. Vua phê rằng:

"Viện Cơ mật nói rằng theo nguyên nghị, quan Chánh tứ phẩm Võ giai nếu có đảm đương chỉ huy quân sĩ thì theo lệ được trao ấn hàm. Chiếu theo đó, thì Nhất đẳng Thị vệ Chánh Tam phẩm nguyên nghị nửa là ấn hàm nửa là thuộc hàm. Trẫm nay mỗi khi lâm thời xa giá muốn lấy Nhất đẳng làm quan tùy hầu. Như ở các nước văn minh chỉ Nhất đẳng là còn thuộc hàm, thể thức như thế là chưa hợp. Vậy truyền chuyển đổi thành ấn hàm. Hễ viên nào bổ Nhất đẳng thì đều trao cho ấn hàm, trực ban chầu hầu yến tiệc chuẩn cho liệt vào hàng bên trên Lãnh binh để sung vào hầu hạ tả hữu cho hợp thể thức. [4a] Lương bổng chuẩn cấp chiếu theo ấn hàm. Truyền cho Viện tuân theo thi hành lấy đó làm lệ mãi mãi".

Tháng 7, Viện thần Viện Cơ mật tâu rằng, thuế tổ yến do nước ta thu lấy từ người lãnh trung, đồng thời hàng năm còn phải nộp hàng thực dâng tiến để giữ thể lệ. Nay Qui Khâm sứ Đại thần trình xin chiếu theo các điều khoản trong Chỉ dụ vào các năm 1898 và

1900 giao lại khoản thuế này cho phía Bảo hộ tùy liệu thực hiện, nhưng hàng năm vẫn buộc phải dâng tiến 10 sọt tổ yến loại hảo hạng, như thế để nhằm miễn giảm ngạch thuế này. Vua phê rằng:

"Việc cung tiến tổ yến vào những dịp triều đình có việc sẽ do Bộ liên quan chiếu theo lệ cũ đệ phiến trực tiếp tâu lên, trẫm vẫn cho là việc nhỏ nên cũng không để tâm nhiều nên vẫn chuẩn y cho, không ngờ hạng thuế này lại nhiều đến như thế. [4b] Nay Quí Khâm sứ đã gửi giấy trình bày rõ ràng, đồng thời lại có thiện ý tính đến việc hàng năm buộc phải có dâng tiến, phải nói là đã tôn trọng Nam triều hết mực, rất đáng kính phục. Nhưng ý của trẫm chỉ chuyên tâm vào lo mưu kế lớn củng cố quan hệ hữu nghị với Quí Bảo hộ nhằm đem lại lợi ích hòa bình yên ổn cho quốc gia, được thế thì trẫm mới yên lòng, chứ những chuyện cỏn con như thế này đâu có đáng để trẫm phải lo lắng tới. Truyền sao lục lời phê này để phúc đáp".

Tháng 8, Dụ rằng:

"Chiếu theo lệ trước đây, hàng năm ở các tỉnh phàm có những loại đặc sản địa phương thì đều đem cung tiến, để trước là dâng lên các miếu điện, sau dùng ban cấp cho Đình thần. Việc này tuy bảo là tình nhưng cũng là lễ vậy. Nhưng các tỉnh hễ có sản vật gì đem cung tiến thì đều tra xét rất kĩ lưỡng, từ lúc cây con mới sinh cho tới khi ra hoa kết trái đều sức đòi khai báo trình bày rõ ràng để kịp thời vụ đem cung tiến, [5a] cứ thế thành lệ rất phiền toái cho dân, khiến người dân có loại đặc sản ấy vì ngại phiền phức bèn đem giấu giếm tránh chối đi, thành thử quan thì vốn có lòng mà vô tình lại hóa ra vô ích. Vậy từ nay trở đi, hễ có loại đặc sản gì cung tiến theo mùa vụ, hoặc cung tiến theo lệ vào các dịp lễ tiết của nhà nước thì chuẩn cho trích lấy tiền từ khoản chi tiêu việc công của tỉnh hoặc tiền dùng cho thờ tự đem đi mua để cung tiến. Nếu không có các khoản tiền chi

tiêu việc công hoặc tiền thờ tự thì truyền chuẩn cho Bộ Hộ hoặc Bộ Lễ chiếu theo giá mà cấp trả lại, không được làm như lệ trước đây để gây phiền khổ cho dân. Truyền đem thông báo cho các nơi biết mà tuân hành".

Tháng 9, Chuẩn cho ban hành tiền *Khải Định thông bảo*. [5b] Dụ rằng:

"Các đời đều có đúc tiền mang tên quốc hiệu để thông thương tiền của trong thiên hạ. Từ khi lên ngôi tới nay, trẫm luôn trăn trở nghĩ tới việc làm cho dân giàu nước đủ. Trẫm đã mệnh cho Cục Đúc tiền ở trường Bách công tại Kinh đúc đồng tiền mẫu *Khải Định thông bảo* đáng giá 6 tiền để dâng ngự lãm thấy cũng khá tinh và đẹp. Tuy số tiền đã đúc chưa được bao nhiêu, nhưng theo phiến thỉnh của Bộ thần Bộ Hộ xin cứ cho ban bố lưu hành, đợi rồi đúc thêm sẽ tiếp tục lưu hành, như thế là rất hợp. Vậy đối với đồng tiền *Khải Định thông bảo* truyền cho các nha hữu quan chiếu phát hành sử dụng để lưu thông đồng tiền này".

Đến tháng 9 năm thứ 5 [1920], chuẩn cho thông dụng các loại tiền trong dân gian. Dụ rằng:

"Triều đình chế ra đồng tiền đưa vào trong dân gian là để cho dân cùng sử dụng. Gần đây thấy trong dân chúng [6a] có những thói quen xấu là dùng đồng tiền không giống nhau. Như ở Bắc Kì thì chỉ dùng các loại tiền Gia Long, Minh Mệnh và tiền kẽm trong khi lại từ chối không tiêu loại tiền Thiệu Trị, Tự Đức, còn ở các tỉnh Thanh Nghệ có nơi kiêm dùng các loại tiền, trong khi có nơi lại từ chối không tiêu giống như ở Bắc Kì, tình hình đó khiến cho tiền không lưu thông, dẫn tới hiện tượng thiếu tiền, đó chính là do dân chúng các ngươi tự làm khó cho mình. Các ngươi nên biết rằng sử dụng trong dân gian không gì quan trọng thiết yếu bằng đồng tiền, mà đối với đồng tiền thì không gì bối rối khốn khổ bằng thiếu tiền. Triều đình chế ra đồng tiền

thường phải chịu mất nhiều phí tổn, tốn kém nhiều mà làm được ít. Nhưng thà chịu tốn kém chứ không thể để cho dân chịu khổ sở vì thiếu tiền. Hiện thời là lúc đang thiếu tiền. Quí Bảo hộ cùng với nước ta đã cùng chế ra đồng tiền bằng đồng thau, gọi là *Khải Định thông bảo*, theo đúng cách thức đã thỏa thuận, đem phát hành ra để tiện cho dân gian tiêu dùng. Việc này Quí Toàn quyền Đại thần đã ủy giao [6b] cho một Hội kĩ nghệ nước Đại Pháp dùng đồng thau dập in ra phát hành. Đồng tiền mới này, mỗi văn (xu) tương đương với bao nhiêu tiền kẽm cần phải qui định sẵn tỉ giá cố định để tránh gây nghi ngại trong dân gian. Vậy truyền chuẩn định giá mỗi văn của đồng tiền Khải Định mới này là tương đương bằng 6 văn tiền kẽm, khi thông dụng nhất loạt đều căn cứ theo tỉ giá này. Từ nay trở đi dân chúng các ngươi phải bỏ thói quen xấu ngày trước, phàm những đồng tiền mà nhà nước đã có Dụ chỉ lưu hành thì phải nghiêm chỉnh tuân theo đem ra cùng sử dụng để hưởng cảnh hòa bình mãi mãi, như thế chả tốt đẹp hay sao?".

Tháng 10, Bộ thần Bộ Hộ tâu trình rằng, về khoản nhung y cho các quan viên trước nay vẫn do Bộ may rồi cấp phát, về màu sắc thì căn cứ tùy theo màu của áo chầu mà may thành các màu có phân biệt khác nhau (như Hoàng thân, Vương công áo chầu màu đỏ, Chánh nhất phẩm áo chầu màu đồng cổ, nhung y bằng lụa gấm cũng chiếu theo màu đó mà may). Nhưng gần đâu trong các mặt hàng này, như đối với nhung y cấp cho Tòng nhị phẩm nguyên phải dùng lụa sa màu xanh, [7a] Chánh tứ phẩm thực chức nguyên dùng lụa sa màu bạc, Chánh ngũ phẩm thực chức nguyên dùng gấm thổ cẩm, những mặt hàng này hiện nay bị thiếu rất khó gửi mua về được. Vì vậy đối với nhung y của Hoàng thân (lụa hoa màu đỏ có ánh bảy màu), Chánh nhất phẩm (lụa sa hoặc đoạn hoa màu đồng cổ có ánh bảy màu) và Tòng nhị phẩm (lụa hoa màu tương ánh bảy màu) thì xin

vẫn may theo như cũ, còn đối với nhung y của Chánh, Tòng nhị phẩm trở xuống xin cho thay đổi thành màu khác để cho dễ mua mà vẫn có phân biệt. Vua phê rằng:

> "Xét trình bày trong tờ phiến xin đổi màu sắc áo nhung y như thế xem ra cũng có chỗ chưa hợp. Truyền thay đổi lại cả một lần để lấy đó làm chuẩn. Trừ quan văn, quan võ từ Tòng nhất phẩm trở lên đều vẫn giữ như cũ ra, đối với quan ấn hàm từ Chánh nhị phẩm trở xuống, văn thì dùng màu xanh, võ thì dùng màu đen, đều có ánh bảy màu gia thêm kim tuyến, tùy theo phẩm trật cao thấp mà có kiểu hoa khác nhau để phân biệt. Thuộc viên Chánh tứ phẩm chuẩn dùng màu lam, Lục phẩm thì kiểu hoa kim ngân; [7b] Thuộc viên Chánh ngũ phẩm chuẩn dùng màu ấy, nhưng Tứ phẩm thì kiểu hoa kim ngân. Chuẩn lấy đó làm lệ vĩnh viễn, thông báo để thi hành".

Tháng 12, nhà từ đường của phòng Tuân Quốc công bị hỏa hoạn, Trưởng phòng là Công Tôn Ưng Sách đệ đơn xin cấp lại bằng sắc sách phong cho Tiên Tổ khảo để giữ gìn truyền đời. Lễ bộ Tham tri Bửu Thạch cũng trình rằng Tằng tổ tỉ là Thục phi Nguyễn Văn thị của Tiền triều hồi xưa đã được ban cấp một bức Ngân sách, nhưng đến năm Ất Dậu bị thất lạc, nay cũng xin cấp lại để phụng thờ. Quan Bộ Lễ đem sự việc tâu lên. Vua phê rằng:

> "Sắc văn là ân trạch của triều đình ban cho con cháu trân trọng kế thừa, đáng ra phải gìn giữ hết sức cẩn thận. [8a] Nếu để bị hỏa hoạn cháy mất thì đó là vì tai họa bất ngờ không lường trước được, chuẩn cho xin cấp lại. Còn ngoài ra những trường hợp không thuộc hỏa hoạn như thế mà mất thì không chuẩn cấp lại. Xét trường hợp Ngân sách của Thục phi, hồi trước vì gặp sự biến quốc gia nên bị mất, nhưng từ năm Thành Thái trở đi đến nay đã hơn ba chục năm mà không biết nghĩ tới mà xin truy cấp. Nay trẫm cũng gia ân cho đổi cấp lại cho một lần, từ

rày về sau không được viện cớ xin cấp lại nữa. Phàm những nhà nào bị mất như thế chuẩn cho Bộ Lễ chiếu xét cấp lại, chi phí tốn kém bao nhiêu người chủ thờ phụng phải bồi thường để dùng vào những trường hợp xin cấp lại khác, truyền lấy đó làm lệ mãi mãi".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Mùa xuân, tháng Giêng, Bộ Hộ tâu về việc áo chầu của quan viên văn võ đã có lệ qui định, trừ hàng ấn quan xin vẫn chiếu theo hiện hàm hiện chức mà cấp phát ra, còn các thuộc viên như Lang trung, Viên ngoại [8b] thì xin chiếu theo thực chức lãnh nhận mà cấp phát. Những trường hợp còn lại như Thừa phái Viện Cơ mật, Hành tẩu ở bảy Bộ, Tiến sĩ, Phó bảng phân phái tới các Bộ, Nha và những viên thừa phái khác thì chiếu theo khoa phục, phẩm phục mà cấp phát. Vua chuẩn y cho.

Tháng 3, chuẩn cho Khâm thiên giám khi ghi lịch thì ghi tăng thêm ngày tháng của năm Dương lịch để tiện thông dụng.

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 3, Quyền Khâm sứ Đại thần gửi thư sang xin trao phẩm hàm cho thuộc viên bên Qui tòa là Trần Quang Khải và Lâm Tô Bích, [9a] nhưng trong lí lịch của hai người này đều ghi chú bằng Tây lịch. Bộ Lại đem sự việc ấy tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Bên Khâm sứ đã xin trao hàm cho các viên ấy, truyền ghi sổ tuân hành mà không cần cứu xét. Còn đối với những người làm việc cho Bảo hộ mỗi khi xin tăng phẩm hàm truyền phải ghi chú thêm năm theo lịch ta cho hợp thể lệ".

Tháng 5, Qui quan Lục lộ ở tỉnh Thanh Hóa xin được khai thác đá ở khu vực lân cận gần sát tường thành Tôn lăng. Thỉnh thần Thanh Hóa điện về trình Viện Cơ mật xem xét. Viện thần tâu rằng: Ranh giới cấm của Tôn lăng đã được ghi trong Nghị định (Năm Gia Long đã có lệnh cấm, ghi rõ trong Hội điển; Sau đó Toàn quyền Đại

thần Sa Lộ, Khâm sứ Đại thần Ma Hi[1] cũng qui định ranh giới cấm in vào trong bản đồ) hết sức rõ ràng cụ thể, vĩnh viễn cần phải thận trọng tuân thủ. Vậy xin từ nay trở đi, trong phạm vi cấm địa, [9b] nếu có ai muốn khai thác đá ở chỗ nào đều phải qua bản triều khám xét thấy không ảnh hưởng gì thì mới được xin chỉ thi hành. Như thế mới hợp thể thức. Vua phê rằng:

"Đề nghị của Viện rất đúng. Truyền bàn bạc cho thỏa đáng để tiện tuân hành sau này không thay đổi nữa".

Viện Cơ mật tuân Dụ thảo luận với Quí Khâm sứ Đại thần, Quí Đại thần đáp lại rằng cũng cùng thống nhất quan điểm như vậy, và đã tư cho tỉnh ấy từ nay về sau phải thông qua Viện tâu xin chuẩn y mới được lấy đá ở khu vực đó. Viện thần đem sự thể tâu lên, Vua chấp thuận cho.

[10a] Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 2, vua ngự thị triều ở điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Trong dân gian mỗi khi gặp dịp khánh tiết thường có treo lá cờ nhỏ màu vàng, như thế là rất không hợp với lễ nghi, cần phải đặt ra qui thức riêng để ban hành cho việc treo cờ. Nếu muốn treo cờ vàng thì truyền chỉ treo cờ màu Tam tài tượng trưng của nước Bảo hộ, và nên treo ở Kinh, trên cột kì đài các tỉnh và ở các công sở để biểu thị rằng nước ta được sự bảo hộ mà thôi. Còn nhà dân ở các phố xá mà cho thông dụng treo cờ màu vàng thì nghĩ có phần không đúng"

Nhân đó vua chỉ vào lá cờ màu vàng có tua rủ treo ở giữa điện Văn Minh rồi bảo Thị thần rằng:

"Màu vàng là màu chính trung của đất trời. Mà ở chính giữa là tượng của nhà vua. Thế thì dân gian sao được lạm dùng màu đó.

---

[1] *Ma Hi*: phiên âm tên tiếng Pháp Mahé.

[10b] Như vào ngày kỉ niệm chính phủ Cộng hòa của Quí quốc có lệ trưng diễn hoa đăng, đó là vì mừng kỉ niệm chế độ dân chủ, chứ nước ta là nước quân chủ. Năm trước vào dịp kỉ niệm ấy ta cũng bắt chước làm theo như thế thì có nghĩa lí gì. Vì vậy nay không chuẩn cho tiếp tục nữa. Hôm trước khi thảo luận với Quí Khâm sứ để định ra lá cờ hiệu để treo trên thuyền ngự sang Tây, trẫm đã dự định chế ra lá cờ hình vuông màu vàng thêu một con rồng có tua rủ màu tam tài, đó là phỏng theo qui chế cũ của Tiên đế châm chước mà đặt ra. Theo qui chế cũ cờ rồng của nước Đại Nam thì rồng thêu màu lục, không dùng màu vàng, không phải là không có ý tránh trùng lặp với lá cờ rồng vàng thống nhất của nhà Thanh. Hiện tại cách thức của lá cờ mừng treo trong Đại nội là mô phỏng Long tinh có dây treo các màu. Nay nên phỏng theo cách thức ấy mà chế ra lá cờ công bố ra để treo vào các dịp khánh tiết cho thích hợp".

[11a] Tháng 11, Quan Quốc sử quán tâu xin phụ biên phần *Thực lục* triều Thành Thái, Duy Tân chép vào cuối *Kỉ đệ lục* để cho đầy đủ thứ tự năm tháng và đợi xin quyết định về thể lệ biên chép (gọi là Phế đế hay gọi theo tước sau khi bị giáng). Vua phê rằng:

"Chuẩn vẫn gọi là Phế đế theo như sự thật để chép Phụ biên, chứ gọi theo tước phong thì thực lòng trẫm luôn nghĩ yêu quí người thân, không thể không có ý gia ân để an ủi ông ấy mà tỏ hết tấm lòng thương xót".

Thể lệ về kiểu cách huân chương Long tinh:

Năm Khải Định thứ 2 [1917], mùa đông, tháng 10, [11b] Dụ rằng:

"Triều đình cất đặt quan chức là những mong họ lập được thành tích vẻ vang; nhà nước khen thưởng đền công càng cần có thứ đẹp đẽ khác thường quí giá. Như huân chương Bội tinh ở các nước bên châu Âu chính là thứ đó. Nước ta từ năm Đồng Khánh nguyên niên đã bắt đầu dựa theo Bội tinh của các nước mà làm

ra thành kiểu cách đặc biệt của nước ta để ban cấp khen thưởng cho các quan viên. Đó quả là một bước văn minh quan trọng. Sau đó thấy Quí Đại Pháp thường hay áp dụng cách thưởng là hễ quan viên nào được dự thưởng thì tùy theo đẳng hạng của Bội tinh mà phải hoàn trả một khoản tiền gọi là tiền cấp giấy, trừ khi được thưởng đặc ân thì được miễn. Hiện nay lính của ta tòng chinh sang nước Pháp nhiều người cũng có nhiều công lao, Quí Đại Pháp đã nhường quyền thưởng phạt cho trẫm quyết định, nên về qui chế cũng cần bổ sung những cái mới vào lệ cũ. Theo lệ cũ, màu sắc của dây đeo bội tinh vẫn nhường cho Quí Pháp quốc chọn dùng khi tặng thưởng, nay xem xét qui định qui cách dây đeo bội tinh là [12a] ở giữa màu đỏ, diềm viền màu vàng, cũng phân làm 5 hạng để tiện ban thưởng và thể hiện được sự khác biệt. Về kích thước dài ngắn rộng hẹp được làm y như dây đeo bội tinh của nước Đại Pháp. Theo bàn bạc thỏa thuận sẽ trích tiền của Nam triều để làm dây này và thực hiện cấp giấy ban hành. Người nước ta và các sĩ quan binh lính nước Pháp cũng như các nước đồng minh hễ ai có chiến công, được cấp trên của người ấy xem xét tùy theo công trạng đề đạt lên Phòng Chính trị Toàn quyền Đông Dương cứu xét rồi chuyển sang cho Viện Cơ mật Nam triều đệ phiến lên chờ chỉ của nhà vua chuẩn cho ban cấp; hoặc Quí Toàn quyền Đại thần và Quí Khâm sứ Đại thần cùng với các quan Đại thần Viện Cơ mật xem xét thấy ai chăm chỉ mẫn cán đáng thưởng thì cũng được đệ phiến đợi chỉ ban cấp. Những người được thưởng Bội tinh là được đeo nhận ân sủng rất vinh dự vẻ vang, càng cần cố gắng hơn. Trong các điều khoản qui định này cũng có thể còn có chỗ chưa được chi tiết toàn diện [12b] thì sau đây sẽ tiếp tục bàn bạc bổ sung thi hành".

Năm Khải Định thứ 3 [1918], tháng 9, Viện thần Viên Cơ mật

tâu xin qui định lại dây đeo của Văn, Võ Long bội tinh nên dùng màu sắc gì để có sự phân biệt. Vua phê rằng:

"Qui định lại dây đeo Long bội tinh để có sự phân biệt là điều hợp lí, còn như đem hạng này để thưởng cho binh lính và dân thường thì xem ra chưa thỏa đáng. Theo qui định của Tiên triều, các hạng bội tinh đều là sự thể rất long trọng. Ngay cả trường hợp đặc biệt ân thưởng, các nước vẫn coi trọng thể như nhau, đâu có phân biệt cái này nặng cái kia nhẹ. Nay thấy cần qui định lại thì có thể chiếu theo nghị định của thời Đồng Khánh [13a] hoặc Viện Cơ mật bàn bạc đặt ra mà thi hành, không phải đợi chỉ cho phiền phức".

Sau đó Viện Cơ mật phúc tấu rằng, chiếu theo nghị định về Long bội tinh năm Đồng Khánh thì ở điều thứ 7 qui định bội tinh cho quan văn ở giữa màu xanh, bội tinh cho quan võ ở giữa màu trắng, hai bên đều viền diềm màu vàng. Còn đối với bội tinh để gia thưởng quân công cho binh lính và dân thường cần tăng thêm chi tiết gì để có thể phân biệt với quan văn quan võ thì xin đợi chỉ quyết định. Vua phê rằng:

"Xét ra màu sắc dùng như của Quí quốc, tức là văn màu xanh võ màu đỏ thì rất hợp, nhưng nước ta lại hay chuộng màu vàng. Lần trước trẫm đưa ra nghị định dây đeo bội tinh ở giữa màu đỏ hai bên viền vàng chính là mang cái ý nghĩa đặc biệt [13b] về sự gắn kết trường cửu giữa nước ta với Quí quốc, dùng để ban thưởng chung cho cả hai bên. Nay Quí Toàn quyền đã xin đề nghị như thế thì cũng được. Theo nghị định trước giữa đỏ viền vàng để thưởng quan võ, giữa xanh viền vàng để thưởng quan văn là để có sự phân biệt, hoặc y theo như nghĩ định trước để thưởng chung. Nhưng theo Tiên triều nghị bàn thì nên thiết lập ra Viện Long bội tinh để quản lí trông nom mọi chuyện liên quan đến bội tinh. Nay Quí Bảo hộ đã hiểu rõ trẫm là một ông

vua đáng tin cậy trong mọi việc nên đã giao cho trẫm quyền ban thưởng, do vậy cũng nên noi theo điều chương cũ mà bổ sung thêm chi tiết. Vậy truyền Viện Cơ mật tham khảo theo nghị bàn trước kia mà lập ra Viện Bội tinh, trù tính ngân sách mọi chi phí cần thiết để mua sắm chế tạo bội tinh và cấp giấy chứng nhận để khi ban cấp khen thưởng có ty chuyên trách, bàn bạc ổn thỏa đệ phiến phúc tâu lên để giáng Chỉ dụ thi hành".

[14a] Năm Khải Định nguyên niên [1916], mùa thu, tháng 7, chuẩn định điều lệ về Kim khánh, Kim bội. Dụ rằng:

"Trước nay giấy chứng nhận ban cấp Kim tiền, Kim khánh, Kim bội không được đẹp đẽ tinh xảo và bền chắc, nên phải đặt cách thức tạo ra kiểu giấy mới đẹp và tốt hơn. Nhưng chi phí và công thợ cho việc này rất lớn. Vì vậy nay truyền định ra điều lệ như sau:

Khoản 1. Giấy chứng nhận cấp Kim khánh, Kim tiền, Kim bội đều dùng giấy Tây loại tốt khổ rộng đúng như kiểu mẫu do Viện Cơ mật đề nghị.

[14b] Khoản 2. Khi cấp phát phải chiếu theo hạng mà thu tiền. Riêng giấy chứng nhận ban cấp Ngân tiền thì vẫn theo như lệ cũ cấp phát miễn phải nộp tiền.

Khoản 3. Tất cả quan viên người Nam nếu được đội ơn ban thưởng thì vẫn theo như cũ, nhận lãnh giấy chứng nhận và vật thực đều được miễn nộp tiền.

Khoản 4. Quan viên người Pháp và người nước ngoài khác nếu được ban cấp đặc cách thì cũng được miễn nộp tiền".

[15a] Năm Khải Định thứ 2 [1917], tháng 9, Viện Cơ mật đệ phiến xin chế tác Thượng hạng Kim khánh ra thành 2 đẳng (gồm Thượng hạng đệ nhất đẳng và Thượng hạng đệ nhị đẳng) để cấp cho các quan từ ấn quan trở lên. Vua phê rằng:

"Chuyện ban cấp Kim khánh cho những người từ ấn quan trở

lên là việc làm sai theo lệ gần đây. Người được triều đình ân thưởng phải lấy làm vinh dự vẻ vang, chứ đâu như lệ gần đây ai ai cũng được lạm dự vào. Chiếu xét Liệt Thánh làm ra khánh để ban cấp cho quần thần bên dưới, với người chức phận thấp mà có công lao thì phần nhiều ban cấp cho hạng Tử Kim khánh, [15b] chỉ những người chức cao mà có công trạng thật to tát trọng đại thì mới thưởng Kim khánh mà không có ân điển khác trọng hậu hơn. Vào những năm Đồng Khánh triều Hoàng khảo ta đã cho chế tác ra nhiều Kim khánh là muốn trữ sẵn để tặng mang tính giao hảo cho Quí quan, chủ đích nhằm củng cố quan hệ. Gần đây nhân thấy có nhiều mà không hiểu được tôn chỉ ban đầu ấy nên mới sai lầm ban thưởng vượt cấp bừa bãi. Để chỉnh đốn lại mới định ra hai kiểu dạng là hạng cực đại và hạng đại, ấy là chiếu theo 5 hạng bội tinh của các nước châu Âu vậy, thực cũng nên làm. Nếu xuất phát vì đặc cách thì với quyền pháp của nhà vua vốn nên như thế. Bất kể là nhân vật nào mà công trạng thuộc về đặc cách thì có thể ban thưởng cho, hà tất phải ghi vào trong sắc văn để rồi lúc khác lại viện ra làm thành lệ. Nhưng một khi đã định ra điển chương thì cũng nên công bố rõ ràng để tiện tuân hành. Vậy từ nay trở đi, quan viên văn võ từ hàng ấn quan trở lên, [16a] hễ ai đến lệ được dự thưởng Kim khánh thì cho phép cấp trên của họ xem xét quả là có công trạng thực thì tư lên Viện Cơ mật xem xét đệ phiến nói rõ có nên cấp hay không cấp. Từ Kim khánh hạng cực đại đến Kim tiền hạng nhì, giấy chứng nhận cấp phát viết bằng chữ Nho, sau dòng niên hiệu phụng sắc chuẩn cấp có đóng dấu *Ngự tiền chi bảo*. Cũng không cần phiền đến chữ kí và đóng dấu của Quí Hội lí, vì ân điển này là thuộc ân tình giữa vua tôi nước ta với nhau. Từ Kim tiền hạng ba trở xuống đến các hạng Ngân tiền do Viện Cơ mật xin chuẩn cấp, giấy chứng nhận do Viện Cơ mật cấp.

Trên mặt trước của Kim khánh có khắc rõ hạng của Kim khánh, tất cả đều như thế. Đó là để ban cấp cho các quan viên được dự thưởng bình thường. Còn trong trường hợp để báo nghĩa đền công, hoặc với người thực sự có công trạng lớn lao thì sẽ phụng sắc chế tác ra loại riêng để ban cấp cho long trọng. [16b] Kim khánh dùng ban tặng để giao hảo và cho các Quí quan thì cấp khi Quí Thủ trưởng của họ có đề nghị xin cấp và vẫn tuân theo lệ cũ, nhưng giấy chứng nhận thì một mặt viết chữ Nho có đóng dấu *Ngự tiền chi bảo*, một mặt viết bằng chữ Pháp, không cần có chữ kí và đóng dấu của Quí Hội lí (Trẫm sẽ bàn chế ra con dấu *Ngự tiền chi bảo* bằng chữ Pháp, đợi làm xong sẽ sử dụng), bởi như khi đem tặng cho Đại thần của Quí quốc thì nhẽ đâu Hội lí lại dám chứng nhận, mà phải do triều đình của ta. Vấn đề Long bội tinh của triều ta hiện nghe nói triều đình Quí Pháp sẽ giao lại chủ quyền ban cấp cho trẫm đảm nhận, đủ thấy các vị sáng suốt bên Thượng quốc tôn trọng tình hữu nghị hai bên đến như thế nào, mà triều ta cũng phải xét đến điều đó mà đáp đền trọng hậu. Truyền bàn bạc thỏa đáng lập tức thi hành".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. [17a] Tháng 9, quan Nội các giao loại giấy trúc. Vua phê rằng:

"Việc ban thưởng Kim khánh, Kim tiền trước đây trẫm thường thấy ban thưởng rất hỗn loạn không theo điển lệ, khiến ân trạch của triều đình không còn ý nghĩa quí hóa mà người được thưởng cũng không thấy vẻ vang. Từ nay trở đi quan viên từ hàng ấn quan trở lên mới được thưởng Kim khánh, các thuộc viên chỉ được thưởng đến Kim tiền hạng ba là hết mức, trường hợp đặc cách thì không nằm trong lệ này. Trường hợp người Nam làm việc cho Quí quốc nếu các Đại thần Quí quốc như Toàn quyền, Khâm sứ, Thống sứ có xin thưởng cho Kim khánh thì cũng nên chuẩn thưởng cho để giữ tình hữu nghị. Bữa trước

khi trẫm ra Bắc, Quí Thống sứ có xin thưởng Kim khánh hạng ba cho viên Thông sự ở Phủ Thống sứ là Nguyễn Văn Tam. [17b] Trẫm đã nghĩ chỉ nên thưởng cho Kim tiền thôi, nhưng rồi xét thấy khi ấy viên quan này cũng có nhiều công lao nên chuẩn thưởng cho một chiếc Kim khánh hạng ba để đền công. Từ nay trở đi nếu thưởng Kim khánh cho những người không phải là hàm ấn quan thì không cần dùng con dấu *Ngự tiền* mà chuẩn cho thay bằng dấu của Viện".

Tháng 12, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng:

"Phủ Nội vụ nguyên là nơi cất giữ Kim tiền hạng lớn. Trước nay chưa từng đúc Kim tiền hạng cực đại, vì thế cũng nên đúc ra mấy đồng hạng này để khi cần đến đem ban thưởng. Kim khánh cũng nên chế riêng thành hai hạng, một hạng có khắc chữ *Đại Nam Hoàng đế sắc tứ* để thưởng cho quan Quí quốc, một hạng khắc chữ *Niên hiệu sắc tứ* để thưởng cho người nước ta, như thế để có phân biệt".

[18a] Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 2, Viện thần Viện Cơ mật soạn phiến liệt kê danh sách các quan viên làm việc vất vả chăm chỉ được các Bộ, Nha xem xét xin thưởng cho Kim tiền, Kim khánh dâng lên chờ ân chỉ. Vua phê rằng:

"Kê trình danh sách lên để xin thưởng khánh và tiền mà không kể rõ ràng công trạng vất vả chăm chỉ ra sao, thực là rất hàm hồ, xem ra có vẻ như vì thiên tư mà xin cho chứ chưa chắc đã là xác thực công bằng. Trong số này thấy nhiều người vừa mới được thăng vào dịp tết Nguyên đán vừa rồi mà lại xin thưởng tiếp khánh với tiền, ân hưởng dồn dập, trong khi vẫn còn có người đến hạn mà chưa được thăng hoặc không được thưởng. Chuyện này là do cấp trên xem xét không thấu đáo toàn diện. Từ rày phải xem xét chặt chẽ công bằng sao cho thỏa đáng, mà đối với việc xuất tiền của nhà nước ra suy ân cũng phải hết sức thận

trọng, [18b] để sau đó người được đội ơn cũng thấy vẻ vang. Lại xét thấy việc thưởng bội tinh ở các nước nhiều khi chỉ cấp thưởng cho tờ giấy chứng nhận mà không thưởng huân chương thực chất, như thế cũng rất tiện. Nước ta hiện tại vàng bạc để đúc khánh đúc tiền vẫn phải đi mua để làm ra vật thực, nếu cứ động một cái lại đem ra thưởng vật thực thì chẳng được bao lâu, làm sao bổ sung vào cho đủ. Trong danh sách các viên do Viện trình lên xin thưởng, có Lê Văn Thí về hưu vừa được thăng Đề đốc, truyền thôi việc ban thưởng, cùng với Khiếu Tam Lã thôi việc gia thưởng cùng với Nguyễn Văn Hiền cũng thế. Còn lại tạm chuẩn y cho một lần. Từ nay về sau, trừ những người có công trạng và trường hợp đặc cách ra, còn khi xét thấy người nào thực sự có công lao mà xin ban thưởng thì phải kể rõ sự trạng thì mới chuẩn ban thưởng cho vật thực, còn những trường hợp đến hạn theo lệ hoặc vì riêng tư mà xin thưởng thì chỉ thưởng bằng cách cấp cho giấy chứng nhận [19a] rồi chuẩn cho họ tự làm lấy vật thực, như thế cho tiện. Truyền lấy đó làm lệ vĩnh viễn".

Tháng 10, chuẩn cho Viện Cơ mật soạn chữ trên một chiếc Kim khánh hạng cực đại và sắc chỉ để chuẩn bị tặng cho Qui Toàn quyền Đại thần Lê Ca Liên[1]. Viện thần cho rằng vì giấy cấp của hạng khánh mới này khổ nhỏ nên tâu xin chờ dùng dấu *Ngự tiền chi bảo*. Vua phê rằng:

"Qui định của các nước tuy có phân biệt các hạng bội tinh nhưng giấy cấp thì không có gì khác nhau mấy về chất. Kim khánh Kim tiền của ta cũng nên phỏng theo như thế. Nếu như vì loại giấy thể trục theo nghị bàn trước không thích hợp với con dấu mà đổi dùng dấu Ngự tiền, [19b] thì vết in của dấu

---

[1] *Lê Ca Liên*: phiên âm tên tiếng Pháp Gallen.

Ngự tiền nhỏ hơn hẳn so với dấu của Viện Cơ mật, Quí quan không hiểu duyên do lại đâm nghi ngờ này khác. Từ nay trở đi giấy cấp của các hạng Kim tiền, Kim khánh đều dùng như của hạng mới này, con dấu cũng đều dùng dấu *Khải Định thần hàn* cho thích hợp, truyền lấy đó làm lệ mãi mãi. Việc hiện hành cũng theo lệ này. Còn về sắc chỉ thì y theo lời đề nghị mà viết, đồng thời chuẩn cho giấy cấp của Long bội tinh cũng dùng dấu *Thần hàn*".

Tháng 12, chuẩn làm Kim bội thành hai hạng (hạng nhất và hạng nhì).

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. [20a] Tháng 2, Quyền Khâm sứ Tiết Sô kê một bản danh sách các quan viên xin thưởng các hạng Long bội tinh, Kim khánh, kim tiền, kim bội quá nhiều. Viện thần đem sự việc tâu lên đợi chỉ. Vua phê rằng:

"Nghị định về ban thưởng Kim khánh trước đây đã phê rõ rồi, chỉ hàm ấn quan trở lên mới được dự thưởng. Những người chưa lên tới ấn hàm hoặc không có quan tước mà có công cán rất đặc biệt thì mới được đặc cách ban thưởng, ngoài ra đều không được viện cớ mà xin. Trẫm xem danh sách xin thưởng trong tờ phiến rất nhiều trường hợp không hợp, Quí Khâm sứ Đại thần đã kê lên xin lẽ nào lại không chuẩn cho, nhưng phải đổi hạng đi thì mới hợp. Với lại xưa nay Nam triều thưởng công cho đàn bà thì dùng Kim bội, thưởng công cho đàn ông thì dùng Kim khánh Kim tiền, phân biệt rất rõ ràng. Gần đây trẫm thấy Quí Toàn quyền, Quí Khâm sứ vẫn xin tặng cho các Quí Phu nhân các hạng Kim tiền, [20b] việc đó là không hợp, nhưng trẫm cũng chẳng biết làm thế nào. Nay lại thấy xin thưởng Kim tiền cho Phu nhân của Nguyên soái Bi Tí Sô với Phu nhân Lư Ra Đề Ba, Viện Cơ mật nên trích thưởng Kim bội cho hợp. Còn các Quí Phu nhân và mệnh phụ Nam triều nếu rất có công lao mà

trước đã có Kim bội rồi thì phải chế riêng một hạng Kim bội khác để thưởng cho họ".

Tháng 12, Hội trưởng Hội Khai trí Tiến Đức ở Hà Nội Hoàng Trọng Phu viết thư trình lên Quí Khâm sứ Đại thần Bác Kê xin thưởng một tấm Kim khánh hạng ba cho hội viên của hội ấy là Phạm Văn Duyệt (vì diễn dịch được những kịch bản nổi tiếng của nước Đại Pháp). Quí Đại thần viết thư trả lời, đại khái nói: Kim khánh chỉ dành thưởng cho ấn quan mà thôi, còn những trường hợp khác là người cao tuổi hoặc có công với Nam triều thì mới được đặc cách ban thưởng. Rồi Quí Đại thần [21a] xin thưởng cho hội viên ấy một đồng Kim tiền hạng nhì và xin Viện tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Diễn dịch những truyện sự tích châu Âu ra tiếng nước ta rồi đem xuất bản để diễn thành ca kịch nếu không thành thạo cả hai thứ tiếng thì không thể làm được. Hà Thành gần đây có diễn nhiều vở kịch, cũng thấy đăng cả lên trên báo *Nam Phong*. Trẫm có đọc qua, ngẫm cũng đáng khen. Riêng xem bản kịch *Người bệnh tưởng* vốn là một sự tích của Thượng quốc nhưng dùng thể cách tiếng ta thể hiện thành câu chuyện đem diễn kịch ca xướng rất công phu mà hay, rất đáng khen thưởng. Nhưng cái tinh thần của những hành vi theo chủ nghĩa bệnh tưởng ấy dường như chẳng có gì phù hợp với tinh thần khen thưởng thuộc về chủ nghĩa phẩm hàm của Kim khánh, Kim tiền với Long bội tinh. Nên tìm một vật gì khác để thưởng cho thì mới đúng. Vì sao vậy? Bởi lẽ những thứ như Kim khánh, Kim tiền, Long bội tinh cùng với phẩm hàm [21b] đều là những cái mang tính nghi thức mà bậc quân chủ dùng để khuyến khích cổ lệ bề tôi. Huống chi Quí Khâm sứ Đại thần là bậc cao minh học rộng biết nhiều của Thượng quốc, với trẫm còn là người rất thân thiết và hiểu biết lẫn nhau, luôn biết duy trì chính sách gìn giữ nền

quân chủ của bản quốc, thiết tưởng ngài Đại thần ấy cũng hiểu cho. Truyền sao lục để phúc đáp".

Tháng 12, gần đến tết Nguyên Đán, Viện Cơ mật liệt kê danh sách những quan viên có công lao mẫn cán ở bên ngoài Kinh để xin ban thưởng cho các hạng Kim tiền, Kim khánh. Vua phê rằng:

"Quan chức có công, khi xét thưởng hàm hoặc thưởng hạng như các loại Kim khánh, Kim tiền hay Bội tinh thì không nên thưởng trùng lặp. Phàm khi đã thưởng hàm thì hoãn việc thưởng hạng, hoặc khi vừa mới được thưởng hạng thì cũng vậy. Chỉ trừ ai có thật nhiều công lao mới được lũy thưởng. Gần đây thấy nhiều người vừa mới được thưởng hàm xong [22a] lại kế tiếp xin ngay thưởng hạng hoặc xin tiếp thưởng hàm. Phải giáng xuống thì có, chứ đâu lại thưởng thêm, như thế là tiếm đấy. Hiện tại của trong kho đang rất cần kíp, phải nên tiết kiệm. Truyền từ rày trở đi hễ khi được thưởng hạng mới thì phải nộp lại hạng cũ. Ví như khi được thưởng Kim tiền Kim khánh hạng nhì thì phải nộp trả lại hạng ba, được thưởng Long tinh hạng tư thì phải nộp lại hạng năm, chiếu làm theo như đối với thẻ bài ngà vậy, để lấy đó thưởng cho người khác cho khỏi tốn phí. Cách làm này chỉ áp dụng đối với quan viên Nam triều mà thôi. Truyền thông báo để tuân hành".

Thể lệ về đeo thẻ bài ngà:

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa hạ, tháng 4, [22b] chuẩn từ nay trở đi, quan viên bất kể văn hay võ phẩm hàm hiện từ Nhị phẩm trở lên mà về hưu thì mới được chuẩn cấp thẻ bài ngà để đeo; Nếu đang là Tam phẩm được thăng Nhị phẩm về hưu thì không được theo lệ này để có sự phân biệt. Truyền tuân hành làm thành lệ.

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa thu, tháng 7, Thống sứ Bắc Kì gửi công văn trình bày rằng các quan viên làm việc cho Bảo hộ và

quan viên về hưu đệ đơn xin đeo thẻ bài ngà. Viện thần Viện Cơ mật tâu lên. Vua phê rằng:

> "Thẻ ngà theo lệ trước đây thì quan viên bên ngoài trấn không được đeo, chỉ gần đây mới được thế, năm ngoái ra Bắc trẫm cũng đã nom thấy. Trẫm nghĩ triều ta đã cùng cai trị với Quí Bảo hộ, [23a] thì quan viên theo Bảo hộ cũng như là quan viên của bản triều. Huống chi thần dân ở miền đất ấy phải tha thiết tôn kính với vua lắm mới xin như thế, lại do Quí Bảo hộ để đạt lên thì lẽ nào lại cản trở không cho. Vậy truyền y cho lời thỉnh cầu".

Sau đó Viện thần xin chiếu theo nghị chuẩn vào năm Duy Tân, Khải Định (Năm Duy Tân thứ 3 nghị chuẩn cho các quan viên văn võ tại chức ở Bắc Kì như Tổng đốc, Tuần phủ, Quản đạo, Án sát, Đốc học, Thương tá, Đề đốc, Lãnh binh, Tri phủ, Tri huyện, Tri châu mới được đeo thẻ ngà. Tháng 4 năm Khải Định thứ 2 kính vâng theo lời Châu phê rằng từ nay trở đi, quan viên bất kể văn hay võ phẩm hàm hiện từ Nhị phẩm trở lên mà về hưu thì mới được chuẩn cấp thẻ bài ngà để đeo; Nếu đang là Tam phẩm được thăng Nhị phẩm về hưu thì không được theo lệ này để có sự phân biệt. Truyền tuân hành làm thành lệ) do Phủ Thống sứ Bắc Kì tuân chiếu theo các lệ trước sau mà chế tạo thẻ bài theo đúng qui cách và ban cấp. Vua phê rằng:

> "Chính sự cũng phải tùy thời mà thi hành thắt chặt hay nới lỏng. [23b] Đeo thẻ bài tuy là chuyện nhỏ nhưng xét ra ngày trước sở dĩ phải hạn chế chặt chẽ là bởi hồi đó là thời quân chủ thái bình, làm sao mà không chặt chẽ để giữ nghiêm sự sùng bái quân quyền. Ngày nay thì dân chủ đã in sâu vào đầu óc dân chúng ở rộng khắp các xứ rồi, còn hạn chế chặt chẽ được nữa không? Cho nên thấy dân còn đầu óc quân chủ mà xin phẩm hàm, xin đeo thẻ ngà thì đó vẫn còn là tôi con của triều đình, làm sao mà không yêu thương mà còn ngăn trở. Vậy truyền chuẩn cho

những ai có phẩm hàm, văn từ Viện hàm, Thị chiếu, võ từ Suất đội trở lên mà đang tại chức thì đều được chiếu thi hành theo nghị định trước, do Bộ Công qui định kích thước mà cấp cho thẻ ngà để đeo. Còn đối với người về hưu thì tuân hành theo lệ ở lời phê của trẫm vào tháng 4 năm thứ 2".

Quan viên làm việc bên Quí tòa là Tuần phủ Hồ Phú Viên và Hồng lô tự Thiếu khanh Nguyễn Hữu Thư xin được cấp thẻ ngà để đeo. [24a] Viện thần tâu lên. Vua phê rằng:

"Về việc đeo thẻ mới rồi trẫm đã có lời phê nhưng chưa đủ hết ý. Bởi vì Bộ Công không trù tính ngân sách chi phí làm thẻ ngà nên gặp khó khăn không thể lo được chu toàn hết cả. Từ nay trở đi, đối với Bắc Kì, những quan viên nào có đủ hàm mà được đeo thẻ ngà thì thông qua Tòa Thống sứ trình xin, Bộ Công qui định qui cách kích thước rồi cho lĩnh bằng mang về tự chế lấy thẻ bài để đeo; Còn ở Trung Kì, những ai làm việc cho Nam triều theo lệ được đeo thẻ ngà thì thẻ do Bộ Công chế cấp; còn ai làm việc cho Bảo hộ có hàm được đeo thẻ ngà thì được phép xin qui cách kích thước của Bộ Công rồi lĩnh bằng về tự chế lấy thẻ để tránh phiền phức tốn phí".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. [24b] Mùa thu, tháng 7, Bộ Hộ tâu xin rằng, đối với những người vì quyên góp cứu trợ mà được thưởng hàm, khi được thưởng Viện hàm thì không được tự chế lấy thẻ ngà để đeo, cũng không được vin vào hàm mà xin bổ dụng. Vua chuẩn thuận cho.

Tháng 9, Viện Đô sát tâu xin rằng, chỉ những người có Viện hàm được sung vào làm các chức dịch ở các Bộ, Nha thì được theo lệ đeo thẻ ngà; còn đối với trường hợp ấm thụ hoặc người được thưởng hàm mà chưa được bổ vào làm việc thuộc Nha nào cũng như quan viên đã về hưu, chỉ trừ những người được ân chuẩn đặc cách cấp thẻ ra, còn lại đều không được phép tự chế lấy thẻ ngà để mạo dụng.

Còn những thuộc viên tại chức được đội ơn đổi nhận ấn hàm mà cho nhưng lãnh chức cũ thì vẫn phải đeo thẻ ngà theo nguyên chức để cho tiện nhận biết. [25a] Những người đã đáng được đeo thẻ ngà thì phải thông qua cơ quan cấp trên tư xin Bộ công tùy theo phẩm trật mà chế tác thẻ bài có kiểu cách kích thước tương ứng cấp cho, cốt để tôn trọng thứ danh khí này. Vua phê rằng:

> "Việc này cũng chẳng có quan hệ gì mấy, huống chi thời nay cũng không nên quá ư chặt chẽ hà khắc. Được thừa tập mà có Viện hàm thì đeo thẻ cũng được, chỉ cần trình lên Bộ Công xin qui cách kích thước để tránh lạm vượt là được. Còn những khoản khác không cần nêu ra làm gì".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Mùa xuân, tháng Giêng, Quí tòa phát cho Nghị viên Tôn Thất Xuân (Hồng lô, hưu trí) một tấm thẻ bài bằng bạc. Viên ấy trình xin được đeo. Viện Cơ mật thay mặt đề đạt tâu lên. [25b] Vua phê rằng:

> "Hội đồng là do hai nhà nước bàn bạc thỏa thuận đặt ra. Huống chi sự thành lập Tư vấn Trung, Bắc Kì ngày nay cũng phải có Chỉ dụ của trẫm rồi mới được thi hành. Bây giờ bên Quí tòa chế ra thẻ bạc rồi cấp phát cho các Hội viên Tư vấn để đeo, sao không bàn bạc thảo luận cho Nam triều được biết? Vả theo lệ việc chế tác các hạng thẻ bài phải do Viện Cơ mật của Nam triều tâu xin lên đợi chỉ rồi mới thi hành chế tác cấp phát, như thế mới đúng. Nay theo những điều trình bày của Nghị viên Tư vấn Tôn Thất Xuân thì cũng hợp lí thôi. Viện thần phải thảo luận lại để từ nay trở đi, mỗi khi Quí tòa muốn đặt ra khoản gì, thay đổi việc gì mà có liên can tới luật lệ của Nam triều thì phải thảo luận bàn bạc với Nam triều tâu lên cho trẫm biết rồi mới thi hành để cùng đồng tâm cộng sự mà tránh người ngoài dị nghị. Còn đối với thẻ bạc kia Quí tòa cấp phát cho các Nghị viên đeo, [26a] trẫm cũng không có trở ngại gì".

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 3, chuẩn thiết lập Hội đồng Tư vấn Trung Kì. Dụ rằng:

"Nay căn cứ vào tấu trình của Viện Cơ mật nói Viện ấy đã bàn bạc cùng với Quí Khâm sứ Đại thần Tiết Sô dự định thiết lập ra một Hội đồng Tư vấn tại Trung Kì. Hội đồng này nhóm họp hàng năm để tư vấn về tất cả những vấn đề có lợi ích đối với nhân dân. Ý của Quí Khâm sứ Đại thần là việc thành lập ra Hội đồng này rất phù hợp với chính thể quốc gia tiến hóa của dân Nam trong xu hướng ngày nay. Điều đó cũng hợp với ý của trẫm, [26b] nên truyền chuẩn cho thi hành. Duy có điều lập pháp vừa mới bắt đầu nên cần phải giảng giải rõ ý nghĩa của việc này cho dễ hiểu. Việc trị pháp xưa nay quí ở chỗ biết nhân theo thời thế mà tùy nghi định đặt, nhà vua phải thấu hiểu ý hướng của dân chúng để toan tính cai trị. *Kinh Dịch* nói: Phải tùy thời; Kinh *Thư* có câu: Hỏi han cả từ người hái rau kiếm củi, những điều hỏi được và ý kiến nghị bàn phải thống nhất với nhau thì mới được[1]. Nước ta kể từ ngày có nước Đại Pháp sang bảo hộ thì mọi việc chính sự cũng dần từng bước được cải lương. Ngày nay phong trào càng mở rộng ra, nhân thời thế này đồng thời chiếu xét tùy theo học thức của tầng lớp quan lại cùng với trình độ của dân chúng mà thực hiện chính sách cải lương để nước ta sớm bước lên con đường tiến hóa, há chẳng tốt đẹp hay sao? Trẫm vẫn luôn lưu tâm vấn đề này, nên gần đây mới ra đề thi về vấn đề vì sao phải lập hiến trong kì Điện thí vừa qua. Nay Quí Khâm sứ nêu ra ý kiến mô phỏng theo thể lệ của Hội đồng Tư vấn Bắc Kì để thực hiện ở Trung Kì rất hợp với ý của trẫm. [27a] Bởi thứ

---

[1] Nguyên văn: Tuân vu sô nghiêu, tuân mưu thiêm đồng. Đây nguyên là hai câu có xuất xứ khác nhau. Tuân vu sô nghiêu là câu trong Kinh Thi, Đại nhã; còn câu Tuân mưu thiêm đồng câu trong Thượng thư, Đại Vũ mô.

nhất là nó phù hợp với xu hướng thời đại bây giờ. Hiện nay chính thể của các nước không đâu là không tiến hành cải lương. Nước ta tuy bảo là Đế quốc nhưng Liệt Thánh triều ta chưa từng bao giờ chuyên chế độc đoán không tôn trọng công luận quốc dân. Trẫm đức bạc may được kế thừa đại thống, gặp đúng vào thời đại hoàn cầu thực hiện cải lương, lại may được Quí Bảo hộ dẫn dắt thi hành chính sách đổi mới. Đây đúng là lúc nên thành lập ra Hội đồng này chuyên họp bàn tất cả mọi việc thuộc về công ích, để người dân ai cũng được phát biểu bày tỏ ý hướng của mình, đồng thời cũng biết rằng mỗi người trong họ đều có mối quan hệ mật thiết đối với những công việc chung, từ đó mới có cơ hội để cho toàn hạt mỗi ngày một đổi mới, mỗi tháng một tiến bộ. Thứ hai là vì nó thích hợp với trình độ của dân chúng. [27b] Trình độ của dân nước ta tương đối ấu trĩ hơn so với châu Âu, nhưng những sự việc công trạng mà họ tạo ra cũng trác tuyệt lẫy lừng, rõ ràng có thể khảo cứu được. Mọi chính lệnh của triều đình đều dựa trên cơ sở nhân hậu và công bằng. Trước kia đã thế huống chi ngày nay nhờ được Quí Bảo hộ dẫn dắt nên đã thấy sự tiến bộ trong chính sách bác ái đối với dân chúng đang tuần tự tiến tới hoàn thiện, ban đầu thì như cha mẹ đối với con cái rồi sau sẽ khá hơn. Dân Nam ta quả thực còn bỡ ngỡ chưa biết nhiều trong nghị luận việc công, nhưng lấy từng sự việc đem ra tư vấn đều không phải là vô ích. Như ở Bắc Kì đã làm được như thế, còn Trung Kì nay có thể phỏng theo hiệu quả của sự tiến hóa đó mà thực hiện. Các Hội viên từ đó sẽ làm quen và học biết được cách nghị luận công việc chung. Như thế thì việc lập ra Hội đồng này thực có công lớn đối với nền giáo dục chính trị của ta vậy. Hơn nữa, dân trí ngày một nâng cao thì hi vọng ngày một mở rộng ra, người chăn dắt dân chỉ cần châm chước dẫn dắt họ [28a] thì có thể tránh được những sự nghi

ngờ chia rẽ trong nội bộ. Đó lại là điều thích hợp thứ ba của việc thành lập Hội đồng này vậy. Căn cứ theo thỏa thuận giữa Viện Cơ mật với Quí Khâm sứ Đại thần thì Hội đồng này chỉ có nhiệm vụ tư vấn mà không có quyền tham gia bàn bạc vào chính sự. Mọi vấn đề về ngân sách và công ích đều đem ra chất vấn trong Hội đồng để mọi người đều biết rõ về các biện pháp mà nhà nước thi hành từ đó vui vẻ tiếp nhận sự chỉ dẫn. Nếu Hội viên Hội đồng có điều gì cần trình bày thỉnh cầu thì trước hết phải trình lên Quí Khâm sứ Đại thần, sau đó ghi vào điều khoản chương trình của hội nghị. Các Hội viên này được bầu ra bằng cách bầu cử có hạn chế. Ủy viên các xã thôn cùng với tất cả những ai có phẩm hàm, khoa mục, hoặc có văn bằng học chữ Pháp chữ Việt, hoặc có quan hàm đang làm việc cho nhà nước, hoặc Chánh Phó tổng, hoặc người có môn bài kinh doanh đóng thuế v.v... đều là người bầu cử. Nói tóm lại họ đều là [28b] lớp người có học thức hoặc giàu có trong địa phương. Như thế thì cả người bầu cử lẫn người ứng cử đều không phải lo chuyện không hoàn toàn về tư cách. Nghị định này đã được sự nhất trí thỏa thuận với Quí Khâm sứ Đại thần, điều khoản cụ thể xem phần dưới đây. Truyền chuẩn đem ban bố rộng rãi cho toàn thể quan lại, dân chúng trong cả nước biết rõ ý nghĩa để tuân hành".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 5, chuẩn thi hành luật mới ở Bắc Kì. Dụ rằng:

"Pháp là để ngăn ngừa kẻ dưới, luật là để cai trị chúng dân, đó là trị quyền của nhà nước quân chủ. Luật lệ của triều ta nguyên tham khảo châm chước lấy những điều từ cổ xưa rồi sau tập hợp thành chương, trong đó gồm đủ phép hay ý đẹp, đem ra tuân hành đã từ lâu. Nhưng thời đại có cổ có kim, [29a] luật pháp quí ở tùy biến. Cái đã thành qui cố nhiên phải giữ gìn làm của báu truyền đời, nhưng cứ khư khư câu nệ bám vào như keo gắn thì e

rằng chẳng còn phù hợp với thời đại đổi thay. Ngày nay bốn biển giao hòa, phong trào ngày một mở mang. Trình độ của hiến pháp đem so với trình độ văn minh càng tỏ thấy có sự sai lệch. Hiện tại dân trí Bắc Kì đã ở mức bán khai, văn minh ngày thêm tiến bộ, đây chính là đúng lúc cần phải sửa đổi lại hiến pháp. Gần đây nhận được từ Chính phủ Bảo hộ trao cho Viện Cơ mật để phúc duyệt một bộ Luật mới của Bắc Kì, gồm có 5 quyển, Viện thần đệ dâng tiến lãm. Vì trong đó thấy có chỗ chưa được chu toàn thỏa đáng, nên đã giao cho Đình thần hội đồng với Viện thần cùng nhau duyệt lại, châm chước sửa đổi các điều khoản, công việc đã xong xuôi ổn thỏa. Văn bản luật này tuy có hơi khác so với luật cũ của bản triều, nhưng tôn chỉ trong luật về đề phòng nhân tâm phạm tội và vun đắp nâng đỡ thế giáo thì chỉ khác về điều khoản mà không khác về ý nghĩa, [29b] đồng thời lại còn hỗ trợ bảo vệ cho pháp luật quân chủ. Nước ta vào thời đại hiện giờ thiết tưởng cũng thích hợp để làm bộ luật như thế. Trong bộ sách luật này, ngoài quyển *Dân luật* đang còn phải đợi hiệp đồng các Nghị viên hoàn thành bổ biên xong sẽ qua Viện Cơ mật xem xét thỏa đáng rồi mới tâu lên cho phù hợp với tình cảm và phong tục ra, còn lại 4 quyển là *Pháp viện biên chế, Dân sự thương sự tố tụng pháp, Hình sự tố tụng pháp và Hình luật* đều đơn giản dễ thi hành. Vậy chuẩn y cho. Khi xét xử nếu tội danh phù hợp với luật mới thì châm chước theo luật mới. Nếu có khoản nào mà trong luật mới có thể còn bỏ sót thì vẫn nghị xử theo luật cũ cho đầy đủ thỏa đáng. Nay nhân có quan Khâm mệnh Tổng thống Đông Dương Toàn quyền Đại thần vào Kinh yết kiến thăm hỏi đã cùng trẫm thỏa thuận chuẩn cho ban bố thi hành".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. [30a] Tháng 9, chuẩn cho thi hành *Dân luật* tại Bắc Kì. Dụ rằng:

"Trong lời Dụ tuyên bố bộ luật mới ở Bắc Kì ngày 28 tháng 5 năm thứ 2 trẫm đã nói rằng: "Trong bộ sách luật này, ngoài quyển *Dân luật* đang còn phải đợi hiệp đồng các Nghị viên hoàn thành bổ biên xong sẽ qua Viện Cơ mật xem xét thỏa đáng rồi mới tâu lên cho phù hợp với tình cảm và phong tục ra, còn lại 4 quyển là *Pháp viện biên chế, Dân sự thương sự tố tụng pháp, Hình sự tố tụng pháp và Hình luật* đều đơn giản dễ thi hành. Vậy chuẩn y cho". Nay xét quyển thứ nhất *Dân luật* đã biên soạn xong đem tâu lên thấy rất hợp với tình cảm và phong tục, truyền chuẩn y cho tuyên bố thi hành. Nhưng khi thi hành luật này trẫm muốn có lời hiểu dụ cho dân chúng trong nước được rõ về chủ ý của nhà nước khi sửa đổi luật pháp.

[30b] Trẫm xét thấy chủ ý khi san định *Hình luật* là nhằm bảo vệ duy trì trật tự an ninh chung của xã hội, nên chỉ vạch ra một đường ranh giới pháp luật để chỉ định một giới hạn mà ở đó việc gì mọi người không nên làm, ai vi phạm sẽ bị coi là phạm pháp, rồi thi hành các loại hình phạt để phòng ngừa những tội lỗi đó của dân chúng. Vì thế việc phạt tội trong *Hình luật* phải chiếu theo từng trường hợp cụ thể để trước hết xác định cho rõ ràng minh bạch nhằm dễ tuân theo mà thi hành.

Dân luật thì có khác. Chủ ý khi đặt ra *Dân luật* là qui định ra sự giao tiếp trong xã hội. Những sự giao tiếp xã hội này có cái liên quan đến gia tộc dòng họ, có cái liên quan đến tài sản của cải, có cái lại liên quan đến mua bán trao đổi. Để có một điểm tựa làm chỗ dựa đảm bảo cho những quyền lợi và nghĩa vụ trong những sự giao tiếp đó thì phải chế định ra *Dân luật*, để khi trong nhân dân hoặc do có xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ mà nảy sinh tranh chấp [31a] thì quan xét xử có thể dựa theo pháp luật mà giải quyết giới hạn của đúng sai. Người được coi là đúng tức là người có thể vin vào luật mà chứng minh được

quyền lợi của mình, còn người bị coi là sai khi không thể tuân theo luật mà khước từ nghĩa vụ của mình. Việc xét xử phán quyết theo dân luật không thi hành bất cứ hình phạt nào mà chỉ bắt trả bồi thường và chịu lệ phí mà thôi, đó chính là hình phạt mà *Dân luật* giành cho kẻ thua kiện.

Pháp luật nước ta vốn đã thành điển chương, nhưng trước đây những qui định vẫn theo lối cũ không phân biệt ranh giới giữa *Dân luật* và *Hình luật*. Để sửa chữa khuyết điểm này sau đó đã từng liên tiếp ra những Pháp lệnh để bổ sung. Việc soạn ra những pháp lệnh mang tính tục bổ này không thể tạo nên bộ luật hoàn chỉnh. [31b] Gần đây được sự đồng ý của Quí Bảo hộ trẫm đã cho sửa đổi trước phần *Hình luật* ở Bắc Kì rồi chuẩn cho thi hành. Nhưng vì phần *Dân luật* chưa được kế tiếp chế định để cho luật pháp đạt được tới mức hoàn chỉnh, nên khi quan xét xử phán xét các vụ việc dân sự gặp phải những chỗ khuyết trống đành phải tham khảo theo luật cũ hoặc tham khảo vào các pháp lệnh, dường như không có một pháp chế nhất định, khiến công việc tra cứu rất vất vả khó khăn, nhỡ mà có sai sót chẳng hóa lại gây hại cho dân hay sao. Vì lẽ đó sửa đổi *Dân luật* cũng trở thành một việc làm trọng yếu trong chính sự ngày nay. Từ lâu rồi trẫm đã lưu ý đến việc sửa đổi *Dân luật*, chỉ vì còn phải phiền đến Quí Bảo hộ bằng vào kinh nghiệm về pháp chính của mình giúp khởi thảo trước cho. Trẫm cũng rất hiểu rằng, khi Quí Bảo hộ thay nước ta cải biên lại *Dân luật*, chủ ý của họ đâu có phải là muốn đem những pháp luật tân kì vào [32a] để làm đảo lộn tình hình xã hội của dân tộc ta. Việc làm của Quí Bảo hộ chẳng qua cũng chỉ là chiếu theo những sách luật như *Hoàng Việt luật lệ*, *Đại Nam hội điển* cũng như các văn bản Pháp lệnh, từ đó tra cứu ra những qui tắc vốn đã có rồi đem tổng hợp lại, phân phối thành các điều khoản cho có trật tự mà

biên tập thành văn mà thôi. Đối với những sự việc liên quan đến thời đại mới mà trong luật pháp cũ không có qui định thì tham khảo từ những tập quán trong phong tục của dân tộc ta. Phong tục tập quán chính là cái căn bản cốt yếu của nước ta. Chủ ý của Qui Bảo hộ khi tiến hành khai hóa cho dân ta là luôn luôn tôn trọng cái căn bản này. Vì thế đối với vấn đề khởi thảo *Dân luật* trẫm rất chú trọng mong chính phủ Bảo hộ lựa chọn những viên chức có nhiều kinh nghiệm về luật pháp học trong tư pháp cũng như trong hành chính để đưa vào kế tiếp nhau khởi thảo bộ *Dân luật*. [32b] Vào dịp tuyên bố 4 quyển luật mới Bắc Kì, ngày 26 tháng 5 năm thứ 2, Đại quan Toàn quyền Sa Lộ có vào Kinh. Trong cuộc hội đàm trẫm đã nói với ngài rằng Nam triều đã dự định cất cử ra ba vị quan trong triều trao cho nhiệm vụ kiểm duyệt lại bộ luật sau khi đã khởi thảo xong. Nay quyển thứ nhất *Dân luật* gồm những qui định thuộc về người và tài sản đã hoàn thành soạn thảo chuyển đệ về Kinh kiểm duyệt xong xuôi. Trẫm chiếu xem bản luật này do những quan chức cao cấp về tư pháp và hành chính có kinh nghiệm của Quí quốc hợp sức cùng các Đại thần bản quốc soạn thảo ra, trong đó các điều mục hệ thống phân minh, ý nghĩa hoàn bị. Chiếu theo trình tự dự định thi hành luật này thì sẽ tùy theo tình hình các tỉnh mà thi hành dần dần từng bước, do Thống sứ Đại thần Bắc Kì tùy từng lúc mà chỉ định tỉnh nào sẽ thực hiện thử nghiệm trước, [33a] rồi sau kế tiếp đến các tỉnh khác, lần lượt phổ biến ra tới toàn miền. Làm như thế vừa có được bản pháp luật hoàn thiện vừa giữ được sự thận trọng trong thi hành, đảm bảo cho dân ta có được một kết quả hoàn toàn. Vì vậy nay duyệt y cho bản *Dân luật* Bắc Kì quyển thứ nhất này đính kèm lời Dụ để chuẩn cho thi hành. Sau khi được thi hành, việc xét xử dân sự ở các tỉnh sẽ lấy quyển luật này làm chuẩn, đồng thời trước khi ban bố toàn bộ bộ *Dân*

luật, nếu có khoản nào mà trong quyển này chưa đề cập tới thì chuẩn chiếu theo điển luật cũ để tham khảo áp dụng".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Mùa đông, tháng 10, [33b] chuẩn cho các Bộ, Nha tiến hành kiểm tu luật lệ. Trước đó vào tháng 7 nhuận năm thứ 4 vâng có Dụ rằng:

"Luật lệ của triều ta vào đời Gia Long châm chước tham khảo cổ điển làm mà thành sách, phép hay ý đẹp đã ban hành từ lâu. Nhưng vì thời đó đơn sơ chất phác, dân chúng còn chưa văn minh nên thường phạm tội mà coi thường không sợ luật pháp. Vì vậy Thánh nhân lập pháp định luật phần nhiều thiên về xử nặng, chính là muốn dụng hình để mong không còn phải dụng hình nữa. Thời đại ngày nay đã dần trở nên văn minh, đầu óc được mở mang, hình pháp có thể nới nhẹ mà dân chúng biết nhục, nên phải chiếu xét xem trong luật có chỗ nào không phù hợp thời nghi thì cắt bỏ sửa chữa sao cho thích hợp, đợi mai ngày tiến tới hoàn toàn văn minh sẽ tùy thời thế mà ấn định. Nay chuẩn thành lập một Hội đồng kiểm tu luật lệ, chuẩn cho Hình bộ Tham tri Ưng Doanh, [34a] Thị lang Thự Công bộ Tham tri Phạm Liêu cùng sung làm Hội viên Hội đồng, hai người phải hết lòng trù liệu thực hiện. Bao giờ hoàn thành sẽ do Viện Cơ mật phúc duyệt tâu trình xin chuẩn sắp xếp thi hành. Khâm thử".

Đến giờ Hội đồng đã hoàn thành kiểm tu làm thành sách, qua Viện thần Viện Cơ mật duyệt lại và đưa sang thảo luận với Quí Khâm sứ Đại thần nhận xét rằng, chiếu xem văn bản luật do hai vị trong Hội đồng đưa trình thì dường như đã đem bộ luật thời Gia Long ra sửa đổi lại hết cả, nên người duyệt không biết bản luật mới này đã thay sửa điều nào của bản luật cũ. Vả bình thường cũng hay có người cho rằng bộ luật Gia Long là chưa được hoàn bị, nhưng Quí Đại thần lại trộm không nghĩ như vậy. Phàm trong các điều luật nếu có điểm

nào tỏ ra lỗi thời thì lần lượt đã có những Dụ chỉ để bổ sung. Nay phải duyệt lại lần nữa, nếu thấy có điểm thiếu sót thì bổ sung vào (đại loại như Luật tái phạm, Luật án treo, Luật tạm tha [34b] và Luật sửa đổi tăng nặng hình phạt tội đánh bạc v.v...) Như thế thì Viện Cơ mật mới có thể kê biên từng bộ phận riêng rẽ để xem cần bổ sung ra sao. Sau đó lại cùng hội đồng bàn định, Viện thần tâu xin giao cho bảy Bộ, Nha căn cứ từng bộ phận liên quan mà kiểm tu, nếu thấy những chỗ mà luật cũ không còn hợp thời nữa thì cắt bỏ rồi lần lượt bổ sung đề nghị tăng thêm vào luật lệ hiện đang thi hành. Những chỗ mà trong luật lệ còn thiếu chưa đầy đủ thì kê riêng từng khoản trình qua Viện phúc tâu lên đợi chuẩn y thi hành. Vua phê rằng:

> "Việc tu bổ luật lệ trong Dụ lần trước đã có nói rõ cả, chỉ có các viên trong Hội đồng không hiểu được nên mới dẫn tới kết quả không hợp. Luật lệ triều ta vốn đã tinh tường mà hoàn thiện, [35a] duy bởi các triều đại kế nối nhau mà chưa kịp thêm vào những điều lệ tăng bổ cho thành quyển trật, khiến cho khi tham chiếu lệ tra cứu luật khó khăn tìm không ra thì lại bảo là thiếu sót không hoàn bị. Cứ xem lời của Khâm sứ Đại thần nhận xét rằng chỉ có luật thời Gia Long là bộ luật tốt nhất thì cũng đủ biết. Nay xét các lí lẽ do Viện thần tâu xin thấy rất đúng, truyền chuẩn y cho".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN IX

BANG GIAO (Thượng)

[1a] Củng cố quan hệ với Triều đình Quí Pháp

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa hạ, tháng 4, sau khi cử hành lễ Tấn quang xong xuôi, sai viết bức thư gửi sang cho Triều đình Pháp. Thư đại lược viết rằng:

"Hạ quốc từ lâu đã được Thượng quốc hết lòng bảo trợ, trong mọi công việc chính sự từ chấn hưng, sửa tệ, bỏ cũ, đổi mới đều được ơn nhờ giúp đỡ. Vừa rồi ngày mồng 2 tháng này, vua Duy Tân của bản quốc [1b] vì mê muội bị bọn xấu mê hoặc đã bí mật rời bỏ Hoàng thành, ngầm đi theo gian đảng mà gây ra sự biến. May nhờ có Quí Bảo hộ cùng với chính phủ của hạ quốc đồng tâm dẹp nạn mới được yên ổn trở lại. Nay Phủ Tôn nhân, Phủ Phụ chính và Đình thần văn võ cùng hội họp nhận định, vua Duy Tân đã không coi Tôn miếu xã tắc bản quốc làm trọng, lại nỡ phụ công ơn bảo hộ của Quí triều đình, nên cùng nghị bàn đáng bị phế truất. Lại nghĩ ngôi vua là thần khí hết sức quan trọng không được để trống lâu ngày. Vì thấy quả nhân là con trưởng của Đồng Khánh Hoàng đế, nên vào kế thừa đại thống. Thông qua Quí Tổng thống Đông dương Toàn quyền Đại thần Lộ Mã[1], Khâm

---

[1] *Lộ Mã*: phiên âm tên tiếng Pháp Roume, tên viết đầy đủ là Ernest Nestor Roume.

sứ Đại thần tại Kinh đô bản quốc Sa Lê chuyển điện sang để đạt lên Quí Giám quốc Điện hạ thẩm xét và chấp thuận cho theo lời thỉnh cầu, [2a] quả nhân thực lòng cảm ơn nhã ý của Thượng quốc đã ra sức nâng đỡ cho hạ quốc. Tiếp đó được thần dân trong nước đồng thanh dâng lời khuyên, nên đến ngày 17 tháng này quả nhân đã lên ngôi Hoàng đế tại điện Thái Hòa, lấy niên hiệu là Khải Định, vẫn chuẩn để các vị Thân Đại thần phụ chính, mọi việc đều bàn bạc thảo luận với các vị Quí Toàn quyền, Quí Khâm sứ Đại thần cùng đồng tâm khuông phù giúp đỡ cho quả nhân để mong tiến hóa. Vả hạ quốc gần đây gặp phải nhiều biến cố, nhờ được Quí Giám quốc Điện hạ trước sau một lòng tin tưởng ưu ái nên mới giữ yên được đại cục, củng cố quan hệ bang giao. Không chỉ riêng mình quả nhân bội phần cảm kích mà hương hồn Liệt thánh trên trời cũng đã xét thấu. Còn thần dân trong cả nước thảy đều cùng hân hoan vui sướng vì từ nay trở đi đất nước sẽ ngày một thịnh trị tiến hóa, dân trí ngày một mở mang sáng láng, để cùng chung hưởng cái phúc thanh bình. Đó cũng là mong mỏi sâu sắc của quả nhân vậy".

[2b] Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 9, Tân Giám quốc nước Đại Pháp lên nhậm chức. Sai viết thư sang chúc mừng. Thư lược viết:

"Quí Điện hạ là bậc giỏi tài kinh tế, sáng giá văn chương, chính sự thành thạo, lẫy lừng danh tiếng, là niềm hi vọng trong dư luận toàn cầu, nay được Hội nghị công chúng cùng suy cử ra tổng quyền nắm giữ quốc chính. Quả nhân hay tin vui mừng khôn xiết. Nước tôi từ lâu đã được Đại quốc che chở, thực đáng ghi nhận và cảm phục sâu sắc. Nay Điện hạ vừa mới lên nắm chính sự, việc tìm hiểu nắm tình hình là rất hệ trọng. Chỉ mong ngài mở mang sự nghiệp, rải uy đức đến khắp xa gần. Đến ngày hoàn thành đại định võ công thì uy danh Quí quốc bao trùm khắp hoàn cầu, để hạ quốc cũng được ơn nhờ dư huệ mà dần

tiến tới cảnh yên vui thái bình, đó cũng là điều mà quả nhân và thần dân trong nước cùng mong mỏi vậy".

[3a] Năm Khải Định thứ 7 [1922], tháng 2, lễ sách lập Đông cung Thái tử cử hành xong, sai viết thư gửi sang triều đình Pháp. Thư lược viết:

"Tệ quốc ở lệch phương Nam, từ lâu đã kết tình giao hảo, từng bao phen được nhờ cậy ở Quí quốc mà được chu toàn, quan hệ ngày một thêm nồng, con đường tình nghĩa láng giềng rộng dài xứng hàng đầu trên thế giới. Từ khi quả nhân lên kế nối cơ đồ đến nay vẫn cùng Quí Bảo hộ đồng lòng trợ giúp lẫn nhau. Ơn trời cao thương đến cho hai nước được bình an, mà được hưởng chung phúc với Thượng quốc là điều rất vinh dự cho tệ quốc chúng tôi. Mới rồi thần dân tệ quốc có kêu xin lập con thừa tự của quả nhân là Vĩnh Thụy làm Thái tử kế thừa để yên định lòng người trong nước. [3b] Quả nhân vẫn nghĩ nó vẫn còn trẻ tuổi mà phải gánh trách nhiệm nặng nề, e không nên, bèn muốn thôi, nhưng như thế lại đi ngược lại ý chí dân chúng. Vậy xin để đạt việc này lên Quí Triều đình và Chính phủ Bảo hộ để xin phán quyết có nên hay không. Gần đây được tiếp đón Quí Toàn quyền Long Tướng công vào Kinh, ngài có nói đại ý rằng Quí triều đình đã công nhận Hoàng trưởng tử Vĩnh Thụy là Đông cung Hoàng Thái tử để giữ gìn mãi mãi nền Đế quốc vĩ đại ở tệ quốc. Nghe vậy quả nhân cảm thấy vô cùng cảm phục, không biết lấy gì đền đáp lại cho xứng với sự cảm thông và hiểu biết đối với quan niệm quân chủ của thần dân tệ quốc cũng như công lao của Quí Bảo hộ đã bảo vệ cho tệ quốc được hưởng lợi ích chung lâu dài cho đến vô cùng".

[4a] ***Ngự giá sang tây***

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 2, chuẩn vào một ngày tháng 4 nhà vua sẽ ngự giá sang Tây. Dụ rằng:

"Đế vương của các triều đại nước Nam ta luôn tuân theo lối cổ điển, hoặc đi tuần thú hoặc đi thưởng ngoạn phong cảnh đều lưu truyền lại coi là sự kiện trọng đại, nhưng cũng chỉ tuần hành ở trong nước mình mà thôi, xưa nay chưa từng có vị nào xuất dương ra nước ngoài bao giờ. Vì thế tìm trong lịch sử, chuyện xuất dương hầu như trống vắng không nghe thấy, mà việc kết tình ngoại giao với các nước bên châu Âu lại càng hiếm hoi đến mức chưa từng thấy một ai. [4b] Trải các triều đại Đinh, Lê, Lí, Trần, tất cả đều được Bắc triều thụ phong, nhận triều cống, tuy nhiên việc qua lại báo tin dâng tiến cũng chỉ thông qua sứ thần vâng mệnh sai đi thừa hành, chứ các vị vua đương thời chẳng có ai thân hành bước chân vào sân triều phương Bắc để chầu yết Hoàng đế Bắc quốc. Hơn nữa vào thời bấy giờ cũng chỉ biết đến có một Bắc quốc mà thôi.

Cho đến triều ta, Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế mở mang cơ đồ phương Nam, vào năm thứ 28, là năm Ất Dậu, tức là năm 1585 theo lịch Tây, nước ta mới bắt đầu có dấu chân của người châu Âu. Đến thời Thái Tôn Hiếu Triết Hoàng đế khai thác Nam Kì, vào năm thứ 31, là năm Kỉ Mùi, có Dương Ngạn Địch là người phương Bắc vì không chịu thần phục nhà Thanh nên dẫn quân tướng sang ta đầu hàng, [5a] phò giúp sự nghiệp mở mang của Hiếu Triết Hoàng đế. Đến bấy giờ mới bắt đầu cho phép người các nước Tây Dương và Nhật Bản, Mã Lai, Ấn Độ sang thông thương. Đó thực coi là buổi đầu tiên mở ra kỉ nguyên ngoại giao của nước ta. Sau đó người các nước ngoài cũng thường xuyên qua lại thông thương với người nước ta. Đến năm Nhâm Dần, tức năm 1780 theo lịch Tây thời Thế Tổ Cao Hoàng đế triều ta lúc bấy giờ đang phải chạy bôn ba, có gặp được một người nước Đại Pháp là Giám mục Bá Đa Lộc tiến cử cho một người Pháp tên là

Man Hòe[1] đem chiến thuyền đến cửa biển Cần Giờ thuộc Gia Định để đánh giúp. Năm Quí Mão, tức năm 1781 theo lịch Tây, Thế Tổ ta hay tin Bá Đa Lộc đang ở thành Điên Bôn nước Xiêm liền sai sứ sang đón về đãi làm khách, rồi nhờ Bá Đa Lộc sang Tây cầu viện, đồng thời lại sai Đông cung Anh Duệ Hoàng Thái tử đi theo làm con tin, [5b] rồi đích thân sang Xiêm La để lo tìm viện binh. Sự kiện vua của nước ta xuất dương ra nước ngoài chính là được khởi nguồn từ ngày Thế Tổ sang nước Xiêm vậy. Rồi cũng từ khi Anh Duệ Hoàng Thái tử sang làm con tin tại Quí Pháp quốc thì Bá Đa Lộc mới nhân đó đem ân đức của Thế Tổ ra biểu dương ngay tại Quí quốc mà nhờ đó nhà vua Quí Pháp mới bắt đầu có lòng nhiệt thành đảm đương trách nhiệm giúp đỡ nước ta, đồng thời những danh sĩ tài giỏi ở Quí quốc như Nguyễn Văn Thắng[2], Nguyễn Văn Chấn[3] vì ngưỡng mộ uy đức của Thế Tổ mà tình nguyện sang phò giúp, cùng với nhiều tướng sĩ khác hoặc lái thuyền, hoặc chở pháo, [6a] đều hăng hái làm nghĩa vụ không thể từ chối trong lúc cấp bách nguy nan. Như vậy việc nước ta giao thiệp qua lại với các nước phương Tây chính thức là bắt đầu từ triều ta, mà tình nghĩa thân thiết nhất giữa nước ta với Quí Pháp quốc chính thức là bắt đầu từ Thế Tổ triều ta vậy. Mà cũng không chỉ có tình cảm giao hảo qua lại mà thôi, đương thời đã từng có nhiều người Đại Pháp được Đức Thế Tổ phong cho quan tước, xem thế thì biết tình thân giữa triều ta với Đại Pháp thực là quan hệ chưa từng có xưa nay.

Sau khi Thế Tổ Cao Hoàng đế về chầu trời, đến Thánh Tổ Nhân Hoàng đế lên kế ngôi cũng vẫn một lòng noi theo, khiến tình

---

[1] *Man Hòe*: phiên âm tên tiếng Pháp Manuel.

[2] *Nguyễn Văn Thắng*: tên Việt Nam của viên Trưởng tàu người Pháp Chaigneau.

[3] *Nguyễn Văn Chấn*: tên Việt Nam của viên Trưởng tàu người Pháp Vannier.

giao hảo Pháp - Nam chưa hề bao giờ có chút phôi pha. [6b] Cho đến năm Minh Mệnh Mậu Ngọ, tức năm 1822 theo lịch Tây, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chấn xin về nước nghỉ hưu trí. Từ đó mối liên hệ trực tiếp giữa nước ta với Quí quốc không còn được mười phần chặt chẽ. Nguyên do chẳng phải gì khác ngoài sự xa cách quá lớn giữa nước ta với Quí quốc, muôn trùng non cao biển sâu, đường đi đã xa lại hiểm trở, rồi cũng còn vì vào thời buổi bấy giờ phạm vi giao thiệp còn chưa mở rộng khiến người ta không tránh khỏi có tư tưởng e dè ngần ngại. Cho nên trong khi quan hệ qua lại giữa con người hai nước Pháp - Nam với nhau vẫn giữ như xưa, thì tình hữu nghị giữa hai nước có phần sút kém hơn trước. Đó là do Liệt Thánh triều ta vào buổi ban đầu dựng nước vì phải tập trung suy tính lo phát triển kinh tế, chấn chỉnh kỉ cương trong triều đình nên trong chính sách ngoại giao không tránh khỏi nhất thời khó giữ được chu toàn.

Đến năm Tự Đức, Bính Thìn, tức năm 1856 theo lịch Tây, [7a] chiến thuyền Đại Pháp được phái đến nước ta, chủ ý vốn là để thông thương nối lại mối quan hệ giao hảo ngày xưa với ta, chỉ vì bấy giờ tàu thủy của Quí quốc cập cảng Đà Nẵng lại mang theo binh lính và khí giới, nên gây hiểu nhầm rằng muốn tranh giành với nước ta, thế là hữu hảo chuyển thành cừu thù, cuộc chiến xảy ra, tai vạ ập đến Nam Kì. Bấy giờ ở Nam Kì có nghĩa sĩ Trương Công Định nổi dậy chống lại, hậu quả là chiến tranh lại bùng phát, đó là tại bản thân ông ta, để rồi lục tỉnh Nam Kì không thể không trao cho Đại Pháp. Sau đó Quí quốc thấy các nước Á Đông như Nhật Bản, Xiêm La đều có thể học theo châu Âu để tập trung phát triển trở thành những nước giàu mạnh, trong khi tình cảm của nước ta ngày thêm lạnh nhạt, nên họ không thể không cảm thấy nghi ngại. Thế rồi làn sóng chiến tranh lại càng lan rộng ra tới tận eo biển Đông Kinh. Đó là bởi

tình thế khi đó tất yếu xui khiến ra như vậy. [7b] Lúc ấy Quí quốc không thể không chọn mời ta là nước đầu tiên cùng họ kí kết hòa ước, đó là sự kiện vào năm Tự Đức thứ 27, Mậu Thìn, tức năm 1874 theo Tây lịch. Đại Pháp hành động như thế há chẳng phải có ý nghĩ rằng, nước ta từ thời Thế Tổ Cao Hoàng đế đã kết tình giao hảo với Đại Pháp. Mà hồi ấy Đại Pháp cũng từng có công lao rất to lớn đối với nước ta, nếu không nhân chuyện này mà kết nối lại thành quan hệ bang giao chính đáng thì biết bao công phu trong mấy chục năm trời xông pha gian nan đem vũ khí, lương thảo, pháo thuyền sang trợ giúp cho ta bỗng chốc rơi cả vào tay các cường quốc Á Đông, tự dưng uổng phí cả công trình vun đắp bấy lâu. Chính vì lẽ đó mà Đại Pháp đã coi việc bảo hộ cho nước ta là một thiên chức tất yếu không thể chối bỏ của mình, còn nước ta cũng coi việc công nhận sự bảo hộ của Đại Pháp như là một thông lệ không thể để thiếu. [8a] Đến lúc này điều ngộ nhận của nước ta mới được làm sáng tỏ. Nhưng nhầm lẫn đó thực sự là lỗi của ai? Nước ta tuy bảo là nước quân quyền, nhưng mọi việc đại sự trong triều đình đều giao xuống cho Đình thần nghị bàn rồi mới đưa thi hành, vua ở trên cao chưa từng chuyên chế độc đoán, vậy thì sự ngộ nhận hồi ấy chính là lầm lỗi mà các bề tôi đương thời không thể chối bỏ.

Năm Kiến Phúc nguyên niên, Giáp Thân, túc năm 1884 theo lịch Tây lại định ra hòa ước công nhận sự bảo hộ của Đại Pháp ở hai miền Bắc và Trung Kì nhằm giữ gìn biên giới nước ta không để cho người ngoài dòm ngó, đồng thời lại cũng bảo vệ đế quyền ở nước ta, nhà vua tự xưng là Đại Nam Hoàng đế để từ đây có thể thoát ra khỏi vị thế phục tùng dưới sự lung lạc của nước khác. Trong hòa ước ấy, Quí quốc đã đối xử với ta quảng đại biết bao, [8b] triều đình ta lẽ đâu không thấy cảm kích khâm phục mà

giữ gìn mãi mãi cái ân nghĩa ấy của Đại Pháp. Thế nhưng hòa ước ấy đã kí mà chưa kịp thi hành thì sau đó Giản Tôn Nghị Hoàng đế thăng hà. Quyền thần bấy giờ là Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường tôn vua Hàm Nghi lên kế vị. Lợi dụng khi nhà vua còn ấu thơ, hai kẻ quyền thần bèn thực hành quyền chuyên chế, và chiến sự lại xảy ra. Nhưng tình thế cuộc chiến lần này tỏ ra bất lợi. Tôn Thất Thuyết khi ấy mới cảm thấy lo sợ vì ở vào thế thân cô tất bại, buộc phải ỷ quyền hành rước vua Hàm Nghi chạy ra khỏi Kinh thành. Đó chính là cái mưu ép Thiên tử để lệnh chư hầu cổ xưa vậy. Thật là đau đớn thay! Buồn giận thay! Chỉ vì một kẻ quyền thần ngộ thời bại sự ấy mà vua Hàm Nghi phải chịu nỗi gian truân. Y không những phụ lòng một vị vua của nước lúc đương thời, [9a] mà còn làm hỏng cả cái tình hòa hiếu hết mực giữa hai nước. Quyền thần làm hại đất nước đến như vậy đấy.

May nhờ Liệt thánh triều ta chăm lo vun bồi nhân đức cao dày, lại được Quí Bảo hộ nhân từ rộng lượng, hiểu rõ rằng triều ta mở mang lãnh thổ, thành lập ra đường đường một Đế quốc Đại Nam, thực có công lao to lớn đối với dân tộc An Nam, tất biết giữ lời căn cứ theo hòa ước trước sau không thay đổi, bèn đón Tiên Hoàng khảo của ta là Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế lên ngôi để cho trong nước có chủ. Bắt đầu từ khi Tiên Hoàng khảo ta lên ngôi vào năm Ất Dậu, tức là năm 1885 theo lịch Tây thì mới bắt đầu nhận thi hành bản hòa ước năm 1884. [9b] Ấy chính là bởi Tiên Hoàng khảo ta đã biết rõ Đại Pháp là quốc gia giàu mạnh nhất châu Âu mà lại dùng chính sách nhân từ đối đãi nước ta, đó quả là một vinh dự to lớn. Thế rồi Người đích thân ngự giá thân chinh đi dẹp loạn. Từ đó trở đi, Tiên Hoàng khảo ta luôn lấy lòng thành tín để quan hệ giao hiếu với Đại Pháp, được chính phủ của Quí Bảo hộ dành cho cảm tình thân ái nhất. Sở dĩ

Tiên Hoàng khảo ta giữ tình thân ái với Đại Pháp chính vì nghĩ muốn mượn nhờ vào Quí quốc dẫn dắt dân nước ta tiến bước tới văn minh để không phải chịu thụt lùi so với những cường quốc Á Đông. Sự sáng suốt, thân ái và tin cậy của Tiên Hoàng khảo chính khớp với tấm lòng của Quí Đại Pháp. [10a] Vì thế vào năm Đồng Khánh thứ 3, Mậu Tí, tức năm 1888 theo Tây lịch, Người đã hạ sắc quyết định rằng đến năm Đồng Khánh Kỉ Sửu, tức năm 1889 theo Tây lịch sẽ ngự giá sang triều đình Quí Pháp để bày tỏ tình hữu hảo từ xưa giữa hai nước, thể hiện lòng chân thành hết mực tin cậy đối với Đại Pháp, đồng thời nhân đó đi khảo sát các nền chính trị văn minh để khi hồi loan sẽ cùng với chính phủ Bảo hộ mưu tính tiến đồ tiến hóa cho dân nước ta. Ai đâu có ngờ vận hạn gian truân, chưa kịp đi tới mục đích hoàn toàn thì vào ngày 27 tháng 12 năm Mậu Tí niên hiệu Đồng Khánh thứ 3, tức là ngày 28 tháng 1 năm 1889 theo lịch Tây, Tiên Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế đã ngự lưng rồng lên làm khách trên trời. [10b] Thế là ý nguyện ngự giá sang triều đình nước Đại Pháp biến thành niềm hư ảo mây trời, còn quốc dân đương thời cũng một phen ngao ngán thất vọng.

Lúc ấy trẫm còn thơ ấu, mới lên bốn tuổi, nên chính phủ hai nước bất đắc dĩ phải lập người bàng chi lên kế thừa đại thống, đó là Hoàng đế Thành Thái. Nhưng Thành Thái kế vị trong mười chín năm mà không biết giữ gìn thịnh đức, không biết hết mực thành tâm tôn phò tôn miếu. Việc nước việc dân như bỏ ngoài tai, khiến chính phủ hai nước bất đắc dĩ lại phải tùy thời sắp đặt, đưa vua Duy Tân lên ngôi. Vua Duy Tân bấy giờ mới lên tám tuổi, được chính phủ Bảo hộ tận tâm đào tạo, những mong mau chóng trưởng thành có đầy đủ tư cách giữ gìn quyền cai trị. Ngờ đâu cha nào con nấy, vua Duy Tân lại manh tâm phiến loạn, [11a] khiến cho tôn miếu xã tắc một phen cơ hồ nghiêng ngả.

May nhờ Quí Bảo hộ đã có dự phòng từ trước, ra tay dẹp yên bè đảng phiến loạn, phế truất vua Duy Tân. Đó là sự kiện năm Bính Thìn, tức năm 1916 theo lịch Tây.

Bấy giờ triều đình Đại Pháp cũng như chính phủ Bảo hộ hiểu rõ rằng nước ta phải có vua mới tập hợp được lòng dân, vả lại cũng muốn tuân thủ lời ước xưa đã cam kết quyết không thay đổi, bèn cùng với triều đình nước ta rước trẫm vào kế thừa đại thống. Vào ngày 17 tháng 4 năm Bính Thìn trẫm lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là năm Khải Định nguyên niên, tức ngày 17 tháng 5 năm 1916 theo lịch Tây. Hồi đó ở bên Quí quốc có chiến tranh. Trẫm thành kính vâng theo đường lối cũ của Tiên Hoàng khảo, [11b] là từ chữ đức mà suy ra hành động để phụng sự tôn miếu và ngự trị thiên hạ, đồng thời lấy lòng thành thực và tin cậy để củng cố mối bang giao, kế nối tấm lòng hòa hiếu với nước bạn của Tiên Hoàng khảo, bởi thế ngay khi mới lên trị vì trẫm đã hết dạ thành tâm với Mẫu quốc. Mỗi khi Mẫu quốc có nhu cầu gì đối với ta như mộ lính thợ sang tòng chinh, gom trái phiếu để hỗ trợ, bao giờ trẫm cũng hết lòng hiểu dụ thần dân trợ giúp. Đối với kỉ cương triều đình và chính sự quốc gia trẫm cũng suy nghĩ chấn chỉnh, khiến từ trong triều cho tới ngoài các trấn dẫu chưa hoàn toàn chỉnh đốn, nhưng tình hình quốc chính cũng như trong cung đình xem ra đã thấy dần dần khả quan hơn thời Thành Thái, Duy Tân. Triều đình Quí Pháp và chính phủ Bảo hộ thấy trẫm chăm chỉ sớm khuya, hết mực thành tâm suy nghĩ vun đắp tình hòa hiếu, [12a] chấn chỉnh Tôn miếu triều đình, lại tận tâm mưu cầu cho tương lai tiến bộ của quốc dân, nên cũng biểu lộ sự chân thành tin tưởng, đồng lòng quí mến, ra sức giúp đỡ để củng cố quân quyền cho trẫm. Cho nên triều đình Đại Pháp và chính phủ Bảo hộ đối với trẫm thực là vì nghĩa mà không thể rời xa. Nhưng sở dĩ trẫm được triều đình Đại Pháp và

chính phủ Bảo hộ tin yêu hết lòng giúp đỡ để đề cao danh dự như thế chính là nhờ được thần dân trong nước yêu quí, hiểu được tấm lòng của trẫm mà hết dạ trung thành đối với Bảo hộ, xứng đáng nghĩa vụ đối với trẫm. Cho nên chính trẫm nhờ có thần dân cả nước nên mới thành được danh vọng như vậy, thực là vinh dự cho trẫm xiết bao. Trẫm lên ngôi đã được bảy năm. Nhớ lại hồi năm trước bên châu Âu xảy ra sự biến, các nước trên khắp địa cầu này chỗ nào cũng xao động, [12b] thế mà chỉ riêng nước Nam ta vẫn giữ được bình yên, vui vẻ làm ăn nghỉ ngơi. Đó chẳng phải là nhờ dân ta biết kính tuân theo những lời huấn dụ của trẫm nên mới trở thành đất nước yên vui nhất trên hoàn cầu ngày nay hay sao? Đó chính là niềm hạnh phúc cho trẫm, mà cũng là đại hạnh phúc của toàn thể nước ta vậy.

Hai năm nay Quí Pháp quốc hoàn thành võ công, khúc ca khải hoàn vang dội khắp hoàn cầu. Lại nhân khi nước nhà đương hưởng những ngày tháng thanh bình, trẫm dự định giá ngự sang Pháp để chúc mừng võ công ấy, và bày tỏ mối chân tình thắm thiết nhất, thân ái nhất của ta trong mối quan hệ cùng dắt tay nhau giao hảo giữa hai nước Pháp Nam đã được hình thành từ hơn trăm năm nay, đồng thời thân hành vào yết kiến Quí Giám quốc Quốc trưởng cùng các Đại thần trong triều đình và các bậc danh sĩ triết học Quí quốc để nhân đó tỏ lời cảm ơn đối với những công trình sự nghiệp vĩ đại mà Quí quốc đã xây dựng và thi hành ở nước chúng ta. [13a] Lại thân hành đi xem xét những cách thức văn minh tài trí mà Quí quốc sẽ mang sang truyền bá cho nước Nam ta, rồi lại thân hành đi thăm các trận tuyến hồi gần đây và đến viếng lăng mộ những nghĩa sĩ Quí quốc đã vì nước mà quên thân mình, rồi lại thân hành đến tận nơi đặt mộ những quân sĩ nước ta tử trận, tại đó trẫm sẽ thắp ngọn nến thẻ hương trước mộ để an ủi hương hồn các nghĩa sĩ

nước ta đã vì trung thành với trẫm mà yên nghỉ dưới những nấm mồ, nghìn năm thác gửi lại ở miền đất này. Trẫm đã dự định vào trung tuần tháng 4 năm nay bắt đầu khởi hành loan giá sang Quí triều đình Pháp, ngày cụ thể sẽ định sau.

Chuyến đi này của trẫm sẽ thực hiện theo thể lệ đối với các vị vua của các nước văn minh châu Âu, tất cả những nghi thức quan quân hỗ tòng đều giảm bỏ hết. Về phía quan Bảo hộ thì có Khâm sứ Đại thần tại Kinh là ngài Bác Kê, Hộ giá kiêm đốc chư phòng là ngài Hội lí Đê Loa. [13b] Quan triều đình tùy giá thì chỉ có Cơ mật viện Đại thần 1 người, Văn ban 2 người, Võ ban 2 người cùng với Nội các, Thị vệ 3, 4 người sung làm tùy giá Thị hầu mà thôi. Trẫm lại chuẩn cho Hoàng Thái tử Vĩnh Thụy đi theo để gửi gắm triều đình Quí Pháp tài trợ cho học tập mở mang kiến thức để mong mai ngày thành đạt tài đức kiên toàn trở về làm chủ trông nom tôn xã, bảo vệ quyền lợi quốc dân. Như thế là đúng hợp với ý nghĩa tùy thời, mà tình cảm nối liền giữa nước ta với Quí quốc đã thân lại càng thêm thân thiết hơn. Hoàng Thái tử Vĩnh Thụy năm nay đã lên mười tuổi, vẫn được trẫm dạy bảo cho lễ nghĩa nên là người sống rất có khuôn phép, lại sai thày phụ đạo dạy cho học chữ Hán đã hơn bốn năm. Nay trẫm cho sang Tây du học, lại sai thày phụ đạo đi theo tùy hành để ngày thường mở mang cho những điều về luân lí cương thường của bản quốc, hơn nữa cũng phải rèn luyện thêm về Nho học thì mới có thể dung hòa phù hợp với chính thể của nước ta.

[14a] Chuyến đi sang Tây của trẫm lần này tất sẽ có ảnh hưởng đến mọi người dân nước ta, mà sự ảnh hưởng đó cũng quan hệ tới cục diện trong tương lai. Sau khi trẫm ngự giá khởi hành, mọi công việc về điển lễ cùng là quốc chính, dân chính truyền cho các vị Đại thần Cơ mật bàn bạc thảo luận với ngài Quyền

Khâm sứ Đại thần tại Kinh rồi đệ tấu lên Lưỡng tôn cung xin chỉ thi hành. Nếu gặp trường hợp cơ vụ trọng yếu khẩn cấp không thể để chậm trễ thì truyền do Quyền Khâm sứ Đại thần điện sang thông qua quan Hộ giá Khâm sứ Đại thần của Qui quốc là ngài Bác Kê tâu bàn xong đánh điện trả lời thì mới được thi hành. Còn những việc tuy cũng quan trọng nhưng không khẩn cấp lắm thì chờ trẫm hồi loan sẽ chuẩn xét thi hành sau. Lại nữa, chuyến đi lần này trẫm có mang đi theo một số ấn tỉ gồm một con dấu *Đại Nam Hoàng đế chi tỉ*, một con dấu *Hành tại chi tỉ*, [14b] một con dấu *Khải Định thần hàn*, một con dấu *Ngự tiền chi bảo*, một con dấu *Văn lí mật sát* cùng với một tấm thẻ *Vương mệnh bài*, một tấm thẻ *Ngự tiền sắc mệnh*, còn những bảo tỉ khác thì xin với Lưỡng tôn cung nếu khi nào có Bộ, Nha nào cần dùng đến con dấu nào thì truyền soạn phiến gửi dâng lên Lưỡng tôn cung để nhận hộp chìa khóa về hội đồng cùng các quan văn võ trực ban phiên đó, quan Khoa đạo, Nội các, Thị vệ khai mở kim quĩ lấy dấu ra dùng. Xong việc chuẩn dùng Hoàng phong niêm kín đánh dấu cẩn mật rồi mang hòm chìa khóa dâng nộp lại, phải hết sức tuân thủ theo nguyên lệ. Khi trẫm ngự giá tại ngoại sẽ có Khâm mệnh Đại thần lưu lại ở phủ đệ trong Kinh thành. Trẫm đi chuyến này cũng phải mất hơn 5 tháng mới hồi loan. Vậy chuẩn cho các vị Cơ mật Đại thần luân phiên nhau cùng với quan trực ban thuộc ban Văn Võ và Khoa đạo tới túc trực. Đối với các điện đài, thành trì, ở ngoài thì do các quan Hộ thành, Đề đốc chỉ huy quân lĩnh tuần phòng canh giữ nghiêm mật, [15a] bên trong thì do Thống quản Thị vệ Đại thần chỉ huy thân binh, tuần binh canh giữ nghiêm mật. Trước khi trẫm khởi giá lên đường, truyền cho Bộ Lễ bàn định nghi thức và sắm sửa lễ phẩm đến làm lễ cáo tại Triệu miếu, Thái miếu, Hưng miếu, Thế miếu và thực hiện lễ nghi bái yết Lưỡng cung.

Tờ Dụ này truyền sao lục thông báo cho khắp trong ngoài cho thần dân đều được biết rõ. Khâm thử".

[15b] Mùa hạ, tháng 4, ngày 24, loan giá khởi hành.

Ngày 26, Ngự giá vào đến Sài Gòn.

Ngày 28, Vua lên tàu thủy Bột Tốc, treo lên lá quốc kì hình rồng vàng, nhổ neo lên đường.

Tháng 5, ngày 26, buổi tối, ngự giá tới Mã Tại[1]. Quan Thượng thư Thuộc địa Sa Lộ dẫn theo Nguyên Khâm sứ Sa Lê cùng với các Quí quan ở Thượng, Hạ Nghị viện, [16a] Quí quan văn võ của trấn ấy ra nghênh đón.

Ngày 29, hồi 10 giờ, ngự giá đến thành Ba Lê[2]. Quí Giám quốc ủy cho quan Sáu sao La Xung và quan Bốn sao Đa La Đinh thay mặt ra tiếp đón nhà vua, sự thể rất long trọng, giống như đối với bậc Đế vương các nước.

11 giờ, tới thăm Quí Giám quốc. Hoàng thượng cùng với Quí Giám quốc chia ra ngồi hai bên tả hữu, Thượng thư Sa Lộ và Toàn quyền Long cùng vào thị hầu. [16b] Quí Giám quốc thưa với Hoàng thượng ngỏ lời cảm tạ công lao ủng hộ giúp đỡ của nước Đại Nam. Hoàng thượng đáp tạ xong, Quí Giám quốc dâng tặng Hoàng thượng một tấm huân chương Thượng đẳng Bắc đẩu bội tinh.

12 giờ, Quí Giám quốc dẫn đi thăm Bộ Thuộc địa.

Tháng 5 nhuận, ngày mồng 2, hồi 12 giờ, sắc cho mở đại tiệc tại Di Cát Lan[3] chiêu đãi Thượng tướng quân Quí quốc cùng các vị Thượng thư bộ Thuộc địa, Nguyên Toàn quyền Đông Dương, Khâm sứ, Thống sứ, tổng cộng có 130 vị tham dự.

---

[1] *Mã Tại:* phiên âm tên cảng Marseille.

[2] *Ba Lê*: phiên âm tiếng Pháp tên thủ đô Paris.

[3] *Di Cát Lan*: phiên âm tiếng Pháp Pré-Catelan.

8 giờ tối, vua dự tiệc tại điện của Quí Giám quốc. Quí Giám quốc đến gửi lời chào mừng. [17a] Hoàng thượng đáp từ, đại lược nói:

"Việc nhà vua xuất ngoại, khảo cứu trong lịch sử của tệ quốc thì chưa từng thấy có chứng tích nào. Ngày hôm nay chính là ngày đầu tiên mở ra kỉ nguyên mới khi quả nhân vì đại nghĩa mà vượt muôn trùng biển khơi thân hành bước chân lên miền đất của Mẫu quốc Đại Pháp. Quí quốc là đất nước danh giá nhất, văn minh nhất, nhân từ nhất trên hoàn cầu, từ trước tới giờ đã bảo hộ cho tệ quốc. Từ vua quan cho đến sĩ thứ tệ quốc đã được đội ơn cao dày, nên hôm nay quả nhân xin được thay mặt cho thần dân trong cả nước có lời phi lộ chân thành cảm ơn tới Công hội Quí quốc. Ngày trước Hoàng khảo Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế nước quả nhân ngay khi vừa mới lên ngôi đã muốn thân hành sang triều đình Quí quốc để bày tỏ mối tình hữu nghị qua lại hòa hiếu lâu xưa giữa hai nước Pháp Nam vốn có từ hơn trăm năm nay. Không ngờ tàu thuyền đã sắp sửa, chưa kịp ngự giá lên đường [17b] thì Người đã cưỡi rồng ra đi, ước nguyện đành buông trôi, chí lớn thôi chẳng thỏa. Nay may nhờ Quí quốc đôn dấy lại mối giao hảo ngày xưa, nghĩ đến tình nghĩa thân thiết nhất, chân thành tin cậy nhất của Hoàng khảo quả nhân dành cho Quí quốc mà tôn lập quả nhân lên ngôi để cai quản thần dân trong nước, đem tấm lòng chân thành tin cậy để đáp lại chính sách ngoại giao của Quí quốc. Đến khi quả nhân lên trông coi cơ nghiệp tiền nhân, chỉ một niềm suy nghĩ thực hiện những công việc mà Tiên Hoàng ngày trước còn chưa hoàn thành. Điều này hẳn Quí quốc cũng đã lượng xét mà biết cho. Duy có ý định của Tiên Hoàng muốn thân hành sang Quí quốc để gặp mặt Quí triều đình thì chỉ còn là nỗi nuối tiếc lưu lại mà thôi. Bởi vậy quả nhân hôm nay sang đây mới coi là hoàn thành chí nguyện ngày trước của Tiên Hoàng vậy.

[18a] Kính thưa Quí Giám quốc Điện hạ, kính thưa các Quí ngài trong chính phủ Quí quốc. Quả nhân từ ngày được Quí quốc tôn lập lên kế thừa đại thống đến nay rất hân hạnh được các vị đại diện cho Quí quốc quả bộ xuống phương Nam tuân theo tôn chỉ của Quí triều đình mà phò giúp cho quả nhân, cùng nhau đồng tâm hiệp lực mưu cầu tiến đồ tiến bộ cho quốc dân, suy tính thực hiện cải chính kiến Pháp Việt tương thân cho mau chóng hoàn thành, đặng cùng chia sẻ cho nhau những lợi ích vô cùng. Vì thế gần đây khi ở Quí quốc có việc, toàn thể dân chúng tệ quốc đã tuân theo Dụ chỉ của quả nhân mà không quản ngại gian nan nguy hiểm, tranh nhau xông pha ra nơi chiến trường, đổ từng giọt máu tươi huyết thống Rồng Tiên để thay cho Thế Tổ Cao Hoàng đế chúng tôi đáp đền lại phần nào công ơn của Quí quốc đã ủng hộ cứu giúp trong sự nghiệp phục quốc thuở trước, đồng thời cũng mang theo niềm hi vọng ở Quí quốc sẽ tạo dựng cho vua tôi tệ quốc một tương lai hạnh phúc để sánh vai cùng các cường quốc Á Đông. [18b] Còn sự nghiệp khai hóa mà Quí quốc đã tiến hành cho tệ quốc trong mấy chục năm qua đã làm tăng thêm chất não thông minh quảng bác cho đông đảo những người có kiến thức, trong sinh hoạt mỗi ngày một tăng thêm sức sống sôi động, ân đức ấy thật rộng rãi cao dày biết bao. Mà đâu chỉ có thế mà thôi. Quí quốc còn thể theo tính tình mà yêu quí che chở, dẫn dắt chúng tôi tìm đến chỗ lợi ích. Đó mới là chính sách bảo hộ cao thượng nhất và cũng là hồng ân lâu dài đáng khâm phục nhất của Quí quốc đối với tệ quốc. Chính nhờ điều đó mà sau hồi chiến tranh, tại các nước lớn có nhỏ có trên địa cầu đều náo động tranh nhau giành giật lấy những hi vọng cho hiện tại cũng như cho tương lai, trong khi đó ở tệ quốc, từ tầng lớp thượng lưu cho chí hạ lưu đều vẫn an nhiên thủ thường, tình hình yên tĩnh không hề có những hành động can phạm phi

pháp nào. Điều đó không phải là gì khác mà chính vì cái luân lí vốn có từ xưa của tệ quốc chúng tôi đã in hằn sâu vào trong trí não cốt tủy mà không bao giờ có thể thay đổi được. [19a] Huống chi với ân trạch của Quí quốc vốn đã nổi tiếng là quảng đại thì tương lai hạnh phúc của tệ quốc chẳng phải chờ đợi lâu xa, quí quốc tất sáng suốt soi xét đào tạo cho mà không dung tha cho thái độ chần chừ để mà mang tội. Bằng suy nghĩ đó, lần này quả nhân có đem theo Đông cung Hoàng Thái tử Vĩnh Thụy sang đây để phó thác nhờ Quí quốc giúp đỡ đào tạo giáo dục nên người, khiến cho muôn vạn năm sau dòng dõi triều Nguyễn ngày càng được củng cố vững vàng mà tình hòa hiếu giữa hai nước Pháp - Nam cũng ngày thêm đặc biệt thắm thiết. Cái tình cảm tôn kính nhất, thành thực tin cậy nhất của quả nhân đối với Quí quốc chỉ bằng vào một việc gửi gắm đứa con là đủ thể hiện ra hình ảnh chân thực của nó. Còn tại sao ư? Một là điều đó chứng tỏ tấm lòng thành tín của quả nhân đối với Mẫu quốc; Hai là để nhằm mưu cầu cho vận mệnh tương lai của quốc dân, quả nhân mong muốn đứa trẻ được học lấy những tôn chỉ văn minh của Quí quốc, [19b] lấy đó làm sự tiến bộ có trật tự, và đó cũng là hồng ân tạo phúc lớn lao cho tệ quốc vậy. Niềm kì vọng của quả nhân là ở đấy, niềm thành kính cũng là ở đấy.

Hôm nay quả nhân được Quí Chính phủ và Quí quốc dân tiếp đãi vô cùng long trọng như thế này, đây thực sự đã trở thành giờ phút cảm động nhất, vẻ vang nhất của quả nhân, mà cũng là giờ phút chưa từng thấy có trong lịch sử cổ kim của tệ quốc. Quả nhân đang được vinh dự đứng trước các Quí vị đây chính là người bạn thân thiết yêu quí của các quí vị chứ không phải là một người khách ngoại giao, vì thế dám xin với lòng nhiệt thành của người bạn thân thiết yêu quí kính chúc nhà nước Đại Pháp quí mô tráng lệ quảng đại nhất, nhân từ nhất trường tồn vạn vạn

tuế để độc chiếm lấy cái danh giá cao quí đệ nhất trên hoàn cầu; Đồng thời kính chúc Quí Giám quốc Điện hạ cùng Quí Phu nhân phú thọ vô cùng, kính chúc Quí triều đình thịnh trị bình yên lâu dài, [20a] kính chúc các Quí vị vinh hoa khang thái, kính chúc toàn thể nhân dân Quí quốc Đại Pháp ngày thêm giàu mạnh. Lại xin kính chúc người bạn thân thiết quí mến của quả nhân là ngài Thượng thư Bộ Thuộc địa Sa Lộ ngọc thể luôn luôn khỏe mạnh để thi hành những chính sách tốt đẹp của Quí quốc tại các miền đất Thuộc địa và Bảo hộ, để các tộc dân ở những nơi đó vĩnh viễn không đánh giết lẫn nhau, mãi mãi yên hưởng cuộc sống ổn định, giống như những chính sách mà chúng ta đã thi hành vậy.

Lại xin kính tặng Quí Giám quốc một bộ lư hương và một đôi bình, tặng Quí Phu nhân một tấm ngọc bội".

Phụ chép: Lời chúc mừng của Quí Giám quốc đại lược nói:

"Ngự giá vừa mới sang đến đây, nghỉ chân chưa được mấy ngày mà nhân dân tệ quốc chúng tôi đã vì lòng hâm mộ mà liên tục gửi lời tới chào mừng không lúc nào ngớt. [20b] Điều đó đã đủ chứng tỏ mối cảm tình của tệ quốc. Trải qua bốn năm của cuộc đại chiến, trên chiến trường cũng có sự tham dự của quân sĩ Quí quốc. Trong con tim cũng như trước con mắt chúng tôi dường như vẫn còn thấy hùng phong dũng khí của họ. Bệ hạ luôn là người được những quân sĩ ấy tôn sùng, điều đó khiến dân chúng nước tôi nô nức phấn khởi được chiêm ngưỡng long nhan. Ngày nọ vừa nghe tin cầu viện gửi tới, thần dân Quí quốc ai cũng nôn nóng vì nghĩa lên đường để giúp tệ quốc bảo vệ văn minh và quyền lợi mà làm nên chiến công này. Tệ quốc từ lâu đã biết đến và vô cùng cảm ơn điều đó. Đối với Bệ hạ và thần dân Quí quốc, chính phủ cùng nhân dân tệ quốc chúng tôi ai cũng mang trong lòng một niềm tin yêu, không chỉ vì tưởng nhớ đến

công trạng trong cuộc chiến tranh đã qua mà còn bởi sự mưu cầu nền hòa bình ở tương lai phía trước.

Về chính sách bảo hộ thuộc địa, [21a] tệ quốc chúng tôi đã có định kiến tôn chỉ từ trước cần phải nghiêm chỉnh kính cẩn tuân theo, cũng giống như lịch sử là cái không thể đổi dời. Vì thế đối với những ai có mong muốn nương tựa vào tệ quốc thì tệ quốc chúng tôi đều thi hành một chính sách trị an bình đẳng tin cậy. Thể lệ của nó như thế nào? Xin thưa chỉ có hai chữ *Tự do*. Đối với tất cả những điển lệ, tôn giáo, phong tục vốn có, tệ quốc chúng tôi đều tôn trọng mà bảo tồn gìn giữ; đối với tri thức, lí tưởng, kĩ nghệ của dân chúng, mọi cái tệ quốc chúng tôi cũng đều đồng lòng góp sức khuyếch trương. Quốc kì của tệ quốc chúng tôi có mặt ở đâu là tư tưởng này được thể hiện ra bằng hành động tại nơi đó, để rồi có thể thu về thành quả cụ thể, hay cũng có thể kết nên tình cảm tin cậy yêu thương giữa hai quốc gia. Giá trị của phương pháp này là rất rõ ràng. Ngược trở lại thời gian kể từ ngày 28 tháng 11 năm 1787 khi vua của hai nước Pháp - Nam đính ước với nhau tại thành Việt Xây[1] trở đi, sự hòa thuận tin cậy lẫn nhau giữa hai nước ngày một tăng cường [21b] và duy trì được tới ngày nay trở thành mối giao thiệp tầm cỡ đại cục thì tình cảm ấy càng thêm thắm thiết nồng nhiệt, nếu trộm đem so sánh thì còn khăng khít hơn cả thời kì mấy lần kí kết điều ước với nhau. Lần này Bệ hạ ngự du Pháp quốc, đích thân đến triều đình, từ đó đã chứng tỏ được tấm lòng chân thành chia sẻ cho nhau của Bệ hạ, đồng thời tình cảm giữa hai nước cũng nhân chuyến đi này mà thêm cố kết. Thông minh, công bằng, chăm chỉ, nhẫn nại, hiếu học, đó chính là những tố chất tốt đẹp

---

[1] Việt Xây: phiên âm chữ Pháp Versailles, tên thành phố nước Pháp.

riêng có ở người dân Quí quốc. May mắn cho người nước Pháp chúng tôi là đã nhận biết ra được điều đó. Những cổ tích của Quí quốc hiện đã được Trường Đại Pháp Viễn Đông yêu quí trân trọng mà tiến hành khảo sát bảo tồn chính là những tư liệu gốc thể hiện một cách tổng quan nền văn minh từ hàng mấy nghìn năm của Quí quốc, cái mà người tệ quốc chúng tôi vô cùng mến mộ. Người Pháp sang nước Nam chỉ với một tấm lòng chân thành [22a] muốn giúp đỡ cho nội trị ngoại an, giữ gìn trật tự hòa bình, làm giàu thêm của cải, phát triển giao thông, mở mang dân trí, bảo vệ dân sinh, nói tóm lại phàm những gì thuộc về vận mệnh của quốc dân và mang lại lợi ích chung cho hai nước thì tệ quốc chúng tôi đều gắng trọn tâm trí, dốc hết kiến thức và trí lực ra làm. Điều này thiết tưởng thần dân Quí quốc vốn cũng đã biết rõ cả. Chính bởi biết rằng bản chức đã đội ơn nhận được sự tín nhiệm của Bệ hạ nên mới dám có những lời bày tỏ như vậy.

Kính tâu Hoàng đế Bệ hạ. Bệ hạ quả là người bạn thân có tình có nghĩa của tệ quốc. Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế đã cùng tệ quốc kết nên quan hệ chân thành tin cậy hòa hợp với nhau, trở thành đường lối dẫn dắt cho muôn đời. [22b] Bệ hạ có thể nói là người kế nối rất tốt đường lối này. Khi tệ quốc chúng tôi hữu sự, Bệ hạ chính là người đầu tiên đứng ra khởi xướng tỏ rõ đại nghĩa của Quí quốc. Lại rất biết nghĩ đến tiền đồ của quốc dân, nên đối với những biện pháp cải cách của tệ quốc bao giờ Bệ hạ cũng khảng khái cho phép thi hành. Nay nhân thời thanh bình Bệ hạ lại ngự giá sang tệ quốc, ngoài việc bày tỏ mối tình hòa hảo ra, còn là một minh chứng cho lòng nhiệt tình ủng hộ mà Bệ hạ chuyên dành ban cho tệ quốc. Bản chức xin thay mặt cho chính phủ tệ quốc nâng cốc kính chúc Bệ hạ sống lâu trường thọ như núi Nam Sơn, kính chúc Quí quốc thịnh trị bình an mãi

mãi. Nguyện cầu cho hai nước Pháp - Nam mà mối tình lo buồn có nhau đã gắn kết chúng ta lại sẽ trở thành một liên bang chặt chẽ khăng khít mãi mãi".

[23a] Ngày 20, nhân ngày Chính phủ Cộng hòa của Quí quốc, Quí Giám quốc kính mời Hoàng thượng ngự xem duyệt binh. Mỗi khi binh sĩ của ta diễu qua quảng trường, mọi người đều vỗ tay hoan hô rất là vui vẻ phấn khởi.

Tháng 6, ngày 13, vua viết lời cảm tạ, sai dịch ra tiếng Pháp đăng trên báo công bố trước công chúng. Nội dung đại lược viết:

"Quả nhân vì việc quốc gia và tình lân bang mà không quản xa xôi vượt trùng dương sang đến Quí quốc, được Quí triều đình và mọi người chào đón nghênh tiếp long trọng, thịnh tình khôn xiết nỗi cảm kích. Đến nay cả việc nước lẫn tình bạn đều đã hoàn thành trọn vẹn, ít bữa nữa sẽ trở lại phương Nam, xin có mấy lời thưa với các bạn... Quả nhân hôm nay về nước [23b] xin có lời cảm tạ chân tình".

Ngày hôm đó Quí Giám quốc mở tiệc tiễn đưa.

Ngày 19, vua lên tàu thủy An Di. Trên tàu có treo quốc kì hình rồng vàng, bài trí rất trang trọng lịch sự. Quan Thượng thư Bộ Thuộc địa Sa Lộ, Toàn quyền Long cùng nhiều vị quan chức văn võ đều tới tiễn đưa.

Phụ chép: Quí Giám quốc gửi điện tiễn Ngự giá lên đường, nội dung bức điện đại lược viết:

"Kính thưa Hoàng đế Bệ hạ. [24a] Vô cùng cảm tạ những điều mà Bệ hạ đã bày tỏ với bản chức về tình cảm thân ái chân thành của Bệ hạ cũng như của dân tộc Quí quốc. Bệ hạ đã vượt trùng dương sang tới đất nước chúng tôi, đến thăm Quốc trưởng và đi du lãm các nơi trong nước, tình cảm quí mến của Bệ hạ khiến dân chúng và chính phủ nước tôi vô cùng ngưỡng mộ. Hoàng

Thái tử là con trai yêu quí của Bệ hạ, thế mà trách nhiệm dạy dỗ lại được trao cho nước chúng tôi, qua đó đã đủ chứng tỏ lòng tin cậy của Bệ hạ, mà đối với nước chúng tôi đây cũng là một sự kiện quí hóa nhất vẻ vang nhất trong lịch sử. [24b] Bệ hạ đã đối xử ân cần đối với nước chúng tôi như thế, nhà nước và chính phủ chúng tôi nguyện cùng dắt tay sánh vai nhau với Quí quốc bằng chính sách tin cậy, quảng đại và tiến hóa để mối quan hệ giữa hai nước Pháp - Nam càng thêm chặt chẽ khăng khít như cùng trong một nước vậy. Hoàng Thái tử lưu học ở đây, bọn chúng tôi sẽ hết lòng chăm nom giữ gìn, Bệ hạ không phải lo nghĩ gì cả. Nay nhân ngày Bệ hạ ngự giá về nước xin kính chúc vạn sự bình an".

Mùa thu, tháng 7, ngày 14, Viện Cơ mật tâu rằng: Ngự giá sang Tây là một sự kiện to lớn chưa từng có xưa nay. [25a] Nay loan giá trở về, thần dân khắp trong ngoài đều rất phấn khởi. Vậy xin vào hôm ngự giá về đến địa giới nước ta, thông tư cho các tỉnh, đạo, để sức xuống các thành phố, phủ, huyện, tổng, xã, thôn, ban ngày thì treo cờ, ban đêm thì giăng đèn tại những nơi có đình, đền, chùa, quán. Vào hôm Ngự giá từ Đà Nẵng về đến Kinh thành, các đình, đền đều gióng chuông gõ trống để bày tỏ niềm vui mừng của cả nước. Tấu thỉnh được Lưỡng cung xuống ý chỉ cho thi hành.

Chuyến đi này của nhà vua khởi giá từ ngày 24 tháng 4, đến ngày 19 tháng 7 loan giá trở về. [25b] Vua đã đi thăm nhiều đô thành, danh thắng cổ tích, đồng thời vẫn lo tròn việc nước và củng cố tình nghĩa với nước bạn, nhà vua có ghi chép lại thành sách gọi là *Nhật kí sang Tây*, ở đây chỉ chép đại lược một số sự kiện như trên.

Tháng 9, vua lâm triều, nhân khi nhắc đến chuyến đi sang Tây, bảo với Thị thần rằng:

"Nghi thức đón tiếp của triều đình Quí Pháp cực kì long trọng,

người ngoài nhìn vào ai cũng nghĩ đó là những giờ phút vẻ vang sung sướng, nhưng đâu có biết rằng lúc ấy nghi thức khoản đãi càng long trọng thì trẫm lại càng thấy căng thẳng vất vả trong tâm thần. Là vua của một nước sở dĩ được ở trên mọi người là bởi có trách nhiệm cự kì to lớn nặng nề. [26a] Gánh vác nổi trên vai một trách nhiệm cực đại như thế phải là người có tư chất cực tốt. Bởi lúc ngồi vào bàn, nhất cử nhất động, nói lời hay im lặng đều có vạn con mắt chăm chú trông vào, vạn cái tai tập trung lắng nghe, người ta tỉ mỉ quan sát để đánh giá tư cách cao thấp, nhận xét ý tứ nông sâu. Bởi thế trong trường hợp ấy ai mà không thấy vất vả căng thẳng".

Vua lại nói tiếp:

"Trẫm xem sự thế ngày nay nói chung nước ta đối phó với chính sách của nước Pháp thật cũng dễ dàng, chỉ tội không còn người ấy nữa mà thôi. Ban đầu bản ý của nước Pháp là muốn gộp cả ba miền lại thành đất thuộc địa, thế nhưng suốt hơn ba mươi năm nay sở dĩ họ vẫn không làm được không phải vì chính sách của triều đình ta gây cản trở, mà là do lòng dân trong nước muốn giữ lại. [26b] Với cái cớ lòng dân muốn giữ thì nước Pháp không thể không thay đổi lại phương châm. Nay trẫm thành tâm thiện ý trong giao thiệp, quan hệ ngày càng trọn vẹn thì chính sách của nước Pháp đối với ta tất cũng theo đó mà dần thay đổi. Như ngài Sa Lộ hồi còn ở Đông Dương, khi mới sang bản ý là không muốn giữ lại tư cách quân chủ. Đến sau khi trẫm lên ngôi, viên Đại thần ấy gặp mặt yết kiến với trẫm thì chỉ yên lặng ra dáng trầm tư, rồi đã thay đổi chính sách ban đầu mà chuyển sang chính kiến giữ lại nền quân chủ. Mà không chỉ theo chính kiến giữ lại mà còn tiến hơn một bước là có cảm tình thân mật thắm thiết. Hôm trẫm trở về viên Đại thần ấy có ra tiễn, đứng nói chuyện với nhau. Khi bắt tay ra về ông ta buồn bã

không nói lên lời, quay mặt nhìn đi chỗ khác, tình cảm chứa chan vô hạn, nét mặt biểu lộ ra ý không nỡ chia tay".

[27a] Vua lại bảo:

"Hồi trước nói chuyện với ngài Sa Lộ, nhân bàn đến chuyện ở Đông Dương, ngài ấy nói: Đông Dương có thể giữ yên ổn được. Trẫm bảo: Chưa chắc như thế. Gần đây trẫm lại nói với Khâm sứ Bác Kê rằng, nên thưa với quan Toàn quyền Đại thần là chớ thấy tình hình Đông Dương hiện thời yên tĩnh mà cho là dễ dàng, mà trong lúc trị phải nghĩ đến loạn, trong lúc yên phải nghĩ đến nguy. Cho nên tất cả chỉ quí ở chỗ chế trị từ khi chưa loạn, giữ yên từ lúc còn chưa nguy mà thôi".

Mùa đông, tháng 10, Vua xuống sắc cho Bộ Công rằng:

"Lá cờ hiệu thêu rồng vàng đã dùng khi trẫm hồi loan trong chuyến đi sang Tây hiện đang giao ở chỗ Thị vệ cất giữ. Truyền Bộ Công đóng một chiếc hòm gỗ hình vuông, ghép ván có ổ khóa đầy đủ để cất lá cờ này, giao cho Nội các kính cẩn cất giữ, [27b] chiếu theo lệ mà phơi phóng coi làm đồ quốc bảo".

[28a] Giao thiệp với Toàn quyền

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa hạ, tháng 4, Toàn quyền Đại thần Lộ Mã về nước. Vua sai Khánh Mĩ tử mang thư đến tiễn. Thư lược viết rằng:

"Đại nhân sang phương Nam này đã hơn một năm, lại đúng vào thời gian xảy ra chiến sự ở châu Âu, vậy mà trù tính mọi việc đều được ổn thỏa, nhờ vậy mà hạ quốc được yên ổn. Khi quả nhân còn là hàng thân phiên vẫn thường hâm mộ. Mới rồi vua Duy Tân của bản quốc hành động sai phạm, đem mồng 2 bí mật ra khỏi Hoàng thành, tự bỏ ngôi báu, trốn đi theo gian đảng tà thuật gây ra cảnh náo loạn. Trong nước kế lớn chưa định, nhân tâm bàng hoàng. Quí Đại thần khi ấy đã

nhận được chỉ của triều đình bên Đại Pháp triệu về, [28b] nhưng vì không nỡ bỏ hạ quốc nên vừa nhận được tin điện của Quí Khâm sứ Đại thần liền lập tức vào Kinh vãn hồi đại cục. Vì thấy quả nhân là con trai trưởng của vua triều Đồng Khánh bèn đưa vào kế thừa đại thống để ổn định nhân tâm, rồi đem sự việc chuyển đạt về Quí triều đình xin phép chuẩn y. Đến nay nghịch đảng đã bị bắt, đất nước đã có chủ, đó là ơn nhờ có Quí Đại thần ra tay nâng đỡ, thần dân cả nước thảy đều hân hoan vui sướng. Nay vì việc công ngài phải quay trở về, tình thế không cưỡng lại được, phương trời cách biệt, lưu luyến biết bao. Kính viết thư này nhờ Phụ chính Đại thần, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Học bộ Thượng thư, sung Quốc sử quán Phó Tổng tài, sung quản Quốc tử giám sự vụ, Khánh Mĩ tử Hồ Đắc Trung mang hộ tới để kính tạ ơn dày, [29a] và chúc Quí Đại thần cùng gia quyến thượng lộ bình an. Quả nhân thiết tha hi vọng có ngày được gặp lại ngài khi ngài quay trở lại mảnh đất phương nam này".

Khâm sứ Đại thần Sa Lê lên thay quyền nắm giữ công việc Toàn quyền. Chuẩn tặng cho một tấm thẻ Kim bài. Sắc thư lược viết:

"Đại nhân vào Kinh đến nay đã được ba năm, dân chúng Trung Kì đều rất kính phục. Nay ngài vâng mệnh thăng quyền nắm giữ chức Đông Dương Toàn quyền sự vụ, gánh vác trách nhiệm quan trọng, quả nhân vô cùng vui mừng. Truyền tặng cho một tấm thẻ kim bài để tỏ tấm lòng".

[29b] Sau đó phụng mệnh chuẩn tặng cho Kim bài, sắc thư cũng tương tự như thế.

Mùa đông, tháng 10, sai Phù Quang Bá mang thư sang thăm hỏi Quyền Toàn quyền Đại thần. Thư đại lược viết:

"Đại nhân đã trải cai quản các hạt ở Đông Dương, rồi lại sung

Trung Kì Khâm sứ Đại thần, nên rất thông thạo lão luyện, lẫy lừng danh vọng, luôn lưu tâm thi hành tất cả những kế hoạch mang lại ân huệ cho bản quốc. Hồi nọ giặc Vân nổi dậy gây biến loạn, may nhờ có ngài tiên liệu từ trước mà có biện pháp đối phó nên đất nước mới được yên ổn. Gần đây ngài công cán khắp Nam Kì và Bắc Kì, toàn cõi Đông Dương nhờ có công ơn của Quí Đại nhân đó mà được yên tĩnh. [30a] Hiện nay Quí quốc cùng với Đồng minh đang đồng tâm tiêu diệt bọn bạo tàn để sáng tỏ đại nghĩa trên khắp hoàn cầu. Gần đây lính thợ bản quốc sang Quí quốc được hậu đãi rất chu đáo, khiến thân dân bản quốc khôn xiết vui mừng. Nay nhân có Cơ mật viện Đại thần, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Hình bộ Thượng thư, kiêm quản Đô sát viện Phù Quang bá họ Tôn Thất đi dự hội nghị ở Sài Gòn, quả nhân có nhờ mang thư này tới hỏi thăm ngài và bày tỏ lòng chân thành của quả nhân v.v...".

Sau đó hàng năm cứ tới kì hội nghị là đều viết thư tới thăm hỏi.

Tháng 12, sai viết thư cám ơn tới Toàn quyền Đại thần Sa Lộ. Thư lược viết:

"Qua tin tức châu Âu gần đây, [30b] thấy nói từ thành Ba Lê Quí quốc gửi điện báo rằng Hội đồng Ngoại bộ đã chấp thuận bản điều trần của Quí Đại thần về chính trị đối với các xứ thuộc địa như về các vấn đề mở mang làm giàu, khai hóa dân trí, tôn trọng phong tục của dân chúng bản quốc, hình luật nhẹ nhàng, cùng đồng tâm cộng sự với bản quốc v.v... quả nhân thực lấy làm vui mừng khôn xiết. Hồi trước khi sang cai quản Đông Dương, bằng tài trí sáng suốt lão luyện của mình, Quí Đại thần đã khôi phục được nơi đây, đem lại rất nhiều lợi ích cho bản quốc. Lần này ngài lại vâng mệnh sang phương nam này, những điều trần về thuộc địa của ngài cũng rất hợp với kiến thức của quả nhân. Nếu những

điều đó được trở thành hiện thực thì thực là hạnh phúc cho bản quốc lắm lắm".

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, tân Toàn quyền Đại thần Sa Lộ tới bệ kiến chúc mừng. [31a] Vua chúc đáp lại rằng:

"Trẫm tài năng bình thường, khi lên ngôi gặp thời buổi gian nan, trong lòng canh cánh lo lắng. Từ lâu đã được nghe danh tiếng của Quí Đại thần, trong lòng khôn xiết quí mến ngưỡng mộ. Nay Đại nhân vâng mệnh sang mảnh đất phương Nam này, lại vào Kinh thành để quả nhân được gặp, thực là vinh hạnh xiết bao. Những vấn đề đã nghị bàn trước về khai hóa dân trí, mở mang làm giàu, tôn trọng phong tục bản quốc, cùng đồng tâm cộng sự nay sẽ được lần lượt đem ra thi hành, đó đều nhờ vả ở công sức trù tính của Quí Đại thần và Quí Khâm sứ Đại thần cả. Nay vâng ý chỉ của Lưỡng cung kính chúc Quí Đại nhân đi đến đâu cũng gặp điều lành, gửi lời chúc đến Quí Giám quốc Điện hạ được nhiều hạnh phúc, chúc Quí Triều đình ngày thêm hùng mạnh, thành đạt được những sự nghiệp lẫy lừng để hạ quốc cũng được hưởng chung vui mà hưởng cảnh thái bình. Đó cũng là mong muốn tha thiết của Quả nhân vậy".

[31b] Chuẩn tặng cho Toàn quyền Đại thần một tấm thẻ Ngọc bài. Sắc thư đại lược viết:

"Đại nhân vốn có tiếng là người có danh vọng vẻ vang, trước đây từng ở Đông Dương, dân chúng nước tôi được nhờ ơn sống yên vui lợi lạc. Nay quả nhân lên kế vị, Quí Đại thần vâng mệnh lại sang đây, đúng là trời ban phúc cho nước Nam chúng tôi được yên ổn mãi mãi, khắp nơi được hưởng đón ánh sáng của ngài, xa gần đều vui mừng hâm mộ. Truyền tặng cho một tấm Ngọc bài có khảm bốn chữ *Huệ quốc tuy phương* để bày tỏ hảo ý. Khâm thử".

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 6, Toàn quyền Đại thần từ Kinh thành ra Đà Nẵng đáp tàu thủy vào Sài Gòn. Viện thần tâu lên. [32a] Vua phê rằng:

"Quí Toàn quyền ốm vẫn chưa khỏi mà đã đi vào Nam, tấm lòng vì nước như thế quả là cần mẫn. Với người bạn tốt như thế của trẫm cần phải đưa tiễn ân cần. Truyền chỉ Phúc Môn bá, khanh hãy đi theo tiễn đến Đà Nẵng để cho tận tình".

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 3, chuẩn tặng cho Toàn quyền Đại thần một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư lược viết:

"Đại nhân là bậc vĩ nhân của nước Tây, thuộc hàng danh vọng ở châu Âu, mang theo trách nhiệm nặng nề, [32b] với tài năng cai trị lại trở đây, nung nấu trong lòng ý muốn mở mang dân trí, khơi nguồn của cải, tôn trọng quân quyền, lấy đó làm thứ chủ nghĩa hàng đầu, mọi chính sách đem ra thi hành đều mang lại nhiều lợi ích. Quả nhân rất đồng tình, kết nên tình thân ái giữa hai nước. Nay ngài về nước, thực vô cùng luyến tiếc. Truyền tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại với dây đeo đặc biệt để thù đáp công lao to lớn. Thực ra là không thể báo đáp được hết, cốt giữ tình cảm tốt đẹp mãi mãi. Mong ngài mạnh khỏe, mai ngày nếu lại được vâng mệnh sang lần nữa để thi thố tài năng mưu cầu văn minh tiến bộ cho quốc dân thì đó là niềm hi vọng lớn lao của quả nhân vậy".

Tháng 4, Toàn quyền Đại thần Sa Lộ về nước, vào Kinh bái yết. Vua phê rằng:

"Truyền cho Lại thần Phúc Môn bá tối nay đi cùng với Quí Khâm sứ tới Đông Hà để tiếp Quí Toàn quyền Đại thần. [33a] Sau đó khi Quí Toàn quyền lên đường về Quí quốc thì cũng chuẩn cho Phúc Môn bá đi theo tiễn chân đến Sài Gòn để cho được trọng thể".

Tháng 6, Quyền Toàn quyền Mông Ghi Du[1] vào Kinh bái yết. Chuẩn tặng cho một tấm Kim bài.

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Mùa xuân, tháng Giêng, Tân Toàn quyền Đại thần Long[1] tới chào bệ kiến. Vua chào đáp lại, đại lược nói:

"Quả nhân tài năng tầm thường được kế thừa ngôi trời, đến nay đã được 5 năm, trong lòng luôn lo lắng việc nước, việc dân. May nhờ được Quí triều đình thực tâm bảo hộ [33b] nên cùng nhau qua khỏi được thời kì khó khăn. Nay Quí Đại thần vâng mệnh sang đất nước phương Nam này, lại vào tận kinh khuyết chào hỏi chúc mừng, thực là tấm lòng yêu quí che chở tràn ra thành lời, khiến quả nhân vô cùng cảm kích biết ơn. Đại nhân là người tài năng từng trải, nay vào lúc biển lặng sóng êm, trong nước yên tĩnh ngài sang đây nắm giữ trọng quyền cai quản đất này, tình hình chắc cũng đã được ngài Sa Lộ về nước nói lại cho biết rồi. Những việc mà ngài Sa Lộ đã làm, quả nhân trước đó đều đã trù tính đến nhưng chưa thi hành được hết. Nay được Đại nhân sang hỗ trợ, sắp đặt mưu hoạch lớn, kế tiếp lối đi xưa, để tới đây cùng với quả nhân thực hiện chính sách tổ chức văn minh. Ơn huệ ấy, tình cảm ấy thực không thể bằng một hai lời có thể nói hết được. [34a] Nay chuẩn tặng cho một tấm Kim bài".

Tháng 9, Toàn quyền Đại thần về nước, sai viết thư tiễn. Thư đại lược viết:

"Quí Đại thần đã định ngày về nước để trù hoạch các vấn đề mưu cầu lợi ích kinh tế cho cõi Đông Pháp. Thần dân bản quốc đều biết rằng Quí Đại thần về chuyến này tất sẽ có những chính

---

[1] *Mông Ghi Du*: phiên âm tên tiếng Pháp Montguillot. Tên viết đầy đủ là Maurice Antoine François Montguillot.

[1] *Long*: phiên âm tên tiếng Pháp Maurice Long.

sách mới đem lại ân huệ cho miền đất này nên mọi người ai cũng đều ngóng chờ hi vọng vào kết quả. Chỉ vì thời gian gấp gáp nên quả nhân chưa được nghe biết, vì vậy vẫn thấy thấp thỏm trong lòng. Nay dẫu tạm chia tay nhưng sau này còn nhiều dịp hội ngộ để quả nhân được tiếp kiến lại ngài. Đó là niềm an ủi và hi vọng của quả nhân vậy".

Mùa đông, tháng 10, [34b] chuẩn tặng cho Quyền Toàn quyền Đại thần Lê Ca Liên[1] một chiếc Kim khánh hạng cực đại.

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 3, Toàn quyền Đại thần Long quay trở lại. Sai Phúc Môn bá tới Đà Nẵng tiếp đón.

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 3, Toàn quyền Đại thần Long về nước. (Tháng 10 Quí Đại thần lại sang trở lại, rồi đi Cô Lâm Bô dưỡng bệnh, đến tháng 12 thì mất).

Quyền Toàn quyền Bô Đoan[2] (nguyên là Khâm sứ ở Cao Miên) thay nắm quyền. Chuẩn tặng cho một tấm Kim bài.

[35a] Mùa hạ, tháng 4, vua ngự thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Ngài Toàn quyền Sa Lộ có quan hệ bạn bè với trẫm rất thân thiết. Khi ngài đã về Tây rồi, trẫm có viết thư sang nói, Quí ngài đã sang miền đất phương Đông này, từng am hiểu rõ hết tình hình cũng như phong tục ở nơi đây. Xin ngài xác định rõ ràng cho mọi công việc ở chốn này, việc gì là do Quí Bảo hộ làm, còn việc gì là do vua An Nam phải làm, để việc gì cũng có người phụ trách cai quản, tránh có khi hiểu nhầm nhau. Quí ngài ấy đáp rằng, chuyện này các vị tiền nhiệm cai quản Đông phương đã làm thành quen lâu rồi, nay sửa đổi lại e rằng không tiện. Tôi

---

[1] *Lê Ca Liên:* phiên âm tên tiếng Pháp Gallen.

[2] *Bô Đoan*: phiên âm tên tiếng Pháp Baudouin. Tên viết đầy đủ là François Marius Baudouin.

nay đã về nước nhưng trong lòng không lúc nào không nghĩ tới miền đất phương Đông ấy. Mọi việc xin cứ lần lượt bàn bạc giải quyết dần. Cũng giống như quan hệ giữa chủ nhà với khách, [35b] nếu chủ nhà biết lấy lễ nghĩa đầy đủ ra đối đãi khách, thì người khách tốt tất nhiên cũng đối đáp lại bằng lễ nghĩa. Còn nếu không như thế thì phải tự trách mình trước, chứ lẽ đâu lại kêu xin người khác thương hại mình".

Tháng 8, Quyền Toàn quyền đề nghị đặt lại Phan Rang thành cấp tỉnh. Viện Cơ mật tâu trình lên. Vua phê rằng:

"Các hạt địa phương gần đây đều do các Quí Toàn quyền định đặt, khi thì đặt làm đạo, làm tỉnh, khi thì đặt trở lại thành tỉnh, vừa rối rắm phiền phúc mà chẳng thấy ích lợi gì cả. Dụ chỉ của triều đình xưa nay là cái có quan hệ lớn đến chính sự quốc gia, cứ sớm ban hành tối lại sửa đổi, vừa không hợp thể thống mà những đề nghị của Quí Toàn quyền còn vượt quá ra ngoài phạm vi của chính sách bảo hộ. [36a] Những điều khoản đề nghị của Quí Toàn quyền đề xuất, nếu là việc quan trọng có can hệ tới chính sách thuộc địa thì cũng còn phải nhận được Chỉ dụ cho phép của Quí Giám quốc Điện hạ rồi mới được thi hành, huống hồ lại tự ý làm những việc thuộc đất bảo hộ. Những việc họ tự ý làm, như chuyện đặt lại Phan Rang làm tỉnh mà bảo là đã ghi vào nghị định thì thiết tưởng cũng tựa như là cưỡng ép, xem ra cũng giống như việc tỉnh Lâm Viên vậy. Nay lại không ngại phiền phức mà đề nghị như thế, nhưng ngân sách Nam triều quá ư hạn hẹp, tăng thêm lị sở sẽ phải tăng thêm bộ máy lại viên và tăng thêm nhu phí, biết lấy đâu mà bổ sung vào đó, chẳng những không đem lại ích lợi gì mà còn làm cho thâm hụt, thực đáng chán. Trẫm mong muốn các Quí Đại thần nên thể theo tinh chất cao thượng trong chủ nghĩa Pháp Việt của thượng quốc cùng với trẫm giữ lòng thành

thực tin cậy lẫn nhau, cố gắng hết nhiệt tình mà đại diện cho nhà nước Bảo hộ, làm việc gì cũng phải dựa theo trên cơ sở phép tắc thỏa thuận mà thi hành để giữ gìn tình nghĩa hữu hảo thì mới gọi là mưu kế tốt".

[36b] Mùa đông, tháng 10, vua lâm triều phán bảo Thị thần rằng: "Về việc đổi Ninh Thuận thành đạo, trẫm đã có lời phê nêu rõ các ý, Qui Khâm sứ cũng đã nhận lỗi rồi, thế mà bên Quí tòa lại còn gửi tiếp một công văn, trong đó chỉ nói rằng thực đáng tiếc ngay từ đầu không trình bày rõ lí do cho minh bạch để tâu trình lên. Xem thế thì thấy người Pháp nói năng cũng khéo mà xử sự cũng rất chu đáo".

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP
QUYỂN X

BANG GIAO (Hạ)

[1a] Giao thiệp với Khâm sứ.

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Mùa hạ, tháng 4, chuẩn tặng cho Quyền Khâm sứ Đại thần Lư Mô San một tấm Kim bài. Sắc thư đại lược viết rằng:

"Đại nhân từng trải cai trị các hạt ở Trung Kì, rất có tiếng tăm, nay lại vâng mệnh thăng làm Quyền Khâm sứ tại Kinh, được trao gánh vác trách nhiệm rất quan trọng nặng nề, quả nhân rất phấn khởi vui mừng. [1b] Truyền Phủ Phụ chính mang tặng cho một tấm Kim bài để tăng tình cường hữu hảo".

Sau đó chuẩn tặng Kim bài, sắc thư nội dung đại khái cũng giống như thế.

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 2, chuẩn tặng cho Khâm sứ Đại thần Sa Lê một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư đại lược viết:

"Đại nhân tố chất tựa ngọc quí khuê chương, toàn tài như cột giường gánh vác. Ngày trước cai quản đất phương Nam, gặp khi dân gây biến, [2a] đã tỏ rõ ân uy khiến toàn hạt được trở lại bình yên. Mới rồi vào lúc muôn vàn khó khăn vẫn tận tâm phụ tá hỗ trợ cho ngài Đông Dương Tổng thống Toàn quyền Đại thần. Bấy giờ chiến tranh xảy ra ở Âu châu, lòng người hoang

mang nhưng Đại nhân vẫn bình tĩnh đem lại tình hình yên tĩnh như xưa, giữ vững vàng đất nước. Đó chính là bởi Đại nhân có tài năng của một bậc danh tướng trụ cột nên mới mới có khả năng xoay chuyển đất trời, công lao thật là to lớn, trẫm luôn rất ngợi ca. Nay truyền tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại cùng với dây đeo, cấp giấy chứng nhận đổi dùng loại giấy thể trục để biểu dương tài năng đặc biệt và bày tỏ tình hữu nghị tin cậy. Vật này bằng vàng chau chuốt, không phải thứ ban tặng tầm thường, cốt để đáp đền công lao, đeo vào không quên tấm lòng hữu hảo ẩn ngụ ở bên trong".

Mùa hạ, tháng 4, Khâm sứ Đại thần Sa Lê về nước. [2b] Vua phê rằng:

"Vào ngày Quí Khâm sứ Đại thần Sa Lê lên đường về nước, chuẩn cho Học bộ Khánh Mĩ tử đưa tiễn đến Hải Phòng. Nếu tiện đường thì đưa tiễn đến Sài Gòn để cho sự thể được long trọng.

Quyền Khâm sứ Đại thần Tiết Sô sang thay. Chuẩn tặng cho một tấm Kim bài.

Tháng 11, nhân dịp Đại lễ khánh tiết mừng Thánh thọ ngũ tuần, vâng mệnh ý chỉ của Lưỡng cung chuẩn tặng cho Quyền Khâm sứ Đại thần Tiết Sô một tấm Hiển Long Bội tinh hạng nhì.

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. [3a] Tháng 3, Quyền Khâm sứ Đại thần Tiết Sô về nước. Mở tiệc tiễn chân tại nhà Tả vu. Vua đọc lời đưa tiễn đại lược rằng:

"Nay nhân Quí Đại thần sắp sửa chia tay lên đường về nước, xin đặc biệt bày bữa tiệc này để cùng Quí Đại thần và các Quí viên cùng nhau vui vẻ nâng cốc để bày tỏ tình thân hữu hảo. Hai năm qua, từ ngày Quí Đại thần vâng mệnh sang Quyền sung Khâm sứ đến nay, với tư tưởng cao thượng và trí não đặc biệt của mình, ngài đã thi hành được bao nhiêu công việc hẳn tất cả chúng ta

cùng đã thấy đã biết. Quả nhân cũng thấy những ý tưởng của Quí Đại thần là rất đáng khen ngợi. Triều đình Quí Pháp cũng đã biết rằng Quí Đại thần luôn luôn đại diện cho Quí Bảo hộ áp dụng chính sách lấy kính lễ hòa hiếu để gìn giữ hòa bình, nhờ thế tình giao hảo giữa chúng ta không lúc nào phai nhạt. Quí Đại thần cũng nên biết rằng, chốn Kinh đô phong tục tốt đẹp, cảnh sắc lạ kì, là một nơi then máy căn bản, [3b] và cũng là một thắng cảnh truyệt vời của nước Nam. Xét về con người thì đều khiêm tốn nhún nhường, coi trọng văn hiến với luân lí cương thường, biết đối xử có trật tự trên dưới, không quên lễ nghi. Xét phong cảnh thì sông Hương Giang dòng nước mênh mang, nguồn sâu xa nước trong trôi lờ lững; núi Bình Sơn bóng tùng ngút mắt, gió luồn cành tiếng ngọc hát vi vu. Nếu Quí Đại thần vâng mệnh phải đi nơi khác thì tình ấy cảnh ấy hẳn sẽ còn vương vấn trong lòng mãi không thôi. Hôm nay Quí Đại thần cạn chén vì mối ân tình đó. Phút chia tay xin kính chúc câu thượng lộ bình an. Cũng xin gửi tới các Quí viên có mặt ở đây lời chúc mạnh khỏe hạnh phúc".

Viện thần Viện Cơ mật tâu trình rằng, cần phải dự tính trước về nghi thức để nghênh đón Khâm sứ Bác Kê mới tới và đưa tiễn Quyền Khâm sứ Tiết Sô về nước cho hợp thể thức. [4a] Vua phê rằng:

"Quí Khâm sứ Đại thần mới đến, truyền cho Khánh Mĩ tử khanh hãy ra ngay Hà Nội để đón tiếp cho trọng thể. Còn việc đưa tiễn truyền tuân theo lệ mà thực hiện".

Tân Khâm sứ Đại thần Bác Kê vào Kinh yết kiến. Chuẩn tặng cho một tấm Kim bài. Lại chuẩn tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư đại lược viết:

"Quí ngài tố chất tựa ngọc quí khuê chương, toàn tài như cột giường gánh vác. Danh tiếng về chính sự cũng như về văn

chương lẫy lừng khắp nơi. Nay vâng mệnh sung làm Khâm sứ Đại thần tại Kinh vào yết kiến để quả nhân được gặp mặt thật rất lấy làm vui sướng hân hạnh. Truyền tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại cùng với dây đeo bằng trân châu san hô [4b] để bày tỏ thiện ý".

Mùa hạ, tháng 4, Viện Cơ mật tâu trình, bên Quí tòa có xin rằng từ nay trở đi mỗi khi hội họp nghị sự tại trụ sở mới của Viện Cơ mật thì cho phép viên Ngự tiền Thông sự Thái Văn Toản được vào dự thính. Vua phê rằng:

"Về việc Quí Khâm sứ Đại thần Bác Kê đề nghị mỗi kì hội họp sẽ cho phép Thái Văn Toản được vào dự thính, thiết nghĩ đó là vì Quí Đại thần có ý muốn vua tôi chúng ta cùng hợp sức đồng tâm lo toan công việc để đem lại lợi ích chung. Các khanh cũng nên xét tới điều đó mà đừng có đối xử e ngại. Việc này nên thông báo cho viên ấy tuân hành".

Tháng 5, viên Công sứ trú tại tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xin được thực hiện cải lương hương lệ. Quí Khâm sứ phúc thư đáp lại đại ý nói, [5a] Quí chức nên biết rằng, những biện pháp cải lương là thuộc về công việc chính trị và tài chính, phải tuân theo Chỉ dụ, nếu không có chỉ thì không được làm. Chỉ sau khi bàn bạc thảo luận ổn thỏa với Nam triều thì mới được thi hành. Khi muốn chấn chỉnh việc gì đem lại tiến bộ cho quốc dân, các Công sứ phải tư trình với Khâm sứ Đại thần, đồng thời bàn bạc thảo luận với Viện Cơ mật, thống nhất ý kiến rồi vâng chỉ thi hành thì mới được. Ý của bản chức là việc bảo hộ ở Trung Kì nên theo chính sách tôn trọng tuân theo lệ thường, không nên làm thương tổn. Mọi việc nên xem xét cho kĩ càng rồi hãy làm. Viện Cơ mật trích sao và phiên dịch bức thư trình lên cho vua xem. Vua phê rằng:

"Đọc xem những điều Quí Khâm sứ Đại thần viết trong thư trẫm thấy rất cám ơn Quí Khâm sứ Đại thần đã giữ gìn thể

thống cho triều đình ta. [6a] Truyền cho Viện thần viết thư sang cám ơn cho phải lẽ".

Viện thần tuân mệnh viết thư, nội dung đại lược viết:

"Hai miền Bắc Kì và Trung Kì tuy cùng thuộc Bảo hộ nhưng tình hình cũng có khác nhau. Phép cai trị là phải hiểu biết kĩ về tình cảm lễ nghi, mà làm việc thì có trước có sau, thời thế có lúc nhàn lúc gấp, bỏ cũ thay mới cũng phải tiến hành dần từng bước thì nước mới mong tiến bộ được. Gần đây có một vài vị Công sứ trú ở các tỉnh có lẽ vì mới đến, chưa am hiểu hết thể lệ, tình cảm, phong tục địa phương mà đã vội vã muốn cải cách để sớm thu được hiệu quả. Quan lại ở tỉnh cũng có người biết là chưa tiện nhưng không dám nói thẳng ra vì e mất thiện ý, từ đó dẫn tới tình trạng chính lệnh thi hành không được thỏa hợp với dân tình. Quí Đại thần ngay từ khi mới sang đã thẩm xét kĩ càng, như những điều ngài viết trong thư thực là đã nắm được điều then chốt trong việc chấn chỉnh tệ nạn sửa sang tình trạng ở các địa phương. [6b] Nay Hoàng thượng của chúng tôi thông minh sáng suốt, hiểu biết rộng rãi, ngay từ hồi còn là Hoàng tử đã nắm biết được mọi điều lợi hại trong dân gian. Vào năm ngài lên ngôi đúng vào lúc Quí quốc hữu sự. Đương thời tình hình trong ngoài đều rất nguy nan, nhưng tất cả mọi chính lệnh Quí Bảo hộ đều đem bàn bạc với ngài, luôn luôn thành thực tin cậy lẫn nhau, nhờ vậy mọi công việc đều trôi chảy ổn thỏa. Ví như những việc lớn như mộ binh lính, vận động công trái tiến hành liên tiếp nhiều lần nhưng dân chúng vẫn vui vẻ hưởng ứng mà không tỏ ra mệt mỏi. Đó là một minh chứng rõ ràng rằng nếu không được lòng dân chúng ủng hộ thì làm sao có thể thành công được. Quí Đại thần là người tài trí sáng suốt, từ chính trị, văn học cho tới ngoại giao mọi phương diện đều rất giỏi giang. Từng ở lâu tại nước Nam nên rất am hiểu tình thế, từng soạn thành sách vở, lại

có quan hệ rất hiểu biết và thân thiết với Hoàng thượng chúng tôi. Nay ngài đến ở và làm việc tại Kinh đô, lại biết thể theo chính sách khoan hồng của Quí quốc Đại Pháp và tuân thủ phương châm hào hiệp của Quí Đại thần Sa Lộ là tôn trọng quân quyền để giữ gìn thể thống Nam triều, cùng với Hoàng thượng của chúng tôi bàn bạc mưu cầu lợi ích để dẫn dắt dân chúng trở nên tiến hóa, đó là điều mà triều đình bản quốc ghi nhận và vô cùng cảm kích. Bọn chúng tôi thừa mệnh trên giao tiếp chặt chẽ với Quí Đại thần, thấy cách xử lí chính sự ban đầu này của Quí Đại nhân càng thêm kính phục vô hạn, xin nguyện một lòng thành thực, mọi công việc đều trung thực thông báo cho nhau mà không ngại ngần dấu giếm [7a] để khỏi phụ tấm lòng yêu nước yêu dân của Hoàng thượng và của Quí Đại thần".

Vua xem thư rồi phê rằng:

"Trước nay trẫm chỉ thấy có bức thư này là hợp với ý của trẫm, bởi dám nói trình bày thẳng sự việc mà không dấu giếm. Trẫm với Quí Bảo hộ có tình qua lại mật thiết, phàm những việc quan hệ tới lợi hại đều cùng bàn bạc thảo luận, nếu có gì quá thì không e ngại mà nói thẳng hết ra với nhau vì lợi ích chung, có thành thực đối xử mới giữ được lâu dài. Như bức thư này có thể nói là biết cách đối xử vậy. Chuẩn cho sao chép sạch sẽ gửi đi".

Mùa đông, tháng 10, Quí Khâm sứ thông tư cho các Công sứ đứng đầu các tỉnh đại khái nói, [7b] đồng tiền mới đúc hiện đã được tiêu dùng tại Bắc Kì, nhưng không nên cho thông dụng ngay tại Trung Kì. Ở Bắc Kì, một đồng bạc không đáng quá hai quan, trong khi ở Trung Kì một đồng trị giá tới năm sáu quan, nếu cho thông dụng thì những kẻ đầu cơ lũng đoạn tất sẽ đem tiền từ Trung Kì ra mua bạc của Bắc Kì gây bất lợi cho Trung Kì. Thông tư lại nói, xét từ phương diện chính trị, bọn ta không nên xâm phạm vào những luật

lệ tự nhiên của kinh tế trong nước mà phải trù tính thế nào để tránh vật giá leo cao, đó chính là thuộc về phận sự của chúng ta. Viện thần sao chép và phiên dịch dâng trình vua xem. Vua phê rằng:

"Gần đây trẫm có xem những bản thông tư của Quí Khâm sứ Đại thần, [8a] qua đó thì biết rằng Quí Đại thần cũng đã thể theo ý của triều đình Đại Pháp mà giữ tín nhiệm với triều ta. Cục diện bảo hộ trong tương lai hẳn rất bổ ích cho nước ta. Các khanh hãy suy nghĩ để hiểu kĩ càng tư tưởng của Quí Đại thần để phòng khi trao đổi giao thiệp chớ có làm lỡ việc như hồi trước nữa".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 2, vua ngự thị triều ở điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Hồi những năm Thành Thái triều đình ta hành sự có nhiều điều sai trái, từ đó khiến cho quốc quyền phải chịu tổn thất. Như chức Thống sứ ở Bắc Kì vốn là ngang với chức Khâm sứ ở Trung Kì, thế mà vì sao quyền hành của Thống sứ lại ngày càng lớn, [8b] đến nỗi ngài Khâm sứ Tiết Sô gần đây cũng ấp ủ chính sách đại ý là muốn có quyền ngang bằng với Thống sứ Bắc Kì. Quyền cho Thống sứ thay vua hành sự ở Bắc Kì nguyên từ hồi trước bãi bỏ Nha Kinh lược để trao cho Thống sứ quyền hành chính, còn quyền lập pháp vẫn do triều ta nắm giữ, vì thế mọi việc thay đổi ở Bắc Kì đều phải xin Dụ của trẫm mới được thi hành. Chỉ đến những năm đời Thành Thái và Duy Tân hiến pháp mới bị sửa đổi nhiều, khi ấy không cần có Chỉ dụ mà chỉ bằng vào nghị định của Thống sứ là đem thi hành. Gần đây Thống sứ Đại thần Bắc Kì là ngài Xanh Sô Phi cũng đã biết rằng việc thi hành nghị định của các viên Thống sứ tiền nhiệm hồi trước là không đúng phép, nên đã lục lại một số nghị định từ những năm Thành Thái thứ 16, 17, 18 nguyên chưa có chỉ Dụ của Nam triều đem đến xin trẫm ban cho Chỉ dụ. [9a] Trẫm trả

lời rằng hồi đó trẫm chưa lên ngôi coi chính sự nên không dám nhận. Cuối cùng trẫm không thuận cho".

Mùa hạ, tháng 4, vua lâm triều, phán bảo Thị thần rằng:

"Quí Khâm sứ Bác Kê có soạn thảo một bản về cách thức giáo dục cho Hoàng Thái tử để trình lên Quí triều đình Pháp quốc, ý tứ rất mạch lạc mà lí luận cũng rất mạnh mẽ. Như nói rằng triều đình Pháp đã công nhận con của Hoàng đế An Nam là Đông cung Hoàng Thái tử, nay lại đang du học tại bản quốc, thế thì việc giáo dục phải hết sức thận trọng. An Nam đường đường là một đế quốc, đưa Hoàng Thái tử sang du học chính là muốn cho học hành trưởng thành để về bảo vệ giữ gìn đế quốc ấy. Vì vậy trong khi hướng dẫn mở mang kiến thức phải cẩn thận tuyệt không được để cho một chút tư tưởng dân chủ nào in hằn vào trong đầu óc Thái tử. [9b] Trẫm xem lời ý ấy thực đáng cảm kích. Lại nói rằng học vấn của Đại Pháp đã từng có những phát minh lớn đối với những vấn đề chủ đạo thuộc về luân lí. Kế sau đó, tuy cũng có những kẻ nặng về lòng tư lợi mà luân lí có phần bị lu mờ, nhưng vẫn còn những người mang tư tưởng ngày trước. Như những nhà đại gia thuộc Hoàng tộc hoặc quan lại truyền thống ở nước Pháp, trong gia đình của họ vẫn giữ lại những luân lí vốn có. Hoàng Thái tử nay đang học tập tại nước Pháp, vào những ngày nghỉ rồi nên giao du với những gia đình đại gia đó cho hợp với luân thường nước Nam, chứ đừng để cho Thái tử tập quen với đầu óc tư tưởng tự do thì thật khó cho sau này".

Tháng 9, vua ngự thị triều tại điện Văn Minh, phán bảo Thị thần rằng:

"Bảo hộ thì có trách nhiệm của phía Bảo hộ, [10a] mà Nam triều cũng có thể thống của Nam triều. Hai bên đều có những việc thuộc về bổn phận phải tự làm tròn và tự giữ gìn. Cho nên điều gọi là tôn trọng quân quyền chính là quốc thể, tức là thể

chế của nhà nước quân chủ đó vậy. Người ta nói tới mấy chữ tôn trọng quân quyền mà ít có ai hiểu hết nghĩa lí cốt lõi của nó, nên mới dẫn tới những kiến giải quá đáng. Chả trách có chuyện sai lầm để cho những tân đảng phát triển lan tràn".

[11a] Giao thiệp với các Quí quan

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 5, chuẩn định lệ vào bệ kiến đối với các quan lớn Thủ trưởng của Quí Bảo hộ. Bấy giờ bên Quí tòa bàn xin rằng từ nay trở đi, những viên quan lớn phía Quí Bảo hộ khi có dịp đi qua Kinh đô, hoặc được nhận chỉ bổ nhiệm lị chức, hay khi mãn hạn về nước thì đều được vào bệ kiến, nhưng phải do Quí tòa cử một Quí quan dẫn vào gửi tấu lên chờ chuẩn định thì mới được vào yết kiến. [11b] Vua chấp thuận cho.

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Mùa xuân, tháng Giêng, chuẩn tặng một chiếc Kim khánh hạng cực đại cho Đô đốc, Thống soái Đại thần nước Đại Pháp, Tổng chỉ huy quân đội các nước Đồng minh, Thượng tướng quân Phô Sơ[1]. Sắc thư đại lược viết:

"Từ xưa, những bậc tài trí lớn tất gặp địch thủ lớn để rồi lập ra công tích lớn mà lưu truyền tiếng tăm lớn. Vừa rồi người Phổ ngang ngược phản bội công lí xâm chiếm Đại quốc và các nước Đồng minh châu Âu. Quí triều đình đã chọn Quí Đại thần đứng ra Tổng chỉ huy quân đội của Quí quốc và của các nước Đồng minh [12a] để đánh nhau với người Phổ. Quí Đại thần đã trổ tài mưu lược, khảng khái xông pha tuyến đầu, chế ngự quân giặc khiến chúng không sao đương đầu nổi mưu thần, cuối cùng tiêu diệt quân địch, bắt chúng phải khuất phục cúi đầu chịu hàng, ca khúc khải hoàn trở về, rửa áo giáp cùng thế giới chung vui hưởng phúc hòa bình. Huân lao trác tuyệt mà không phải là

---

[1] *Phô Sơ*: phiên âm tên tiếng Pháp của viên Tổng Tư lệnh quân đội Pháp, kiêm Tổng Tư lệnh các lực lượng Đồng minh Ferdinand Foch.

người đại trí đại tài thì làm sao có được. Tệ quốc cùng với Quí quốc vốn có tình nghĩa thắm thiết, vui buồn có nhau. Trẫm xem trên báo chí luôn hết lời ca ngợi Truyền tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại có dây đeo đặc biệt bằng thể trục để đền đáp công tích vĩ đại".

Chuẩn tặng Thống soái Đại thần nước Đại Pháp, Thượng tướng quân Be Tinh[1] một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư đại lược viết:

"Các bậc danh tướng xưa nay đều phải là người có tài có trí rồi sau lưu lại tiếng thơm đến muôn thuở. Vừa rồi người Phổ phản bội công lí xâm lược vào Đại quốc. [12b] Quí triều đình đã chọn Quí Đại thần làm Tổng chỉ huy quân đội. Trong hơn bốn năm kỉ luật giữ nghiêm, bước chân chỉnh tề, danh tiếng quân đội lẫy lừng, sớm lập được chiến công. Từ nay bốn phương rửa áo giáp, thiên hạ hưởng thái bình. Trẫm xem trên báo chí luôn hết lời ca ngợi v.v...

Chuẩn tặng cho Thủ tướng kiêm Bình bộ Đại thần nước Đại Pháp Ki Lê Mang Xu[2] một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư đại lược viết:

"Quí Đại thần là bậc nguyên lão của đất nước, đảm đương trù hoạch vãn hồi đại cục. Bày mưu kế nơi màn trướng, giành quyết thắng chốn sa trường. Nhờ thế bất giặc dữ phải bó tay đầu hàng, nhân dân yên ổn, đất nước cởi giáp, năm châu cùng hưởng thái bình. Công lao sự nghiệp tạo dựng không chỉ hiển hách một thời, [13a] mà bia đá tượng đồng còn lưu danh thiên cổ. Nếu

---

[1] *Be Tinh*: phiên âm tên tiếng Pháp Pétain, viên tướng Tổng tư lệnh quân đội Pháp, sau trở thành Thủ tướng Pháp từ năm 1940 đến năm 1944, tên đầy đủ là Henri Philippe Benoni Omer Joseph Pétain.

[2] *Ki Lê Mang Xu*: phiên âm tên Thủ tướng Pháp Georges Clemenceau.

không là bậc kì tài có thể xoay trời chuyển đất thì sao có được mưu lược kinh thiên động địa như thế. Trẩm xem trên báo chí luôn hết lời ca ngợi. v,v...

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 8, chuẩn tặng cho Nguyên Thủ tướng nước Đại Pháp Binh Lê Vi[1] một chiếc Kim khánh hạng cực đại. Sắc thư đại lược viết:

"Quí ngài cao giá văn chương, toàn tài giường cột. Từng bổ làm Thủ tướng nước Đại Pháp, công danh vô cùng rạng rỡ. Nay ngài vâng mệnh đi qua miền đất Á Đông mà ghé thăm tệ ấp, để quả nhân được gần cận tôn nhan, thực rất lấy làm hân hạnh ngưỡng mộ. [13b] Truyền tặng cho một chiếc Kim khánh hạng cực đại để bày tỏ chút tình mãi mãi tốt đẹp".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 6, Tấn phong tước hiệu cho Tiền Khâm sứ Đại thần tại Kinh Sa Lê là Tế Nam công. Trước đó vâng có Dụ rằng:

"Tiền Khâm sứ Đại thần tại Kinh Sa Lê hồi trước khi vâng mệnh sang nước Nam gặp hồi Duy Tân gây biến, tôn xã cơ hồ sắp lâm nguy, Đại thần nhờ biết đề phòng nên đã dẹp được yên, lại giỏi biết nhìn nhận con người mà thể theo phong tục của một đất nước quân chủ Nam triều để đón lập quả nhân lên ngôi. Rồi sau lại cùng với quả nhân đồng tâm hiệp lực củng cố tôn xã, chuyển tai họa thành cát tường, bảo tồn được cơ sở của Nam triều. Có được phúc ngày nay chính nhờ ở bàn tay của nhà kinh bang tế thế. [14a] Đại thần nhậm chức nhiều năm, chính sách khoan hòa, có nhiều công lao to lớn. Đến khi sung làm Đông Dương Tổng thống Toàn quyền, ban bố ân huệ, được dân chúng ca tụng công đức. Cho đến ngày nay khi đã về nghỉ ngơi, danh tiếng của ngài vẫn còn lưu mãi ở nước Nam. Thượng quốc đã

---

[1] *Binh Lê Vi*: phiên âm tên Thủ tướng Pháp Paul Painlevé.

thưởng phẩm hàm vẻ vang cho ngài, nước Nam lẽ nào không đáp đền ân huệ. Các vị Quí Khâm sứ Đại thần có công với Nam triều trước đây cũng có người được phong tước. Nay trẫm đặc biệt tưởng nhớ tới công lao của Quí Đại thần ngày trước, truyền tấn phong cho là Tế Nam công để bày tỏ sự đãi ngộ tôn vinh. Truyền cho cơ quan hữu ti chiếu theo lệ trước đây tuân hành".

Bấy giờ sai Đại thần bộ Học là Khảnh Mĩ tử Hồ Đắc Trung sung làm Khâm mệnh Đại thần cử hành lễ tuyên phong.

Mùa đông, tháng 10, Thượng tướng quân nước Đại Pháp Nho Pha[1] mới vào Kinh bệ kiến. [14b] Vâng mệnh tặng cho một tấm huân chương Thượng đẳng Cộng tế bội tinh. Sắc thư đại lược viết:

"Xưa nay, những bậc danh tướng dẹp được đại nạn, lập được đại công tất phải là người lão luyện, quả đoán, đại lược, hùng tài thì mới có thể lưu lại danh tiếng lẫy lừng trong vũ trụ. Ba mươi năm trước đây, Tướng quân từng tham gia việc quân ở Trung Kì. Ngay trận đầu ở lũy cổ Ba Đình ngài đã ra uy lưỡi gươm sắc bén, người An Nam từ lâu đã nghe đến đại danh. Sau đó ngài về nước nắm quyền trong quân đội. Hồi nước Đức xâm phạm Thượng quốc, Tướng quân chỉ huy đại quân đánh giặc. Trận La Mô[2] đuổi quân Đức thua chạy, danh tiếng quân ta lẫy lừng. Nếu không phải là người lão luyện, quả đoán, đại lược, hùng tài thì làm sao làm được như thế. Nay giang sơn đã rửa giáp, [15a] Tướng quân nhân việc công trở lại miền đất phương Nam. Lão tướng từng trải qua thời oanh liệt xông pha mũi tên hòn đạn, nay trở về thăm lại chiến trường xưa, tình cảm bồi hồi xiết bao. Nay ngài tới Kinh để quả nhân được thấy dung nhan, thực vô cùng kính phục. Nhắc đến công lao của Tướng quân thì biết lấy

---

(1) *Nho Pha*: phiên âm tên tiếng Pháp Joffre.

(2) *La Mô*: phiên âm tên tiếng Pháp La Marne.

gì đem tặng cho xứng bây giờ. Vậy truyền tặng cho một chiếc gậy Như ý bằng vàng ngọc có khảm ngọc hiện do Nội vụ cất giữ với ngụ ý chúc Tướng quân làm việc gì cũng được luôn luôn tốt đẹp như ý, để đáp đền công lao".

Lại chuẩn ban cho một đồng Kim tiền hạng lớn. Sắc thư đại lược viết:

"Quí ngài là bậc vĩ nhân của nhà nước Đại Pháp, tiêu biểu cho các nhà quân sự của Thượng quốc, thống lĩnh đại binh, đánh đuổi giặc dữ. Nhắc đến công lao của Tướng quân thì biết lấy gì đem tặng cho xứng bây giờ. Vậy truyền tặng cho một đồng Kim tiền hạng lớn để bày tỏ hảo ý".

[15b] Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 6, chuẩn tặng cho Nguyên Toàn quyền Đại thần Lộ Mã một tấm Ngọc bài. Sắc thư lược viết:

"Quí ngài là bậc danh tiếng bên Tây, sang nước Nam từ hồi còn chưa được thái bình, lấy lại được xã tắc, để cho có chủ. Đang vào thời kì phong độ ai ngờ lại trở về Tây, để lại niềm thương nhớ. Nay nhân ngài đi du lịch để lại có dịp gặp mặt. Có tấm ngọc bội gọi là đền đáp chút tình. Truyền tặng cho một tấm Ngọc bài để đáp đền công lao đặc biệt".

Chuẩn tặng cho Nguyên Toàn quyền Đại thần Bô[1] một tấm Ngọc bài. [16a] Sắc thư lược viết:

"Quí ngài Đại thần là người minh mẫn sáng suốt, được dân chúng suy tôn ca ngợi. Khi vâng mệnh sang nước Nam nung nấu một niềm khai hóa để thi hành mưu lược lớn, đưa nước Nam tiến dần tới văn minh. Nay tuy ngài vui thú điền viên nhưng danh tiếng về tài lược vĩ đại vẫn còn được mọi người nhắc

---

[1] *Bô*: phiên âm tên tiếng Pháp Beau. Tên viết đầy đủ là Jean Baptiste Paul Beau.

nhớ. Tưởng nhớ công lao to lớn thấy cần phải thù tặng xứng đáng. Truyền tặng cho một tấm Ngọc bài để tỏ hảo ý đặc biệt".

[17a] Chúc tụng, đáp từ

Năm Khải Định nguyên niên [1916]. Tháng 9, nhân ngày khánh tiết mừng Vạn thọ, Khâm sứ Đại thần vào triều chúc mừng. Vua chúc đáp lại đại lược rằng:

"Quả nhân đức mỏng được vào kế thừa đại thống, hôm nay là lễ mừng sinh nhật đầu tiên, tưởng nhớ công đức cù lao trong lòng vô cùng quyến luyến. Nay lại được Quí Đại thần đại diện cho các quan viên trong Quí chính phủ, Quí Toàn quyền Đại thần, cùng các quan viện Quí quốc thân ái đến chúc mừng Lưỡng cung và quả nhân, lời ý rất thắm thiết, khiến quả nhân vô cùng cảm kích khâm phục. Tệ quốc từ ngày được nhà nước Đại Pháp bảo hộ đến nay, [17b] mọi việc đang dần dần được cải lương. Điều đó thể hiện trong các mặt chính trị, giáo dục, kĩ nghệ, ở đâu cũng có đổi mới, khiến quả nhân vô cùng vui mừng. Bữa trước có đi miền Nam tham quan phong cảnh, công nghệ và dân tình đã tận mắt trông thấy những điều đó, tuy việc thực hiện còn tốn nhiều công phu với thời gian, nhưng cứ coi vào sự khởi điểm của văn minh đã thực thi ở địa phương này thì ở những nơi khác cũng có thể biết trước được. Trong lúc ở Quí quốc chiến tranh sớm tối có thể ập đến mà vẫn chăm chút để tâm đến tất cả mọi việc lợi ích cho tệ quốc như vậy, đủ thấy chủ nghĩa khai hóa của Đại Pháp thực là may mắn lớn cho toàn thể dân chúng trong nước. Từ ngày Quí quốc cùng với các cường quốc đồng minh tiêu diệt giặc Phổ, thần dân bản quốc luôn biểu thị đồng tình ủng hộ. Nay tuy chiến tranh chưa kết thúc nhưng tin thắng trận liên tiếp đưa về. Với thế mạnh chẻ tre, chiến thắng chỉ đợi ngày tất đến. Khi ấy bình yên ngồi nhìn tệ quốc cùng với thanh danh của Đại quốc vang lừng trên khắp hoàn cầu, [18a] há chẳng tốt đẹp lắm sao".

Từ đó trở đi cứ gặp dịp khánh tiết đều có lời chúc mừng đáp lại.

Tháng 6, nhân ngày lễ Cộng hòa của Quí quốc, sai viết thư chúc mừng. Đại ý viết:

"Nay nhân ngày lễ Công hòa của Quí quốc, quả nhân kính chúc: Quí Giám quốc Điện hạ phúc lớn dồi dào; Quí Thuộc địa Thượng thư sống lâu trường thọ; Quí triều đình thịnh trị thái bình mãi mãi; Quí Toàn quyền Đại thần cùng các Quí Đại thần được nhiều hạnh phúc. Hiện nay Quí quốc cùng với các cường quốc Đồng minh đang hợp sức đồng lòng tiêu diệt quân giặc xâm lược, chẳng bao lâu nữa tất sẽ thành công, để thần dân nước Tây được sống yên ổn như xưa [18b] mà hạ quốc cũng được dự phần vẻ vang".

Từ đó cứ đến ngày tết Cộng hòa của Quí quốc đều có gửi lời tới chúc mừng.

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Mùa xuân, tháng Giêng, nhân ngày tết Nguyên đán, Quí Khâm sứ vào triều chúc mừng. Vua chúc đáp lại, đại ý nói:

"Quả nhân kém cỏi tầm thường, vừa qua nhờ được các Đại thần của Quí Bảo hộ đồng lòng ủng hộ giúp đỡ mọi mặt, chính sự bắt đầu được mở mang, thần dân yên ổn. Bằng kiến thức kém cỏi của mình quả nhân cũng thô thiển biết rằng lòng người ở hạ quốc cũng dễ dẫn dắt, chỉ cần là người biết cơ hội thì nhập cuộc tất sớm lấy lại được sự yên ổn. Vì thế ngay từ ngày đầu làm chính sự đã xuống Dụ bố cáo cho khắp bốn phương, may sao miền Nam bụi trần chìm lắng, phương Bắc khói lửa cũng yên. [19a] Rồi lại cùng với các Quí Đại thần hợp sức cùng nhau liệu lí mọi việc, mới được bốn phương hưởng ứng theo về. Đó không chỉ là bởi hạ quốc có phúc lớn mà hiển nhiên còn do tài năng, phúc đức của các Quí đại thần cũng như nhờ vào sự thân tín của Quí quốc đối với quả nhân đem lại. Ít bữa nữa Quí Toàn quyền

Sa Lộ sang Đông Dương, Quyền Toàn quyền Đại thần lại trở về đất Kinh đô. Quí Đại thần cùng các Quí quan một lòng cộng sự lấy thứ chủ nghĩa là đem ân huệ cho nước Nam, để hạ quốc được hưởng hạnh phúc, thực vui mừng sung sướng biết bao. Lúc này mùa đông lạnh giá đã đi qua, mùa xuân ấm áp đang về. Trên chiến trường Quí quốc đang chiếm lợi thế, tin thắng trận liên tiếp báo về. Quí quốc đang cùng với các nước bạn Đồng minh quét sạch hung tàn, mở ra công lí trên khắp thiên hạ để hạ quốc cũng được dự phần vinh hạnh".

[19b] Từ đó cứ đến ngày tết thì đều có lời chúc mừng đáp lại.

Năm Khải Định thứ 5 [1920]. Tháng 9, nhân ngày kỉ niệm 50 năm chiến thắng của Quí quốc và Đồng minh, vua sai viết thư chúc mừng. Đại ý viết:

"Nay nhân dịp mừng kỉ niệm lần thứ 50 ngày chiến thắng của chính phủ Cộng hòa Đại Pháp và Đồng minh, lễ tiết đến trùng, cử hành thịnh điển. Quan hệ giao hảo giữa hạ quốc với Quí quốc vốn có từ xưa, nghĩa tình ngày càng nồng thắm, khôn xiết nỗi vui mừng phấn khởi trong lòng. Từ nay sự nghiệp của Quí quốc ngày càng củng cố, chính sách hòa bình đem lại yên ổn cho dân chúng, khiến Việt Nam dưới sự che chở của Quí quốc cũng được hưởng niềm vinh hạnh".

Năm Khải Định thứ 7 [1922]...[1] [30a] Mùa hạ, tháng 4, nhân đại lễ sách lập Hoàng Thái tử, Quí Khâm sứ vào triều chúc mừng. Vua chúc đáp lại, đại ý nói:

"Nghe tin Quí Đại thần tới chúc mừng, quả nhân rất lấy làm hân hạnh vui mừng. Khi thấy con cái trưởng thành ai mà không cảm thấy được an ủi trong lòng. Địa vị của Hoàng Thái tử trong

---

[1] Đoạn tiếp theo sau câu này, trong nguyên bản khắc in nhầm vào tờ 31 đóng ở phía sau sách. Khi dịch chúng tôi khôi phục đưa lên đây cho đúng vị trí.

tương lai có quan hệ không nhỏ tới việc bang giao của bản quốc. Gần đây Phủ Tôn nhân và Đình thần nhiều lần khuyên xin quả nhân sách lập cho Hoàng tử, quả nhân vẫn còn lưỡng lự vì e Hoàng tử còn non trẻ, nên thận trọng chứ đừng nóng vội. Không ngờ Quí triều đình và Quí chính phủ Bảo hộ cũng đồng ý công nhận. Có được hậu ý ấy chính là vì các Quí Đại thần nước Đại Pháp đã luôn tưởng nhớ tấm lòng đôn hậu của Tiên Hoàng khảo cũng như nghĩ tới tình cảm thân mật hữu hảo của quả nhân đối với nhà nước Đại Pháp, [30b] đồng thời cũng là trù tính trước để duy trì vĩnh viễn lợi ích chung của cả hai nước. Quả nhân thể theo ý của Quí chính phủ Bảo hộ và nguyện vọng của thần dân bản quốc nên mới tiến hành thịnh điển này, giờ lại được Quí Bảo hộ tới chúc mừng khiến quả nhân hết sức vui sướng và bội phần cảm kích. Thái tử đã lãnh nhận ngôi vị và trách nhiệm thì chuyện nâng cao học vấn để mong thành đạt càng trở nên quan trọng. Ít bữa nữa quả nhân đi châu Âu sẽ đem theo Thái tử cùng đi cho lưu học tại đó, may nhờ Quí quốc văn minh dạy dỗ đào tạo nên người để sau này trở về vận dụng vào công việc, thể hiện ra hành vi, thì chủ nghĩa Pháp Việt tương thân sẽ ngày càng được tăng cường. Dựa trên chủ nghĩa này chúng ta cùng nhau cố gắng thì lợi ích của nó chắc chắn chính mắt chúng ta sẽ được nhìn thấy vậy".

Tháng 9, nhân ngày khánh tiết mừng Vạn thọ, Quí Khâm sứ Đại thần vào triều chúc mừng. Vua chúc đáp lại đại lược rằng:

"Hôm nay là ngày sinh nhật của quả nhân. Quí Đại thần đã đến dâng lời chúc, đồng thời lại thay mặt chuyển tới lời chúc mừng của Quí Giám quốc Điện hạ, các quan viên trong Quí chính phủ, Quí Thuộc địa Thượng thư, Quí Toàn quyền Đại thần, cùng quan dân Quí quốc, lời ý rất thắm thiết, khiến quả nhân vô cùng cảm kích khâm phục. Những ngày quả nhân sang châu Âu đã

được các Quí Đại thần giúp đỡ chu đáo. Khi tới Quí quốc lại được Quí chính phủ [21b] cùng dân chúng đón tiếp long trọng với tình cảm nồng hậu, chứng tỏ rằng mọi người ai ai cũng đồng tình ủng hộ cho chủ nghĩa Pháp Việt tương thân. Vả lại, trong thời gian bốn năm chiến tranh ở châu Âu, nhân dân hai nước Pháp - Việt đã cùng chung nỗi lo buồn với nhau, đúng như lời của Quí Đại thần đã nói là như đôi vợ chồng trong cơn hoạn nạn. Cùng chung lo buồn tất sẽ cùng chung yên vui. Quả nhân đã thân hành sang Quí quốc, tận mắt nhìn vào quang cảnh thì thật đúng là Quí quốc đang sống những ngày yên vui. Và quả nhân cũng biết chắc rằng nhà nước Bảo hộ tất sẽ cố gắng hết sức hỗ trợ cho quả nhân tạo ra hạnh phúc cho dân chúng nước Nam, để chủ nghĩa Pháp Việt tương thân đạt tới mức hoàn mĩ, và nhờ thế mà nhân dân bản quốc cũng sẽ được hưởng phúc yên vui lợi lạc. Đó chính là sở nguyện của quả nhân vậy v.v...".

Phụ chép: Chúc từ của Quí Khâm sứ Đại thần. Đại ý rằng:

"Xưa nay chúc từ tiến dâng lên vua đều phải tuân theo điển lễ của triều đình. [22a] Nhưng hôm nay bổn chức dâng lời chúc là xuất phát từ trong tấm lòng. Hoàng đế đã ngự giá sang triều đình Pháp hẳn đã thấu hiểu tình cảm và ý nghĩ của chính phủ và nhân dân Đại Pháp. Chính sách nhân từ, mưu lược vĩ đại của Đại Pháp, thiết tưởng Hoàng đế cũng đã xét biết về mặt tinh thần. Còn bổn chức thì biết chắc rằng cái tình và ý ấy đã được Hoàng đế in sâu vào trong đầu não; Và bổn chức cũng lại biết chắc rằng với chuyến Âu du của Hoàng đế, dân chúng của tệ quốc ai cũng đều cảm thấy một niềm kính phục và sẽ ghi nhớ mãi không bao giờ quên. Hôm nay tại điện Thái Hòa này, được thấy Hoàng đế ngự trên ngôi báu [22b] mà các bậc Tiên thánh lưu truyền lại, thì lại hồi ức tới những ngày Hoàng đế đi thăm những cung điện của các vua Pháp cũng như biết bao di tích vĩ đại khác ở tệ quốc mà không biết trăm năm sau có còn giữ được những điện cổ

trang sức huy hoàng lộng lẫy tinh xảo để mà tiếp đón những cuộc đại giá uy nghi như thế nữa không. Lúc đó giữa hàng văn võ xếp hàng hầu đón Hoàng đế giáng lâm, thực có khác gì nghi vệ dành cho các bậc Thiên tử La Mã ngày xưa, nó đem lại cho người ta xiết bao cảm xúc. Hôm nay, điều mà bổn chức giãi bày ở đây, không phải là tô vẽ thêm cho những thắng cảnh cổ tích đẹp đẽ, [23a] mà chính là muốn nói chuyến ngự giá của Hoàng đế lần ấy đã trở thành sợi dây kết nối tình tình của hai bên chúng ta. Khảo cứu trong sách *Hoàng Việt luật lệ* thì thấy có điều luật qui định rằng, phàm là vợ chồng đã cùng chịu tang chung 3 năm thì không được li hôn. Thế có nghĩa là đã cùng chung lo buồn thì quyết không bao giờ xa lìa nhau được nữa. Pháp Việt trong vòng bốn năm cũng đã cùng chung lo buồn như vậy, nối liền nhau bằng hơi thở để cùng gánh vác những công việc gian khó nặng nề giữa muôn trùng rừng súng mưa đạn. Đó chính là thời kì đã gắn kết giao tình giữa hai nước với nhau. Và chuyến đi Tây của Hoàng đế chính là để hoàn thành cuộc hôn nhân đó của hai nước. Bổn chức cũng muốn nói thêm rằng, cuộc hôn phối giữa hai nước chính là mối lương duyên thuộc về cả hai bên cùng thuận tình ưng ý. Hoàng đế dường như đã chăng ra trăm sợ dây tơ buộc chặt tấm lòng tín nghĩa vào với lượng khoan hồng của nước Pháp, [23b] mà từ đó kế tiếp nẩy nở ra một Đông cung Hoàng Thái tử đang sắp trưởng thành. Bổn chức trộm mong muốn rằng các nhà lịch sử An Nam sau này sẽ viết riêng một quyển sách chép về lịch sử của Hoàng Thái tử, cũng giống như Xanh Suy Mông Tiên sinh đã chép về Hoàng Thái tử Công tước Bô Côn rằng "Hoàng Thái tử đã suy nghĩ thấu đáo về phận sự của mình, cũng như suy nghĩ sâu sắc về đại nghĩa của các bề tôi để sau này lãnh nhận trách nhiệm của một ông chủ". Sự chào đón nhiệt tình và giao tiếp thân mật ngày nào tại nước Pháp chính là mối dây liên kết cho quan hệ chặt chẽ hòa hiếu trong tương lai. [24a] Và khi Hoàng gia cũng như Hoàng đế có được một kết quả mĩ mãn, thì

hạnh phúc của An Nam cũng nhân đó mà ngày thêm tấn tới. Tấm lòng nhiệt thành mưu cầu cho đất nước của Hoàng đế cùng với chính sách khoan hòa của nhà Bảo hộ sẽ đem lại cuộc sống an cư lạc nghiệp cho dân chúng. Thiết tưởng đó chính là điều mà quốc dân đều rất hâm mộ vậy".

Nhân ngày sinh nhật của Đông cung Hoàng Thái tử nhận được thư chúc mừng của Khâm sứ Đại thần. Thư đại ý viết rằng: Ngày sinh nhật này lại cũng trùng với ngày nước Pháp kí kết hiệp ước đầu hàng, đó thực là điềm đại cát. [24b] Nhân dịp này Quí Đại thần với một tình cảm bạn bè thân ái xin được kính chúc Đông cung Hoàng Thái tử Điện hạ sắp xếp cuộc sống, tích góp phúc lành để đức nghiệp ngày thêm tấn tới v.v... Viện thần đem thư tâu lên. Vua phê rằng:

"Trẫm vô cùng cảm tạ thịnh tình của Quí Khâm sứ Đại thần. Truyền Viện thần viết thư phúc đáp cho Quí Đại thần biết".

[21a] Vua phê bảo Thị thần rằng:

"Từ nay trở đi, hễ vào những dịp lễ tiết mà phía Bảo hộ có tới chúc mừng thì nên thương lượng với họ cho xem trước lời chúc để biết ý họ chúc thế nào rồi mới soạn đáp từ, bởi nếu không, người ta chúc một đằng, mình lại đáp một nẻo, thì thực chẳng ra thế nào cả".

[25a] Chia buồn

Năm Khải Định thứ 3 [1918]. Tháng 6, Nguyên Toàn quyền Văn võ Hô Lăng[1] tử trận. Sai viết thư sang chia buồn. Đại ý viết:

"Đại thần là người tài năng sáng suốt, đã từng sang nhậm chức ở đất này, khiến dân chúng bản địa được đội ơn rất nhiều. Vừa nghe tin đất nước có nguy biến, lập tức xin về nước, xông pha lên phía trước hàng lính, liên tiếp lập kì công, danh tiếng lẫy

---

[1] *Hô Lăng*: phiên âm tên tiếng Pháp Van Vollenhoven.

lừng trước tai mắt mọi người. Đương khi trổ tài thao lược, mong sớm đem về chiến thắng để lại tiếp tục thi thố tài năng kinh tế góp phần vào vun đắp quan hệ bạn bè, ngờ đâu vừa nghe được tin giặc đầu hàng thì cáo phó Đại thần cũng liền chợt đến. Thần dân bản quốc đều vô cùng đau xót. Cả gia đình anh em của Đại thần đều đã quên mình vì nước [25b], hi sinh mà rất vẻ vang, khiến mọi người ai cũng đều kính trọng ngưỡng mộ. Kính mong Quí Đại thần chuyển đạt thư này tới Quí Toàn quyền Đại thần và gia quyến, bạn bè của ngài Đại thần Hô Lăng được biết v.v...".

Năm Khải Định thứ 6 [1921]. Tháng 6, Nguyên Khâm sứ Đại thần Sa Lê báo tin buồn cáo phó thân phụ của ngài đã qua đời tại thành Li Âm[1], hưởng thọ 87 tuổi. Sai Viện thần Viện Cơ mật viết thư chia buồn vì tình nghĩa ngày trước. Sau đó viên Đại thần ấy đã viết thư cảm tạ, đại ý nói hồi nọ cha của ông qua đời, được Viện thần vâng mệnh viết thư sang chia buồn. Đương trong lúc đau buồn thì nhận được tình cảm thân ái đó, [26a] nên bà mẹ của ông và bản thân ông vô cùng cảm kích đội ơn thịnh tình của Hoàng thượng v.v...

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 3, vua lâm triều, phán bảo Thị thần rằng:

"Nguyên Toàn quyền Đại thần Phô Lô vừa qua đời, thọ 63 tuổi mà không có con cái. Hồi Tiên đế đang tại vị, viên Đại thần ấy đã từng giúp đỡ bảo vệ đem lại rất nhiều quyền lợi cho quốc gia, lại cho tu chỉnh các điện đài. [26b] Năm trước điện Ngưng Hi được cấp thêm mỗi năm 1000 đồng cũng là nhờ có sự tán trợ của ngài. Mà ông ấy cũng rất hợp ý với ngài Lê Na. Trẫm đang định sang Tây chuyến này sẽ gặp gỡ riêng với viên Đại thần ấy, không may ông ấy lại đã qua đời, thực đáng tiếc vô cùng".

---

[1] *Li âm*: phiên âm địa danh Lyon.

Tháng 12, Toàn quyền Đại thần Long bị ốm mà qua đời tại Cô Lâm Bô. Sai Viện Cơ mật gửi lời chia buồn, đại ý viết:

"Người có sự nghiệp vĩ đại thì ân đức tất cao dày, tình nghĩa chân thành thì niềm nhớ thương càng tha thiết. Ôi một con người gồm đủ sự nghiệp lớn, tình nghĩa sâu ấy mới qua một ngày mà bỗng đã thành người thiên cổ lẽ nào không lưu lại cho mọi người niềm đau xót tình nhớ thương sâu sắc hay sao. Ngài Đông Pháp Toàn quyền Đại thần Long của chúng ta vâng mệnh sang Đông Dương được hơn hai năm, [27a] bằng chính kiến của mình đã triển khai thực hiện chính sách bảo hộ với mục đích lấy phát triển mở mang thuộc địa làm thứ chủ nghĩa hàng đầu và tình hữu ái với nước Nam ta lại càng thêm chặt chẽ. Trong mấy năm ấy mọi việc do ngài vạch ra thi hành đều nhằm mưu cầu lợi ích, giữ gìn trật tự cho dân ta, mối quan hệ tình cảm giữa hai nước trở nên khăng khít. Đại thần quả đã không phụ trách nhiệm là đại diện cho Quí Đại Pháp nhân từ quảng đại. Tháng tư năm nay Hoàng đế của tệ quốc ngự giá sang Quí Triều đình, mọi việc đều được Quí Đại thần bàn bạc sắp đặt sẵn từ trước. Đến tháng 6 trở về, Quí Đại thần lại tham gia bàn định thi hành. Suốt hai tháng tại Quí Triều đình, trong mọi điều khoản thương thuyết, Quí Đại thần đều hết lòng vì tệ quốc mà mưu tính duy trì lâu dài vĩnh viễn. [27b] Tệ quốc còn đang hàng ngày ngóng chờ Quí Đại thần sang để giúp đỡ cho Hoàng đế của tệ quốc thực hiện chính sách khoan hồng nhằm đáp ứng kì vọng của dân chúng, hoàn thành đại nghĩa dắt tay cùng tiến của hai nước chúng ta, có ngờ đâu, tin mừng ngài trở lại vừa mới được hay, thì cáo phó vĩnh biệt lại liền chợt đến. Hỡi ôi, đỉnh đồi Cô Lâm Phô chính nơi Hoàng đế của tệ quốc vừa rồi tới viếng thăm, cảnh non xanh biếc nước long lanh mà thấy vui con mắt khoan khoái trong lòng, ai ngờ đâu cảnh ấy

giờ đây vì Quí Đại thần mà gió đìu hiu mưa lay lắt làm rầu con mắt thống thiết cõi lòng. Bâng khuâng buồn ngóng về phía bờ bên kia đại dương, nhớ khi Hoàng đế tệ quốc sang Tây Quí Đại thần đích thân ra đón; [28a] đến lúc Hoàng đế tệ quốc trở về Quí Đại thần lại thân hành tiễn đưa. Bao nỗi niềm trong chuyến đi ấy vẫn còn bàng hoàng trong quá khứ, thế mà Quí Đại thần đã bỏ nơi ấy ra đi, khiến cho tệ quốc niềm trông ngóng trùng phùng thì vẫn còn đây mà ngày gặp lại đã không bao giờ tới nữa. Hỡi ôi con người hoàn mĩ ấy! Có ai về trời Tây cho gửi theo làn gió mấy lời bày tỏ niềm cảm khái xót thương. Xin được chia sẻ nỗi bi thương này và bày tỏ nỗi niềm tâm tư của tệ quốc cùng Quí gia quyến. Hương hồn ngài dưới suối vàng có biết xin soi xét cho".

[29a] **Nhu viễn** (Quan hệ hòa hiếu với nước ở phương xa)

Năm Khải Định thứ 2 [1917]. Tháng 3, vua nước Ai Lao sang chầu, ban yến tại lầu Kiến Trung. Vua lại phê rằng:

"Tháng 3 năm Khải Định thứ 2, Quốc vương nước Ai Lao sang chầu, thiết yến khoản đãi tại lầu Kiến Trung, nhân nhớ lại lúc còn chưa lên ngôi tới Gia Định chơi gặp gỡ Quốc vương nói chuyện với nhau rất hợp. Nay gặp lại rất vui mừng, có làm bài thơ rằng:

Can vũ hà tằng vũ Thuấn giai,
Văn phong như cách Hữu Miêu lai.
Bang giao tân chủ phu lân nghị,
[29b] Lễ hợp quân thần úy viễn hoài.
Tam thập niên dư tỉnh thế mộng,
Cửu trùng lâu hạ túy xuân bôi.
Long thành do kí tao phùng nhật,
Quả hiệp đương thời nhất ngộ thai.

Dịch nghĩa:

Khi đội văn đội võ còn chưa múa trước thềm vua Nghiêu[1],
Nghe tin hình như ngài từ nước Hữu Miêu trở về.
Vì chuyện bang giao nên chủ phải đi tiếp khách
để giữ tình hữu nghị,

(Nguyên chú: Vì đang tiếp Quí Khâm sứ Đại thần Sa Lê tới yết kiến)

Dùng lễ quân thần để đón tiếp an ủi nước nhỏ ở xa.
Hơn ba chục năm đã đủ để tỉnh giấc mộng đời,

(Nguyên chú: Gần đây nghe nói Quốc vương cũng trải qua nhiều năm lận đận đến giờ mới được yênKhánh Mĩ tử ổn)

Để ngồi trong lầu bên dưới điện
say sưa uống chén rượu xuân.
Lên ngôi rồi vẫn còn nhớ vào cái buổi gặp nhau lần ấy,
Quả đúng như lời tiên đoán lúc bấy giờ.

(Nguyên chú: Ngày ấy trẫm gặp Quốc vương cùng nhau chuyện trò, Vương cũng đã đoán rằng trẫm rồi sẽ có được ngày hôm nay)

Năm Khải Định thứ 4 [1919]. Tháng 2, Hoàng thân nước Xiêm La vào bệ yết. Chuẩn tặng cho một chiếc Kim khánh. Sắc thư đại ý viết:

"Quí tước là người thuộc Hoàng tộc, vốn thông minh sáng suốt, nay đi chơi qua Kinh đô. Hôm qua vào yết kiến, thái độ chân thực thành kính, trẫm rất khen ngợi. Chuẩn tặng cho một chiếc Kim khánh hạng nhất cùng với dây đeo".[2]

[20a] Mùa thu, tháng 7, vua lâm triều, phán bảo Thị thần rằng:

"Trong cách xưng hô, như nước Cao Man nên đổi gọi lại là Cao

---

[1] Câu này ý nói khi còn chưa lên ngôi vua.

[2] Đoạn tiếp theo dưới đây trong nguyên bản bị khắc và đóng nhầm vào tờ 20. Khi dịch chúng tôi đã đưa xuống đây cho đúng vị trí.

Miên là cách đối xử tôn trọng nước ấy trong thời đại văn minh".

Sau đó Khâm thiên giám tâu xin đổi các chữ *man* ở trong lịch hiệp kỉ thành chữ *miên*. Vua chấp thuận cho.

Năm Khải Định thứ 7 [1922]. Tháng 6, [20b] chuẩn tặng cho Giáo hoàng La Mã một chiếc Ngọc khánh kỉ niệm. Sắc thư đại lược viết:

"Giáo hoàng là chủ của một tôn giáo, dân bản quốc có rất nhiều người tín mộ. Nay quả nhân giá ngự sang triều đình Đại Pháp để bày tỏ tình hữu hảo ngày trước. Quan Đại thần đi theo hộ giá là Đông các Đại học sĩ, Phúc Môn bá Nguyễn Hữu Bài có xin phép được sang Quí thành để chiêm bái Thánh tích, nhân đó đặc biệt ủy mệnh mang sang tặng cho Giáo hoàng một chiếc Ngọc khánh hạng cực đại cùng với dây đeo làm kỉ niệm để bày tỏ tấm tình".

Tháng 9, Quốc vương nước A Mi Xuy Nê cung tiến một đôi sư tử non. Vua phê rằng:

"Truyền Viện thần xin với Quí Khâm sứ Đại thần đánh điện cho Toàn quyền Đại thần Di Bô Tì chuyển hộ lời phúc đáp tới Hoàng tử xứ ấy được biết, nói rằng Quí Điện hạ có lòng nhiệt thành từ nơi xa xôi vẫn nghĩ tới chúng tôi, [31a][1] lại không tiếc mà đem tặng cho thứ sản vật đặc sản nổi tiếng của quí bang, quả nhân chân thành cám ơn thịnh tình của Điện hạ và hảo ý của Quí Khâm sai Đại thần vô cùng. Cũng có một vật nhỏ mọn, xin được gửi thư riêng nói rõ sau. Từ xa xin chúc Quí Điện hạ ngày thêm mạnh khỏe sáng suốt".

Tháng 11, vua lại phê rằng:

---

[1] Đoạn văn từ chỗ này cho đến hết tờ [31b] trên nguyên bản đã in và đóng nhầm xuống tờ cuối cùng của quyển sách. Khi dịch đã khôi phục lại đưa vào đây cho hoàn chỉnh nội dung.

"Quốc vương nước A Mi Xuy Nê ở xa có gửi tặng một đôi sư tử non, đặt cho tên gọi là Ngũ phong sư và Thập vũ sư, đem nuôi nay đã thuần, vui mừng có làm bài thơ rằng:

Đức chính cung tu vị xứng hoài,
An tri thụy vật viễn phương lai.
Hổ đầu ngưu vĩ hành như điện,
Lân trạng hùng thân hống nhược lôi.
Loại đắc sơn linh siêu dị loại,
Tài suy thú trưởng chế quần tài.
[31b] Ngô bang chân sản kim tài kiến,
Xuân vũ hành đương vãn thái hồi".

Dịch nghĩa:

Chính sự sửa sang còn đương khi chưa được xứng ý,
Ai ngờ lại có được con vật thiêng từ nơi xa gửi đến.
Đầu hổ đuôi trâu chạy nhanh như chớp,
Dáng lân thân gấu tiếng gầm vang như sấm.
Là giống linh thiêng chốn rừng núi
vượt lên trên các loài khác,
Được suy tôn là vua loài thú chế ngự các con vật tài giỏi.
Xem trong những giống vật nước ta
thì bây giờ mới được thấy loài thú này,
Xuân về trong vũ trụ cảnh thái bình đang trở về.

SÁCH DẪN

A

A Mi Xuy Nê 519
An Di (tàu) 483
An Định(cung) 267
An Hóa công 307, 308, 310
An Lí Sư 232
An Nghĩa Huyện chúa 73
An Thành vương 310, 312, 316, 330, 431
Anh Duệ Hoàng Thái tử 229, 230, 231, 467

B

Bá Đa Lộc 229, 232, 466
Ba Duy Đam 182, 183, 184
Ba Lê 121, 277, 476, 488
Ba Tô 197, 198
Bác Kê 214, 295, 401, 449, 474, 475, 486, 497, 498, 502
Bắc kì Kinh lược sứ 171
Bắc kỳ nhật báo 66
Bạch Thái Bưởi 388
Bạch Xuân Nguyên 331
Bãi Sậy164, ... 165
Bái Thượng 411
Bân Bi 59, 162, 184
Bản quốc cương giới vựng biên 171
Bảo An Quận công 350
Be Tinh 504
Bến Ma 163
Bi Đê 197
Bi Di 191
Bi Nhu Quận công 231
Bi Tì Sô 448
Bi U 189, 191, 195
Bình Chuẩn (tàu) 388
Bình Lê Vi 505
Bô Đoan 492
Bộ Học 432
Bộ Thuộc địa 476
Bôn Bi 279
Bông Miêu (mô vàng) 272
Bột Tốc (tàu) 476
Bùi Ân Niên 91
Bùi Duy Tinh 95
Bùi Hữu Phú 334, 392, 393
Bùi Khánh 380
Bùi Thị Đà 123
Bùi Thức Kiên 74
Bửu Khiêm 310
Bửu Lân công 222
Bửu Phong 313, 315
Bửu Thạch 387, 437
Bửu Tung 307

C

Ca Đô 194
Cam Cát (xứ) 196

Cam Môn (xứ) 196
Cẩm Xuyên Quận vương 309
Cần Chính (điện) 85
Cao Chính Thuyết 29
Cao Man 518
Cao Miên 274, 424, 492, 519
Cao Xuân Dục 139, 327
Cầu Kho 187
Câu Mang (thần) 369
Cầu Son 187
Châu Thị 163
Chiêm tần 309
Chính Mông (nhà) 258
Chính tần 48, 52
Chính Trung (lễ) 228, 230
Chu Đình Kế 75, 140, 162, 188
Chữ húy 432
Chủ sử Lợi 374
Cô Lâm Phô 516
Cơ Lư Miệt 413
cờ Tam tài 439
Cô Tư 182
Côn Đảo 376
Côn Pha 59, 120, 162, 184, 185, 187, 188, 194, 195
Công Nghĩa đường 72
Công nữ Như Cư 306
Công nữ Như Phiên 306
Công nữ Như Quế 306
Công nữ Tú Lộc 73
Công Tăng 191, 193, 194
Công tôn Bửu Diệm 308
Công Tôn Ưng Hiệu 302
Công Tôn Ưng Phương 67
Cửa Lệ 164
Cửa Thuận An 410
Cung Huệ Hoàng đế 67
Cung miếu 367, 368
Cửu giai Tài nhân 265

D

Di Bô Tì 519
Di Cát Lan 476
Di Hí 308
Di Sô 198
Diên Lộc nam 139, 142
Diên Trạch bá 301
Diệp Văn Cường 120
Du Lê Kì Lê 184
Dự tần 48
Dung Kì Di Huy 193
Dương Chính Nghị 134
Dương Lâm 326
Dương Ngạn Địch 466
Dương Quang Chính 301
Dương Quang Hướng 299, 301
Dương Quang Lược 301, 327
Dương Quang Tộ 301
Dương Quang Tử 301
Dương Quang Ý 301
Dưỡng Tâm (điện) 233
Duy Tân 208, 222, 223, 233, 349, 463, 471, 486
Duyệt binh 166

Đ

Đa La Đinh 476
Đại Nam công báo (cục) 170
Đại Nam Hoàng đế chi tỉ 475
Đại Nam hội điển 14, 459

Đại Nam Như ý (trượng) 218
Đại Nam văn uyển thống biên 422, 423
Dân luật 457, 458, 459
Dân sự thương sự tố tụng pháp 457
Đặng Chí 393
Đặng Đức Địch 152
Đặng Ngọc Oanh 429
Đặng Ngọc Oánh 430
Đặng Thái Chương 375
Đặng Thị Hối 121
Đặng Thị Trường 121
Đào Hữu Vân 398, 400
Đào Thụy Thạch 322
Đào Tiến 95, 141, 142, 156, 192
Đào Vân 401
Đê Loa 474
Đề thi sách vấn 416, 420
Địch Long 184
Địch Trung tử 76, 88, 164
Điện Bôn (thành) 467
Điều lệ về Kim khánh, Kim bội 443
Đỗ Hùng 337
Đỗ Thị Ba 121
Đoàn Cháu 378
Đoàn Đình Duyệt 275, 284, 317, 331, 384, 387, 397, 399, 402
Đoàn Như Bích 29
Đoàn Ninh Lăng 385
Đoàn Sâm 400
Đoàn Triển 323
Đoàn Tử Quang 362
Đoàn Văn Hội 52, 87, 140, 162
Đoàn Văn Huệ 144
Đông cung Hoàng Thái tử 9, 213, 215, 216, 217, 465, 479, 502, 513, 514
Đồng Đăng 276
Đồng Khánh thông bảo (tiền) 170
Đông Lạc 26
Đông Pháp 298, 491
Đồng Sĩ Nghi 376
Động Tam Thanh 276
Đông triều Phụ đạo 270
Đồng Vũ 362
Đồng Xuân Công chúa 73

G

Gia Đốc 73
Giai phi 48, 52
Giáo hoàng La Mã 519
Giao tự 32, 127, 131, 251, 254, 259
Giấy Khâm văn 169

H

Hà Văn Long 140
Hà Văn Quan 85, 142
Hách Tô 121, 183, 184, 188, 190, 192, 193, 195, 198, 203
Hải Ninh Quận công 67
Hàm Nghi 470
Hiển Lương (đền) 366
Hiển Lương (miếu) 74
Hiển Lương hầu 272, 273, 320, 321, 322, 330
Hiệu Trung (phường) 258
Hình luật 336, 380, 457, 458, 459
Hình sự tố tụng pháp 457
Hồ Đắc Khải 288, 385, 386, 397

Hồ Đắc Trung..... 12, 20, 265, 275, 317, 325, 331, 341, 342, 387, 506
Hồ Đệ..... 140, 189
Hồ Hinh..... 377, 378
Hô Lăng..... 514
Hồ Lệ..... 91, 140, 172, 178, 179, 187
Hồ Phú Viên..... 452
Hồ Tây..... 378
Hồ Thế Trị..... 337, 338
Hồ Thị Chỉ..... 265
Hóa Khuê Bắc..... 433
Hóa Khuê Đông..... 433
Hoa Nê..... 183
Hòa Sơn..... 433
Hòa Thịnh vương..... 350
Hòa ước chung..... 183
Hoài Ân công..... 311
Hoài Đức công..... 140, 162, 188
Hoài Khâm công..... 223
Hoài Trạch công..... 224
Hoàng Bá Tuy..... 153, 174
Hoàng Cao Khải..... 165
Hoàng Côn..... 317, 320
Hoàng Đại Bỉnh..... 387
Hoàng Hữu Hoàn..... 12, 20, 387
Hoàng Hữu Thường..... 76, 79, 87, 88, 93, 94, 140, 158, 162
Hoàng Hữu Xứng..... 171
Hoàng Huyên..... 380
Hoàng Kiêm..... 387
Hoàng Mạnh Trí..... 321
Hoàng ốc..... 257
Hoàng Quảng Phu..... 334
Hoàng Tá Viêm..76, 88, 153, 164, 165
Hoàng Thái tử sang Tây du học..... 269
Hoàng Thị Cúc..... 264
Hoàng Trọng Kính..... 380
Hoàng Trọng Phu..... 449
Hoàng Tương Hiệp..... 75
Hoàng Văn Khang..... 335, 336
Hoàng Văn Phúc..... 163
Hoàng Vĩ..... 88, 134
Hoàng Việt luật lệ..... 459, 513
Hoàng Xuân Phong..... 165
Học bộ..... 343
Hội đồng Tư vấn Bắc kì..... 454
Hội đồng Tư vấn Trung kì..... 454
Hội Khai trí tiến đức..... 449
Hòn Chén..... 125
Hồng Ban..... 302, 303
Hồng Đà..... 257, 272, 273, 275, 309
Hồng Đề..... 273
Hồng Đĩnh..... 67
Hồng Đóa..... 385
Hồng Hải..... 132, 133
Hồng Hàn..... 311
Hồng Hậu..... 314
Hồng Ích..... 311, 393
Hồng Ngao..... 376
Hồng Phì..... 309
Hồng Sâm..... 67
Hồng Tu..... 67
Hồng Uẩn..... 177
huân chương bội tinh..... 169
huân chương Long tinh..... 440
Huệ Nam (điện)..... 31, 125, 141, 156
Hưng Nhân Quận công..... 310

Huy Quang hầu.....300
Huyền cung Vạn niên.....389

K

Khải Định thần hàn.....475
Khải Định thông bảo (tiền).....435
Khải Tường (lầu) 267, 268
Khâm phái sang Tây.....385, 424
Khánh Mĩ tử..... 265, 275, 317, 325, 331, 340, 341, 372, 387, 486, 487, 496, 497, 506
Khánh niệm Hưng Quốc (lễ) 229, 230, 231
Khánh Vân nam 326
Khe Cây Giang 163
Khe Chử.....163
Khiêm Sơn (thần).....131
Khiếu Năng Tĩnh 324
Khiếu Tam Lã..... 387, 388, 447
khoa thi Hội cuối cùng.....418
Kì Lê Mang Xu 504
Kiên Giang Quận công..... 25, 258
Kiên Huyện công.....71
Kiên Huyện hầu 73
Kiên Quốc công 69
Kiên Thái vương..... 71, 72, 73, 130, 131, 258, 306, 307, 308, 310
Kiên Thái Vương phi.....73
Kiên vương 69, 70, 72
Kim tinh hắc hỏa (ấn) 192
Kỳ Phong Quận công 67

L

La Mô.....506
La Xung 476
Lâm Duy Thiếp.....74
Lâm Tô Bích..... 438
Lao Bảo..... 373, 377, 379
Lê Bá Cử..... 389
Lê Bản..... 378
Lê Ca Liên.....447, 492
Lê Chí Hàm 394
Lê Hoạt 377
Lê Hữu Thường.....85
Lê Liễn,..... 144
Lê Mô Khải..... 165
Lê Na 167, 199, 515
Lê Nhất Hoàn..... 165
Lê Nhữ Lâm.....269, 270
Lê Quang Chỉ..... 140
Lệ Quốc công.....68
Lệ Quốc Phu nhân.....68
Lê Thuận Lí 137, 138
Lê Thuận Phác..... 385
Lê Thuận Vũ..... 137
Lê Thuyết..... 116
Lê Tiến Thông 74
Lê Tố 153
Lê Trinh.....95
Lê Trọng Giám 153
Lê Từ 92
Lê Văn Bách..... 221, 267, 272, 273, 275, 340, 344
Lê Văn Kính.....413, 414
Lê Văn Mẫn 335, 336
Lê Văn Ninh 123
Lê Văn Thí 447
Lê Viết Nghiêm 387
Lê Xuân Hàm 292, 294

Lê Xuân Trân 374
Li Âm (thành phố 515
Lịch đại tổng luận 354
Lộ Mã 463, 486, 507
Loa Di....394, 395
Lợi Nông (kênh) 412, 413
Lư Mô San 495
Lư Ra Đề Ba 448
Lư Sơ 198
Luận Đức hầu 300
Luận ngữ thích nghĩa ca 354
Luật thời Gia Long....461
Lục Hải 276
Lược Tiên Từ....120
Lương Khải Việt 397
Lương Thành 88, 177
Lương Trạch 144
Lương Văn Cảnh 144
Lưu Huy (đền) 73

M

Ma Hi 439
Mã Tại....476
Mai Hữu Dụng 394
Mai thị....48
Mai Văn thị 48
Man Hòe 467
Mĩ Thổ(đồn) 163
Miên Bàng....141
Miên Định 70
Miên Kí....309
Miên Lâm.... 140, 162, 188
Miên Lịch.....:.... 310, 316, 330
Miên Tranh 67
Miên Triện....67
Miên Trinh.... 67, 73
Minh Ân viện....72
Minh Mệnh cung từ 225
Minh Xuyên nam 322, 323
Mông Ghi Du 491

N

Nam Phong 342, 449
Nam Trung ẩn sĩ 84
Nam Trung Ẩn sĩ 325
Nghị Bình hầu 300
Nghi tần....48, 52
Nghi Thiên Chương
Hoàng hậu 235, 313
Ngô Đình Khôi 387
Ngô Thị Trang.... 265
Ngọc Lâm Thái
Trưởng Công chúa 307
Ngọc Sơn Công chúa....307, 308
Ngọc Trản (đền) 125
Ngự giá Bắc tuần.... 417
Ngự giá Bắc tuần....274, 287
Ngự giá sang Tây 19, 465
Ngự giá sang Tây.....246, 263, 269, 283, 484
Ngũ giai Diễm tần.... 266
Ngũ giai Điểm tần....266, 267
Ngũ Hành Sơn 432
Ngũ Thể Tường Vân (động) 276
Ngự tiền chi bảo.... 444, 447, 475
Ngự tiền sắc mệnh 475
Ngự tiền Thông sự.... 273, 325, 327, 387, 398, 498
Người bệnh tưởng (kịch) 449
Nguỵ Quyên 374

Nguyễn Bá Trác.....342
Nguyễn Chính.....75, 97
Nguyễn Chúc.....139
Nguyễn Đăng Tam.....389
Nguyễn Diễm.....70, 307
Nguyễn Diệm.....50
Nguyễn Đình Bách.....400
Nguyễn Đình Chất.....83
Nguyễn Đình Hiến.....387, 397
Nguyễn Đình Hòe.....267, 430
Nguyễn Đình Tân.....68
Nguyễn Đình Tiến.....282
Nguyễn Đình Tựu.....120, 144
Nguyễn Đức Y.....400
Nguyễn Duy Tích.....387
Nguyễn Hiệu.....166
Nguyễn Hoằng.....54, 161
Nguyễn Huề.....187
Nguyễn Hữu Bài.....272, 275, 284, 317, 318, 329, 330, 340, 384, 387, 411, 519
Nguyễn Hữu Chuyên.....387
Nguyễn Hữu Đảng.....95
Nguyễn Hữu Dật.....78
Nguyễn Hữu Độ.....41, 49, 50, 54, 57, 63, 73, 74, 75, 78, 79, 82, 83, 84, 86, 88, 120, 122, 139, 141, 153, 156, 158, 161, 163, 174, 183, 184, 189, 299
Nguyễn Hữu Huy.....300
Nguyễn Hữu Khanh.....335
Nguyễn Hữu Kính.....78
Nguyễn Hữu Lang.....78
Nguyễn Hữu Luận.....300
Nguyễn Hữu Nghị.....300
Nguyễn Hữu Quang.....144
Nguyễn Hữu Thận.....83
Nguyễn Hữu thị.....48, 50, 52, 310
Nguyễn Hữu Thu.....361
Nguyễn Hữu Thư.....452
Nguyễn Hữu Tí.....324, 335, 345, 387
Nguyễn Hữu Tiến.....221, 273, 308
Nguyễn Huy Nhụ.....293
Nguyễn Khoa Tân.....387
Nguyễn Liên.....165
Nguyễn Lượng.....120
Nguyễn Như Cung.....362
Nguyễn Phạm Tuân.....163
Nguyễn Phúc Môn.....385
Nguyễn Thân.....78, 89, 95, 139, 142, 166
Nguyễn Thành Ý.....75
Nguyễn Thị Điển.....135
Nguyễn Thị Đinh Liên.....266, 267
Nguyễn Thị Giản.....123
Nguyễn Thị Mĩ.....301
Nguyễn Thị Thừa.....123
Nguyễn Thiện.....197
Nguyễn Thuật.....89, 96, 125, 140, 144, 158, 162, 183, 192
Nguyễn Thúc Doanh.....387, 397
Nguyễn Tiến Tăng.....144
Nguyễn Toại.....292, 293
Nguyễn Tri Kiểm.....387
Nguyễn Tri Phương.....74
Nguyễn Trọng Hợp.....76, 77, 81, 86, 93, 94, 165, 316
Nguyễn Trọng Tạo.....84
Nguyễn Trung.....178, 179

Nguyễn Tư Giản 74
Nguyễn Tuy 154, 155
Nguyễn Văn Cẩn 410
Nguyễn Văn Chấn 232, 467, 468
Nguyễn Văn Dụ 31
Nguyễn Văn Hiền 361, 385, 388, 397, 413, 424, 425, 447
Nguyễn Văn Hổ 362
Nguyễn Văn Hữu ... 83, 129, 140, 161
Nguyễn Văn Lẫm 123
Nguyễn Văn Lệ 134
Nguyễn Văn Phúc 388
Nguyễn Văn Thắng 232, 467, 468
Nguyễn Văn thị 48, 437
Nguyễn Văn Thiện 65
Nguyễn Văn Toản 132
Nguyễn Văn Tường 67, 70, 145, 181, 470
Nguyễn Văn Vân 153
Nguyễn Vĩ 140
Nha Điền nông 156
nhà máy tơ 276
Nhất giai Ân phi 265, 266
Nhất giai Quí phi 307
Nhật kí sang Tây 484
Nhật Thành (lầu) 32
Nho Pha 506
Nô Răng Khiết Mô 429
núi Kì Lừa 276

P

Phả Lại tử 78
Phạm Bá Phổ 397
Phạm Đăng 387
Phạm Đức Chung 379
Phạm Hoàn 20, 273, 339
Phạm Hữu Dụng, ... 140
Phạm Liêm 143, 148, 165, 190
Phạm Liêu 461
Phạm Ngọc Côn 140
Phạm Ngọc Tăn 115
Phạm Phú Lâm 146, 147, 148
Phạm Thế Năng 387
Phạm Thị Hoài 266
Phạm Thị Ngãi 123
Phạm Tường 178
Phạm Văn Châu 362
Phạm Văn Duyệt 449
Phạm Văn Khoa 165
Phạm Văn Phi 390
Phạm Viên 12, 387
Phan Đình Bình 73, 82, 150
Phan Kế Toại 337
Phan Khuyên 401
Phan Liêm 134, 148, 149, 165, 166, 190
Phan Như Diêu 398
Phan Thanh Giản 74, 353
Phan Thế Đình 121
Phan Văn thị 47
Pháp viện biên chế 457
Phát Tường tử 301
Phế đế 174
Phô Lô 515
Phô Sơ 503
Phù Nghĩa tử 82, 149
Phủ Phụ chính 331, 431
Phù Quang bá 272, 273, 275, 317, 323, 339, 488

Phù Quang Bá 487
Phú Xuân 26, 66
Phú Xuân (xã) 61
Phục Lễ Công chúa 73
Phúc Môn bá 275, 317, 318, 329, 335, 340, 387, 490, 492, 519
Phúc Môn tử 272, 273, 384
Phùng Thuân 139

Q

Quán phi 48, 51, 309
Quỳnh Quốc công 67

S

Sa Lê 210, 320, 464, 476, 487, 495, 496, 505, 515, 518
Sa Lộ 274, 275, 279, 296, 358, 386, 439, 460, 476, 480, 483, 485, 486, 488, 489, 490, 491, 492, 500, 510
Sài Gòn 476, 488, 490, 496
Sam Bô 182
Sinh Bích 182
Sinh từ của Vĩnh Quốc công 276
Sở Hội nghị Thương nghiệp Bắc kì 276
Sở Lục lộ Hà Trai 275
Sô Mi 156
Sở Phiên dịch 423
Sở Phúc Môn 276

T

Tạ Thúc Dĩnh 65, 77, 91, 95, 197
Tam giai Huệ tần 264, 266
Tân thế giới 63
Tăng Duệ Hoàng Thái tử 70
Tập Tự hầu 301
Tế Nam công 505, 506
Tên Bản 377, 379
Tên Bốn 136
Tên Cát 293
Tên Cháu 377, 378, 379
Tên Dược 394, 396
Tên Hoàng 136
Tên Khang 377, 378, 379
Tên Lâm 292, 293
Tên Mộc 377, 378, 379
Tên Sử 377
Tên Tuế 377
Tên Ước 132
Tên Xước 373
Thái Bình (lầu) 144
Thái Bình (lầu) 233
Thái phi họ Bùi 258
Thái Tần 362
Thái Văn Toản 327, 387, 398, 498
Thân Trọng Huề 341, 343, 344
Thanh Đàm (xã) 70
Thanh Hà (thư lâu) 233
Thành Thái 67, 222, 223, 233, 246, 302, 368, 471
Thất giai Quí nhân 265
Thể lệ về thẻ bài ngà 450
thị Hiên 374, 380
Thị Hiên 374
Thị Nghiễm 380, 381
Thiên long (kiếm) 217
Thiện phi 68, 258
Thiên Thành (cục) 72
Thơ văn Thánh chế 34
Thọ Xuân vương 70

Thỏa thuận về mỏ....183
Thống quản Thị vệ Đại thần....344
Thuận Thiên Cao Hoàng hậu....235
Thực lục....174
Thực lục triều Thành Thái, Duy Tân....440
thuế tổ yến....433
Thụy Nguyên Quận vương....67, 368
Thụy Quốc công....67, 174
ti Tân Hưng....432
Tiết Sô....338, 448, 454, 496, 497, 501
Tín Uy tử....323
Tĩnh Quốc công....78
Tĩnh Tâm (hồ)....33
Tô Huân....174
Toàn quyền Bô....507
Toàn quyền Long....296, 465, 476, 483, 491, 516
Tôn chánh....162, 312, 330
Tôn nhân lệnh....312
Tôn Thất Bá....67, 140, 161
Tôn Thất Chất....376
Tôn Thất Chử....387
Tôn Thất Đạm....97
Tôn Thất Đàn....387
Tôn Thất Hối....393
Tôn Thất Hợp....74
Tôn Thất Lã....133
Tôn Thất Phiên....52, 71, 87, 88, 91, 94, 95, 98
Tôn Thất Thế....140, 162
Tôn Thất Thuyết....56, 145, 181, 470
Tôn Thất Tố....9, 230, 272, 275, 317, 323, 330, 339, 355, 373, 383, 410, 411, 412
Tôn Thất Trạm....290, 315
Tôn Thất Úy....133
Tôn Thất Uyển....332, 393
Tôn Thất Vịnh....90, 94, 97
Tôn Thất Xuân....453
Trần Bá Lộc....166
Trấn Bình (đài)....187
Trần Cao Vân....373
Trần Đăng thị....47, 265, 309
Trần Đình....144
Trần Đình Bách....343, 387
Trần Đình Túc....353
Trần Doãn Khanh....154, 155
Trần Dụng....373
Trần Hữu Khác....92
Trần Khang....378
Trần Lục....83
Trần Lưu Huệ....98
Trần Nho....380
Trần Quang Hanh....122
Trần Quang Khải....438
Trần Quang Trinh....394
Trần Sán....178, 179
Trần Soạn....377, 378
Trần Tiễn Hối....322
Trần Trực....377
Trần Văn Nhĩ....121
Trần Văn thị....48
Trần Văn Thống....395, 396, 397
Trần Xưng....377
Trang Ý Hoàng Thái hậu....46
triển lãm Nông Công Thương....276
Triều đình lập tín (ấn)....193
Triệu Phong Quận công....67

Triều Sơn (xã) 67
Trịnh Văn Hóa.....123
Trịnh Văn Hòa.....362
Trịnh Văn Thái.....95
Trịnh Văn thị.....48
Trung Nghĩa (đền).....366
Trường Bác cổ Đông Dương.....276
Trương Công Định.....468
Trường Đại Pháp Viễn Đông.....482
Trương Đĩnh.....144
Trương Đình Tùng.....400
Trương Như Cương 90, 272, 316, 317, 320, 321, 322, 330
Trương Quang Nhạ.....380, 382
Trương Thỉnh 362
Trương Vĩnh Kí 84, 325
Truy Tư (điện).....72
Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu 28, 37, 38, 43, 100
Từ Dũ. Hoàng Thái hậu 27
Tự Đức Thánh chế
Luận ngữ thích nghĩa ca 360
Tự Đức Thánh chế thi tam tập.....35
Tự Đức Thánh chế thi văn 33
Tự Đức Thánh chế văn tam tập 35
Tứ giai Du tần 266
Tự học diễn nghĩa.....354
Tư Lăng 257, 259, 263, 264, 385
Từ Thiệp.....292, 387
Tuân Quốc công 437
Tùng Lãi 315
Tùng Thiện Quận công.....309
Tùng Thiện Quận vương 309
Tường Phủ Cam (nhà thờ).....232
Tuy Lí công.....67, 73
Tuy Lí vương 67
Tuy Lý Huyện công.....67

U

Ưng Ân.....387
Ưng Bàng 314
Ưng Đăng.....70, 71
Ưng Đệ 380
Ưng Đĩnh.....376
Ưng Doanh 376, 387, 395, 430, 461
Ưng Đồng 387
Ưng Hào 313, 314, 387, 394
Ưng Huy 312, 314
Ưng Lịch.....70
Ưng Mạnh.....350, 351
Ưng Ngoạn 350, 351
Ưng Phong.....73
Ưng Sách.....437
Ưng Thiệu 398, 400, 401
Ưng Tựu 376

V

Văn bia lăng Trường Nguyên 276
văn bia Tư Lăng.....257
Văn lí mật sát.....475
Vạn Niên (sở).....389
Vạn Niên Thiên Thành (cục) 73
Vạn Sơn (phường) 73
Văn Xá (xã).....70
Vi An.....189
Viện Cổ học 423
Viện Cơ mật.....331, 431
Viên đàn.....131, 253, 255, 256
Việt sử cương mục.....158

Việt sử tổng vịnh 354
Vĩnh An hầu 78
Vĩnh Lại bá 82
Vĩnh Lại hầu 139
Vĩnh Lại Quận công 78, 299
Vĩnh San 222, 224
Vĩnh Thụy 213, 214, 215, 216, 218, 221, 267, 465, 474, 479
Vũ Đức Hậu 178
Vũ Khoa 80, 165
Vũ Liêm 343, 430
Vũ Như 152
Vũ Thị Dung 266
Vũ Trọng Bình 75
Vũ Văn Kiểm 275, 393
Vũ Văn thị Đông 310
Vũ Xuân Cẩn 68
Vương mệnh bài 475
Vương Tứ Đại 387, 397

X

Xa Sa 320
Xanh Sô Phi 501
xứ Cù 415
xứ Hà Tế 411
xứ Thị Vệ 258
Xuất đế 174
xưởng thợ Hải Vân 63
Xuyên Quốc công 141

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 5

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU

QUYỂN THỦ

Tập tâu của Nội các 9
Lời phê của nhà vua 12
Biểu dâng sách 13
Phàm lệ 17
Bản kê tên và chức hàm các quan trong Hội đồng biên tập 20

ĐỒNG KHÁNH CHÍNH YẾU

QUYỂN I

Chính thống 25
Kính thiên 28
Noi theo tổ tiên 32
Hiếu trị 36
Gia pháp 47

QUYỂN II

Cần chính 53
Ái dân 60
Đôn thân 67
Thể thần 73

QUYỂN III

Dụng nhân 82
Huấn sắc 99

Giáo hoá.....113
Chính tục (Phụ).....121

QUYỂN IV

Túc lễ.....124
Thận hình.....132
Gia thưởng.....139
Minh phạt.....145

QUYỂN V

Cầu ngôn.....152
Trọng nông.....154
Văn trị.....157
Võ công.....159
Thể chế.....168

QUYỂN VI

Bang giao.....181

KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU SƠ TẬP

QUYỂN I

Chính thống.....207
Kính thiên.....219
Noi theo tổ tiên.....222

QUYỂN II

Hiếu trị.....234
Gia pháp.....264

QUYỂN III

Cần chính.....271
Yêu dân.....284

QUYỂN IV

Đôn thân 299
Thể thần 316

QUYỂN V

Dụng nhân 330
Huấn sắc 346
Giáo hóa 354
Chính tục (Phụ) 361

QUYỂN VI

Túc lễ 367
Thận hình 373
Gia thưởng 383
Minh phạt 392

QUYỂN VII

Cầu ngôn 403
Trọng nông 410
Văn trị 416
Võ công 424

QUYỂN VIII

Thể chế 431

QUYỂN IX

Bang giao (Thượng) 463

QUYỂN X

Bang giao (Hạ) 495
Sách dẫn 521

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15, Mỹ Đình 1 - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.62872630

ĐỒNG KHÁNH, KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC

Biên tập:	Nguyên Thắng
Vẽ bìa:	Hải Nam
Trình bày:	Đông Tây
Sửa bản in:	Thu Trang

In 1.500 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Công ty in Sông Lam
Số đăng kí KHXB: 1066-2009/CXB/04-22/TĐ cấp ngày 17/12/2009
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2010.



KỈ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

* ĐẠI VIỆT SỬ KÍ TOÀN THƯ
* VIÊM GIAO TRUNG CỔ KÍ
* CÁC NHÀ VĂN GIẢI NOBEL
* CÁC NHÀ VĂN THỤY ĐIỂN GIẢI NOBEL
* TUYỂN TẬP KỊCH SCHILLER
* QUO VADIS
* HỢP TUYỂN VĂN HỌC NHẬT BẢN
* ĐÔNG CHU LIỆT QUỐC
* CẢNH THẾ THÔNG NGÔN
* SỬ KÍ THANH HOA
* NHỮNG CÂU CHUYỆN VĂN NHÂN TÀI TỬ TRUNG HOA
* TẠP CHÍ SÔNG HƯƠNG (Bộ sưu tập)

hành: Nhà sách Đông Tây - 34 Trần Quý Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội; 30B Bà Triệu - Hà Nội
viên Café Đông Tây: Nhà N11A, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội.
Hà Nội - 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ax: 04.37733041 - Email: sachdongtay@gmail.com - Website: www.sachdongtay.com

ĐỒNG KHÁNH KHẢI ĐỊNH CHÍNH YẾU

8 936046 613268

Giá: 88.000đ